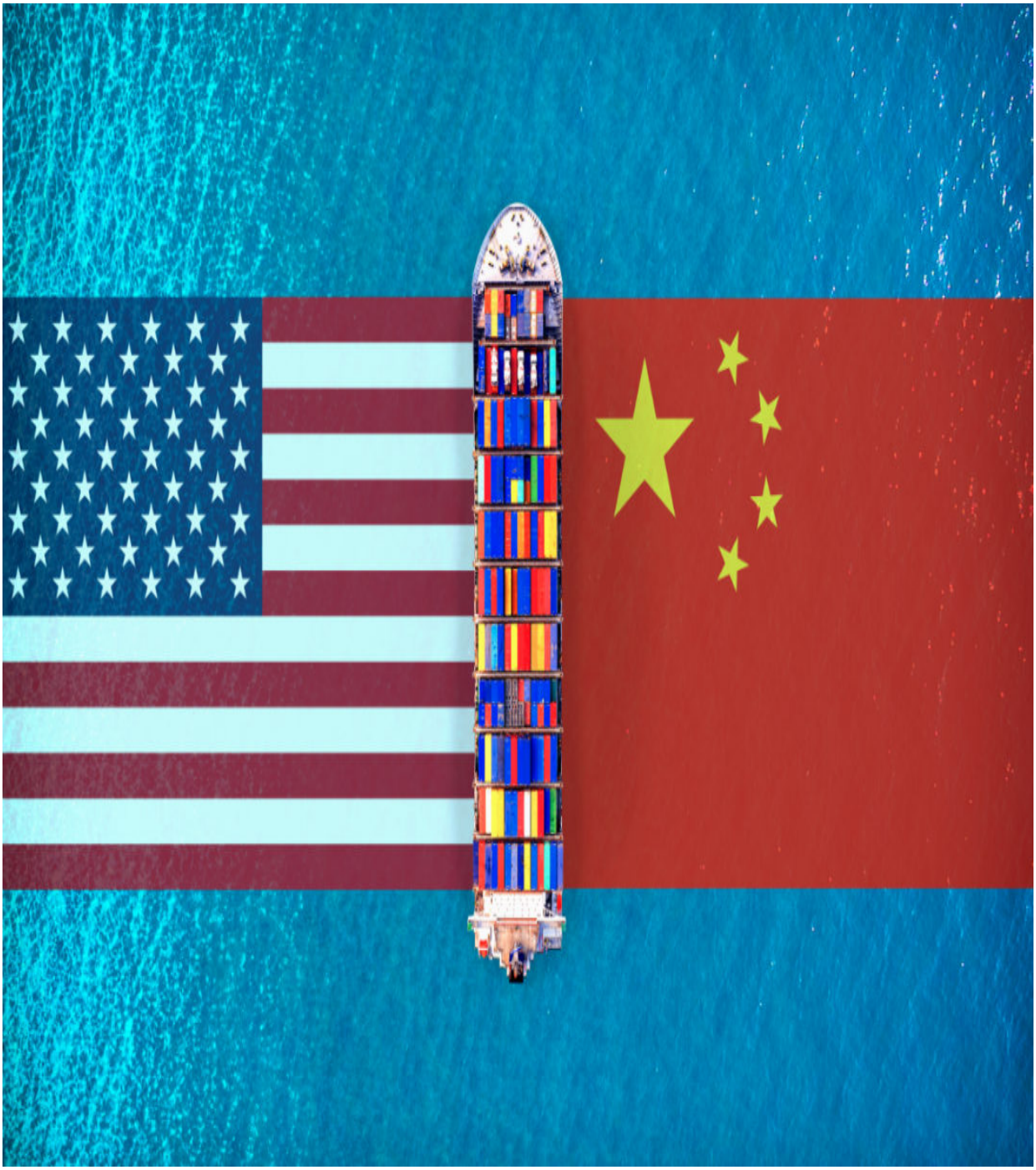

Tác giả Rush Doshi

VÀO ĐỀ

Đó là năm 1872, và Lý Hồng Chương đang viết vào thời điểm biến động lịch sử. Là một vị tướng và quan chức của triều đại nhà Thanh, người đã cống hiến phần lớn cuộc đời mình để cải cách một đế chế đang hấp hối, Lý thường được so sánh với Otto von Bismarck đương thời, kiến trúc sư của sự thống nhất nước Đức và sức mạnh quốc gia, người mà Lý lấy làm nguồn cảm hứng.

Lý Hồng Chương là một đại thần triều đình nhà Thanh trong lịch sử Trung Quốc. Ông là người tỉnh An Huy, xuất thân gia đình quan lại. Trong cuộc đời quan trường của mình ông đã thành lập Hoài quân tham gia cùng với Tăng Quốc Phiên, Tả Tông Đường trấn áp phong trào Thái Bình Thiên Quốc. Vì có công lao to lớn, ông được bổ nhiệm làm tổng đốc Hồ quảng, tổng đốc Trực Lệ kiêm Bắc Dương đại thần, Tổng đốc Lưỡng Quảng, Túc nghị nhất đẳng bá. Lý Hồng Chương tên tự là Thiếu Thuyên, đậu tiến sĩ đời Đạo Quang đã từng được bổ nhiệm chức Đạo đài tỉnh Phúc Kiến, Tăng Quốc Phiên nghe tiếng Chương đa tài, vời vào làm mạc khách, sau đó tiến cử về triều.

Nhận xét sau của Lương Khải Siêu đủ cho ta thấy tài năng của Lý Hồng Chương: “Lý Hồng Chương dũng cảm hơn Tăng Quốc Phiên, nhẫn nại hơn Tả Tông Đường. Trương Chi Động vốn có thể so với Lý nhưng rốt cuộc lại không bằng Lý.”

Tuy nhiên Lý Hồng Chương là một nhân vật gây nhiều tranh cãi, bởi ông sở hữu nhiều công lao, nhưng cũng gánh trên mình không ít tội.

Sau khi ông qua đời, Từ Hi Thái Hậu và vua Quang Tự đã khóc rất nhiều. Ông được truy tặng hàm ‘Thái phó’, tước ‘Nhất đẳng túc nghị hầu’, ban tên thụy ‘Văn Trung’ và cho phép cháu nội Lý Quốc Kiệt thừa tập. Ngoài ra, triều đình còn cho lập 10 đền thờ ông ở Bắc Kinh và các tỉnh ông từng giữ chức.

***

Otto Eduard Leopold von Bismarck (1/4/1815 – 30/7/1898) là một chính trị gia người Đức, ông là người lãnh đạo nước Đức và

châu Âu từ năm 1862 đến năm 1890, khi bị vua Wilhelm II ép từ chức. Năm 1871, sau chiến thắng các cuộc chiến tranh với Đan Mạch (1864), Áo (1866) và Pháp (1870 – 1871), ông đã thống nhất các bang Đức (ngoại trừ Đế quốc Áo) thành một Đế quốc Đức hùng mạnh dưới sự lãnh đạo của Phổ. Sau đó, ông xây dựng cục diện cân bằng quyền lực, duy trì thành công nền hòa bình ở châu Âu từ năm 1871 đến 1914. Trong cuốn tiểu sử Bismarck: A Life, sử gia Hoa Kỳ Jonathan Steinberg nhìn nhận ông là 'thiên tài chính trị thế kỷ 19'.

Trên cương vị là Thủ tướng Phổ từ năm 1862 tới năm 1890, Bismarck đã khơi mào các cuộc chiến đưa thế lực của Phổ vượt lên Áo và Pháp; đồng thời biến Phổ thành nhà nước lãnh đạo, dẫn dắt các nhà nước khác thuộc dân tộc Đức. Thắng lợi của Phổ trong các chiến tranh do ông phát động cũng đè bẹp sự

phản kháng của phe tự do trong Quốc hội Phổ đối với chính sách mở rộng quân đội của vua Wilhelm I. Vào năm 1867, ông cũng trở thành Thủ tướng Liên bang Bắc Đức. Otto von Bismarck trở thành vị Thủ tướng đầu tiên của một nước Đức thống nhất sau Hiệp ước Versailles (1871) và chèo lái hầu hết các vấn đề chính sự của đất nước cho đến khi bị tân Hoàng đế Wilhelm II sa thải vào năm 1890.

Đường lối ngoại giao thực dụng (Realpolitik) và cai trị nghiêm khắc của Bismarck mang lại cho ông biệt danh 'Thủ tướng Sắt' (Eiserne Kanzler). Nhà ngoại giao Hoa Kỳ Henry Kissinger ghi nhận:

Con người của 'sắt và máu' đã viết nên áng văn sáng ngời về sự chính trực, sánh ngang với lối sử dụng tiếng Anh một cách súc tích của Churchill.

Ông thực hiện chính sách cân bằng quyền lực để duy trì sự ổn định của nước Đức và châu Âu trong các thập niên 1870 và 1880. Ông đã gây dựng một quốc gia dân tộc mới, đồng thời hình thành nhà nước phúc lợi đầu tiên trên thế giới thông qua đạo luật thiết lập chế độ lương hưu cho người lao động vào năm 1889. Mặc dù không thích chủ nghĩa thực dân, ông buộc phải miễn cưỡng xây dựng một đế quốc hải ngoại khi mà cả tầng lớp thống trị lẫn đại chúng đều yêu cầu thực hiện điều đó.

Giống như Bismarck, Lý có kinh nghiệm quân sự mà ông có tầm ảnh hưởng đáng kể, bao gồm cả chính sách đối ngoại và quân sự. Ông đã có công trong việc dập tắt cuộc nổi dậy Taiping (Thái Bình Thiên Quốc) kéo dài mười bốn năm — cuộc xung đột đẫm máu nhất trong cả thế kỷ 19 — đã chứng kiến một nhà nước Thiên chúa giáo thuộc phe quân sự trỗi dậy từ khoảng trống quyền lực ngày càng tăng của nhà Thanh để phát động một cuộc nội chiến cướp đi sinh mạng của hàng chục triệu người. Chiến dịch chống lại quân nổi dậy đã giúp Lý đánh giá cao vũ khí và công nghệ của phương Tây, nỗi sợ hãi trước những kẻ thù châu Âu và Nhật Bản, cam kết tự củng cố và hiện đại hóa Trung Quốc.

Vì vậy, vào năm 1872, trong một bức thư, Lý đã phản ánh về những chuyển đổi địa chính trị và công nghệ đột phá mà ông đã thấy trong cuộc sống của chính mình, mối đe dọa hiện hữu đối với nhà Thanh. Trong một bản ghi nhớ ủng hộ việc đầu tư nhiều hơn vào việc đóng tàu Trung Quốc, ông đã viết một dòng đã được nhắc đi nhắc lại trong nhiều thế hệ: **Trung Quốc đang trải qua 'những thay đổi lớn chưa từng thấy trong ba nghìn năm'**.

Tuyên bố nổi tiếng và sâu rộng đó đối với nhiều người theo chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc là một lời nhắc nhở về sự sỉ nhục của chính đất nước. Cuối cùng, Lý đã thất bại trong việc hiện đại hóa Trung Quốc, thua Nhật Bản trong một cuộc chiến và ký Hiệp ước Shimonoseki với Tokyo. Nhưng đối với nhiều người, đường lối của Lý vừa có tính dự đoán vừa chính xác - sự suy tàn của Trung Quốc là kết quả của việc Nhà Thanh không thể tính đến các lực lượng địa chính trị và công nghệ biến đổi chưa từng thấy trong suốt ba nghìn năm, những lực lượng đã thay đổi cán cân quyền lực quốc tế và mở ra 'Thế kỷ sỉ nhục' của Trung Quốc. Đây là những xu hướng mà tất cả những nỗ lực của Lý không thể đảo ngược.

Giờ đây, đường lối của Lý đã được nhà lãnh đạo Trung Quốc Tập Cận Bình thay thế để mở đầu một giai đoạn mới trong chiến lược lớn của Trung Quốc thời hậu Chiến tranh Lạnh. Kể từ năm 2017, ông Tập trong nhiều bài phát biểu quan trọng về chính sách đối ngoại của đất nước đã tuyên bố thế giới đang ở giữa "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ" [百年未有 之 大 变局]. Nếu đường lối của Lý đánh dấu cao điểm về sự sỉ nhục của Trung Quốc, thì đường lối của ông Tập đánh dấu một cơ hội cho sự trẻ hóa. Nếu Lý gợi lên bi kịch, thì Tập gợi lên cơ hội. Nhưng cả hai đều nắm bắt được một điều gì đó thiết yếu: ý tưởng trật tự thế giới một lần nữa bị đe dọa do những thay đổi về địa chính trị và công nghệ chưa từng có, và điều này đòi hỏi sự điều chỉnh chiến lược.

Đối với ông Tập, nguồn gốc của những sự thay đổi này là sức mạnh ngày càng tăng của Trung Quốc và những gì họ coi là sự

tự hủy diệt rõ ràng của phương Tây. Vào ngày 23 tháng 6 năm 2016, Vương quốc Anh đã bỏ phiếu rời Liên minh Châu Âu. Sau đó, hơn ba tháng một chút, một trào lưu dân túy đã đẩy Donald Trump lên nhậm chức tổng thống Hoa Kỳ. Từ quan điểm của Trung Quốc - vốn rất nhạy cảm với những thay đổi trong nhận thức của họ về sức mạnh và mối đe dọa của Mỹ - hai sự kiện đã gây sốc. Bắc Kinh tin các nền dân chủ mạnh nhất thế giới đang rút khỏi trật tự quốc tế mà họ đã giúp xây dựng ở nước ngoài và đang đấu tranh để tự quản lý ở quê nhà. Phản ứng sau đó của phương Tây đối với đại dịch coronavirus vào năm 2020, và sau đó là vụ tấn công vào Điện Capitol của Mỹ bởi các phần tử cực đoan vào năm 2021, củng cố ý thức "thời gian và động lực đều đứng về phía chúng ta", như ông Tập Cận Bình đã nói ngay sau những sự kiện đó. giới lãnh đạo và giới tinh hoa chính sách đối ngoại tuyên bố một "thời cơ lịch sử" [历史 机遇 期] đã xuất hiện để mở rộng trọng tâm chiến lược của đất nước từ châu Á sang toàn cầu và hệ thống quản trị của nó.

Bây giờ chúng ta đang ở những năm đầu của những gì sắp tới — một Trung Quốc không chỉ tìm kiếm ảnh hưởng trong khu vực như nhiều cường quốc vẫn làm, mà như Evan Osnos đã lập luận, "đang chuẩn bị định hình thế kỷ XXI, giống như Hoa Kỳ. định hình thế kỷ hai mươi." Cuộc cạnh tranh giành ảnh hưởng đó sẽ là một cuộc cạnh tranh toàn cầu, và Bắc Kinh tin tưởng với lý do chính đáng thập kỷ tới có thể sẽ quyết định kết quả.

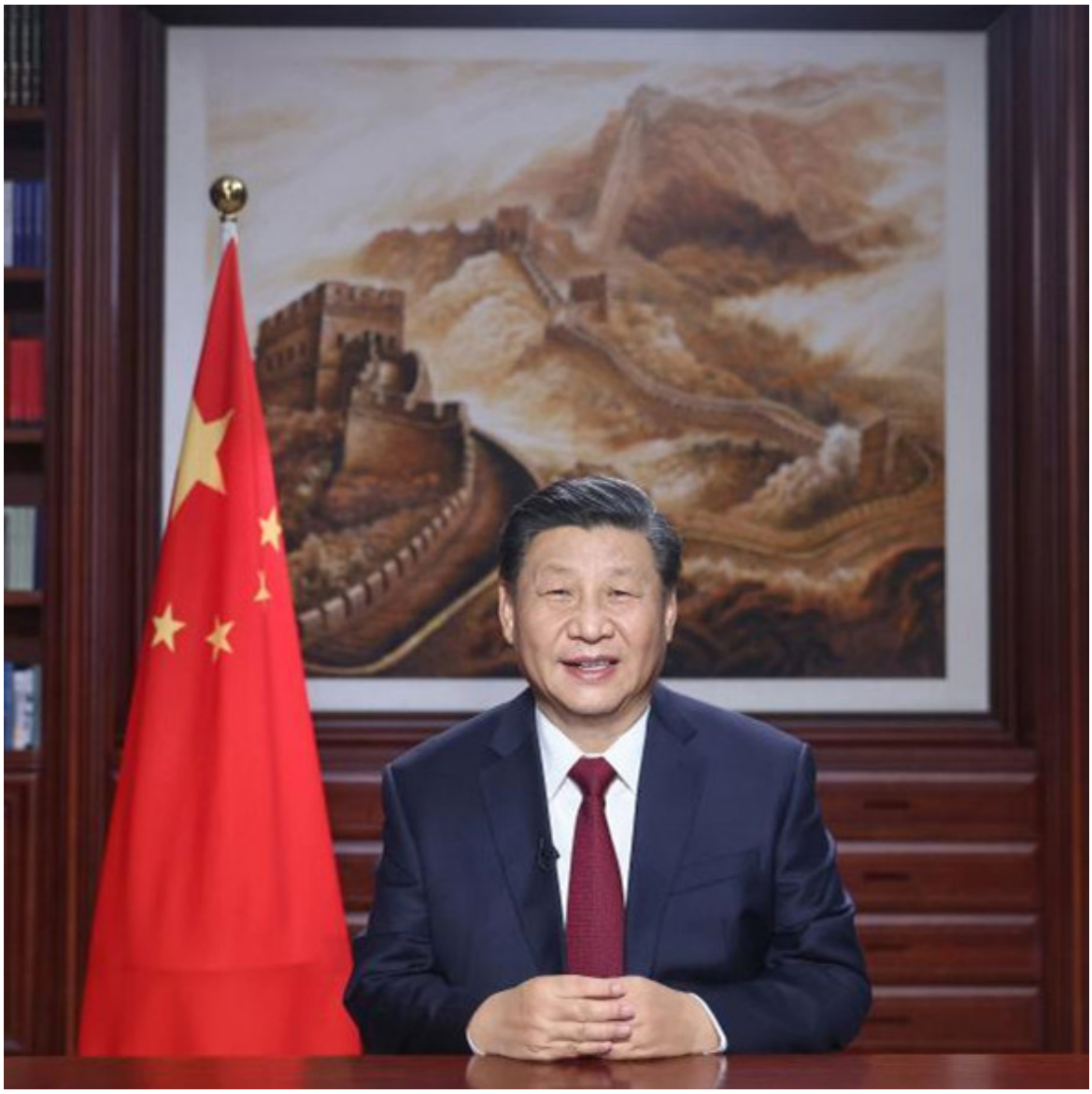

Tập Cận Bình

Khi bước vào giai đoạn cạnh tranh gay gắt mới này, chúng ta thiếu câu trả lời cho những câu hỏi cơ bản quan trọng. Tham vọng của Trung Quốc là gì và nước này có chiến lược lớn để đạt được những tham vọng đó không? Nếu có thì chiến lược đó là gì, định hình ra sao và Hoa Kỳ nên làm gì với chiến lược đó? Đây là những câu hỏi cơ bản đối với các nhà hoạch định chính sách của Mỹ khi đối mặt với thách thức địa chính trị lớn nhất thế kỷ này, đặc biệt là bởi vì biết chiến lược của đối thủ là bước đầu tiên để đối phó. Tuy nhiên, khi căng thẳng quyền lực lớn bùng phát, không có sự đồng thuận về các câu trả lời.

Cuốn sách này cố gắng cung cấp một câu trả lời. Về lập luận và cấu trúc, cuốn sách lấy cảm hứng một phần từ các nghiên cứu Chiến tranh Lạnh về chiến lược lớn của Hoa Kỳ. Trong đó các công trình phân tích lý thuyết và thực tiễn về 'chiến lược ngăn chặn' của Hoa Kỳ đối với Liên Xô trong Chiến tranh Lạnh, cuốn sách tìm kiếm để phân tích lý thuyết và thực tiễn về 'chiến lược dịch chuyển' của Trung Quốc đối với Hoa Kỳ sau Chiến tranh Lạnh.

Để làm như vậy, cuốn sách sử dụng cơ sở dữ liệu gốc gồm các tài liệu của Đảng Cộng sản Trung Quốc — hồi ký, tiểu sử và hồ sơ hàng ngày của các quan chức cấp cao — được thu thập một cách cẩn thận và sau đó được số hóa trong vài năm qua từ các thư viện, hiệu sách ở Đài Loan và Hồng Kông, và Các trang thương mại điện tử của Trung Quốc. Nhiều tài liệu đưa người đọc đến sau cánh cửa đóng kín của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đưa họ vào các cuộc họp và thể chế chính sách đối ngoại cấp cao của Đảng, đồng thời giới thiệu với độc giả một loạt các nhà lãnh đạo chính trị, tướng lĩnh và nhà ngoại giao Trung Quốc chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện Đại chiến lược của Trung Quốc. Mặc dù không có một tài liệu tổng thể nào chứa đựng tất cả chiến lược vĩ đại của Trung Quốc, nhưng bạn có thể tìm thấy sơ lược của nó trên một kho tài liệu rộng lớn. Bên trong chúng, Đảng sử dụng các tuyên bố thứ bậc thể hiện sự đồng thuận nội bộ về các vấn đề quan trọng để định hướng cho con tàu nhà nước và những tuyên bố này có thể được ghi lại theo thời gian. Trong đó quan trọng nhất là đường lối của Đảng (路线), sau đó là kim chỉ nam (方针), và cuối cùng là chính sách (政策), cùng các thuật ngữ khác. Đôi khi, việc hiểu chúng đòi hỏi sự thông thạo không chỉ tiếng Trung Quốc, mà còn về các khái niệm tư tưởng cổ xưa và dường như không thể xuyên thủng như 'sự thống nhất biện chứng' và 'chủ nghĩa duy vật lịch sử'.

LẬP LUẬN SƠ LƯỢC

Cuốn sách cho cốt lõi của cạnh tranh Mỹ-Trung kể từ sau Chiến tranh Lạnh là vì trật tự khu vực và hiện nay là trật tự toàn cầu. Nó tập trung vào các chiến lược mà các cường quốc đang lên

như Trung Quốc sử dụng để thay thế một bá chủ đã được thiết lập như Hoa Kỳ trong thời gian tham chiến. Vị thế bá chủ trong trật tự khu vực và toàn cầu xuất hiện từ ba 'hình thức kiểm soát' rộng được sử dụng để điều chỉnh hành vi của các quốc gia khác: khả năng cưỡng chế (buộc tuân thủ), khuyến khích đồng thuận và tính hợp pháp (để chỉ huy một cách hợp pháp). Đối với các quốc gia đang trỗi dậy, hành động thay thế bá quyền một cách hòa bình bao gồm hai chiến lược rộng rãi thường được theo đuổi theo trình tự. Chiến lược đầu tiên là ngăn chặn việc thực thi các hình thức kiểm soát đó của bá quyền, đặc biệt là những hình thức kiểm soát được mở rộng trên quốc gia đang trỗi dậy; xét cho cùng, không một trạng thái trỗi dậy nào có thể thay thế bá chủ nếu nó vẫn nằm dưới sự kiểm soát của bá chủ. Thứ hai là xây dựng các hình thức kiểm soát người khác; thực sự, không một quốc gia đang trỗi dậy nào có thể trở thành bá chủ nếu nó không thể đảm bảo sự tôn trọng của các quốc gia khác thông qua những lời đe dọa cưỡng bức, những lời dụ dỗ đồng thuận hoặc tính hợp pháp chính đáng. Trừ khi một cường quốc đang trỗi dậy lần đầu tiên làm mất quyền bá chủ, các nỗ lực xây dựng trật tự có thể trở nên vô ích và dễ bị phản đối. Và cho đến khi một cường quốc đang lên đã tiến hành thành công một mức độ cải thiện và xây dựng tốt trong khu vực quen thuộc của mình, thì nước đó vẫn còn quá dễ bị ảnh hưởng của bá chủ để tự tin chuyển sang chiến lược thứ ba, mở rộng toàn cầu, theo đuổi cả việc cắt giảm và xây dựng ở cấp độ toàn cầu để thay thế vị thế bá chủ. Cùng với nhau, những chiến lược này ở cấp khu vực và sau đó là toàn cầu cung cấp một phương tiện cho giới tinh hoa theo chủ nghĩa dân tộc của Đảng Cộng sản Trung Quốc, những người đang tìm cách khôi phục Trung Quốc về đúng vị trí của nó và khôi phục sự sai lệch lịch sử về ảnh hưởng toàn cầu quá lớn của phương Tây.

Đây là một khuôn mẫu Trung Quốc đã làm theo, và khi xem xét lại các chiến lược dịch chuyển của Trung Quốc, cuốn sách lập luận sự thay đổi từ chiến lược này sang chiến lược tiếp theo đã được kích hoạt bởi sự gián đoạn rõ ràng trong biến số quan

trọng nhất định hình chiến lược lớn của Trung Quốc: nhận thức về sức mạnh của Mỹ và mối đe dọa. Chiến lược dịch chuyển đầu tiên của Trung Quốc (1989–2008) là âm thầm làm giảm sức mạnh của Mỹ đối với Trung Quốc, đặc biệt là ở châu Á, và nó xuất hiện sau thảm họa Thiên An Môn, Chiến tranh Vùng Vịnh, và sự sụp đổ của Liên Xô khiến Bắc Kinh tăng cường nhận thức về Mối đe dọa của Hoa Kỳ. Chiến lược dịch chuyển thứ hai của Trung Quốc (2008–2016) tìm cách xây dựng nền tảng cho quyền bá chủ khu vực châu Á, và nó được đưa ra sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu khiến Bắc Kinh thấy sức mạnh của Mỹ đang suy giảm và khuyến khích họ thực hiện một cách tiếp cận tự tin hơn. Giờ đây, với lời kêu gọi "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ" sau Brexit, cuộc bầu cử của Tổng thống Trump và đại dịch coronavirus, Trung Quốc đang tung ra một chiến lược dịch chuyển thứ ba, một chiến lược mở rộng nỗ lực thay thế và xây dựng trên toàn thế giới để thay thế Hoa Kỳ như nhà lãnh đạo toàn cầu. Trong các chương cuối cùng, cuốn sách sử dụng những hiểu biết sâu sắc về chiến lược của Trung Quốc để hình thành một chiến lược lớn bất đối xứng của Hoa Kỳ để đáp lại.

Cuốn sách cũng minh họa trật tự của Trung Quốc có thể trông như thế nào nếu Trung Quốc có thể đạt được mục tiêu 'trẻ hóa quốc gia' vào 100 năm ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào năm 2049. Ở cấp độ khu vực, Trung Quốc đã chiếm hơn một nửa GDP của Châu Á và một nửa chi tiêu quân sự của Châu Á, điều này đang đẩy khu vực ra khỏi sự cân bằng và hướng tới một phạm vi ảnh hưởng của Trung Quốc. Một trật tự được thực hiện đầy đủ của Trung Quốc cuối cùng có thể liên quan đến việc rút các lực lượng Mỹ khỏi Nhật Bản và Hàn Quốc, chấm dứt các liên minh khu vực của Mỹ, loại bỏ hiệu quả Hải quân Mỹ khỏi Tây Thái Bình Dương, sự khác biệt với các nước láng giềng trong khu vực của Trung Quốc, thống nhất với Đài Loan và giải pháp tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông và Biển Hoa Đông (với Nhật Bản). Trật tự của Trung Quốc có thể sẽ mang tính cưỡng chế hơn so với trật tự hiện tại. Trung Quốc sẽ

triển khai trật tự này theo những cách làm tổn hại đến các giá trị tự do, với những luồng gió độc tài thổi mạnh hơn khắp khu vực. Trật tự ở nước ngoài thường phản ánh trật tự ở trong nước và việc xây dựng trật tự của Trung Quốc sẽ khác xa so với việc xây dựng trật tự của Hoa Kỳ.

Ở cấp độ toàn cầu, trật tự của Trung Quốc sẽ liên quan đến việc nắm bắt các cơ hội của "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ" và đưa Hoa Kỳ trở thành quốc gia hàng đầu thế giới. Điều này đòi hỏi phải quản lý thành công rủi ro chính đến từ "những thay đổi lớn" — Washington không sẵn sàng chấp nhận sự suy giảm một cách dễ dàng — bằng cách làm suy yếu các hình thức kiểm soát hỗ trợ trật tự toàn cầu của Mỹ trong khi củng cố các hình thức kiểm soát đó để hỗ trợ một sự thay thế của Trung Quốc. Trật tự đó sẽ kéo dài "khu vực ảnh hưởng lớn nhất" ở châu Á cũng như "quyền bá chủ một phần" trong các khu vực của thế giới đang phát triển, có thể dần dần mở rộng để bao trùm các trung tâm công nghiệp hóa của thế giới — một tầm nhìn mà một số nhà văn nổi tiếng Trung Quốc mô tả bằng cách sử dụng hướng dẫn cách mạng của Mao để "bao quanh các thành phố từ vùng nông thôn". Các nguồn có thẩm quyền hơn đưa cách tiếp cận này vào những điều khoản ít sâu rộng hơn, cho thấy trật tự của Trung Quốc sẽ được gắn chặt trong Sáng kiến Vành đai và Con đường và Cộng đồng chung vận mệnh.

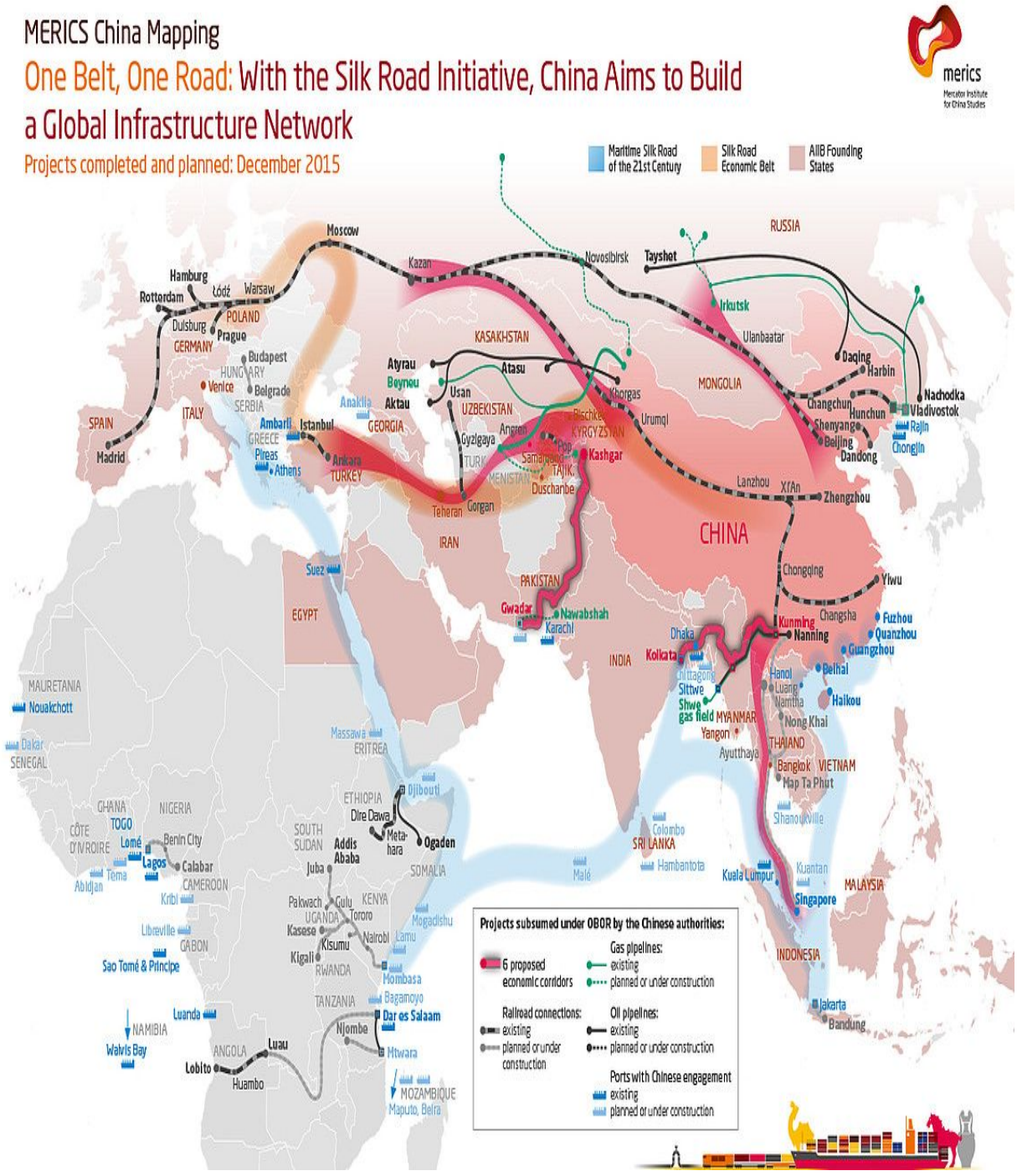

Sáng kiến Vành đai và Con đường

Một số chiến lược để đạt được trật tự toàn cầu này đã có thể thấy rõ trong các bài phát biểu của ông Tập. Về mặt chính trị, Bắc Kinh sẽ thể hiện vai trò lãnh đạo đối với quản trị toàn cầu và các thể chế quốc tế, chia rẽ các liên minh phương Tây, và

thúc đẩy các chuẩn mực chuyên quyền gây thiệt hại cho các liên minh tự do. Về mặt kinh tế, nó sẽ làm suy yếu các lợi thế tài chính tạo nên quyền bá chủ của Hoa Kỳ và nắm bắt các đỉnh cao chỉ huy của 'cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư' từ trí tuệ nhân tạo đến điện toán lượng tử. Về mặt quân sự, Quân đội Giải phóng Nhân dân (PLA) sẽ triển khai một lực lượng tầm cỡ thế giới với các căn cứ trên khắp thế giới có thể bảo vệ lợi ích của Trung Quốc ở hầu hết các khu vực và thậm chí trong các lĩnh vực mới như không gian, các cực và biển sâu. Thực tế là các khía cạnh của tầm nhìn này có thể nhìn thấy trong các bài phát biểu cấp cao là bằng chứng mạnh mẽ cho thấy tham vọng của Trung Quốc không chỉ giới hạn ở Đài Loan hoặc thống trị Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. "Cuộc đấu tranh giành quyền làm chủ" từng chỉ giới hạn ở châu Á, giờ đây đã vượt qua trật tự toàn cầu và tương lai của nó. Nếu có hai con đường dẫn đến bá chủ - một con đường khu vực và một con đường toàn cầu - thì Trung Quốc hiện đang theo đuổi cả hai.

Cái nhìn thoáng qua về trật tự của Trung Quốc có thể gây ấn tượng, nhưng không có gì đáng ngạc nhiên. Hơn một thập kỷ trước, Lý Quang Diệu - chính trị gia có tầm nhìn xa, người đã xây dựng Singapore hiện đại và đích thân hiểu rõ các nhà lãnh đạo hàng đầu của Trung Quốc - đã được một người phỏng vấn hỏi: "Các nhà lãnh đạo Trung Quốc có nghiêm túc trong việc thay thế Hoa Kỳ trở thành cường quốc số một ở châu Á và trên thế giới không?" Ông ấy trả lời bằng một câu đồng ý dứt khoát. "Tất nhiên. Tại sao không?" ông bắt đầu, "Họ đã biến đổi một xã hội nghèo bằng một phép màu kinh tế để ngày nay trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới — đang trên đà... trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới." Ông nói tiếp, Trung Quốc tự hào về "một nền văn hóa 4.000 năm tuổi với 1.3 tỷ người, với một nguồn tài năng khổng lồ để thu hút từ đó. Làm sao mà họ không khao khát trở thành số một châu Á, và trong thời gian tới trên thế giới?" Ông nhận xét "Trung Quốc đang phát triển với tốc độ không thể tưởng tượng được, một sự chuyển biến mạnh mẽ không ai dự đoán trước được", và "mọi người Trung Quốc

đều muốn có một Trung Quốc giàu mạnh, một quốc gia thịnh vượng, tiên tiến và có năng lực công nghệ như Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản.” Ông chốt lại câu trả lời của mình bằng một cái nhìn sâu sắc: “Ý thức về vận mệnh được đánh thức lại này là một thế lực chế ngự… Trung Quốc muốn là Trung Quốc và được chấp nhận như vậy, chứ không phải là một thành viên danh dự của phương Tây.” Ông lưu ý Trung Quốc có thể muốn ‘chia sẻ thế kỷ 20’ với Hoa Kỳ, có lẽ là ‘đồng sở hữu’, nhưng chắc chắn không phải với tư cách cấp dưới.

TẠI SAO CHIẾN LƯỢC LỚN LẠI QUAN TRỌNG

Nhu cầu hiểu biết có cơ sở về các ý định và chiến lược của Trung Quốc chưa bao giờ cấp thiết hơn thế. Trung Quốc hiện đặt ra một thách thức không giống bất kỳ thách thức nào mà Hoa Kỳ từng đối mặt. Trong hơn một thế kỷ, không có đối thủ hay liên minh nào đạt tới 60% GDP của Mỹ. Đức trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, sức mạnh tổng hợp của Đế quốc Nhật Bản và Đức Quốc xã trong Chiến tranh thế giới thứ hai, cũng như Liên Xô ở đỉnh cao sức mạnh kinh tế đều không bao giờ vượt qua ngưỡng này. Chưa hết, đây là một cột mốc mà chính Trung Quốc đã lặng lẽ đạt được vào đầu năm 2014. Tính theo sức mua tương đương, nền kinh tế Trung Quốc đã lớn hơn 25% so với nền kinh tế Mỹ. đối thủ cạnh tranh đáng kể nhất mà Hoa Kỳ phải đối mặt và cách Washington xử lý vấn đề sẽ định hình tiến trình của thế kỷ tới.

Sức mua tương đương (hay được viết tắt là PPP xuất phát từ purchasing power parity) là một kiểu tính tỷ giá hối đoái giữa đơn vị tiền tệ của hai nước. Các nhà kinh tế học tính xem cùng một lượng hàng của cùng một thứ hàng hóa khi bán ở hai nước khác nhau bằng đơn vị tiền tệ của hai nước đó thì số tiền phải bỏ ra sẽ ra sao, rồi từ đó so sánh sức mua của hai đơn vị tiền tệ.

Nếu tính toán tiêu chuẩn sống tại một quốc gia, bất kỳ thu nhập tiền tệ nào cũng phải được xem xét trong mối quan hệ tới số lượng hàng hóa và dịch vụ mà nó có thể mua ở địa phương. Cùng một loại hàng hóa sẽ có giá khác nhau phụ thuộc vào

quốc gia mà nó được bán. Chỉ số này còn quan trọng hơn cả GDP khi tính toán về tiêu chuẩn sống tại một quốc gia. Ví dụ, 1 đô la khi tiêu ở Ấn Độ có thể mua được số hàng hóa tương đương 4 đô la khi tiêu ở Nhật Bản. Với cùng thu nhập 1.000 đô la Mỹ/tháng, người ta sẽ không đủ chi tiêu khi sống ở các nước có mức giá hàng hóa cao như Nhật Bản, nhưng nếu ở các nước có mức giá hàng hóa thấp như Ấn Độ thì người ta sẽ sống thoải mái. Vì lý do này, chúng ta cần xem xét sức mua tương đương khi so sánh tỷ lệ nghèo đói và mức sống của người dân giữa các quốc gia.

Điều ít rõ ràng hơn, ít nhất là ở Washington, là liệu Trung Quốc có một chiến lược lớn hay không và nó có thể là gì. Cuốn sách này định nghĩa chiến lược lớn là lý thuyết của một nhà nước về cách nó có thể đạt được các mục tiêu chiến lược có chủ đích, được phối hợp và thực hiện trên nhiều phương tiện pháp lý — quân sự, kinh tế và chính trị. Điều làm cho chiến lược lớn trở nên 'quan trọng' không chỉ đơn giản là quy mô của các mục tiêu chiến lược mà còn thực tế là các 'phương tiện' khác nhau được phối hợp để đạt được mục tiêu đó. Sự phối hợp kiểu đó là rất hiếm và do đó hầu hết các cường quốc không có một chiến lược lớn.

Tuy nhiên, khi các quốc gia có những chiến lược lớn, họ có thể định hình lại lịch sử thế giới. Đức Quốc xã sử dụng một chiến lược lớn sử dụng các công cụ kinh tế để hạn chế các nước láng giềng, xây dựng quân đội để đe dọa các đối thủ và các liên kết chính trị để bao vây đối thủ của mình — cho phép nước này vượt mặt các đối thủ cường quốc trong một thời gian đáng kể mặc dù GDP của nước này thấp hơn 1/3. Trong Chiến tranh Lạnh, Washington theo đuổi một chiến lược lớn mà đôi khi sử dụng sức mạnh quân sự để ngăn chặn sự xâm lược của Liên Xô, viện trợ kinh tế để hạn chế ảnh hưởng của cộng sản và các thể chế chính trị để ràng buộc các quốc gia tự do với nhau — hạn chế ảnh hưởng của Liên Xô mà không xảy ra chiến tranh Mỹ-Xô. Cách thức Trung Quốc tích hợp tương tự các công cụ pháp chế nhằm theo đuổi các mục tiêu toàn cầu và khu vực bao

trùm vẫn là một lĩnh vực nhận được nhiều đồn đoán nhưng ít được nghiên cứu chặt chẽ bất chấp những hậu quả to lớn của nó. Sự phối hợp và lập kế hoạch dài hạn liên quan đến chiến lược lớn cho phép một nhà nước vượt lên trên sức nặng của nó; vì Trung Quốc đã là một nước nặng ký, nếu nước này có một kế hoạch chặt chẽ điều phối nền kinh tế trị giá 14.000 tỷ đô la với lực lượng hải quân nước xanh và ảnh hưởng chính trị đang gia tăng trên toàn thế giới — và Hoa Kỳ có thể bỏ sót hoặc hiểu sai điều đó — thế kỷ 21 có thể diễn ra theo những cách bất lợi cho Hoa Kỳ và các giá trị tự do mà nước này đã vô địch từ lâu.

Hải quân nước xanh là lực lượng hải quân có khả năng hoạt động trên toàn cầu, về cơ bản là trên các vùng nước sâu của các đại dương mở. Trong khi các định nghĩa về những gì thực sự tạo thành một lực lượng như vậy khác nhau, có một yêu cầu đối với khả năng thực hiện quyền kiểm soát biển ở tầm xa.

Thuật ngữ 'hải quân nước xanh' là một thuật ngữ địa lý hàng hải trái ngược với 'hải quân nước nâu' (sông và gần bờ).

Cơ quan Phản gián Quốc phòng và An ninh Hoa Kỳ đã định nghĩa hải quân nước xanh là "lực lượng hải quân có khả năng hoạt động lâu dài trên các vùng nước sâu của đại dương mở. Hải quân nước xanh cho phép một quốc gia phát triển sức mạnh ở xa đất nước và thường bao gồm một hoặc nhiều hàng không mẫu hạm."

Washington đang muộn màng đối mặt với thực tế, và kết quả là việc đánh giá lại chính sách đối với Trung Quốc của họ trong hơn một thế hệ. Tuy nhiên, giữa sự đánh giá lại này, có sự bất đồng rộng rãi về những gì Trung Quốc muốn và nơi họ sẽ đi. Một số người tin Bắc Kinh có tham vọng toàn cầu; những người khác cho trọng tâm của nó chủ yếu là khu vực. Một số cho nó có một kế hoạch phối hợp 100 năm; những người khác cho nó là cơ hội và dễ mắc lỗi. Một số người gán cho Bắc Kinh là một cường quốc theo chủ nghĩa xét lại táo bạo; những người khác xem nó như một bên liên quan tỉnh táo của trật tự hiện tại. Một số người nói Bắc Kinh muốn Hoa Kỳ ra khỏi châu Á; và những

người khác cho nó chấp nhận một vai trò khiêm tốn của Hoa Kỳ. Nơi các nhà phân tích ngày càng đồng ý với ý kiến sự quyết đoán gần đây của Trung Quốc là sản phẩm từ tính cách của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình - một quan niệm sai lầm bỏ qua sự đồng thuận lâu dài của Đảng mà hành vi của Trung Quốc thực sự bắt nguồn từ đó. Thực tế là các cuộc tranh luận đương thời vẫn còn chia rẽ về rất nhiều câu hỏi cơ bản liên quan đến chiến lược lớn của Trung Quốc — và không chính xác ngay cả trong các lĩnh vực chính của thỏa thuận — đang gây khó khăn, đặc biệt là vì mỗi câu hỏi có hàm ý chính sách cực kỳ khác nhau.

CUỘC TRANH LUẬN CHƯA ĐƯỢC GIẢI QUYẾT

Cuốn sách này đưa ra một cuộc tranh luận chủ yếu chưa được giải quyết về chiến lược của Trung Quốc được phân chia giữa 'những người hoài nghi' và 'những người tin tưởng'. Những người hoài nghi vẫn chưa bị thuyết phục Trung Quốc có một chiến lược lớn để thay thế Hoa Kỳ ở khu vực hoặc toàn cầu.

Những người hoài nghi là một nhóm có kiến thức rộng và hiểu biết sâu sắc. "Trung Quốc vẫn chưa hình thành một 'chiến lược lớn' thực sự," một thành viên lưu ý, "và câu hỏi đặt ra là liệu họ có muốn làm như vậy hay không". Những người khác lập luận các mục tiêu của Trung Quốc là 'thiếu sức mạnh' và Bắc Kinh thiếu một chiến lược 'được xác định rõ ràng'. Các tác giả Trung Quốc như Giáo sư Wang Jisi, nguyên chủ nhiệm Khoa Quan hệ Quốc tế của Đại học Bắc Kinh, cũng ở trong trại hoài nghi. Ông lưu ý: "Không có chiến lược nào mà chúng tôi có thể nghĩ ra bằng cách sử dụng bộ não của chúng tôi để có thể bao quát tất cả các khía cạnh của lợi ích quốc gia của chúng tôi."

Những người hoài nghi khác tin mục tiêu của Trung Quốc là hạn chế, cho Trung Quốc không muốn thay thế Hoa Kỳ ở khu vực hoặc toàn cầu và vẫn tập trung chủ yếu vào phát triển và ổn định trong nước. Một quan chức Nhà Trắng có kinh nghiệm sâu sắc vẫn chưa bị thuyết phục về "mong muốn của ông Tập là hất cẳng Hoa Kỳ ra khỏi châu Á và phá hủy các liên minh khu vực

của Hoa Kỳ". Các học giả nổi tiếng khác đưa ra quan điểm mạnh mẽ hơn: "[Một] quan niệm bị bóp méo cực kỳ nghiêm trọng là giả định quá phổ biến hiện nay rằng Trung Quốc tìm cách loại bỏ Hoa Kỳ khỏi châu Á và chinh phục khu vực. Trên thực tế, không có bằng chứng thuyết phục nào về các mục tiêu như vậy của Trung Quốc."

Đối lập với những người hoài nghi là những người tin tưởng. Nhóm này bị thuyết phục Trung Quốc có một chiến lược lớn để thay thế Hoa Kỳ ở khu vực và toàn cầu, nhưng họ đã không đưa ra được bằng chứng thuyết phục những người hoài nghi. Trong nội bộ chính phủ, một số quan chức tình báo hàng đầu - bao gồm cả cựu giám đốc tình báo quốc gia Dan Coates - đã tuyên bố công khai "về cơ bản Trung Quốc tìm cách thay thế Hoa Kỳ trở thành cường quốc hàng đầu trên thế giới" nhưng không (hoặc có lẽ không thể) nói rõ thêm, họ cũng không gợi ý mục tiêu này đi kèm với một chiến lược cụ thể.

Bên ngoài chính phủ, chỉ có một số công trình gần đây cố gắng làm cho vụ việc kéo dài. Nổi tiếng nhất là cuốn **One Hundred Year Marathon (Cuộc đua 100 năm)** của quan chức Lầu Năm Góc Michael Pillsbury, mặc dù nó lập luận hơi cường điệu Trung Quốc đã có một kế hoạch lớn bí mật cho vai trò bá chủ toàn cầu kể từ năm 1949. Nhiều cuốn sách khác đưa ra kết luận tương tự và đúng hơn nhiều, và lẽ ra có thể thuyết phục hơn với cách tiếp cận khoa học xã hội và cơ sở chứng minh phong phú hơn. Một số tác phẩm về đại chiến lược của Trung Quốc có góc nhìn rộng hơn nhấn mạnh quá khứ hoặc tương lai xa xôi, nhưng do đó chúng dành ít thời gian hơn cho khoảng thời gian quan trọng từ thời hậu Chiến tranh Lạnh đến hiện tại vốn là tâm điểm của cạnh tranh Mỹ-Trung. Cuối cùng, một số tác phẩm kết hợp cách tiếp cận thực nghiệm hơn với lập luận cẩn thận và chính xác về chiến lược lớn đương đại của Trung Quốc. Những tác phẩm này tạo nền tảng cho cách tiếp cận của cuốn sách.

Cuốn sách này, dựa trên nghiên cứu của rất nhiều người khác, cũng hy vọng sẽ khác biệt ở những khía cạnh quan trọng. Chúng bao gồm một cách tiếp cận khoa học-xã hội độc đáo để

xác định và nghiên cứu chiến lược lớn; một lượng lớn các văn bản tiếng Trung hiếm khi được trích dẫn hoặc trước đây không thể tiếp cận được; một nghiên cứu có hệ thống về các câu đố then chốt trong hành vi quân sự, chính trị và kinh tế của Trung Quốc; và xem xét kỹ các biến định hình việc điều chỉnh chiến lược. Tổng hợp lại, người ta hy vọng cuốn sách sẽ đóng góp vào cuộc tranh luận về Trung Quốc đang nổi lên bằng một phương pháp độc đáo để khám phá một cách có hệ thống và chặt chẽ chiến lược lớn của Trung Quốc.

KHÁM PHÁ CHIẾN LƯỢC LỚN

Thách thức giải mã chiến lược lớn của đối thủ khỏi hành vi khác biệt của nó không phải là một thách thức mới. Trong những năm trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhà ngoại giao người Anh Eyre Crowe đã viết một “Bản ghi nhớ quan trọng về tình trạng hiện tại của mối quan hệ giữa Anh với Pháp và Đức” dài 20.000 từ nhằm giải thích hành vi trên diện rộng của một nước Đức đang trỗi dậy. Crowe là một nhà quan sát nhạy bén về quan hệ Anh-Đức. Sinh ra ở Leipzig và được giáo dục ở Berlin và Düsseldorf, Crowe mang dòng máu lai Đức, nói tiếng Anh có trọng âm tiếng Đức và gia nhập Văn phòng Ngoại giao Anh năm 21 tuổi. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, gia đình người Anh và người Đức của ông đã chiến tranh với nhau theo đúng nghĩa đen - cháu trai người Anh của ông đã bỏ mạng trên biển trong khi người anh họ người Đức của ông trở thành Tham mưu trưởng Hải quân Đức.

Eyre Crowe

Crowe, người đã viết bản ghi nhớ vào năm 1907, đã tìm cách phân tích một cách có hệ thống các hành vi đối ngoại khác nhau của người Đức, phức tạp và dường như không ăn khớp với nhau, để xác định xem Berlin có một 'thiết kế vĩ đại' chạy qua nó hay không và báo cáo với cấp trên của mình những gì có thể. Để "hình thành và chấp nhận một lý thuyết sẽ phù hợp với tất cả các thực tế đã được xác định về chính sách đối ngoại của Đức."

Giả thuyết đầu tiên của Crowe là Đức không có chiến lược lớn, mà chỉ có cái mà ông gọi là "chính sách mơ hồ, bối rối và không

thực tế". Theo quan điểm này, Crowe đã viết, có thể là "Đức không thực sự biết họ đang lái xe ở đâu, và tất cả các chuyến du ngoạn, tất cả những âm mưu thâm độc của họ không tuân theo một hệ thống chính sách cụ thể." Ngày nay, lập luận này phản ánh những người theo chủ nghĩa hoài nghi cho chính trị quan liêu của Trung Quốc, đấu đá nội bộ, ưu tiên kinh tế và phản ứng theo chủ nghĩa dân tộc, tất cả đều ngăn cản Bắc Kinh xây dựng hoặc thực hiện một chiến lược tổng thể.

Giả thuyết thứ hai của Crowe là các yếu tố quan trọng trong hành vi của người Đức đã được phối hợp với nhau thông qua một chiến lược lớn "nhằm mục đích thiết lập một quyền bá chủ của Đức, lúc đầu ở châu Âu và cuối cùng là trên thế giới". Crowe cuối cùng đã tán thành một phiên bản thận trọng hơn của giả thuyết này, và ông kết luận chiến lược của Đức "bắt nguồn từ vị trí tương đối của hai nước", và Berlin không hài lòng trước viễn cảnh phải tiếp tục chịu sự phục tùng London. Lập luận này phản ánh vị trí của những người tin tưởng vào đại chiến lược của Trung Quốc. Nó cũng giống với lập luận của cuốn sách này: Trung Quốc đã theo đuổi nhiều chiến lược khác nhau để thay thế Hoa Kỳ ở cấp độ khu vực và toàn cầu, về cơ bản được thúc đẩy bởi vị trí thấp hơn của họ với Washington.

Thực tế là các câu hỏi mà bản ghi nhớ Crowe khám phá có một điểm tương đồng nổi bật với những câu hỏi mà chúng ta đang đối mặt ngày nay đã không bị các quan chức Hoa Kỳ đánh mất. Henry Kissinger trích dẫn nó trong **On China (Bàn về Trung Quốc).** Max Baucus, cựu đại sứ Hoa Kỳ tại Trung Quốc, thường xuyên đề cập đến bản ghi nhớ với những người đối thoại Trung Quốc của ông như một cách hỏi thăm về chiến lược của Trung Quốc.

Bản ghi nhớ của Crowe có một di sản hỗn hợp, với những đánh giá đương thời được phân chia về việc liệu ông có đúng về nước Đức hay không. Tuy nhiên, nhiệm vụ mà Crowe đặt ra vẫn rất quan trọng và không kém phần khó khăn cho đến ngày nay, đặc biệt vì Trung Quốc là 'mục tiêu khó khăn' cho việc thu thập thông tin. Người ta có thể hy vọng sẽ cải tiến phương pháp của

Crowe với một cách tiếp cận chặt chẽ hơn và có thể dựa trên khoa học xã hội. Khi chương tiếp theo thảo luận chi tiết, cuốn sách này lập luận để xác định sự tồn tại, nội dung và sự điều chỉnh của chiến lược lớn của Trung Quốc, các nhà nghiên cứu phải tìm bằng chứng về (1) các khái niệm chiến lược lớn trong các văn bản có thẩm quyền; (2) khả năng chiến lược lớn trong các thể chế an ninh quốc gia; và (3) ứng xử chiến lược lớn trong hành vi của nhà nước. Nếu không có cách tiếp cận như vậy, bất kỳ phân tích nào cũng có nhiều khả năng trở thành nạn nhân của các loại thành kiến tự nhiên trong "nhận thức và nhận thức sai lầm" thường tái diễn trong các đánh giá về các quyền lực khác.

| 1 |
SỰ THỐNG NHẤT VỀ SUY NGHĨ VÀ HÀNH ĐỘNG

"Chúng ta là một quốc gia đặc biệt. Chúng ta có xu hướng nghĩ một vấn đề là kinh tế hoặc chính trị hoặc quân sự... Thật khó cho chúng ta hiểu chúng ta phải có khả năng thực hiện đồng thời cả quân sự và chính trị và kinh tế... " Henry Kissinger, 1958.

CHIẾN LƯỢC VĨ ĐẠI VÀ MỆNH LỆNH BÁ CHỦ

Ba trăm năm trước, 'chiến lược ngôn từ' sẽ tạo ra những cái nhìn trống rỗng từ các chính khách trên khắp châu Âu và châu Mỹ vì một lý do đơn giản: nó không tồn tại. Từ tương tự gần nhất là từ 'chiến lược' bị lãng quên trong một vài văn bản cổ của Hy Lạp, và từ đó được gọi hẹp là "phương tiện mà tướng

quân có thể bảo vệ vùng đất và đánh bại kẻ thù của mình." Mãi cho đến khi một người lính và học giả người Pháp dịch một luận thuyết quân sự cũ của Byzantine vào thế kỷ mười tám, từ này mới xuất hiện trở lại và mang một ý nghĩa rộng rãi hơn ở phương Tây. Giờ đây, chiến lược và người anh em họ của nó, đại chiến lược, đã trở nên không thể thiếu khi suy nghĩ về chính trị thế giới - ngay cả khi các định nghĩa vẫn còn khó nắm bắt.

Các khái niệm 'đại chiến lược' và 'trật tự thế giới' là trung tâm lập luận của cuốn sách này, đó là Trung Quốc đã sử dụng cái trước để thay thế vị trí lãnh đạo của Mỹ so với cái sau. Để đặt nền tảng cho lập luận, chương này khám phá cả hai khái niệm qua ba phần ngắn. Đầu tiên, nó tìm cách giải thích chiến lược lớn là gì và cách tìm ra nó. Thứ hai, nó khám phá trật tự thế giới là gì và tại sao nó lại là trung tâm của sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc. Cuối cùng, đặt câu hỏi những cường quốc đang lên có thể sử dụng những chiến lược lớn nào để định hình trật tự và những biến số nào có thể khiến họ chuyển từ chiến lược này sang chiến lược khác.

TÌM HIỂU CHIẾN LƯỢC LỚN

Chiến lược lớn là gì? Thuật ngữ này là "một trong những thuật ngữ trơn trượt nhất và bị lạm dụng rộng rãi nhất trong từ điển chính sách đối ngoại", giáo sư Hal Brands của Johns Hopkins lưu ý. Người ta hạn chế chiến lược lớn chỉ tập trung vào các phương tiện quân sự, điều này là có vấn đề vì nó chuyển 'đại chiến lược' thành 'chiến lược quân sự' và bỏ qua các công cụ kinh tế và chính trị. Cách khác định nghĩa chiến lược lớn là việc sử dụng bất kỳ phương tiện nào để đạt được bất kỳ mục đích nào, nhưng điều này làm cho chiến lược lớn không khác gì chính chiến lược.

Một cách tiếp cận tốt hơn — một phương pháp giữ cho 'chiến lược lớn' trở thành một khái niệm đặc biệt — là xem nó như một lý thuyết bảo mật tích hợp. An ninh được định nghĩa ở đây là "chủ quyền [tức là tự do điều động hoặc tự chủ], an toàn, toàn vẹn lãnh thổ và vị thế quyền lực — phương tiện cuối cùng là cần

thiết cho ba phương tiện đầu tiên.” Đại chiến lược là lý thuyết của một quốc gia về cách nó có thể đạt được những mục đích liên quan đến an ninh cho chính nó được cố ý phối hợp và thực hiện trên nhiều phương tiện, chẳng hạn như các công cụ quân sự, kinh tế và chính trị.

Định nghĩa này cũng bắt nguồn từ sự tiến hóa lịch sử của thuật ngữ trong hai thế kỷ qua. Khi các nhà chiến lược và học giả theo dõi sự xuất hiện của nhà nước công nghiệp hiện đại và bộ năng lực và công cụ nhân lên của nó — từ thời Napoléon cho đến thời đại của tàu hơi nước và trong các cuộc chiến tổng lực của thế kỷ XX — họ cũng dần dần mở rộng quan niệm của mình về các phương tiện của chiến lược lớn từ quân sự đến các công cụ khác ngay cả khi họ tiếp tục coi sự kết thúc của chiến lược lớn là nền tảng cho an ninh, đi đến một định nghĩa tương tự như định nghĩa được sử dụng ở đây.

Làm thế nào chúng ta có thể thần thánh hóa chiến lược lớn của Trung Quốc khỏi hành vi dường như rời rạc của nó? Như phần Vào Đề đã lưu ý, đây không phải là một thách thức hoàn toàn mới. Năm 1907, nhà ngoại giao người Anh Eyre Crowe đã viết một bản ghi nhớ dài và có ảnh hưởng nhằm cố gắng giải thích hành vi trên phạm vi rộng của một nước Đức đang trỗi dậy. Mặc dù bản ghi nhớ của Crowe vẫn còn được tranh luận cho đến ngày nay, nhưng nó đã cung cấp một nền tảng hữu ích để nghiên cứu chiến lược lớn mà chúng ta có thể cải tiến với một cách tiếp cận chặt chẽ hơn và có thể suy luận được dựa trên khoa học xã hội.

Crowe lập luận chiến lược của Đức có thể “được suy ra từ lịch sử của nó, từ những phát ngôn và thiết kế đã biết của những người cai trị và chính khách của nó” và từ “những sự kiện xác thực về hành vi của người Đức” - nghĩa là, văn bản và hành vi. Crowe nhấn mạnh vào hai yếu tố này, chúng tôi có thể thêm một yếu tố nữa — các thể chế an ninh quốc gia. Kết hợp các cách tiếp cận này lại với nhau sẽ tập trung vào ba yếu tố. Các nhà nước phải có một tập hợp:

(1) các khái niệm chiến lược lớn về các mục đích, cách thức và phương tiện của chiến lược phù hợp với nhau như thế nào;

(2) khả năng chiến lược lớn trong các thể chế an ninh quốc gia để phối hợp các công cụ pháp chế đa dạng nhằm theo đuổi lợi ích quốc gia đối với các cơ quan quốc gia; (3) hành vi chiến lược lớn cuối cùng phù hợp với các khái niệm chiến lược của một nhà nước.

Giải pháp thay thế cho các tiêu chí khắt khe này để xác định chiến lược lớn là áp dụng cách tiếp cận "biết ngay khi bạn thấy" phổ biến nhưng có nguy cơ chẩn đoán sai, có thể nguy hiểm nếu nó ảnh hưởng đến chính sách. Để xác định liệu các tiêu chí trước có được đáp ứng hay không, cần phải tập trung vào khoa học xã hội ở ba yếu tố: các văn bản chứa đựng các khái niệm chiến lược lớn; các thể chế chứng minh năng lực chiến lược lớn; và hành vi thuyết phục về chiến lược lớn.

Đối với các văn bản, nền tảng cốt lõi của cuốn sách là tập trung vào các tài liệu có thẩm quyền thông qua cơ sở dữ liệu gốc và được số hóa đầy đủ các tài liệu của Đảng Cộng sản bằng tiếng Trung Quốc được cá nhân khai quật trong ba năm qua từ các thư viện; hiệu sách ở Đài Loan, Hồng Kông và Trung Quốc đại lục; và các trang thương mại điện tử của Trung Quốc. Các văn bản này không chỉ cung cấp cái nhìn sâu sắc về các khái niệm chiến lược lớn, mà còn đề cập đến các khả năng chiến lược lớn bằng cách nêu bật cách thức hoạt động của các thể chế, cũng như về tiến hành chiến lược lớn bằng cách chỉ ra lý do tại sao các quyết định được thực hiện.

Điều này dẫn đến phương pháp chính thứ hai. Ngoài các văn bản, cuốn sách tập trung vào các thể chế an ninh quốc gia của Trung Quốc như bằng chứng về khả năng chiến lược lớn của Trung Quốc. Một số cơ quan chủ chốt của Đảng trong chính sách đối ngoại — Văn phòng Tổng Bí thư, Ban Thường vụ Bộ Chính trị, Các Nhóm nhỏ Lãnh đạo (nay gọi là Ủy ban Trung ương) và Quân ủy Trung ương — hầu như không công bố trực tiếp gì và rất khó để nghiên cứu. bí mật xung quanh hoạt động

của họ. Đôi khi các văn bản khác nhau của Đảng — bao gồm hồi ký, tác phẩm chọn lọc, bản tóm tắt và tài liệu đọc — có thể cung cấp những hiểu biết quan trọng, hạn chế về các bài phát biểu, quyết định, các buổi nghiên cứu và tranh luận chính trong các cơ sở này. Và những điều này lại cung cấp cái nhìn sâu sắc về chiến lược lớn của Trung Quốc.

Cuối cùng, phương pháp thứ ba xem xét hành vi. Như Crowe đã quan sát, các cường quốc thực hiện một loạt các hoạt động trên mọi miền. Không phải lúc nào cũng dễ dàng tách tín hiệu và nhiễu và xác định đâu là động cơ chiến lược. Trước thách thức này, một cách tiếp cận khoa học-xã hội có thể hữu ích. Các học giả có thể xem xét hành vi quân sự, kinh tế và chính trị; xác định xem hành vi khó hiểu trong mỗi lĩnh vực có được giải thích tốt nhất thông qua logic chiến lược lớn hay không; tìm kiếm sự thay đổi đồng bộ giữa các lĩnh vực chính sách làm bằng chứng cho sự phối hợp; và tham khảo các văn bản của Đảng để hiểu tại sao Trung Quốc lại hành động theo cách họ đã làm. Những nỗ lực này làm sáng tỏ hành vi chiến lược lớn của Trung Quốc.

Tổng hợp lại, cách tiếp cận trước đây đưa ra một số câu hỏi chính quan trọng để xác định chiến lược lớn của Trung Quốc được liệt kê trong Bảng 1.1. Giáo sư Barry Posen của Học viện Công nghệ Massachusetts từng nói để tìm ra chiến lược lớn, chúng ta phải tìm kiếm “một hệ thống suy nghĩ và hành động thống nhất”, và các câu hỏi dưới đây cấu trúc việc tìm kiếm nó.

Bảng 1.1 Các câu hỏi để xác định chiến lược lớn:

1. Có quan điểm nhất quán về mối đe dọa an ninh nào, trong số tất cả những mối đe dọa mà một quốc gia phải đối mặt, là quan trọng nhất hoặc cơ bản nhất không?

2. Có một tập hợp các ý tưởng nhất quán về cách giải quyết những mối đe dọa cơ bản hoặc quan trọng đó trong các văn bản cốt lõi không?

3. Có lý thuyết nào về vai trò của mỗi phương tiện chính của quy chế trong việc giải quyết một mối đe dọa an ninh nhất định

trong các văn bản cốt lõi không?

4. Chúng ta có bằng chứng cho thấy các nhà hoạch định chính sách có các thể chế quan liêu mà họ có thể sử dụng để phối hợp nhiều công cụ của quy chế không?

5. Các thể chế chính sách đối ngoại và nhà nước rộng hơn có mức độ tự chủ đối với xã hội và các lực lượng trong nước khác nhau có thể thay thế chiến lược lớn không?

6. Sự thay đổi bên trong Ý nghĩa: Liệu lý thuyết của chúng ta về chiến lược lớn của một quốc gia nhất định có giải thích sự thay đổi trong hành vi trong các lĩnh vực chính sách cụ thể tốt hơn các lý thuyết phổ biến về hành vi của nhà nước trong các lĩnh vực đó không?

7. Sự khác biệt giữa các phương tiện: Liệu lý thuyết của chúng ta về chiến lược lớn của một quốc gia nhất định không áp dụng cho một mà cho nhiều lĩnh vực chính sách, chẳng hạn như lĩnh vực quân sự, kinh tế và chính trị?

8. Khi chiến lược lớn thay đổi, chúng ta có thấy những thay đổi trong hành vi được đồng bộ hóa trên từng phương tiện trong ba phương tiện của statecraft (nghệ thuật quản lý nhà nước) không?

Hơn nữa, những câu hỏi này không chỉ hỗ trợ trong việc xác định liệu một chiến lược lớn có tồn tại hay không, mà còn giúp xác định nó là gì cũng như khi nào và tại sao nó thay đổi. Chiến lược lớn là rất hiếm và những thay đổi trong chiến lược lớn còn hiếm hơn. Như học giả Daniel Drezner của Đại học Tufts lưu ý, thay đổi chiến lược lớn "giống như cố gắng bắt tàu sân bay quay đầu lại: tốt nhất là nó diễn ra từ từ", để "chiến lược lớn là một hằng số thay vì một biến số." "Tính kiên định" của chiến lược lớn của một quốc gia xuất phát từ cả yếu tố tâm lý và tổ chức. Nghiên cứu tâm lý học cho thấy "mọi người không dễ dàng thay đổi niềm tin của họ về thế giới và không dễ dàng đối mặt với những sai lầm của chính mình," và "một khi họ đã cam kết với một quan điểm, nhận định hoặc hành động cụ thể, rất

khó để họ thay đổi ý định.” Nghiên cứu về tổ chức cho thấy “những hạn chế về nguồn lực, chi phí giao dịch, chính trị nội bộ và môi trường trong nước mà tổ chức hoạt động”, kết hợp với các quy tắc chính thức và quy trình hoạt động tiêu chuẩn, cùng nhau giúp giải thích “tại sao các nhà ra quyết định thường sẽ cảm thấy áp lực để không đi lệch hoàn toàn khỏi hiện trạng.” Cùng với nhau, những yếu tố này đóng vai trò quan trọng trong chiến lược lớn.

Nếu các chiến lược lớn là ‘kết dính’, thì điều gì khiến chúng thay đổi? Cuốn sách này lập luận các chiến lược lớn phụ thuộc vào nhận thức về quyền lực và mối đe dọa, và sự thay đổi trong nhận thức này “được thúc đẩy nhiều hơn bởi các sự kiện, đặc biệt là các cú sốc, hơn là các biện pháp thống kê” như thay đổi dần tỷ lệ tăng trưởng GDP hoặc quy mô hạm đội. Bằng cách so sánh các mô tả về sức mạnh và mối đe dọa trong các văn bản của Trung Quốc trước và sau các cú sốc chính sách đối ngoại — chẳng hạn như Thảm sát Quảng trường Thiên An Môn, Chiến tranh vùng Vịnh, sự sụp đổ của Liên Xô và Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, cùng những thứ khác — người ta có thể xác định liệu nhận thức về quyền lực và mối đe dọa có thay đổi hay không và tạo ra sự điều chỉnh chiến lược.

TRANH LUẬN VỀ TRẬT TỰ

Khi sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc gia tăng trong vài năm qua, một số nhà hoạch định chính sách và học giả đã thường xuyên quay lại câu hỏi tương tự: “Sự cạnh tranh này là gì?” Cuốn sách này lập luận khi cạnh tranh Mỹ-Trung kết thúc, ai sẽ là người dẫn đầu trật tự khu vực và toàn cầu.

Mặc dù các học giả quan hệ quốc tế thường cho thế giới là hỗn loạn, nhưng thực tế là nó thường có thứ bậc, với một số quốc gia thực hiện quyền lực đối với các quốc gia khác. Số lượng, phạm vi và mật độ của các mối quan hệ thứ bậc tạo ra trật tự, hay “Các quy tắc và sự sắp xếp được dàn xếp giữa các nước” có thể chi phối cả hành vi bên ngoài và bên trong của họ. Trong một trật tự bá quyền, nhà nước ưu việt “huy động sự lãnh đạo

của mình" trên đầu hệ thống phân cấp để cấu trúc mối quan hệ giữa các nước và bên trong họ. Bá quyền liên quan đến những gì trước đây giáo sư Princeton Robert Gilpin đã gọi một số 'hình thức kiểm soát' của một nước thống trị để điều chỉnh cấp dưới của mình, và sự kiểm soát đó thường bao gồm sự kết hợp của khả năng cưỡng chế (buộc tuân thủ), sự đồng thuận (để khuyến khích nó) và tính hợp pháp (để chỉ huy nó một cách hợp pháp).

Sự ép buộc xuất hiện từ sự đe dọa trừng phạt. Khả năng cưỡng chế có thể xuất phát từ sức mạnh quân sự của một nước hoặc sức mạnh cấu trúc của nó đối với các nguyên tắc chính trong hệ thống, bao gồm tiền tệ, thương mại và công nghệ, v.v. Các thỏa thuận liên quan đến khả năng khuyến khích hoặc thậm chí 'mua chuộc' sự hợp tác thông qua các thỏa thuận hoặc dụ dỗ đôi bên cùng có lợi. Nó thường liên quan đến các cơ hội có tiếng nói, đảm bảo an ninh, cung cấp hàng hóa... Cuối cùng, tính hợp pháp là khả năng chỉ huy đơn giản nhờ vào bản sắc hoặc hệ tư tưởng của nhà nước thống trị. Tính hợp pháp có thể xuất phát từ mối quan hệ ý thức hệ, hoặc các nguồn khác và có thể hoạt động như một loại quyền lực. Ví dụ, nhiều thế kỷ trước, Vatican đã có thể chỉ huy các quốc gia chỉ đơn giản là do vai trò thần học của nó. Cùng với nhau, năng lực cưỡng chế, sự đồng thuận và tính hợp pháp bảo đảm sự tôn trọng của các quốc gia trong trật tự.

Sự kết hợp giữa ép buộc, đồng thuận và tính hợp pháp hầu như không đồng nhất và do đó, các mệnh lệnh bá quyền có thể khác nhau về nội dung và phạm vi địa lý của chúng. Một số hình thức trật tự, như đế chế, dựa nhiều hơn vào sự ép buộc; những cái khác, như trật tự tự do của Mỹ, nhấn mạnh đến sự đồng thuận và tính hợp pháp. Hầu hết các trật tự ở một số khu vực mạnh hơn những khu vực khác và cuối cùng hầu hết đều phải đối mặt với những thách thức cạnh tranh có thể khiến chúng thay đổi.

Câu hỏi làm thế nào để thay đổi trật tự là một câu hỏi lâu năm và có liên quan đến ngày nay. Các trật tự bá quyền như Hoa Kỳ dẫn đầu ngày nay được cho là sẽ thay đổi chủ yếu thông qua

cuộc chiến tranh giữa các cường quốc quy mô lớn, với các cuộc xung đột như Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc một trật tự và khởi động một trật tự khác. Vì chiến tranh giữa các cường quốc hiện nay ít có khả năng xảy ra hơn so với cuộc cách mạng hạt nhân, một số người lầm tưởng trật tự hiện tại về cơ bản là ổn định. Quan điểm đó làm giảm bản chất của cạnh tranh cường quốc trong thời bình và khả năng chuyển đổi trật tự trong thời gian ngắn của chiến tranh. Các mệnh lệnh có thể thay đổi một cách hòa bình khi các hình thức kiểm soát của chúng — khả năng cưỡng chế, sự đồng thuận và tính hợp pháp — bị suy giảm và chúng có thể tăng cường khi các hình thức kiểm soát này được củng cố. Các quá trình này có thể xảy ra dần dần hoặc tất cả cùng một lúc, nhưng giống như sự sụp đổ tương đối hòa bình của Liên Xô, chúng không cần phải có chiến tranh.

CÁC CHIẾN LƯỢC DỊCH CHUYỂN

Làm thế nào mà một cường quốc đang lên như Trung Quốc lại có thể tìm cách thay thế một siêu cường đã được thiết lập như Hoa Kỳ trong thời gian thiếu chiến tranh? để củng cố và làm suy yếu các hình thức kiểm soát này. Theo đó, các quốc gia đang trỗi dậy như Trung Quốc có thể thay thế các cường quốc bá quyền như Hoa Kỳ một cách hòa bình thông qua hai chiến lược rộng rãi thường được theo đuổi theo trình tự:

I. Đầu tiên là làm giảm việc thực thi các hình thức kiểm soát của bá quyền, đặc biệt là những hình thức kiểm soát được mở rộng trên trạng thái đang trỗi dậy; xét cho cùng, không một quốc gia trỗi dậy nào có thể thay thế bá chủ nếu phần lớn vẫn nằm trong sự kiểm soát của bá chủ.

II. Thứ hai là xây dựng các hình thức kiểm soát đối với những người khác, cũng như nền tảng cho các thỏa thuận đồng thuận và tính hợp pháp; thực sự, không một quốc gia đang trỗi dậy nào có thể trở thành bá chủ nếu nó không thể hạn chế quyền tự quyết của những người khác hoặc lôi kéo họ bằng những thỏa

thuận đồng thuận và tính hợp pháp để đảm bảo họ tuân theo sở thích của quốc gia đang trỗi dậy.

Đối với các cường quốc đang lên, quyết định triển khai các chiến lược lớn này diễn ra dưới bóng dáng của quyền lực và ảnh hưởng của bá quyền, điều này mang lại rủi ro đáng kể. Một cường quốc đang lên công khai theo đuổi việc xây dựng trật tự quá sớm có thể khiến bá chủ can thiệp vào khu vực của cường quốc đang lên, tập hợp các nước láng giềng của cường quốc đang lên để bao vây hoặc cắt đứt sức mạnh đang lên. Vì những lý do này, các chiến lược cắt giảm nhằm tìm cách làm suy yếu trật tự của bá chủ thường thực hiện trước khi xây dựng trật tự của một cường quốc đang lên. Hơn nữa, cả hai chiến lược thường được theo đuổi ở cấp khu vực trước khi một cường quốc đang trỗi dậy chuyển sang chiến lược thứ ba, mở rộng toàn cầu, bao gồm cả việc cắt giảm và xây dựng ở cấp độ toàn cầu để thay thế trật tự cũ.

Khi nào một quyền lực có thể theo đuổi sự bành trướng? Trong khi một số học giả như giáo sư John Mearsheimer của Đại học Chicago cho một cường quốc đang trỗi dậy như Trung Quốc trước tiên phải đạt được quyền bá chủ trong khu vực trước khi theo đuổi tham vọng toàn cầu rộng lớn hơn, tiêu chí này có lẽ quá hẹp. Như các học giả khác như cựu giáo sư Princeton Robert Gilpin sẽ tranh luận, một sự trỗi dậy quyền lực thiếu quyền bá chủ khu vực vẫn có thể thách thức bá chủ toàn cầu thông qua các 'hình thức kiểm soát' xuyên suốt để duy trì trật tự bá chủ toàn cầu của nó, chẳng hạn như kinh tế, tài chính, công nghệ và thông tin. Đức đã thách thức sự thống trị toàn cầu của Anh trong các lĩnh vực này trước Chiến tranh thế giới thứ nhất mặc dù không có quyền bá chủ khu vực ở châu Âu, và Trung Quốc dường như cũng đang làm như vậy ngày nay.

Một số người có thể nghi ngờ một quốc gia đang trỗi dậy như Trung Quốc sẽ làm bất kỳ điều gì trong số này, nhưng các cường quốc đang lên — giống như hầu hết các quốc gia — nói chung là theo chủ nghĩa xét lại. Một số người có thể coi đây là một tuyên bố gây tranh cãi, nhưng giả định khá khiêm tốn rằng

hầu hết các quốc gia đều có suy nghĩ riêng của họ về cách thức hoạt động của trật tự khu vực và toàn cầu và sẽ hành động để hiện thực hóa chúng nếu chi phí làm như vậy thấp không có gì đáng ngạc nhiên. Thật vậy, khi chi phí thấp, các cường quốc thể hiện cái mà chúng ta có thể gọi là 'sự trôi dạt bá chủ' để xây dựng trật tự trong khu vực lân cận của một người hoặc nơi khác. Ngay cả khi Hoa Kỳ miễn cưỡng hoạt động như một cường quốc ở nước ngoài vào thế kỷ 19, nước này vẫn tiến tới việc thực hiện quyền bá chủ ở Tây Bán cầu. Câu hỏi quan trọng không phải là liệu các quốc gia đang trỗi dậy có sở thích thay thế đối với trật tự hay không mà thay vào đó là liệu họ chọn hành động như thế nào, khi nào và như thế nào.

Bởi vì bá quyền chiếm ưu thế lớn nhất trong các tính toán chiến lược của một cường quốc đang lên, cuốn sách này lập luận lựa chọn 'sửa đổi' trật tự dựa trên nhận thức về bá chủ. Hai biến số cực kỳ quan trọng: (1) quy mô của khoảng cách quyền lực tương đối được nhận thức với một bá quyền bên ngoài, nói chung về năng lực của bá chủ trong việc làm tổn hại đến lợi ích của cường quốc đang lên; và (2) mối đe dọa nhận thức được từ bá quyền bên ngoài. Việc xác định các biến số này một cách trực quan là rất quan trọng vì những gì liên quan nhất đến việc xây dựng chiến lược không phải là thước đo khách quan của quyền lực và mối đe dọa (khó nắm bắt trong mọi trường hợp) mà thay vào đó là đánh giá của chính nhà nước về sức mạnh và mối đe dọa của đối thủ. Để đơn giản, cả hai biến này được hiển thị trong Bảng 1.2 là cao hoặc thấp. Cuối cùng, trong khi cắt giảm và xây dựng các chiến lược để sửa đổi trật tự, các cường quốc cũng có thể theo đuổi các chiến lược khác, các định nghĩa sẽ theo sau.

Bảng 1.2 Các chiến lược lớn của các cường quốc đối với Trật tự bá chủ:

Thứ nhất, khi cường quốc xem bá chủ mạnh hơn nhiều nhưng không đe dọa đặc biệt, thì cường quốc có xu hướng phù hợp với trật tự bá chủ ngay cả khi sở thích của chính nó khác với sở thích của bá chủ bên ngoài. Nó có thể được thúc đẩy bởi mong

muốn tránh biến bá chủ bên ngoài thành một thế lực thù địch hoặc thu lợi từ quan hệ đối tác với bá chủ chống lại bên thứ ba. Theo đó, một cường quốc đang lên có thể dung túng hoặc thậm chí hỗ trợ sự hiện diện quân sự trong khu vực của một bá chủ, lãnh đạo các tổ chức khu vực và tài trợ cho các sáng kiến kinh tế khu vực. Một ví dụ của chiến lược này là việc Ấn Độ tiếp cận Hoa Kỳ ở Nam Á vì nước này coi Hoa Kỳ là mạnh mẽ, không đe dọa đặc biệt và hữu ích đối với Trung Quốc. Một nguyên nhân khác có thể là chính sách của Trung Quốc đối với Hoa Kỳ trong những năm 1980.

Thứ hai, khi một cường quốc đang lên nghĩ bá chủ mạnh hơn nhiều và đe dọa, thì cường quốc đang lên sẽ theo đuổi một chiến lược phản công nhắm vào các hình thức kiểm soát của bá quyền — ép buộc, đồng ý và hợp pháp — ở khu vực hoặc toàn cầu. Trong kịch bản này, quốc gia đang trỗi dậy không thể chống lại một bá chủ mà nó coi là đe dọa cũng như không thể chống lại một cách công khai một bá chủ mà nó coi là mạnh mẽ, buộc cường quốc đang lên phải dùng đến 'vũ khí của kẻ yếu' để làm mất đi đòn bẩy của bá chủ. Nó có thể theo đuổi các khả năng quân sự phòng thủ để ngăn chặn bá chủ can thiệp vào khu vực trong khi tránh né các khả năng có thể báo động các nước láng giềng đang trỗi dậy và kích hoạt bao vây; về mặt chính trị, nó có thể tìm cách giảm bớt vai trò bá chủ bên ngoài trong các cơ quan khu vực; và về mặt kinh tế, nó có thể tìm cách bảo vệ mình khỏi việc sử dụng quy chế kinh tế của bá chủ. Trung Quốc đã theo đuổi một phiên bản của chiến lược này trong suốt những năm 1990 cho đến khoảng năm 2008.

Thứ ba, khi một cường quốc đang lên nghĩ bá chủ bên ngoài chỉ mạnh hơn mình một cách khiêm tốn nhưng vẫn rất đe dọa, cường quốc đang lên sẽ theo đuổi chiến lược xây dựng để tạo nền tảng cho trật tự của chính mình bằng cách đầu tư vào các hình thức kiểm soát của riêng mình - khả năng cưỡng chế, sự đồng thuận và tính hợp pháp. Cường quốc đang trỗi dậy đủ mạnh để chấp nhận nguy cơ chống đối bá chủ nhưng không mạnh đến mức có thể tự do thống trị khu vực của mình vì làm

như vậy có thể tạo ra sơ hở cho bá chủ bên ngoài. Ở cấp độ quân sự, nó có thể theo đuổi các khả năng cho phép cưỡng chế, can thiệp, phóng chiếu quyền lực và kiểm soát (thay vì từ chối) trên bộ, trên không và trên biển; về mặt chính trị, nó có thể thiết lập các thể chế mới để điều hành khu vực và gạt bỏ quyền bá chủ; và về mặt kinh tế, nó có thể cố tình nuôi dưỡng sự phụ thuộc lẫn nhau không đối xứng có vẻ có lợi nhưng thực tế lại hạn chế những người khác. Những nỗ lực này thậm chí có thể giống với các loại chiến lược xây dựng trật tự tự do mà các học giả như giáo sư John Ikenberry của Princeton tin rằng đảm bảo sự đồng ý của các quốc gia yếu hơn và tránh sự cân bằng. Và khi được thực hiện thành công ở khu vực quen thuộc của một nước, họ có thể cho phép cường quốc đang lên theo đuổi việc mở rộng ở cấp độ toàn cầu. Trung Quốc đã theo đuổi chiến lược này từ năm 2008 trở đi và nó đã hình thành nền tảng cho chiến lược mở rộng mà họ theo đuổi sau năm 2016.

Thứ tư, khi một cường quốc đang lên nghĩ bá chủ bên ngoài chỉ mạnh hơn một chút và không có tính chất đe dọa đặc biệt, thì cường quốc đang lên có quyền tự do hơn trong việc theo đuổi sự thống trị đối với những người khác trong trật tự vì họ không quan tâm đến những nỗ lực xây dựng trật tự của đối thủ hoặc sự can thiệp của bá quyền. Mặc dù việc xây dựng có thể bao gồm sự kết hợp giữa cưỡng chế và sự đồng thuận, nhưng sự thống trị có thể làm quá tải các công cụ cưỡng chế do thiếu thách thức hoặc có thể có liên minh cân bằng. Về mặt quân sự, một quốc gia đang trỗi dậy có thể triển khai lực lượng thường xuyên hơn; về mặt chính trị, nó có thể tạo ra các quy tắc và chuẩn mực để 'khóa chặt' các lợi ích của quốc gia đang lên và làm suy yếu tất cả các thể chế cạnh tranh; và về mặt kinh tế, nó có thể theo đuổi việc khai thác ngoài việc nuôi dưỡng sự phụ thuộc lẫn nhau không đối xứng. Chiến lược của Hoa Kỳ ở Mỹ Latinh trong cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, khi sức mạnh tương đối của châu Âu còn thấp và khi các mối đe dọa của châu Âu ở Mỹ Latinh ít nghiêm trọng hơn so với những thập kỷ trước, có thể là một ví dụ cho chiến lược này.

Bốn chiến lược này thường xảy ra tuần tự để tiến tới vị trí thống trị, nhưng vẫn có những ngoại lệ: một nước có thể chuyển từ đối đầu đến nhượng bộ khi hợp nhất với bá quyền bên ngoài; hoặc ngược lại nếu một bá chủ lành tính được coi là đã suy yếu.

Trong trường hợp của Trung Quốc, trình tự thông thường dường như đã hoạt động hiệu quả: Trung Quốc ban đầu chấp nhận một Hoa Kỳ hùng mạnh nhưng không đe dọa sau khi bình thường hóa; tìm cách bác bỏ điều này sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc khiến nước này thấy Hoa Kỳ là mối đe dọa nhiều hơn; bắt đầu xây dựng trật tự của riêng mình sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu khi nước này thấy Hoa Kỳ đang suy yếu; và có thể theo đuổi sự thống trị trong khu vực nếu Hoa Kỳ chấp nhận hoặc bị đánh bại trong một cuộc xung đột khu vực. Phần lớn lý thuyết, thực tiễn và bằng chứng thực nghiệm về đại chiến lược này của Trung Quốc gắn liền với Đảng Cộng sản Trung Quốc cùng thế giới quan và tổ chức của Đảng. Giờ đây, chúng ta hướng tới thể chế đó và vai trò của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa Lenin trong việc định hình Đảng, và đến lượt nó, chiến lược lớn của Trung Quốc.

| 2 |
ĐẢNG LÃNH ĐẠO MỌI THỨ

“Liên Xô có thể làm được điều gì đó chỉ sau một cuộc họp Bộ Chính trị. Người Mỹ có thể làm được điều đó không?” Đặng Tiểu Bình, nói với Bộ Chính trị Trung Quốc, đầu những năm 1980.

CHỦ NGHĨA DÂN TỘC, LENIN VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC

Vào tháng 6 năm 1987, nhà lãnh đạo trên thực tế của Trung Quốc là Đặng Tiểu Bình đang họp với các quan chức Nam Tư, và ông ấy đã rất lo lắng. Trung Quốc đang trong giai đoạn ‘cải cách và mở cửa’, một loạt các cải cách thị trường thúc đẩy nền kinh tế Trung Quốc tiến lên và cuối cùng đặt nền tảng cho sự vươn lên vị thế siêu cường. Nhưng cuộc hành trình còn lâu mới suôn sẻ. Một vài tháng trước đó, Trung Quốc đã phải đối mặt với một số bất ổn chính trị và tình trạng bất ổn tồi tệ nhất kể từ Cách mạng Văn hóa.

Cách mạng Văn hóa là một phong trào chính trị xã hội tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa diễn ra trong 10 năm từ tháng 5 năm 1966 tới tháng 10 năm 1976, gây tác động rộng lớn và sâu sắc lên mọi mặt của cuộc sống chính trị, văn hóa, xã hội ở Hoa lục. Ngoài ra, cuộc cách mạng đã làm thay đổi quan niệm xã hội, chính trị, và đạo đức của quốc gia một cách sâu sắc và toàn diện. Tuy nhiên, phong trào cũng gây ra những vụ bạo động, sự hỗn loạn và tổn thất lớn, nên nó cũng được gọi là ‘10 năm hỗn loạn’, ‘10 năm thảm họa’; Thập niên động loạn, thập niên hạo kiếp.

Cuộc cách mạng được Mao Trạch Đông khởi xướng và lãnh đạo từ ngày 16 tháng 5 năm 1966, với mục tiêu chính thức là “đấu tranh với giai cấp tư sản trong lĩnh vực tư tưởng và sử dụng những tư tưởng và lề thói mới của giai cấp vô sản để thay đổi diện mạo tinh thần của toàn bộ xã hội.” Tuy nhiên, mục đích chính của cách mạng được một số người cho là một cách để Mao Trạch Đông lấy lại quyền kiểm soát Đảng Cộng sản Trung Quốc sau cuộc Đại nhảy vọt thất bại dẫn đến sự tổn thất uy tín đáng kể của Mao Trạch Đông trước những lãnh đạo bất đồng ý kiến như Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Bành Đức Hoài...

毛主
红卫兵

Trong cuộc họp của mình, tâm trí của Đặng liên tục hướng về tình hình chính trị của Trung Quốc, và ông thường rời xa cuộc nói chuyện về cải cách kinh tế và thay vào đó đề cập đến lợi ích của nhà nước theo chủ nghĩa Lenin đối với việc hoạch định chính sách. “Một trong những ưu điểm lớn nhất của các hệ thống theo chủ nghĩa Lenin,” ông nói với các vị khách của mình, “đó là, điều gì đó đã được quyết định và một giải pháp đã được đưa ra, nó có thể được thực hiện ngay lập tức mà không có bất kỳ hạn chế nào.” Không giống như người Mỹ, ông tuyên bố, “hiệu quả của chúng tôi cao hơn; chúng tôi thực hiện mọi thứ ngay khi chúng tôi đã quyết định... Đó là sức mạnh của chúng tôi, và chúng tôi phải giữ được lợi thế này.” Cố vấn khéo léo của Đặng, Triệu Tử Dương, lưu ý nhiều năm sau ông Đặng sẽ trở lại thời điểm này trong suốt quá trình lãnh đạo của mình: “Ông Đặng coi một hệ thống không có hạn chế hoặc kiểm tra và cân bằng, và tập trung quyền lực tuyệt đối, là lợi thế tổng thể của chúng tôi... ông ấy tôn thờ sự tập trung cao độ của quyền lực và chế độ độc tài.”

Mối tình của Đặng với chủ nghĩa Lenin đã bắt đầu khoảng sáu mươi năm trước đó. Giống như rất nhiều người cộng sản Trung Quốc cùng thế hệ, Đặng đã tham gia chính trường thông qua chủ nghĩa dân tộc. Ông đã tham gia vào phong trào sôi nổi ngày 4 tháng 5 và đi đến Pháp để tìm hiểu, theo cách nói của ông, cách ‘cứu Trung Quốc’. với chủ nghĩa Lenin. Sau khi gia nhập tổ chức cộng sản ở Pháp, Đặng nhập học ở những năm đầu hai mươi tại Đại học Tôn Trung Sơn ở Moscow, nơi ông học lý thuyết và thực hành về xây dựng và tổ chức đảng theo chủ nghĩa Lenin. “Quyền lực tập trung chảy từ trên xuống,” ông viết trong một bài luận vào thời điểm đó về lý do tại sao nền dân chủ không phù hợp với Trung Quốc và Nga; “Nhất thiết phải tuân theo các chỉ thị của lãnh đạo.” Như nhà khoa học chính trị Lucian Pye của MIT đã nhận xét, thông qua những kinh nghiệm này và những kinh nghiệm khác, “Đặng đã được xã hội hóa để trở thành một người theo chủ nghĩa Lenin thực sự” nhằm duy trì “sự toàn vẹn của tổ chức, và do đó độc quyền về quyền lực của

Đảng.” Và Đặng hầu như không đơn độc trong việc ‘tôn thờ’ chủ nghĩa Lenin, như cố vấn Triệu của ông đã nói. Những người theo chủ nghĩa dân tộc hàng đầu khác, bao gồm cả Tôn Trung Sơn và người kế nhiệm ông là Tưởng Giới Thạch, cũng áp dụng các giới luật tương tự của chủ nghĩa Lenin. Đối với ông Đặng, chủ nghĩa Lenin là phương tiện để họ đạt được tầm nhìn về một Trung Quốc giàu có và hùng mạnh.

Đặng Tiểu Bình

Sự phối hợp, hội nhập và thực hiện hoạch định chính sách ở cấp cao mà Đặng và những người cộng sản Trung Quốc khác coi trọng chắc chắn có lợi cho chiến lược lớn của Trung Quốc. Đảng

đứng trên nhà nước và thâm nhập vào mọi cấp độ của nó. Theo cách này, nó đóng vai trò như một công cụ để điều phối chiến lược lớn và trao cho các nhà hoạch định chính sách quyền tự chủ tương đối khỏi các lợi ích quốc gia trong các vấn đề chính sách đối ngoại để họ có thể theo đuổi những chiến lược lớn. Như Mao đã từng nói, và ông Tập gần đây đã nhắc lại, "Đảng, chính phủ, quân đội, dân sự và học thuật, bắc, nam, đông, tây và trung tâm, Đảng lãnh đạo mọi thứ."

Chương này tập trung vào ý nghĩa sự lãnh đạo của Đảng đối với chiến lược lớn của Trung Quốc. Khi làm như vậy, nó rút ra từ một bộ sưu tập ban đầu gồm các bản tóm tắt của Đảng, hồi ký, các tác phẩm, bài báo được chọn và các tài liệu khác.

Đôi khi, sự tập trung vào Đảng có thể cảm thấy không giống với một số báo chí hoặc phương tiện truyền thông, nhưng cách đây không lâu, người ta đã hiểu rộng rãi sự tập trung như vậy sẽ rất quan trọng. Nhà báo Richard McGregor nhận xét: "Giới tinh hoa phương Tây đã từng quen thuộc với trật tự trận chiến trong chính trị cộng sản" trong cuộc đấu tranh với Liên Xô, và họ được hưởng lợi và đầu tư vào "ngành công nghiệp nhỏ trong học thuật, các tổ chức tư vấn và báo chí nổi tiếng như Kremlinology." Nhưng "sự sụp đổ của Liên Xô vào đầu những năm 1990 đã kéo theo nó phần lớn kiến thức sâu sắc về các hệ thống cộng sản", với số lượng ngày càng giảm dần các chuyên gia từ giới học thuật và cộng đồng tình báo để truyền lại kiến thức đó với Trung Quốc, trong một thời gian, sự đi lên của nền kinh tế Trung Quốc cũng che lấp sự quan tâm của công chúng đối với hoạt động bên trong của Đảng, mặc dù tất cả điều này đã bắt đầu thay đổi. Giờ đây, người ta mới nhận ra, như học giả David Shambaugh từng nhận xét, "Rất ít, nếu có, các vấn đề ảnh hưởng đến tương lai của Trung Quốc — và do đó tất cả các quốc gia tương tác với nó — nhiều hơn bản chất của đảng cầm quyền và chính phủ của họ."

Kremlinology là nghiên cứu và phân tích chính trị và chính sách của Liên Xô.

Khi khám phá mối quan hệ của Đảng đối với chiến lược lớn, chương này đảm nhận ba nhiệm vụ lớn. Đầu tiên, nó tập trung vào Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) với tư cách là một đảng theo chủ nghĩa dân tộc, một đảng nổi lên từ sự lên men yêu nước của cuối thời nhà Thanh và đã tìm cách khôi phục đất nước về đúng vị trí của nó. Thứ hai, nó tập trung vào ĐCSTQ với tư cách là một đảng theo chủ nghĩa Lenin, một đảng đã xây dựng các thể chế tập trung để điều hành đất nước và đạt được sứ mệnh dân tộc của mình. Cùng với nhau, định hướng dân tộc chủ nghĩa của Đảng giúp đặt mục tiêu cho chiến lược lớn của Trung Quốc, trong khi chủ nghĩa Lenin cung cấp một công cụ để hiện thực hóa chúng. Cuối cùng, cuốn sách tập trung vào ĐCSTQ với tư cách là đối tượng nghiên cứu, lưu ý việc nghiên cứu kỹ lưỡng các ấn phẩm đồ sộ của Đảng có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc về các khái niệm chiến lược lớn của Đảng như thế nào. Phần đó phác thảo phần lớn chiến lược nghiên cứu văn bản được sử dụng trong phần còn lại của cuốn sách.

MỘT ĐẢNG QUỐC GIA

Có thể gây tranh cãi khi cho Đảng Cộng sản Trung Quốc là một đảng theo chủ nghĩa dân tộc. Nhiều người coi sự tập trung của công chúng vào các chứng chỉ chủ nghĩa dân tộc là công cụ, một phần của cuộc tìm kiếm rộng rãi hơn để tìm kiếm các nguồn hợp pháp mới sau khi ý thức hệ cộng sản bị hoen ố. Thực tế phức tạp hơn. Trong khi Trung Quốc thực sự đã phát động một chiến dịch 'giáo dục lòng yêu nước' sau Thảm sát Quảng trường Thiên An Môn và sự sụp đổ của Liên Xô để quảng bá chủ nghĩa dân tộc một cách công khai, các học giả khác lưu ý chủ nghĩa dân tộc từ lâu đã ăn sâu vào hệ tư tưởng và bản sắc của Đảng, với một dòng lịch sử lâu dài nối liền Đảng. của ngày nay với sự lên men theo chủ nghĩa dân tộc của cuối triều đại nhà Thanh.

Cuộc biểu tình tại Quảng trường Thiên An Môn, ở Trung Quốc được gọi là Sự cố ngày 4 tháng 6 (六四事件), là các cuộc biểu tình do sinh viên lãnh đạo được tổ chức tại Quảng trường Thiên An Môn, Bắc Kinh trong năm 1989.

Các cuộc biểu tình bắt đầu vào ngày 15 tháng 4 và bị đàn áp vào ngày 4 tháng 6 khi chính phủ tuyên bố thiết quân luật và cử quân Giải phóng Nhân dân chiếm đóng các khu vực của trung tâm thủ đô Bắc Kinh. Quân đội được trang bị súng trường tấn công và xe tăng đã tấn công những người biểu tình đang cố gắng ngăn chặn cuộc tiến công của quân đội vào Quảng trường Thiên An Môn. Ước tính số người chết từ vài trăm đến vài nghìn, với hàng nghìn người bị thương. Các cuộc biểu tình đôi khi được gọi là Phong trào Dân chủ 89 hoặc Thảm sát Quảng trường Thiên An Môn.

Các cuộc biểu tình bắt đầu sau cái chết của tổng bí thư ủng hộ cải cách Hồ Diệu Bang vào tháng 4 năm 1989 trong bối cảnh kinh tế phát triển nhanh chóng và biến động xã hội ở Trung Quốc thời hậu Mao, phản ánh sự lo lắng của người dân và giới tinh hoa chính trị về tương lai của đất nước. Những cải cách trong những năm 1980 đã dẫn đến một nền kinh tế thị trường non trẻ mang lại lợi ích cho một số người nhưng lại gây bất lợi nghiêm trọng cho những người khác, hệ thống chính trị đơn đảng cũng phải đối mặt với nhiều thách thức. Những bất bình phổ biến vào thời điểm đó bao gồm lạm phát, tham nhũng, sự chuẩn bị hạn chế của sinh viên tốt nghiệp cho nền kinh tế mới và hạn chế tham gia chính trị. Mặc dù rất vô tổ chức và có mục tiêu khác nhau, các sinh viên đều kêu gọi trách nhiệm giải trình cao hơn, quy trình hợp hiến, dân chủ, tự do báo chí và tự do ngôn luận. Vào đỉnh điểm của cuộc biểu tình, khoảng một triệu người đã tập trung tại Quảng trường.

北京理工大学
企业物资

Khi các cuộc biểu tình bùng nổ, các nhà chức trách phản ứng bằng cả biện pháp hòa giải và cứng rắn, làm lộ rõ sự chia rẽ sâu sắc trong giới lãnh đạo. Đến tháng 5, một cuộc tuyệt thực do sinh viên thực hiện đã thu hút sự ủng hộ trên khắp cả nước và các cuộc biểu tình đã lan ra khoảng 400 thành phố.

Chủ đề cốt lõi làm sinh động Đảng trong suốt khoảng thời gian đó là việc tìm kiếm thứ gì đó có thể khôi phục Trung Quốc trở lại sự vĩ đại trước đây và sẽ giúp nước này đạt được mục tiêu 'trẻ hóa quốc gia'. Ngày nay, cụm từ đó là trung tâm của dự án chính trị của Tập Cận Bình, nhưng nó có một lịch sử sâu sắc đã lan tỏa các nỗ lực chính trị của Trung Quốc trong gần hai thế kỷ. Như Zhen Wang lưu ý, khái niệm "ít nhất đã trở lại xa như Tôn Trung Sơn, và đã được hầu hết mọi nhà lãnh đạo Trung Quốc hiện đại từ Tưởng Giới Thạch đến Giang Trạch Dân và Hồ Cẩm Đào đề xướng." Sự trẻ hóa mang lại ý thức về sứ mệnh không chỉ cho các cải cách trong nước của Trung Quốc mà còn cho cả chiến lược lớn của nước này.

SỰ GIÀU CÓ VÀ QUYỀN LỰC

Vào những năm 1790, khi George Washington đang ổn định nhiệm kỳ đầu tiên của mình tại Hoa Kỳ, thì triều đại nhà Thanh đang ở thời kỳ đỉnh cao. Nhưng trong vài thập kỷ tiếp theo, tình trạng bất ổn liên tục của các tỉnh, sự trục xuất người nước ngoài và chính quyền xơ cứng khiến một số quan chức cảm thấy Trung Quốc đang đi vào suy thoái.

Ngụy Nguyên là một trong những quan chức đó, và ông đã làm sống lại một truyền thống trong lịch sử trí thức Trung Quốc, đó là tập trung vào việc nhà nước theo đuổi 'sự giàu có và quyền lực' (富强) trái ngược với truyền thống điển hình hơn của Nho giáo là 'cai trị nhân đức' (德治). Khi sự suy tàn trong nước của Trung Quốc va chạm với tham vọng của đế quốc châu Âu trong cuộc Chiến tranh nha phiến lần thứ nhất thảm khốc, cái mà Trung Quốc gọi là 'Thế kỷ sỉ nhục' bắt đầu. Khi đất nước suy tàn, trí tuệ ngày càng tập trung vào việc làm thế nào để đạt được sức mạnh để giành lại vinh quang trong quá khứ. Như Orville Schell và John Delury đã lưu ý trong lịch sử tri thức sâu rộng của họ về nỗi ám ảnh của Trung Quốc về 'sự giàu có và quyền lực', việc Ngụy Nguyên hồi sinh cụm từ 2.000 năm tuổi đến vào đúng thời điểm và nó "vẫn là một cái gì đó của một ngôi sao phương bắc đối với Các nhà lãnh đạo trí thức và chính trị Trung Quốc" kể từ đó.

Cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ nhất (第一次鴉片戰爭; First Opium War), còn được gọi là Chiến tranh thuốc phiện lần 1 hay Chiến tranh Anh-Thanh, là một loạt các cuộc giao tranh quân sự giữa Đế quốc Anh và nhà Thanh Trung Quốc. Nguyên nhân chính là do triều đình Trung Hoa bắt đầu triệt phá các đường dây buôn bán thuốc phiện và đe dọa tử hình với những kẻ phạm tội. Điều này trực tiếp gây tổn hại đến sự thống trị về thương mại của người Anh, khiến họ chống lại việc cấm thuốc phiện của Trung Hoa. Kết quả, quân đội nhà Thanh bị đánh bại, và buộc phải chấp nhận trao cho các cường quốc phương Tây những đặc quyền giao thương với Trung Quốc.

Hải chiến với người Anh và mối hận trăm năm trong lịch sử Trung Quốc

Trong thế kỷ sau Chiến tranh nha phiến lần thứ nhất, Trung Quốc đã phải hứng chịu một loạt thất bại nhục nhã làm rạn nứt thành trì của nhà Thanh và làm nảy sinh nhiều thế hệ học giả và nhà hoạt động, những người đã xây dựng trên “nền tảng quyền lực và sự giàu có” của Ngụy Nguyên. Feng Guifen, một

người kế thừa trí tuệ của Ngụy Nguyên, đã theo dõi Chiến tranh Thuốc phiện lần thứ hai và Cuộc nổi dậy Thái Bình gần như lật đổ nhà Thanh và giúp khởi động Phong trào Tự cường. Ông đã ảnh hưởng đến một thế hệ học giả cũng như Lý Hồng Chương, vị tướng và chính khách đã thảo luận trong phần Vào Đề của cuốn sách.

Hai thập kỷ sau cái chết của Feng Guifen, tình hình hầu như không được cải thiện, và sau đó Nhật Bản đã gây sốc cho Trung Quốc khi đánh bại nước này trong Chiến tranh Trung-Nhật lần thứ nhất. Thất bại đó chứng tỏ đau thương cho các học giả như Kang Youwei và Liang Qichao, cũng như các nhà cách mạng dân tộc chủ nghĩa như Tôn Trung Sơn, những người được khuyến khích đưa ra con đường riêng của họ để Trung Quốc theo đuổi, tất cả với mục đích cuối cùng là tự cường.

Những cá nhân này và bài diễn thuyết về chủ nghĩa dân tộc rộng lớn hơn mà họ tham gia đã được dành để làm trẻ hóa Trung Quốc và bắt kịp phương Tây, và lời nói và việc làm của họ đã tạo nên mảnh đất mà Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ phát triển. Nhiều nhà lãnh đạo ban đầu của ĐCSTQ là những thanh niên yêu nước bị lôi cuốn vào những gì về cơ bản là một dự án phục hồi chủ nghĩa dân tộc. Một số người, giống như Đặng Tiểu Bình, đã tham gia vào các sự kiện dân tộc chủ nghĩa như phong trào ngày 4 tháng 5 và được lôi kéo vào "nỗ lực quốc gia để thoát khỏi sự sỉ nhục mà Trung Quốc đã phải chịu đựng" và "làm cho nước này giàu mạnh." Giống như nhiều người cộng sản tương lai, Đặng đã đi du học, và ông ấy giải thích lý do của mình bằng một câu trả lời ngay từ việc Wei Yuan tập trung vào 'sự giàu có và quyền lực': "Trung Quốc yếu và chúng tôi muốn làm cho nó mạnh hơn, Trung Quốc còn nghèo và chúng tôi muốn làm cho nó giàu hơn. Chúng tôi đến phương Tây để nghiên cứu và tìm cách cứu Trung Quốc."

Ngoài việc đi lại và biểu tình, nhiều nhân vật cộng sản hàng đầu, bao gồm Trần Độc Tú, Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông, đã tìm thấy con đường đến với chủ nghĩa dân tộc thông qua các tác giả như Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu. Mao sau đó kể

lại ông ấy “tôn thờ Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu” và “đọc đi đọc lại chúng” cho đến khi ông ấy thuộc lòng các tác phẩm của họ, và khi còn trẻ, ông ấy đã treo những tấm áp phích ủng hộ việc Tôn Trung Sơn trở thành chủ tịch Trung Quốc, Khang là thủ tướng, và Lương là ngoại trưởng của chính phủ đó. Cha của Đặng Tiểu Bình được cho là một thành viên của đảng chính trị của Lương Khải Siêu, chắc chắn đã định hình thế giới quan dân tộc chủ nghĩa ban đầu của Đặng. của ĐCSTQ. Thật vậy, những người theo chủ nghĩa dân tộc của Tôn Trung Sơn đã thành lập một chính phủ và học viện quân sự ở Quảng Châu để “thu hút những thanh niên yêu nước có triển vọng” đến thành phố, trong đó có nhiều người nổi tiếng như Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh, Lâm Bưu và Mao Trạch Đông.

Mao Trạch Đông

Khi đã nắm quyền, và ngay cả khi họ theo đuổi các chính sách phù hợp với hệ tư tưởng cộng sản của mình, Đảng vẫn được thúc đẩy bởi sứ mệnh dân tộc không thể nhầm lẫn, và thu hẹp khoảng cách giàu có và quyền lực với phương Tây là trung tâm. Hiện đại hóa công nghiệp thời Mao, Đại nhảy vọt thất bại, mong muốn có "hai quả bom, một vệ tinh" và động thái cực kỳ nguy hiểm để thoát ra khỏi trật tự Liên Xô và giành lấy lớp vỏ lãnh đạo tư tưởng từ Moscow đều được thúc đẩy bởi những thôi thúc chủ nghĩa dân tộc. Cải cách và mở cửa của Đặng Tiểu Bình cũng như sự nhấn mạnh của ông về tiến bộ kinh tế và công nghệ, đã mô phỏng rõ ràng ngôn ngữ của một thế hệ những người tự cường trước đó. Những người kế nhiệm ông, bao gồm Giang, Hồ và Tập, đã thực hiện dự án dân tộc chủ nghĩa và tập trung vào việc trẻ hóa Trung Quốc và khôi phục nước này về vị trí hợp lý trong trật tự khu vực và toàn cầu.

TRẺ HÓA ĐẤT NƯỚC

"Tôn Trung Sơn," Giang Trạch Dân từng lưu ý, "là người đầu tiên đưa ra khẩu hiệu 'trẻ hóa Trung Quốc'." Và thực sự từ Tôn Trung Sơn, ĐCSTQ đã sử dụng thuật ngữ trẻ hóa [复兴] như một trụ cột kể từ đó.

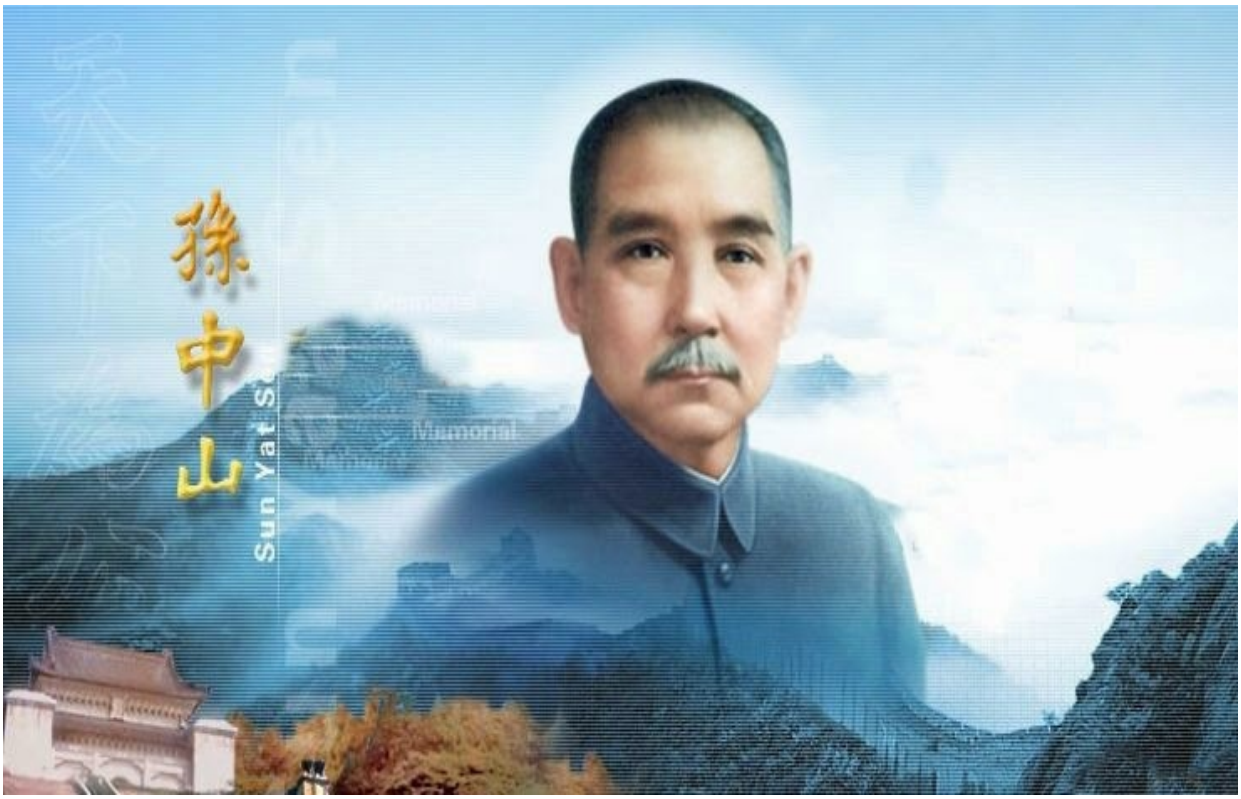

Tôn Trung Sơn

Năm 1894, khi Trung Quốc và Nhật Bản xảy ra chiến tranh, Tôn Trung Sơn thành lập Xingzhonghui, tạm dịch là Hội phục hưng Trung Quốc, và tuyên bố là sứ mệnh làm trẻ hóa Trung Quốc. Ngay cả trong Chiến tranh Trung-Nhật lần thứ hai, Đặng và các đảng viên khác đã khuyến khích cán bộ tập trung vào 'con đường trẻ hóa', và khi những người Cộng sản chiến thắng, Mao đã tuyên bố "chỉ có ĐCSTQ mới có thể cứu được Trung Quốc". Khi Trung Quốc bắt đầu cải cách và mở cửa vào năm 1978, Đặng cùng các cấp phó của ông là Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương liên tục nói rõ mục đích là "trẻ hóa Trung Quốc" [征信 中华] và đảm bảo nước này đạt được "sự giàu có và quyền lực". Năm 1988, Giang Trạch Dân tuyên bố sứ mệnh của Đảng là "thực hiện sự trẻ hóa vĩ đại đất nước Trung Quốc."

Vị trí trung tâm của những tình cảm này đối với Đảng được khẳng định bởi thực tế là chúng xuất hiện trong hầu như mọi bài diễn văn của Đại hội Đảng, như chúng ta sẽ sớm thấy, là một trong những văn bản có thẩm quyền nhất của Đảng. Bài

phát biểu tại Đại hội Đảng lần thứ 12 của Hồ Diệu Bang năm 1982 đã ca ngợi "thế kỷ sau Chiến tranh Nha Phiến và sự giải phóng" và cam kết Trung Quốc sẽ "không bao giờ để mình bị làm nhục một lần nữa." Người kế nhiệm ông, Triệu Tử Dương, đã phát biểu tại Đại hội Đảng lần thứ 13 vào năm 1987 sử dụng ngôn ngữ của "sự giàu có và quyền lực" và cho "cải cách là cách duy nhất để Trung Quốc có thể đạt được sự trẻ hóa." vì đã "đặt dấu chấm hết cho lịch sử bi thảm của dân tộc Trung Quốc" và nhắc nhở mọi người "Đảng Cộng sản Trung Quốc ăn sâu vào đất nước Trung Quốc" và đã "gánh vác sứ mệnh to lớn và trọng thể là trẻ hóa đất nước kể từ ngày nó được thành lập." Bài phát biểu của Đại hội Đảng lần thứ 17 và 18 của Hồ đã lặp lại những chủ đề này và nói thêm Đảng đang "phấn đấu cho sự trẻ hóa vĩ đại đất nước Trung Quốc mà vô số những người yêu nước và liệt sĩ cách mạng mong muốn." Gần đây nhất, Đại hội Đảng lần thứ 19 với Tập Cận Bình vào năm 2017 đã đặt sự trẻ hóa vào trung tâm của "Giấc mơ Trung Hoa" và "kỷ nguyên mới" của ông đối với Trung Quốc. Ông đề cập đến thảm kịch của các cuộc chiến tranh nha phiến, và tuyên bố trẻ hóa là "khát vọng và sứ mệnh ban đầu của những người Cộng sản Trung Quốc" — mà chỉ có Đảng mới có thể đạt được.

Đảng ngay từ khi thành lập đã bao trùm trong sự nỗ lực của những người theo chủ nghĩa dân tộc đi trước. Các nhà lãnh đạo hàng đầu đã tuyên bố trong gần một thế kỷ "Đảng Cộng sản Trung Quốc đã kế thừa và phát triển tinh thần của phong trào ngày 4 tháng 5" và đang nỗ lực "học hỏi và tiếp nối" di sản của Tôn Trung Sơn. Như Hồ Cẩm Đào đã lưu ý vào dịp một trăm năm ngày sinh của Mao, Đảng đang trong một cuộc chạy đua tiếp sức theo hướng trẻ hóa. Ông tuyên bố: "Lịch sử là một con sông dài. Ngày hôm nay phát triển từ hôm qua, và ngày mai là sự tiếp nối của ngày hôm nay." "Sự trẻ hóa vĩ đại của dân tộc Trung Quốc là lý tưởng vĩ đại của Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình, các đồng chí của họ, và hàng triệu liệt sĩ cách mạng... Hôm nay, cơ hội lịch sử đã đến tay chúng ta."

“Dấu ấn lịch sử” phải được thực hiện bởi các nhà lãnh đạo kế tiếp cho đến giữa thế kỷ, hoặc một trăm năm đảm nhận quyền lực của Đảng. Trong ít nhất bốn mươi năm, các nhà lãnh đạo hàng đầu của Trung Quốc đều chỉ ra đây là ngày mục tiêu để đạt được sự trẻ hóa, một mục tiêu thường liên quan đến việc thu hẹp khoảng cách với phương Tây và trong một số trường hợp, định hình hệ thống toàn cầu. Trọng tâm của thế kỷ nổi lên vào giữa những năm 1980 khi Đặng và các đồng chí của ông đặt nó là ngày để đạt đến trình độ của “các nước phát triển vừa phải” hoặc hoàn thành “hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa”.

Thành công trong mục tiêu này sẽ có ý nghĩa to lớn. Năm 1985, trong một bài phát biểu quan trọng trước “Đại hội toàn quốc” (中国 共产党 全国 代表会议) lần thứ hai của Trung Quốc được triệu tập để điều chỉnh chính sách quốc gia, Đặng tuyên bố: “Vào giữa thế kỷ tới, khi chúng ta tiếp cận trình độ của các nước phát triển, sau đó sẽ có những thay đổi thực sự lớn. Vào thời điểm đó sức mạnh của Trung Quốc và vai trò của nước này trên thế giới sẽ hoàn toàn khác.” Mốc thời gian này đã trở thành mốc trẻ hóa của Trung Quốc ngay sau đó. Như người kế nhiệm của Đặng, Giang đã nói, “mục tiêu của chúng ta ở thế kỷ này là… hiện thực hóa sự trẻ hóa vĩ đại đất nước Trung Quốc.” Trong một bài phát biểu quan trọng kỷ niệm tám mươi năm thành lập Đảng, Giang đã giải thích rõ hơn về mốc thời gian: “Trong 100 năm từ giữa thế kỷ 20 đến giữa thế kỷ 21, tất cả các cuộc đấu tranh của người dân Trung Quốc đều nhằm đạt được sự giàu có và quyền lực cho quê hương… và sự trẻ hóa lớn của dân tộc. Trong sự nghiệp lịch sử [trẻ hóa] này, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân cả nước 50 năm và có những bước phát triển vượt bậc; sau 50 năm làm việc chăm chỉ nữa, nó sẽ được hoàn thành xuất sắc.”

Giang Trạch Dân

Trong điều kiện thực tế, việc hoàn thành có thể có ý nghĩa gì? Đặng đã gợi ý nó sẽ thay đổi mối quan hệ của Trung Quốc với thế giới, và sau đó nó sẽ có những nhà phê bình “hoàn toàn bị thuyết phục” về tính ưu việt của hệ thống xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc. Giang đồng ý và nhấn mạnh đó là một kiểu khôi phục so với phương Tây. Trước khi rơi vào tay nhà Thanh, Giang đã lưu ý “Trình độ kinh tế của Trung Quốc dẫn đầu thế giới” và

“Tổng GDP của Trung Quốc đứng đầu thế giới.” Theo đó, trẻ hóa sẽ liên quan đến việc “thu hẹp khoảng cách với trình độ tiên tiến của thế giới” và làm cho Trung Quốc lại “giàu có và hùng mạnh”.

Việc khôi phục cũng sẽ liên quan đến một vai trò toàn cầu hơn. Sau khi đạt được sự trẻ hóa vào giữa thế kỷ, ông Giang lưu ý, “một Trung Quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại giàu có và hùng mạnh, dân chủ và văn minh sẽ đứng ở phía đông thế giới, và người dân Trung Quốc sẽ có những đóng góp mới và to lớn hơn cho nhân loại.” Tôn Trung Sơn xác định tầm vóc toàn cầu của trẻ hóa: “Nếu Trung Quốc trở nên hùng mạnh, chúng ta không chỉ khôi phục địa vị quốc gia mà còn phải chịu trách nhiệm lớn đối với thế giới,” nói thêm điều này sẽ liên quan đến nỗ lực “thúc đẩy sự phát triển của chính trị quốc tế và trật tự kinh tế theo một hướng công bằng và hợp lý hơn.” Việc trẻ hóa, ông Hồ nói rõ, sẽ cho phép Trung Quốc “sẽ có vị thế quốc gia với một phong cách hoàn toàn mới.” Tại Đại hội Đảng lần thứ 19, Tập Cận Bình là người cụ thể nhất. của bất kỳ nhà lãnh đạo Trung Quốc nào về sự trẻ hóa vào giữa thế kỷ 21 có nghĩa là: “Trung Quốc sẽ trở thành nhà lãnh đạo toàn cầu về sức mạnh quốc gia tổng hợp và ảnh hưởng quốc tế,” xây dựng một “quân đội đẳng cấp thế giới”, tích cực trong tập trung vào “quản trị toàn cầu” và thúc đẩy “một kiểu quan hệ quốc tế mới và xây dựng một cộng đồng với một tương lai chung cho nhân loại.”

CHINA DAILY
中国日報 ASIA WEEKLY October 23-29, 2017

SPECIAL REPORT
19th CPC National Congress p6-11

INTO A 'NEW ERA'

At 19th Party Congress, General Secretary Xi Jinping unveils breakthrough theory to guide China's future

>> SEE PAGE 5

General Secretary Xi Jinping prepares to address the 19th National Congress of the Communist Party of China, which began on Oct 18 in the Great Hall of the People in Beijing. Xi delivered a report on behalf of the CPC's 18th Central Committee.
XU JINGXING / CHINA DAILY

Xi's words

• NEW ERA
With decades of hard work, socialism with Chinese characteristics has crossed the threshold into a new era. This is a new historic juncture in China's development.

• NEW THOUGHT
The Thought on Socialism with Chinese Characteristics for a New Era represents the latest achievement in adapting Marxism to the Chinese context and encapsulates the practical experience and ... wisdom of our Party and the people.

VOL 8 • NO 41 www.chinadailyasia.com Published by China Daily Asia Pacific Limited

Đại hội Đảng lần thứ 19: "Bước vào một kỷ nguyên mới"

Tầm nhìn xa của Tập Cận Bình về sự trẻ hóa giữa thế kỷ không chỉ là sản phẩm của cá tính hay chủ nghĩa phân biệt mà còn là một thứ gì đó mạnh mẽ hơn: một sự đồng thuận của Đảng theo chủ nghĩa dân tộc kéo dài qua thời gian với trọng tâm tự cường của những người cải cách cuối nhà Thanh. ĐCSTQ đã có những bất đồng nội bộ, các cuộc đấu tranh, chủ nghĩa bè phái và mở rộng khuynh hướng thành chủ nghĩa cực đoan về ý thức hệ, nhưng những người sáng lập và những người kế nhiệm luôn hiểu đó là phương tiện để trẻ hóa Trung Quốc. Những bất đồng về cách thức và phương tiện đã xuất hiện đôi khi, nhưng mục tiêu cuối cùng là tương đối rõ ràng và đã tạo ra sự đồng thuận đối với chiến lược lớn thời hậu Chiến tranh Lạnh của Trung Quốc.

Mục tiêu đó giờ đã nằm trong tầm tay. Chính một Bên không yên tâm trong trật tự Liên Xô cũng không có khả năng sẵn sàng trì hoãn trật tự của Mỹ. Việc theo đuổi sự trẻ hóa của Trung Quốc và động cơ dân tộc chủ nghĩa thúc đẩy khiến nước này đối nghịch với hệ thống phân cấp của Hoa Kỳ, ở châu Á và trên toàn thế giới. Như các chương sau sẽ thảo luận chi tiết hơn, Trung Quốc đã tìm cách loại bỏ Hoa Kỳ khỏi các trật tự này và tạo ra sự tương đương của riêng mình. Nó tin một trong những tài sản quan trọng trong quá trình theo đuổi này là cấu trúc theo chủ nghĩa Lenin, và chúng ta hãy xem xét nó ngay bây giờ.

ĐẢNG THEO CHỦ NGHĨA LENIN

Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập dưới ảnh hưởng của Liên Xô và được xây dựng dựa trên các nguyên tắc của chủ nghĩa Lenin về cấu trúc nhà nước và quản lý xã hội. Học giả tiên phong của Đảng Franz Schurmann lưu ý chủ nghĩa Marx có thể đã cung cấp lý thuyết, nhưng chủ nghĩa Lenin đã cung cấp thực tiễn — các nguyên tắc tổ chức liên quan đến việc giành và sử dụng quyền lực vẫn tồn tại ngay cả khi chủ nghĩa Marx đã tàn lụi.

Đảng Cộng sản Trung Quốc là một đảng theo chủ nghĩa Lenin. Tên gọi của cách tiếp cận chính trị này, Vladimir Lenin, tin đội tiên phong gồm những nhà cách mạng chuyên nghiệp với quyền lực chính trị tập trung chặt chẽ có thể định hình lại lịch sử. Ông cam kết tập trung quyền lực, và ông nhiều lần nhấn mạnh "nguyên tắc quan trọng của mọi tổ chức Đảng và mọi hoạt động của Đảng" là "sự tập trung hóa quyền lực lớn nhất có thể". Những người Bolshevik của Lenin đã cấu trúc đảng của họ theo cách này, và khi nắm chính quyền sau Cách mạng Nga, họ đã xây dựng sự hợp nhất giữa đảng và nhà nước theo chủ nghĩa Lenin mà Trung Quốc nhập khẩu gần như hoàn toàn. "Tên của các cơ quan mà Đảng [Cộng sản Trung Quốc] thực thi quyền lực, Bộ Chính trị, Ủy ban Trung ương, Praesidium và những cơ quan tương tự," Richard McGregor lưu ý, "tất cả đều phơi bày một trong những sự thật bị bỏ qua nhiều nhất về nhà nước Trung Quốc hiện đại—nó vẫn chạy trên phần cứng của Liên Xô."

Praesidium: Chủ tịch đoàn (xô viết tối cao Liên Xô).

Phần cứng đó là điều cần thiết để hiểu được khả năng chiến lược lớn của Trung Quốc. Để thực hiện một chiến lược lớn, cuốn sách này lập luận các quốc gia phải có các thể chế chính sách đối ngoại có khả năng (1) phối hợp nhiều công cụ của quy chế phục vụ cho chiến lược lớn và (2) thực hiện quyền tự chủ bằng cách vượt qua các lợi ích quốc gia có thể gây trở ngại cho chiến lược quốc gia. các mục tiêu. Có khả năng các thể chế của Đảng cung cấp cả sự phối hợp và quyền tự chủ tốt hơn so với các thể chế ở hầu hết các nước khác, đặc biệt là trong lĩnh vực chính sách đối ngoại.

Vladimir Ilyich Lenin

SỰ PHỐI HỢP

Một “chiếc điện thoại màu đỏ” nằm trên bàn làm việc của khoảng 3.000 đảng viên cấp cao nhất của Đảng, một dấu hiệu kỳ lạ nhưng cụ thể về khả năng phối hợp nhiều công cụ trong quy chế của Đảng. Được điều hành bởi một đơn vị quân đội bí ẩn sáu mươi tuổi, mạng ‘điện thoại đỏ’ đặc biệt kết nối trực tiếp các cán bộ cao cấp nhất của Đảng trong chính phủ, quân đội, học viện, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan truyền thông nhà nước và các lĩnh vực khác với nhau mà không cần bất kỳ số điện thoại nào. Hệ thống điện thoại đỏ không chỉ biểu thị một quan chức “đã đủ điều kiện trở thành thành viên của câu lạc bộ chặt chẽ” điều hành đất nước; nó cũng cung cấp cho Đảng một “đường dây nóng trực tiếp” trong vòng tay của nhà nước và các thành phần khác nhau của xã hội có thể được sử dụng cho cả việc thu thập thông tin và cung cấp các chỉ thị. Và giống như

rất nhiều hệ thống của Trung Quốc, nó cũng được vay mượn từ Liên Xô.

“Điện thoại đỏ” cung cấp một phép ẩn dụ hữu hình về quản trị của chủ nghĩa Lenin, nhưng nỗ lực đó vượt xa nó bao gồm các tổ chức, cuộc họp và tài liệu cùng phối hợp chiến lược.

“Điện thoại đỏ”

Về thể chế, các cơ quan ra quyết định chính sách đối ngoại quan trọng của Trung Quốc đều thuộc Đảng Cộng sản và đứng trên nhà nước, cung cấp sự điều phối và chỉ đạo tập trung. Cơ

quan cao nhất là Tổng Bí thư và văn phòng của cơ quan này. Tiếp theo là bảy đến chín thành viên của Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị, những người được chọn trên danh nghĩa từ Bộ Chính trị gồm 25 thành viên, lần lượt được chọn từ 370 thành viên của Ban chấp hành Trung ương ĐCSTQ. Các tổ chức này được cung cấp thông tin bởi nhiều nhóm được cho là có nhiệm vụ xây dựng chiến lược dài hạn, chẳng hạn như Văn phòng Nghiên cứu Chính sách Trung ương của Ban chấp hành Trung ương ĐCSTQ. Về quân sự, Quân ủy Trung ương do Tổng Bí thư làm Chủ tịch là cơ quan lãnh đạo. Ngoài ra còn có Ủy ban An ninh Quốc gia, mặc dù Ủy ban này "đã phải vật lộn để tìm chỗ đứng của mình" và có thể tập trung vào an ninh trong nước hơn là an ninh quốc tế.

Có tầm quan trọng trong chính sách đối ngoại là một loạt các cơ quan Đảng thường được gọi là "các nhóm nhỏ lãnh đạo" hoặc trong một số trường hợp là "các ủy ban trung ương" được thể chế hóa hơn, chẳng hạn như Ủy ban Đối ngoại Trung ương. Bao gồm các quan chức cấp cao của Đảng — và thường do Tổng Bí thư hoặc các ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị chủ trì — các cơ quan này đứng trên các bộ nhà nước và ban hành các hướng dẫn chính sách trong hầu hết các lĩnh vực quan trọng. Như học giả hàng đầu về Trung Quốc Alice Miller lưu ý, các thể chế này tham gia vào cả "việc xây dựng chính sách và thực thi chính sách" trong toàn Đảng, nhà nước và xã hội. Họ thường phối hợp "các ban của Ủy ban Trung ương, các bộ và cơ quan của Quốc vụ viện, các thành phần của Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc và các tổ chức khác." Các cơ quan này cũng ngày càng được thể chế hóa khi Đảng tiếp nhận nhiều quyền lực hơn từ nhà nước, và kết quả là là sự tập trung nhiều hơn trong việc xây dựng và thực hiện chính sách.

Cùng với nhau, các cơ quan này - Tổng Bí thư, Thường vụ Bộ Chính trị, Ban Đối ngoại Trung ương và Quân ủy Trung ương - điều hành chính sách đối ngoại. Điều đáng chú ý về cấu trúc này là nó phù hợp như thế nào để ra quyết định phối hợp từ trên xuống. Mọi thể chế chủ chốt, đặc biệt là đối với chính sách

đối ngoại, đều nằm trong Đảng, với Tổng Bí thư làm trung tâm và đứng trên nhà nước. Cùng với nhau, các yếu tố này cung cấp cho các thể chế khả năng và thẩm quyền để phối hợp các công cụ quân sự, chính trị và kinh tế với nhau.

Một số chuyên gia tranh luận một hệ thống dường như tập trung như thế có thể không phối hợp đúng cách. Học giả Ken Lieberthal cho Trung Quốc thể hiện "chủ nghĩa chuyên chế phân tán" giữa các thể chế và tác nhân cạnh tranh. Một học giả khác, David Lampton, lưu ý các nhóm nhỏ lãnh đạo có thể xung đột với nhau và có thể "tương tự như các cuộc họp hiệu trưởng" và "cấp phó" của Hội đồng An ninh Quốc gia Hoa Kỳ, mà đôi khi không phối hợp đúng cách.

Những người khác như Wang Zhou, một trong những chuyên gia hàng đầu của Trung Quốc về các nhóm nhỏ hàng đầu vẫn còn khá mờ nhạt, lại có quan điểm ngược lại. Viết với học giả Đài Loan Wen-Hsuan Tsai, Wang Zhou sử dụng các nghiên cứu điển hình, các nguồn tin mới về cơ cấu tổ chức của các nhóm nhỏ lãnh đạo. Tsai và Zhou cho các nhóm này hoàn toàn nằm trong Đảng, cho phép người đứng đầu nhóm lãnh đạo tận dụng quyền lực của Đảng — chẳng hạn như ảnh hưởng chính thức hoặc không chính thức đối với việc thăng chức. Điều này đặc biệt đúng trong chính sách đối ngoại, nơi người đứng đầu hầu như luôn là Tập Cận Bình hoặc thành viên Bộ Chính trị, và nơi có ít nhóm liên quan hơn so với chính sách đối nội. Hơn nữa, Tsai và Zhou lưu ý các nhóm nhỏ lãnh đạo thường có một văn phòng chuyên trách và giám đốc văn phòng làm việc với người đứng đầu nhóm để điều phối nội bộ và bên ngoài, làm cho các cơ quan này được thể chế hóa nhiều hơn so với việc triệu tập các cuộc họp cá nhân "hiệu trưởng" và "cấp phó".

Mặc dù các cơ quan này có thể gạt bỏ nhà nước hoặc thiếu nhân sự chuyên nghiệp đầy đủ, nhưng họ vẫn có thể hoạt động như những công cụ của chủ nghĩa Lenin cho chính sách phối hợp từ trên xuống. Như Zeng Peiyuan, cựu Phó Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc, lưu ý, các nhóm này là "một phương pháp hiệu quả mà Đảng và chính phủ của chúng tôi đã phát triển

trong một thời gian dài" và được sử dụng để "thực hiện các nhiệm vụ chiến lược lớn." Thay vì "chủ nghĩa chuyên chế manh mún", Một số người xem đó là một loại "phân mảnh tích hợp" để Đảng kiểm soát cấp dưới của mình - và điều này có thể giúp điều phối chiến lược lớn.

Công cụ chính thứ hai áp đặt sự phối hợp và kỷ luật đối với chính sách là các cuộc họp của Đảng và các văn bản xuất hiện từ chúng. Để chèo lái con tàu nhà nước, như chương này sẽ thảo luận chi tiết hơn ở phần sau, Đảng dựa trên một hệ thống tôn chỉ thứ bậc cứng nhắc — chẳng hạn như đường lối, phương châm và chính sách của Đảng (路线，方针，政策) — mà cán bộ phải tuân theo. Những hướng dẫn được lặp lại hoặc sửa đổi trong các bài phát biểu hoặc bài đọc có thẩm quyền từ các cuộc họp và mật nghị lớn, và chúng cũng được thực hiện một cách nghiêm túc. Trong lĩnh vực chính sách đối ngoại, đường lối, chủ trương và chính sách thường được vạch ra trong các thông báo chính, chẳng hạn như tại cuộc họp quan trọng nhất của Đảng, Đại hội Đảng, được tổ chức 5 năm một lần; Các Hội nghị Đại sứ, được tổ chức trung bình sáu năm một lần (và bây giờ thường xuyên hơn nhiều dưới thời ông Tập); các Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương từ trước đến nay chỉ được tổ chức từ năm đến sáu lần; và các mật nghị đặc biệt khác.

Học giả Suisheng Zhao lưu ý các cuộc họp chính sách đối ngoại kiểu này "xây dựng sự đồng thuận chính sách về chiến lược an ninh quốc gia và chương trình chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong khi tổng hợp các phân tích chính thức của Trung Quốc về các xu hướng quốc tế." Các bài phát biểu và văn bản mà chúng tạo ra là cách Đảng chỉ đạo cán bộ và nhà nước, và họ thường chỉ ra các nhận định của họ xuất phát từ sự nhất trí cao của Đảng ở cấp Trung ương hoặc Thường vụ Bộ Chính trị. Một dấu hiệu cho thấy tầm quan trọng của các hướng dẫn cấp cao của Đảng, đặc biệt là các hướng dẫn do Tập Cận Bình công bố, là các quan chức được yêu cầu thường xuyên kiểm tra và phản ánh chúng trong các 'buổi học tập' có tổ chức hiện chiếm tới 30% thời gian của họ.

Tất nhiên Đảng không chỉ đơn thuần phối hợp và phát đi chính sách; nó cũng phải có khả năng đảm bảo việc thực hiện. Như Lenin đã viết trong cuộc thảo luận về tổ chức chính trị của mình, “Để trung tâm... thực sự chỉ đạo dàn nhạc, nó cần biết ai chơi violin và ở đâu, ai chơi sai nốt và tại sao, làm thế nào và ở đâu. chuyển một người nào đó để sửa chữa sự bất hòa.”

Điều này Đảng thực hiện một phần bằng cách thâm nhập một cách triệt để vào cả nhà nước và xã hội. Đảng đứng trên nhà nước, điều hành song song với nhà nước, và có mặt ở mọi cấp độ của nhà nước. Hầu như tất cả các quan chức quan trọng trong nước đều là đảng viên: bộ trưởng và thứ trưởng, lãnh đạo tỉnh và thị trưởng, tướng lĩnh và nhà ngoại giao, chủ tịch các công ty nhà nước và hiệu trưởng các trường đại học, v.v. Hàng triệu cán bộ cấp dưới làm việc bên dưới họ cũng vậy. Hơn 90 triệu đảng viên của Đảng trải rộng khắp xã hội và là công cụ để thực hiện chính sách. Bên ngoài nhà nước, các chi bộ của Đảng có thể được tìm thấy ở hầu hết các tổ chức — rộng khắp như các công ty luật, công ty tư nhân và các tổ chức phi lợi nhuận. Cùng với sự lãnh đạo ở cấp cao nhất và sự thâm nhập của thể chế hầu như xuyên suốt đến tận dưới cùng, Đảng không chỉ có khả năng điều phối và chỉ đạo hành vi của nhà nước mà trong nhiều trường hợp có thể giám sát hành vi đó. Đây là do thiết kế.

Ngoài việc chỉ đạo và giám sát các Đảng viên, Đảng còn có các cơ chế để thực thi việc tuân thủ. Cuối cùng, điều này liên quan đến việc sử dụng cơ sở hạ tầng kỷ luật của Đảng để trừng phạt những cán bộ sai lầm. Nhưng nó cũng liên quan đến các công cụ cưỡng chế ít công khai hơn cũng được vay mượn Liên Xô và cung cấp quyền lực đối với sự nghiệp, thăng chức và đăng tuyển thông qua hệ thống nhân sự. Cơ quan quan trọng trong hệ thống này là Ban Tổ chức Trung ương bí mật và cực kỳ quyền lực của Đảng. Ban Tổ chức xác định ai sẽ đảm nhiệm

hàng chục triệu vị trí, và bằng cách này có thể định hình một cách mạnh mẽ cuộc sống của cán bộ và cung cấp thêm một lý do nữa để họ tuân theo các chủ trương của Đảng, nếu không sẽ phải mạo hiểm sự nghiệp của mình.

Không có nhà nước nào được tự chủ hoàn toàn khỏi xã hội, nhưng ở Trung Quốc, chính sách đối ngoại có lẽ được tập trung chỉ đạo và bảo vệ khỏi các lợi ích được trao và từ các lực lượng xã hội hơn là chính sách đối nội. Chính sách đối nội là rất lớn và chuyển từ các bộ và tỉnh ở cấp cao nhất đến các làng và xã ở cấp dưới cùng. Vì liên quan đến nhiều đối tượng và tác động trực tiếp đến lợi ích và quan điểm của công chúng theo những cách hữu hình, nên quyền tự chủ đôi khi có thể bị giảm đi. Ngược lại, chính sách đối ngoại tương đối tập trung hơn, phạm vi hẹp hơn và liên quan đến ít tác nhân hơn. Ngoài các vấn đề nổi bật, nó cũng có khả năng thu hút ít sự quan tâm bền vững hơn các vấn đề khó hiểu liên quan đến chính sách đối nội và nhận thức về những gì có thể được định hình bởi sự kiểm duyệt của Đảng và trên phương tiện truyền thông.

Các ngoại lệ quan trọng cho vấn đề này liên quan đến tính nhạy cảm của chủ nghĩa dân tộc. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy những lời phản đối chủ nghĩa dân tộc không nhất thiết có tính quyết định. Đảng sẵn sàng bắt giữ những người chỉ trích chủ nghĩa dân tộc và trấn áp những người bất đồng quan điểm của họ trong một số trường hợp, đồng thời khuếch đại chúng trong những trường hợp khác để gửi tín hiệu đến bên ngoài. Điều này không có nghĩa là Dư luận theo chủ nghĩa dân tộc là không phù hợp — thay vào đó, như học giả Joseph Smith lập luận, nó có thể quan trọng nhất vào những thời điểm khi sự đồng thuận của giới tinh hoa chùn bước. Thay vào đó, lập luận là thay vì bị chủ nghĩa dân tộc phổ biến kiểm soát, Đảng thường có thể sử dụng nó như một công cụ - cung cấp cho nhà nước quyền tự chủ đầy đủ trong hầu hết các trường hợp để theo đuổi chiến lược lớn ngay cả khi nó mâu thuẫn với tình cảm của công chúng.

Bất chấp những điểm mạnh này, khả năng duy trì quyền tự chủ của nhà nước trong một hệ thống theo chủ nghĩa Lenin vẫn có những giới hạn. Các học giả như Thomas Christensen và Linda Jakobson lập luận một cách thuyết phục sự gia tăng của các chủ thể chính sách đối ngoại bên trong Trung Quốc và sự phức tạp của hành vi quốc tế bên ngoài Trung Quốc cùng nhau tạo ra một số không gian cho hành động tự chủ giữa các quan chức và các cơ quan. Các nhà nghiên cứu khác như David Shambaugh lưu ý sự teo đi của các thể chế Đảng, trong khi Minxin Pei nhấn mạnh cách những người đứng đầu các tỉnh, bộ hoặc doanh nghiệp nhà nước tham nhũng có thể theo đuổi các chương trình nghị sự của riêng họ thay vì các chương trình của nhà nước.

Những lời phê bình này nắm bắt được điều gì đó quan trọng và có giá trị về Đảng, nhưng chúng không loại trừ khả năng của chiến lược lớn. Phối hợp và tự chủ không phải là một hệ nhị phân mà là một phổ, và chúng có khả năng cao nhất ở cấp chiến lược và yếu hơn ở cấp chiến thuật trong hoạch định chính sách (ví dụ: triển khai dọc theo biên giới Trung-Ấn hoặc đầu tư cơ sở hạ tầng cụ thể). Ở các cấp thấp nhất của hoạch định chính sách, sự phối hợp giữa các công cụ có thể còn ít, việc giám sát gặp nhiều thách thức, thiếu hướng dẫn và việc chống lại các chỉ thị của chính quyền trung ương có thể không bị phát hiện và có thể không được giải đáp. Cuốn sách này không tranh luận một lý thuyết có thể giải thích tất cả các hành vi của người Trung Quốc ở mức độ chi tiết nhất; thay vào đó, nó hy vọng sẽ giải thích những nỗ lực chiến lược tốn kém như đầu tư quân sự lớn, các sáng kiến kinh tế và tham gia vào các tổ chức quốc tế - cho chúng thường được thực hiện như một phần của một chiến lược lớn hơn. Câu hỏi về việc liệu một người có nhìn thấy sự hỗn loạn hay mục đích trong chính sách đối ngoại đôi khi có thể nằm ở mức độ phân tích. Và như học giả Suisheng Zhao lập luận, mặc dù "số lượng các bên liên quan ngày càng tăng và yêu cầu về kiến thức chuyên môn", cũng như vai trò của dư luận, các nhà lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc "đã giữ vững

vị trí tuyệt đối trong việc định hướng chính sách đối ngoại tổng thể của Trung Quốc." Điều phối và tự chủ có thể có ở những nơi quan trọng nhất và như phần tiếp theo trình bày, sự kiểm soát không nghi ngờ của Đảng đối với chính sách đối ngoại là chủ đề chính trong thông điệp nội bộ của Đảng.

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

Trong nhiều thập kỷ, các bài phát biểu về chính sách đối ngoại có thẩm quyền nhất của Trung Quốc do nhà lãnh đạo cấp cao nhất của nước này - thường là cho bộ máy chính sách đối ngoại tổng hợp - đã liên tục nhấn mạnh một đặc điểm chung: đó là chiến lược lớn của Trung Quốc được đặt ở các cấp cao nhất của Đảng. Điều này đã xảy ra từ lâu, mặc dù sự tập trung hóa đã tăng cường dưới thời ông Tập.

Trong bài phát biểu trước Hội nghị Đại sứ Trung Quốc lần thứ 6 năm 1986, Thủ tướng Triệu Tử Dương khi đó đã tuyên bố "Việc điều chỉnh chính sách đối ngoại phải mang tính tập trung cao độ và phải do Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị quyết định." Phát biểu của ông Triệu cho thấy rõ chiến lược lớn và điều chỉnh chiến lược là lĩnh vực của Đảng, không phải của nhà nước. Đối với các nhà ngoại giao đã tập hợp, ông tuyên bố họ có thể "đưa ra các đề xuất, nhưng tất nhiên họ phải hành động phù hợp với các quyết định của trung ương. Điều quan trọng nhất bây giờ là hiểu và thực hiện ý định chung của trung ương và thực hiện công việc."

Tại Hội nghị Đại sứ thường niên lần thứ 8, nhà lãnh đạo Trung Quốc Giang Trạch Dân đã đưa ra quan điểm tương tự với bộ máy chính sách đối ngoại. "Trong công tác đối ngoại, các chủ trương, chính sách do trung ương xây dựng cần được thực hiện với quyết tâm và kiên định; Không thể có một chút mơ hồ nào về điều này." Thật vậy, "ngoại giao mang tính tập trung và thống nhất cao" và phải diễn ra "dưới sự hướng dẫn của phương châm ngoại giao từ trung ương [外交 方针]. Các đồng chí cũng nên thấy Ngoại giao không phải là vấn đề nhỏ và thẩm quyền ngoại giao có hạn", Giang nói với các quan chức tập

hợp, và “tất cả các bộ phận phải kiên quyết thực hiện phương châm ngoại giao của chính quyền trung ương [外交 方针], họ không thể đi theo con đường riêng của mình. Nếu không, có thể có một vấn đề lớn, ảnh hưởng đến danh tiếng của chúng ta.”

Người kế nhiệm của Giang cũng nhấn mạnh những chủ đề này. Trong bài phát biểu năm 2003 tại một hội nghị chuyên đề lớn của Bộ Ngoại giao, Hồ Cẩm Đào lập luận, “Các đồng chí ở mặt trận ngoại giao phải kiên trì... thực hiện toàn diện các nguyên tắc và chính sách của đường lối trung ương. Để trở thành cố vấn tốt về chính sách đối ngoại của chính phủ trung ương,” Hồ tiếp tục, “trong mọi trường hợp cần phải kiên định trong việc thực hiện đường lối (路线), chủ trương (方针), chính sách (政策) và công việc của chính quyền trung ương.” Ở đây, Hồ nói rõ đường lối, chủ trương, chính sách mà các tổ chức Đảng đưa ra phải định hướng hành vi của nhà nước.

Hồ Cẩm Đào

Người kế nhiệm của Hồ Cẩm Đào, Tổng Bí thư Tập, đã tăng cường hơn nữa sự kiểm soát của Đảng đối với nhà nước và nhấn mạnh lại vai trò trung tâm của Đảng trong công tác chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Trong bài phát biểu tại Diễn đàn Công tác Ngoại giao năm 2013, ông Tập tuyên bố "các chính sách và chiến thuật được chỉ đạo tập trung là sinh mệnh của đảng và là sinh mệnh của công việc ngoại giao." Ông Tập nêu rõ: "Để đẩy mạnh toàn diện công tác đối ngoại trong tình hình mới, chúng ta phải tăng cường sự lãnh đạo thống nhất và tập trung của Đảng" đối với công tác đối ngoại. Ủy viên Quốc vụ Dương Khiết Trì nêu rõ suy nghĩ của ông Tập trên một tạp chí lớn của Đảng, lưu ý chiến lược lớn của Trung Quốc được Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoạch định ở cấp cao trong thời gian dài và thực hiện một cách tập trung. Ông nói: "Đồng chí Tập Cận Bình đã nhiều lần nhấn mạnh cần phải hoạch định chiến lược cho công tác đối ngoại trung và dài hạn từ quan điểm cấp cao nhất", ông nói, với các hoạt động 'lồng ghép' của Đảng liên quan đến "các cường quốc, các nước láng giềng, các nước đang phát triển và các tổ chức đa phương."

Năm năm sau, tại Hội nghị Công tác Đối ngoại lần thứ sáu của Trung Quốc, ông Tập đã mở rộng các chủ đề này với độ dài đáng ngạc nhiên, và những nhận xét của ông đáng được xem xét kỹ lưỡng. Ông tuyên bố: "Ngoại giao là sự đại diện tập trung cho ý chí của nhà nước, và cơ quan ngoại giao phải tuân theo Ban chấp hành Trung ương ĐCSTQ" và "sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của nó." Trên tất cả các lĩnh vực chính sách đối ngoại, ông lưu ý, "tất cả phải có ý thức duy trì sự thống nhất với Ban Chấp hành Trung ương ĐCSTQ, đảm bảo thực thi nghiêm ngặt các mệnh lệnh và điều cấm [令行禁止], và tất cả các cuộc họp trong khóa [步调统一]." Đảng đã vạch ra một chiến lược có hệ thống lâu dài mà những người khác dự kiến sẽ thực hiện. "Công tác đối ngoại là một dự án có hệ thống [系统工程]" liên quan đến sự phối hợp giữa "các đảng phái chính trị, chính phủ, đại hội nhân dân, quân đội, địa phương, cộng đồng, v.v." Thông

qua sự lao động đồng bộ của các nhóm này "đảng thực hiện trách nhiệm chung và điều phối công việc đối ngoại của từng nhóm để đảm bảo các chủ trương, chính sách và chiến lược và kế hoạch đối ngoại của Trung ương ĐCSTQ được thực hiện." Ở đây, ông Tập đã liệt kê một hệ thống phân cấp sơ bộ về các mệnh lệnh chính sách của ĐCSTQ và các phần khác nhau của nhà nước, xã hội và Đảng dự kiến sẽ thúc đẩy họ. Cuối cùng, ông Tập cũng tập trung vào những người liên quan đến chính sách đối ngoại. Ông lưu ý: "Sau khi đường lối chính trị được xác định, cán bộ là yếu tố quyết định, vì vậy chúng ta phải xây dựng một đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại vững mạnh, trung thành với CPC - ĐCSTQ, với đất nước và nhân dân." Bài phát biểu của ông nhấn mạnh sự kiểm soát của Đảng thông qua các thể chế chính sách đối ngoại và xây dựng Đảng.

Những văn bản này cho thấy các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã rất coi trọng vai trò chỉ đạo của Đảng trong chính sách đối ngoại trong nhiều thập kỷ. Họ cũng chỉ ra chính sách đối ngoại được chỉ đạo tập trung, được xây dựng ở cấp cao, được phối hợp giữa các khu vực nhà nước và xã hội, và thường là dài hạn. Việc các quan chức Đảng chống lại hoặc đổi mới trong chính sách đối ngoại là rất hiếm, và nhiều thế hệ lãnh đạo đã chỉ ra những hình phạt nghiêm khắc nếu họ làm vậy. Cùng với nhau, những thuộc tính này cho thấy sự tồn tại của chiến lược lớn.

CÁC KHÁI NIỆM CHIẾN LƯỢC LỚN

Để có được cái nhìn sâu sắc về quan điểm của ĐCSTQ, điểm khởi đầu thường phải là các văn bản có thẩm quyền. Đảng tin các bài phát biểu và văn bản chính thức của họ có tầm quan trọng lớn, và vì lý do đó, nhiều nhà quan sát sắc sảo nhất của Trung Quốc từ lâu đã coi trọng chúng một cách nghiêm túc.

Một trong những người tiên phong của phương pháp này là Cha Lazlow Ladany. Ladany là một linh mục Dòng Tên sinh ra ở Hungary và là "nhà tư tưởng duy nhất", người đã dành cả đời để nghiên cứu các nguồn chính thức của Đảng, các tờ báo trung ương và tỉnh, chương trình phát thanh và nhiều loại tài

liệu nguồn mở khác. Ông là con trai của một bác sĩ, nhận bằng tiến sĩ luật, và học vĩ cầm trong nhạc viện trước khi gia nhập Dòng Tên và bị đưa sang Trung Quốc năm 1940. Bị trục xuất khỏi Trung Quốc khi Cộng sản nắm quyền, ông rút về Hồng Kông. Bốn năm sau, ông cho ra mắt "**Phân tích Tin tức Trung Quốc**", một bản tin hàng tuần mà ông đã dành ba mươi năm tiếp theo để xuất bản từ một vài căn phòng dưới tầng hầm trong ký túc xá do Dòng Tên điều hành tại Đại học Hồng Kông. Bản tin huyền thoại của ông gồm hơn 1.200 số báo, mỗi số dài khoảng sáu đến tám trang và thường được sắp xếp theo một chủ đề riêng, đã được phổ biến cho các chuyên gia về Trung Quốc trên khắp thế giới cũng như các đồng minh của Hoa Kỳ và các nước Liên Xô. Chúng cũng đã đến CIA. Không ai khác ngoài James Lilley - một nhà phân tích CIA ba mươi năm đã vươn lên trở thành sĩ quan tình báo cấp cao nhất về Trung Quốc và sau đó là đại sứ Hoa Kỳ tại Bắc Kinh - **Phân tích Tin tức Trung Quốc** cung cấp thông tin tình báo tốt nhất cho Hoa Kỳ trước khi bình thường hóa.

Thành công của Cha Ladany là sản phẩm của sự tập trung duy nhất gần như hoàn toàn vào cách Đảng giao tiếp với chính mình và với những người khác. Cách tiếp cận này về nguyên tắc là khắc khổ nhưng khó khăn trong thực tế, và nó đòi hỏi sự phân tích tài liệu về Đảng một cách tỉ mỉ. Nhà ngôn ngữ học Simon Ley lập luận kiểu đọc kỹ các văn bản của Đảng này "giống như nhai xúc xích tê giác, hoặc nuốt mùn cưa bằng xô" và nó đòi hỏi một người không chỉ học tiếng Trung Quốc mà còn phải "bẻ khóa mật mã của chính trị Cộng sản. biệt ngữ và dịch sang cách hiểu thông thường thứ ngôn ngữ bí mật này chứa đầy các ký hiệu, câu đố, mật mã, gợi ý, bẫy, ám chỉ đen tối và những lời nói màu đỏ." Trong khi Cha Ladany là một trong những người thực hành sớm nhất và giàu kinh nghiệm nhất về phương pháp này, những người khác đã thực hiện nó. Trong CIA, Cơ quan Thông tin Phát thanh Nước ngoài (FBIS) đã tiếp thu một lượng lớn các nguồn mở của Trung Quốc, dịch chúng và cung cấp cho những người khác. Trong quá trình này,

nó đã xây dựng kinh nghiệm thể chế để hiểu ĐCSTQ và đào tạo một thế hệ học giả về các phương pháp này.

Một trong những học giả đó là Alice Miller, chuyên gia hàng đầu về nguồn mở của ĐCSTQ, người bảo vệ việc đọc kỹ các văn bản của Đảng mặc dù cách tiếp cận ngày càng phức tạp. Miller lưu ý đã có một sự bùng nổ trên các phương tiện in ấn của Trung Quốc từ 300 khi Cha Ladany bắt đầu xuất bản lần đầu tiên vào năm 1952 lên đến khoảng 2.000 ngày nay; các chương trình phát thanh và truyền hình cũng đã tăng lên đáng kể, lấn át khả năng theo dõi tất cả các chương trình của các cá nhân. Việc tiếp cận các học giả, nhà ngoại giao, nhà nghiên cứu, quan chức, nhà báo, nhà lãnh đạo và cơ quan chính phủ của Trung Quốc cũng mang lại nhiều cơ hội hơn cho thông tin. Và các nhà báo nước ngoài - với những hạn chế đáng kể - có thể khám phá nhiều câu chuyện. Chúng ta còn rất xa so với thời đại của Cha Ladany và FBIS, khi Trung Quốc bị cô lập với thế giới. Thật hợp lý khi đặt câu hỏi tại sao việc tập trung vào các văn bản của Đảng vẫn hữu ích.

Đảng vẫn là thể chế quan trọng ở Trung Quốc và đường lối, chủ trương và chính sách của Đảng tiếp tục định hình hành vi của Trung Quốc. Thực sự đã có một sự bùng nổ trên các phương tiện truyền thông, nhưng không nhất thiết phải là một sự phát triển tương đương trong các phương tiện truyền thông có thẩm quyền nhất và Đảng tiếp tục sử dụng các bài phát biểu, tuyên bố và bình luận quan trọng — cũng như các cuộc họp quan trọng — để truyền đạt các ưu tiên chính sách của mình cho chính mình và những người khác. Và trong một số lĩnh vực mà tài liệu có thẩm quyền đã tăng lên, nó thường có phạm vi đủ hẹp để tránh các nhà phân tích áp đảo. Không giống như thời của Cha Ladany và FBIS, khi cơ sở văn bản còn hạn hẹp và các kết luận còn rộng, thì sự xuất hiện của các nguồn mới (ví dụ, sách hoặc tạp chí từ các bộ chủ chốt của nhà nước) có nghĩa là các nguồn bây giờ quá rộng.

Đồng thời, ngay cả khi một số tài liệu phát triển, bản thân Trung Quốc rõ ràng đang rút lui khỏi sự cởi mở mà họ đã cho phép gần đây: các nhà báo bị trục xuất, các cơ quan lưu trữ đóng cửa và nhiều cuộc gặp trực tiếp giờ đây quá nhạy cảm để mang lại cái nhìn sâu sắc. Kết quả của những xu hướng này, nhà Hán học người Úc Geremie R. Barmé lưu ý, “những kỹ năng lâu nay bị bỏ qua, hoặc bị đánh giá thấp, để có thể đọc, nghe và hiểu sự bùng nổ của đảng-nhà nước Trung Quốc, có lẽ đang thịnh hành. “Giao tiếp chính trị là một loạt các hành vi chính trị có chủ ý,” Miller lập luận một cách thuyết phục và “tất cả các hành vi chính trị đều nói lên điều gì đó về các tác nhân tham gia vào nó.”

Khi được áp dụng cho chính sách đối ngoại - một lĩnh vực vẫn được kiểm soát tập trung và trong đó các lợi ích của đảng phái dường như có ảnh hưởng tương đối hạn chế - những hiểu biết này thậm chí còn chân thực hơn. Chính sách đối ngoại chủ yếu được truyền đạt ở một loạt địa chỉ chính. Những điều mà các nhà lãnh đạo cấp cao đã phát biểu tại Đại hội Đảng, tại Diễn đàn Công tác Đối ngoại Trung ương, tại các Hội nghị Đại sứ,

trong các cuộc họp của Quân ủy Trung ương và trong một loạt các dịp khác được sử dụng để thiết lập hoặc điều chỉnh chính sách đối ngoại đến nay vẫn còn rất quan trọng. như nó đã từng. Các bài bình luận về những bài phát biểu đôi khi không đầy đủ hoặc khó hiểu này, thường được các quan chức cấp cao đăng trên các tạp chí chủ chốt của Đảng, là xác thực và có thẩm quyền - như chúng đã có trong nhiều thập kỷ. Và những nhận định quan trọng trong các văn bản này về "cán cân lực lượng quốc tế" hay "kim chỉ nam chiến lược" tiếp tục có liên quan nhiều đến chiến lược lớn. Trong khi đó, bên dưới tầng bậc cao của các văn bản có thẩm quyền nhất này là một đại dương tài liệu với các mức độ thẩm quyền khác nhau. Khi được phân tích kỹ lưỡng, các tài liệu đó vẫn có thể mang lại cái nhìn sâu sắc hơn về chiến lược lớn của Trung Quốc. Bây giờ chúng ta chuyển sang các loại nghiên cứu có thể được thực hiện.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tài liệu cụ thể nào tạo nền tảng cho việc tìm hiểu của cuốn sách này về chiến lược lớn của Trung Quốc? Một cách tiếp cận văn bản đối với chiến lược lớn của Trung Quốc dựa vào việc thiết lập một hệ thống phân cấp nguồn mở và các nguồn của Trung Quốc được phân loại theo thứ tự thẩm quyền và rút ra từ chúng cho phù hợp. Có thẩm quyền nhất trong số này là hồi ký cấp lãnh đạo, văn bản lý luận, nguồn lưu trữ, bài phát biểu chính thức, tài liệu được phân loại và bài luận của các nhà lãnh đạo cấp cao. Chúng phản ánh tư duy của Đảng tốt hơn so với các nguồn được trích dẫn thường xuyên hơn nhưng thường ít đáng tin cậy hơn như các bài báo trên tạp chí Trung Quốc và các báo cáo của think tank.

Think tank hay Viện chính sách, Viện nghiên cứu là một tổ chức hoặc nhóm các cá nhân hoạt động nghiên cứu đưa ra các tư vấn về chính sách, chiến lược trong các lĩnh vực, ban đầu là quân sự, sau đó mở rộng sang các lĩnh vực khác như chính trị, kinh tế, giáo dục, khoa học – kĩ thuật, văn hóa và xã hội.

Điều này đặt ra một câu hỏi quan trọng: làm thế nào một học giả phân biệt giữa các nguồn được cho là có thẩm quyền? Vì không phải tất cả các tài liệu có thẩm quyền đều thuộc cùng một loại, cho phép chúng tôi phân chia chúng thành nhiều loại khác nhau, như Bảng 2.1 trình bày.

Bảng 2.1 Thứ bậc của các nguồn chính:

Các bài phát biểu của nhà lãnh đạo

Các thông báo chính sách đối ngoại chính

Các tài liệu về chính sách đối ngoại

Sách trắng của chính phủ

Phương tiện truyền thông của Đảng

Các bài xã luận và bình luận có bút danh

Bình luận của Qiushi và Xuexi Shibao

Tài liệu và Tuyên bố của Bộ và Quân đội

Tư liệu từ Nhà xuất bản Bộ và Quân đội

Viện chính sách và Nhận xét bình luận học thuật từ các học giả có mối quan hệ tốt

Nhận xét từ các Chương trình liên kết của Chính phủ

Các nguồn có thể được chia thành năm loại thô, theo thứ tự thẩm quyền giảm dần. Đầu tiên là các bài phát biểu của cấp lãnh đạo đề ra đường lối, chủ trương và chính sách về các vấn đề lớn — đặc biệt là các bài phát biểu tại Đại hội Đảng, tại các Hội nghị Công tác Đối ngoại, và tại Hội nghị Đại sứ, cùng các thông báo khác trong và ngoài nước. Loại thứ hai là các tài liệu và bài phát biểu của chính phủ Trung Quốc, chẳng hạn như Sách trắng về chính sách đối ngoại hoặc quốc phòng hoặc ngoại giao, dành cho khán giả nước ngoài. Loại thứ ba là các tờ báo có thẩm quyền của Đảng như Nhân dân nhật báo và các tạp chí như Đi tìm sự thật, do Trung ương Đảng xuất bản và Thời báo nghiên cứu, do Trường Đảng Trung ương xuất bản.

Các ấn phẩm thể hiện quan điểm chính thức của Đảng, phát sóng một số cuộc tranh luận của Đảng và cũng chứa các bình luận chi tiết có thẩm quyền về các bài phát biểu chính thức. Loại thứ tư là các nguồn chức năng, chẳng hạn như các tác phẩm và hồi ký được chọn lọc và các ấn phẩm khác do các cơ quan báo chí liên kết với các cơ quan chủ chốt hoặc quân đội. Cuốn sách này lấy nội dung quan trọng từ hồi ký của các tướng lĩnh, nhà ngoại giao và các quan chức cấp cao khác. Loại thứ năm là các suy nghĩ và bình luận học thuật ở các mức độ có thẩm quyền khác nhau. Những nguồn này đôi khi minh họa phạm vi của các cuộc tranh luận quan trọng có thể định hướng cho quy trình lập pháp.

Cuốn sách này dựa trên cơ sở dữ liệu gốc của các loại tài liệu này. Cốt lõi của cơ sở dữ liệu bao gồm các bộ sưu tập tài liệu Đảng được xuất bản thường xuyên, chẳng hạn như các ấn phẩm chính thức của các tác phẩm được chọn lọc của tất cả các nhà lãnh đạo lớn sau Mao cũng như các bộ sưu tập các văn kiện Đảng được xuất bản thành ba tập giữa các kỳ Đại hội Đảng, trong số những bộ khác. Các nguồn này được sử dụng để thiết lập các so sánh theo chiều dọc vì chúng được xuất bản thường xuyên và thể hiện sự nhất quán trong việc lựa chọn tài liệu. Ngoài ra, một số nguồn khác không được công bố thường xuyên cũng được lấy ý kiến tùy từng trường hợp cụ thể. Hầu hết trong số này được rút ra từ các biên soạn chuyên đề khác của Đảng do Nhà xuất bản Tư liệu Trung ương xuất bản; Ngoài ra, Sách trắng của nhà nước, nhận xét của bộ trưởng, phương tiện truyền thông của Đảng, các nguồn chức năng từ các bộ hoặc báo chí của bộ, hồi ký, và bình luận của các nhà nghiên cứu và học thuật cũng được tham khảo. Một số tài liệu bị rò rỉ cũng được bao gồm.

Làm sao chúng ta biết được liệu các văn kiện của Đảng có thiên vị hay không? Xét cho cùng, các tài liệu của Đảng và nhà nước có thẩm quyền do báo chí chính thức biên soạn đều được chỉnh sửa và chế tác theo những cách mà các tài liệu bị rò rỉ không phải là như vậy. Nhưng thay vì cường điệu hóa tham

vọng hoặc nhận thức về mối đe dọa của Trung Quốc, những tài liệu này nên được coi là cung cấp 'bài kiểm tra khó' cho các lập luận của cuốn sách. Những văn bản này ít có khả năng chứa những diễn giải có thẩm quyền về những nỗ lực của Trung Quốc nhằm làm giảm sức mạnh của Mỹ hoặc xây dựng quyền bá chủ trong khu vực vì đây là những mục tiêu mà Trung Quốc thường không nhấn mạnh một cách công khai. Hơn nữa, Trung Quốc thường sàng lọc các ấn phẩm của mình để tìm các thuật ngữ có khả năng được các nhà quan sát phương Tây chọn ra sẽ góp phần gây lo lắng về sự trỗi dậy của Trung Quốc. Ví dụ, sau cuộc chiến thương mại của Hoa Kỳ với Trung Quốc một phần do sự ủng hộ của Trung Quốc đối với sáng kiến chính sách công nghiệp "Made in China 2025", Bộ Truyền thông đã ra lệnh không sử dụng thuật ngữ này nữa và những đề cập của nó trên Tân Hoa xã đã nhanh chóng giảm mạnh. Các cụm từ như "Tao Guang Yang Hui "(tức là lời khuyên của Đặng rằng Trung Quốc phải "che giấu khả năng và chờ thời") cũng được coi là nhạy cảm. Ngoài ra, những văn bản này không có khả năng thể hiện tham vọng của Trung Quốc đối với khán giả theo chủ nghĩa dân tộc bởi vì chúng không được đọc rộng rãi bên ngoài Đảng và chúng bị hạn chế so với các bài bình luận hay phương tiện truyền thông. Cuối cùng, các tài liệu bị rò rỉ dường như thẳng thắn hơn nhiều về mối đe dọa của Mỹ và về tham vọng của Trung Quốc so với những tài liệu được công bố chính thức.

Mặc dù những tài liệu gây khó khăn cho việc phát hiện chiến lược của Trung Quốc, nhưng chúng vẫn đóng một vai trò điều phối hữu ích trong bộ máy Đảng-nhà nước. Do đó, 'tín hiệu' của chiến lược Trung Quốc vẫn có thể được phát hiện thông qua 'nhiễu' của các chỉnh sửa chính thức, đặc biệt là khi các tài liệu được so sánh dọc theo thời gian. Ví dụ, người ta có thể xem xét sự khác biệt trong cáo công tác Đại hội Đảng, thông cáo Hội nghị đại sứ, Diễn đàn công tác đối ngoại trung ương — cũng như trong các khái niệm chính như phương châm chiến lược hoặc đánh giá tính đa cực — để phát hiện những thay đổi trong chiến lược.

Cách tiếp cận phân tích được mô tả ở đây để sàng lọc tài liệu về Đảng không dễ thực hiện và nó không phải lúc nào cũng được thực hiện một cách hoàn hảo, nhưng nó vẫn cần thiết vì hiểu rõ chính sách đối ngoại của Trung Quốc đòi hỏi Đảng phải coi trọng. Tuy nhiên, kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, việc các nhà quan sát phương Tây tập trung nhiều vào Đảng đã là một thách thức. Tổ chức này là xa lạ, các tổ chức của nó có vẻ lỗi thời, và các văn bản của nó thường cũ. Chưa hết, những thể chế đó là một phương tiện cực kỳ mạnh mẽ cho chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc và để điều phối chiến lược lớn và cung cấp cho nhà nước một số quyền tự chủ khỏi xã hội. Những văn bản đó cũng cung cấp một cửa sổ duy nhất vào một tổ chức bí mật khác. Và xem xét cả hai có thể giúp minh họa các đường nét trong chiến lược lớn của Trung Quốc. Bây giờ chúng ta chuyển sang chương đầu tiên áp dụng cách tiếp cận này và xem xét cách thức mà bộ ba sự kiện ở Quảng trường Thiên An Môn, Chiến tranh vùng Vịnh và sự sụp đổ của Liên Xô đã làm nảy sinh chiến lược dịch chuyển đầu tiên của Trung Quốc: một chiến lược lớn nhằm hủy hoại trật tự của Mỹ.

CHIẾN TRANH LẠNH MỚI

"Tôi mong đợi Chiến tranh Lạnh kết thúc, nhưng giờ tôi cảm thấy thất vọng. Có vẻ như một cuộc Chiến tranh Lạnh đã kết thúc nhưng hai cuộc chiến khác đã bắt đầu." Đặng Tiểu Bình, 1989.

Bốn thập kỷ trước, một mối quan hệ đối tác không thể tin được đã được hình thành. Với sự chấp thuận của Bắc Kinh, Hoa Kỳ đã xây dựng và vận hành hai cơ sở tình báo tín hiệu tại Korla và Qitai, đặt trên các tuyến đường lữ hành cũ của Con đường Tơ lụa ở miền Tây Trung Quốc. Các trạm này được sử dụng để giám sát việc thử tên lửa của Liên Xô ở Kazakhstan và trong các bức tường của họ, các chuyên gia tình báo Mỹ đã sát cánh cùng các đồng nghiệp của họ trong Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) để theo dõi mối đe dọa từ Liên Xô.

Các trạm tại Korla và Qitai là bằng chứng vật lý cho một điều mà bây giờ có vẻ khó tin: Hoa Kỳ và Trung Quốc đã từng là đồng minh. Trong suốt những năm 1980, Washington đã làm việc với Bắc Kinh để chống lại sự xâm lược của Liên Xô ở Afghanistan và ảnh hưởng của Liên Xô ở Đông Nam Á. Nó đã bán cho Trung Quốc vũ khí, bao gồm "thiết bị pháo và đạn dược, ngư lôi chống tàu ngầm, radar định vị pháo, hệ thống điện tử hàng không tiên tiến và trực thăng Blackhawk." Và thậm chí nó còn cho phép các đồng minh của mình bán cho Trung Quốc một thân tàu sân bay cũ để nghiên cứu. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc hoan nghênh các mối quan hệ này. Trong các cuộc họp với Quân ủy Trung ương Trung Quốc, Đặng đã tuyên bố "mối đe dọa của chủ nghĩa bá quyền Liên Xô" đã khiến nước này hình thành 'một' tuyến "phòng thủ chiến lược - một tuyến kéo dài từ Nhật Bản đến châu Âu đến Hoa Kỳ" về an ninh, hợp tác kinh tế và chính trị với phương Tây ngày càng sâu rộng và một số người ở Bắc Kinh cũng hy vọng Washington sẽ can thiệp vào một cuộc chiến tranh Trung-Xô.

Tất cả những điều này đã thay đổi đột ngột sau cái mà cuốn sách này gọi là “bộ ba đau thương” là Quảng trường Thiên An Môn (1989), Chiến tranh vùng Vịnh (1990–1991), và Sự sụp đổ của Liên Xô (1991). Ba năm ngắn ngủi nhưng lịch sử này đã định hình lại Hoa Kỳ, Trung Quốc và hệ thống quốc tế, và mỗi năm đều làm tăng thêm sự lo lắng của Bắc Kinh về Hoa Kỳ. Các cuộc biểu tình ở Quảng trường Thiên An Môn nhắc nhở Bắc Kinh về mối đe dọa ý thức hệ của Mỹ, chiến thắng nhanh chóng trong Chiến tranh Vùng Vịnh nhắc nhở họ về mối đe dọa quân sự của Mỹ, và việc mất đi đối thủ chung Liên Xô nhắc nhở họ về mối đe dọa địa chính trị của Mỹ. Trong ngắn hạn, Hoa Kỳ nhanh chóng thay thế Liên Xô trở thành mối quan tâm an ninh hàng đầu của Trung Quốc, từ đó dẫn đến một chiến lược lớn mới và cuộc đấu tranh kéo dài ba mươi năm nhằm thay thế quyền lực của Hoa Kỳ đã ra đời.

Khi thế giới xã hội chủ nghĩa sụp đổ vào cuối những năm 1980 và một trật tự mới ra đời, Đặng Tiểu Bình đã đưa ra “phương châm chiến lược” [战略 方针] để giảm nguy cơ ngăn chặn do Mỹ dẫn đầu, nhằm giảm bớt đòn bẩy của Mỹ đối với Trung Quốc, và từ đó bảo đảm các điều kiện cho sự phát triển và tự chủ của Trung Quốc. Hướng dẫn cuối cùng được gói gọn trong một hướng dẫn gồm hai mươi bốn ký tự thường được tóm gọn trong một chỉ dẫn bốn ký tự: Trung Quốc cần “che giấu khả năng và chờ thời,” hoặc “Tao Guang Yang Hui” [韬光养晦]. Hướng dẫn này đóng vai trò là nguyên tắc tổ chức cấp cao cho chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Theo cách đó, nó hoạt động như một khái niệm chiến lược lớn và đặt ra cho Trung Quốc một chiến lược lớn nhằm làm giảm nhẹ đòn bẩy quân sự, chính trị và kinh tế của Mỹ, tất cả với mục tiêu tăng cường quyền tự do điều động của chính Bắc Kinh.

Chương này khám phá quan điểm thay đổi của Trung Quốc về Hoa Kỳ vào cuối Chiến tranh Lạnh. Nó lập luận mặc dù một số người tin cụm từ "Tao Guang Yang Hui" nhận được sự chú ý quá mức của khán giả nước ngoài, nhưng quan điểm như vậy là sai lầm. Cụm từ này xuất hiện trên một loạt các bài phát biểu, hồi

ký và bài bình luận chính thức của cấp lãnh đạo làm cho tầm quan trọng và đường nét của nó trở nên rõ ràng. “Tao Guang Yang Hui” được gắn với đánh giá của Trung Quốc về “cán cân quyền lực quốc tế” [国际力量 对比]. Khi cán cân quyền lực đó thay đổi, chiến lược cũng thay đổi theo.

Tao Guang Yang Hui (Thao Quang Dưỡng Hối) Người Trung Quốc biết họ cần từ 30 tới 40 năm hòa bình nữa thì mới bắt kịp với phần còn lại của thế giới. Họ đã đi đến kết luận nếu họ vẫn giữ nguyên lộ trình, tránh làm phật lòng các cường quốc hiện tại và kết bạn với mọi nước, họ sẽ chỉ càng ngày càng mạnh hơn. Việc này sẽ cho họ không gian để giải quyết các vấn đề nội bộ và tiếp tục phát triển kinh tế.

Theo chiến lược, Trung Quốc đã chọn không xây dựng nền tảng cho quyền bá chủ châu Á vì họ sợ làm như vậy sẽ gây bất an cho Hoa Kỳ và các nước láng giềng của mình. Nó tránh các khoản đầu tư lớn vào hàng không mẫu hạm, các tổ chức quốc tế đầy tham vọng và các kế hoạch kinh tế khu vực và thay vào đó - như ba chương tiếp theo sẽ trình bày - theo đuổi việc cắt giảm. Ở cấp độ quân sự, Bắc Kinh chuyển từ chiến lược “kiểm soát biển” ngày càng tập trung vào việc nắm giữ lãnh thổ biển xa sang “chiến lược từ chối biển”, tập trung vào việc hạn chế khả năng quân đội Mỹ đi qua, kiểm soát hoặc can thiệp vào các vùng biển gần Trung Quốc. Ở cấp độ chính trị, Bắc Kinh quyết định tham gia và sau đó đình trệ các thể chế khu vực, làm giảm khả năng của Washington trong việc sử dụng chúng để thúc đẩy hệ tư tưởng phương Tây hoặc tổ chức một NATO châu Á. Và ở cấp độ kinh tế, không bị ảnh hưởng bởi các lệnh trừng phạt thời Thiên An Môn, Bắc Kinh đã chiến đấu để duy trì khả năng tiếp cận thị trường, vốn và công nghệ của Mỹ thông qua các thỏa thuận song phương và đa phương nhằm loại bỏ việc tùy tiện sử dụng các biện pháp ép buộc kinh tế của Mỹ. Cùng với nhau, chiến lược cắt giảm của Trung Quốc rất đáng chú ý cả về khả năng và sự khôn khéo của nó trên nhiều công cụ. Như Đặng đã từng tuyên bố, các nhà lãnh đạo Trung Quốc

biết Chiến tranh Lạnh đã kết thúc, nhưng họ lo sợ một cuộc chiến khác đã bắt đầu. Họ đã chuẩn bị cho phù hợp.

CHUYỂN ĐỔI TRẠNG THÁI GIỮA BẠN & THÙ

Dưới màn che của bóng tối vào một buổi sáng thứ Sáu mát mẻ vào tháng 6 năm 1989, Cố vấn An ninh Quốc gia Brent Scowcroft đã lên chiếc máy bay chở hàng quân sự C-141 lúc 5 giờ sáng. và cất cánh từ Căn cứ Không quân Andrews cho một nhiệm vụ bí mật tới Bắc Kinh. Chuyến đi nhằm mục đích ổn định mối quan hệ song phương khoảng ba tuần sau khi Quân đội Giải phóng Nhân dân nổ súng vào những người biểu tình sinh viên ở Quảng trường Thiên An Môn, và điều này là bất thường. Để giữ bí mật, Scowcroft cần một chiếc máy bay như C-141 có thể tiếp nhiên liệu trên không và không cần hạ cánh. Để chở Scowcroft và hai người bạn đồng hành, chiếc C-141 cần được trang bị đặc biệt như một chiếc 'pallet tiện nghi' với giường và ghế ngồi. Và để giảm nguy cơ xảy ra sự cố quân sự, chiếc máy bay cần được gỡ bỏ dấu hiệu Không quân và phi hành đoàn quân sự của nó mặc trang phục dân sự. Biện pháp cuối cùng đó chỉ thành công ở mức khiêm tốn. Nhiệm vụ bí mật đến mức các đơn vị phòng không địa phương của Trung Quốc không hề hay biết và suýt nữa đã bắn vào máy bay của Scowcroft, nhưng quyết định gọi điện trước cho văn phòng của Chủ tịch Dương Thượng Côn. "Thật may mắn cho chúng tôi," Scowcroft sau đó kể lại, "cuộc gọi đã thành công."

Khi máy bay hạ cánh vào chiều ngày 1 tháng 7, nó nằm khuất sau một nhà ga cũ tránh xa những con mắt tò mò. Sáng hôm sau, Scowcroft gặp Đặng Tiểu Bình, Lý Bằng, và các quan chức khác, cùng một nhiếp ảnh gia tình cờ là con trai của Chủ tịch Dương. Trước chuyến thăm của Scowcroft, Tổng thống George H. W. Bush đã gửi một bức thư bí mật cho Đặng Tiểu Bình về tầm quan trọng của quan hệ song phương; bây giờ, Scowcroft sẽ đích thân mang một thông điệp tương tự để trấn an nhà lãnh đạo tối cao của Trung Quốc rằng bất chấp những biện pháp cứng rắn mà Hoa Kỳ buộc phải thực hiện để đáp trả lại sự đàn

áp của Trung Quốc, Washington sẽ hạn chế các hành động của mình để duy trì mối quan hệ.

Cuối cùng, nỗ lực đã tạo ra một chút khác biệt. Đặng ban đầu ca ngợi chính quyền Bush vì 'thái độ lạnh lùng' nhưng sau đó chuyển sang chỉ trích mạnh mẽ, lập luận "Hoa Kỳ với Chính sách đối ngoại đã thực sự dồn Trung Quốc vào chân tường." Quảng trường Thiên An Môn "là một sự kiện chấn động trái đất", ông nói, "và rất đáng tiếc là Hoa Kỳ đã tham gia quá sâu vào nó." Ông Đặng lập luận các lệnh trừng phạt và chỉ trích của Hoa Kỳ từ Quốc hội và các phương tiện truyền thông đã "dẫn đến sự tan vỡ của mối quan hệ", và việc "tháo gỡ nút thắt" là tùy thuộc vào Washington. một mối đe dọa hiện hữu đối với Đảng. Ông nói: "Mục đích của cuộc nổi dậy phản cách mạng là lật đổ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và hệ thống xã hội chủ nghĩa của chúng tôi, và Washington dường như sẵn sàng "đổ thêm dầu vào lửa". Scowcroft lại cố gắng nhấn mạnh quan điểm của Mỹ, nhưng ông Đặng rõ ràng đã quyết định. "Tôi không có nhiều thời gian," ông ấy trả lời mặc dù có sự tiếp đón nồng nhiệt đối với Scowcroft, và nhấn mạnh ông không đồng ý với "một phần đáng kể" trong nhận xét của cố vấn an ninh quốc gia.

Một thập kỷ sau, Scowcroft phản ánh về những cuộc họp này và ghi nhận thách thức mà ông phải đối mặt trong việc trấn an Bắc Kinh. "Tôi đã giải thích nhiều lần... cách hệ thống của chúng tôi hoạt động, nhưng tôi nghĩ họ không bao giờ thực sự tin vào điều đó," ông nói về nỗ lực giải thích sự chia rẽ giữa Quốc hội và chính quyền Bush về các lệnh trừng phạt Thiên An Môn. Sự khác biệt trong văn hóa và Scowcroft nhận xét: "chúng tôi quan tâm đến tự do và nhân quyền." Chính xác là khoảng cách ý thức hệ này - với các giá trị tự do được đặt ra. một mối nguy hiểm đối với ĐCSTQ - điều đã khiến Hoa Kỳ trở nên quá đe dọa đối với Bắc Kinh và điều đó khiến Bắc Kinh quá khó để trấn an.

Tuy nhiên, chỉ vài tháng trước Thiên An Môn, tình hình đã hoàn toàn khác. Trong cuộc gặp tháng 2 năm 1989 với Tổng thống Bush, Đặng đã tập trung chăm chú vào mối đe dọa từ Liên Xô.

Các cuộc đụng độ biên giới, vũ khí hạt nhân và sự hiện diện của ba mươi sư đoàn Liên Xô ở biên giới Trung Quốc đã khiến chiến tranh quy mô lớn có thể xảy ra. Ông đã gói mối quan tâm của mình vào lịch sử. Đặng kể lại với Bush: "Nhật Bản đã gây thiệt hại lớn nhất cho Trung Quốc, nhưng Liên Xô mới chiếm 'ba triệu km vuông' lãnh thổ Trung Quốc. Những người trên 50 tuổi ở Trung Quốc nhớ hình dạng của Trung Quốc giống như một cây phong. Bây giờ, nếu bạn nhìn vào bản đồ," ông Đặng giải thích, "bạn sẽ thấy một phần lớn phía bắc bị cắt đứt" bởi Liên Xô. Mặc dù vậy, ông nhận thấy nhà lãnh đạo Liên Xô Joseph Stalin là một người bạn của Trung Quốc, người đã ủng hộ quá trình hiện đại hóa nước này, nhưng người kế nhiệm là Nikita Khrushchev đã "hủy bỏ hàng trăm hợp đồng Trung-Xô trong một đêm" và tìm cách bao vây Trung Quốc. Ông Đặng nói: "Suốt dọc biên giới Trung-Xô, ở phía tây và phía đông, Liên Xô đồn trú một triệu người và triển khai khoảng một phần ba tổng số tên lửa hạt nhân của mình. đã được thêm vào và sau đó là Việt Nam [cũng như Afghanistan và Campuchia]. Giờ đây, Liên Xô có quyền vận chuyển đường hàng không quân sự qua Triều Tiên, cho phép họ kết nối với Vịnh Cam Ranh [ở Việt Nam]. Máy bay của họ hiện có thể tiến hành trinh sát không phận Trung Quốc." Đặng nói rõ đánh giá này đòi hỏi "sự phát triển quan hệ của họ với Hoa Kỳ". Sau đó, ông đưa ra điểm mấu chốt: "Làm thế nào để Trung Quốc không cảm thấy mối đe dọa lớn nhất đến từ Liên Xô?" Đánh giá về mối đe dọa của Liên Xô không chỉ vì lợi ích của Bush. Khi nhà lãnh đạo Liên Xô Mikhail Gorbachev đến thăm Bắc Kinh vài tháng sau đó, Đặng đã trực tiếp chuyển tải đánh giá tương tự về mối đe dọa của Liên Xô cho Gorbachev.

Tổng thống George H. W. Bush và Đặng Tiểu Bình

Mặc dù Bắc Kinh đôi khi tìm cách cải thiện quan hệ với Liên Xô và nhấn mạnh lợi ích của họ đối với một chính sách đối ngoại 'độc lập' vào đầu những năm 1980, nhưng rõ ràng là họ nghiêng hẳn về phía Washington. Trung Quốc hợp tác chặt chẽ với Hoa Kỳ trong các vấn đề an ninh, quân sự và Các văn bản học thuyết vẫn chủ yếu tập trung vào khả năng xảy ra chiến tranh với Liên Xô chứ không phải Hoa Kỳ. Khi nhà báo Mỹ Mike Wallace hỏi Đặng trong một cuộc phỏng vấn vào năm 1986 tại

sao mối quan hệ của Trung Quốc với nước Mỹ tư bản chủ nghĩa hơn mối quan hệ của họ với những người cộng sản Liên Xô, Đặng không phản đối đánh giá của Wallace. Ông giải thích: "Trung Quốc không coi các hệ thống xã hội là tiêu chí trong cách tiếp cận các vấn đề, mà thay vào đó tập trung vào 'các điều kiện cụ thể' của những vấn đề đó." Trong suốt những năm 1980, nguy cơ chiến tranh với Liên Xô vẫn là một vấn đề đáng kể. cho Bắc Kinh.

Khi những năm 1980 kết thúc, và khi cuộc họp với Scowcroft được tiết lộ, đánh giá của Trung Quốc đang thay đổi. Quảng trường Thiên An Môn năm 1989, Chiến tranh vùng Vịnh 1990-1991 và sau đó là sự sụp đổ của Liên Xô năm 1991 đã khiến Trung Quốc coi Hoa Kỳ chứ không phải Liên Xô là mối đe dọa chính của Trung Quốc, như các tài liệu có thẩm quyền cho thấy rõ.

Bất chấp những nỗ lực của chính quyền Bush, những nhận xét của Đặng về Hoa Kỳ đã thay đổi đáng kể bắt đầu từ năm 1989. Trong suốt hầu hết những năm 1980, khi một bài đánh giá về các Tác phẩm được chọn của ông cho thấy rõ ràng, Đặng thỉnh thoảng chế nhạo Hoa Kỳ vì sự kiêu ngạo dân chủ hoặc vì sự can thiệp vào Đài Loan, tuy nhiên ông không coi Hoa Kỳ là một mối đe dọa. Sau năm 1989, ông thường xuyên tố cáo Hoa Kỳ về mặt ý thức hệ. Ví dụ, trong một cuộc nói chuyện riêng với một số thành viên của Ủy ban Trung ương ĐCSTQ chỉ hai tháng sau cuộc gặp với Scowcroft, Đặng nói "không còn nghi ngờ gì nữa, những kẻ đế quốc muốn các nước xã hội chủ nghĩa thay đổi bản chất của họ. Vấn đề bây giờ không phải là ngọn cờ của Liên Xô có sụp đổ hay không - ở đó chắc chắn sẽ có bất ổn - mà là ngọn cờ của Trung Quốc có sụp đổ hay không."

Tình cảm đã trở thành đặc điểm chung trong các nhận xét của Đặng, thậm chí cả những nhận xét công khai của ông ấy. "Phương Tây thực sự muốn bất ổn ở Trung Quốc," Đặng tuyên bố vào cuối tháng đó, "họ muốn bất ổn không chỉ ở Trung Quốc mà còn ở Liên Xô và Đông Âu. Hoa Kỳ và một số nước phương Tây khác đang cố gắng thực hiện diễn biến hòa bình theo

hướng chủ nghĩa tư bản ở các nước xã hội chủ nghĩa." Trong suy nghĩ của Đặng, mối đe dọa với Trung Quốc là một hình thức chiến tranh. Ông lập luận: "Hoa Kỳ đã đặt ra một cách diễn đạt: tiến hành một cuộc chiến tranh thế giới mà không có súng đạn. Chúng ta nên đề phòng điều này. Các nhà tư bản muốn đánh bại những người xã hội chủ nghĩa về lâu dài. Trước đây họ sử dụng vũ khí, bom nguyên tử, bom khinh khí nhưng bị các dân tộc trên thế giới phản đối. Vì vậy, bây giờ họ đang cố gắng dùng diễn biến hòa bình."

Diễn biến hòa bình là khái niệm được một số nước xã hội chủ nghĩa sử dụng để nói về một chiến lược chính trị - ý thức hệ và xã hội của chủ nghĩa tư bản và chính trị cánh hữu nhằm chống lại chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Marx-Lenin và chủ nghĩa cộng sản.

Trong cuộc gặp với Richard Nixon sau Thiên An Môn, Đặng tuyên bố "Hoa Kỳ đã tham gia sâu sắc" vào "những xáo trộn gần đây và cuộc nổi dậy phản cách mạng" của sinh viên và "một số người phương Tây". Đang cố gắng lật đổ hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc. Trong một bài phát biểu vào tháng 11 năm 1989, ông cảnh báo, "Các nước phương Tây đang dàn dựng một cuộc chiến tranh thế giới thứ ba mà không có tiếng súng." Trách nhiệm của phương Tây về sự cố Thiên An Môn. Ông lập luận: "Các nước phương Tây, đặc biệt là Hoa Kỳ, thiết lập tất cả các bộ máy tuyên truyền của họ để thổi bùng ngọn lửa, khuyến khích và ủng hộ cái gọi là các nhà dân chủ hoặc phe đối lập ở Trung Quốc, những người thực chất là cặn bã của đất nước Trung Quốc. Đó là lý do khiến tình trạng hỗn loạn xảy ra." Theo quan điểm của Đặng, không chỉ Hoa Kỳ phải chịu trách nhiệm, mà các mục tiêu của nước này đều mang tính thù địch: "Khi kích động tình trạng bất ổn ở nhiều quốc gia, họ thực sự đang chơi quyền lực chính trị và tìm kiếm bá quyền. Họ đang cố gắng đưa vào phạm vi ảnh hưởng của họ với các quốc gia mà trước đây họ không thể kiểm soát. Một khi điểm này được làm rõ ràng, nó sẽ giúp chúng ta hiểu được bản chất của vấn đề."

Giữa những lo ngại, cuộc biểu dương vũ lực của Hoa Kỳ trong Chiến tranh Vùng Vịnh vào đầu năm 1991 - như chương sau sẽ nói rõ hơn - đã khiến Bắc Kinh lo ngại. Khi bắt đầu cuộc chiến, các nhà phân tích và lãnh đạo Trung Quốc vẫn tin Hoa Kỳ sẽ chịu thương vong cao và thậm chí có thể không đảm bảo được các mục tiêu của mình. Họ lưu ý 'sự gây hấn' của Hoa Kỳ đối với Iraq sẽ kém hiệu quả hơn so với chống lại Grenada, Libya và Panama; Iraq, với trang thiết bị tương tự và trong một số trường hợp vượt trội hơn so với Trung Quốc, sẽ tiến hành một hình thức "Chiến tranh nhân dân trong điều kiện hiện đại" thành công; và Hoa Kỳ sẽ bị kéo vào một cuộc chiến trên bộ lâu dài dẫn đến thất bại chính trị.

Chiến tranh Vùng Vịnh năm 1991 (cũng gọi là Chiến tranh vịnh Ba Tư hay Chiến dịch Bão táp Sa mạc) là một cuộc xung đột giữa Iraq và liên minh 38 quốc gia do Hoa Kỳ lãnh đạo và được Liên Hợp Quốc phê chuẩn để giải phóng Kuwait.

Sự kiện dẫn tới chiến tranh là việc Iraq xâm chiếm Kuwait ngày 2 tháng 8 năm 1990, sau khi Iraq cho rằng (nhưng không chứng minh được) Kuwait đã 'khoan nghiêng' giếng dầu của họ vào biên giới Iraq. Hậu quả của cuộc xâm lược là Iraq ngay lập tức bị Liên Hợp Quốc áp đặt trừng phạt kinh tế. Những hành động quân sự bắt đầu từ tháng 1 năm 1991, dẫn tới thắng lợi hoàn toàn của các lực lượng đồng minh, buộc quân đội Iraq phải rút khỏi Kuwait với tổn thất nhân mạng ở mức tối thiểu cho lực

lượng đồng minh. Những trận đánh chính là trên không và trên bộ bên trong Iraq, Kuwait và những vùng giáp biên giới Ả Rập Xê Út. Cuộc chiến không mở rộng ra ngoài vùng biên giới Iraq/Kuwait/Ả Rập Xê Út, dù Iraq đã bắn tên lửa vào các thành phố của Israel.

Tất cả những điều này đã được phóng đại một cách phi thường, và khi Hoa Kỳ thắng lợi một cách ngoạn mục trong cuộc xung đột, một ban lãnh đạo sửng sốt của Trung Quốc đã nhìn thấy sự tương đồng đáng sợ giữa thất bại của Iraq và số phận có thể có của Trung Quốc trong cuộc xung đột với Hoa Kỳ. Một số nhân vật Trung Quốc đã viết công khai Chiến tranh vùng Vịnh là một ví dụ về "chủ nghĩa bá quyền toàn cầu" của Hoa Kỳ và "Hoa Kỳ có ý định thống trị thế giới," bao gồm cả Trung Quốc. Cuộc xung đột không chỉ làm Trung Quốc tăng cường nỗi sợ hãi Hoa Kỳ mà còn dẫn đến Quân ủy Trung ương đưa ra một sáng kiến lớn nhằm nghiên cứu cuộc xung đột và cách chế tạo vũ khí phi đối xứng để đối phó với quân đội Mỹ, những nỗ lực tối cao của nhà lãnh đạo Đặng đã được thảo luận và trong đó người kế nhiệm ông là Giang Trạch Dân trực tiếp tham gia.

Sự sụp đổ của Liên Xô vào năm sau đó đánh dấu chặng cuối cùng của cuộc tam hùng. Vào lúc đó, phần lớn thế giới xã hội chủ nghĩa đã biến mất, và Trung Quốc ngày càng đứng đơn độc. Như giáo sư David Shambaugh của Đại học George Washington đã ghi lại, sự sụp đổ của Liên Xô đã có tác động sâu sắc đến Đảng, truyền cảm hứng cho một cách nghiên cứu về những gì đã xảy ra và nhiều bài viết về sự lật đổ của Hoa Kỳ. Thập kỷ sau, các nhà lãnh đạo Trung Quốc vẫn bị ảnh hưởng bởi sự kiện này, với việc nhà lãnh đạo tối cao Tập Cận Bình tiếp tục hỗ trợ nghiên cứu về sự kiện và đưa ra những suy nghĩ của riêng mình về nó — đặc biệt là tầm quan trọng của việc chống lại chủ nghĩa tự do phương Tây.

Cùng với nhau, những đoạn trích này chứng minh sự điều chỉnh đáng chú ý trong nhận thức về mối đe dọa của Trung Quốc. Những nhận định của Đặng về mối đe dọa của Hoa Kỳ là những phán quyết chính thức của Đảng và chúng được nhắc lại trong

vô số tài liệu quân sự, kinh tế và chính trị hẹp hơn. Nhận thức về mối đe dọa này đã hình thành nên yếu tố then chốt trong đó một chiến lược lớn mới của Trung Quốc sẽ được hình thành — một chiến lược tập trung vào việc tồn tại trước mối đe dọa Hoa Kỳ.

SỐNG SÓT TRƯỚC MỐI ĐE DỌA HOA KỲ

Vào năm 780 sau Công Nguyên, nhà thơ gầy gò và ốm yếu với "tài năng quỷ dị" Lý Hạ (李贺) được sinh ra "trong một nhánh nhỏ của hoàng gia nhà Đường", vận may đã sa sút từ lâu. Lý là một nhà thơ xuất sắc ở tuổi lên bảy, nhưng cuộc sống gặp nhiều khó khăn. Cha qua đời khi còn nhỏ, và Lý sau đó bị loại khỏi Kỳ thi Hoàng gia, ngăn ông có được một chức vụ để hỗ trợ gia đình và cơ ngơi đổ nát của họ và đẩy ông vào một sự nghiệp quân sự dẫn đến cái chết không đúng lúc ở tuổi 20. Những bài thơ sống động và thường bi quan của Lý có thể đã bị lưu vào lịch sử nếu ông không thu hút được sự chú ý của nhà thơ và quan chức lỗi lạc Han Yun, người gặp Lý lúc mười chín tuổi, đọc dòng đầu tiên của một trong những bài thơ của ông, ngay lập tức nhận ra thiên tài của ông, và rất có thể đã giúp bảo quản công việc của ông ấy.

Nhiều thế kỷ sau, tác phẩm đó đã truyền cảm hứng cho Mao Trạch Đông. Và có thể chính sự liên kết chính xác đó với Mao đã khiến nhà lãnh đạo Trung Quốc Giang Trạch Dân trong bài phát biểu năm 1998 trước Quân ủy Trung ương, Giang cảnh báo các lực lượng phương Tây đang tìm kiếm sự sụp đổ của Trung Quốc. Bằng sự trùng hợp thuần túy, Giang đã chọn đúng dòng chữ được cho là đã làm lóa mắt Han Yun từ nhiều thế kỷ trước. "Những đám mây đen đè nặng lên thành phố," Giang nói, "và thành phố đang trên bờ vực sụp đổ."

Cảnh báo của Giang hầu như không có gì bất thường. Niềm tin Hoa Kỳ là mối đe dọa chính của Trung Quốc và chiến lược lớn của Trung Quốc nên tập trung vào việc tồn tại trước mối đe dọa đó, đã được khẳng định trong gần hai thập kỷ trong các bài phát biểu của cấp lãnh đạo được tìm thấy trong các bản

tóm tắt của Đảng. Phần này khám phá một số điều có thẩm quyền nhất trong số này, đặc biệt là các Hội nghị Đại sứ quan trọng và không thường xuyên được tổ chức định kỳ sáu năm một lần để nhắc lại hoặc thay đổi các nhận định về chính sách đối ngoại.

Hội nghị Đại sứ đầu tiên sau cuộc tam tai đau thương (ba sự kiện lớn) được tổ chức vào năm 1993 và đây chỉ là lần thứ tám trong lịch sử Trung Quốc. Trong bài phát biểu của mình, Giang Trạch Dân đã đưa ra một tình cảm khác hẳn với các bài phát biểu trước đó trước các Đại sứ vào năm 1986 của Triệu Tử Dương và Hồ Diệu Bang. "Kể từ bây giờ và trong một khoảng thời gian tương đối dài, Hoa Kỳ sẽ là đối thủ ngoại giao chính của chúng ta... Vị thế và vai trò của Hoa Kỳ trong thế giới ngày nay xác định nó là đối thủ chính trong các giao dịch quốc tế của chúng ta." Giang lập luận. Hoa Kỳ, ông ấy làm rõ, có ý định thù địch:

Chính sách của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc luôn có hai mặt. Diễn biến hòa bình ở nước ta là mục tiêu chiến lược lâu dài của Mỹ. Về bản chất, họ miễn cưỡng nhìn thấy sự thống nhất, phát triển và củng cố của Trung Quốc. Họ sẽ tiếp tục gây áp lực lên đất nước chúng ta về các vấn đề nhân quyền, thương mại, mua bán vũ khí, Đài Loan và Đức Đạt Lai Lạt Ma. Hoa Kỳ độc đoán trong các giao dịch với đất nước chúng ta và sở hữu tư thế của chủ nghĩa bá quyền và quyền lực chính trị.

Tuy nhiên, Giang lập luận trước các nhà ngoại giao tập hợp, có một mặt thứ hai trong chính sách của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc. "Mặt khác, Hoa Kỳ cân nhắc đến chiến lược toàn cầu và các lợi ích kinh tế cơ bản của mình, sẽ phải tập trung vào thị trường rộng lớn của đất nước chúng ta và không có lựa chọn nào khác ngoài tìm kiếm hợp tác với chúng ta trong các vấn đề quốc tế." Nói cách khác Giang lập luận, Washington "cần duy trì quan hệ bình thường với chúng ta". Mặc dù vậy, Trung Quốc không thể áp dụng chiến lược đối đầu công khai bởi vì, như Giang đã nhận xét, "Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu chính của chúng ta và là nguồn cung cấp hàng nhập khẩu quan trọng của

chúng ta. vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến." Thay vào đó, "bảo vệ và phát triển quan hệ Trung-Mỹ có ý nghĩa chiến lược" đối với Trung Quốc. Bằng cách hợp tác với Hoa Kỳ trong một số lĩnh vực và tránh đối đầu ở những lĩnh vực khác, Trung Quốc có thể giảm thiểu ác cảm với Hoa Kỳ, tiếp tục phát triển kinh tế và gia tăng sức mạnh tương đối của mình.

Năm năm sau, tại Hội nghị Đại sứ tiếp theo vào năm 1998, Giang tiếp tục nhấn mạnh mối đe dọa của Hoa Kỳ. Ông tuyên bố: "Một số người ở Hoa Kỳ và các nước phương Tây khác sẽ không từ bỏ âm mưu chính trị của họ để phương Tây hóa và chia rẽ đất nước chúng ta. Không quan trọng là nó đang áp dụng 'chính sách ngăn chặn' hay cái gọi là 'chính sách cam kết', tất cả đều có thể khác nhau theo 10.000 cách khác nhau mà cuối cùng không rời khỏi mục tiêu trung tâm của họ, đó là cố gắng với những động cơ thầm kín để thay đổi hệ thống xã hội chủ nghĩa của đất nước chúng ta và cuối cùng đưa đất nước chúng ta vào hệ thống tư bản phương Tây." Cuộc cạnh tranh với Washington sẽ là một cuộc đấu lâu dài. "Cuộc đấu tranh này là lâu dài và phức tạp," Giang tuyên bố, và "về vấn đề này, chúng ta phải luôn giữ một cái đầu tỉnh táo và không bao giờ được mất cảnh giác." Trong tâm trí của ông ấy, cũng có một nỗi sợ Washington có thể làm việc với Các nước láng giềng của Trung Quốc, và ông nói thêm, giống như Hoa Kỳ, "một số cường quốc láng giềng của chúng ta cũng muốn kiềm chế chúng ta theo những cách khác nhau." Sau đó, Giang đề nghị các nhà ngoại giao đánh giá những bất thường về quan hệ Trung-Mỹ, nhấn mạnh trước sự thù địch và mối đe dọa do Hoa Kỳ gây ra:

Vào tháng 11 và tháng 12 năm 1989, cựu Ngoại trưởng Hoa Kỳ và Cố vấn An ninh Quốc gia của Tổng thống, Brent Scowcroft đã liên tiếp đến thăm Trung Quốc và đồng chí Đặng Tiểu Bình đã gặp cả hai người và đưa ra một kế hoạch khôi phục quan hệ Trung-Mỹ. Kế hoạch cuối cùng đã thành hiện thực trong chuyến thăm cấp nhà nước của tôi [Giang] tới Hoa Kỳ. Vào thời điểm đó, chuyến thăm đã nhận được sự đồng ý của phía Hoa Kỳ, nhưng sau đó Hoa Kỳ thay đổi quyết định và từ chối. Do những

thay đổi mạnh mẽ ở Đông Âu, một số người ở Hoa Kỳ đã đặt hy vọng vào việc chúng ta 'thay đổi'. Năm 1991, một trận lụt nghiêm trọng ở Hoa Đông, và một số người ở Hoa Kỳ đã nghĩ chúng ta đang hỗn loạn. Vào tháng 12 năm đó khi Liên Xô sụp đổ, một số người ở Hoa Kỳ nghĩ chúng ta sẽ 'sụp đổ'. Năm 1992, Mỹ bán máy bay chiến đấu F-16 cho Đài Loan, năm 1995 họ cho phép lãnh đạo Đài Loan thăm Mỹ. Một số người ở Hoa Kỳ liên quan đến cái gọi là "Trung Quốc thời hậu Đặng" đã đưa ra đủ loại suy đoán và gây áp lực nhằm cố gắng áp đảo và hạ gục chúng ta.

Mặc dù nhiều người ở Washington tin quan hệ đã được cải thiện trong những năm 1990, nhưng Bắc Kinh lại nhìn nhận mọi thứ theo hướng khác và ông Giang nhấn mạnh sự hoài nghi của ông về ý định của Mỹ đối với việc thiết lập chính sách đối ngoại đã được lắp ráp. "Khi tôi ở New York với Clinton, ông ấy nói rõ với tôi rằng chính sách của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc không phải là cô lập, răn đe hay đối đầu, mà là sự can dự đầy đủ," Giang nói. cam đoan: "Chúng ta phải nhận ra chính sách của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc vẫn là hai mặt. Nỗ lực của các lực lượng chống Trung Quốc sẽ không thay đổi." Hơn nữa, Giang lập luận "Hoa Kỳ đang cố gắng xây dựng một thế giới đơn cực... và thống trị các vấn đề quốc tế" và điều đó, "trong một thời gian dài, Hoa Kỳ sẽ duy trì những lợi thế đáng kể về chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật và quân sự."

Sự liên tục của những quan điểm này trong hai bài phát biểu về chính sách đối ngoại quan trọng nhất của Trung Quốc là đáng chú ý. Sau đó, trong một bài phát biểu trước Quân ủy Trung ương khoảng mười năm sau Thiên An Môn, Giang nhấn mạnh những chủ đề này không hề giảm đi sự quan tâm. Ông nhận xét: "Sau khi trải qua những thay đổi mạnh mẽ ở Đông Âu, sự tan rã của Liên bang Xô Viết và sự kết thúc lưỡng cực vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990, những trở ngại trong quá trình phát triển chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới đã khiến chúng ta phải đối mặt với áp lực chưa từng có." Đặc biệt, "các thế lực quốc tế thù địch đã đe dọa chôn vùi chủ nghĩa cộng sản

trên thế giới, cho Trung Quốc sẽ nối gót Liên Xô và các nước Đông Âu và sẽ sớm sụp đổ. Họ đã gây sức ép toàn diện đối với Trung Quốc và công khai ủng hộ các lực lượng chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội và lực lượng ly khai trong nước của chúng ta khi họ tham gia vào các hoạt động phá hoại và lật đổ." Ông nói tiếp, các thế lực thù địch nước ngoài đang "tăng cường mọi hình thức xâm nhập và phá hoại các hoạt động nhằm vào việc phương Tây hóa và chia cắt đất nước của chúng ta, và tiếp tục sử dụng cái gọi là 'nhân quyền', 'dân chủ', 'tôn giáo', Đức Đạt Lai Lạt Ma, Đài Loan, các công cụ kinh tế và thương mại, và bán vũ khí để khuấy động." Khi tổng kết tình hình, ông tuyên bố "an ninh và sự ổn định xã hội và chính trị của Trung Quốc đang phải đối mặt với những mối đe dọa nghiêm trọng" từ Hoa Kỳ.

Trong một bài phát biểu khác của Quân ủy Trung ương hai năm sau đó, Giang nói rõ hơn nguyên nhân gây ra rắc rối của Trung Quốc là do Hoa Kỳ, và ông xác nhận các mối quan hệ cứng rắn với Hoa Kỳ được coi là bắt đầu từ ba bên: "Sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh, quan hệ Trung-Mỹ liên tục chông chênh, có lúc tốt, có lúc xấu."

Người kế nhiệm Giang, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào, tiếp tục nhấn mạnh mối đe dọa của Hoa Kỳ. Trong bài phát biểu trước Bộ Ngoại giao năm 2003, ông Hồ cho mặc dù "Hoa Kỳ và các nước phương Tây lớn khác cần tìm kiếm sự hợp tác của Trung Quốc trong các vấn đề quốc tế và khu vực lớn, chúng ta cũng phải nhận ra một thực tế nghiệt ngã là các thế lực thù địch phương Tây vẫn đang thực hiện phương Tây hóa và các thiết kế chính trị chia rẽ Trung Quốc."

Trong một đánh giá tổng thể về những gì có vẻ như bị rò rỉ tài liệu từ Đại hội Đảng lần thứ 16 của Trung Quốc được tổ chức vào năm trước, Andrew Nathan và Bruce Gilley kết luận "quản lý quan hệ với Hoa Kỳ được coi là một mối đe dọa hiện hữu" đối với an ninh của Trung Quốc. Toàn văn của các tài liệu tiết lộ, với việc Hồ Cẩm Đào và giới tinh hoa hàng đầu khác của Trung Quốc và các ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị vô cùng lo lắng về

quyền lực và ý định của Hoa Kỳ. Hồ Cẩm Đào đã xác định Hoa Kỳ là "tuyến chính [tức là sợi dây trung tâm] trong chiến lược chính sách đối ngoại của Trung Quốc." Ông cũng cho Hoa Kỳ đang tìm cách bao vây Trung Quốc:

Nhiều người ở Mỹ luôn coi Trung Quốc là một đối thủ chiến lược tiềm ẩn, và từ góc độ địa chính trị đã áp dụng cách tiếp cận can dự và kiềm chế hai mặt... Mỹ đã tăng cường triển khai quân sự ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, tăng cường liên minh quân sự Mỹ-Nhật, tăng cường hợp tác chiến lược với Ấn Độ, cải thiện quan hệ với Việt Nam, thu hút Pakistan, thành lập chính phủ thân Mỹ ở Afghanistan, tăng cường bán vũ khí cho Đài Loan, v.v. Họ đã mở rộng các tiền đồn và gây áp lực lên chúng ta từ phía đông, nam và tây. Điều này tạo ra một sự thay đổi lớn trong môi trường địa chính trị của chúng ta.

Trong cùng những hồ sơ đó, Thủ tướng Ôn Gia Bảo thấy Hoa Kỳ đang tìm cách kiềm chế Trung Quốc:

Hoa Kỳ đang cố gắng duy trì vị thế là siêu cường duy nhất của thế giới và sẽ không cho phép bất kỳ quốc gia nào có cơ hội gây ra thách thức cho mình. Mỹ sẽ duy trì chiến lược toàn cầu của mình dựa trên châu Âu và châu Á, và trọng tâm sẽ là kiềm chế Nga và Trung Quốc, đồng thời kiểm soát châu Âu và Nhật Bản. Cốt lõi của chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Trung Quốc vẫn là "can dự và kiềm chế". Một số lực lượng bảo thủ ở Mỹ vẫn kiên định với tư duy Chiến tranh Lạnh của họ, nhấn mạnh sự trỗi dậy của Trung Quốc sẽ làm tổn hại đến lợi ích của Mỹ. Quân đội Mỹ đang có kế hoạch chuyển trọng tâm kế hoạch quân sự từ châu Âu sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Mỹ sẽ tiếp tục gây áp lực [lên chúng ta] đối với Đài Loan, nhân quyền, an ninh, kinh tế và thương mại.

Các nhân vật nổi tiếng khác, như cố vấn cánh tay phải của Giang Trạch Dân, Tăng Khánh Hồng, cũng tuyên bố tương tự "người Mỹ liên tục lo lắng một Trung Quốc mạnh sẽ đe dọa vị thế đứng đầu của họ. Vì vậy, Mỹ vừa muốn thống trị thị trường Trung Quốc vừa tìm mọi cách có thể để kìm hãm sự phát triển

của nó.” Ngay cả Lý Thụy Hoàn, một thành viên Ủy ban Thường vụ, người từng ủng hộ tự do hóa chính trị khiêm tốn, cũng coi ý định của Mỹ là thù địch:

Nói thật, Hoa Kỳ rất rõ ràng về sức mạnh của chúng ta. Họ biết Trung Quốc ngày nay không phải là một mối đe dọa trực tiếp đối với Hoa Kỳ. Nhưng đối với chiến lược phát triển dài hạn của Mỹ, khi nhìn vào sức mạnh phát triển tiềm ẩn của chúng ta, nếu nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục phát triển trong vài thập kỷ nữa, nó sẽ đủ lớn để có thể cân bằng với họ. Vì vậy, họ muốn kiềm chế chúng ta, họ muốn thực hiện chính sách ‘cây gậy và củ cà rốt’. Sẽ vô ích nếu chúng ta dùng nhiều từ để bác bỏ ‘lý thuyết về mối đe dọa Trung Quốc’ của họ. Người Mỹ sẽ không lắng nghe.

Trong những năm sau Đại hội Đảng lần thứ 16, khi Washington ngày càng bận tâm đến Trung Đông, Trung Quốc tiếp tục lo ngại về mối đe dọa từ Mỹ. Năm 2006, Hồ Cẩm Đào chủ trì Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương — đây chỉ là lần thứ ba trong toàn bộ lịch sử của CHND Trung Hoa mà loại hội nghị này được triệu tập. Tại đó, ông nhấn mạnh mối đe dọa của Hoa Kỳ và thảo luận về nỗi sợ hãi của Trung Quốc bị Hoa Kỳ bao vây cùng với các đồng minh của mình: “Hoa Kỳ và các nước phương Tây khác đã thúc đẩy mạnh mẽ việc thành lập một 'liên minh các quốc gia dân chủ',” ông cảnh báo. Sau đó, lặp lại ngôn từ của các Tổng Bí thư trước đó trong bối cảnh tương tự, ông Hồ nhấn mạnh “Hoa Kỳ vẫn là đối thủ chính mà chúng ta cần đối phó trên trường quốc tế.”

Cùng với nhau, tất cả các tài khoản này cho thấy Hoa Kỳ là trọng tâm xác định trong kế hoạch chiến lược của Trung Quốc. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhất quán coi Hoa Kỳ là đối thủ chính của Trung Quốc, xác định rõ ràng đây là mối đe dọa chính của Trung Quốc và nêu lên lo ngại về sự cần thiết phải quản lý các mối quan hệ của Hoa Kỳ. Bây giờ chúng ta chuyển sang những cách mà Trung Quốc đã thực hiện để tránh sự ngăn cản và làm giảm sức mạnh của Mỹ.

“ẨN MÌNH CHỜ THỜI” CỦA ĐẶNG TIỂU BÌNH

Vào khoảng năm 494 trước Công nguyên ở vùng đất ngày nay là tỉnh Chiết Giang và Giang Tô, các cường quốc Việt và Ngô đã tranh giành lợi thế. Khi Việt vương Câu Tiễn quá tự tin quyết định tấn công Vua Phù Sai của Ngô, kết quả là một thất bại thảm hại. Để cứu nước Việt khỏi nguy cơ tuyệt chủng, Việt vương Câu Tiễn bị sỉ nhục đã tự đặt mình vào tù và phục dịch tại triều đình của Phù Sai, nơi ông sống như một thường dân và dọn dẹp chuồng ngựa. Trong khi nuôi dưỡng hy vọng trả thù, Câu Tiễn bị đánh bại không bao giờ tỏ ra bực bội, và phẩm giá trầm lặng cùng những biểu hiện phô trương lòng trung thành đã giúp ông được ân xá từ vua Phù Sai.

Việt vương Câu Tiễn

Khi Câu Tiễn trở về nhà để dẫn dắt nước Việt, ông ngủ trên gai và liếm túi mật của một con vật bị giết thịt hàng ngày để ghi nhớ sự sỉ nhục và củng cố quyết tâm [từ đó có câu thành ngữ 'nếm mật nằm gai' (臥薪嘗膽, 'ngọa tân thường đảm'). Trong khi vẫn tỏ ra tuân phục công khai Vua Phù Sai, ông lặng lẽ bắt đầu xây dựng sức mạnh và lật đổ vương quốc suy tàn của Phù Sai bằng cách hối lộ các quan chức nước Ngô, khuyến khích Phù Sai chơi bời, làm rỗng kho thóc và đánh lạc hướng bằng phụ nữ

và rượu (Tây Thi). Khoảng một thập kỷ sau, một nước Việt mạnh hơn rất nhiều xâm chiếm và chinh phục nước Ngô đang suy tàn.

Nhà sử học Paul A. Cohen cho câu chuyện này mang tính ngụ ngôn hơn là lịch sử và có tác động lâu dài về mặt văn hóa. Nó đã tạo ra những thành ngữ tích cực như 'nếm mật nằm gai' để khuyến khích làm việc chăm chỉ và kỷ luật trong trường học hoặc kinh doanh, cũng như các cách diễn đạt đen tối hơn như 'quân tử trả thù mười năm chưa muộn'. Câu chuyện ngụ ngôn thường xuyên được trích dẫn bởi những người theo chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc trong Thế kỷ nhục nhã, phong trào tự cường sau đó, và — một cách phê phán — trong các bài diễn văn của Trung Quốc về phương châm chiến lược sau Chiến tranh Lạnh của Đặng Tiểu Bình rằng Trung Quốc phải 'ẩn mình chờ thời' (Tao Guang Yang Hui), với câu chuyện ngụ ngôn hình thành nên một phần của 'kiến thức văn hóa' mà từ đó, hướng dẫn này xuất hiện trong nhiều cuộc thảo luận học thuật. Sự liên tưởng đó sẽ không có gì đáng ngạc nhiên. Những người theo chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản và Việt Nam đôi khi cũng lật lại câu chuyện với mục đích tương tự. Cũng không nên coi mối liên hệ này như một bằng chứng rằng bằng cách nào đó Trung Quốc đã che giấu những thiết kế tàn bạo và lừa đảo như Việt vương Câu Tiễn. Câu chuyện ngụ ngôn gợi ý gì về điều này. phương châm của Đặng phải được thực hiện một cách nghiêm túc, được hiểu trong bối cảnh chủ nghĩa dân tộc rộng lớn hơn, và không bị bác bỏ như một đảng phái đơn thuần.

'Ẩn mình chờ thời' là cách viết tắt đề cập đến lời khuyên dài hơn hai mươi bốn ký tự của Đặng: Trung Quốc nên "quan sát một cách bình tĩnh, đảm bảo vị trí của chúng ta, đối phó với công việc một cách bình tĩnh, che giấu khả năng của chúng ta và chờ thời, duy trì một tư cách thấp, không bao giờ tuyên bố quyền lãnh đạo." Đây là một chiến lược. Trung Quốc đã không theo đuổi các hành động khu vực có thể làm Hoa Kỳ lo lắng; thay vào đó, nó tập trung vào việc làm mất đi nền tảng quyền lực của Hoa Kỳ một cách từ từ.

‘Ẩn mình chờ thời’ xuất hiện sau thảm họa Thiên An Môn, Chiến tranh Vùng Vịnh và sự sụp đổ của Liên Xô. Một số nguồn tin của Trung Quốc, bao gồm cả các bài báo trên trang web của tờ Nhân dân Nhật báo của Đảng, kể lại lịch sử của nó:

[‘Ẩn mình chờ thời’] được Đặng Tiểu Bình đưa ra trong ‘thời kỳ đặc biệt’ với những thay đổi mạnh mẽ ở Đông Âu và sự tan rã của phe xã hội chủ nghĩa ở đó vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990. Vào thời điểm đó, Trung Quốc phải đối mặt với những câu hỏi về ‘phải làm gì’ và ‘đi theo hướng nào’ cũng như những câu hỏi khác mà nước này cần khẩn cấp trả lời, và Đặng Tiểu Bình đã đưa ra một loạt suy nghĩ/hệ tư tưởng và biện pháp đối phó.

Một bài báo khác trên trang Nhân dân Nhật báo cũng nói như vậy, có từ sau Thiên An Môn: “Vào đầu Chiến tranh Lạnh kết thúc, khi Trung Quốc bị các nước phương Tây trừng phạt, đồng chí Đặng Tiểu Bình đã đưa ra... ‘Ẩn mình chờ thời’.” quan chức của Đảng, từ các nhà lãnh đạo tối cao như Hồ Cẩm Đào đến các ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị như Lưu Hoa Thanh đã lặp lại điều này.

Tài liệu tham khảo chính thức sớm nhất về các nguyên lý cốt lõi của ‘Ẩn mình chờ thời’ được đưa ra sau Thảm sát Thiên An Môn. Trong bài phát biểu năm 1989 trước Ủy ban Trung ương ĐCSTQ, Đặng đã trình bày phần lớn nội dung: “Nói tóm lại, quan điểm của tôi về tình hình quốc tế có thể được tóm gọn trong ba câu. Đầu tiên, chúng ta nên quan sát tình hình một cách lạnh lùng. Thứ hai, chúng ta nên giữ vững lập trường của mình. Thứ ba, chúng ta nên hành động một cách bình tĩnh. Đừng nóng vội; không có gì tốt nếu thiếu kiên nhẫn. Chúng ta nên bình tĩnh, và lặng lẽ đắm mình vào công việc thực tế để hoàn thành một điều gì đó - điều gì đó cho Trung Quốc.” Cùng nhau, những điều này tạo thành Tao Guang Yang Hui (‘Ẩn mình chờ thời’). Như các học giả Trung Quốc Chen Dingding của Đại học Tế Nam và Wang Jianwei của Đại học Macao viết trong một bài phân tích về bài phát biểu này, “Mặc dù ông Đặng không sử dụng cụm từ

TGYH [Tao Guang Yang Hui] chính xác, nhưng tinh thần của TGYH rất rõ ràng trong các bài nói của ông ấy."

Thời gian trôi qua, Đặng đã có một số bài phát biểu làm sáng tỏ Tao Guang Yang Hui và đặt nó vào vị trí trung tâm trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc bằng ngôn ngữ gợi ý mạnh mẽ rằng khái niệm này nhằm khuyến khích sự tự kiềm chế của người Trung Quốc vào thời điểm mà sức mạnh tương đối của họ còn thấp. Ví dụ, trong một bài phát biểu được tóm tắt trong biên niên sử chính thức của Đặng Tiểu Bình, Đặng đã tuyên bố Tao Guang Yang Hui là thành phần trung tâm trong tầm nhìn chiến lược của ông đối với chính sách đối ngoại của Trung Quốc và nói nó được hình thành bởi nhận thức về sức mạnh tương đối của Trung Quốc: "Chỉ bằng cách làm theo Tao Guang Yang Hui trong một số năm, chúng ta có thể thực sự trở thành một cường quốc chính trị tương đối lớn, và sau đó khi Trung Quốc lên tiếng trên trường quốc tế, điều đó sẽ tạo ra sự khác biệt. Khi chúng ta có khả năng, chúng ta sẽ chế tạo vũ khí công nghệ cao tinh vi." Ở đây, Đặng liên kết hoạt động ngoại giao hạn chế của Trung Quốc và trì hoãn đầu tư quân sự với chiến lược Tao Guang Yang Hui của ông, và cụ thể là điểm yếu tạm thời của Trung Quốc.

Tao Guang Yang Hui tiếp tục là chiến lược chính thức của Trung Quốc ngay cả khi lãnh đạo cao nhất thay đổi. Không lâu sau khi lên nắm quyền, Giang Trạch Dân đã có bài phát biểu về chống "diễn biến hòa bình" tại một cuộc họp mở rộng của Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị năm 1991 nhằm củng cố Tao Quang Yang Hui. "Trước tình hình quốc tế liên tục thay đổi hiện nay, chúng ta phải kiên định thực hiện phương châm chiến lược của đồng chí Đặng Tiểu Bình là 'bình tĩnh quan sát, ổn định vị trí, bình tĩnh đối phó, ẩn nấp, tranh thủ thời gian [Tao Guang Yang Hui]'." Giang tuyên bố. "Thực tiễn đã cho thấy đây là chủ trương đúng đắn. Thực hiện hướng dẫn này hoàn toàn không phải là dấu hiệu của sự yếu kém hay chúng ta đang nhượng bộ, chứ chưa nói đến việc từ bỏ các nguyên tắc của mình," ông cảnh báo, "thay vào đó, chúng ta phải nhận ra chúng ta phải

đối mặt với một cấu trúc quốc tế phức tạp và chúng ta không thể nuôi dưỡng kẻ thù ở khắp mọi nơi." Tương tự như vậy, vài năm sau tại một cuộc họp nhỏ hơn với các đại sứ, Giang nhắc lại những quan điểm này: "Chúng ta phải thực hiện chính sách Tao Quang Yang Hui của đồng chí Đặng Tiểu Bình và không bao giờ nắm quyền lãnh đạo — điều này không còn nghi ngờ gì nữa." Ông nhấn mạnh thêm, "Tôi nói với Quân ủy Trung ương vào năm 1993 không thể vượt quá thực tế của chúng ta" trên trường quốc tế. "Mục tiêu cuối cùng là tăng cường quyền tự chủ của Trung Quốc," Giang tuyên bố, "Trong cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền... Chúng ta sử dụng tất cả những mâu thuẫn có thể có để mở rộng quyền tự do điều động của mình." Nỗ lực đó sẽ là dài hạn, ông nhấn mạnh trong một thông cáo khác. Ông nhận xét: "Trong việc giải quyết các mối quan hệ quốc tế và tiến hành đấu tranh quốc tế, có một câu hỏi về mối quan hệ giữa lợi ích dài hạn và ngắn hạn. Đôi khi có sự xung đột giữa những lợi ích ngắn hạn và dài hạn, và chúng ta sẽ không ngần ngại xếp lợi ích ngắn hạn sau lợi ích dài hạn."

Trong một bài phát biểu quan trọng về đối ngoại do Chủ tịch Giang Trạch Dân đưa ra năm 1998 tại Hội nghị Đại sứ lần thứ 9, ông tiếp tục cam kết về chính sách đối ngoại của Đặng vì Trung Quốc yếu hơn các đối thủ cạnh tranh, nhắc lại - như Đặng đã làm - việc tuân thủ nguyên tắc này bắt nguồn từ Sức mạnh tương đối thấp của Trung Quốc.

Vào giai đoạn lịch sử quan trọng bước sang thế kỷ 21, chúng ta nhất định phải thực hiện tư duy ngoại giao của Đặng Tiểu Bình... trước tiên, chúng ta nên tiếp tục tuân thủ "chủ trương chiến lược" là "bình tĩnh quan sát, bình tĩnh đối phó với tình hình, đừng bao giờ nắm quyền lãnh đạo, và hoàn thành một việc gì đó." Chúng ta nên che giấu khả năng và sử dụng thời gian của chúng ta, rút ra bài học, giữ gìn bản thân và lập kế hoạch phát triển một cách có ý thức. Sự tương phản giữa điều kiện của đất nước chúng ta và điều kiện quốc tế xác định chúng ta phải làm điều này.

Người kế nhiệm của Giang, Hồ Cẩm Đào, cũng tiếp tục nhấn mạnh Tao Guang Yang Hui trong nhiều bài phát biểu. Ví dụ, trong một bài phát biểu quan trọng năm 2003 với Bộ Ngoại giao, ông đã dành hẳn một phần để nói về tầm quan trọng cơ bản của nó: "Chúng ta phải xử lý chính xác mối quan hệ giữa Tao Guang Yang Hui và việc đạt được điều gì đó," ám chỉ đến việc tích cực hơn. Tao Guang Yang Hui, cùng với việc "bình tĩnh quan sát, bình tĩnh đương đầu với thách thức, không dẫn đầu, tạo ra sự khác biệt", ông Hồ nhắc nhở, "là bản tóm tắt cấp cao về một loạt chính sách chiến lược quan trọng của đồng chí Đặng Tiểu Bình đối với ngoại giao Trung Quốc sau sự thay đổi đột ngột của chính trị quốc tế vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990." Thực hiện theo hướng dẫn này có nghĩa là cho Trung Quốc thời gian để phát triển thông qua không đối đầu, và ông cảnh báo bộ máy chính sách đối ngoại, Trung Quốc không được trì hoãn sự phát triển "bằng cách lún sâu vào vòng xoáy của xung đột quốc tế." Ông kết luận "chúng ta phải tuân thủ nguyên tắc [Tao Guang Yang Hui] mà không dao động." Thật vậy, quyết định đó dựa trên nhận thức về sức mạnh tương đối của Trung Quốc. Như ông Hồ đã lập luận, "Xem xét tình hình hiện tại và xu hướng phát triển của các điều kiện quốc gia của Trung Quốc, cũng như cán cân quyền lực quốc tế, đây là một chiến lược lâu dài."

Tương tự, trong các tài liệu bị rò rỉ chuẩn bị cho Đại hội Đảng lần thứ 16, Hồ đã nói rõ sự kiềm chế của Trung Quốc bị ảnh hưởng bởi sức mạnh của nước này. "Giữ lại sự khác biệt" là lợi ích chung của cả Trung Quốc và Hoa Kỳ," ông Hồ nói, nhưng điều này chỉ vì Trung Quốc yếu. "Với sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc và sự nâng cao sức mạnh quốc gia toàn diện của chúng ta," ông Hồ nhấn mạnh, "chúng ta sẽ linh hoạt và tự tin hơn trong việc xử lý các mối quan hệ Trung-Mỹ."

Có lẽ các cuộc thảo luận kỹ lưỡng và mang tính hệ quả nhất về khái niệm này diễn ra vào năm 2006 tại Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương. Đây là một cuộc họp về chính sách đối ngoại quan trọng đến mức trước đây nó chỉ được tổ chức hai lần.

Trung Quốc phải “tuân thủ phương châm chiến lược của Tao Guang Yang Hui và hoàn thành một việc gì đó,” Ông Hồ nói tại hội nghị và ông nói rõ thêm “nguyên tắc này không thể bị lãng quên bất cứ lúc nào.” Ông cảnh báo sự phát triển của Trung Quốc có thể tạo ra chú ý mới và làm phức tạp chiến lược. “Bây giờ, một số quốc gia lạc quan về chúng ta và hy vọng chúng ta có thể đóng vai trò lớn hơn và gánh nhiều trách nhiệm hơn... Vì lý do này, chúng ta phải giữ một cái đầu tỉnh táo, chúng ta không thể để đầu óc nóng lên vì chúng ta đang sống tốt hơn một chút. Chúng ta phải kiên quyết không nói quá và không làm quá, và cho dù đất nước chúng ta có phát triển hơn nữa thì chúng ta cũng phải kiên định quan điểm này.”

Bài phát biểu của Hồ nói rõ mặc dù Trung Quốc cần phải cúi đầu, nhưng trong chừng mực nước này cố gắng “hoàn thành một điều gì đó”, thì Trung Quốc sẽ tập trung chủ yếu vào việc giảm nhẹ. “Chúng ta phải đặt cơ sở cho việc ‘hoàn thành điều gì đó’ trên việc duy trì và phát triển các lợi ích của chúng ta, vào việc nâng cao sức mạnh của chúng ta... và giảm thiểu và loại bỏ các lực cản và áp lực bên ngoài.” Ông cũng đưa ra một cách rõ ràng về việc nói thẳng: “Phải thấy đất nước càng phát triển thì càng dễ gặp phải sự chống phá, thách thức rủi ro từ bên ngoài... cần phải sử dụng các biện pháp khác nhau để kiểm tra việc ngăn chặn chiến lược của các thế lực thù địch bên ngoài đối với Trung Quốc và giảm thiểu sức ép chiến lược của các lực lượng bên ngoài với Trung Quốc.”

Cuối cùng, ông Hồ lập luận thêm Tao Guang Yang Hồi yêu cầu thỏa hiệp về các lợi ích chính, sử dụng ngôn ngữ gợi ý sự cởi mở đối với các câu hỏi về lãnh thổ mà ông sẽ đảo ngược một vài năm sau đó. “Đặc biệt,” ông Hồ tuyên bố, “chúng ta phải chú ý đến việc phân biệt và nắm bắt các lợi ích cốt lõi, lợi ích quan trọng và lợi ích chung. Chúng ta phải đặt thứ tự ưu tiên, tập trung và làm những gì có thể... Đối với những vấn đề không ảnh hưởng đến tình hình chung, chúng ta phải thể hiện sự hiểu biết lẫn nhau và chung sức để chúng ta có thể tập trung nỗ lực vào việc bảo vệ và phát triển lâu dài và quan trọng hơn của quốc

gia. lợi ích." Là một phần của Tao Guang Yang Hui, Trung Quốc sẽ không theo đuổi kiểu ép buộc hoặc xây dựng trật tự có thể cho phép Trung Quốc đạt được những lợi ích này.

SỰ HOÀI NGHI VỀ 'ẨN MÌNH CHỜ THỜI'

Từ các trích đoạn cấp lãnh đạo trước đó, cần rõ ràng 'Ẩn mình chờ thời' là một chiến lược lớn của Trung Quốc nhằm làm cho Trung Quốc ít bị đe dọa hơn và tránh bị bao vây dựa trên sức mạnh tương đối của Trung Quốc so với Hoa Kỳ. Một số nhà văn không đồng ý với quan điểm này: một số có lẽ vì lý do chính trị, và một số khác vì lý do thực chất. Bất đồng có hai dạng: thứ nhất, cụm từ này không ám chỉ chiến lược tạm thời dựa trên sức mạnh của Trung Quốc; thứ hai, nó không liên quan đến việc từ chối Hoa Kỳ.

Đối với lập luận đầu tiên, một số tác giả Trung Quốc cho 'Ẩn mình chờ thời' không phải là một chiến lược chiến thuật hoặc chiến lược công cụ có thời hạn mà là một chiến lược lâu dài. Cuộc tranh luận nổi lên từ việc sử dụng hỗn hợp 'Ẩn mình chờ thời' trong giáo luật cổ điển và chiến lược của riêng Trung Quốc. Trong nhiều trường hợp, việc sử dụng các cụm từ "Ẩn mình" và "Chờ thời", dù riêng biệt hay được kết hợp thành một thành ngữ thường ám chỉ quyết định của các ẩn sĩ rút lui vào cuộc sống ẩn dật để phát triển bản thân về mặt đạo đức hoặc trí tuệ. Yang Wengchang, một thứ trưởng bộ ngoại giao đã nghỉ hưu, lập luận trong một bài luận nổi bật được trích đăng bởi tờ China Daily của phương Tây sau này: "Dựa trên cách sử dụng của 'Ẩn mình chờ thời' là phản ánh chiến lược và không phải là một 'chiến thuật ngắn hạn." Theo quan điểm này, ông lập luận, 'Ẩn mình chờ thời' "có thể áp dụng cho cả thời điểm tốt và thời điểm xấu" và cho một người dù yếu hay mạnh vì nó không được xác định bởi các yếu tố bên ngoài.

Chưa hết, như câu chuyện ngụ ngôn của Việt vương Câu Tiễn cho thấy, một dòng văn học khác mà 'Ẩn mình chờ thời' đã đến có thể mang tính chiến thuật hơn nhiều và rõ ràng đặt 'Ẩn mình chờ thời' như một chiến lược công cụ gắn liền với những câu hỏi

về quyền lực và mối đe dọa. Ngay cả khi việc liên kết 'Ẩn mình chờ thời' với câu chuyện này là phóng đại, nguồn gốc cuối cùng của cụm từ không phải là trọng tài duy nhất cho ý nghĩa chính trị hiện tại của nó. Thật vậy, như các đoạn trích trước từ các bài phát biểu của cấp lãnh đạo đã chứng minh, Đặng, Giang và Hồ đều nói rõ 'Ẩn mình chờ thời' là một chiến lược mà Trung Quốc phải tuân thủ chính vì sự kém cỏi về vật chất so với "tiêu chuẩn quốc tế" và cân bằng quyền lực quốc tế, khái niệm đứng vững với phương Tây và bá quyền phương Tây, tương ứng. Bản thân Đặng cho biết đó không phải là một chiến lược cố định. Bối cảnh này chứng tỏ 'Ẩn mình chờ thời' không phải là một chiến lược lớn vĩnh viễn mà là một chiến lược mang tính công cụ và có thời hạn, trái ngược với tuyên bố của Yang Wengchang.

Thứ hai, một số người hoài nghi đồng ý chiến lược là công cụ và có điều kiện thay vì vĩnh viễn, nhưng hãy chú ý đến quan điểm nó tập trung vào Hoa Kỳ hoặc tạo thành một số nguyên tắc tổ chức rộng lớn hơn. Như Michael Swaine lập luận khi thảo luận về 'Ẩn mình chờ thời':

> Khái niệm này thường bị hiểu sai ở phương Tây có nghĩa là Trung Quốc nên giữ thái độ khiêm tốn và trì hoãn thời gian cho đến khi sẵn sàng thách thức sự thống trị toàn cầu của Hoa Kỳ. Trên thực tế, khái niệm có liên quan chặt chẽ nhất với chiến lược ngoại giao (không phải quân sự) và thường được các nhà phân tích Trung Quốc xem như một lời cảnh báo cho Trung Quốc rằng hãy duy trì sự khiêm tốn trong khi xây dựng một hình ảnh tích cực trên trường quốc tế và đạt được những lợi ích cụ thể (mặc dù có giới hạn), để tránh những nghi ngờ, thách thức hoặc cam kết có thể làm suy yếu sự chú trọng lâu nay của Bắc Kinh vào phát triển trong nước.

Swaine có lý khi cho các nhà quan sát nên xem 'Ẩn mình chờ thời' là một chiến lược phòng thủ hơn là tấn công. Mặc dù khái niệm nhằm mục đích cho phép Trung Quốc trỗi dậy mà không tạo ra một liên minh cân bằng đối kháng, nhưng về cơ bản, nó vẫn là để giải quyết xung đột với Hoa Kỳ. Đầu tiên, hầu như tất cả các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nghiên cứu kỹ về nó đều

nói rõ sức mạnh của Trung Quốc, mặc nhiên là tương đối so với Hoa Kỳ, đặt ra các điều kiện về thời gian 'Ẩn mình chờ thời' phải tuân theo. Hồ sơ thực nghiệm cho thấy 'Ẩn mình chờ thời' xuất hiện khi mối đe dọa của Mỹ ngày càng tăng sau sự sụp đổ của Liên Xô và nó đã được chính thức sửa đổi lần đầu tiên sau Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, khi tính đơn cực xuất hiện đối với các nhà phân tích Trung Quốc. Thứ hai, trái ngược với lập luận của Swaine rằng 'Ẩn mình chờ thời' là một nguyên tắc ngoại giao, các nhà lãnh đạo Trung Quốc nói khá rõ 'Ẩn mình chờ thời' không chỉ đơn thuần là một "phương châm ngoại giao" mà còn là một "phương châm chiến lược" rộng hơn nhiều. nằm trên tất cả các cấp độ của nghệ thuật quản lý nhà nước. Thứ ba, một số học giả và nhà bình luận nổi tiếng của Trung Quốc chia sẻ quan điểm hoài nghi về 'Ẩn mình chờ thời' hơn là Swaine. Ví dụ: Giáo sư Yan Xuetong - một trong những học giả hiếu chiến và có mối quan hệ tốt hơn của Trung Quốc - phân tích nhiều cụm từ của lời khuyên và lập luận về cơ bản họ tập trung vào mối đe dọa của Hoa Kỳ:

Các cụm từ "không lãnh đạo" và "không giơ cao biểu ngữ" gợi ý Trung Quốc sẽ không thách thức vai trò lãnh đạo toàn cầu của Mỹ để tránh trò chơi có tổng bằng không giữa nỗ lực trẻ hóa quốc gia của Trung Quốc và sự thống trị toàn cầu không bị thách thức của Mỹ kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Điều này sẽ giúp ngăn Hoa Kỳ tập trung vào việc kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc như một siêu cường toàn cầu.

Nhiều nhà quan sát phương Tây đôi khi chỉ ra bài phát biểu của nhà ngoại giao hàng đầu Trung Quốc Đới Bỉnh Quốc hạ thấp sự ra đi của 'Ẩn mình chờ thời' vào năm 2010, nhưng ông Yan không đồng ý và lưu ý khái niệm này là về Hoa Kỳ. Ông công khai thừa nhận bài phát biểu của ông Đới và nhiều phản đối khác. đã nói về ý nghĩa thực sự của 'Ẩn mình chờ thời' là "vì mục đích giảm bớt ý nghĩa tiêu cực của việc "giữ một vị trí thấp" và không nên được coi là chân thành.

Tóm lại, 'Ẩn mình chờ thời' là một nguyên tắc tổ chức có thẩm quyền cho chiến lược lớn của Trung Quốc. Sự xuất hiện của nó

kéo theo sự gia tăng về mối đe dọa mà Trung Quốc nhận thấy từ Hoa Kỳ và sự tuân thủ của quốc gia này đối với nó được biện minh một cách rõ ràng là có điều kiện dựa trên khoảng cách quyền lực tương đối được nhận thức với Hoa Kỳ. Trong các văn bản có thẩm quyền, chẳng hạn như các tờ báo của Đảng phổ biến học thuyết hệ tư tưởng cũng như các bài phát biểu của cấp lãnh đạo đề ra nó, lời khuyên có hai mươi bốn ký tự đã được coi là "phương châm chiến lược" chứ không chỉ là "ngoại giao hướng dẫn", nâng cao nó lên trên chính sách đơn thuần trong thuật ngữ của Đảng và mang lại cho cụm từ một mức độ thẩm quyền cao. Cuối cùng, trong một số bài phát biểu, chiến lược được giải thích là một nỗ lực để giảm nguy cơ đối đầu với Hoa Kỳ và các nước láng giềng của Trung Quốc đồng thời hạn chế các áp lực bên ngoài đối với Trung Quốc và mở rộng quyền tự do điều động của Trung Quốc.

PHƯƠNG TIỆN

Nếu 'Ẩn mình chờ thời' thực sự là một chiến lược lớn, thì nó sẽ có ý nghĩa đối với nhiều loại công cụ chế tác của Trung Quốc. Như đã thảo luận trước đó, Giang và Hồ đã mô tả chiến lược liên quan đến việc giảm bớt các ràng buộc bên ngoài phù hợp với việc cắt giảm.

Bộ ba chiến lược này cũng tạo ra những thay đổi đồng bộ, có liên quan trong hành vi quân sự, chính trị và kinh tế của Trung Quốc.

Thứ nhất, ở cấp độ quân sự, tam tai và sự điều chỉnh lại chiến lược sau đó đã buộc Trung Quốc phải thay đổi chiến lược quân sự của mình sang một chiến lược tập trung vào đánh bại. Vào cuối những năm 1980, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã chuyển sự chú ý của họ đến các cuộc chiến tranh cục bộ và tranh chấp lãnh thổ - và Trung Quốc bắt đầu các kế hoạch dài hạn cho một cấu trúc hải quân và không quân tập trung vào "quyền kiểm soát biển" được thiết kế để nắm giữ các vùng lãnh thổ xa xôi. Nhưng một khi Hoa Kỳ trở thành một mối đe dọa, Bắc Kinh đã từ bỏ chiến lược đó để ủng hộ một chiến lược tập trung vào "từ

chối trên biển" để ngăn quân đội Hoa Kỳ đi ngang qua hoặc kiểm soát các vùng biển gần Trung Quốc. Đặng và Giang đã tham gia cá nhân vào sự thay đổi này, và vào năm 1993, nó đã được đưa vào "hướng dẫn chiến lược quân sự" mới năm 1993 của Trung Quốc. Chiến lược phản công này gọi là vũ khí "shashoujian" hoặc "chùy sát thủ", được Trung Quốc định nghĩa là công cụ bất đối xứng chống lại Hoa Kỳ thông thường vượt trội, tên lửa đạn đạo chống hạm đầu tiên làm nản lòng sự can thiệp của Hoa Kỳ, và thậm chí được cấu hình như chiến binh mặt nước cho chiến tranh chống tàu chiến với chi phí cho các nhiệm vụ khác. Tất cả những điều này được thực hiện theo nguyên tắc rõ ràng "bất cứ điều gì kẻ thù sợ, chúng ta phát triển điều đó". Nó trì hoãn các khoản đầu tư vào tàu sân bay cũng như khả năng đổ bộ, các biện pháp đối phó thủy lôi, tác chiến chống tàu ngầm và tác chiến phòng không. Điều này cũng theo một nguyên tắc chính thức - để "bắt kịp ở một số nơi nhưng không bắt kịp ở những nơi khác." Những nỗ lực này có liên quan đến 'Ẩn mình chờ thời'. Bản thân Đặng cũng nhận thấy Trung Quốc nên làm theo 'Ẩn mình chờ thời' trong việc sản xuất vũ khí cho đến khi sức mạnh của nó tăng lên. Và một thập kỷ sau, khi Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương Trương Vạn Niên phải đối mặt với bóng ma khó chịu về cuộc chiến tranh của Mỹ ở Kosovo, ông đã nhắc lại "những gì PLA nên làm" để đáp lại "sự gia tăng của chủ nghĩa can thiệp quân sự" của Hoa Kỳ là điều đáng ghi nhớ. rằng "cách tiếp cận của chúng ta là 'Ẩn mình chờ thời'." Ông nói rõ, "Là một quân nhân, điều này có nghĩa là... phát triển mạnh mẽ thiết bị 'sát thủ', [và tuân theo nguyên tắc] bất cứ điều gì kẻ thù sợ nhất, chúng ta phát triển điều đó."

The People's Liberation Army (PLA) - Quân Giải phóng Nhân dân là lực lượng vũ trang chính quy của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (CHND Trung Hoa) và là cánh vũ trang của đảng chính trị được thành lập và cầm quyền của CHND Trung Hoa, Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ). Bên cạnh Quân ủy Trung ương và một số đơn vị nhỏ trực thuộc, PLA có 5 nhánh phục vụ

chính: Lực lượng Mặt đất (PLAGF), Hải quân (PLAN), Không quân (PLAAF), Lực lượng Tên lửa (PLARF), và Lực lượng Hỗ trợ Chiến lược (PLASSF). Phần lớn các đơn vị quân đội trên khắp đất nước được giao cho một trong năm bộ chỉ huy theo vị trí địa lý.

Figure 1. Chinese Military and Security Personnel

Figures are approximate

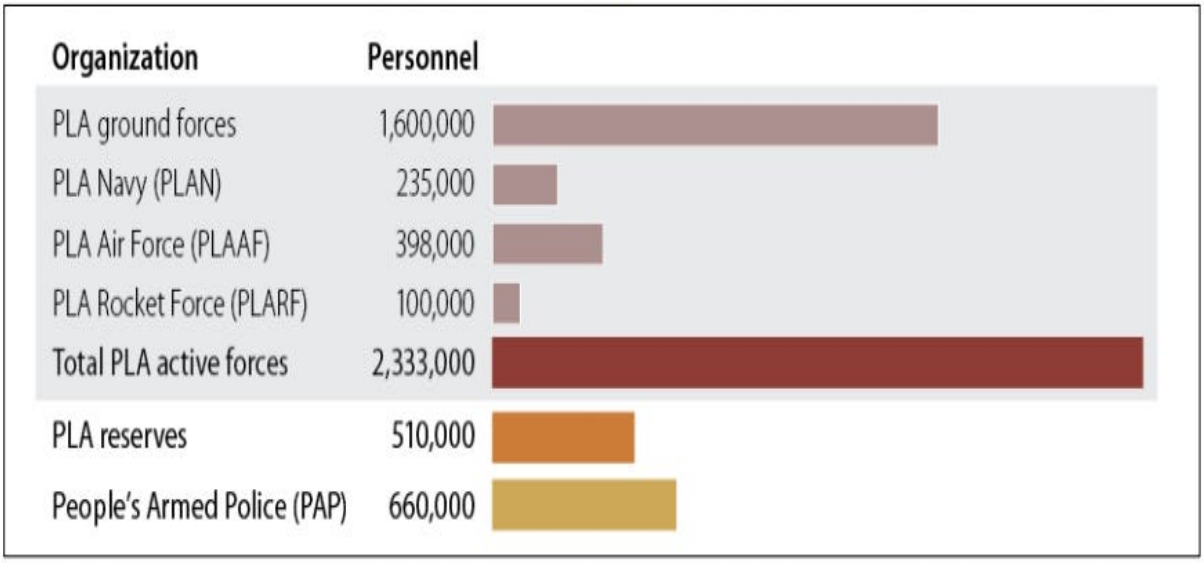

Source: *The Military Balance 2016*, International Institute for Strategic Studies (London: Routledge, 2016).

Số lượng quân nhân trong PLA

PLA là lực lượng quân sự lớn nhất thế giới (không bao gồm lực lượng bán quân sự hoặc lực lượng dự bị) và tạo thành ngân sách quốc phòng lớn thứ hai trên thế giới. Đây cũng là một trong những quân đội hiện đại hóa nhanh nhất trên thế giới và được coi là siêu cường quân sự tiềm năng, với khả năng phòng thủ khu vực đáng kể và khả năng tăng cường sức mạnh toàn cầu. Theo Business Insider vào năm 2018, PLA là quân đội mạnh thứ hai thế giới.

Ngân sách quân sự của một số nước đứng đầu

Thứ hai, ở cấp độ chính trị, sự điều chỉnh chiến lược sau Tam Tai đã khiến Bắc Kinh đảo ngược quan điểm của mình trong việc gia nhập các thể chế khu vực. Hồi ký của các đại sứ Trung Quốc cho thấy rõ ràng Trung Quốc cần phải tham gia vào các thể chế để làm suy giảm sức mạnh của Mỹ theo ba cách: (1) đình trệ các thể chế để chúng không thể hoạt động; (2) sử dụng

chúng để hạn chế quyền tự do điều động của Hoa Kỳ; và (3) sử dụng chúng để trấn an các nước láng giềng để họ không tham gia liên minh cân bằng do Hoa Kỳ dẫn đầu. Bắc Kinh lo ngại tổ chức kinh tế xuyên Thái Bình Dương APEC sẽ trở thành một nền tảng của Mỹ, thúc đẩy các giá trị phương Tây gây tổn hại cho Trung Quốc và thậm chí có thể trở thành một NATO châu Á. Một logic tương tự được áp dụng cho Hiệp hội Diễn đàn khu vực các quốc gia Đông Nam Á (ARF), nơi các cố vấn đa phương hàng đầu lo ngại tổ chức sẽ bị lợi dụng để kiểm tra hoặc kiềm chế Trung Quốc. Họ phản đối việc thể chế hóa cả hai nhóm về mọi vấn đề và cũng cố gắng định hình lại một số định mức của nó theo những cách có thể hạn chế các hoạt động quân sự của Mỹ. Mặc dù vậy, những nỗ lực này đã được thực hiện phù hợp với nguyên tắc của 'Ẩn mình chờ thời' là tránh tuyên bố về quyền lãnh đạo, điều này có nghĩa là Trung Quốc hạn chế đưa ra các thể chế mới; hơn nữa, chính Đặng đã cho tiếng nói ngoại giao của Trung Quốc sẽ lớn hơn một khi 'Ẩn mình chờ thời' đã hoàn thành.

Cuối cùng, Tam Tai (ba sự kiện lớn) cũng định hình chính sách kinh tế quốc tế của Trung Quốc. Việc Washington sử dụng các biện pháp trừng phạt, đe dọa thu hồi quy chế tối huệ quốc (MFN - sẽ làm tê liệt nền kinh tế Trung Quốc) và việc sử dụng thuế quan thương mại Mục 301 đối với Trung Quốc đã làm dấy lên những lo ngại mới ở Bắc Kinh về tính dễ bị tổn thương trước đòn bẩy của Mỹ và làm giảm bớt những điều này. trở thành tâm điểm trong các nỗ lực của Trung Quốc. Trung Quốc không chỉ tập trung vào việc phá bỏ các lệnh trừng phạt kinh tế, mà còn tìm cách đảm bảo MFN trên cơ sở lâu dài, hay còn gọi là quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR). Mục tiêu không phải là để hạn chế sự phụ thuộc của Trung Quốc vào Hoa Kỳ mà là để giảm bớt việc tùy nghi thực thi sức mạnh kinh tế của Hoa Kỳ. Trung Quốc đã thúc đẩy PNTR song phương và bằng cách tận dụng các cuộc đàm phán trong APEC và WTO. Nó cũng thúc đẩy việc trở thành thành viên của WTO, hy vọng nó sẽ ràng buộc Washington hơn nữa.

Bây giờ chúng ta chuyển sang từng công cụ này để thảo luận về những nỗ lực của Trung Quốc trên ba lĩnh vực, cách mỗi công cụ được điều chỉnh để làm giảm sức mạnh của Mỹ, và những thay đổi dường như đã được đồng bộ hóa như thế nào — cho thấy rõ ràng về mặt chiến lược sự điều chỉnh của các nhà lãnh đạo Trung Quốc.

| 4 |
NẮM CHẶT CHÙY SÁT THỦ

"Bất cứ điều gì kẻ thù sợ nhất, chúng ta phát triển điều đó." Trương Vạn Niên, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương, 1999.

THỰC HIỆN CÁC CUỘC PHẢN CÔNG QUÂN SỰ

Vào ngày 27 tháng 3 năm 1999, Trung tá Không quân Hoa Kỳ Darrell Zelko vừa tấn công một mục tiêu bên ngoài Belgrade trong khuôn khổ chiến dịch của NATO nhằm chấm dứt việc Serbia thanh lọc người Albania ở Kosovo. Khi Zelko quay chiếc F-117A tàng hình của mình trở lại Căn cứ Không quân Aviano ở miền bắc nước Ý, anh nhận thấy hai chấm sáng nhô lên ở những đám mây bên dưới. Mỗi chấm là một tên lửa bay với tốc độ gấp ba lần tốc độ âm thanh và chúng được phóng đi từ một đơn vị phòng không của Serbia do Zoltan Dani chỉ huy.

Lockheed F-117A Chim ưng đêm, là chiếc máy bay đầu tiên trên thế giới được thiết kế hoàn toàn theo công nghệ tàng hình. Không lực Hoa Kỳ là lực lượng duy nhất sử dụng loại máy bay này, nó là hậu duệ trực tiếp của chương trình tàng hình Have Blue.

Đơn vị của Dani được trang bị những thiết bị lỗi thời từ đầu những năm 1960 của Liên Xô, nhưng anh ấy đã bù đắp nó bằng các chiến thuật sáng tạo. Anh ấy biết đơn vị của mình cực kỳ dễ

bị tấn công bởi các tên lửa chống bức xạ của Hoa Kỳ sẽ tấn công các khẩu đội nếu anh ấy để các radar điều khiển hỏa lực của mình hoạt động quá lâu dù chỉ một giây - một bài học mà các đơn vị phòng không Iraq đã không học được trong Trận đầu Chiến tranh vùng Vịnh. Vì vậy, Dani đã huấn luyện đơn vị của mình kích hoạt radar điều khiển hỏa lực của nó trong vòng hai mươi giây, di chuyển vị trí trong vòng 90 phút để tránh bị tấn công, tạo mồi nhử radar để hấp thụ tên lửa của Mỹ, sử dụng radar tần số thấp để thu nhận mục tiêu, và chỉ giao chiến với máy bay Mỹ sau khi chúng hoàn thành nhiệm vụ tấn công mặt đất. Những chiến thuật đó đã đảm bảo sự sống sót của đơn vị anh ta trước hai chục tên lửa của NATO trong suốt cuộc chiến, và vào đêm đó, chúng đã làm nên lịch sử.

Tên lửa của Dani đã làm tê liệt Nighthawk (Chim ưng đêm). Cuộc tấn công đã khiến cả thế giới sửng sốt: một trong những chiếc máy bay tàng hình tốt nhất thế giới từ lâu được coi là hầu như không nhìn thấy đã bị một trong những hệ thống phòng không cũ nhất thế giới bắn hạ — một hệ thống hoàn toàn không khác với Trung Quốc vào thời điểm đó.

Cách đó gần 5.000 dặm, quân đội Trung Quốc đã theo dõi sự kiện với sự quan tâm đặc biệt. Trong vòng ba ngày, Trương Vạn Niên, khi đó là Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương, đã lập một bản báo cáo được chuẩn bị nhanh chóng về chiến dịch của NATO và cuộc kháng chiến đổi mới của Serbia lên Chủ tịch Giang Trạch Dân. Trong báo cáo, Trương lưu ý “các lực lượng của Nam Tư đã cung cấp một điểm tham chiếu hữu ích cho quân đội của chúng ta về câu hỏi làm thế nào một lực lượng được trang bị kém hơn có thể đánh bại một lực lượng được trang bị vượt trội trong điều kiện công nghệ cao.” Như một dấu hiệu không chỉ Về việc Trung Quốc tập trung vào vũ khí không đối xứng mà còn mối quan tâm cơ bản của họ với việc làm giảm khả năng của Mỹ nói riêng, Trương đã đánh dấu báo cáo là khẩn cấp đối với Giang và thậm chí đính kèm một ghi chú cá nhân kêu gọi Giang đọc nó. nói rõ tại sao việc nghiên cứu về Serbia lại có liên quan đến việc bảo vệ Trung Quốc, và sau đó

ông đã phổ biến thông điệp này cho toàn thể Quân đội Giải phóng Nhân dân. “Các cuộc không kích của NATO phản ánh các đặc điểm và quy tắc của vũ khí công nghệ cao,” nhưng “Sự kháng cự của người Serbia... mang lại cho chúng ta rất nhiều cảm hứng. Chúng ta nên áp dụng điều này vào việc chuẩn bị cho cuộc đấu tranh quân sự” với các đối thủ cao hơn, theo ý ông là Hoa Kỳ”

Bản ghi nhớ khẩn cấp của Trương về ‘nguồn cảm hứng’ mà Serbia đưa ra trong việc đánh bại khả năng của Mỹ được đưa ra mười năm sau khi Trung Quốc - được thúc đẩy bởi vụ nổ từ Quảng trường Thiên An Môn và sau đó là Chiến tranh vùng Vịnh và Sự sụp đổ của Liên Xô - bắt đầu tìm kiếm một chiến lược quân sự mới có thể làm suy giảm sức mạnh quân sự của Mỹ. Chương này khám phá nỗ lực đó. Nó lập luận, trước thời kỳ trifecta (ba sự kiện lớn ở trên – Tam Tai), các nhà lãnh đạo Trung Quốc vào cuối những năm 1980 đã hướng sự chú ý của họ đến các cuộc chiến tranh cục bộ và tranh chấp lãnh thổ, và Trung Quốc đã bắt đầu các kế hoạch dài hạn cho một cấu trúc hải quân và không quân tập trung vào kiểm soát biển được thiết kế để giữ các vùng biển xa. lãnh thổ. Nhưng một khi Hoa Kỳ trở thành một mối đe dọa, Bắc Kinh đã từ bỏ chiến lược đó theo hướng tập trung vào việc từ chối trên biển để ngăn quân đội Hoa Kỳ đi ngang qua hoặc kiểm soát các vùng biển gần Trung Quốc. Các ông Đặng và Giang đã tham gia cá nhân vào sự thay đổi này, và vào năm 1993, nó đã được đưa vào “các hướng dẫn chiến lược quân sự” mới của Trung Quốc. Chiến lược phản công này gọi là vũ khí “shashoujian” hay “chùy sát thủ”, được Trung Quốc xác định là công cụ bất đối xứng chống lại Hoa Kỳ thường vượt trội. Trung Quốc đầu tư mạnh vào đường biển: bắt đầu xây dựng hạm đội tàu ngầm lớn nhất thế giới, kho vũ khí gần biển lớn nhất, tên lửa đạn đạo chống hạm đầu tiên (chủ yếu để đe dọa các tàu sân bay của Hoa Kỳ), và thậm chí được cấu hình hầu như chiến binh mặt nước cho chiến tranh chống tàu chiến — xây dựng một hải quân phi đối xứng và một tổ hợp có khả năng như nhiều nhà phân tích quân sự gọi là

“chống xâm nhập/từ chối khu vực” (A2/AD). Tất cả những điều này được thực hiện theo nguyên tắc rõ ràng “bất cứ điều gì kẻ thù sợ, chúng ta phát triển nó”. Đồng thời, Trung Quốc trì hoãn các khoản đầu tư vào kiểm soát biển, vốn là lợi thế của Hoa Kỳ. Nó trì hoãn các khoản đầu tư vào tàu sân bay cũng như khả năng đổ bộ, các biện pháp đối phó thủy lôi, tác chiến chống tàu ngầm và tác chiến phòng không. Điều này cũng theo một nguyên tắc chính thức — để “bắt kịp ở một số nơi nhưng không bắt kịp ở những nơi khác”.

Về mặt chiến lược, những nỗ lực này có liên quan đến ‘Ẩn mình chờ thời’. Đặng nhận thấy Trung Quốc nên học theo ‘Ẩn mình chờ thời’ trong việc sản xuất vũ khí cho đến khi sức mạnh của họ tăng lên. Và khi Trương Vạn Niên quan sát cuộc chiến của Hoa Kỳ ở Kosovo, ông cũng nhắc lại “những gì PLA nên làm” để đối phó với “sự gia tăng của chủ nghĩa can thiệp quân sự” của Hoa Kỳ là hãy nhớ “cách tiếp cận của chúng ta là ‘Ẩn mình chờ thời’.” Ông ấy tiếp tục, “Là một quân nhân, điều này có nghĩa là… phát triển mạnh mẽ thiết bị ‘shashoujian’, [và tuân theo nguyên tắc] ‘bất cứ điều gì kẻ thù sợ nhất, chúng ta phát triển thứ đó’.”

Chương này tiếp tục với ba phần. Đầu tiên, nó liệt kê các giải thích thay thế có thể có cho hành vi quân sự của Trung Quốc được thử nghiệm so với hành vi được đề xuất ở đây. Thứ hai, nó sử dụng hồi ký, tác phẩm, tiểu luận và nguồn học thuyết được chọn lọc của Trung Quốc để chứng minh chiến lược quân sự của Trung Quốc sau cuộc tam tai tập trung vào việc làm suy yếu sức mạnh quân sự của Mỹ. Thứ ba, nó phân tích hành vi của Trung Quốc để chứng minh việc tập trung vào cắt giảm các khoản đầu tư quân sự của Trung Quốc trong giai đoạn này.

GIẢI THÍCH CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ

Chúng ta có thể hiểu rõ lý do tại sao Trung Quốc đầu tư quân sự theo hai cách: (1) bằng cách phân tích quá trình ra quyết định của họ bằng các văn bản có thẩm quyền; và (2) bằng cách phân tích các mô hình trong các hoạt động và đầu tư quân sự

của Trung Quốc để kiểm tra xem điều gì giải thích tốt nhất cho hành vi đó.

Khi chúng tôi nghiên cứu các khoản đầu tư quân sự, có ít nhất bốn chỉ số quan trọng và sự thay đổi bên trong chúng, giữa chúng cũng như so sánh với các quốc gia khác có thể được tận dụng để bác bỏ một số lý thuyết về hành vi của Trung Quốc và xác nhận những lý thuyết khác. Chúng bao gồm (1) mua lại, hoặc những gì Trung Quốc mua và khi nào; (2) học thuyết, hoặc bộ nguyên tắc được thể chế hóa về cách chống lại Trung Quốc đã được thông qua; (3) thế lực, hoặc cách thức và địa điểm Trung Quốc triển khai quân đội của mình; và (4) đào tạo, hoặc cách thức và loại xung đột nào mà Trung Quốc chuẩn bị lực lượng để chiến đấu. Tập trung vào các yếu tố này, cũng như các văn bản chính của Trung Quốc, có thể giúp chúng ta kiểm tra các lý thuyết cạnh tranh giải thích các khoản đầu tư quân sự của Trung Quốc.

Những lý thuyết cạnh tranh này là gì? Giải thích đối thủ đầu tiên là sự khuếch tán, điều này cho thấy các quốc gia sẽ mô phỏng khả năng của các quốc gia mạnh nhất thế giới và quân đội Trung Quốc sẽ sao chép phần lớn cấu trúc và thực tiễn lực lượng của Mỹ. Các thông lệ của Hoa Kỳ vì một số chi phí quá đắt hoặc phức tạp về mặt tổ chức, vì vậy các khoản đầu tư của nó sẽ được định hình theo những gì nó có thể áp dụng. Hai lý thuyết này tập trung vào những gì có thể cung cấp cho các quốc gia, nhưng các khoản đầu tư quân sự thường chỉ dựa trên nhu cầu hoặc những gì nhà nước cần. Giải thích thứ ba, một lý thuyết tập trung vào nhu cầu, đó là chính trị quan liêu - xung đột nội bộ ở Trung Quốc giữa Các quan chức đảng và quân đội, lục quân và hải quân, hoặc sĩ quan tác chiến mặt nước và tàu ngầm - giải thích các khoản đầu tư quân sự của Bắc Kinh. Ngược lại, một tập hợp các lý thuyết tập trung vào nhu cầu khác nâng cao lợi ích quốc gia hơn các lý thuyết thuộc quyền sở hữu. Như giáo sư Kimberly Marten Zisk của Đại học Barnard, quân đội “thường quan tâm không chỉ đến lợi ích thể chế của chính họ của chính trị trong nước, mà còn về việc bảo vệ các lợi

ích an ninh quốc gia khỏi các mối đe dọa từ nước ngoài." Được áp dụng cho Trung Quốc, cách tiếp cận này dẫn chúng ta đến giải thích thứ tư và thứ năm cho các khoản đầu tư quân sự của Trung Quốc, cả hai đều tập trung vào nhận thức của Trung Quốc về môi trường an ninh. Lý thuyết thứ tư — một lý thuyết được đề xuất và bảo vệ trong chương này — là các khoản đầu tư quân sự của Trung Quốc được giải thích tốt nhất bằng mối đe dọa can thiệp quân sự của Hoa Kỳ trong khu vực và nhằm mục đích làm giảm mối đe dọa đó thông qua các khả năng chống tiếp cận/từ chối khu vực. Một giả thuyết thứ năm, được đề xuất bởi giáo sư Taylor Fravel của MIT và giáo sư Christopher Twomey của Trường Sau đại học Hải quân, đó là các khoản đầu tư quân sự của Trung Quốc hướng đến một số hoạt động địa phương tập trung vào Đài Loan, Biển Đông và Hoa Đông, và thậm chí là xung đột với Nga, Ấn Độ, và bán đảo Triều Tiên. Theo quan điểm, bản thân khu vực này là trọng tâm chính của Trung Quốc, chứ không phải Hoa Kỳ.

Chương này cũng như Chương 8 tán thành lý thuyết thứ tư và thứ năm và chỉ ra câu hỏi không phải là lý thuyết nào là đúng mà là khi nào mỗi lý thuyết là đúng. Lý thuyết thứ tư, tương ứng với việc giải thích chiến lược của Trung Quốc sau cuộc tam tai; lý thuyết thứ năm, thực sự phù hợp với việc xây dựng, áp dụng tốt nhất sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu 2008, khi một Trung Quốc tự tin hơn đã theo đuổi một cách công khai các khả năng cho các trường hợp dự phòng trong khu vực.

Để kiểm tra các lý thuyết khác nhau này, giờ đây chúng ta chuyển sang tập trung vào diễn ngôn của chính Trung Quốc về các khoản đầu tư quân sự của nước này.

KHẢ NĂNG QUÂN SỰ CỦA TRUNG QUỐC

Các nguồn hồi ký, tiểu luận và học thuyết quân sự của Trung Quốc chứng minh từ cuối năm 1989, Trung Quốc đã xác định xung đột với Hoa Kỳ là thách thức quân sự quan trọng nhất của họ. Phần này (1) cho thấy sự thay đổi chiến lược của Trung Quốc theo sau sự kiện Thiên An Môn, Chiến tranh vùng Vịnh, và

sự sụp đổ của Liên Xô; (2) giải thích sự xuất hiện của chiến lược cắt giảm bất đối xứng của Trung Quốc tập trung vào Hoa Kỳ bằng cách phân tích diễn ngôn của họ về vũ khí "sát thủ" hoặc "shashoujian", một thuật ngữ gây tranh cãi được chứng minh ở đây là chỗ đứng cho các khoản đầu tư vũ khí bất đối xứng; và (3) xem xét ngắn gọn các giải thích thay thế.

SỰ THAY ĐỔI TRONG CHIẾN LƯỢC

Trong những năm 1980, Liên Xô đã trở thành một mối đe dọa hiện hữu đối với Trung Quốc đã chiếm hết sự chú ý của các nhà hoạch định quốc phòng của nước này. Nhưng đến cuối những năm 1980, căng thẳng giảm dần khiến các nhà lãnh đạo Trung Quốc chuyển sự chú ý cụ thể hơn sang các cuộc chiến tranh cục bộ. Ví dụ, vào năm 1985, Đặng Tiểu Bình chính thức thay đổi quan điểm chiến lược của Trung Quốc và tuyên bố không còn mối đe dọa về chiến tranh hạt nhân hoặc mặt đất sắp xảy ra với Liên Xô. Sau sự thay đổi trong tư duy chiến lược, và là một phần của việc tập trung dần dần vào các vấn đề hải quân và xung đột lãnh thổ trên biển, hải quân Trung Quốc đã chuyển chiến lược của mình vào năm 1986 từ "Phòng thủ bờ biển" sang "Phòng thủ ngoài khơi."

Quỹ đạo đổi mới trong chính sách an ninh của Trung Quốc đã không kéo dài, và tam tai Quảng trường Thiên An Môn, Chiến tranh vùng Vịnh và sự sụp đổ của Liên Xô sau đó đã thay đổi triển vọng an ninh của Trung Quốc và tập trung vào mối đe dọa của Mỹ hơn là các xung đột cục bộ (đặc biệt là hàng hải) với các nước láng giềng. Các cuốn hồi ký, tiểu sử, các tác phẩm chọn lọc và bài luận của Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương Trung Quốc (Bộ trưởng Quốc Phòng) — vị trí quân sự cao nhất trong hệ thống của Trung Quốc dưới Tổng Bí thư — cung cấp thông tin chi tiết về cả lý do và cách chiến lược quân sự của Trung Quốc thay đổi. Hầu như tất cả các phó chủ tịch Quân ủy Trung ương đều cho sự thay đổi trong chiến lược quân sự của Trung Quốc là do ba sự kiện lớn – Tam Tai.

Năm 1993, Lưu Hoa Thanh - người khi đó không chỉ là quan chức quân sự hàng đầu của Trung Quốc mà còn là thành viên quân đội cuối cùng phục vụ trong Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị cầm quyền - đã xuất bản một bài luận có thẩm quyền giải thích việc Trung Quốc áp dụng Hướng dẫn Chiến lược Quân sự mới vào năm đó. Nhất quán với tài khoản trên, Lưu đã liệt kê rõ ràng hai lý do chính cho việc thay đổi chiến lược quân sự của Trung Quốc: (1) sự sụp đổ của Liên Xô; và (2) Chiến tranh vùng Vịnh. Về điều thứ nhất, Lưu lập luận "cấu trúc lưỡng cực đã kết thúc... [nhưng] chủ nghĩa bá quyền và chính trị quyền lực," ám chỉ Hoa Kỳ trong trường hợp này, "vẫn chưa bước xuống khỏi giai đoạn lịch sử" và vẫn phải bị phản đối. Sẽ không có cổ tức hòa bình, bởi vì "các xung đột và tranh chấp được che đậy trong Chiến tranh Lạnh [giờ] đã trở nên gay gắt", ám chỉ các tranh chấp Trung-Mỹ về các vấn đề như Đài Loan đã phần nào giảm nhẹ bởi Chiến tranh Lạnh tập trung vào Liên Xô. Vì những lý do này, "chúng ta không thể nói bây giờ là thời bình để chúng ta có thể thả ngựa gặm cỏ ở vùng núi phía nam, cất kiếm và súng vào kho, và bắt đầu hiện đại hóa quân đội sau khi nền kinh tế phát triển," Lưu lập luận. Sự biện minh rõ ràng thứ hai của Lưu cho sự thay đổi quân sự là Chiến tranh vùng Vịnh. Ông viết: "Chúng tôi [ban lãnh đạo trung ương] đã coi trọng nghiên cứu về Chiến tranh vùng Vịnh. Các cuộc chiến tranh giới hạn trong vài năm gần đây, đặc biệt là Chiến tranh vùng Vịnh, đã cho thấy nhiều đặc điểm nổi bật," và về vấn đề này, ông lưu ý, "chúng ta nên chỉ ra Chiến tranh vùng Vịnh là một cuộc xung đột đặc biệt" đòi hỏi phải điều chỉnh chiến lược quân sự. Theo quan điểm của Bắc Kinh, Chiến tranh Vùng Vịnh là một viễn cảnh về một tương lai đáng sợ, nơi vũ khí công nghệ cao của Mỹ có thể được sử dụng để chống lại các lực lượng lạc hậu của Trung Quốc, và do đó là chất xúc tác để thay đổi chiến lược, như các phần tiếp theo sẽ thảo luận chi tiết hơn.

Ba phó chủ tịch khác của Quân ủy Trung ương — Trương Chân, Trương Vạn Niên và Trì Hạo Điền — đều xác nhận sự sụp đổ của Liên Xô, Chiến tranh vùng Vịnh và những nguy cơ của chủ

nghĩa bá quyền Hoa Kỳ đã gây ra một sự thay đổi lớn trong chiến lược quân sự của Trung Quốc và họ kể lại đây là chủ đề của một số cuộc họp của Quân ủy Trung ương vào đầu những năm 1990. Trương Chân lưu ý "sự kết thúc của cấu trúc Chiến tranh Lạnh" và "sự phát triển của [vũ khí] công nghệ cao" là "những thay đổi lớn trong tình hình và yêu cầu các đường lối chiến lược quân sự của Trung Quốc phải được điều chỉnh cho phù hợp." Trương Vạn Niên cũng lặp lại điều này, cho "sự tan rã của cấu trúc thế giới lưỡng cực" và "những thay đổi mới trong chiến tranh do vũ khí công nghệ cao mang lại" đã hình thành nên "nền tảng chiến lược mà Trung ương ĐCSTQ và Quân ủy Trung ương quyết định thiết lập các chủ trương chiến lược mới". Trì Hạo Điền bao gồm những yếu tố này nhưng cũng tập trung vào mối đe dọa ý thức hệ của Hoa Kỳ thời hậu Thiên An Môn cũng như các biện pháp trừng phạt và ngăn chặn trong một bài phát biểu năm 1991: "Với môi trường chính trị quốc tế đầy bão tố và bất ổn, trong một tình huống mà trao đổi và phong tỏa quốc tế cũng như hợp tác và việc ngăn chặn cùng tồn tại, chúng ta cần phải nhất trí thực hiện chiến lược quân sự của thời kỳ mới này." Tất cả các tướng lĩnh này đều đồng ý mặc dù Chiến tranh Lạnh đã kết thúc, "chiến lược mới bá quyền đã nổi lên," và những điều này cũng có thể gây nguy hiểm cho sự thống nhất của Trung Quốc với Đài Loan. Bên ngoài quân đội, một số chủ đề này cũng được tìm thấy. Bầu không khí sau ba sự kiện lớn đủ căng thẳng đến mức một bản ghi nhớ có phần kỳ quặc được viết bởi nhà báo bảo thủ He Xin - người đã thăng tiến nhanh chóng trong thời điểm này để trở thành cố vấn chính sách đối ngoại cho Thủ tướng Lý Bằng và làm việc trong văn phòng của Nhóm nhỏ hàng đầu về ngoại giao - luân chuyển vào Bộ Chính trị. Nó cho Trung Quốc đại lục có thể phải hứng chịu các cuộc tấn công quân sự của Mỹ và "cô lập Trung Quốc, phong tỏa Trung Quốc, làm tan rã Trung Quốc do [xúi giục] rối loạn nội bộ, và cuối cùng khiến Trung Quốc trở nên rối loạn thông qua việc dân chủ hóa đã và sẽ là một mục tiêu chiến lược mà Mỹ sẽ kiên định tiếp tục thực hiện." Sự trỗi dậy ngắn ngủi

của tác giả trong việc hoạch định chính sách là một dấu hiệu của thời đại.

Cùng với nhau, những văn bản này cho thấy chiến lược quân sự của Trung Quốc đã thay đổi. Bây giờ chúng ta quay lại để xem xét nó sẽ sớm trở thành gì.

Trong những năm sau ba sự kiện lớn, chiến lược của Trung Quốc tập trung vào nỗ lực phát triển vũ khí phi đối xứng để làm giảm sức mạnh của Mỹ. Theo đó, lịch sử điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc có thể được tái hiện thông qua các văn bản và hồ sơ cấp cao về các cuộc họp, tất cả đều cho thấy (1) Trung Quốc tin họ đang đối mặt với mối đe dọa từ vũ khí công nghệ cao của Mỹ; và (2) Trung Quốc cần một cách tiếp cận bất đối xứng sử dụng vũ khí "shashoujian" hoặc "chùy sát thủ" để đối phó với mối đe dọa đó.

Thuật ngữ gợi liên tưởng này - "shashoujian" - đôi khi bị loại bỏ như một phép tu từ đơn thuần vì nó cũng xuất hiện trong các chuyên mục thể thao hoặc phim ảnh và do đó dường như có nghĩa hơi tương tự với 'viên đạn bạc' trong thành ngữ tiếng Anh. Nhưng trong bối cảnh lịch sử, "thuật ngữ shashoujian" ban đầu xuất phát từ những câu chuyện dân gian cổ đại của Trung Quốc, nơi người anh hùng sử dụng vật ma thuật này để đánh bại một kẻ thù dường như vô cùng mạnh mẽ và độc ác. đồng nghĩa với vũ khí và khả năng phi đối xứng có thể đánh bại các đối thủ công nghệ cao.

Trong một bài phát biểu về hiện đại hóa quân đội, nhà lãnh đạo tối cao Giang Trạch Dân nói Trung Quốc cần phát triển thiết bị vũ khí "shashoujian" tinh vi của riêng mình nhằm vào các nước phát triển... phù hợp để "chiến thắng" càng nhanh càng tốt. Tương tự, Tướng Phó Toàn Hữu - người đứng đầu Bộ Tổng tham mưu PLA và một thành viên Quân ủy Trung ương - đã viết "để đánh bại kẻ thù được trang bị tốt hơn với thiết bị kém hơn trong bối cảnh công nghệ cao, chúng ta nên dựa vào... vũ khí shashoujian chất lượng cao." Gần đây hơn, ông Tập Cận Bình đã định nghĩa rõ ràng thuật ngữ "shashoujian" là không đối

xứng trong một bài phát biểu về công nghệ. Và mặc dù các học giả như cựu quan chức Lầu Năm Góc Michael Pillsbury cho thuật ngữ này xuất hiện vào cuối những năm 1990, các nguồn tin của Trung Quốc hiện đã chứng minh điều đó — và chiến lược bất đối xứng gắn liền với nó — đã xuất hiện vào đầu những năm 1990.

CHIẾN TRANH VÙNG VỊNH, CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ VÀ SHASHOUJIAN

Sự tập trung vào một chiến lược bất đối xứng bắt đầu ngay sau ba sự kiện. Chiến tranh vùng Vịnh đặc biệt làm rõ những công nghệ quân sự nào đang đe dọa Trung Quốc và những công nghệ nào có thể hữu ích để chống lại Hoa Kỳ. Những bài học này đã được đưa vào Hướng dẫn Chiến lược Quân sự năm 1993 của Trung Quốc và như các phần tiếp theo cho thấy, vào các khoản đầu tư quân sự của Trung Quốc. Là một phần của chiến lược, Trung Quốc đã nỗ lực phát triển các loại vũ khí cho phép kẻ "kém hơn có thể đánh bại kẻ vượt trội", được coi là "thứ mà kẻ thù sợ nhất", có chức năng như "quân bài tẩy và nước cờ khôn ngoan" và "có khả năng răn đe một kẻ thù hùng mạnh." Để chế tạo những vũ khí này, Trung Quốc đã phải hoãn các khoản đầu tư quân sự nhất định vào các tàu sân bay và hạm tàu dễ bị tổn thương, thay vào đó, Bắc Kinh quyết định "bắt kịp ở một số nơi, nhưng không bắt kịp những nơi khác".

Khi bắt đầu Chiến tranh vùng Vịnh, các nhà lãnh đạo Trung Quốc biết Iraq có trang thiết bị tương tự và trong một số trường hợp vượt trội hơn so với Trung Quốc. Họ kỳ vọng người Iraq có thể tiến hành một hình thức "Chiến tranh nhân dân trong điều kiện hiện đại" của chính Trung Quốc, sẽ kéo Washington vào một cuộc chiến trên bộ lâu dài và khiến nước này thất bại về mặt chính trị, trái ngược với những can thiệp trơn tru hơn của Mỹ ở Grenada, Libya và Panama. Thay vào đó, Hoa Kỳ đã thắng thế một cách ngoạn mục trong cuộc xung đột, một ban lãnh đạo sửng sốt của Trung Quốc đã nhìn thấy sự tương đồng đáng sợ giữa thất bại của Iraq và số phận có thể có của Trung Quốc trong một cuộc xung đột hạn chế với Hoa Kỳ. Trong một phiên nghiên cứu cấp cao được gọi là để khám

phá Chiến tranh vùng Vịnh, Trì Hạo Điền đã viết “các lực lượng Iraq không chỉ hoàn toàn bị động khi đối mặt với các cuộc không kích, trên bộ mà họ còn thua rất nhanh và thảm hại”, ông thừa nhận là “bất ngờ” ông đã viết công khai Chiến tranh vùng Vịnh là một ví dụ về “chủ nghĩa bá quyền toàn cầu” của Hoa Kỳ và “Hoa Kỳ có ý định thống trị thế giới,” bao gồm cả Trung Quốc. Như Trương Vạn Niên đã nói, “sau Chiến tranh Vùng Vịnh, chiến tranh cục bộ công nghệ cao lên ngôi, [và] mọi quốc gia lớn đều phải điều chỉnh chiến lược quân sự của mình,” bao gồm cả Trung Quốc.

Để điều chỉnh chiến lược quân sự của mình, Trung Quốc đã khởi động một loạt các nghiên cứu để xem xét Chiến tranh vùng Vịnh ngay sau khi nó kết thúc. Tháng 3 năm 1991, Quân ủy Trung ương họp để giải quyết xung đột và Giang Trạch Dân - lúc đó là Tổng Bí thư kiêm Bí thư Quân ủy Trung ương - đã trực tiếp tham gia. Sự tham gia của nhà lãnh đạo tối cao trong một cuộc nghiên cứu về Chiến tranh vùng Vịnh, đặc biệt là ở cấp độ tác chiến, là một điều đáng chú ý. Nó cho thấy việc điều chỉnh chiến lược quân sự của Trung Quốc đã diễn ra ở cấp độ cao nhất có thể và các tài khoản khác xác nhận Giang có liên quan sâu sắc. Tiểu sử của Trì Hạo Điền ghi lại cá nhân Giang “rất chú ý đến Chiến tranh vùng Vịnh, và đã chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu nghiên cứu các đặc điểm và quy luật của chiến tranh, khám phá các mô hình tác chiến mới và đưa ra các biện pháp đối phó tương ứng” để đối phó với các loại Chiến tranh công nghệ Hoa Kỳ thể hiện ở cấp độ thực tiễn. Trương Chân, người đã làm việc chặt chẽ với Giang trong thời kỳ này, đã viết trong hồi ký của mình, “Sau khi Chiến tranh vùng Vịnh bùng nổ, [Giang] rất quan tâm đến diễn biến của cuộc chiến, đặc biệt là sự phát triển của chiến tranh hiện đại được thể hiện qua nó, và cá nhân tham gia một số hội thảo quân sự.” Giang thậm chí còn thường xuyên đưa ra “hướng dẫn về nghiên cứu các vấn đề hoạt động trong điều kiện công nghệ cao” và về “chuẩn bị cho việc xây dựng chủ trương chiến lược quân sự trong thời kỳ mới.”

Bộ Tổng tham mưu cũng tổ chức một phiên nghiên cứu về Chiến tranh vùng Vịnh vào đầu năm 1991, và bài phát biểu của Trì Hạo Điền tại đó chỉ ra những kết luận chính của phiên họp đó. Ông lưu ý Chiến tranh vùng Vịnh dường như đã bộc lộ sức mạnh của Mỹ và chỉ ra "cán cân quyền lực thế giới" không quá thuận lợi. Thất bại của Iraq có nghĩa là Trung Quốc cần phải "nghiên cứu một cách tận tâm các bài học và kinh nghiệm của Chiến tranh vùng Vịnh" và "rút kinh nghiệm từ nó". Ông Trì đề nghị xem "nó là nguồn cảm hứng hữu ích để củng cố quốc phòng và xây dựng quân đội của Trung Quốc." Nhiệm vụ này là cấp bách, vì Trung Quốc đang phải đối mặt với một mối đe dọa nghiêm trọng. Trích dẫn sự thất bại của các quốc gia như Argentina và Iraq trước các lực lượng phương Tây với vũ khí công nghệ cao hơn, Trì Hạo Điền liên hệ trực tiếp những cuộc xung đột này với điều mà ông coi là tình hình thảm khốc của chính Trung Quốc: "kết quả của những cuộc xung đột này chứng tỏ... các nước yếu hơn đã phải chịu thiệt hại." Ông Trì tiếp tục, "Đây là một bài học mà lịch sử đã chứng minh vô số lần, nhưng thực tế cay đắng [tức là Chiến tranh vùng Vịnh] lại một lần nữa đặt ra bài học ngay trước mắt chúng ta. Kết nối điều này với hoàn cảnh của chúng ta, chúng ta không thể làm mà không có cảm giác cấp bách."

Để đối phó với tình trạng liên quan này, bài phát biểu của ông Trì khuyến nghị Trung Quốc nên tìm cách đánh bại một đối thủ mạnh hơn trong điều kiện công nghệ cao. Ông Trì lưu ý Iraq đã thất bại trong việc áp dụng các chiến lược phi đối xứng và "điều này khiến chúng ta một lần nữa cảm thấy sâu sắc rằng nếu các nước có vũ khí kém hơn muốn đánh bại các nước mạnh hơn một cách hiệu quả" thì họ cần phải lập kế hoạch phù hợp. Ông tiếp tục: "Cách hiệu quả thực sự [để đối phó với một đối thủ cao hơn] vẫn là những gì Mao Chủ tịch đã nói, bạn chiến đấu theo cách của bạn, tôi chiến đấu theo cách của tôi. Nói cách khác, bạn có công nghệ tiên tiến của bạn, tôi có thiết bị kém hơn của riêng tôi để đối phó với cách tiếp cận của bạn." Khái niệm Maoist (chủ nghĩa Mao) cũ này thường được thảo

luận cùng với “Chiến tranh nhân dân” cần được thay thế cho các điều kiện công nghệ cao và hợp nhất vào các hướng dẫn quân sự của Trung Quốc, Trì lưu ý:

Về chiến thuật, bao gồm cả việc sử dụng cụ thể là Chiến tranh nhân dân, đối với việc sử dụng trang bị kém hơn để đánh bại chiến thuật của kẻ thù, chúng ta nên nỗ lực nghiên cứu và thăm dò. Từ điều kiện quốc gia và tình hình quân sự của chúng ta, chúng ta phải tạo ra một phương pháp có đặc điểm riêng để che giấu điểm yếu của chúng ta và chỉ ra điểm mạnh của chúng ta, hạn chế để lộ điểm yếu của chúng ta và [và] đánh vào điểm yếu của đối thủ. Đây là điều mà chỉ đạo quân sự thông thường của chúng ta cần tập trung toàn tâm và nghiên cứu để giải quyết vấn đề chiến lược trước mắt.

Trì Hạo Điền

Như Trì đã tóm tắt, mục tiêu là "phát triển thiết bị công nghệ cao của chúng ta, vì vậy trong tay chúng ta, nó sẽ đảm bảo đối thủ sẽ không làm những điều hấp tấp và chúng ta sẽ không bị ép buộc" từ một đối thủ công nghệ cao (như Hoa Kỳ). Vài tháng sau cuộc họp đầu tiên của nhóm Nghiên cứu Chiến tranh Vùng Vịnh, Bộ Tổng Tham mưu đã công bố Báo cáo Nghiên cứu Chiến tranh Vùng Vịnh tóm tắt những phát hiện của mình. Theo Trì Hạo Điền, báo cáo có "nghiên cứu sâu rộng về cách sử dụng các thiết bị hiện có để đối phó với kẻ thù với lợi thế công nghệ cao", trong đó tất nhiên Hoa Kỳ là ứng viên duy nhất. sau đó, Bộ Tổng Tham mưu đã công bố một báo cáo với các khuyến nghị về các hướng dẫn chiến lược quân sự mới của Trung Quốc.

Khi chiến lược của Trung Quốc bắt đầu được chú trọng vào năm 1991 và 1992, thuật ngữ "shashoujian" đã xuất hiện trong các cuộc thảo luận ở cấp cao nhất trong hệ thống chính trị Trung Quốc. Theo Trương Chân, bản thân Đặng Tiểu Bình được cho là đã kêu gọi phát triển vũ khí shashoujian trong giai đoạn này trong bối cảnh "vượt qua lợi thế của kẻ thù mạnh hơn." Trong một bài phát biểu cấp cao năm 1992 về Hướng dẫn chiến lược quân sự mới của Trung Quốc trước cả Quân ủy Trung ương và Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị, Trương Vạn Niên kêu gọi vũ khí shashoujian để "đối phó với các cuộc chiến tranh cục bộ và xung đột vũ trang trong điều kiện công nghệ cao", một kiểu chiến tranh chỉ có Hoa Kỳ mới có thể tiến hành.

Vào tháng 12 năm 1992, Giang Trạch Dân đã tích cực tham gia "hội nghị chuyên đề chiến lược quân sự" với các thành viên Quân ủy Trung ương trong hai ngày để hoàn thiện các chủ trương chiến lược quân sự mới. Trương Chân tóm tắt cuộc thảo luận về chiến lược mới trong một bài phát biểu có vẻ như ám chỉ nguy cơ Mỹ. Ông "lần theo lịch sử của Trung Quốc hiện đại hứng chịu các cuộc xâm lược của kẻ thù nước ngoài" và liên kết nó với "các đặc điểm mới của quyền bá chủ [sự thống trị của Hoa Kỳ], gợi ý đây là trọng tâm cho công tác quốc phòng." Cuộc chiến vùng Vịnh cho thấy "sự chính xác của Khả năng tấn

công tầm xa rõ ràng đã được tăng cường" và "cuộc tấn công chính xác tầm xa được kỳ vọng sẽ tiêu diệt các mục tiêu dọc theo chiều sâu [của không gian chiến đấu]." Ở cấp độ tác chiến, ông ám chỉ chiến lược phi đối xứng bằng cách lập luận "Chiến lược và chiến thuật của Chiến tranh Nhân dân cần được đổi mới" và trong chiến lược sửa đổi, Trung Quốc phải "tập trung vào những điểm yếu và điểm chính trong toàn bộ hệ thống của kẻ thù." Sau một vài cuộc họp cuối cùng của Quân ủy Trung ương và các báo cáo do Bộ Tổng Tham mưu, các hướng dẫn mới đã được thông qua vào tháng 1 năm 1993, với trọng tâm cốt lõi là chuẩn bị cho "chiến tranh cục bộ trong điều kiện công nghệ cao." Cuối cùng, chiến lược của Trung Quốc đã được chính thức điều chỉnh.

Việc công khai các hướng dẫn mới vào năm 1993 đã chứng minh sự tập trung bất đối xứng vào các đối thủ công nghệ cao như Hoa Kỳ trong các cuộc họp lập kế hoạch đã trở thành chính sách cuối cùng. Trong một bài luận dài giải thích những hướng dẫn này, Lưu Hoa Thanh nhắc lại kết luận của lãnh đạo trung ương: "quan điểm của chúng tôi là... bất kỳ hệ thống vũ khí công nghệ cao nào cũng có điểm yếu riêng và chúng tôi luôn có thể tìm cách khắc chế nó" và "quân đội của chúng tôi, được trang bị kém như trước đây [trong các cuộc xung đột trước đây], được sử dụng để chiến thắng kẻ thù được trang bị tốt hơn. Truyền thống tốt đẹp này sẽ vẫn đóng một vai trò quan trọng trong các cuộc chiến tranh công nghệ cao trong tương lai." Trong một đề cập không thể nhầm lẫn về Hoa Kỳ, ông viết, "Việc hiện đại hóa quân đội ở các quốc gia theo đuổi bá quyền chủ yếu dựa trên sự phát triển của vũ khí tấn công tầm xa và nhằm thực hiện các hoạt động tác chiến toàn cầu." Lưu nói rõ Chiến tranh vùng Vịnh không chỉ cho thấy mức độ nguy hiểm của những loại vũ khí công nghệ cao mà còn là cách đánh bại chúng. Và Lưu cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải có một sự thay đổi 'mới' với các phương pháp tiếp cận Maoist bất đối xứng cũ: "Đặc biệt, phải nỗ lực nghiên cứu các chiến thuật mới sử dụng thiết bị kém hơn để đánh bại kẻ thù với trang bị vượt

trội.” Lưu lo lắng “khoảng cách giữa Trung Quốc và các tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới sẽ ngày càng lớn hơn” nếu những nỗ lực này không được thực hiện.

ĐÁNH ĐỔI CHIẾN LƯỢC VÀ SHASHOUJIAN

Để đảm bảo chiến lược mới được thực hiện đúng cách, bài luận của Lưu đã nói rõ Trung Quốc sẽ đánh đổi. Ông lưu ý Hướng dẫn Chiến lược Quân sự năm 1993 đã xác định các cuộc xung đột trên bộ (ví dụ, với Ấn Độ, Việt Nam, Nga hoặc các quốc gia Trung Á mới độc lập) không phải là trọng tâm của các khoản đầu tư quốc phòng. Mặc dù Lưu đã cam kết với một đội quân 3 triệu người, nhưng có lẽ để trấn an các lực lượng trên bộ, các dịch vụ khác cần được chú ý nhiều hơn: “ưu tiên cho sự phát triển của Hải quân và Không quân và tăng cường xây dựng vũ khí kỹ thuật... phải đặt việc hiện đại hóa Hải quân và Không quân lên vị trí ưu tiên.” Các tranh chấp lãnh thổ lớn của Trung Quốc — và trọng tâm là Đài Loan — tất cả đều có các thành phần trên biển liên quan đến Hoa Kỳ, do đó tập trung vào hướng hàng hải. Các tài liệu tiếp theo làm cho sự tập trung vào Hoa Kỳ rõ ràng hơn nhiều, và như chính Trương Vạn Niên đã tuyên bố, “các chủ trương chiến lược mới đặt ra phương hướng chiến lược và các đối thủ chiến đấu” mà Trung Quốc sẽ phải đối mặt. Một lần nữa, bối cảnh gợi ý rõ ràng sự tập trung vào Hoa Kỳ.

Việc chuẩn bị sẽ rất tốn kém, và cuộc thảo luận của Lưu về Hướng dẫn chiến lược quân sự của Trung Quốc nhấn mạnh Trung Quốc không thể hiện đại hóa mọi thứ: “Vì nguồn tiền sử dụng cho quân sự là có hạn nên tiền mua thiết bị, xây dựng cơ bản... trên thực tế là rất nhỏ. Trong tình hình này, chúng ta phải sử dụng tốt nhất có thể số tiền có hạn.” Điều này đòi hỏi phải có một hình thức ưu tiên: “Chúng ta phải tiến hành từ điều kiện của đất nước mình và không thể so sánh mọi thứ với các tiêu chuẩn quốc tế tiên tiến.” Lãnh đạo tối cao của Trung Quốc đã tham gia vào các quyết định này, với các tướng lĩnh lưu ý các nỗ lực của shashoujian là “dưới sự giám sát trực tiếp của Giang Trạch Dân.” Giang Trạch Dân đưa ra các hướng dẫn về ưu tiên

sau đó được các quan chức quân sự cấp cao lặp lại trong nhiều bài phát biểu hơn một thập kỷ. Những điều này bao gồm "tách công việc chính khỏi thứ hai, giải quyết mọi thứ theo thứ tự ưu tiên" cũng như "làm một số việc nhưng không làm những việc khác, bắt kịp ở một số nơi nhưng không phải nơi khác".

Những cụm từ này được liên kết nhiều lần và rõ ràng với việc ưu tiên chế tạo vũ khí shashoujian. Ví dụ, trong một bài phát biểu trước Ủy ban Khoa học và Công nghệ Quốc phòng Quốc gia, Trương Vạn Niên, người đã giúp lãnh đạo các nỗ lực của shashoujian đã lập luận: "Việc xây dựng Shashoujian đòi hỏi rất nhiều kinh phí," có nghĩa là "đối với những chương trình liên quan đến công nghệ lạc hậu, chúng ta phải loại bỏ chúng, và chúng ta không được cho phép chúng vắt kiệt nguồn vốn hạn hẹp của chúng ta." Ông ấy viện dẫn hướng dẫn của Trung Quốc cần phải "bắt kịp ở một số nơi chứ không phải tất cả" và "làm một số thứ chứ không phải tất cả" để xây dựng shashoujian. Tại một hội nghị làm việc được tổ chức để đẩy nhanh quá trình xây dựng shashoujian, Trương lập luận họ nên ở "vị trí hàng đầu" để hiện đại hóa so với các lĩnh vực khác. Và trong một cuộc họp Quân ủy Trung ương, Trương Vạn Niên một lần nữa nhắc lại lời của Giang Trạch Dân về những điểm này: "Nguồn vốn của chúng ta có hạn, thời gian của chúng ta bị hạn chế, và chúng ta không thể làm tất cả mọi thứ. Nếu chúng ta làm tất cả mọi thứ, thì chúng ta sẽ làm mọi thứ tồi tệ, vì vậy chúng ta phải ưu tiên, phân biệt giữa [đầu tư] chính và thứ cấp, và ưu tiên những thứ cần gấp và phát triển chúng." Nói cách khác, ông tiếp tục, "Ý tưởng chung là kẻ thù sợ điều gì, chúng ta phát triển điều đó."

SỰ CẤP THIẾT NGÀY CÀNG TĂNG CỦA SHASHOUJIAN

Trong những năm sau khi các hướng dẫn được công bố, Trung Quốc đã tăng cường tập trung vào các hệ thống vũ khí shashoujian ở cấp độ cao nhất, đặc biệt là khi Mỹ liên tục chứng tỏ sức mạnh.

Trong một cuộc họp năm 1994 với các quan chức cấp cao, Trương Chân đã vạch ra một kế hoạch ba bước để đánh bại các

đối thủ công nghệ cao như Hoa Kỳ. Đầu tiên, “trong trường hợp xảy ra các cuộc chiến tranh cục bộ công nghệ cao”, ông ấy nói với khán giả của mình, “chúng ta vẫn phải dựa trên [chiến lược của mình] trên nguyên tắc sử dụng thiết bị kém hơn để đánh bại thiết bị vượt trội của đối phương.” Ông ấy tiếp tục, “Tiến hành chiến tranh trong điều kiện công nghệ cao, trước hết chúng ta phải làm chủ bản thân trang bị công nghệ cao, chia thành hai bộ phận để nghiên cứu: cần hiểu rõ điểm mạnh và cũng phải hiểu điểm yếu của nó.” Thứ hai, về chiến thuật, thay vì bắt chước kẻ thù, Trung Quốc sẽ tuân theo đường lối “bạn chiến đấu theo cách của bạn, tôi chiến đấu theo cách của tôi” trong tư tưởng quân sự của Mao được hiện đại hóa cho các điều kiện mới. Trương sau đó lưu ý “bước thứ ba, cũng là một bước quan trọng, là đưa ra các biện pháp đối phó của riêng mình, mỗi người đều có điểm mạnh và điểm yếu, vũ khí công nghệ cao có những hạn chế và chúng ta luôn có thể tìm cách đối phó với chúng.” Cùng nhau, tập trung vào việc sử dụng thiết bị kém hơn để đánh bại thiết bị vượt trội, sử dụng các chiến thuật độc đáo để làm như vậy, và dựa trên những hạn chế của vũ khí công nghệ cao cho thấy chiến lược chống tiếp cận của Trung Quốc. Như Trương Vạn Niên giải thích, tấn công tầm xa là rất quan trọng và ông ấy nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề ‘nhìn xa, tấn công xa, tấn công chính xác’... đặc biệt là ưu tiên phát triển shashoujian hiệu quả.

Trương Vạn Niên

Khi căng thẳng với Hoa Kỳ về Đài Loan bắt đầu gia tăng, mối liên hệ giữa shashoujian và quyền lực của Hoa Kỳ đã rõ ràng hơn. Trong một cuộc họp, Trương Vạn Niên tuyên bố Trung Quốc cần vũ khí shashoujian với "sức mạnh răn đe mạnh mẽ" vào năm 2000 để đối phó với "hướng chính của cuộc đấu tranh quân sự", ám chỉ đến eo biển Đài Loan, nơi sẽ có sự can thiệp của Mỹ. một cuộc họp về kế hoạch nghiên cứu vũ khí shashoujian vào năm 1999, Trương lại liên kết chúng với Đài Loan: "Chủ tịch Giang Trạch Dân đã nhiều lần nhấn mạnh chúng ta nên phát triển shashoujian, đây là chìa khóa để... hoàn thành thống nhất. Chỉ sau khi phát triển shashoujian của riêng chúng ta ... thì Trung Quốc mới có khả năng chủ động về chiến lược." Trương cũng thường nhấn mạnh tầm quan trọng của chúng đối với "chiến tranh chống chia rẽ", một tham chiếu khác về Đài Loan. Một lần nữa, những điều này được coi là bất đối xứng. Như Trương đã nói trong một cuộc họp về phát triển vũ

khí cho Kế hoạch 5 năm lần thứ 9, “Trong chiến tranh công nghệ cao, thực sự cần phải có một ‘mẹo hay nước cờ khôn ngoan’ hiệu quả, để có một ‘shashoujian’, để đáp ứng yêu cầu răn đe và đánh thắng kẻ thù.”

Sự thúc đẩy của Trung Quốc đối với “nước cờ gian xảo hoặc khôn ngoan” này ngày càng gay gắt hơn khi có thêm các cuộc biểu dương lực lượng của Hoa Kỳ vào cuối những năm 1990. Sau các cuộc tấn công của Mỹ vào Iraq năm 1998, Tổng cục Vũ khí của PLA bày tỏ quan ngại và tuyên bố Bắc Kinh cần “làm mọi thứ càng sớm càng tốt để sản xuất vũ khí shashoujian. Một khi chúng ta có một vài vũ khí shashoujian, chỉ khi đó đất nước chúng ta mới có thể đứng thẳng.” Sau chiến dịch của Mỹ ở Kosovo năm 1999, như phần giới thiệu đã thảo luận, PLA tập trung vào cách một số trao đổi cho thấy “Lực lượng được trang bị kém hơn có thể đánh bại một lực lượng được trang bị vượt trội trong điều kiện công nghệ cao,” với các báo cáo được gửi trực tiếp cho chính Giang Trạch Dân. Và sau khi Hoa Kỳ vô tình đánh bom đại sứ quán Trung Quốc ở Belgrade vào năm 1999, các nhà lãnh đạo cấp cao nhất như Trương - người đã rất tức giận. “Hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên” mà thay vào đó là “được tính toán trước” - nhấn mạnh nhu cầu “đẩy nhanh sự phát triển của vũ khí shashoujian” tại cuộc họp Quân ủy Trung ương khẩn cấp vào ngày hôm sau.

Hoa Kỳ ‘vô tình’ đánh bom đại sứ quán Trung Quốc

Trong cuộc họp Quân ủy Trung ương vào tháng 7 năm 1999 vì Kosovo, Trương đã gắn tất cả các cuộc biểu dương lực lượng của Hoa Kỳ trong những năm 1990 với chiến lược hiện đại hóa của Trung Quốc. Ông tuyên bố: “Sự cố đánh bom Đại sứ quán” là một lời cảnh tỉnh đối với quân đội Trung Quốc, từ Chiến tranh vùng Vịnh năm 1991 đến ‘Cáo sa mạc’ năm 1998 đến Chiến tranh Kosovo năm 1999, PLA... Theo quan điểm của Trương, mỗi cuộc biểu dương về sự thể hiện sức mạnh của Hoa Kỳ trong những năm 1990 đều đặt ra một vấn đề đối với an ninh Trung Quốc. “Cuộc chiến ở Kosovo là một bước quan trọng trong việc thúc đẩy việc thực hiện chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ vào thời điểm chuyển giao thế kỷ,” ông lập luận trong cùng một bài

phát biểu, “và là một dấu hiệu quan trọng cho sự phát triển mới của chủ nghĩa bá quyền Hoa Kỳ”. “Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc phải làm gì khi đối mặt với các mối đe dọa chiến tranh có thể xảy ra trong tương lai?” Trương đã đưa ra “câu trả lời lớn và rõ ràng” tại cuộc họp: Trung Quốc nên tập trung vào “sản xuất mạnh mẽ vũ khí shashoujian” theo quan điểm “điều kẻ thù sợ nhất là thứ chúng ta nên phát triển” để giành chiến thắng trong “các cuộc chiến tranh cục bộ trong điều kiện công nghệ cao.” Và một lần nữa, trọng tâm là giành chiến thắng trong các cuộc chiến tranh chống lại Hoa Kỳ.

GIẢI THÍCH SỰ CHUYỂN ĐỔI CHIẾN LƯỢC

Cùng với nhau, một số cuốn hồi ký quân sự có thẩm quyền của Trung Quốc và các tác phẩm được chọn lọc cho thấy rõ quá trình hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc trong những năm 1990 và 2000 là hướng tới cuộc chiến công nghệ cao với Hoa Kỳ. Họ cũng bác bỏ các giải thích thay thế cho hành vi của Trung Quốc. Ví dụ, sự lan tỏa giả định Trung Quốc sẽ bắt chước các năng lực dẫn đầu và khả năng áp dụng mà họ sẽ làm như vậy với điều kiện không quá phức tạp về mặt tài chính hoặc tổ chức. Nhưng như các văn bản đã nói rõ, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã tước bỏ nhiều khoản đầu tư — nhằm mục đích “bắt kịp ở một số nơi chứ không phải nơi khác”, “tách biệt cơ sở chính với thứ cấp” và “làm một số việc chứ không làm những việc khác” - ủng hộ những điều đó đó sẽ là những công cụ bất đối xứng hữu ích chống lại Hoa Kỳ. Tương tự như vậy, chính trị quan liêu không thể giải thích sự tập trung duy nhất của Trung Quốc vào chiến tranh bất đối xứng. Quyết định chế tạo vũ khí shashoujian bất đối xứng đã được Quân ủy Trung ương cân nhắc kỹ lưỡng và cuối cùng phê duyệt ở cấp cao nhất, và dường như có một hành động cấm kỵ và thậm chí kỷ luật đối với những người tham gia vào sự cạnh tranh trong nội bộ hoặc giữa các bộ phận làm giảm đi sứ mệnh bất đối xứng. Như Trương Vạn Niên đã viết:

Mọi bộ phận và chi nhánh của quân đội nên thiết lập vững chắc khái niệm tổng thể này [chúng ta nên phát triển những gì kẻ

thù lo sợ], và nỗ lực hết mình để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu về vũ khí và thiết bị công nghệ cao mới. Để đảm bảo trọng tâm, chúng ta phải nhấn mạnh sự tuân thủ của địa phương đối với tình hình chung, ngay cả với chi phí của các cơ quan địa phương. Phải kiên quyết ngăn chặn, khắc phục tình trạng phân cấp, không thể đơn phương nhấn mạnh về số lượng, quy mô, tính 'đặc thù' của các đơn vị. Chúng ta phải cấm họ lợi dụng tình hình [cải cách]... và nên biến việc tuân theo tình hình chung trở thành một [trọng tâm] kỷ luật nghiêm túc.

Chiến tranh bất đối xứng (hoặc giao tranh không đối xứng) là thuật ngữ được đưa ra để mô tả một loại chiến tranh giữa những kẻ hiếu chiến có sức mạnh quân sự tương đối khác nhau đáng kể, hoặc có chiến lược hoặc chiến thuật khác nhau đáng kể. Đây thường là cuộc chiến giữa quân đội thường trực, chuyên nghiệp và lực lượng nổi dậy hoặc dân quân phong trào kháng chiến, những người thường có tư cách là những người chiến đấu bất hợp pháp.

Chiến tranh bất đối xứng có thể mô tả một cuộc xung đột trong đó nguồn lực của hai bên hiếu chiến khác nhau về bản chất và trong cuộc đấu tranh, tương tác và cố gắng khai thác những điểm yếu đặc trưng của nhau. Những cuộc đấu tranh như vậy thường liên quan đến các chiến lược và chiến thuật chiến tranh khác thường, các bên tham chiến yếu hơn cố gắng sử dụng chiến lược để bù đắp sự thiếu hụt về số lượng hoặc chất lượng của lực lượng và trang bị của họ. Các chiến lược như vậy có thể không nhất thiết phải được quân sự hóa. Ngược lại với nó là chiến tranh đối xứng, trong đó hai cường quốc có sức mạnh và nguồn lực quân sự tương đương và dựa trên các chiến thuật tương tự về tổng thể, chỉ khác nhau về chi tiết và cách thực hiện.

Chiến tranh bất đối xứng là một hình thức chiến tranh không thường xuyên - xung đột bạo lực giữa quân đội chính thức và đối thủ không chính thức, ít được trang bị và hỗ trợ, không có nhân lực nhưng kiên cường và có động cơ. Thuật ngữ này thường được sử dụng để mô tả những gì còn được gọi là chiến

tranh du kích, nổi dậy, chống nổi dậy, khủng bố và chống khủng bố.

Cuối cùng, ý kiến cho chiến lược quân sự của Trung Quốc tập trung vào các nước láng giềng trong khu vực là không chính xác. Như cuộc thảo luận trước cho thấy, các nhà lãnh đạo Trung Quốc thừa nhận tập trung vào các cuộc chiến tranh cục bộ, nhưng đối thủ thường được mô tả là đối thủ "công nghệ cao" hoặc "kẻ thù vượt trội", một kẻ có khả năng tấn công tầm xa và dường như theo đuổi bá quyền - tiêu chí chỉ có Hoa Kỳ đáp ứng trong thời kỳ này. Đó cũng là các cuộc biểu dương lực lượng của Hoa Kỳ đã được nghiên cứu nghiêm ngặt bởi các nhà lãnh đạo PLA lo lắng, những người đã tạo ra mối liên hệ rõ ràng giữa tình hình của các nước bại trận và của chính Trung Quốc. Và mọi cuộc xung đột cục bộ lớn — không chỉ "hướng chính" của eo biển Đài Loan mà còn ở Biển Hoa Đông, Biển Đông và bán đảo Triều Tiên — đều có thể có sự tham gia của Hoa Kỳ, vốn sẽ là trở ngại chính cho thành công của Trung Quốc. Các văn bản học thuyết của Trung Quốc, như Khoa học về chiến lược quân sự, thừa nhận điều này: "Ngay cả khi kẻ thù trực tiếp [tức là láng giềng] kém hơn chúng ta, vẫn có khả năng kẻ thù hùng mạnh [tức là Hoa Kỳ] có thể can thiệp. Do đó, về mặt chiến lược, PLA vẫn nên dựa trên nguyên tắc sử dụng vũ khí kém hơn để đánh bại kẻ thù được trang bị tối tân." Và trong khi Trung Quốc đối mặt với khả năng xảy ra xung đột trên bộ, chủ yếu với Ấn Độ và Việt Nam, phân tích chi tiết trong phần này cho thấy ngay từ năm 1993, Lưu Hoa Thanh đã chính thức nhấn mạnh tập trung vào các cuộc xung đột trên biển — một nhận định được duy trì trong các văn bản tương đối có thẩm quyền sau đó như Khoa học Chiến lược Quân sự năm 1999 và 2013 cho đến các bài phát biểu gần đây của Chủ tịch Tập.

Sau khi thiết lập chiến lược bất đối xứng của Trung Quốc trong các văn bản quân sự có thẩm quyền, giờ đây chúng ta chuyển sang khám phá cách triển khai thực tế của nó trong đầu tư quân sự.

NỀN TẢNG PHẢN CÔNG: TÀU NGẦM, THỦY LÔI VÀ TÊN LỬA

Sau ba sự kiện lớn, Trung Quốc đã đầu tư quá mức vào ba khả năng hữu ích chủ yếu để từ chối như một phần của chiến lược cắt giảm: tàu ngầm, tên lửa và thủy lôi. Nó đã xây dựng hạm đội tàu ngầm lớn nhất thế giới, kho dự trữ thủy lôi lớn nhất thế giới và tên lửa đạn đạo chống hạm đầu tiên trên thế giới. Việc Trung Quốc theo đuổi những khả năng này trong suốt những năm 1990 và đầu những năm 2000 hoàn toàn trái ngược với sự thiếu đầu tư đương thời vào tàu sân bay, tác chiến chống tàu ngầm, tác chiến phòng không, các biện pháp đối phó thủy lôi và chiến tranh đổ bộ, và nó không thể giải thích được thông qua bất kỳ giả thuyết nào. được đưa ra ngay từ đầu chương, bao gồm các lý thuyết dựa trên sự lan tỏa và các lý thuyết về năng lực tiếp nhận. Hơn nữa, những khả năng này không cho phép Trung Quốc kiểm soát các đảo hoặc tái chiếm Đài Loan, ngay cả khi được coi là một phần của hoạt động kết hợp với khả năng đổ bộ và kiểm soát biển hạn chế của Trung Quốc. Một lần nữa, lời giải thích tốt nhất thay vào đó là Trung Quốc tập trung vào những khả năng đó như một phần của một chiến lược lớn. Họ làm việc để phủ nhận một cách bất đối xứng khả năng hoạt động của Hoa Kỳ trong khu vực.

Logic này được tìm thấy trong các văn bản của Trung Quốc. Ví dụ: Hướng dẫn Nghiên cứu Lý thuyết Chiến dịch Chung năm 2012 đề cập đến các chiến lược bất đối xứng và tại một thời điểm chủ trương rõ ràng việc sử dụng tên lửa, tàu ngầm và thủy lôi để tạo ra lợi thế bất đối xứng:

Lợi thế đối xứng xảy ra cả với kẻ thù và lực lượng của ta có cùng một loại khả năng tác chiến, và khi chúng ta có cùng phẩm chất cơ bản, do đó việc đối đầu với kẻ thù mạnh đòi hỏi ưu thế về quân số. Đối với lợi thế phi đối xứng... Nếu kẻ địch có khả năng tác chiến mà ta thiếu, ta phải sử dụng các phương tiện khác có thể đánh bại kẻ thù và giành chiến thắng để tạo lợi thế phi đối xứng, chẳng hạn như có đủ số lượng tên lửa hành trình, tàu ngầm, và thủy lôi chống lại tàu sân bay, cùng nhau tạo nên lợi thế tấn công bất đối xứng.

Trong một ví dụ khác, các tác giả chủ trương “sử dụng các cuộc tấn công bằng tên lửa, phục kích tàu ngầm và phong tỏa thủy lôi chống lại một nhóm tác chiến tàu sân bay trong vùng biển của chúng ta.” Ba khả năng này cũng được nhắc đến nhiều lần để chống lại tàu sân bay trong các văn bản học thuyết khác, và nó là một phần lý do khám phá ba khả năng đã thảo luận trước đó, cũng như sự đầu tư quá mức của Trung Quốc vào chúng. Việc ưu tiên các khả năng này trong chiến lược cắt giảm của Trung Quốc nên được nhìn nhận trong bối cảnh các cuộc thảo luận cấp lãnh đạo về chiến lược quân sự của Trung Quốc, nơi các nhà lãnh đạo tối cao như Giang Trạch Dân và các phó chủ tịch khác của Quân ủy Trung ương đã nhấn mạnh những điều sau: phát triển vũ khí shashoujian, “phát triển những gì kẻ thù sợ hãi”,“sử dụng vũ khí của kẻ yếu để đánh bại kẻ thù công nghệ cao” và tập trung vào “điểm yếu của kẻ thù”. Tương tự như vậy, việc đầu tư tương đối quá mức vào các khả năng khác dường như liên quan đến những lời khuyên “tách cái chính khỏi cái thứ yếu” trong hiện đại hóa quân đội, “bắt kịp ở một số nơi nhưng không phải ở những nơi khác” và “làm một số việc nhưng không phải tất cả mọi thứ.” Bây giờ chúng ta xem xét các khoản đầu tư của Trung Quốc vào từng lĩnh vực bất đối xứng này.

TÀU NGẦM

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2003, một nhóm ngư dân đang đánh bắt trên biển Bột Hải, phía đông Bắc Kinh nhận thấy có điều gì đó bất thường. Nổi lên khỏi mặt nước là một thanh kim loại lấp lánh dưới ánh mặt trời. Khi đến gần nó một cách cẩn thận, họ nhận ra chiếc que thực chất là một kính tiềm vọng được gắn vào một chiếc tàu ngầm có vẻ như đang trôi dạt.

Các ngư dân nhanh chóng điện đài cho Bắc Kinh, nơi này khẩn trương điều tra. Chiếc tàu ngầm này là Tàu ngầm lớp nhà Ming 361 của Trung Quốc, nhưng vì không thể sử dụng sóng phát thanh, các thủy thủ Trung Quốc đã kéo nó trở lại cảng và sau đó lên tàu. Bên trong, họ thấy phi hành đoàn đang ngồi sụp

xuống sàn, có vẻ như đã bị ngạt thở. Tàu ngầm 361 đã lơ lửng trên biển Bột Hải gần mười ngày.

Vài tuần sau tại Bắc Kinh, một phát ngôn viên của Bộ Ngoại giao đã thừa nhận thảm kịch và thẳng thừng quy nó là do “lỗi cơ học”. Nhưng một số nhà phân tích tin nguyên nhân thực sự là một cái gì đó hơn thế nữa: một thử nghiệm thất bại đối với công nghệ động cơ đẩy không phụ thuộc vào không khí mà Trung Quốc đã theo đuổi từ lâu. sẽ làm cho các tàu ngầm của nó tàng hình hơn trước các tàu nổi và tàu sân bay của Mỹ. Họ lưu ý con tàu vốn đã chật chội đã khởi hành với hơn 20 thủy thủ so với loại thông thường cùng loại, bao gồm cả một sĩ quan cấp cao của PLAN - tất cả đều không bình thường và gợi ý Thử nghiệm trên biển có thể đã sớm được tiến hành.

Mặc dù nguyên nhân của thảm kịch không rõ ràng đối với những người bên ngoài, nhưng các hình phạt rất rõ ràng và những cái đầu nhanh chóng được xử lý. Tư lệnh PLAN Shi Yunsheng đã bị sa thải và 4 quan chức cấp cao nhất khác của PLAN đã bị cách chức. Bất chấp thất bại, Trung Quốc vẫn tiếp tục đổ tài nguyên vào hạm đội tàu ngầm của mình. Và chỉ ba năm sau, một tàu ngầm lớp Tống của Trung Quốc - tiên tiến hơn cả lớp nhà Minh - đã khiến cả thế giới sửng sốt khi nó nổi lên mà không bị phát hiện trong tầm phóng ngư lôi của tàu sân bay USS Kitty Hawk.

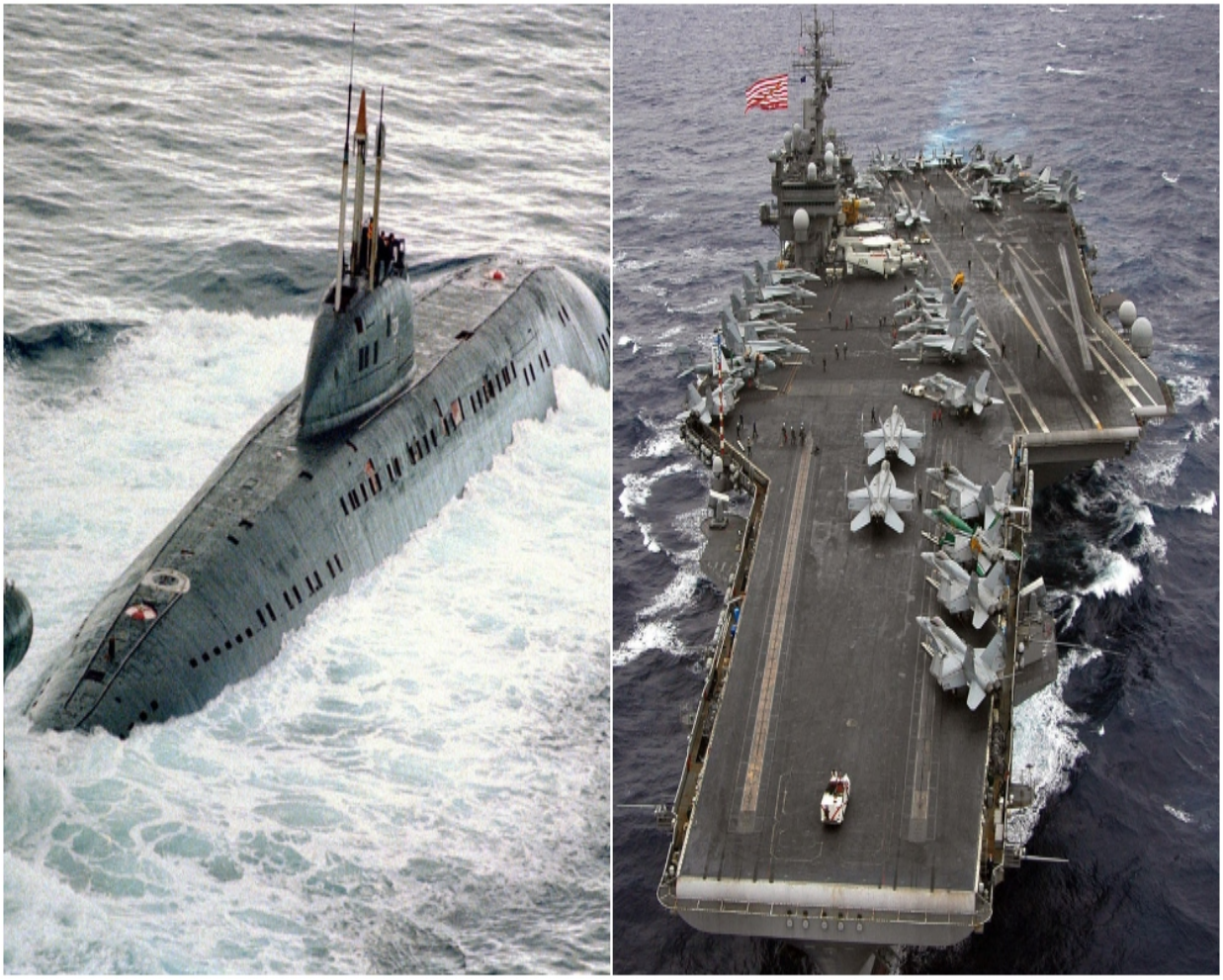

Thoạt nhìn, các khoản đầu tư của Trung Quốc vào tàu ngầm có phần khó hiểu. Từ năm 1990 đến năm 2015, Trung Quốc đã tiến hành một nỗ lực hiện đại hóa lớn cho các tàu ngầm của mình. Nó cho nghỉ hưu tất cả 84 tàu ngầm Romeo đã lỗi thời và mua

14 tàu ngầm lớp Ming, 12 chiếc Kilo của Nga, 13 chiếc Song và 12 chiếc tàu ngầm lớp Yuan; nó cũng hạ thủy tàu ngầm Shang SSN mới — với tổng số khoảng 70 tàu ngầm hiện đang được biên chế. Khi hầu hết lực lượng hải quân nước xanh được tổ chức xung quanh các tàu sân bay, tại sao trong gần hai mươi năm, Trung Quốc đã tổ chức phần lớn lực lượng hải quân của mình xung quanh tàu ngầm? Tại sao Trung Quốc quyết định xây dựng hạm đội tàu ngầm lớn nhất thế giới và triển khai gần như toàn bộ hạm đội này ngay gần quê nhà?

Phần mở đầu của chương này đưa ra một vài giải thích khả thi, nhưng chúng còn thiếu sót. Các lý thuyết về khả năng lan tỏa và áp dụng có thể giải thích việc mua lại nhưng không đầu tư quá mức so với các quân đội khác. Các lý thuyết quan liêu có thể chỉ ra "vận động hành lang dành cho tàu ngầm" trong PLA, nhưng vận động hành lang này có thể có rất ít ảnh hưởng: một số chỉ huy tàu ngầm từng phục vụ trong Quân ủy Trung ương, không ai từng làm phó chủ tịch và chỉ có hai người từng làm chỉ huy PLAN - trong ba năm và người còn lại, Zhang Lianzhong, trong tám năm (1988–1996). Mặc dù vậy, Zhang vẫn là cấp dưới của Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương và Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Lưu Hoa Thanh, người đã tận tâm với lực lượng hải quân dựa trên tàu sân bay và có thể vượt qua Zhang. Cuối cùng, những giải thích nhấn mạnh sự tập trung của Trung Quốc vào các cuộc xung đột khu vực cũng không hữu ích. Các tàu ngầm không thể trấn giữ các đảo tranh chấp trong các cuộc xung đột và trong khi chúng có thể hỗ trợ trong các sứ mệnh đánh chiếm chúng, Trung Quốc thậm chí không được trang bị để bảo vệ các tàu nổi của mình khỏi các tàu ngầm của đối thủ (ví dụ: Nhật Bản hoặc Việt Nam) hoặc tấn công các mục tiêu trên bộ — thay vào đó, chúng tập trung vào tác chiến phòng không. Ngay cả khi Trung Quốc tập trung vào các nước láng giềng, tại sao lại đầu tư quá mức vào tàu ngầm trong khi lại không đầu tư vào các khả năng cần thiết để kiểm soát, như tàu sân bay và các tàu nổi khác?

Câu trả lời cho những câu hỏi này đan xen với thảm kịch của Tàu ngầm 361 và sự bất ngờ của sự cố Kitty Hawk: Trung Quốc tìm cách sử dụng tàu ngầm để làm giảm sức mạnh của Mỹ. Việc Trung Quốc tập trung vào tàu ngầm không phải do áp lực từ dưới lên của tàu ngầm mà là niềm tin từ trên xuống tàu ngầm nên được ưu tiên như một phần của chiến lược phi đối xứng nhằm cản trở các tàu sân bay và tàu nổi của Mỹ trong khu vực. Điều này rõ ràng trên một số khía cạnh trong hành vi của Trung Quốc.

Thứ nhất, liên quan đến việc mua tàu ngầm, Trung Quốc đã đại tu toàn bộ hạm đội tàu ngầm của mình thông qua một loạt quyết định ấn tượng được thực hiện từ năm 1990 đến 1995, đúng vào thời điểm lo ngại về khả năng tăng cường sức mạnh của Mỹ. Trong vài năm đầu tiên sau Chiến tranh vùng Vịnh, Trung Quốc đã nhanh chóng cho ngừng hoạt động đáng kinh ngạc 54 tàu ngầm lớp Romeo để giải phóng nguồn lực mua một số lượng lớn tàu ngầm lớp Ming, lớp Song (tàu ngầm diesel đầu tiên được sản xuất trong nước và là chiếc đầu tiên trang bị tên lửa hành trình chống hạm cần thiết để ngăn chặn tàu Mỹ), và tàu ngầm tấn công hạt nhân. Lớp Song đang gặp nhiều vấn đề, vì vậy thay vì phải đối mặt với việc cắt giảm lực lượng tàu ngầm, Trung Quốc đã đưa ra quyết định tốn kém khi mua 12 tàu ngầm Kilo của Nga để thu hẹp khoảng cách sản xuất. Trong thập kỷ tiếp theo, khi mối lo ngại về sức mạnh của Mỹ vẫn ở mức cao với việc Mỹ liên tục can thiệp, Trung Quốc đã mua được 31 tàu ngầm mới đáng kinh ngạc. Những khoản chi khổng lồ này hữu ích cho việc đe dọa Hải quân Hoa Kỳ ở gần Trung Quốc nhưng ít hữu ích hơn đối với các cuộc xung đột với các nước láng giềng hoặc bảo vệ các SLOC ở xa. Như một chiến lược gia cấp cao của PLAN viết, trích dẫn ước tính của Hoa Kỳ, “Trung Quốc đã vượt quá [sản lượng tàu ngầm của Hoa Kỳ] hơn năm lần” và hơn 75 tàu ngầm của Trung Quốc ở Thái Bình Dương sẽ có thể chống lại một lực lượng nhỏ hơn nhiều của Hoa Kỳ.

SLOC (kênh liên lạc đường biển) là một thuật ngữ mô tả các tuyến đường hàng hải chính giữa các cảng, được sử dụng cho thương mại, hậu cần và lực lượng hải quân. Nó thường được sử dụng để chỉ các hoạt động hải quân để đảm bảo các SLOC được mở, hoặc trong thời gian chiến tranh, để đóng chúng.

Các loại tàu ngầm Trung Quốc đóng trong thời kỳ này cũng đang lộ diện. Tại sao Trung Quốc lại ưu tiên các tàu ngầm diesel có động cơ đẩy không phụ thuộc vào không khí (AIP) hơn các tàu hạt nhân? Chúng cũng là một công cụ phi đối xứng và rẻ hơn rất nhiều so với các tàu ngầm hạt nhân và tàu sân bay mà chúng đe dọa. Như một sĩ quan PLAN đã lưu ý, "giá của một chiếc tàu ngầm hạt nhân có thể mua được vài, thậm chí hơn mười chiếc tàu ngầm thông thường." Vì lý do này, dù Trung Quốc có thể chế tạo nhiều tàu ngầm hạt nhân hơn, họ đã không chọn và chọn loại tàu ngầm kiểu Liên Xô.

Vào thời kỳ này, các tàu ngầm của Trung Quốc được trang bị cho chiến tranh mặt nước hữu ích chống lại Hoa Kỳ hơn là các nhiệm vụ khác chống lại các nước láng giềng, như hộ tống, có thể yêu cầu tác chiến chống tàu ngầm, khả năng tấn công trên bộ hoặc hạt nhân hơn là nền tảng diesel. Kể từ những năm 1990, Trung Quốc đã tập trung các tàu ngầm của mình vào việc trang bị tên lửa hành trình chống hạm, trái ngược hẳn với Hải quân Mỹ - lực lượng này cho đến gần đây hoàn toàn không sử dụng tên lửa hành trình chống hạm và thay vào đó dựa vào ngư lôi để chống lại các tàu nổi. Việc Trung Quốc nhấn mạnh vào tên lửa hành trình chống hạm giúp nó có tầm bắn xa hơn so với ngư lôi (gấp 4–10 lần) cũng như tốc độ (nói chung là siêu thanh) khi nhắm mục tiêu tàu nổi của đối phương. Năm 1990, không tàu ngầm nào của Trung Quốc có thể phóng tên lửa hành trình chống hạm; Hiện hơn 64% có khả năng này - hầu như mọi tàu ngầm được chế tạo hoặc mua lại kể từ năm 1994. Văn phòng Tình báo Hải quân Hoa Kỳ lập luận tên lửa hành trình chống hạm phóng từ tàu ngầm của Trung Quốc - bao gồm cả SS-N-27 Sizzler của Nga và YJ-18 bản địa. — đẳng cấp thế giới, trong khi ASW và khả năng tấn công đất liền của nó vẫn

khá kém. Tất cả điều này cho thấy một lần nữa tác chiến chống mặt nước là ưu tiên của các tàu ngầm Trung Quốc, điều này cho thấy sự tập trung vào các tàu của Mỹ — đặc biệt là các tàu sân bay.

Thứ hai, học thuyết hải quân của Trung Quốc cũng xác nhận việc tập trung vào tàu ngầm như công cụ phản công hơn là để hộ tống hoặc kiểm soát biển, và theo cách này, nó có chung đặc điểm với học thuyết của Liên Xô trước đó. Như Andrew Erickson và Lyle Goldstein lưu ý trong bài đánh giá các văn bản tiếng Trung về tác chiến tàu ngầm, các tác giả Trung Quốc lấy cảm hứng lớn từ học thuyết tàu ngầm của Liên Xô và thấy tình hình của chính họ — đối phó với một hải quân có sức mạnh vượt trội — tương tự như Liên Xô phải đối mặt. văn bản học thuyết của Trung Quốc thảo luận về tàu ngầm như một công cụ bất đối xứng chống lại các nhóm tác chiến tàu sân bay hùng mạnh của một quốc gia, một tham chiếu không thể nhầm lẫn về Hoa Kỳ. Không có gì đặc biệt đáng ngạc nhiên: tàu ngầm đã được sử dụng như công cụ phi đối xứng chống lại lực lượng hải quân nước xanh kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Trong Chiến tranh Quần đảo Falkland, một cuộc xung đột được các chiến lược gia Trung Quốc thường xuyên nghiên cứu để tìm cách đối phó với tư cách là một sức mạnh kém hơn so với Hoa Kỳ vượt trội, hạm đội Anh đã sử dụng gần như tất cả các loại đạn dược chống tàu ngầm của mình với tàu ngầm đối thủ và không đánh chìm được. Hơn nữa, các nguồn đủ tiêu chuẩn ít chính thức hơn, chẳng hạn như tạp chí Shipborne Weapons của PLAN, rõ ràng về việc sử dụng tàu ngầm trong các chiến dịch chống tiếp cận/phản công khu vực, đặc biệt liên quan đến Đài Loan và do đó có thể có sự can thiệp của Mỹ: “Để đảm bảo sức mạnh quốc phòng cần thiết và bảo vệ việc hoàn thành thống nhất đất nước và ngăn chặn ‘Đài Loan độc lập’, trong vài năm qua, Trung Quốc đã tăng cường sản xuất bản địa các tàu ngầm hạt nhân và thông thường mới.” tàu ngầm thông thường của Trung Quốc sẽ hoạt động gần nhà hơn, trong khi các tàu ngầm hạt nhân sẽ tấn công các tuyến tiếp tế của Mỹ tới Tây Thái Bình Dương.

Thứ ba, như đã thảo luận trước đây, các tàu ngầm của Trung Quốc được bố trí theo cách cho phép chúng tập trung vào các cuộc xung đột gần khu vực ngoại vi của Trung Quốc. Chúng

nhằm làm phức tạp thêm việc thực thi quyền lực của Mỹ ở gần bờ biển Trung Quốc. Và cuối cùng, việc xem xét các cuộc huấn luyện và tập trận của Trung Quốc liên quan đến tàu ngầm cũng cho thấy sự tập trung vào các hoạt động phản công. Trong năm 2006 và 2015, tàu ngầm diesel của Trung Quốc đã bám theo tàu sân bay Mỹ và nổi lên trong tầm bắn của ngư lôi - mạo hiểm khả năng hoạt động của chính chúng mà không bị phát hiện và chứng tỏ Trung Quốc đang thử nghiệm khả năng này. Ngoài ra, rà phá ngư lôi là một phần quan trọng trong các chương trình đào tạo tàu ngầm của Trung Quốc trong hơn hai thập kỷ và là một phần chính trong chương trình giảng dạy cho các sĩ quan cấp trung tại Học viện Tàu ngầm Thanh Đảo. Trong nhiều trường hợp, các hoạt động đặt ngư lôi không chỉ tấn công (chống lại các cảng của đối phương) mà còn để phòng thủ (tập trung vào các tàu sân bay và tàu ngầm của đối phương). Các văn bản giảng dạy và các nguồn khác nói rõ, trong các cuộc tấn công vào tàu sân bay, chiến tranh bằng ngư lôi sẽ đóng một vai trò nổi bật.

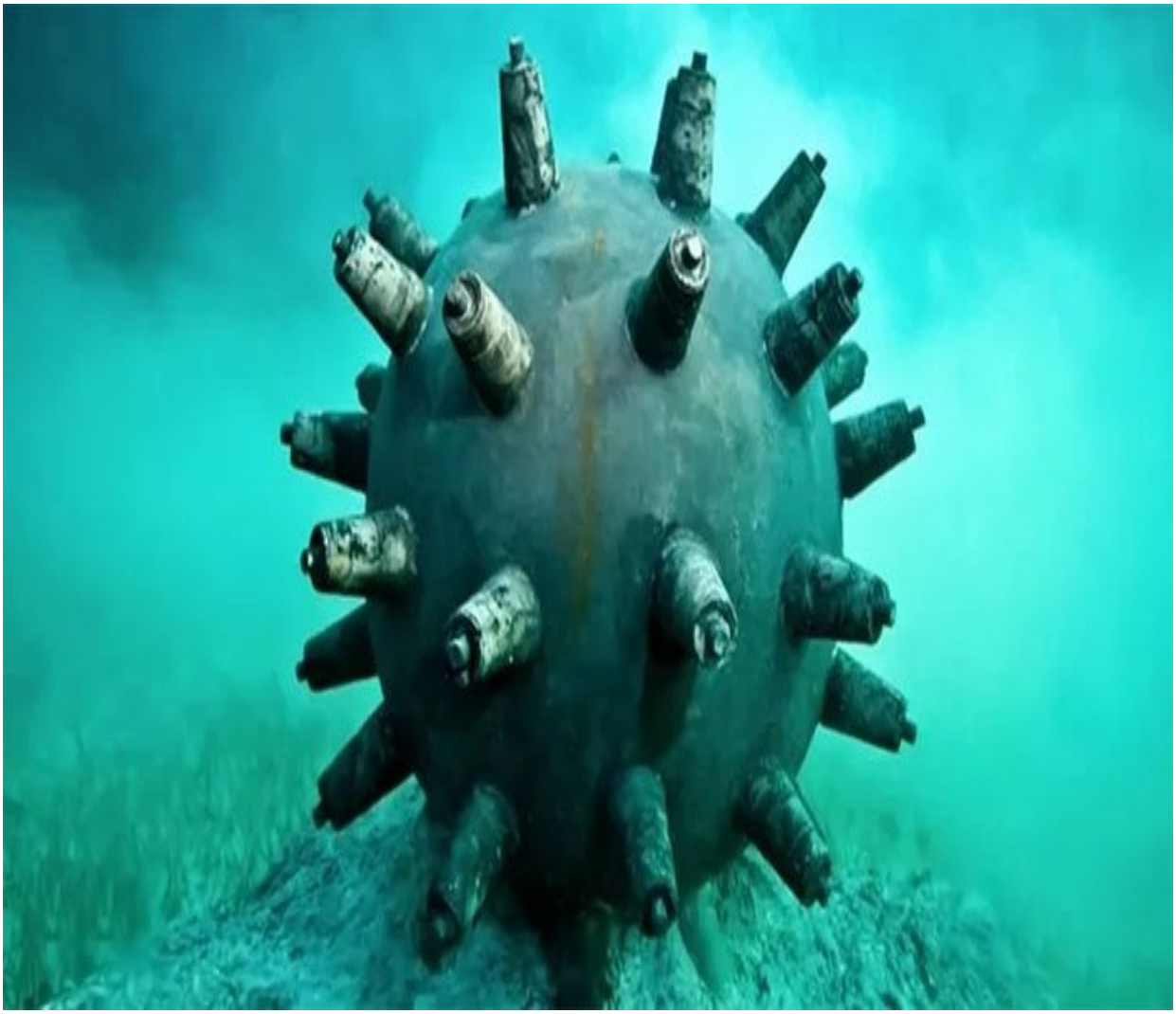

THỦY LÔI

Lúc 4:36 sáng vào ngày 18 tháng 2 năm 1991, thủy thủ đoàn của USS Tripoli chợt tỉnh giấc. Tàu tấn công đổ bộ 18.500 tấn chở 600 thủy thủ vừa trúng phải một quả thủy lôi của Iraq ở Vịnh Ba Tư. Vụ nổ đã xé toạc một lỗ rộng 320 foot vuông bên dưới mực nước mười lăm foot, và nước biển tràn vào.

Hai giờ sau và cách đó mười dặm, USS Princeton bị rung chuyển bởi những vụ nổ liên tiếp. Chiếc tàu tuần dương mang tên lửa dẫn đường 9.600 tấn vừa mới trúng hai quả thủy lôi, và giờ nó cũng đang tiếp nước.

Cả hai tàu USS Tripoli và USS Princeton đều tương đối may mắn: cả hai đều không có thương vong và đã ngăn chặn được nước tràn vào trước khi đến bến tàu để sửa chữa. Nhưng sự việc đã bại lộ. Đây là những con tàu lớn và đắt tiền - chỉ riêng chiếc Princeton đã trị giá 1 tỷ đô la - và chúng đã đánh giá thấp thủy lôi của Iraq mà mỗi chiếc chỉ có giá không quá vài nghìn đô la. Theo một số ước tính, vẫn còn khoảng 1.000 quả thủy lôi nữa ở Vịnh phía Bắc, chứng tỏ lợi thế phi đối xứng của chiến tranh bằng thủy lôi chống lại kẻ thù vượt trội Mỹ.

Trung Quốc theo dõi những vụ việc này với sự quan tâm lớn và đầu tư tương ứng. Giờ đây, nhiều thập kỷ sau, Văn phòng Tình báo Hải quân nhận thấy "Trung Quốc có khả năng khai thác mạnh mẽ", với 50.000 đến 100.000 quả thủy lôi, cũng như "cơ sở hạ tầng mạnh mẽ cho nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, đánh giá và sản xuất liên quan đến thủy lôi hải quân." Những quả thủy lôi có thể được triển khai trên nhiều nền tảng khác nhau (tàu ngầm, tàu nổi và tàu sân bay) ở một số phạm vi khác nhau. Trong một thời gian tương đối ngắn, Trung Quốc đã hiện đại hóa hoàn toàn kho vũ khí thủy lôi thời Chiến tranh thế giới thứ hai và tập hợp "một kho thủy lôi khổng lồ bao gồm nhiều loại thủy lôi khác nhau như thả neo, thả đáy, trôi dạt, phóng tên lửa và thủy lôi thông minh." Trung Quốc hiện sở hữu kho vũ khí thủy lôi lớn nhất thế giới.

Có một số giải thích cạnh tranh về lý do tại sao Trung Quốc đầu tư rất nhiều vào các thủy lôi, nhưng hầu hết đều không thỏa đáng. Các lý thuyết về khả năng lan tỏa và áp dụng, tập trung vào việc công nghệ nào lan tỏa và công nghệ nào không, không thể giải thích việc đầu tư quá mức. Các lý thuyết quan liêu có thể quy đầu tư quá mức cho các lực lượng quan liêu hùng mạnh, nhưng không có nhóm lợi ích hoặc liên minh có thể xác định được cho chiến tranh thủy lôi đủ mạnh để ảnh hưởng đến chính sách quân sự. Cuối cùng, giả thuyết cho Trung Quốc tập trung vào các cuộc xung đột khu vực với các nước láng giềng cũng không thể giải thích cho việc đầu tư quá mức. Thủy

lôi là một loại vũ khí phòng thủ hoặc có thể được sử dụng để chặn các cảng của Đài Loan, nhưng chúng không thể thiết lập quyền kiểm soát, và Trung Quốc trong mọi trường hợp đã đầu tư rất nhiều vào các loại thủy lôi có tác dụng chống lại tàu ngầm và tàu sân bay Mỹ ở biển sâu mà chất lượng khác hẳn với những loại thủy lôi hữu dụng chống lại Đài Loan.

Lời giải thích tốt nhất cho các khoản đầu tư vào thủy lôi của Trung Quốc là — theo sự quan tâm của Trung Quốc đối với Chiến tranh vùng Vịnh — chúng là một phần trong nỗ lực của họ nhằm ngăn chặn các hoạt động bất đối xứng của Hoa Kỳ ở châu Á. Thứ nhất, liên quan đến việc đạt được các khả năng tác chiến thủy lôi, mối quan tâm về sức mạnh của Hoa Kỳ do Chiến tranh vùng Vịnh khuếch đại đã tạo ra một ảnh hưởng xúc tác. Trước Chiến tranh vùng Vịnh, việc nghiên cứu của Trung Quốc diễn ra chậm chạp. Trung Quốc khai thác quả thủy lôi biển bản địa đầu tiên vào năm 1974 nhưng không khai thác tàu rà phá đầu tiên cho đến một thập kỷ sau vào năm 1988, và tàu quét thủy lôi Kiểu 918 quá chậm và khó phát hiện đến mức nó hầu như không còn khả năng hoạt động. Sau Chiến tranh vùng Vịnh, các khoản đầu tư của Trung Quốc tăng lên và hàng tồn kho của nó tăng lên thành các loại thủy lôi neo, đáy, trôi dạt, phóng tên lửa và thông minh thông qua việc phát triển bản địa và mua công nghệ chiến tranh thủy lôi của Nga. Các khoản đầu tư vào các thủy lôi và biển sâu cho thấy mong muốn đe dọa các tàu sân bay của Mỹ ở biển xa và các SSN gần bờ biển của Trung Quốc.

Thứ hai, mặc dù chúng ta thiếu một văn bản học thuyết có thẩm quyền về chiến tranh thủy lôi của Trung Quốc, nhưng các bài viết chính thức của PLA cũng như các bài viết của các tác giả thứ cấp cho thấy rõ ràng sự tập trung vào Hoa Kỳ, trong đó Chiến tranh vùng Vịnh đóng một vai trò quan trọng. Trong cuộc xung đột, các tác giả Trung Quốc đã nghiên cứu cách các loại thủy lôi của Iraq có thể làm thất bại dự báo sức mạnh của Mỹ, và họ thảo luận về các loại thủy lôi biển như những công cụ phi đối xứng. Một bài báo năm 1992 trên tờ Modern Ships nhấn

mạnh thủy lôi là cách các quốc gia yếu có thể đẩy lùi các quốc gia mạnh và khả năng đối phó với thủy lôi (MCM) của Mỹ đã được Iraq chứng minh là "tương đối yếu". Các nhà báo quân sự Trung Quốc cũng nhận xét lực lượng liên quân không thể đối phó hiệu quả với khả năng tác chiến thủy lôi hạn chế của Iraq: "mặc dù triển khai 13 tàu từ bốn quốc gia, lực lượng này tỏ ra không đủ, bị cản trở bởi sự chênh lệch lớn về khả năng của từng tàu và chỉ tiến chậm [vì thủy lôi Iraq]." Khoảng một thập kỷ sau, những kết luận này đã được chấp nhận như một sự khôn ngoan thông thường trong các tài liệu về chiến tranh thủy lôi của Trung Quốc. Như một bài nghiên cứu về việc đặt thủy lôi của Iraq trong Chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ hai ghi nhận: "Mọi người đều biết trong Chiến tranh Vùng Vịnh năm 1991, thủy lôi của Iraq đóng một vai trò quan trọng, điều khiển [một số] tàu chiến của Hải quân Hoa Kỳ." Bài báo năm 2004 tiếp tục lập luận bất chấp những tiến bộ trong công nghệ MCM của Mỹ, các loại thủy lôi tương đối cơ bản vẫn có thể hạn chế khả năng sức mạnh của các lực lượng công nghệ cao của Mỹ. Để nhấn mạnh vấn đề, tác giả thậm chí còn dẫn lời một sĩ quan hải quân Mỹ phụ trách MCM cho Chiến dịch Tự do Iraq: "Ngay cả trong môi trường tác chiến và biển tối ưu nhất, việc săn tìm và quét thủy lôi vẫn diễn ra chậm chạp, gây thất vọng và nguy hiểm." nhà phân tích Trung Quốc. nhấn mạnh những bài học này đối với xung đột Mỹ-Trung, như một bài báo trên tờ Hải quân Nhân dân nói rõ:

> Hoa Kỳ sẽ cần chuyển nguồn cung cấp bằng đường biển. Nhưng Trung Quốc không phải là Iraq. Trung Quốc có các loại thủy lôi tiên tiến... Đây là mối đe dọa chết người đối với hoạt động vận tải đường biển của Mỹ... Các tàu của Hoa Kỳ muốn tiến hành ASW [chiến tranh chống tàu ngầm] [sẽ] trước tiên phải quét sạch khu vực này. Khi Mỹ tham chiến trong Chiến tranh vùng Vịnh, phải mất hơn nửa năm để quét hết các quả thủy lôi trên biển của Iraq. Do đó, [sẽ] không dễ dàng cho quân đội Hoa Kỳ quét sạch tất cả các quả thủy lôi mà PLA [có thể] đặt.

Một số khả năng tác chiến bằng thủy lôi của Trung Quốc rõ ràng chỉ tập trung vào việc làm nản lòng sự tiếp cận của Hoa Kỳ. Trung Quốc đã đầu tư rất nhiều vào các thủy lôi đẩy nhanh — cái mà họ gọi là “thủy lôi biển công nghệ cao” — được thả sâu dưới đáy đại dương và nhanh chóng vươn lên để tấn công các mục tiêu.

Trung Quốc không chỉ mua các thủy lôi từ Nga (PMK-1 và PMK-2), các nguồn tin Trung Quốc cho thấy Trung Quốc cũng nhập học thuyết của Nga trong việc sử dụng các loại thủy lôi này và đã tập trung chúng, như Nga đã làm, để tấn công các SSN của đối phương. Đối thủ duy nhất mà Trung Quốc phải đối mặt với

SSN là Hoa Kỳ, và do đó, các loại thủy lôi tập trung vào việc làm giảm khả năng của Hoa Kỳ — một điểm mà chính một số tác giả Trung Quốc đưa ra rõ ràng. Như một tác giả đã lưu ý, bình luận về việc Nga sở hữu những quả thủy lôi: "Những vũ khí này sẽ tấn công SSN [tức là tàu ngầm tấn công hạt nhân] quá nhanh để có biện pháp đối phó, và cũng được đánh giá là có hiệu quả cao trong việc chống lại việc chế tạo tàu ngầm một thân của Mỹ." Văn bản có thẩm quyền gợi ý mạnh mẽ các mục tiêu chống tàu ngầm là một phần quan trọng trong chiến tranh thủy lôi. Ví dụ: Hướng dẫn Nghiên cứu Lý thuyết Chiến dịch gọi "các khu vực thủy lôi chống tàu ngầm" và một cuốn sách giáo khoa năm 2007 về chiến tranh chống thủy lôi có liên quan đến việc sử dụng chúng đối với tàu ngầm.

Điều quan trọng là, việc viết giả thuyết về chiến tranh thủy lôi của Trung Quốc thường sử dụng một vài cụm từ tập hợp xuất hiện thường xuyên và gợi ý mạnh mẽ về sự tập trung vào sự bất đối xứng so với đối thủ vượt trội. Những cụm từ này bao gồm thủy lôi "dễ đặt, khó quét", ám chỉ lợi thế hoạt động không đối xứng từ chúng và "bốn ounce có thể di chuyển một nghìn pound", ám chỉ khả năng phá hủy không đối xứng của chúng. Một cụm từ thường dùng khác là thủy lôi "không thu hút sự chú ý", với các tác giả Trung Quốc lưu ý chúng hiện không phải là trọng tâm của các lực lượng hải quân lớn và rõ ràng là Hải quân Hoa Kỳ. Tương tự như vậy, Các nguồn tin của Trung Quốc thường viết thủy lôi là cả "công nghệ cao và công nghệ thấp", với một tài liệu tham khảo điển hình lưu ý thủy lôi trong Chiến tranh vùng Vịnh có giá chỉ 10.000 USD nhưng đã gây thiệt hại hơn 96 triệu USD cho các tàu Mỹ. Tổng kết, những cụm từ này xuất hiện nhiều lần trong các văn bản tiếng Trung về chiến tranh thủy lôi cho thấy rõ ràng nó được hiểu không đối xứng và thường tập trung vào Hoa Kỳ.

Thứ ba, các cuộc tập trận khắc phục hậu quả thủy lôi của Trung Quốc dường như phản ánh các hoạt động chống lại một đối thủ công nghệ cao như Hoa Kỳ. Hiện tại, Trung Quốc tập trung nhiều hơn vào huấn luyện tác chiến thủy lôi so với các lực lượng

hải quân khác. Như Bernard Cole đã lưu ý ngay từ năm 2001, "Các lực lượng tác chiến mặt nước của PLAN hàng năm được yêu cầu thực hiện việc đặt thủy lôi, đây không phải là một thực tế phổ biến ở hầu hết các lực lượng hải quân," và điều này càng chứng tỏ đầu tư của Trung Quốc vào chiến tranh thủy lôi đáng kể hơn so với dự kiến. Hầu hết các lý thuyết. Đối với tàu ngầm, rà phá thủy lôi là một phần quan trọng trong các chương trình đào tạo tàu ngầm của Trung Quốc trong hơn hai thập kỷ và là một phần chính trong chương trình giảng dạy cho các sĩ quan cấp trung tại Học viện Tàu ngầm Thanh Đảo. Các bài báo trên tờ Hải quân Nhân dân mô tả rất chi tiết các bài tập rà phá thủy lôi và thậm chí gọi hoạt động rà phá thủy lôi là "yêu cầu cơ bản nhất của chiến tranh tàu ngầm." Các cuộc tập trận nhấn mạnh việc đối phó với các loại khả năng chống tàu ngầm mà Hoa Kỳ có thể triển khai chống lại các tàu ngầm dò thủy lôi, chẳng hạn như máy bay của Mỹ và trực thăng chống tàu ngầm, bãi thủy lôi chống tàu ngầm và tàu ngầm hạt nhân. Những khả năng này cho thấy Hoa Kỳ là trọng tâm trong các nỗ lực đặt thủy lôi của Trung Quốc. Cuối cùng, đối với các giàn khoan trên không, vận chuyển thủy lôi trên không đã là trọng tâm trong các nỗ lực đào tạo của Trung Quốc ít nhất là từ năm 1997, nếu không muốn nói là sớm hơn. Các cuộc tập trận cũng đã diễn ra với sự mô phỏng các khả năng phức tạp của đối phương mà hầu hết các đối thủ Trung Quốc không có, bao gồm cả khả năng tác chiến điện tử tiên tiến.

TÊN LỬA

Năm 1992, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương lúc bấy giờ là Trì Hạo Điền - cùng với nhiều lãnh đạo của Trung Quốc - đã rất tức giận. Washington vừa bán hơn 100 máy bay chiến đấu F-16 cho Đài Loan và đã chọn duy trì sự hiện diện quân sự mạnh mẽ trong khu vực và Trung Quốc tìm thấy cả hai sự phát triển đáng kinh ngạc. Nhưng không lâu sau khi bán, Trì lưu ý, Quân đoàn Pháo binh số 2 của PLA đã đưa ra một giải pháp khả thi.

Được thành lập vào cuối những năm 1960 và được đích thân thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đặt tên - nhà cách mạng từng là

lãnh đạo trên thực tế của ĐCSTQ trước khi bị Mao Trạch Đông thay thế trong 'Tháng Ba dài' - Pháo binh thứ hai được tập trung vào nhiệm vụ răn đe hạt nhân chiến lược của Trung Quốc trong nhiều thập kỷ. Tuy nhiên, dần dần, điều đó đã bắt đầu thay đổi. Bây giờ, họ đã có một đề xuất cho vị tướng Trung Quốc.

Ông kể lại: "Ban lãnh đạo Quân đoàn Pháo binh số 2, đã đề nghị Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tham mưu chế tạo một loạt tên lửa thông thường để nhắm vào các sân bay, tàu thuyền và cơ sở hạ tầng của đối phương." Do đó, sự chuyển hướng lớn sang chiến tranh thông thường này là do hậu quả, nhưng Trì Hạo Điền nói ông "kiên quyết ủng hộ đề xuất." Sau đó ông "yêu cầu các bộ phận liên quan tiến hành một nghiên cứu nghiêm túc ngay lập tức, tiến hành nghiên cứu chung và đẩy nhanh sự phát triển của tên lửa thông thường" trong Quân đoàn Pháo binh thứ hai. Và chương trình cuối cùng sẽ sản xuất tên lửa đạn đạo chống hạm (ASBM) nổi tiếng của Trung Quốc.

Trong những năm kể từ cuộc họp của Trì với Quân đoàn Pháo binh thứ hai, Trung Quốc đã đầu tư rất nhiều vào chương trình ASBM. Trong quá trình này, nó đã cải tiến một loại tên lửa mới mà chưa nước nào phát triển. Vì lý do đó, ASBM của Trung Quốc là một trường hợp không thể giải thích bằng các lý thuyết về năng lực lan truyền hoặc áp dụng. Một tài khoản quan liêu có thể giải thích các khoản đầu tư của Trung Quốc là sản phẩm của sự vận động của các nhóm lợi ích như Quân đoàn Pháo binh thứ hai (nay là Lực lượng Tên lửa PLA), đơn vị vận hành các loại vũ khí này. Nhưng bất chấp tầm quan trọng của Quân đoàn Pháo binh thứ hai đối với an ninh hạt nhân của Trung Quốc, nó từ lâu đã là đơn vị nhỏ nhất trong số các bộ phận của Trung Quốc và chưa bao giờ có một trong số các sĩ quan của họ làm phó bí thư Quân ủy Trung ương - điều này cho thấy ảnh hưởng hạn chế. Cuối cùng, ASBM chỉ được sử dụng hạn chế trong các cuộc xung đột khu vực với các nước láng giềng của Trung Quốc, phần lớn là do chúng được thiết kế để chống lại tàu sân bay mà các nước láng giềng của Trung Quốc thường

không khai thác. Ấn Độ là một ngoại lệ đối với quy tắc này, nhưng ASBM của Trung Quốc có thể thiếu sự hỗ trợ để nhắm mục tiêu các tàu sân bay ở xa vùng ngoại vi hàng hải của Trung Quốc. Ngay cả các ấn phẩm của Trung Quốc cũng đề xuất các giới hạn đối với tiện ích ASBM, đặc biệt là đối với các hoạt động kiểm soát trên biển. Như một tác giả lưu ý, ASBM "không thể thay thế tàu sân bay, tàu ngầm và các vũ khí hải quân truyền thống khác". Chúng "có thể được sử dụng để tiêu diệt lực lượng đối phương trên biển nhưng không đạt được sự kiểm soát tuyệt đối trên biển, chứ chưa nói đến việc thể hiện sức mạnh trên biển." Thực tế là các ASBM không đủ khả năng phát huy sức mạnh và đạt được quyền kiểm soát trên biển có nghĩa là chúng chỉ có tác dụng hạn chế trong các chiến dịch trong Eo biển Đài Loan hoặc Biển Đông và Biển Hoa Đông, trừ khi chúng được xem chủ yếu như một phương tiện răn đe hoặc đáp trả sự can thiệp dựa trên tàu sân bay của Hoa Kỳ. Và thực sự, đầu tư của Trung Quốc vào ASBM được giải thích tốt nhất là một phần của chiến lược lớn nhằm làm suy giảm sức mạnh của Mỹ.

Đầu tiên, liên quan đến việc mua lại ASBM, việc Trung Quốc theo đuổi khả năng này được kích hoạt bởi những lo lắng về dự báo sức mạnh của Mỹ. Trong thời kỳ trước khi Trung Quốc coi Hoa Kỳ là một mối đe dọa, họ đã không đầu tư vào ASBM. Như Andrew Erickson lưu ý, quyết định chế tạo một ASBM gần như chắc chắn được đưa ra không sớm hơn năm 1986. Một tài liệu cấp cao do kỹ sư trưởng của Quân đoàn Pháo binh thứ hai viết vào năm đó về các khoản đầu tư dự kiến sẽ được thực hiện trong mười bốn năm tới cho đến năm 2000 không một lần đề cập đến ASBM. Lịch sử bán chính thức của Quân đoàn Pháo binh thứ hai xác nhận một số chi tiết này, cho thấy nhiệm vụ của đơn vị đã thay đổi sau ba sự kiện lớn:

Vào đầu những năm 1990, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Quốc vụ viện và Quân ủy Trung ương đã nghiên cứu và xác định tình hình theo nhu cầu của cuộc đấu tranh quân sự quốc tế và sự phát triển của vũ khí và trang bị của Trung Quốc,

một cách khoa học đưa ra chiến lược. quyết định tăng tốc độ phát triển các mẫu vũ khí tên lửa mới của Trung Quốc.

Có lý khi kết luận những vũ khí tên lửa mới này có thể bao gồm một ASBM thông thường do Quân đoàn Pháo binh thứ hai tập trung vào tên lửa đạn đạo, và thực sự xác nhận trọng tâm mới bắt đầu vào năm 1992. Đến giữa những năm 1990, chương trình ASBM rõ ràng đang được tiến hành, đủ để các sĩ quan CHND Trung Hoa tự hào về điều đó. Như Larry Wortzel lưu ý, “Lần đầu tiên một sĩ quan quân đội cấp cao của Bộ Tổng tham mưu Trung Quốc đề cập đến tên lửa đạn đạo tấn công tàu sân bay là sau khi hai tàu sân bay của chúng tôi xuất hiện [trong cuộc khủng hoảng eo biển Đài Loan], và anh ấy choàng tay qua vai tôi và nói chúng ta sẽ đánh chìm tàu sân bay của bạn bằng tên lửa đạn đạo, và chúng tôi đã có một cuộc trò chuyện dài về điều đó. Tôi không biết liệu họ có nghiên cứu trước đó hay không, nhưng... lần đầu tiên nó ném vào mặt tôi là năm 1996.” Theo Andrew Erickson tài liệu về công việc kỹ thuật trong chương trình ASBM bắt đầu tăng tốc cùng năm đó. Đến năm 1999, một số tài liệu tham khảo đầu tiên về việc sử dụng ASBM để tấn công tàu sân bay đã xuất hiện trong các ấn phẩm của Trung Quốc. Sau sự can thiệp của Mỹ vào Kosovo và vụ đánh bom vô tình vào đại sứ quán Trung Quốc ở Belgrade, Quân ủy Trung ương quyết định đẩy nhanh việc phát triển các loại vũ khí “sát thủ”, trong đó có ASBM. Cùng với nhau, điều này cho thấy động lực chính của sự phát triển ASBM là những mối quan tâm và lo lắng về dự báo sức mạnh Mỹ - không chỉ trong các kịch bản liên quan đến Đài Loan.

Hệ thống tên lửa đạn đạo chống hạm (ASBM) của Trung Quốc

Thứ hai, các nguồn học thuyết cho thấy ASBM hữu ích chống lại quân đội các nước phát triển có tàu sân bay, mà theo mặc định phải là Hoa Kỳ. Khoa học về Chiến dịch Pháo binh Thứ hai, một cuốn sách giáo khoa quân sự xuất bản năm 2004 được cho là đại diện cho quan điểm thể chế của Lực lượng Pháo binh Thứ hai, mô tả rõ ràng việc sử dụng ASBM chống lại tàu sân bay. Nó nói ASBM nên được sử dụng như một 'vũ khí sát thủ' và cụ thể hơn, chúng sẽ được sử dụng để "ngăn chặn các nhóm tàu sân

bay của đối phương". Nó đưa ra một số yêu cầu của các hoạt động này, bao gồm thực tế là "thông tin về các nhóm tác chiến - tàu sân bay phải được thu thập trên cơ sở thời gian thực" vì tàu sân bay là mục tiêu di động. Trong một phần khác, nó nói, "khi nhiều máy bay từ tàu sân bay được sử dụng trong các cuộc không kích liên tục vào bờ biển của chúng ta, để ngăn chặn các cuộc không kích mạnh mẽ, tàu sân bay nòng cốt của kẻ thù phải bị tấn công như bằng một 'búa nặng'." Đồng Lư, viết trên Naval and Merchant Ships, lưu ý ASBM là một vũ khí bất đối xứng chống lại các cường quốc:

> Kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, tàu sân bay đã trở thành biểu tượng cho sức mạnh của một cường quốc, trong khi tên lửa đạn đạo cũng trở thành vũ khí hữu hiệu để các nước đang phát triển trên thế giới bảo vệ an ninh và thách thức các cường quốc. Sức mạnh của một tàu sân bay dựa trên sự chênh lệch giữa quyền lực toàn diện của các quốc gia giàu và nghèo. Mặt khác, tên lửa đạn đạo tìm cách khai thác sự tụt hậu về thời gian trong sự phát triển của các công nghệ tấn công và phòng thủ... ASBM chắc chắn là một phương tiện hiệu quả để ngăn chặn sự can thiệp quân sự ở thời điểm hiện tại [mặc dù có lẽ không phải là lâu dài].

Các tác giả khác, bao gồm cả các sĩ quan cấp cao của Pháo binh thứ hai, đã mô tả ASBM theo những thuật ngữ tương tự vào năm 2005: "Hình thức chủ yếu của tác chiến trên biển trong tương lai sẽ là sử dụng rộng rãi tên lửa đạn đạo dẫn đường chính xác trong các cuộc tấn công chính xác tầm xa... Chúng ta phải xem... Tên lửa đạn đạo dẫn đường chính xác tầm xa phóng từ biển là ưu tiên trong việc chế tạo vũ khí của chúng ta. Những ưu tiên này rõ ràng là nhằm vào xung đột ở phương Đông, nhằm đối phó với sự thua kém về công nghệ của Trung Quốc và ngăn cản chính phủ nước ngoài can thiệp, và do đó có thể được coi là một phần của chiến lược chính trị lớn hơn. Như một nhà chiến lược Trung Quốc lập luận:

> [ASBM] cung cấp cho Trung Quốc nhiều không gian cơ động hơn cho các hoạt động chiến lược quân sự và chính trị ở sườn

phía đông, trên biển của họ... [Việc tạo ra một] hệ thống tấn công hàng hải tên lửa đạn đạo chiến thuật... sẽ thiết lập cho Trung Quốc trong bất kỳ cuộc xung đột cường độ cao nào trong Vùng ven biển của nó có sự bất đối xứng, có lợi cho nó, trong việc cung cấp hỏa lực và do đó sẽ khắc phục ở một mức độ nào đó sự kém cỏi về chất lượng của Trung Quốc trong các nền tảng hải quân truyền thống. Hơn nữa, sự tồn tại của sự bất đối xứng này sẽ thiết lập cho cả hai bên một "giới hạn trên" về mặt tâm lý trên quy mô của cuộc xung đột. Điều này sẽ cho phép cả hai bên dễ dàng quay trở lại "sự hợp lý", do đó tạo ra nhiều không gian hơn để cơ động trong việc giải quyết các xung đột trên biển.

Những quan điểm này đã được xác nhận ở mức cao nhất. Trong chuyến thăm Hoa Kỳ năm 2009, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương Từ Tài Hậu khi đó đã được hỏi về ASBM của Trung Quốc và ngầm liên kết cả tên lửa hành trình và đạn đạo để ngăn chặn sự can thiệp của Hoa Kỳ trong một kịch bản Đài Loan: "Việc nghiên cứu và phát triển vũ khí và thiết bị, bao gồm tên lửa hành trình và tên lửa đạn đạo của chúng tôi, một số được trưng bày trong cuộc diễu hành quân sự Ngày Quốc khánh [1 tháng 10 năm 2009] của chúng tôi, hoàn toàn là để tự vệ... và cho yêu cầu tối thiểu của an ninh quốc gia. Như các bạn cũng biết, Trung Quốc vẫn chưa đạt được sự thống nhất hoàn toàn."

Về vấn đề huấn luyện, có một số dấu hiệu cho thấy các đơn vị thông thường của Pháo binh số hai được huấn luyện với giả định họ sẽ phải đối mặt với sự can thiệp của Hoa Kỳ, điều này cho thấy rõ ràng Trung Quốc đang tập trung vào các trường hợp bất ngờ liên quan đến Hoa Kỳ. Như Christman lưu ý, "Một trong những tiến bộ quan trọng nhất mà Quân đoàn Pháo binh số 2 đã đạt được trong việc chuẩn bị cho các đơn vị thông thường của thủy lôi đối phó với môi trường bị đe dọa nghiêm trọng là thành lập một đơn vị 'lực lượng đối lập' để kiểm tra các đơn vị hoạt động trong nhiều môi trường chiến trường." Christman lưu ý thêm, "Cái gọi là trung đoàn lực lượng đối lập 'Quân đội xanh' này... [là] một nỗ lực nhằm tái tạo các hoạt

động phản công của lực lượng tên lửa tiềm năng của Hoa Kỳ. Các chiến thuật khác nhau được đơn vị sử dụng bao gồm gây nhiễu điện tử, hoạt động mạng máy tính, tấn công vi rút, tấn công hỏa lực, hoạt động lực lượng đặc biệt, đánh lừa điện tử và sử dụng 'bom logic', mã độc phá hoại hệ thống máy tính. Đây là những điều kiện chỉ Hoa Kỳ có thể có khả năng điều động các lực lượng tên lửa thông thường của Trung Quốc, và một lần nữa cho thấy mối bận tâm về sức mạnh của Hoa Kỳ.

Bom logic là một phần mã được thiết kế để kích hoạt những tính năng độc hại khi gặp những điều kiện đặc biệt như ngày và giờ hoặc dữ liệu có giá trị nào đó (đã được thiết lập sẵn).

TÀU SÂN BAY

Vào ngày 25 tháng 10 năm 1973, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai, bảy mươi lăm tuổi, đang gặp gỡ các du khách nước ngoài. Chu ngày càng ốm yếu, nhưng ông vẫn không biết đang bị ung thư bàng quang vì Mao đã yêu cầu bác sĩ của Chu - người đã chẩn đoán một năm trước đó - không được nói cho Chu hoặc thậm chí điều trị cho ông. Mặc dù sức khỏe giảm sút, Chu vẫn tiếp tục lịch trình bận rộn. Trong cuộc họp ngày hôm đó, ông đã đề cập đến các tranh chấp lãnh thổ của Trung Quốc và nhu cầu của nước này đối với tàu sân bay. Ông than thở: "Tôi đã tham gia vào các vấn đề chính trị và quân sự, và cho đến nay, tôi vẫn chưa nhìn thấy một tàu sân bay nào của Trung Quốc. Chu tin tưởng mạnh mẽ Trung Quốc cần nó. Chu lập luận: "Quần đảo Nam Sa và Tây Sa của chúng tôi đang bị chiếm đóng bởi Nam Việt Nam", "nhưng không có tàu sân bay, hải quân Trung Quốc có thể phải chiến đấu bằng lưỡi lê", bị phơi bày và dễ bị máy bay đối phương tấn công. Giọng ông dâng lên đầy xúc động, ông tuyên bố: "Tôi không thể chấp nhận việc không có hàng không mẫu hạm!"

Từ phát biểu của Chu đến khi hạ thủy tàu sân bay của Trung Quốc mất 41 năm. Chưa hết, trong suốt thời kỳ đó, mười lăm

quốc gia đã vận hành hàng không mẫu hạm: Argentina, Úc, Brazil, Canada, Pháp, Đức, Ấn Độ, Ý, Nhật Bản, Hà Lan, Nga, Tây Ban Nha, Thái Lan, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ. Tàu sân bay đầu tiên, HMS Furious của Hải quân Hoàng gia Anh, được hạ thủy một thế kỷ trước Trung Quốc vào năm 1917. Sao Trung Quốc lại mất nhiều thời gian như vậy?

Những lời giải thích dựa trên sự khuếch tán không thể giải thích tại sao Trung Quốc không có được năng lực mà các quốc gia dẫn đầu đã có từ lâu, vì họ dự đoán Trung Quốc sẽ có được. Các giải thích về năng lực tiếp nhận có thể làm tốt hơn phần nào vì họ cho "yêu cầu cao về tài chính và tổ chức để áp dụng" làm phức tạp thêm việc mua tàu sân bay. Nhưng bằng chứng cho thấy điều này không đúng với Trung Quốc, nước có thể đã mua tàu sân bay từ lâu trước năm 2012. Đầu tiên, Trung Quốc có thể có lẽ đã chế tạo tàu sân bay hạng nhẹ và phi hạt nhân của riêng mình — phải thừa nhận là tốn kém và khó khăn — nếu họ chọn ưu tiên. Như các nhà phân tích Ian Storey và You Ji lưu ý, Trung Quốc đã "có thể vượt qua cả các vấn đề kỹ thuật và tài chính vào giữa những năm 1960, đỉnh cao của Cách mạng Văn hóa hỗn loạn, để phát triển vũ khí hạt nhân; Các cơ sở khoa học, công nghiệp và kinh tế của đất nước đã được củng cố đáng kể kể từ đó," có lẽ đến mức có thể có một tàu sân bay hạng nhẹ nếu nó được giới lãnh đạo Trung Quốc coi là cần thiết chiến lược. Hơn nữa, mặc dù một chương trình tàu sân bay có thể có. đã tiêu tốn một phần lớn ngân sách hải quân, nguồn tài chính ngoài ngân sách có thể đã được cung cấp, vì nó dành cho các chương trình vũ khí hạt nhân và tàu ngầm hạt nhân. Các nguồn có thẩm quyền của Trung Quốc xác nhận cách giải thích này và chứng minh việc mua lại tàu sân bay là một vấn đề cần ưu tiên chứ không phải khó khăn về tài chính hoặc tổ chức. Trong hồi ký của mình, Đô đốc Lưu Hoa Thanh - khi đó là Tư lệnh PLAN - kể lại nhận xét của mình trong cuộc họp quan trọng năm 1987 trước Bộ Tổng tham mưu PLA: "Về việc liệu chúng tôi có đủ khả năng công nghệ để chế tạo tàu sân bay và máy bay dựa trên tàu sân bay hay không," ông bắt đầu, "Sau

khi tham khảo ý kiến của các nhà lãnh đạo và chuyên gia từ các ngành hàng không, đóng tàu và các ngành liên quan khác, [họ] nói có thể đáp ứng các yêu cầu cơ bản." Về câu hỏi tài chính, Lưu lưu ý có thể thực hiện tài trợ từ các chương trình khác: "phát triển các nhóm tác chiến tàu sân bay là vấn đề làm thế nào để điều chỉnh quỹ đạo tài trợ cho thiết bị và không yêu cầu tăng chi phí thiết bị đáng kể." Trong giai đoạn này, Trung Quốc cũng nhận được sự trợ giúp của phương Tây có thể mang lại lợi ích cho chương trình tàu sân bay, bao gồm một tàu sân bay bị loại bỏ từ Úc vào năm 1985 và các trao đổi kỹ thuật hữu ích — tất cả đều có thể đã giúp họ tự xây dựng trong những năm 1990.

Thứ hai, Trung Quốc không chỉ có thể đóng tàu sân bay mà còn có thể tân trang hoặc nhập khẩu tàu sân bay nước ngoài. Một số quốc gia đang phát triển đã mua lại, tân trang, vận hành và sau đó duy trì hàng không mẫu hạm hạng nhẹ trong nhiều thập kỷ, bao gồm Brazil từ năm 1960, Ấn Độ từ năm 1961 và Thái Lan từ năm 1996. Ngay cả sau Thảm sát Quảng trường Thiên An Môn và lệnh cấm vận vũ khí, các quốc gia phương Tây vẫn sẵn sàng giúp đỡ Trung Quốc với chương trình tàu sân bay của họ, với Tây Ban Nha đề nghị đóng tàu sân bay cho Trung Quốc, Pháp đề nghị tân trang một trong những tàu sân bay cũ hơn của họ (mặc dù cả hai thỏa thuận đều thất bại) và một số công ty châu Âu ký hợp đồng tư vấn với các đơn vị Trung Quốc đã chuyển giao kiến thức hoặc thiết kế quan trọng. Và quan trọng nhất, Nga sẵn sàng tiếp tục cung cấp cho Trung Quốc nhiều bản thiết kế, chuyên môn, công nghệ và vỏ tàu khác nhau. Nếu Lưu Hoa Thanh đúng khi cho Trung Quốc có thể đóng tàu sân bay vào những năm 1980, thì chắc chắn nước này đã có thể tân trang một tàu sân bay của Nga vào những năm 1990 hoặc 2000 - đặc biệt là với sự hỗ trợ của Nga. Trong vòng tám năm sau khi Liên Xô sụp đổ, Trung Quốc đã mua ba tàu sân bay cũ của Liên Xô — Minsk, Kiev và Varyag — và tàu Varyag rõ ràng đi kèm với các động cơ và thiết kế đầy đủ chức năng giúp việc cải tạo trở nên khả thi. Và nếu việc cải tạo tỏ ra khó khăn, Trung Quốc

có thể đã trả tiền cho Nga để vận hành các tàu sân bay và cung cấp máy bay như Ấn Độ đã làm cho tàu Đô đốc Gorshkov với tổng chi phí là 2-3 tỷ USD. Trong những năm 1990 và đầu những năm 2000, Nga đã hỗ trợ Trung Quốc trong các khía cạnh nhạy cảm khác của quá trình hiện đại hóa quốc phòng. Do đó, câu hỏi là, nếu Trung Quốc có thể đóng mới hoặc tân trang một tàu sân bay, tại sao họ lại trì hoãn việc mua một tàu sân bay trong nhiều thập kỷ?

Một số người có thể cho sự chậm trễ của Trung Quốc là kết quả của chính trị quan liêu - với các tàu ngầm hoặc lực lượng trên bộ phản đối việc tiêu hao tài nguyên. Trong khi một số đối thủ nổi bật nhất của chương trình tàu sân bay là các tàu ngầm cấp cao như Wang Shichang, thực tế là ban lãnh đạo cấp cao của PLAN rõ ràng quan tâm đến các tàu sân bay. “Đồng minh hải quân luôn chủ trương đóng tàu sân bay”, Zheng lưu ý. Min, cựu Cục trưởng Cục Thiết bị và Công nghệ Hải quân. Hơn nữa, các phó chỉ huy của PLAN trong cả những năm 1980 (Zhang Xusan) và 1990 (He Pengfei) đều là những người ủng hộ mạnh mẽ tàu sân bay và ủng hộ quyết định bí mật mua lại Varyag. Quan trọng nhất, Lưu Hoa Thanh là người ủng hộ không mệt mỏi cho một tàu sân bay Trung Quốc, người được cho là đã học ở Liên Xô dưới thời Đô đốc Gorshkov, người truyền bá cho ngành hàng không của Liên Xô, và nổi tiếng với câu nói: “Nếu Trung Quốc không đóng tàu sân bay, tôi sẽ chết với mí mắt mở”. Rất khó có khả năng lợi ích của tàu ngầm hoặc lực lượng trên bộ có thể cản trở chương trình nghị sự của một người ủng hộ tàu sân bay hùng mạnh như Lưu, người đã chỉ huy toàn bộ hải quân trong phần lớn những năm 1980, đã vươn lên trở thành sĩ quan quân đội quyền lực nhất với tư cách là phó bí thư Quân ủy Trung ương (Bộ trưởng Quốc Phòng), tham gia Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị vào những năm 1990, có quan hệ chặt chẽ với Đặng và Giang, và được thăng quân hàm — bao gồm cả việc ưu tiên hiện đại hóa hải quân và không quân so với các lực lượng trên bộ. Quyết định không phát triển tàu sân bay không phải từ chính trị quan liêu cấp thấp mà từ cấp hoạch định chiến lược

cao hơn nhiều, một quyết định có thể liên quan đến các lãnh đạo cấp cao như chính Đặng và Giang.

Có lẽ, một số người cho, các quan chức Trung Quốc trì hoãn việc mua tàu sân bay vì họ cho tàu sân bay sẽ không hữu ích trong các cuộc xung đột khu vực với các nước láng giềng. Trên thực tế, các nguồn tin bằng tiếng Trung Quốc cho thấy điều ngược lại: Chính phủ Trung Quốc trong nhiều thập kỷ đã coi các tàu sân bay là thiết yếu trong các trường hợp địa phương với các nước láng giềng, đặc biệt là cho mục đích hộ tống và kiểm soát đường không. Chu Ân Lai đã nói rõ điều đó vào năm 1973, và Lưu Hoa Thanh cũng đã nhấn mạnh điều đó nhiều lần ở các cấp cao. Tháng 11 năm 1986, Lưu Hoa Thanh là thành viên của "nhóm nghiên cứu chiến lược phát triển hải quân" bao gồm "các nhà lãnh đạo quân sự và dân sự cũng như các chuyên gia nổi tiếng" từ khắp nơi trong chính phủ. "Từ quan điểm của những gì cần thiết để bảo vệ các quyền và lợi ích hàng hải của Trung Quốc, khôi phục Nam Sa và Đài Loan, và đối phó với các tình huống chiến lược khác," ông lưu ý trong hồi ký của mình, các thành viên "khuyến nghị đóng một tàu sân bay." Lưu lưu ý thêm, nếu không có tàu sân bay, sẽ khó có thể đảm bảo lợi ích của Trung Quốc chỉ với các tàu mặt nước, ông nói với Bộ Tổng tham mưu PLA vào năm 1987: "khi nghĩ về các đội hình hàng hải, chúng tôi chỉ xem xét các tàu khu trục, khinh hạm và tàu ngầm; sau khi nghiên cứu sâu hơn, chúng tôi nhận ra nếu không có máy bay che chắn, không có cách nào mà các đội hình này có thể chiến đấu ngoài bán kính của máy bay tác chiến trên bờ." Tiếp cận đủ nhanh trong thời kỳ khủng hoảng. Quân đội tin các tàu sân bay không chỉ hữu ích cho các cuộc xung đột ở Biển Đông xa xôi mà còn gần hơn nhiều ở eo biển Đài Loan. Lưu viết Bộ Tổng tham mưu PLA có thiện cảm với báo cáo của ông và leo thang câu hỏi về việc mua tàu sân bay, tất cả đều cho thấy ít nhất là vào đầu năm 1987, trọng tâm của Trung Quốc vào các dự phòng hoạt động địa phương hẹp hơn đã bao gồm một tàu sân bay. Năm 1995, Lưu trong một cuộc họp cấp cao về tàu sân bay đã tuyên bố: "Bảo vệ Biển Đông, tái thống nhất Đài Loan

một cách hòa bình, bảo vệ các quyền và lợi ích hàng hải - tất cả đều cần có tàu sân bay." Thực tế là Trung Quốc cho tàu sân bay sẽ hữu ích trong khu vực, có nghĩa là các lý thuyết về đầu tư của Trung Quốc tập trung vào các cân nhắc trong khu vực không thể giải thích cho sự chậm trễ trong việc đóng tàu sân bay.

Bằng chứng trước đây cho thấy rõ ràng một chương trình tàu sân bay của Trung Quốc là khả thi, được hỗ trợ cấp cao từ Hải quân và quân đội, được hỗ trợ vào cuối những năm 1980 ở cấp trung ương và được cho là cần thiết trong các cuộc xung đột với các nước láng giềng — nhưng Trung Quốc đã không xây dựng chúng. Lý do tại sao các tàu sân bay không phù hợp với chiến lược cắt giảm sức mạnh phi đối xứng để làm suy yếu Hoa Kỳ.

Thứ nhất, quá trình mua lại của Trung Quốc cho thấy sự chậm trễ không phải ngẫu nhiên mà có chủ ý và được xem xét ở cấp cao nhất. Thiếu tướng Zheng Ming, cựu Cục trưởng Cục Trang bị Hải quân PLA, là một phần của phái đoàn được cử đi kiểm tra tàu sân bay Varyag của Liên Xô cũ để mua lại sớm nhất vào năm 1992. "Trong chuyến đi [năm 1992], chúng tôi nhận thấy nó là một tàu mới tinh. Tất cả mọi thứ đều hoàn toàn mới, từ lớp mạ áo giáp đến các bộ phận khác, vì vậy chúng tôi đề nghị [chính quyền trung ương] mua nó và mang nó về nhà... nhưng chính quyền trung ương đã không làm điều đó vì tình hình [chính trị] lúc đó." Tương tự, trong một cuộc phỏng vấn năm 2005, cựu Phó Tư lệnh PLAN Zhang Xusan nhớ lại, "Tôi chắc chắn ủng hộ việc sớm có một tàu sân bay... Khi tôi là [Phó Tư lệnh Hải quân PLA], tôi đã ủng hộ điều đó, và lúc đó Tư lệnh... Lưu Hoa Thanh cũng ủng hộ, nhưng vì nhiều lý do mà nó đã bị hoãn lại." lý do chính trị và việc Giang quyết định phê duyệt nghiên cứu sơ bộ cấp quốc gia về chương trình tàu sân bay chỉ vào giữa những năm 1990 — và có lẽ chỉ là một cách để xoa dịu Lưu. You Ji lưu ý Lưu đã nhiều lần vận động Giang thay mặt và Giang đã trả lời một cách thận trọng vì ông ấy vẫn dựa vào Lưu để được hỗ trợ: "Giang biết rõ vị trí cá nhân của Lưu đối với các

nhà cung cấp dịch vụ. Ông ấy liên tục đồng ý nghiên cứu sơ bộ về tàu sân bay để tránh đụng độ trực tiếp với Lưu... một loại chiến thuật trì hoãn trước khi đưa ra quyết định cuối cùng là tạm dừng [tàu sân bay].” Tình huống trở nên căng thẳng khi Lưu đệ trình một báo cáo về một tàu sân bay lên Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị vào tháng 5 năm 1995 và đề xuất mua và trang bị lại Varyag. Ủy ban Thường vụ đã từ chối đề xuất của Lưu và vấn đề tàu sân bay đã kết thúc thực sự trong ít nhất 8 năm tới. Trung Quốc dường như không thể hiện sự quan tâm đến chương trình tàu sân bay một lần nữa cho đến giữa những năm 2000 và dường như đã không nghiêm túc cam kết nguồn lực cho đến sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Như chính ông Lưu thừa nhận, quyết định đóng một tàu sân bay là quyết định cần được đưa ra từ cấp Quân ủy Trung ương trở lên — một tài liệu tham khảo, có lẽ là do Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị trước đó đã từ chối đề xuất của ông. Ông ấy định vị một tàu sân bay trong phạm vi có thể được mô tả là một đại chiến lược lớn hơn của Trung Quốc: “Việc phát triển tàu sân bay không chỉ là vấn đề hải quân, thay vào đó nó liên quan đến những vấn đề quan trọng như chiến lược quốc gia và chính sách quốc phòng, và nó phải xuất phát từ những xác định chính xác và ra quyết định thận trọng liên quan đến sức mạnh quốc gia toàn diện của đất nước và chiến lược hàng hải quốc gia tổng thể.” Điều này chỉ ra quyết định về tàu sân bay và các vấn đề về cơ cấu lực lượng hải quân (tức là dựa trên tàu sân bay so với tàu ngầm.) phải được thực hiện ở cấp độ có thể xem xét chiến lược lớn hơn, không chỉ đơn giản là chiến lược quân sự, và những quyết định này do đó cung cấp cái nhìn sâu sắc về các mục tiêu chiến lược của Trung Quốc.

Thứ hai, học thuyết của Trung Quốc cho thấy các tàu sân bay không được coi là hữu ích trong các kịch bản hoạt động liên quan đến Hoa Kỳ hoặc phù hợp với các mục tiêu chiến lược tổng thể của Trung Quốc. Các nguồn tin quân sự có thẩm quyền gợi ý mạnh mẽ Trung Quốc coi một tàu sân bay là hữu ích ở Biển Đông - đến nỗi, như Tai Ming Cheung viết, “Ngay sau cuộc

đụng độ Trung-Việt ở Trường Sa vào tháng 3 năm 1988, đã có dấu hiệu cho thấy cần điều chỉnh. Khi chiến lược lớn của Trung Quốc thay đổi để giải quyết mối đe dọa, chiến lược quân sự của nước này cũng thay đổi theo hướng nhấn mạnh các khả năng cần thiết để đạt được tiến bộ trước các nước láng giềng và thay vào đó nhấn mạnh vào vũ khí phi đối xứng ít bị tổn thương hơn và ít tốn kém hơn so với tàu sân bay."

Các tác giả trên các tạp chí quân sự của Trung Quốc từ lâu đã viết về các lỗ hổng trên tàu sân bay, một phần được thông báo bởi bài học về cạnh tranh hàng hải của Mỹ và Liên Xô. Như một nhà báo quân sự đã lập luận vào cuối những năm 1980: "Các nhóm tác chiến tàu sân bay của hải quân Hoa Kỳ có số lượng cực kỳ hạn chế" và "đối mặt với mối đe dọa từ tất cả các loại nhóm tác chiến bệ phóng tên lửa dẫn đường của [Liên Xô]." Chiến lược gia quốc phòng Trung Quốc sẽ nhận thức được tính dễ bị tổn thương của các tàu sân bay tiềm năng của chính họ cũng như tiện ích của các phương pháp chống tiếp cận của Liên Xô chống lại các tàu sân bay Mỹ. Theo đó, một khi Hoa Kỳ trở thành mối đe dọa chiến lược chính đối với Trung Quốc sau cuộc tam tai, các đánh giá chính thức về giá trị của một chương trình tàu sân bay có thể sẽ thay đổi.

Các tác giả quân sự Trung Quốc từ lâu đã đưa ra những lập luận phù hợp với quan điểm này. Trong suốt những năm 1990 và cho đến ngày nay, nhiều tác giả và thậm chí một số nguồn giả thuyết đã đặt câu hỏi về tính hữu dụng của tàu sân bay Trung Quốc trong các hoạt động chống lại Hải quân Hoa Kỳ. Như một quan chức, với một số cường điệu, đã tuyên bố, "thậm chí hai mươi tàu sân bay của CHND Trung Hoa không thể cạnh tranh với các tàu sân bay hạt nhân của Hoa Kỳ." Và trong một lập luận lặp lại các phân tích thời Chiến tranh Lạnh về các lỗ hổng trên tàu sân bay, Ye Zicheng - một giáo sư tại Đại học Bắc Kinh, người đã trở thành một nhân vật nổi bật trong các cuộc tranh luận về tàu sân bay vào giữa những năm 2000 - cho tàu sân bay Trung Quốc sẽ dễ bị tên lửa Mỹ tấn công. Ông đề xuất "sức mạnh biển chỉ là thứ yếu so với sức mạnh đất liền" và do

đó, “Trung Quốc nên hoãn kế hoạch đóng tàu sân bay”. Ye viết “sức mạnh trên biển phải tuân theo các xu hướng trong công nghệ quân sự” và “với sự phát triển vượt bậc của công nghệ tên lửa đất đối không dẫn đường chính xác, lợi thế của một nhóm tác chiến tàu sân bay đã bị giảm đi đáng kể và nhiều khả năng là trở thành mục tiêu của tên lửa tiên tiến, máy bay đối đất, tàu ngầm và tàu khu trục tiên tiến.” Một số tên lửa tốc độ cao, Ye lưu ý, thậm chí sẽ trở thành “sát thủ tàu sân bay”. Phải thừa nhận tài khoản của Ye không có thẩm quyền như tài khoản của các sĩ quan trong PLAN, nhưng hồ sơ của ông ấy trong các cuộc thảo luận quân sự cho thấy ông đang chuyển tải các quan điểm rộng rãi. Thật vậy, những khả năng mà Ye nêu ra — tàu ngầm và tên lửa diệt tàu sân bay — chính xác là những khả năng mà Trung Quốc đã nâng cao trong thời kỳ này. Những lời khuyến cáo chiến lược của Trung Quốc là không bắt chước các nước phương Tây, đánh bại kẻ mạnh bằng vũ khí của kẻ yếu, và mua vũ khí của phía mạnh dường như chỉ ra quyết định tránh các nền tảng đắt tiền như tàu sân bay mà trong mọi trường hợp sẽ kém hơn so với phương Tây. và thay vào đó tập trung vào các khả năng khác nhau. Ye cho quỹ dành cho một tàu sân bay “sẽ được chi tiêu hiệu quả hơn” cho “tàu ngầm tiên tiến” và “dàn tên lửa tầm trung và tầm xa”, bao gồm cả “cải thiện hiệu suất tên lửa.” Tất cả những điều này cho thấy có một diễn ngôn nhất quán trong Các bài viết về quân sự và học thuật của Trung Quốc cho hàng không mẫu hạm sẽ không có hiệu quả chống lại Hoa Kỳ; tất cả các tàu sân bay đều dễ bị ảnh hưởng bởi chính xu hướng công nghệ quân sự đã xuất hiện trong Chiến tranh vùng Vịnh; và Trung Quốc sẽ tốt hơn nếu có được những khả năng đó, hơn là một tàu sân bay.

Mặc dù chúng ta không thể đưa ra kết luận logic này đã thúc đẩy Quân ủy Trung ương hoặc Thường vụ Bộ Chính trị, nhưng bằng chứng này khi kết hợp với việc xem xét văn bản chiến lược Trung Quốc trước đó cho thấy nó có thể đóng một yếu tố quan trọng. Các nhà lãnh đạo cao nhất, bao gồm cả Giang, hẳn đã quen thuộc với những lập luận này và những cân nhắc về

hoạt động rộng hơn; thực sự, Giang đã nghe theo lời khuyên của Đặng và đắm mình trong việc lập kế hoạch quốc phòng và một số cuộc họp Quân ủy Trung ương cả ngày ngay khi ông nắm quyền. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc có liên quan mật thiết đến quyết định chế tạo vũ khí hạt nhân, vệ tinh và vũ khí phi đối xứng của Trung Quốc, và các tàu sân bay dường như không phải là một ngoại lệ.

Cuối cùng, quyết định mua một tàu sân bay có nghĩa là cam kết không chỉ với một cơ cấu lực lượng hải quân cụ thể, mà còn cho một cơ cấu quân sự rộng lớn hơn không phù hợp với việc cắt giảm. Như một sách giáo khoa của PLA đã nói rõ, "liệu chúng ta có nên tiếp tục dự án tàu sân bay hay không, không phải là một câu hỏi của hải quân. Nó liên quan đến câu hỏi làm thế nào để điều chỉnh thế trận lực lượng tổng thể và chính sách phòng thủ quốc gia của chúng ta." Và đó chính là lý do tại sao một tàu sân bay sẽ là một quyết định thiếu thận trọng đối với một chiến lược lớn tập trung vào Hoa Kỳ.

Tất nhiên, Trung Quốc cuối cùng đã đóng một tàu sân bay, nhưng chỉ một khi nhận thức của họ về sức mạnh của Mỹ thay đổi. Cho đến lúc đó, như trường hợp tàu sân bay và các trường hợp trước đó cho thấy, quân đội Trung Quốc tập trung vào việc làm giảm sức mạnh của Mỹ. Chính bộ ba này ban đầu đã thúc đẩy Trung Quốc rời bỏ chiến lược "kiểm soát biển" vốn ngày càng tập trung vào việc nắm giữ lãnh thổ biển xa xôi sang "chiến lược từ chối biển" tập trung vào việc ngăn chặn quân đội Mỹ đi ngang, kiểm soát hoặc can thiệp vào vùng biển. gần Trung Quốc. Và chính khó khăn của sự thay đổi đó đã khiến Bắc Kinh phải ưu tiên - "bắt kịp ở một số lĩnh vực chứ không phải tất cả" và cam kết với quan điểm "bất cứ điều gì kẻ thù lo sợ, chúng ta sẽ phát triển điều đó". Nó khiến hàng không mẫu hạm và các tàu đắt tiền và dễ bị tổn thương khác bị tạm dừng, mặc dù có khả năng theo đuổi chúng, và thay vào đó họ chọn chế tạo vũ khí phi đối xứng tương đối rẻ hơn, phù hợp với chiến lược chống tiếp cận/từ chối khu vực để ngăn chặn Hoa Kỳ. Trong quá trình này, Bắc Kinh đã xây dựng kho vũ khí thủy lôi lớn

nhất thế giới, ASBM đầu tiên trên thế giới và hạm đội tàu ngầm lớn nhất thế giới để thách thức sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ.

Sự nhất quán về tầm nhìn và mục đích đó không bị cô lập đối với lĩnh vực quân sự. Như chương tiếp theo cho thấy, các yếu tố của nó cũng định hướng hành vi chính trị và ngoại giao của Trung Quốc trong các tổ chức khu vực của Trung Quốc.

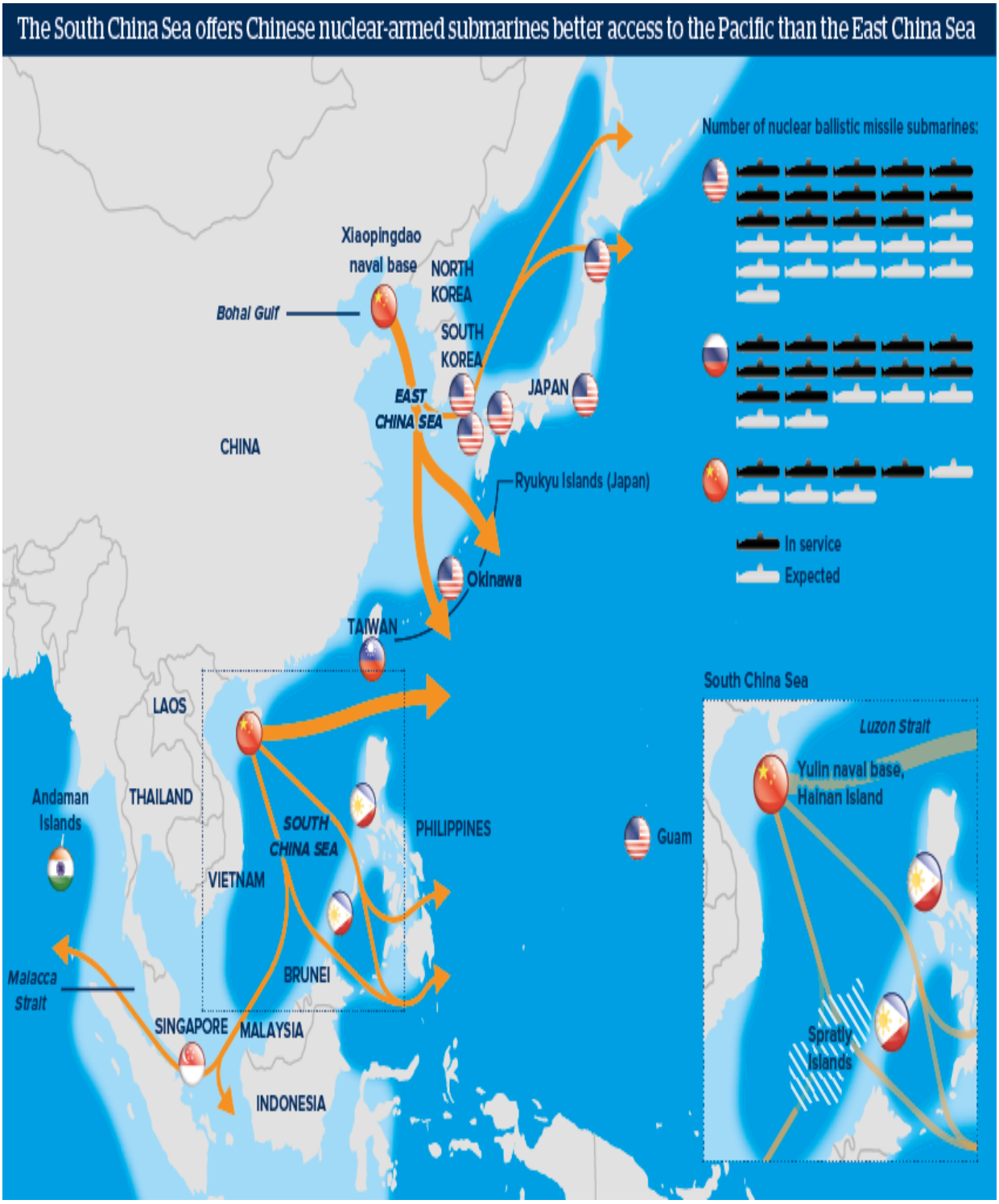

Cạnh tranh tại Biển Đông

| 5 |
BIỂU LỘ Ý ĐỊNH THÂN THIỆN

"Một lý do quan trọng khiến Trung Quốc ngày càng coi trọng ngoại giao đa phương là hành vi bá quyền của Mỹ sau Chiến tranh Lạnh và vị thế siêu cường của nước này." Giáo sư Đại học Bắc Kinh Wang Yizhou, 2003.

CÁC BIỆN PHÁP CHỐNG ĐỐI CHÍNH TRỊ

Vào tháng 10 năm 1993, đại sứ đầu tiên của Trung Quốc tại APEC, một tổ chức khu vực châu Á mới có từ viết tắt là Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, đang chạy đua để chuẩn bị cho hội nghị cấp lãnh đạo đầu tiên của nhóm. Đại sứ đó, Vương Hựu Thắng, nhận thức sâu sắc chỉ vài tuần nữa, 11 nhà lãnh đạo từ các nền kinh tế lớn nhất châu Á sẽ tập trung tại Seattle sau Chiến tranh Lạnh và theo lời mời của Tổng thống Clinton để thảo luận về tương lai của tổ chức non trẻ, và với nó, là trật tự châu Á. Đối với Trung Quốc, cổ phần rất cao.

Trong hồi ký của mình, Vương Hựu Thắng kể lại nhóm của ông đã gặp phải một bất ngờ lớn khi chỉ vài tuần trước hội nghị thượng đỉnh, một tờ báo Nhật Bản đã tiết lộ một báo cáo của Nhóm công tác chuyên gia do Hoa Kỳ đứng đầu trong đó đề xuất các khuyến nghị cho tương lai của tổ chức. Wang hoàn toàn bị che khuất bởi báo cáo và các khuyến nghị, và ông ấy đã phản ứng với vẻ cảnh giác: “Khi chúng tôi nhìn thấy tiêu đề bắt mắt của báo cáo, “Hướng tới một Cộng đồng Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương,” chúng tôi không thể không ngạc nhiên,” ông kể lại. “Việc này xảy ra như nào thế? Điều này thực sự có thể? Chúng ta có thể đồng ý với nó không? Chúng ta nên làm

gì? Báo cáo là một tài liệu tư vấn, nhưng nó vẫn liên quan đến Wang: “Chúng tôi không biết liệu báo cáo có ‘nhất quán’ với chiến lược Châu Á - Thái Bình Dương của Tổng thống Mỹ Bill Clinton hay không. Không có cách nào để biết, nhưng cũng không cần thiết phải biết” vì dù sao thì Trung Quốc cũng đã lên kế hoạch phản đối với các khuyến nghị của mình. “Vào thời điểm đó,” Wang nhớ lại, “Tôi cảm thấy điều quan trọng nhất đối với chúng tôi là phải ngay lập tức thông báo với cấp trên về báo cáo, suy nghĩ về nó một cách nghiêm túc và chuẩn bị các biện pháp đối phó.”

Đối với Wang, báo cáo — và việc sử dụng từ Cộng đồng — là một lời kêu gọi chung tay. Ông nghĩ, đó không phải là một quyết định lành mạnh khi chèn từ đó, mà là một bằng chứng khác xác nhận Washington đang âm thầm điều động một tổ chức do Hoa Kỳ lãnh đạo vào vị trí là cơ quan khu vực quan trọng nhất của châu Á để đối phó Trung Quốc. Do đó, Trung Quốc cần phải ngăn chặn APEC, làm giảm bớt hoạt động xây dựng trật tự của Mỹ ở châu Á. Wang đã làm việc để hạ cấp từ Cộng đồng — đảm bảo APEC sẽ thay vào đó là Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương — và ông đảm bảo nếu ‘cộng đồng’ xuất hiện thì sẽ có chữ ‘c’ viết thường (community) để tránh so sánh với các tổ chức được thể chế hóa hơn Cộng đồng châu Âu.

Cuộc chiến kỳ lạ về từ “cộng đồng” — và hàng tá vấn đề khác — là một đại diện cho việc APEC phải mạnh như thế nào, và Trung Quốc đã coi trọng điều đó. Khi một nhà ngoại giao Mỹ trêu chọc Wang về sự kiên trì của ông ấy về vấn đề này trong một bài phát biểu trước công chúng, Wang đã viết trong hồi ký của mình, “[Lời nói của ông ấy] nghe thật tuyệt làm sao. Nhưng trên thực tế, họ [người Mỹ] đã liên tục cố gắng làm cho APEC vượt lên trên các vấn đề kinh tế... Một số nhà bình luận nói mục đích thực sự của những [người Mỹ] này là tạo ra một cộng đồng mà họ thống trị...”

Khi Trung Quốc thành công vào năm sau trong việc duy trì APEC ở mức độ thể chế hóa yếu hơn, Wang đã rất vui mừng.

Ông Wang viết: “Hoa Kỳ đã cố gắng chi phối định hướng phát triển APEC ngay từ đầu, và tìm cách gây ảnh hưởng và áp lực”. cuộc họp, và mọi nơi trong và ngoài cuộc họp đều có hoạt động — nhưng họ vẫn thất bại.” Việc Hoa Kỳ không đảm bảo các mục tiêu của mình là lý do để Trung Quốc ăn mừng vì điều đó có nghĩa là APEC sẽ vẫn là một tổ chức “mỏng”, ít phù hợp hơn cho việc xây dựng trật tự của Hoa Kỳ ở Châu Á. Và đó là một phần quan trọng của chiến lược cắt giảm chính trị mà Trung Quốc theo đuổi khắp khu vực sau hậu quả của Quảng trường Thiên An Môn, Chiến tranh vùng Vịnh và sự sụp đổ của Liên Xô.

Chương này khám phá những nỗ lực của Trung Quốc nhằm làm giảm sức mạnh của Mỹ ở châu Á. Nó tập trung vào hai đặc điểm khó hiểu về sự tham gia của Trung Quốc vào các tổ chức khu vực trong giai đoạn này: (1) tại sao Trung Quốc đột ngột quyết định tham gia các tổ chức này vào đầu những năm 1990 sau khi trước đó đã né tránh và (2) tại sao Trung Quốc lại kìm hãm nhiều tổ chức khu vực mà nước này gia nhập sau đó? Khi trả lời những câu hỏi này, nó khám phá sự điều động của Trung Quốc trong các tổ chức khu vực châu Á hàng đầu vào thời điểm đó: Hợp tác kinh tế châu Á Thái Bình Dương (APEC), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO).

Chương này lập luận Trung Quốc đã tham gia và làm đình trệ các tổ chức khu vực để làm mất trật tự của Mỹ trong việc xây dựng và tạo dựng an ninh cho chính họ. Lo ngại về ảnh hưởng ngày càng tăng của Hoa Kỳ trong khu vực, Bắc Kinh làm suy yếu việc thể chế hóa các tổ chức bao gồm Hoa Kỳ như APEC và Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) nhưng ủng hộ nhiều hơn việc thể chế hóa ở những tổ chức loại trừ Hoa Kỳ và trao cho Trung Quốc vai trò chính, như ASEAN Plus Three [+3] (APT) và SCO. Bằng cách tham gia vào các tổ chức khu vực, Trung Quốc cũng hy vọng sẽ trấn an các nước láng giềng và giảm bớt mối quan tâm của họ trong việc tham gia một liên minh cân bằng do Mỹ dẫn đầu, cũng như sử dụng các quy tắc của tổ chức để hạn chế

quyền lực của Mỹ, bao gồm cả việc triển khai quân sự và cưỡng ép kinh tế. Cách tiếp cận phòng thủ này đối với các tổ chức khu vực, đôi khi chủ động tấn công, vẫn tồn tại cho đến Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 thúc đẩy Trung Quốc thậm chí còn táo bạo hơn trong tham vọng chính trị của mình.

GIẢI THÍCH CHIẾN LƯỢC CHÍNH TRỊ TRONG CÁC TỔ CHỨC KHU VỰC

Sự tham gia của Trung Quốc vào các tổ chức đa phương chính thức của Châu Á giúp chúng ta hiểu được chiến lược lớn của Trung Quốc. Các tổ chức này thường yêu cầu các quốc gia và các nhà lãnh đạo của họ dành thời gian và nguồn lực và do đó là những thước đo tốt về các ưu đãi và chiến lược của các quốc gia. Họ cũng có thể thiết lập các chuẩn mực và quy tắc trong các lĩnh vực có thể định hình hành vi của nhà nước, biến chúng thành công cụ của các trạng thái hàng đầu.

Chúng ta có thể đánh giá hành vi của Trung Quốc trong các tổ chức khu vực trên một số danh mục chính. Trước tiên, chúng ta có thể xem xét tư cách thành viên, hoặc những loại thể chế nào mà Trung Quốc tham gia hoặc thành lập, khi nào nước này chọn làm như vậy, và liệu các thể chế này có được phát triển tốt với các cơ chế thực thi và giám sát hay không. Thứ hai, chúng ta có thể xem xét sự tham gia hoặc những gì Trung Quốc làm trong các tổ chức. Điều này liên quan đến việc tập trung vào việc liệu Trung Quốc có hành động để củng cố hay làm suy yếu hiệu quả của tổ chức, chẳng hạn bằng cách hỗ trợ các cơ chế giám sát hoặc phá hoại cấu trúc ra quyết định của tổ chức. Thứ ba, chúng tôi có thể kiểm tra lợi ích của một tổ chức, bao gồm cả việc liệu tổ chức đó có mang lại lợi thế trong cạnh tranh an ninh cho Trung Quốc ngoài các chức năng chính thức, cốt lõi của tổ chức đó hay không.

Sau khi đánh giá hành vi của Trung Quốc và kết hợp điều đó với việc đi sâu vào các văn bản, chúng ta phải cố gắng giải thích nó. Chương này kiểm tra hai cách giải thích. Giả thuyết đầu tiên cho Trung Quốc là một bên tham gia chân thành vào các tổ chức này. Cam kết thực sự của Trung Quốc có thể phát

triển từ mong muốn của họ về phần thưởng vật chất của sự hợp tác và giải quyết vấn đề (giải thích tự do) hoặc vì họ tìm kiếm phần thưởng xã hội của sự hợp tác liên quan đến địa vị, hình ảnh hoặc bản sắc (giải thích xã hội). Hai cách giải thích tự do và xã hội này có thể được kết hợp với nhau vì hàm ý nói chung là khá giống nhau: theo mỗi lý thuyết, Trung Quốc sẽ thực sự cam kết với các thể chế này và tính hiệu quả của chúng và hành động theo đó.

Lý thuyết thứ hai giả định sự tham gia của Trung Quốc vào các tổ chức này không phải là chân thành mà là công cụ và liên quan đến việc đào thải và xây dựng. Theo quan điểm này, sự can dự của Trung Quốc được thúc đẩy bởi một lôgic chiến lược lớn và các tổ chức đa phương không chỉ đơn thuần giải quyết các vấn đề liên quan như thương mại hoặc môi trường mà còn đóng vai trò là công cụ thông qua đó các cường quốc tạo ra trật tự. Các cơ chế tương tự — các quy tắc, chuẩn mực, danh tiếng, giám sát, thực thi — có thể tạo ra sự hợp tác cũng có thể củng cố khả năng cưỡng chế, sự đồng thuận và các tuyên bố hợp pháp cùng tạo thành cốt lõi của trật tự. Theo đó, chiến lược cắt giảm có thể liên quan đến việc một nước tham gia vào tổ chức của đối thủ để phá hoại tổ chức đó, sử dụng lại tổ chức đó để hạn chế quyền lực của đối thủ hoặc để trấn an những người hàng xóm đang cảnh giác có thể đánh giá cao việc thể hiện thiện chí rõ ràng. Ngược lại, một chiến lược xây dựng có thể thấy một nước sử dụng các tổ chức này — có thể mở rộng các lĩnh vực chính như thương mại, tài chính, y tế và thông tin — để tạo ra các hình thức kiểm soát đối với những tổ chức khác. Ví dụ, cắt bỏ các trạng thái khỏi lợi ích tổ chức cung cấp đòn bẩy cưỡng chế; cung cấp các lợi ích của tổ chức tạo ra các động cơ khuyến khích sự tuân thủ; và điều hành tổ chức có thể cải thiện tính hợp pháp của tuyên bố lãnh đạo của một người.

Nếu sự tham gia vào tổ chức của Trung Quốc được thúc đẩy bởi những lôgic xây dựng và cắt giảm chiến lược lớn này, chúng ta sẽ thấy một vài mô hình cho thấy sự thiếu chân thành tham gia. Đối với tư cách thành viên, Trung Quốc có thể chọn tham gia

các tổ chức khi lợi ích an ninh tăng lên và nước này cũng có thể xây dựng các thể chế song song không cần thiết thay vì ngồi trong các tổ chức mà người khác kiểm soát. Về sự tham gia, Trung Quốc có thể thận trọng với việc tăng cường thể chế hóa trong các tổ chức do các đối thủ điều hành nhưng sẵn sàng ủng hộ nó trong các tổ chức mà Bắc Kinh điều hành. Và, liên quan đến lợi ích của tổ chức, Trung Quốc có thể không nhấn mạnh đến mục đích giải quyết vấn đề của tổ chức mà là những lo ngại về an ninh. Thật vậy, như chương này và Chương 9 cho thấy, hành vi của Trung Quốc trong các thể chế phù hợp với mô hình chiến lược này.

ĐỘNG CƠ CHÍNH TRỊ TRONG CÁC TỔ CHỨC KHU VỰC

Các văn bản tiếng Trung - chẳng hạn như hồi ký và bài luận ngoại giao của các quan chức chủ chốt của Bộ Ngoại giao - tiết lộ Bắc Kinh coi các tổ chức khu vực là một cách để ngăn cản việc xây dựng trật tự của Mỹ, trấn an các nước láng giềng và làm phức tạp thêm sự can dự của Mỹ trong khu vực chứ không phải là diễn đàn để giải quyết vấn đề thực sự. Khi lập luận, phần này chia thành hai phần. Đầu tiên, nó tập trung vào tác động của vụ thảm sát ở Quảng trường Thiên An Môn, Chiến tranh Vùng Vịnh và sự sụp đổ của Liên Xô đối với chiến lược của Trung Quốc trong các tổ chức đa phương. Thứ hai, nó giải thích sự xuất hiện và nội dung của một chiến lược sử dụng các tổ chức này để làm mất trật tự của Mỹ.

BA SỰ KIỆN LỚN VÀ CHIẾN LƯỢC CHÍNH TRỊ

Trước thời kỳ ba sự kiện lớn và trong Chiến tranh Lạnh, Trung Quốc hiếm khi tham gia vào chủ nghĩa đa phương - đặc biệt là ở cấp khu vực. Các tương tác của nó chỉ giới hạn ở Liên hợp quốc và các tổ chức như Ngân hàng Thế giới, những tổ chức có thể cung cấp chuyên môn kỹ thuật cho Trung Quốc. Nhưng bộ ba sự kiện buộc họ phải xem xét lại. Như học giả Kai He lập luận, “Sau khi Liên Xô sụp đổ, môi trường chiến lược của Trung Quốc đã trải qua một sự thay đổi mạnh mẽ... Với các chính sách của Mỹ về nhân quyền và Đài Loan, Mỹ với tư cách là siêu cường duy nhất đã đặt ra một thách thức rất nghiêm trọng đối

với nội bộ của Trung Quốc và an ninh bên ngoài." Sức mạnh của Mỹ và sự phụ thuộc của Trung Quốc vào "thị trường, vốn và công nghệ của Hoa Kỳ" đã ngăn cản Bắc Kinh công khai chống lại Washington; theo đó, các tổ chức khu vực trở thành một phần quan trọng trong chiến lược an ninh 'tĩnh' của Trung Quốc.

Ba sự kiện lớn đã dẫn đến việc đánh giá lại toàn diện chiến lược lớn của Trung Quốc, như các chương trước đã thảo luận, và dẫn đến việc tập trung vào chủ nghĩa đa phương trong khu vực. Vương Hựu Thắng, người đã giúp hình thành các chính sách đa phương khu vực đầu tiên của Trung Quốc, lưu ý "chỉ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc" mới khiến Trung Quốc tập trung vào các thể chế khu vực, và đó là lý do tại sao "vào khoảng đầu những năm 1990, Trung Quốc bắt đầu tham gia vào một số cơ chế khu vực." Ông kể lại, "Sau khi Liên Xô sụp đổ, và Chiến tranh Lạnh kết thúc, Trung Quốc đã trải qua vài năm 'quan sát bình tĩnh' và phân tích, nghiên cứu cẩn thận." Sau nghiên cứu, Wang lập luận, các nhà lãnh đạo Trung Quốc xác định "Trung Quốc cần và có khả năng đóng góp nhất định" cho các thể chế đa phương. Bối cảnh cho những quyết định này, như Wang đã lưu ý trong cuốn hồi ký, là mối đe dọa ngày càng tăng của Mỹ:

> Hoa Kỳ đã đạt được một số thắng lợi chiến lược trong giai đoạn này: về các vấn đề quân sự, Hoa Kỳ khai thác cuộc xâm lược quân sự của Iraq vào Kuwait; nó phô trương lợi thế của một đồng đô la mạnh; về mặt chính trị, nó đã đánh bại kẻ thù của mình - siêu cường khác, Liên Xô (hay như Hoa Kỳ sẽ nói, 'đã đánh bại chủ nghĩa cộng sản'); về kinh tế, nó bắt kịp sự phát triển của công nghệ thông tin, và trên bình diện quốc tế, nó dẫn đầu rất xa kể từ khi Nhật Bản - nước từng gần như đuổi kịp và vượt qua Hoa Kỳ - đang ngày càng tụt lại phía sau. Các phương tiện truyền thông hiếu thắng của Mỹ đe dọa Hoa Kỳ "đủ điều kiện để dẫn đầu thế giới" và trong thế kỷ 21, "không có gì khác ngoài việc phải phục tùng Hoa Kỳ." Với tư cách là nhà lãnh đạo của siêu cường duy nhất trên thế giới, [Tổng thống Clinton] cần một trật tự quốc tế "hậu Chiến tranh Lạnh" do Hoa Kỳ thống trị và thúc đẩy các giá trị và mô hình phát triển của Hoa Kỳ.

Như Vương nhiều lần nhấn mạnh trong hồi ký của mình, Trung Quốc tin một Hoa Kỳ chiến thắng đang tìm cách thống trị châu Á và toàn cầu; điều này đòi hỏi Trung Quốc phải tham gia các tổ chức đa phương trong khu vực để đảm bảo Washington không sử dụng chúng để chống lại Bắc Kinh hoặc sử dụng chúng để xây dựng trật tự khu vực. Các cố vấn chủ chốt của Bộ Ngoại giao đã đồng ý. Một báo cáo do Bộ Ngoại giao Trung Quốc ủy quyền và được viết bởi Trương Vân Lĩnh, một học giả của Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc (CASS), người đã giúp định hình chiến lược đa phương của Trung Quốc, bắt đầu với nhận định: “Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, môi trường quốc tế của Trung Quốc đã đã trải qua những thay đổi to lớn” và lưu ý những thay đổi này tạo thành “cơ sở quan trọng để Trung Quốc hoạch định các chính sách an ninh hiện tại và tương lai.” Sau đó, điều này khuyến khích Bắc Kinh sử dụng các công cụ đa phương như một phần của chiến lược an ninh.

Ba sự kiện lớn làm dấy lên lo ngại không chỉ về việc Hoa Kỳ xây dựng trật tự mà còn về việc Washington có thể khai thác “lý thuyết về mối đe dọa của Trung Quốc” - tên gọi của Bắc Kinh để chỉ sự cảnh giác được cho là không chính đáng của một Trung Quốc đang trỗi dậy - và làm việc với các quốc gia châu Á để bao vây. Một cuộc tìm kiếm các bài báo về học thuật và chính sách của Trung Quốc cho thấy thuật ngữ “Lý thuyết về mối đe dọa của Trung Quốc” hiếm khi xuất hiện cho đến thời ba sự kiện lớn, tại thời điểm đó trong một vài năm ngắn ngủi, nó trở nên cực kỳ quan trọng.

Bản ghi nhớ của Trương Vân Lĩnh gửi Bộ Ngoại giao đã nêu rõ quan điểm cuộc bao vây do Hoa Kỳ dẫn đầu là mối đe dọa lớn nhất của Trung Quốc thời hậu Chiến tranh Lạnh. Ông viết, “Trong mô hình thế giới mới [sau Chiến tranh Lạnh], Trung Quốc là một cường quốc đang trỗi dậy... Tất nhiên, sự trỗi dậy của quyền lực Trung Quốc cũng sẽ khiến các nước láng giềng lo lắng, và thậm chí khiến họ lo sợ bị đe dọa [bởi Trung Quốc], và một số nước sẽ cố gắng cải thiện quân đội và củng cố các liên minh để đối phó với sự trỗi dậy của quyền lực Trung Quốc.”

Trong hồi ký của mình, Trương không nói rõ sự bao vây này là mối đe dọa lớn nhất của Trung Quốc. Ông lập luận: “Trong tương lai, thách thức lớn nhất đối với an ninh của Trung Quốc là làm thế nào để đối phó và giải quyết những thay đổi toàn diện trong mối quan hệ của nước này [với các nước láng giềng] do sự gia tăng quyền lực của nước này”. Nếu xử lý sai thách thức này, Trương sợ Trung Quốc sẽ “tự đẩy mình vào vòng thù địch” bị bao vây bởi các quốc gia không thân thiện. Theo suy nghĩ của Trương, “tình huống nguy hiểm nhất là sự hình thành của nhiều quốc gia liên kết lại với nhau để chống lại Trung Quốc, thực hiện bao vây và ngăn chặn Trung Quốc.” Và tất nhiên, kẻ chủ mưu của những nỗ lực đó sẽ là Hoa Kỳ, cùng với Trương. lo sợ khả năng “Hoa Kỳ cùng với các đồng minh can thiệp quá thường xuyên và quá mức” vào các vấn đề của Trung Quốc.

Những lo ngại này đã dẫn đến sự tập trung mới vào khu vực của Trung Quốc, còn được gọi là ‘ngoại giao ngoại vi’. Vào cuối những năm 1980, như một nhà sử học chính sách đối ngoại Trung Quốc đã ghi lại trong lịch sử khái niệm này, “sự tan rã của Liên Xô, sự biến động ở Đông Âu, sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh giữa Hoa Kỳ và Liên Xô” dẫn đến “một tình huống nghiêm trọng hiếm khi gặp phải kể từ khi lập quốc.” Do đó, “Chính sách láng giềng của Trung Quốc đã được đặt ở một vị trí đặc biệt quan trọng trong suốt những năm 1990”. “Chính sách láng giềng” trở thành một ưu tiên, xuất hiện lần đầu tiên trong một báo cáo chính trị của Đại hội Đảng năm 1992 - Đại hội Đảng đầu tiên sau trifecta (ba sự kiện lớn). Và như phần trước chỉ ra, sự tập trung ngày càng tăng vào “lý thuyết mối đe dọa của Trung Quốc” và khu vực lân cận đi kèm với sự tập trung vào “chủ nghĩa đa phương” như một giải pháp.

Như phần trước đã chỉ ra, ba sự kiện lớn đã nêu ra hai thách thức an ninh đối với Trung Quốc và cần có một chiến lược ngăn chặn mới sử dụng các tổ chức đa phương để giải quyết chúng. Thách thức đầu tiên là mối đe dọa về sự bao vây do Hoa Kỳ dẫn đầu với các nước láng giềng của Trung Quốc; thứ hai là việc Hoa Kỳ ngày càng đe dọa bằng cách sử dụng sức mạnh và

đòn bẩy của mình đối với Trung Quốc. Các thể chế đa phương nhằm giải quyết cả hai vấn đề này và chúng được tích hợp vào bố cục ngoại giao của Trung Quốc, một hệ thống phân cấp các trọng tâm chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Về mặt lịch sử, trọng tâm trước hết là các cường quốc, sau đó là các nước ngoại vi và các nước đang phát triển (ví dụ: "các cường quốc là then chốt, ngoại vi là chính, các nước đang phát triển là nền tảng") và việc Trung Quốc bổ sung chủ nghĩa đa phương vào công thức đó chỉ ra tầm quan trọng của nó trong chiến lược của Trung Quốc (ví dụ, "đa phương là giai đoạn quan trọng") Đây là một sự thay đổi lớn.

Đầu tiên, các học giả và quan chức Trung Quốc liên kết rõ ràng chủ nghĩa đa phương hòa giải của Trung Quốc với nỗi sợ hãi về sự bao vây do Mỹ dẫn đầu. Trương Vân Lĩnh viết việc tham gia các tổ chức đa phương cho phép Trung Quốc "thể hiện ý định lành mạnh của mình bằng cách tự kiềm chế và thể hiện sự sẵn sàng bị kiềm chế" và quan trọng là "ý tưởng này đã trực tiếp dẫn đến các hành động như không phá giá đồng Nhân dân tệ trong năm 1997 Khủng hoảng tài chính châu Á, gia nhập TAC-SEA [một phần của ASEAN], và phần lớn để các quốc gia ASEAN ra các quy tắc liên quan đến tranh chấp Biển Đông." Tương tự, một cuốn sách của Tạp chí Trường Đảng Trung ương tóm tắt chiến lược chính sách đối ngoại của Trung Quốc cho thấy Trung Quốc theo đuổi chính sách tự ràng buộc và "chấp nhận sự ràng buộc" từ những người khác trong các cơ quan này để trấn an các nước láng giềng và khẳng định các nhượng bộ đa phương — như ký Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông với ASEAN — là một phần của chiến lược này. Trong một bài báo khác, Trương Vân Lĩnh nói rõ "chính sách láng giềng tốt" là một phần của chiến lược lớn nhằm ngăn chặn sự bao vây của Mỹ:

Trung Quốc đã theo đuổi chiến lược duy trì mối quan hệ thân thiện với các nước láng giềng (mulin youhao, wending zhoubian) để chống lại sự suy thoái trong quan hệ Trung-Mỹ. Đặng Tiểu Bình và những người kế nhiệm của ông hiểu rõ, với hơn mười lăm quốc gia có chung biên giới với Trung Quốc, tư

thế gây hấn đơn giản là không có lợi cho Trung Quốc, cho dù Trung Quốc có trở nên hùng mạnh đến đâu, bởi vì sự xâm lược sẽ dẫn đến một liên minh đối trọng giữa các nước láng giềng và một cường quốc ở xa của Trung Quốc (Hoa Kỳ). Tuy nhiên, nếu Trung Quốc áp dụng cách tiếp cận theo chủ nghĩa hiện thực phòng thủ, hầu hết các nước trong khu vực sẽ miễn cưỡng áp dụng chính sách kiềm chế cứng rắn, và do đó Trung Quốc có thể sẽ được hưởng một môi trường an ninh khu vực thân thiện. Để đạt được mục tiêu, Trung Quốc đã nỗ lực rất nhiều để cải thiện mối quan hệ với các nước láng giềng, đôi khi bằng cách nhượng bộ đáng kể bất chấp sự phản đối gay gắt trong nước.

Các học giả Hoa Kỳ như Susan Shirk, người đã tham gia với các nhà ngoại giao Trung Quốc trong các cuộc đối thoại vào đầu những năm 1990, xác nhận những quan điểm: “Mặc dù Trung Quốc có một số lý do để họ có thái độ tích cực hơn đối với hợp tác an ninh khu vực, nhưng lý do chính là giảm lo ngại khu vực.” Thật vậy, tại cuộc họp ARF đầu tiên vào năm 1994, Bộ trưởng Ngoại giao Tiền Kỳ Tham đã trả lời phỏng vấn báo chí để trấn an các nước láng giềng về mối đe dọa quân sự của Trung Quốc. Tóm tắt những nỗ lực này, học giả nổi tiếng về Trung Quốc Wu Xinbo lưu ý, “Về mặt an ninh... [Trung Quốc] tính toán bằng cách thúc đẩy hợp tác khu vực, nó có thể giúp tạo ra một môi trường an ninh thân thiện và ổn định hơn xung quanh khu vực ngoại vi của Trung Quốc, bù đắp áp lực an ninh phát ra từ việc Mỹ theo đuổi một chiến lược phòng ngừa rủi ro đối với Trung Quốc.”

Các nhà lãnh đạo chính trị hàng đầu cũng xác nhận sự tập trung này. Tại một cuộc họp về ngoại giao ngoại vi năm 2001, Chủ tịch Giang đã lưu ý “Trung Quốc là quốc gia có nhiều nước láng giềng nhất trên thế giới” và chỉ ra, kể từ thời Chiến quốc, “tổ tiên của chúng ta từ lâu đã nhận ra tầm quan trọng của việc đối phó [tốt] với các nước láng giềng.” Giang sau đó giải thích chiến lược trấn an của Trung Quốc. “Trung Quốc là một nước lớn”, ông lưu ý, “và không thể tránh khỏi việc một số nước nhỏ xung quanh nghi ngờ chúng ta.” Để xoa dịu họ, Trung Quốc

“phải thiết lập một hình ảnh phát triển hòa bình và hợp tác hữu nghị, cũng như kiên nhẫn và tỉ mỉ xua tan những nghi ngờ, đồng thời sử dụng những lời nói và việc làm gương của chúng ta để tăng cường lòng tin để họ dần dần nhận ra cái gọi là ‘mối đe dọa Trung Quốc’ hoàn toàn không tồn tại.” Điều này cũng có nghĩa là ưu tiên ‘lợi ích lâu dài’ hơn ‘lợi ích ngắn hạn’ và tạm gác các tranh chấp lãnh thổ sang một bên. Các công cụ đa phương cũng có vai trò. Giang lập luận: “Vai trò của ngoại giao đa phương ngày càng trở nên nổi bật và Trung Quốc cần phải ‘phát huy hết khả năng’ đối với các sáng kiến đa phương trong khu vực. Giang nhấn mạnh mức độ mà Hoa Kỳ là một trọng tâm trong chiến lược: Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh một điểm. Hoa Kỳ nằm ở Tây Bán cầu. Mặc dù đó không phải là láng giềng của chúng ta, nhưng đó là nhân tố chính ảnh hưởng đến môi trường an ninh ở đất nước chúng ta.” Mục đích của chính sách ngoại giao của Trung Quốc, ở giai đoạn này, không phải là để xây dựng trật tự do Trung Quốc dẫn đầu trong khu vực mà là để lấy lòng các nước láng giềng. có thể liên kết với Hoa Kỳ để bao vây Trung Quốc.

Các nguồn tin của Trung Quốc cho thấy chiến lược được cho là đã thành công. Trong một đánh giá về chủ nghĩa đa phương của Trung Quốc trong những năm 1990, Trương Vân Lăng lưu ý “các quan hệ đối tác đa phương được thiết lập giữa Trung Quốc và các cường quốc khác đã đưa Trung Quốc thoát khỏi nguy cơ đối đầu nguy hiểm tiềm tàng”. “Bằng cách cho phép các nước đó hiểu Trung Quốc hơn”, Trương khẳng định, Trung Quốc có thể “giảm bớt nỗi sợ bị đe dọa và do đó giảm khả năng liên minh chống lại Trung Quốc.” Thật vậy, “với sự tham gia và nỗ lực đa phương,” ông tiếp tục, “Hình ảnh của Trung Quốc như một cường quốc có trách nhiệm sẽ được cải thiện. Khi các quốc gia tương tác và hợp tác với Trung Quốc nhiều hơn, họ sẽ bớt lo lắng về ‘mối đe dọa Trung Quốc’.” Trương thậm chí đã mượn ngôn ngữ từ học thuyết quân sự để đưa ra quan điểm, lập luận trong bản ghi nhớ của mình với Bộ Ngoại giao rằng chủ nghĩa đa phương tạo thành một ‘chiến lược’ phòng thủ tích cực “cho

phép Trung Quốc chủ động đối phó với thách thức [bị bao vây]" và "loại bỏ khả năng nỗ lực đoàn kết chống lại Trung Quốc". Tóm lại, chủ nghĩa đa phương của Trung Quốc có một cơ sở lý luận chiến lược mạnh mẽ.

Nếu mục tiêu đầu tiên trong chiến lược thể chế của Trung Quốc là giảm nguy cơ liên minh ngăn chặn do Mỹ dẫn đầu, thì mục tiêu thứ hai rõ ràng là làm thất bại việc thực thi quyền lực của Mỹ. Các thể chế đa phương đưa ra một cách để thực hiện điều này mà không cần đối đầu trực tiếp với quyền lực của Mỹ. Như Zhang Yunling và Tang Shiping lập luận, Trung Quốc có thể sử dụng các thể chế "làm việc với những người khác để kiềm chế hành vi bá quyền của Hoa Kỳ" và đã nâng cao một số thể chế như SCO "được thiết kế để hạn chế ảnh hưởng của Hoa Kỳ." Tương tự, Vương Nhất Châu đã đưa ra mối liên hệ giữa chủ nghĩa đa phương và sức mạnh của Mỹ một cách rõ ràng: "Rõ ràng, một lý do quan trọng khiến Trung Quốc ngày càng coi trọng ngoại giao đa phương là hành vi bá quyền của Mỹ sau Chiến tranh Lạnh và vị thế siêu cường của nước này."

Những suy nghĩ này cũng được tìm thấy trong các văn bản chính thức. Năm 1997, thuật ngữ "chủ nghĩa đa phương" lần đầu tiên được sử dụng trong báo cáo công tác của Đại hội Đảng khi Giang Trạch Dân nói Trung Quốc phải "tích cực tham gia vào các hoạt động ngoại giao đa phương" và "phát huy hết khả năng" vai trò của Trung Quốc trong các tổ chức này. Sau đó. xuất hiện trong mọi báo cáo. Trong bài phát biểu tại Hội nghị Đại sứ năm 1997, một kiểu diễn thuyết thường được sử dụng để điều chỉnh chiến lược lớn, Giang nhắc lại Trung Quốc phải "tích cực tham gia vào chính sách ngoại giao đa phương" và liên kết xu hướng này với đa cực. Ông nói: "Trong tình hình mới, xu thế đa cực thế giới và toàn cầu hóa kinh tế không ngừng phát triển, "tất cả các nước lớn đều dựa vào các tổ chức khu vực để tự phát triển và tìm cách đạt được thông qua đa phương tức là những gì họ không thể có được thông qua quan hệ song phương. Chúng ta nên quan tâm nhiều hơn đến tình trạng này và chú ý tận dụng nó để thu lợi và tránh những bất lợi." Dần

dần, các nhà ngoại giao và truyền thông nhà nước Trung Quốc giảm bớt lời kêu gọi đa cực và "bắt đầu nhấn mạnh vai trò của các tổ chức đa phương" năm 2004, Bắc Kinh nâng khái niệm 'hợp tác' lên thành một trong ba nguyên tắc xác định chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Giang Trạch Dân nói, cùng với sức mạnh ngày càng tăng của các nước đang phát triển, "một loạt các tổ chức khu vực, liên lục địa và toàn cầu là chưa từng có. tích cực," và cùng với nhau "những dữ kiện này cho thấy mô hình thế giới đang tăng tốc theo hướng đa cực." Về mặt chính thức, chủ nghĩa đa phương bắt đầu được coi là một ống dẫn quan trọng cho đa cực. Trong bài phát biểu năm 2001 với các nhà lãnh đạo quân sự cấp cao, Giang đã đưa ra mối liên hệ này và cho việc tham gia vào các thể chế có thể mở rộng quyền tự do điều động của Trung Quốc: "Chúng ta phải tập trung vào việc mở rộng không gian chiến lược và thực hiện mạnh mẽ ngoại giao đa phương. Chủ động thực hiện ngoại giao đa phương đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng tình thế chiến lược cho chúng ta." Sau khi ghi lại sự tham gia của Trung Quốc vào APEC, ARF và SCO, trong số các diễn đàn khác, ông lưu ý, "Chúng ta phải nhận thức sâu sắc trong điều kiện của thế giới đa cực hóa và toàn cầu hóa kinh tế... Việc sử dụng các cơ chế quốc tế và các tổ chức khu vực để ngoại giao đa phương ngày càng trở thành phương thức quan trọng để các nước lớn phát huy vai trò của mình. Chúng ta phải tăng cường hơn nữa ngoại giao đa phương, chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi và điều chỉnh hệ thống quốc tế, nỗ lực thực hiện công tác đối ngoại ở cấp độ đa phương."

Trong thập kỷ tiếp theo, khi mối quan tâm của Trung Quốc về quyền lực của Mỹ gia tăng sau những can thiệp của Washington ở Bosnia, Kosovo, Afghanistan và Iraq, chủ nghĩa đa phương càng trở nên quan trọng hơn. Sau đó, Thứ trưởng Ngoại giao Vương Nghị đã có bài phát biểu năm 2004 với tựa đề "Tạo điều kiện phát triển chủ nghĩa đa phương và thúc đẩy đa cực thế giới" ngầm lập luận chủ nghĩa đa phương có thể được sử dụng để hạn chế Hoa Kỳ. Các nhà lãnh đạo cao nhất

cũng thực hiện liên kết. Năm 2006, Hồ Cẩm Đào tuyên bố Trung Quốc phải "tăng cường chủ nghĩa đa phương và thúc đẩy dân chủ hóa các quan hệ quốc tế," nhắc lại chủ nghĩa đa phương là một thành phần quan trọng trong đa cực. Tương tự, tại Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương năm đó, ông nói, "Với tôn trọng chính trị, để thúc đẩy việc xây dựng một thế giới hài hòa," Trung Quốc cần "tích cực ủng hộ chủ nghĩa đa phương, thúc đẩy dân chủ hóa các quan hệ quốc tế, và phản đối chủ nghĩa bá quyền và cường quyền chính trị."

Một trong những bài phát biểu cuối cùng của Giang, bài phát biểu trước Bộ Chính trị kể lại những thành công trong thập kỷ qua, Giang nhấn mạnh Trung Quốc đã "đề xuất và thực hiện tư duy chiến lược ổn định ngoại vi" và đã "đóng một vai trò quan trọng trong các tổ chức ngoại giao đa phương." Đáng chú ý là bài phát biểu của Giang đã xác định cụ thể APEC, ASEAN và SCO là những ví dụ về chiến lược của Trung Quốc; theo đó, đây chính xác là ba trường hợp mà bây giờ chúng ta chuyển sang.

DIỄN ĐÀN HỢP TÁC KINH TẾ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG (APEC)

Học giả Trung Quốc Wu Xinbo viết: "Kinh nghiệm của Trung Quốc với chủ nghĩa khu vực bắt nguồn từ APEC". Được thành lập vào năm 1989, APEC là một diễn đàn dành cho 21 nền kinh tế thành viên Vành đai Thái Bình Dương nhằm thúc đẩy thương mại và hỗ trợ phát triển. Trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh, và trong bối cảnh Bắc Kinh ngày càng lo ngại về sức mạnh và mối đe dọa do Hoa Kỳ gây ra, Bắc Kinh bắt đầu theo đuổi chiến lược phản công thông qua APEC cho sự tham gia của Trung Quốc là công cụ và chiến thuật hơn là chân thành. Như nhà ngoại giao đầu tiên của Trung Quốc tại APEC Vương Hựu Thắng nói rõ, Trung Quốc lo sợ tổ chức này - mà họ coi là do Mỹ lãnh đạo - cuối cùng sẽ trở thành công cụ bá quyền của Mỹ ở châu Á, phục vụ cho việc thúc đẩy tự do hóa kinh tế, nhân quyền và một tổ chức đa phương do Mỹ lãnh đạo. cấu trúc bảo mật. Hành động dưới sự chỉ đạo của cấp trung ương, Vương đã tìm cách ngăn chặn APEC bằng cách phản đối việc thể chế hóa của nó và thúc đẩy thành công "Cách tiếp cận APEC" ngăn

cấm việc thể chế hóa một cách hiệu quả trong tương lai. Các nhà ngoại giao Trung Quốc cũng làm việc để vận dụng tổ chức nhằm giúp Trung Quốc chống lại sức mạnh của Mỹ (đặc biệt là các biện pháp trừng phạt kinh tế), đồng thời sử dụng nền tảng mà APEC cung cấp để trấn an các nước láng giềng của Trung Quốc rằng Bắc Kinh không phải là một mối đe dọa. Hệ quả một phần là APEC đã không hiệu quả trong việc thúc đẩy tự do hóa thương mại và nhìn chung là không thích hợp trong cuộc Khủng hoảng Tài chính Châu Á và Cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu 2008.

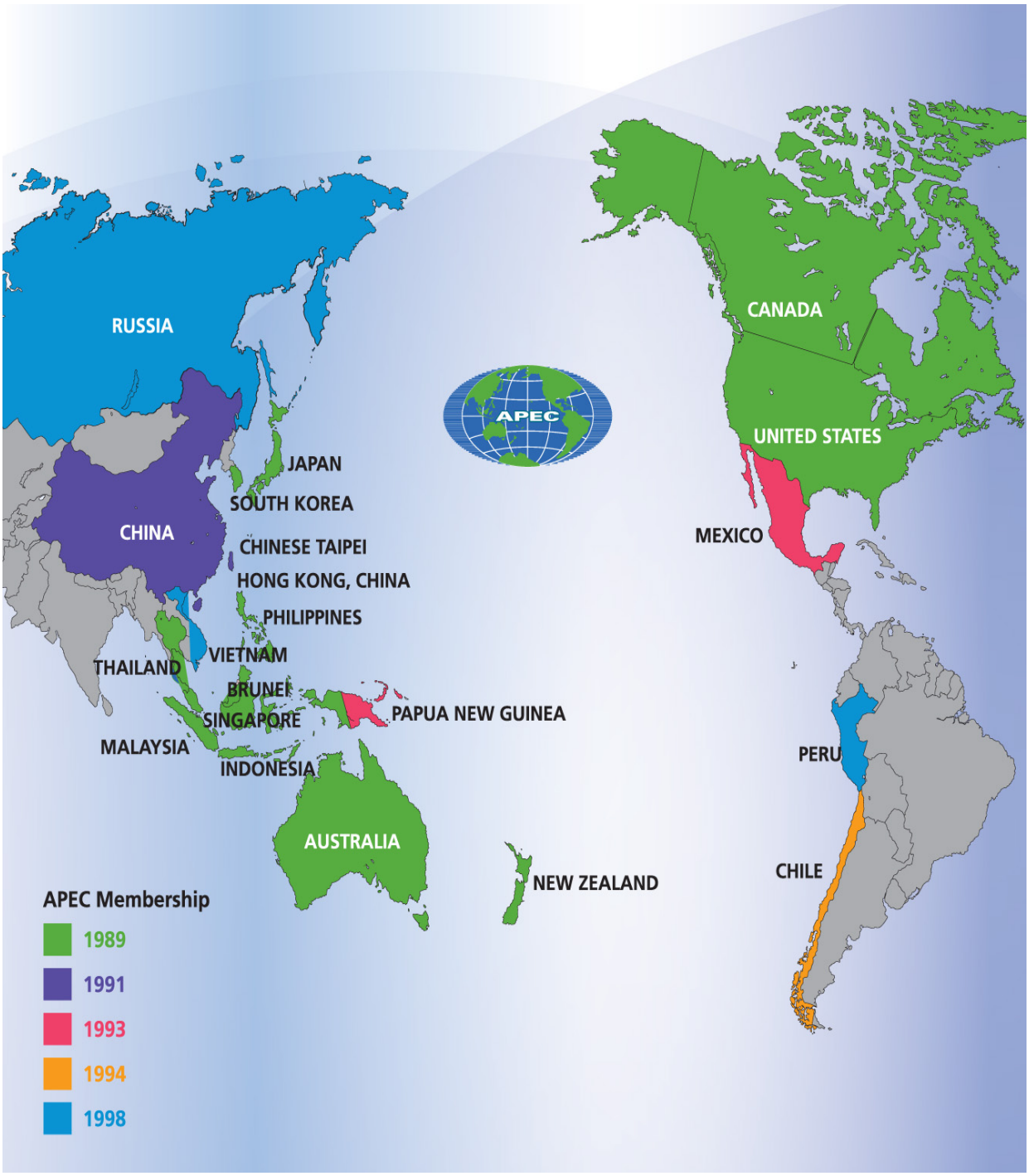

GIẢI THÍCH SỰ CHUYỂN ĐỔI

Điều gì có thể giải thích cho việc Trung Quốc tham gia APEC? Trung Quốc dường như không phải là một thành viên chân thành tham gia vào tổ chức. APEC không đặc biệt 'dày'. Nó chỉ có một ban thư ký yếu kém, né tránh các cuộc đàm phán thương mại, hoạt động dựa trên sự đồng thuận thay vì một bộ

quy tắc hiệu quả hơn để ra quyết định, có ít cơ chế giám sát và không có các quyết định ràng buộc — và Trung Quốc đã cố gắng chống lại những cải tiến đối với từng điều này, đôi khi đứng một mình. Có lẽ Trung Quốc coi APEC là một diễn đàn thảo luận, đồng thuận và tự nguyện có giá trị thực sự, nhưng Trung Quốc đã cố gắng hạn chế đáng kể những gì APEC có thể thảo luận. Những người khác lưu ý hội nghị cấp cao đầu tiên của APEC vào năm 1993 trên thực tế đã mang lại cho nhà lãnh đạo Trung Quốc Giang Trạch Dân cơ hội đầu tiên gặp tổng thống Mỹ sau Thiên An Môn, nhưng sự tham gia của Trung Quốc vẫn tiếp tục ngay cả khi sự tương tác thường xuyên với tổng thống đã được khôi phục. Nhiều người cho Trung Quốc nhìn thấy lợi ích kinh tế từ APEC, nhưng các mục tiêu kinh tế của Trung Quốc là phòng thủ và hướng tới việc ngăn khu vực ký kết chương trình nghị sự kinh tế của Mỹ trái với lợi ích của họ. Trung Quốc cũng không tham gia và ngăn cản APEC vì lo ngại Đài Loan sẽ sử dụng tổ chức thúc đẩy tuyên bố chủ quyền của mình. Trong hồi ký của mình, đại sứ APEC đầu tiên của Trung Quốc, Vương Hựu Thắng, không liệt kê những lo ngại về Đài Loan như một lý do tại sao Trung Quốc tham gia APEC. Ngay cả trước khi Trung Quốc tham gia, Bắc Kinh đã thành công trong việc đảm bảo Đài Loan sẽ được gọi là “Đài Bắc của Trung Quốc”, nó sẽ không bao giờ được đại diện bởi một tổng thống mà thay vào đó chỉ là một bộ trưởng kinh tế và nó sẽ bị loại khỏi các cuộc thảo luận về các vấn đề an ninh vì nó Không phải là một nhà nước. Và ngay cả sau khi Trung Quốc tham gia, Vương đã bác bỏ các nỗ lực của Đài Loan trong việc điều động chủ quyền, lưu ý Hoa Kỳ và các thành viên APEC khác chủ yếu làm việc với Trung Quốc để đẩy lùi các mục tiêu đó trong những năm 1990, cho thấy những lo ngại này không ảnh hưởng đến Sự tham gia của Trung Quốc.

Mối quan tâm thực sự của Trung Quốc là làm giảm sức mạnh của Mỹ và trấn an các nước láng giềng, vốn xuất hiện từ nhận thức ngày càng tăng về sức mạnh và mối đe dọa của Mỹ sau Chiến tranh Lạnh.

MỐI ĐE DỌA TỪ HOA KỲ

Sự tham gia của Trung Quốc vào APEC được thúc đẩy bởi lo ngại thể chế này sẽ trở thành công cụ bá quyền của Hoa Kỳ. Như các học giả như Chung Chien Peng lập luận, Trung Quốc tham gia APEC 'phòng thủ' để đảm bảo các đặc điểm của trật tự châu Á "không thể được quyết định nếu không có sự tham gia của nó." Kai He lập luận "Trung Quốc sử dụng APEC như một công cụ ngoại giao để hạn chế ảnh hưởng của Mỹ và chống lại các áp lực của phương Tây" về các vấn đề kinh tế, an ninh và chính trị. Một ưu tiên chính là hạn chế vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ ở châu Á - Thái Bình Dương.

Mối quan tâm của Trung Quốc đối với APEC một phần là sản phẩm của những lo lắng sau Chiến tranh Lạnh. Trong hồi ký của mình, Vương Hựu Thắng lưu ý, "Bốn năm đầu tiên trong giai đoạn khởi động của APEC là thời kỳ mà tình hình quốc tế đã trải qua một sự thay đổi lịch sử" khi hậu Chiến tranh Lạnh bắt đầu. Với "APEC là một tổ chức chính thức có thẩm quyền" Vương lưu ý, câu hỏi cấp bách đối với Trung Quốc là "nó có thể làm gì, và nó sẽ dẫn chúng ta đến đâu." Vương đưa ra câu trả lời: "Lý do tại sao Hoa Kỳ tích cực thúc đẩy việc thành lập APEC là để mở Thị trường châu Á," ít nhất là bề ngoài, nhưng "tất nhiên, Hoa Kỳ [cũng] là một siêu cường, và các mục tiêu của nước này không chỉ là [các mục tiêu kinh tế]." Thay vào đó, Vương liên tục lập luận APEC là một công cụ về quyền bá chủ của Mỹ được thiết kế để thúc đẩy tự do hóa kinh tế và chính trị, một trong đó có thể phát triển thành một "cộng đồng an ninh" do Mỹ lãnh đạo. Ông ấy viết:

Trước tình hình thế giới sau Chiến tranh Lạnh, đặc biệt là sự trỗi dậy của Đông Á, Hoa Kỳ có những cân nhắc và yêu cầu chiến lược lớn hơn. Tổng thống Clinton, trong khi đưa ra khẩu hiệu phục hồi kinh tế của Hoa Kỳ, cũng đã có khẩu hiệu "chủ nghĩa Thái Bình Dương mới", [bề ngoài] là "toàn cầu hóa kinh tế"... Nhưng trên thực tế, đây chính xác là 'Mỹ hóa' hay 'mô hình Mỹ'; cái gọi là 'các giá trị Mỹ' về dân chủ phổ biến, tự do, và nhân

quyền, cùng những thứ khác; và thiết lập quyền lãnh đạo của Hoa Kỳ — ít nhất là một 'hệ thống an ninh' do Hoa Kỳ thống trị.

Như nhận xét của Vương đã chứng minh, Trung Quốc tin Hoa Kỳ đang theo đuổi một "chủ nghĩa Thái Bình Dương mới" sau Chiến tranh Lạnh, bao gồm tự do kinh tế, các giá trị tự do và một cộng đồng an ninh do Hoa Kỳ hậu thuẫn — về bản chất, sự lãnh đạo của Hoa Kỳ được thể chế hóa. Những ấn tượng này đã được củng cố bởi những tuyên bố của Clinton ở Tokyo, Hàn Quốc và tại cuộc họp của các nhà lãnh đạo APEC ở Seattle, trong đó ông tuyên bố Hoa Kỳ tìm kiếm một "Cộng đồng Thái Bình Dương mới" và chương trình nghị sự của Mỹ ở châu Á liên quan đến ba mục tiêu: "làm việc vì sự thịnh vượng chung, vì an ninh và vì dân chủ." APEC là trọng tâm của những nỗ lực này: "Trong mắt Hoa Kỳ, bản thân APEC là một phần của 'hiện tượng Thái Bình Dương mới' này, và thậm chí có thể trở thành điểm khởi đầu hoặc thử nghiệm cho việc thúc đẩy Hoa Kỳ với 'hiện tượng Thái Bình Dương mới'," Vương lập luận, "Và tất nhiên, Hoa Kỳ sẽ vui vẻ tiến hành tương ứng!" Trung Quốc sẽ không đứng yên khi Washington viết lại kinh tế, chính trị và quy tắc quân sự của châu Á thông qua APEC. Sau khi Hoa Kỳ tìm cách nâng cao APEC tại Seattle, Vương nhận xét "Ý định chiến lược của Hoa Kỳ đã trở nên khá rõ ràng. Khái niệm 'cộng đồng' của nó bao gồm ba trụ cột: đó là hội nhập kinh tế dựa trên tự do hóa thương mại; các cơ chế an ninh đa phương do Hoa Kỳ chi phối; và dân chủ hóa với các giá trị của Mỹ làm tiêu chuẩn." Ông tiếp tục, "Việc thành lập một cộng đồng như vậy và tầm nhìn của nó, tất nhiên... là điều không thể được Trung Quốc chấp nhận." Và vì vậy Trung Quốc đã tìm cách ngăn cản sự xuất hiện của một cộng đồng như vậy bằng cách làm suy yếu chính APEC.

PHẢN ĐỐI THỂ CHẾ HÓA

Chiến lược cắt giảm của Trung Quốc trong APEC được tiến hành theo ba cách: nó liên quan đến việc tập trung vào (1) làm chậm quá trình thể chế hóa; (2) hạn chế khả năng của tổ chức trong

việc xem xét các vấn đề an ninh; và (3) chống lại chương trình nghị sự kinh tế của thể chế.

Đầu tiên, về thể chế hóa, Trung Quốc tìm cách đảm bảo APEC vẫn là một tổ chức 'mỏng' và giữ cho Bắc Kinh khả năng phủ quyết hiệu quả các diễn biến quan trọng trong quá trình ra quyết định dựa trên sự đồng thuận của APEC. Vương lập luận, nhờ nhấn mạnh vào sự đồng thuận, bất kỳ nỗ lực nào của APEC đều "phải đạt được — hoặc không thể làm được — nếu không có sự hỗ trợ của chúng tôi". Vì lý do này, quyền phủ quyết trên thực tế "mang lại cho chúng tôi quyền tự do điều động rộng rãi và đối với các vấn đề lớn trên thế giới [được thảo luận tại APEC], chúng tôi có thể phát huy thế mạnh của mình hoặc áp đặt ảnh hưởng riêng của mình." Trung Quốc đã cố gắng hết sức để đảm bảo những đặc điểm này vẫn là những bộ phận quan trọng của APEC, phản đối những nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm thể chế hóa tổ chức.

Nhiều cuộc chiến vì tương lai thể chế của APEC đã được tiến hành từ năm 1993 đến 1995. Theo C. Fred Bergstein, người có liên quan mật thiết đến chính sách của Hoa Kỳ đối với APEC trong giai đoạn này và dẫn đầu Nhóm công tác chuyên gia có ảnh hưởng lớn của APEC, Hoa Kỳ đã tìm cách chuyển đổi tổ chức "từ một diễn đàn tham vấn thuần túy thành một nhóm thực chất, có định hướng hành động." Trung Quốc phản đối rõ rệt những nỗ lực thể chế hóa và coi chúng theo những nghĩa thù địch. Như Vương đã lưu ý trong một cuộc phỏng vấn gần đây, "Khi Trung Quốc tham gia APEC, một số quốc gia vẫn bị thúc đẩy bởi tâm lý Chiến tranh Lạnh và tìm kiếm quyền lực tối cao trong thể chế này," dẫn chứng từ Hoa Kỳ, "nhưng Trung Quốc kêu gọi tham vấn và tôn trọng bình đẳng" và thúc đẩy trở lại. Nhà lãnh đạo Trung Quốc Giang Trạch Dân đã tuyên bố công khai vào năm 1993 APEC nên là một diễn đàn và "cơ chế tham vấn" chứ không phải là một tổ chức "được thể chế hóa". Trong hồi ký của mình, Vương lưu ý Trung Quốc phản đối việc APEC mở rộng nhiệm vụ vượt ra ngoài kinh tế, được thể chế hóa, được xác định là một "Cộng đồng", trở thành một diễn đàn để

thương lượng, có bất kỳ cam kết không tự nguyện nào và hoạt động trên bất kỳ nguyên tắc nào khác ngoài sự đồng thuận. Năm 1994, như phần mở đầu đã thảo luận, Trung Quốc đã chiến thắng những nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm xác định APEC là một "cộng đồng", với vai trò lãnh đạo chính trị trực tiếp tham gia vào nỗ lực này.

Trung Quốc đã thành công trong những trận chiến ban đầu, nhưng họ vẫn cảnh giác tình thế có thể thay đổi. Như Vương Hựu Thắng đã lưu ý, "Bóng ma của Cộng đồng" và các hình thức thể chế hóa khác "[vẫn] quanh quẩn trong APEC và chưa biến mất. Trong công việc của mình, tôi cảm nhận sâu sắc đây không phải là một cái bóng hão huyền mà là một cái gì đó rất thực." Vì lý do đó, bắt đầu từ cuối những năm 1990, Trung Quốc đã tìm cách che giấu cách tiếp cận chống thể chế mà họ đã bảo vệ trong các năm trước trong các văn kiện của APEC dưới cụm từ "Phương pháp tiếp cận APEC." Vương lưu ý những nỗ lực trước đó của Trung Quốc trong việc thúc đẩy một cách tiếp cận phi thể chế hóa, sử dụng các cụm từ như "năng lượng gia đình lớn" và "cách tiếp cận độc đáo", chỉ là "nguyên mẫu" cho khái niệm "Phương pháp tiếp cận APEC" cuối cùng. Ông kể lại các thành viên cấp cao của Bộ Ngoại giao đã làm việc trực tiếp với khái niệm này và trước hội nghị thượng đỉnh Subic năm 1996, Trung Quốc đã đưa "Phương pháp tiếp cận APEC" vào các tài liệu quan trọng là ưu tiên lớn — với Giang Trạch Dân tham gia thúc đẩy. Trung Quốc ban đầu gặp trở ngại, sau khi đề xuất đưa "Phương pháp tiếp cận APEC" vào tuyên bố chung, Philippines, nước đang tổ chức hội nghị thượng đỉnh và soạn thảo tuyên bố, đã đảo ngược hướng đi và viện dẫn sự phản đối của Mỹ. Phái đoàn APEC của Trung Quốc đã bị sốc và đe dọa về điều cơ bản là lựa chọn hạt nhân - để phản đối việc tìm thấy bất kỳ sự đồng thuận nào về tuyên bố cho đến khi "Phương pháp tiếp cận APEC" được đưa vào. "Làm thế nào chúng ta có thể từ chối Chủ tịch Giang?" Vương hỏi, "chúng tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc sử dụng chính động thái cuối cùng của mình." Trò chơi đã phát huy tác dụng, và thành công

của Trung Quốc, Vương lưu ý, “đã tuyên bố với [thế giới] rằng ‘Phương pháp tiếp cận APEC’ đã ra đời”. Năm tiếp theo, một lập trường cứng rắn tương tự đã giúp Trung Quốc nâng Cách tiếp cận APEC thành một khái niệm cốt lõi của APEC, phá vỡ quá trình thể chế hóa của tổ chức.

Hồi ký của Vương cũng tiết lộ nỗi sợ hãi của Trung Quốc rằng APEC có thể trở thành một công cụ an ninh cho Hoa Kỳ và thậm chí là một NATO châu Á. Trong cuộc họp tại Seattle của APEC năm 1993, Tổng thống Clinton đã tự mình liên kết APEC với NATO theo những cách khiến giới quan sát Trung Quốc sửng sốt: “Giờ đây, chúng tôi không thể tưởng tượng nổi làm thế nào mà chúng tôi có thể vượt qua Chiến tranh Lạnh mà không có NATO. Theo cách tương tự, các thế hệ tương lai có thể nhìn lại và nói họ không thể tưởng tượng làm thế nào mà khu vực Châu Á - Thái Bình Dương lại có thể phát triển mạnh mẽ trong tinh thần hòa hợp như vậy nếu không có sự tồn tại của APEC.” Khi Bộ trưởng Quốc phòng William Perry lập luận dứt khoát khi thảo luận về an ninh trong APEC, Trung Quốc coi đó là một bước tiến tới một NATO châu Á. Đối với Trung Quốc, điều này là không thể chấp nhận được, và trong hồi ký của mình, Vương Hựu Thắng kể lại đã phản đối mạnh mẽ vai trò an ninh. Các nhà quan sát các vòng họp khác nhau của APEC lưu ý Trung Quốc phản đối nhiều hơn các nước khác về vai trò an ninh cho APEC, và “mong muốn giữ cho diễn đàn tập trung hạn hẹp vào các vấn đề thương mại và kinh tế.” Hầu hết các quốc gia, bao gồm cả các quốc gia Đông Nam Á, cuối cùng đã ủng hộ việc bổ sung HIV/AIDS, buôn bán ma túy, buôn lậu, an ninh phi truyền thống, vấn đề thanh niên, phụ nữ và các chủ đề khác vào chương trình nghị sự của APEC. Nhưng Trung Quốc đã đặt vấn đề với mọi chủ đề trong số này, thậm chí cả vấn đề thanh niên - vì sợ chúng sẽ tạo cơ hội cho Hoa Kỳ chuyển trọng tâm của APEC. “Tất cả những điều này [tập trung vào các vấn đề phi kinh tế] thực sự là một nỗ lực cố gắng thay đổi bản chất của APEC, và về mặt khách quan, nó trùng khớp với [lợi ích của] Hoa Kỳ,” vẫn giữ nguyên “quyết tâm cuối cùng thiết lập một

‘Cộng đồng Thái Bình Dương Mới’ tích hợp kinh tế, an ninh và dân chủ ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.” Vương nói rõ sự thất vọng của mình khi Trung Quốc bị cô lập về vấn đề này, nhưng trong các nỗ lực phản đối nhằm mở rộng quyền hạn của APEC, Vương chỉ làm theo đường lối của chính quyền trung ương: “Tôi đã tuân theo tinh thần của các chỉ thị trong nước, nhiều lần thực hiện công việc của họ và nhấn mạnh APEC phải tập trung vào hợp tác kinh tế nếu muốn duy trì sức sống của nó” và tránh “các vấn đề chính trị và xã hội nhạy cảm”.

Cuối cùng, về kinh tế, Trung Quốc phản đối việc cho phép Hoa Kỳ sử dụng tổ chức để thiết lập các quy tắc kinh tế mới của khu vực, vì lo ngại quá trình tự do hóa APEC do Hoa Kỳ lãnh đạo có thể gây hại cho nền kinh tế Trung Quốc. Mục tiêu chính là đánh bại các quy tắc của Mỹ về tiếp cận thị trường, đầu tư và tự do hóa khu vực tài chính — mục tiêu cuối cùng mà Trung Quốc không tin thậm chí phải là một phần trong nhiệm vụ của APEC. Trung Quốc nhắm vào năng lực của APEC để đạt được các mục tiêu kinh tế của mình bằng cách phá hoại các mốc thời gian, cơ chế giám sát và các thiết bị điều phối khác. Ví dụ, khi Hoa Kỳ vào năm 1994 đưa ra một mốc thời gian thống nhất cho quá trình tự do hóa, Trung Quốc đã thành công trong việc thúc đẩy một mốc thời gian riêng cho các nước đang phát triển. Tại hội nghị thượng đỉnh Osaka năm 1995, Hoa Kỳ đã tìm kiếm các cam kết chắc chắn và các quyết định ràng buộc đối với các mốc thời gian này nhưng Trung Quốc đã thành công trong việc thúc đẩy để chúng tự nguyện. Và sau này, khi Hoa Kỳ tán thành và ủng hộ các tiêu chuẩn tự do hóa không ràng buộc, Trung Quốc cũng đấu tranh với những tiêu chuẩn này vì theo lời của Vương Hựu Thắng, “mặc dù chúng là không ràng buộc, [những tiêu chuẩn này] có ảnh hưởng chính trị và đạo đức, và ngày nay khi một số người đề xuất APEC giám sát và so sánh sự vận động tự nguyện và không ràng buộc của các thành viên theo hướng tự do hóa, Trung Quốc đã phản đối một cơ chế giám sát. Khi Hoa Kỳ đề nghị hỗ trợ kinh tế và kỹ thuật cho các nước đang phát triển có thể liên quan đến tự do hóa tự nguyện,

Trung Quốc đã phản đối. Như đánh giá ngắn gọn này cho thấy, Trung Quốc hầu như phản đối tất cả các nỗ lực lớn trong việc tự do hóa, thậm chí cả thời gian biểu không ràng buộc, cơ chế giám sát và so sánh, và việc sử dụng APEC như một diễn đàn đàm phán - nên tập trung vào thảo luận.

Chiến lược từ chối của Trung Quốc phần lớn đã thành công và Hoa Kỳ cuối cùng đã không còn quan tâm đến việc sử dụng APEC như một phương tiện thúc đẩy tự do hóa châu Á — thay vào đó, họ chọn chuyển sang các hiệp định thương mại song phương và sau đó là đa phương, bao gồm cả Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương.

BẢO VỆ LỢI ÍCH

Sự tham gia của Trung Quốc vào APEC nằm trong chiến lược lớn hơn của họ nhằm làm giảm sức mạnh của Mỹ. Nó đã giúp từ chối cho Hoa Kỳ một nền tảng để ban hành các chuẩn mực kinh tế và chính trị của phương Tây, cũng như điều phối chính sách an ninh hoặc quân sự thông qua những gì nước này lo ngại có thể trở thành một NATO châu Á, như phần trước đã đề cập. Nó cũng tạo cho Trung Quốc cơ hội để trấn an các nước láng giềng và giảm khả năng hình thành một liên minh cân bằng đối kháng, và các cách làm suy yếu đòn bẩy kinh tế của Mỹ đối với Trung Quốc.

NATO là tên tắt của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương là một liên minh quân sự dựa trên Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương được ký kết vào ngày 4 tháng 4 năm 1949 bao gồm Mỹ và một số nước ở châu Âu.

Chiến lược APEC của Trung Quốc được thúc đẩy một phần bởi mong muốn trấn an các nước láng giềng. Như Moore và Yang lưu ý trong bài đánh giá của họ về hành vi của Trung Quốc trong tổ chức, “APEC cung cấp cho Trung Quốc một diễn đàn quan trọng để thiết lập chứng chỉ của mình như một cường quốc đáng tin cậy, có trách nhiệm, hợp tác - đặc biệt là đối với các nước láng giềng nhỏ hơn trong khu vực” và cũng cung cấp “Cơ hội để chống lại lập luận ‘mối đe dọa Trung Quốc’ đã tăng

định kỳ trong thập kỷ qua." Rằng địa chính trị, chứ không chỉ kinh tế, là một yếu tố thúc đẩy được Vương Hựu Thắng xác nhận một cách rõ ràng. APEC rất hữu ích trong việc cải thiện mối quan hệ với các nước láng giềng có thể bao vây Trung Quốc và các cường quốc có thể hỗ trợ, hầu hết trong số họ đều ở trong APEC: "Trung Quốc có thể tận dụng tối đa các hoạt động của APEC," Vương lưu ý, "và về chính trị, APEC có thể cung cấp dịch vụ giúp Trung Quốc thăng tiến và xây dựng quan hệ tốt đẹp với các nước láng giềng." Mong muốn trấn an các nước láng giềng là rất quan trọng, vào năm 1993, tại cuộc họp cấp lãnh đạo APEC đầu tiên, Giang đã thảo luận về ý định hòa nhã của Trung Quốc trong thời gian dài:

> Chúng tôi không bao giờ tìm kiếm quyền bá chủ. Chúng tôi tránh xa các cuộc chạy đua vũ trang và khối quân sự và không bao giờ tìm kiếm bất kỳ phạm vi ảnh hưởng nào. Chúng tôi luôn nỗ lực phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng và tất cả các quốc gia khác trên thế giới trên cơ sở Năm nguyên tắc chung sống hòa bình... Một Trung Quốc ổn định, phát triển và thịnh vượng sẽ không có nguy cơ đe dọa bất kỳ quốc gia nào.

Cùng với đó, APEC là một nền tảng để Trung Quốc đưa ra những nhượng bộ cao cả để trấn an những người khác. Khi Trung Quốc giảm thuế suất thuế nhập khẩu từ 36% xuống 23% vào những năm 1990, Vương tuyên bố "Trung Quốc đã chọn tuyên bố sáng kiến này trong cuộc họp [APEC] Osaka để thể hiện quyết tâm của Trung Quốc trong việc đóng một vai trò nào đó ở châu Á và hội nhập quốc tế" và cho thấy Trung Quốc có "thái độ xây dựng". Trong cuộc Khủng hoảng Tài chính Châu Á, Chủ tịch Giang đã có bài phát biểu tại APEC nhấn mạnh các quyết định của Trung Quốc nhằm cắt giảm hơn nữa thuế quan, để không phá giá đồng tiền của mình và cung cấp hỗ trợ tài chính cho các nước Châu Á để để chứng minh, theo cách nói của ông, rằng "Chính phủ Trung Quốc đã thể hiện một thái độ có trách nhiệm cao" mặc dù "Trung Quốc đã phải trả giá đắt" cho những quyết định này. Những quyết định chính sách này,

đặc biệt là quyết định không phá giá, tiêu tốn khoảng 10 tỷ đô la nhưng đã giành được sự ủng hộ đáng kể cho Trung Quốc ở châu Á. Như Vương lưu ý, "Một số người bạn châu Á ở APEC xúc động nói... Trung Quốc là một người bạn đáng tin cậy trong lúc gặp khó khăn" và những người khác lưu ý các chính sách của Trung Quốc "giành được nhiều lời khen ngợi, gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc trong APEC và quốc tế, và đặt nền tảng tốt cho Trung Quốc sánh vai cường quốc trong thế kỷ mới."

Và khi chương tiếp theo lập luận chi tiết hơn, Trung Quốc cũng đã sử dụng APEC để làm giảm đòn bẩy kinh tế của Mỹ đối với Trung Quốc. Sau vụ thảm sát Quảng trường Thiên An Môn, Quốc hội Hoa Kỳ đã nhiều lần bỏ phiếu về việc thu hồi quy chế tối huệ quốc (MFN) cho Trung Quốc, vốn có thể đã làm tăng gấp đôi giá hàng xuất khẩu của Trung Quốc và có thể gây thiệt hại nghiêm trọng cho nền kinh tế của nước này. Trung Quốc tìm cách chiếm lấy MFN từ APEC. Đầu tiên, nó cố gắng thuyết phục các thành viên APEC áp dụng nguyên tắc không phân biệt đối xử, cho phép Trung Quốc loại bỏ MFN khỏi một tiến trình đa phương vốn đã bị che khuất khỏi tiến trình song phương với Washington. Thứ hai, Bắc Kinh hiểu việc gia nhập GATT/WTO sẽ tạo ra câu hỏi về MFN và làm giảm đòn bẩy kinh tế của Mỹ, vì vậy họ ủng hộ nguyên tắc, như Bộ trưởng Ngoại giao Tiền Kỳ Tham đã đưa ra, "tất cả các thành viên APEC nên trở thành thành viên GATT." Hoa Kỳ đã đẩy lùi những nỗ lực này, và một khi đã chấp nhận Trung Quốc là thành viên WTO, vấn đề này sẽ được đưa ra bàn luận trong mọi trường hợp.

CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN ĐẾN ASEAN

Vào một ngày hè oi ả ở Bangkok, Tiền Kỳ Tham, bộ trưởng ngoại giao Trung Quốc, đã trả lời câu hỏi của một nhóm phóng viên từ khắp nơi trên thế giới đã hội tụ về thủ đô Thái Lan để đưa tin về cuộc họp đầu tiên chưa từng có của Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) vào năm 1994.

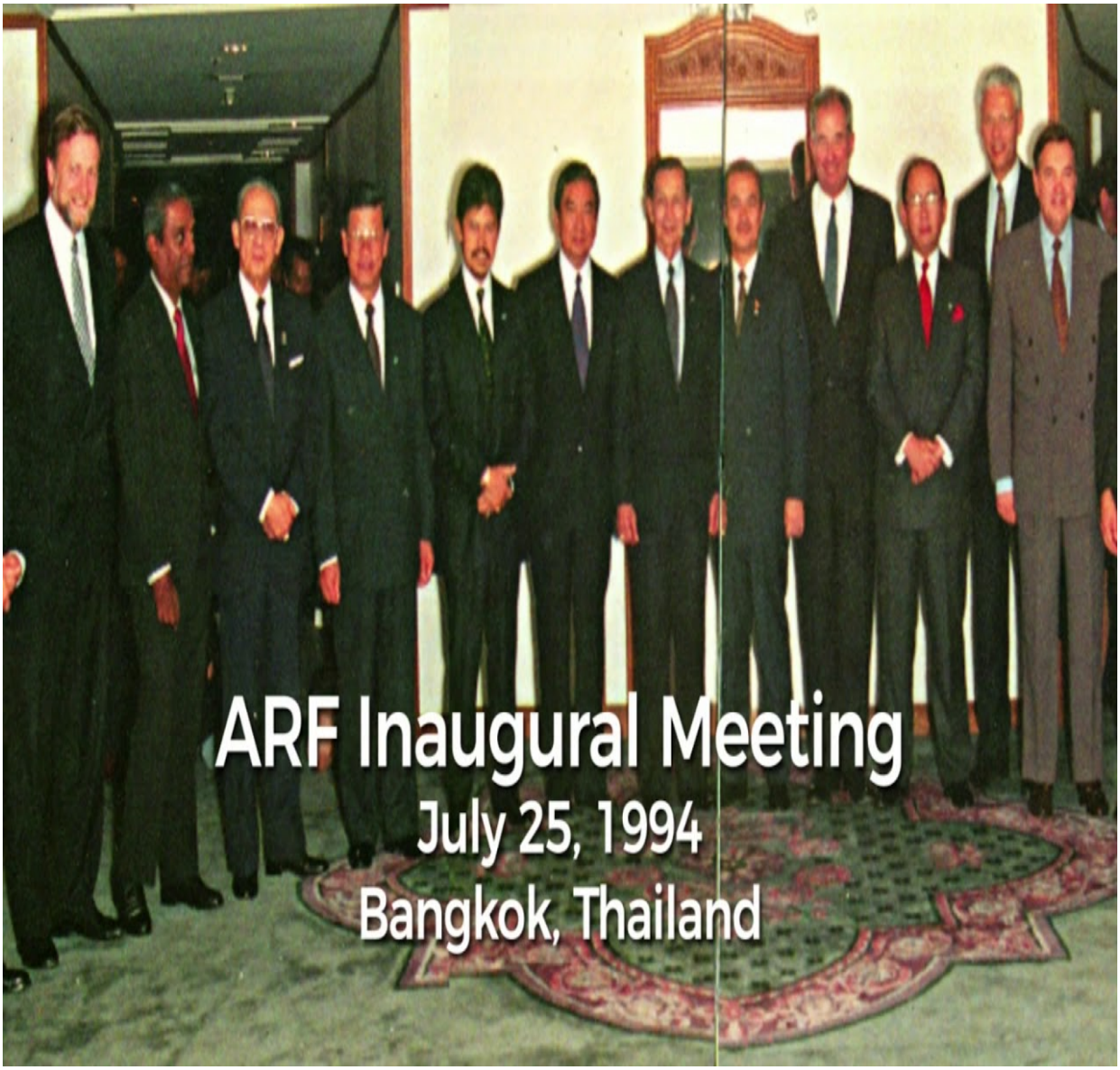

Xuất thân từ một gia đình khoa bảng nổi tiếng, Tiền Kỳ Tham đã gia nhập ĐCSTQ khi còn là một thiếu niên, học ở Liên Xô và dần dần leo lên các cấp bậc của Bộ Ngoại giao trong suốt bốn thập kỷ. Ông chịu trách nhiệm thành lập hệ thống Bộ Ngoại giao Trung Quốc — giờ đây nổi tiếng với hỗn hợp chủ nghĩa dân tộc và ngoại giao 'Chiến lang' — và đã từng là người phát ngôn đầu tiên của nó. Một thập kỷ sau, Tiền tiếp tục chỉ đạo nền ngoại giao của đất nước mình trước các lệnh trừng phạt Thiên An Môn và sự sụp đổ của Liên Xô, dịch hướng dẫn ngoại giao của Đặng vào cuối Chiến tranh Lạnh trở thành thông lệ ngoại giao của những năm 1990. Hồi ký của ông kể chi tiết cách ông

nỗ lực chống lại sự ép buộc của Mỹ, phục hồi Bắc Kinh và trấn an các nước láng giềng châu Á. Giờ đây, khi phát biểu trước các nhà báo đang tụ tập xung quanh mình, ông hiểu ARF đã tạo cơ hội để thúc đẩy các mục tiêu đó.

Khu vực lo ngại về chi tiêu quân sự ngày càng tăng của Trung Quốc, vốn đã tăng 34% so với năm trước, tạo cơ hội cho việc xây dựng liên minh của Mỹ. Vì vậy, ông Tiền đã cố gắng thuyết phục các quốc gia trong khu vực không lo lắng về Trung Quốc. Ông lập luận: “Không có sự gia tăng lớn về chi tiêu quốc phòng,” ông nói, sự gia tăng hoàn toàn do lạm phát. Nếu người ta so sánh chi tiêu quân sự của Trung Quốc với chi tiêu của Hoa Kỳ, ông lập luận, “bạn đi đến kết luận lực lượng quân sự của Trung Quốc đang phòng thủ về bản chất.” Ông tiếp tục nhấn mạnh Trung Quốc không có ý định tấn công. Ông nói: “Trong lịch sử hiện đại, Trung Quốc chưa bao giờ xâm lược bất kỳ nước nào”, ông nói mà quên cuộc xâm lược của Trung Quốc vào Việt Nam 15 năm trước đó. Một lúc sau, ông nhấn mạnh các quốc gia châu Á không nên lo lắng về Trung Quốc bởi vì “Trung Quốc không có hàng không mẫu hạm cũng như không có căn cứ quân sự ở nước ngoài.” [Hiện tại đã có] Ông kết thúc luận bằng một câu hỏi tu từ, “Làm thế nào để các lực lượng vũ trang Trung Quốc có thể [có] một thế trận tấn công?”

Tiền Kỳ Tham

Các nhà ngoại giao Trung Quốc tiếp tục nhấn mạnh những chủ đề này trong các diễn đàn liên quan đến ASEAN trong nhiều năm, bên cạnh việc tìm cách làm phức tạp thêm việc xây dựng trật tự của Mỹ. Trong thập kỷ tiếp theo, Bắc Kinh nhiệt tình thành lập các tổ chức đa phương bổ sung với sự hỗ trợ của ASEAN, bao gồm ASEAN Plus Three (APT) và Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), nói chung là làm suy yếu những thể chế như ARF có sự góp mặt của Hoa Kỳ trong khi tìm cách củng cố những tổ chức như APT - tất cả đều nhằm mục đích trấn an các nước láng giềng của Trung Quốc và làm giảm sức mạnh của Mỹ.

Tại sao Bắc Kinh lại bận tâm tham gia các diễn đàn ASEAN? Các diễn đàn này có mức độ thể chế hóa thấp, không thể giải quyết tranh chấp hoặc giám sát việc xây dựng quân đội và không thể khen thưởng hoặc trừng phạt đáng kể hành vi của các nước thành viên. Các quốc gia ASEAN thực hiện theo “cách thức ASEAN”, trong đó nhấn mạnh “hợp tác không chính thức,

gia tăng và dựa trên sự đồng thuận, và dựa trên cơ sở không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia và tránh đối đầu trực tiếp trong các cuộc thảo luận của diễn đàn." Hơn nữa, các tổ chức này nói chung thiếu các thư ký và tất cả đều thiếu các cơ chế để hỗ trợ lẫn nhau khỏi sự tấn công từ bên ngoài hoặc các biện pháp trừng phạt chính thức với các thành viên sai lầm.

Động lực của Trung Quốc dường như không được thúc đẩy bởi một cam kết chân thành với ASEAN và các tiến trình của nó — điều mà Bắc Kinh thường đình trệ; đúng hơn, nó được thúc đẩy bởi mong muốn làm nản lòng khả năng của Hoa Kỳ trong việc sử dụng các tổ chức này để thiết lập các điều khoản của trật tự khu vực.

Khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, châu Á bắt tay vào các dự án khu vực, và giới lãnh đạo Trung Quốc sau đó "nhận ra việc không tham gia vào các cơ chế an ninh đa phương còn rủi ro hơn là tham gia." Khi thành lập ARF, như Rosemary Foot đã quan sát từ các cuộc phỏng vấn của cô với những người đối thoại Trung Quốc, một số Các quan chức Trung Quốc lo ngại: "Người ta cho Mỹ là siêu cường duy nhất sẽ... tìm cách chi phối quá trình thảo luận, có thể sử dụng cơ quan này như một địa điểm khác để chỉ trích tập thể về hành vi đối nội và đối ngoại của Trung Quốc." quan chức Trung Quốc cũng vậy. lo ngại ARF do phương Tây thống trị có thể hình thành một nhóm an ninh non trẻ mà cuối cùng sẽ là một phần của chiến lược ngăn chặn. Ngay cả những nhà thể chế cuồng nhiệt như Zhang Yunling cũng lập luận trong các báo cáo với MFA rằng ARF có khả năng có vấn đề như các liên minh an ninh và phòng thủ tên lửa của Mỹ: "Giống như việc tăng cường liên minh quân sự Mỹ-Nhật, phòng thủ tên lửa và ARF đều có thực và Ý định tiềm tàng nhằm chống lại sức mạnh đang trỗi dậy của Trung Quốc." Một nhà quan sát nổi tiếng khác của Trung Quốc, Wu Xinbo, cho ARF là một thách thức lớn hơn đối với Trung Quốc so với cả APEC bởi vì "không giống như nhiệm vụ ban đầu của APEC, ARF là một cơ chế nhằm thúc đẩy hợp tác an ninh khu vực."

Ông lưu ý một 'lý do chính' mà Trung Quốc tham gia ARF là "dựa trên nền tảng sự trỗi dậy của Trung Quốc và quan điểm về 'mối đe dọa Trung Quốc' ở Châu Á Thái Bình Dương, Hoa Kỳ, Nhật Bản và thậm chí các nước Đông Nam Á có thể sử dụng ARF để kiểm tra và kiềm chế một Trung Quốc mạnh hơn." Wu giải thích thêm "mối quan tâm của Bắc Kinh không hoàn toàn vô căn cứ" vì "Washington đã xây dựng một cơ chế khu vực vào giữa những năm 1950 - Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á - để kiềm chế Trung Quốc." Trước những lo ngại, như Chung Chien Peng lập luận trong nghiên cứu của ông về sự tham gia vào thể chế của Trung Quốc, "việc CHND Trung Hoa tham gia ARF phản ánh mong muốn giám sát và cản trở một tổ chức an ninh đa phương non trẻ ở Châu Á - Thái Bình Dương." Trung Quốc lo ngại ARF sẽ "liên kết các liên minh quân sự riêng biệt của Hoa Kỳ với nhau và các thỏa thuận với Nhật Bản, Úc, Hàn Quốc và một số nước Đông Nam Á thành một mạng lưới... cho phép Hoa Kỳ nhanh chóng chuyển sang tư thế ngăn chặn nếu cần."

Trung Quốc lo sợ Hoa Kỳ và Nhật Bản có thể thúc đẩy ARF thực hiện các bước đi ngược lại với lợi ích của Trung Quốc. Do đó, Bắc Kinh đã tìm cách "làm chậm tốc độ của ARF và cản trở sự hợp tác an ninh thực chất." Trung Quốc đã chọn theo đuổi một chiến lược làm hạn chế hiệu quả ARF, đồng thời nói chung ủng hộ thể chế hóa trong các cơ quan ASEAN không bao gồm Hoa Kỳ, đặc biệt là ASEAN Plus Three (APT).

Đầu tiên, Trung Quốc phản đối kế hoạch chi tiết được ARF thông qua năm 1995 để thể chế hóa tổ chức. Kế hoạch chi tiết đó yêu cầu ba giai đoạn phát triển: Giai đoạn 1 liên quan đến các biện pháp xây dựng lòng tin (CBM); Giai đoạn 2 sẽ xem xét các cơ chế ngoại giao phòng ngừa (PD); và Giai đoạn 3 kêu gọi thiết lập các thỏa thuận giải quyết xung đột. Trung Quốc lo sợ lộ trình này sẽ cho phép Washington can thiệp hiệu quả hơn vào Đài Loan và Biển Đông, vì vậy họ đã phá hoại chúng. Nước này từ chối chia sẻ nhiều thông tin về quân đội của mình trong giai đoạn đầu; hoàn toàn phản đối và sau đó làm suy yếu các cơ chế PD với các nguyên tắc tập trung vào chủ quyền trong

giai đoạn hai; và điều chỉnh lại mục tiêu của giai đoạn thứ ba từ giải quyết xung đột thành "việc xây dựng các phương pháp tiếp cận xung đột" gần như vô nghĩa. để ngăn chặn các cuộc thảo luận nghiêm túc.

Thứ hai, Trung Quốc phản đối khả năng của ARF trong việc thảo luận các mục giữa các phiên họp của ARF, làm chậm đáng kể sự phát triển của tổ chức. Bắc Kinh lo ngại các nhóm làm việc không chuyên trách này, có biên chế với các quan chức chính phủ, có thể phát triển thành các cấu trúc ảnh hưởng đến lợi ích của Trung Quốc. Trung Quốc sau đó đã đưa ra lý do, nhưng chuyển sang làm suy yếu tính hợp pháp của họ bằng cách đảm bảo rằng (1) họ không được gọi là nhóm làm việc, thích các chức danh ít trang trọng hơn như "Nhóm hỗ trợ"; (2) họ không phải là tổ chức liên chính phủ, nhưng cũng có các học giả và những người khác tham gia; và (3) phạm vi của chúng vẫn còn hạn chế. Trung Quốc tỏ ra thoải mái với những thể chế yếu kém có thể phản đối họ trên Biển Đông.

Thứ ba, Trung Quốc phản đối việc tăng cường khả năng của ARF để hành động độc lập hoặc duy trì một bộ máy hành chính lâu dài. Nó phản đối những nỗ lực mở rộng thành một hội đồng cũng như các đề xuất thành lập một ban thư ký ARF thường trực và tự trị. Nó cũng phản đối các đề xuất của Hoa Kỳ cho phép các quốc gia ngoài ASEAN đảm nhận chức chủ tịch luân phiên của ARF, vì sợ Hoa Kỳ hoặc Nhật Bản có thể quốc tế hóa tranh chấp lãnh thổ của Trung Quốc. Vì lý do này, phải đến năm 2004, ARF mới thành lập một "Đơn vị ARF" nhỏ trong Ban Thư ký ASEAN, sau khi thành lập một đơn vị đầu tiên cho APT, vốn không có các quốc gia phương Tây.

Trung Quốc cuối cùng đã thành công trong việc ngăn chặn nỗ lực của tổ chức để không chỉ là một diễn đàn thảo luận, và như một nhà quan sát lưu ý, "Trung Quốc có vẻ rất vui khi thấy nó vẫn như vậy." Một nhà ngoại giao ASEAN kết luận, "Trung Quốc vẫn là trở ngại chính đối với sự phát triển thể chế của ARF trong con mắt của nhiều thành viên ARF."

Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)

Bằng chứng mạnh mẽ nhất cho thấy sự can dự về thể chế của Trung Quốc nhằm làm giảm sức mạnh của Hoa Kỳ là việc Bắc Kinh phản đối việc thể chế hóa trong ARF và APEC, bao gồm Hoa Kỳ, nhưng lại ủng hộ nó trong APT, vốn loại trừ Hoa Kỳ. APT là sự kế thừa của Nhóm Kinh tế Đông Á (EAEG), một sáng kiến tồi tệ do Thủ tướng Malaysia Mahathir đưa ra nhằm loại

trừ các quốc gia phương Tây một cách tự giác và khá trắng trợn. “Chúng tôi gọi nó là ASEAN Plus Three,” Mahathir tuyên bố, “nhưng chúng tôi đang tự đùa. ASEAN Plus Three (+3), trên thực tế, là EAEG.” Những người khác như Phó Chủ tịch Trung Quốc lúc bấy giờ là Hồ Cẩm Đào cũng đã nói công khai như vậy.

Trung Quốc, quốc gia trước đây đã hỗ trợ EAEG, rất nhiệt tình với APT. Bắc Kinh đã tìm cách thể chế hóa nó, mở rộng phạm vi và biến nó thành trung tâm của chủ nghĩa khu vực châu Á. Tiêu chuẩn kép giữa những gì Trung Quốc ủng hộ trong APT và phản đối trong APEC và ARF là đáng chú ý. Ví dụ, Trung Quốc phản đối thảo luận về an ninh tại APEC và đình trệ những nỗ lực đó tại ARF, nhưng lại ủng hộ các đối thoại an ninh tại APT, với Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ kêu gọi APT “thực hiện đối thoại và hợp tác trong các lĩnh vực chính trị và an ninh.” Trung Quốc cũng phản đối APEC tương tự. Trung Quốc phản đối từ “cộng đồng” trong APEC nhưng họ cảm thấy thoải mái khi Nhóm Tầm nhìn Đông Á của APT cho biết họ tự hào “hình dung Đông Á chuyển từ một khu vực gồm các quốc gia thành một cộng đồng khu vực chân chính” và đã sử dụng thuật ngữ này ba mươi lần trong báo cáo lớn đầu tiên của mình. Trung Quốc phản đối đề xuất của Nhật Bản về việc thành lập Quỹ Tiền tệ Châu Á trong cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997, nhưng nó đã ủng hộ một sáng kiến tương tự đối với APT (sau này trở thành Sáng kiến Chiang Mai do APT lãnh đạo) đảm bảo thành quả đạt được sẽ “không ảnh hưởng trực tiếp đến vai trò lãnh đạo của Nhật Bản trong các vấn đề khu vực.” Trung Quốc cảnh giác với các thỏa thuận Đối thoại Shangri-La và Hội đồng Hợp tác An ninh ở Châu Á Thái Bình Dương (CSCAP), có sự tham gia của Hoa Kỳ, nhưng họ đã đi đầu trong việc tung ra phiên bản riêng của mình thông qua APT (NEAT) vào năm 2003, được quản lý thông qua các tổ chức nhà nước. Trong khi Trung Quốc tiếp tục đình trệ việc thể chế hóa trong APEC và ARF, họ đã có những kế hoạch cực kỳ tham vọng cho APT. Zhang Yunling, học giả định hình chính sách ngoại giao đa phương của Trung Quốc,

cho biết Trung Quốc đã tìm kiếm một ủy ban quốc hội khu vực, một cuộc họp của các bộ trưởng quốc phòng và một hội đồng an ninh Đông Á - những đặc điểm mà trong một số trường hợp, Trung Quốc đã từ chối tham gia ARF và APEC. Trung Quốc phản đối ARF và các thư ký và nhân viên thường trực của ARF, nhưng nó đã thành lập thành công một văn phòng APT trong Ban Thư ký ASEAN trước khi ARF hoạt động lâu hơn nhận được một văn phòng.

Tiêu chuẩn kép của Trung Quốc có một mục đích. Bắc Kinh muốn có một APT phù hợp với quan điểm độc quyền, phi phương Tây về chủ nghĩa khu vực châu Á, và nó đã nâng APT lên trên các tổ chức cạnh tranh. Năm 2003, Thủ tướng Ôn Gia Bảo nói APT nên là 'kênh chính' cho 'hợp tác Đông Á', trong khi Trợ lý Bộ trưởng Thôi Thiên Khải khi đó gọi APT là 'kênh chính' để hợp tác cùng với ASEAN là 'cốt lõi', rõ ràng loại trừ ARF khỏi danh sách của ông. Trung Quốc ủng hộ chủ nghĩa khu vực nhiều hơn miễn là loại trừ Hoa Kỳ.

Năm 2004, Trung Quốc thậm chí còn trở nên tham vọng hơn, nhằm biến APT thành một tổ chức mới - Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS) - sẽ trở thành tổ chức khu vực lớn của Đông Á. Trung Quốc đề nghị tổ chức cuộc họp đầu tiên tại Bắc Kinh, và trong một bài đánh giá các bài viết của Trung Quốc trên EAS, Wu Xinbo nhấn mạnh sự nhiệt tình của Trung Quốc: "Ngay từ đầu, Trung Quốc đã kỳ vọng Hội nghị Cấp cao Đông Á là một thông báo quan trọng trong việc xây dựng một cộng đồng Đông Á." Như một tác giả khác lưu ý, "Ý định của Trung Quốc là nâng cấp APT lên thành EAS kiểu SCO toàn diện, loại trừ Hoa Kỳ và các nước phương Tây khác một cách rõ ràng", tham chiếu đến Tổ chức Hợp tác Thượng Hải - một tổ chức do Trung Quốc lãnh đạo ở Trung Á. các quốc gia ASEAN, Nhật Bản và Hàn Quốc đồng hành với EAS nhưng mời Úc, Ấn Độ và New Zealand đóng vai trò cân bằng chống lại Trung Quốc. Như Wu lưu ý, "Bắc Kinh cảm thấy hơi thất vọng" vì điều này, nhưng "điều khiến họ thất vọng hơn cả là quyết định EAS sẽ chỉ được tổ chức bởi các nước ASEAN, do đó không bao gồm Trung Quốc, vốn ban đầu rất

nhiệt tình với việc đăng cai tổ chức cuộc họp thứ hai." Khi Hoa Kỳ tham gia, Trung Quốc đã đảo ngược hướng đi và tìm cách làm suy yếu EAS so với APT. "Trong hoàn cảnh như vậy," Wu Xinbo lưu ý, "Trung Quốc kỳ vọng APT sẽ là địa điểm chính để xây dựng một cộng đồng Đông Á." Ví dụ, Trung Quốc đã đấu tranh để loại bỏ cụm từ "cộng đồng Đông Á" khỏi tuyên bố được ký kết tại hội nghị thượng đỉnh EAS đầu tiên, mặc dù họ tiếp tục ủng hộ cụm từ trong APT. Như một sự thừa nhận về chiến thắng chiến thuật nhỏ này, tuyên bố Hội nghị thượng đỉnh Đông Á đầu tiên. tuyên bố "khu vực Đông Á đã tiến bộ trong nỗ lực hiện thực hóa một cộng đồng Đông Á thông qua tiến trình ASEAN + 3."

Trung Quốc cũng sử dụng lập trường của mình trong các diễn đàn liên quan đến ASEAN để (1) làm suy yếu ảnh hưởng của Mỹ ở châu Á; và (2) trấn an những người hàng xóm.

Đầu tiên, Trung Quốc đã tìm cách thúc đẩy các quy tắc, như "Khái niệm An ninh Mới" của họ sẽ làm suy yếu các liên minh của Hoa Kỳ sau ba sự kiện lớn. Wu Baiyi, phó giám đốc nghiên cứu của Quỹ Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế Trung Quốc, đã viết về khái niệm này bắt đầu sau khi "Liên Xô tan rã", khi "các nhà hoạch định chính sách và học giả bắt đầu làm việc âm thầm để sửa đổi chiến lược an ninh của đất nước." Cuối cùng họ đã đưa ra khái niệm một cách không chính thức vào năm 1996 trong các cuộc đối thoại. Như Chu Shulong đã lập luận, các khía cạnh chính của khái niệm "phản bác cách tiếp cận liên minh" và tại một hội nghị được các học giả tổ chức ở Bắc Kinh để thảo luận về nó và được tóm tắt chính thức trong nhật báo của Đảng Nhân Dân nhật báo, những người tham gia đã "xác định 'bốn không' ở trung tâm của khái niệm: không có chủ nghĩa bá quyền, không có chính trị quyền lực, không chạy đua vũ trang và không có liên minh quân sự." Một bài báo khác của Nhân Dân nhật báo cho biết khái niệm này chống lại tư duy Chiến tranh Lạnh, bao gồm cả liên minh, cấm vận kinh tế và chạy đua vũ trang. Vào tháng 3 năm 1997, Trung Quốc chính thức đưa ra khái niệm này tại ASEAN khi nước này tổ chức và

chủ trì nhóm công tác không chuyên trách ARF về CBM ở Bắc Kinh; ở đó, nó "bôi nhọ các liên minh song phương, đặc biệt là liên minh Mỹ-Nhật, là gây bất ổn và đại diện cho tư duy kiểu cũ, thời Chiến tranh Lạnh" và đưa ra một số chuyển động nhằm vào quân đội Mỹ. Sau đó, Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham đưa ra khái niệm tại Diễn đàn khu vực ASEAN lần thứ 4 vào tháng 7 năm 1997 và một số cuộc họp khác. "Người ta đã chứng minh khái niệm và khuôn khổ an ninh của thời kỳ Chiến tranh Lạnh, vốn dựa trên các liên minh quân sự và được tiến hành bằng cách tăng cường chế tạo vũ khí, không thể xây dựng hòa bình," ông lập luận tại lễ kỷ niệm lần thứ ba mươi của ASEAN. "Trong tình hình mới, việc mở rộng các khối quân sự và tăng cường liên minh quân sự là đi ngược lại xu thế lịch sử hiện tại và tương lai." Tương tự, trong một bài phát biểu năm 2001 bàn về khái niệm này, Tiền Kỳ Tham nói "đảm bảo an ninh tuyệt đối cho bản thân thông qua liên minh quân sự mạnh mẽ hơn và tăng cường chạy đua vũ trang không phù hợp với xu thế thời đại." Năm tiếp theo, Bắc Kinh đệ trình một tài liệu chi tiết về khái niệm này cho ASEAN bao gồm một số yếu tố quan trọng, lập luận các nước:

- nên "vượt qua những khác biệt về hệ tư tưởng và hệ thống xã hội" chẳng hạn như sự quản lý độc đoán của Trung Quốc;

- nên "loại bỏ tâm lý về Chiến tranh Lạnh và chính trị quyền lực," ám chỉ đến các liên minh thời Chiến tranh Lạnh của Hoa Kỳ;

- nên tổ chức "các cuộc họp giao ban chung về các chính sách an ninh và quốc phòng và các hoạt động chính của nhau," một phương pháp đảm bảo thông báo trước các cuộc tập trận của Hoa Kỳ và hạn chế hoạt động giám sát hàng hải của Hoa Kỳ;

- nên "hạn chế can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác", ám chỉ áp lực về nhân quyền của Hoa Kỳ;

- và nên "thúc đẩy dân chủ hóa các quan hệ quốc tế," một tham chiếu cổ điển để thúc đẩy sự chuyển đổi từ bá quyền của Hoa Kỳ sang đa cực.

Thứ hai, Trung Quốc không chỉ chỉ trích các liên minh, mà còn tìm cách sử dụng các thể chế ASEAN để làm mất quyền tự do điều động của quân đội Mỹ. Trung Quốc đề xuất yêu cầu thông báo trước về tất cả các cuộc tập trận chung và cho phép quan sát viên tham gia — các yêu cầu chỉ áp dụng hiệu quả cho Hoa Kỳ với tư cách là quốc gia chính tiến hành các cuộc tập trận chung và đã thành công trong việc đưa thông báo trước vào Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002. Trung Quốc cũng kêu gọi các quốc gia ngừng giám sát lẫn nhau, một lần nữa áp dụng chủ yếu đối với hoạt động giám sát hàng hải của Hoa Kỳ. Nước này sử dụng các cuộc thảo luận về Biển Đông như "một phương tiện để hạn chế các cuộc tập trận của Hải quân Hoa Kỳ trong khu vực" bằng cách đề xuất lệnh cấm đối với Các cuộc tập trận quân sự ở Biển Đông — đặc biệt nhắm vào các cuộc tập trận Mỹ-Philippines mới khởi động gần đây. Trung Quốc lập luận một trung tâm thông tin hàng hải ASEAN được đề xuất được đặt ở Thiên Tân, nơi có thể giúp Trung Quốc có ảnh hưởng trong việc cung cấp thông tin. Lực lượng, căn cứ mới ở Malaysia và tàu cao tốc để bảo đảm eo biển Malacca khỏi bị tấn công khủng bố và cướp biển. Xem nỗ lực này là một phần của kế hoạch ngăn chặn, Trung Quốc đề xuất một cuộc tuần tra chung gồm 11 quốc gia thay thế giữa Trung Quốc và ASEAN để đảm bảo an ninh biển. Trung Quốc thậm chí còn gợi ý "các thỏa thuận song phương giữa các nước ASEAN và các cường quốc bên ngoài", chẳng hạn như liên minh với Hoa Kỳ, không nên thay thế các thỏa thuận đa phương được thực hiện thông qua ASEAN có thể hạn chế hợp tác liên minh hoặc tham gia vào RMSI. Cuối cùng, Trung Quốc là quốc gia hạt nhân đầu tiên ủng hộ mối quan tâm của ASEAN đối với các khu vực không có vũ khí hạt nhân ở Đông Nam Á, mà nếu thành công, có thể khiến các nỗ lực của Hoa Kỳ trở nên phức tạp trong hành động của các lực lượng hạt nhân chiến lược hoặc các tàu và máy bay được trang bị hạt nhân trong khu vực, do đó hạn chế quyền tự do điều động của Hoa Kỳ mà không ảnh hưởng đến Trung Quốc, quốc gia đã không triển khai các lực lượng như vậy ở nước ngoài.

Cuối cùng, Trung Quốc đã tìm cách trấn an các quốc gia ASEAN để ngăn chặn sự bao vây của họ. Các can dự về thể chế của Trung Quốc cho thấy Bắc Kinh sẵn sàng làm việc đa phương hơn là song phương ở những nơi họ có lợi thế và để ASEAN ở vị trí đầu tàu cho chủ nghĩa khu vực châu Á, qua đó nâng cao độ tin cậy cho các tuyên bố về ý định lành mạnh của họ. Đến năm 2008, Trung Quốc đã có tổng cộng 46 cơ chế được thể chế hóa với ASEAN, so với 15 của Mỹ, Trung Quốc cũng đã có những nhượng bộ chính trị cụ thể. Năm 1995, Trung Quốc chấp nhận các yêu sách cạnh tranh nên được giải quyết thông qua UNCLOS thay vì bằng vũ lực. [Hiện tại đã vi phạm]

Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển (United Nations Convention on Law of the Sea - UNCLOS), cũng gọi là Công ước Luật biển hay cũng được những người chống đối nó gọi là Hiệp ước Luật biển, là một hiệp ước quốc tế được tạo ra trong Hội nghị về luật biển Liên Hợp Quốc lần thứ 3 diễn ra từ năm 1973 cho đến 1982 với các chỉnh sửa đã được thực hiện trong Hiệp ước Thi hành năm 1994.

Công ước Luật biển là một bộ các quy định về sử dụng các đại dương của thế giới, 70% diện tích bề mặt Trái Đất. Công ước đã được ký kết năm 1982 để thay thế cho 4 hiệp ước năm 1958 đã hết hạn. UNCLOS có hiệu lực từ năm 1994, và cho đến tháng 10 năm 2014, có 167 quốc gia và Cộng đồng châu Âu đã tham gia Công ước này. Hoa Kỳ không tham gia vì nước này tuyên bố hiệp ước này không có lợi cho kinh tế và an ninh của Mỹ.

Công ước quy định quyền và trách nhiệm của các quốc gia trong việc sử dụng biển, thiết lập các hướng dẫn rõ ràng cho các hoạt động kinh doanh, bảo vệ môi trường và cải thiện quản lý các tài nguyên thiên nhiên đại dương.

Trong khi Đại hội đồng Liên Hợp Quốc nhận được các công cụ phê chuẩn và gia nhập và Liên Hợp Quốc quy định ủng hộ các cuộc họp của các quốc gia là thành viên của Công ước thì Liên Hợp Quốc không có vai trò hoạt động trong việc thi hành Công ước này. Tuy nhiên các tổ chức liên chính phủ tự trị như: Tổ chức

Hàng hải Quốc tế, Ủy ban Cá voi Quốc tế và Cơ quan quản lý Đáy biển Quốc tế được Công ước này thành lập lại có một vai trò trong việc thực thi Công ước.

Năm 2002, Trung Quốc ký "Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông" với các nước ASEAN: nước này thừa nhận (thay vì phớt lờ) yêu sách của ASEAN; tạo tiền lệ cho các giải pháp đa phương mà đòn bẩy của Trung Quốc sẽ yếu hơn; và từ bỏ bạo lực để thay đổi hiện trạng (mà trước đây nó đã sử dụng để chống lại Việt Nam). Năm 2003, Trung Quốc cũng trở thành quốc gia ngoài ASEAN đầu tiên ký kết Hiệp ước Hợp tác và Thân thiện ASEAN - có hiệu lực là Hiến chương ASEAN, cam kết không can thiệp vào công việc của các quốc gia Đông Nam Á. Cùng năm đó, Trung Quốc đã ký "Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược". Những quyết định này "để báo hiệu cam kết hợp tác lâu dài của Trung Quốc về các vấn đề an ninh khu vực." Trung Quốc cũng sử dụng ASEAN để cung cấp các lợi ích kinh tế cho các nước thành viên ASEAN. Nó theo đuổi một hiệp định thương mại tự do có nhượng bộ với các quốc gia ASEAN và mở rộng các khoản vay và đầu tư — tất cả đều làm giảm lo lắng về an ninh. Tại cuộc họp APT năm 2002, Trung Quốc tuyên bố xóa nợ cho Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar. Hiệp định FTA Trung Quốc-ASEAN bao gồm điều khoản "thu hoạch sớm" đảm bảo Trung Quốc cắt giảm thuế nông nghiệp ba năm trước khi các nước ASEAN thực hiện. Trung Quốc cũng mở rộng quy chế MFN cho các quốc gia ASEAN mới, mặc dù họ không phải là thành viên của WTO và cho họ 5 năm để đáp lại các cam kết của họ với Trung Quốc. Các nhượng bộ kinh tế được coi là tín hiệu đắt giá cho thấy sự quan tâm của Trung Quốc trong việc trấn an. Theo cách này, Trung Quốc đã có thể sử dụng ARF để ngăn chặn hoạt động xây dựng trật tự của Mỹ ở châu Á, đặc biệt là khả năng có một liên minh bao vây chống lại Trung Quốc.

MFN (Tối huệ quốc) là một trong những quy chế pháp lý quan trọng trong thương mại quốc tế hiện đại. Quy chế này được coi

là một trong những nguyên tắc nền tảng của hệ thống thương mại đa phương của Tổ chức Thương mại Thế giới.

Chế độ tối huệ quốc đòi hỏi một quốc gia phải bảo đảm dành cho tất cả các quốc gia đối tác một chế độ ưu đãi thương mại thuận lợi như nhau. Cụ thể là trong các điều ước quốc tế về thương mại cũng như luật thương mại quốc gia, đãi ngộ tối huệ quốc thường được thể hiện dưới dạng quy định cho các sản phẩm hàng hoá dịch vụ có xuất xứ từ một quốc gia đối tác được hưởng chế độ thương mại "không kém ưu đãi hơn chế độ ưu đãi nhất" mà quốc gia sở tại dành cho các những sản phẩm hàng hoá dịch vụ tương tự của bất kỳ quốc gia nào khác. Chế độ đối huệ quốc về bản chất không phải là việc ưu đãi của một quốc gia chủ nhà với từng quốc gia được hưởng chế độ này mà nó chỉ về sự ưu đãi tương tự, giống nhau giữa các quốc gia trong mối liên hệ với quốc gia chủ nhà.

TỔ CHỨC HỢP TÁC THƯỢNG HẢI (SCO)

Vào ngày 18 tháng 1 năm 2000, Trì Hạo Điền, khi đó là Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương, đã đến Nga để gặp gỡ Vladimir Putin. Cuộc gặp đến vào thời điểm nhạy cảm. Trước đó chưa đầy ba tuần, Putin đã trở thành quyền tổng thống sau khi Tổng thống Boris Yeltsin từ chức bất ngờ vào đêm giao thừa.

Cuộc họp đã cho Trì Hạo Điền cơ hội để đánh giá về nhà lãnh đạo trẻ tuổi của Nga, và ông đánh giá đó là một người "tương đối tỉnh táo và vững vàng, ít nói, nhưng rất có trọng lượng." Cuộc họp dường như đã diễn ra tốt đẹp. Sau khi kết thúc, đại sứ Trung Quốc tại Nga quay sang Trì Hạo Điền và nói: "Putin hiếm khi cười, nhưng trong cuộc gặp với bạn, ông ấy đã mỉm cười hai lần - điều này thật sự rất hiếm." Trì Hạo Điền, rõ ràng là khá hài lòng với bản thân, đã rất vui khi nghe.

Một trong những chủ đề chính của cuộc gặp giữa Trì và Putin là nỗ lực của Nga và Trung Quốc nhằm nâng cấp Shanghai Five — hội nghị thượng đỉnh khu vực thường niên giữa Trung Quốc, Nga và ba nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ giáp Trung Quốc lần đầu tiên được tổ chức vào năm 1996 — thành một hội nghị

chính thức được gọi là Tổ chức Hợp tác Thượng Hải. Hồi ký của Trì Hạo Điền kể lại ông và Putin đã tìm thấy "sự đồng thuận" về sự cần thiết phải "chống lại chủ nghĩa bá quyền, bảo vệ hòa bình thế giới, phản đối sự can thiệp, phản đối phòng thủ tên lửa và các vấn đề khác" — tất cả những ám chỉ rõ ràng về sự phản đối chung của họ đối với trật tự của Hoa Kỳ. Sau đó, họ đồng ý về kế hoạch chính thức hóa cuộc họp của Bộ trưởng Quốc phòng tại Thượng Hải và lên lịch vào tháng Ba. Hồi ký của Trì Hạo Điền ghi họ đã thực hiện một điểm đặc biệt để "tổ chức cuộc họp đầu tiên trước hội nghị thượng đỉnh các nhà lãnh đạo NATO" vào năm đó, có lẽ để gửi một tín hiệu răn đe đến các quốc gia phương Tây về sự mở rộng của NATO, bao gồm cả Trung Á.

Những lo ngại này về phương Tây không phải ngẫu nhiên mà là cốt lõi của tổ chức. Sau sự sụp đổ của Liên Xô và sau đó là sự can dự gia tăng của Hoa Kỳ vào khu vực sau vụ 11/9, cả Matxcơva và Bắc Kinh đều lo sợ Hoa Kỳ có thể lấp đầy khoảng trống ở Trung Á. Như Ủy viên Quốc vụ Trung Quốc Đới Bỉnh Quốc sau này đã viết trong hồi ký, Trung Quốc cần "tham gia vào Tổ chức Hợp tác Thượng Hải" để "giúp thay đổi sự mất cân bằng quyền lực" với phương Tây.

Trung Quốc đặc biệt hy vọng SCO sẽ trở thành tổ chức tối quan trọng cho chủ nghĩa khu vực ở Trung Á - tin nó có thể làm giảm ảnh hưởng của Mỹ ở đó và trấn an các nước láng giềng của Trung Quốc về ý định của Bắc Kinh - và nó nhanh chóng đưa tổ chức này trở thành ưu tiên. SCO được đặt tên theo một thành phố của Trung Quốc, ban thư ký và nhân viên của nó được đặt tại các văn phòng mà Bắc Kinh tặng, Tổng thư ký đầu tiên của nó là một nhà ngoại giao Trung Quốc, và Bắc Kinh đã tài trợ ngân sách ngay từ đầu.

Tại sao Trung Quốc lại thành lập tổ chức này? Một số phủ nhận lý do có liên quan đến Hoa Kỳ. Họ lập luận, phù hợp với thông điệp chính thức của SCO, chức năng của tổ chức là chống lại cái mà Trung Quốc gọi là "ba tệ nạn" — chủ nghĩa khủng bố, chủ

nghĩa ly khai và chủ nghĩa cực đoan tôn giáo — ở Trung Á. Điều này rất quan trọng đối với an ninh của chính Trung Quốc.

Lời giải thích thông thường này là không đầy đủ, như một cuộc kiểm tra Cơ cấu Chống Khủng bố Khu vực SCO (RCTS) cho thấy. RCTS là một trong số ít cơ quan thường trực của tổ chức và là cơ quan chính nhằm đối phó với "ba tệ nạn", nhưng nó không được coi trọng một cách đặc biệt. Trung Quốc đã thúc đẩy việc thành lập RCTS, nhưng tổ chức này và các cơ quan khác "thường xuyên bị thiếu tiền và có quyền hạn hạn chế để đưa ra quyết định độc lập với các chính phủ thành viên." Và như Giám đốc điều hành của RCTS Zhang Xinfeng thừa nhận, trong số nhân viên nhỏ đó, "không có nhiều người [ở] văn phòng." Một nhà phân tích gọi ngân sách và số lượng nhân sự là "thấp một cách hài hước" so với "quy mô Ngân sách an ninh nội bộ ước tính của Trung Quốc là 111 tỷ đô la." Ông lưu ý một trung tâm tổng hợp tình báo NATO tương đương có hơn 200 nhân viên, cho thấy RCTS thực sự yếu kém như thế nào.

Với kinh phí và nhân lực thấp, RCTS bị hạn chế về chức năng và hiện tại nó "không hoạt động như một môi trường phân tích chung, thu thập thông tin tình báo, tích hợp cấu trúc chỉ huy, xây dựng học thuyết chung, xác định những kẻ khủng bố, tương tác có ý nghĩa với các quốc gia khác hoặc các tổ chức an ninh khu vực, hoặc thực hiện nhiều nhiệm vụ khác mà người ta có thể mong đợi ở một cơ quan an ninh." Khi cần thiết, tổ chức này đã không được triển khai thực sự, kể cả trong vụ thảm sát Andijan năm 2005, trong đó lực lượng Uzbekistan giết chết những người biểu tình, thanh trừng sắc tộc Kyrgyz-Uzbek ở Kyrgyzstan trong 2010, và quyết định của Tajikistan hạ một tỉnh và gửi quân sang trấn áp một lãnh chúa vào năm 2012. Vì tất cả những lý do này, thật khó để tranh luận RCTS — và SCO cho vấn đề đó — thực sự tồn tại để chống lại "ba tệ nạn". đặc biệt là vì Trung Quốc có thể dễ dàng tài trợ cho tổ chức ở cấp cao hơn hoặc bổ nhiệm thêm nhân viên nếu nó thực sự quan trọng. Tại sao Trung Quốc lại cần SCO?

Việc Trung Quốc thành lập SCO - như cuộc gặp giữa Vladimir Putin và Trì Hạo Điền gợi ý - không phải là để chống lại “ba tệ nạn” mà nhiều hơn về việc làm chùn bước và đánh phủ đầu sức mạnh của Mỹ trong khu vực và đặt nền tảng cho việc xây dựng trật tự của Trung Quốc ở khu vực. Tất cả những điều này xuất phát từ nhận thức của Bắc Kinh về mối đe dọa Hoa Kỳ.

Các chủ đề mà Trì và Putin nhấn mạnh liên quan đến việc chống lại quyền bá chủ của Mỹ xuất hiện hầu như trong mọi tuyên bố của Shanghai Five và SCO, hiến chương SCO và trong các phát biểu của cấp lãnh đạo. Nhiều trong số các tài liệu và bài phát biểu các mục tiêu này được hiểu theo nghĩa thúc đẩy “đa cực” hoặc “dân chủ hóa các mối quan hệ quốc tế”, là những cách gọi tắt để giảm ảnh hưởng của Hoa Kỳ; các văn bản thường chê bai — khi họ nói — áp lực nhân quyền của Hoa Kỳ, chủ nghĩa can thiệp mới và phòng thủ tên lửa. Tại cuộc họp Thượng Hải năm 1997, Trung Quốc và Nga đã ký “Tuyên bố về một thế giới đa cực và thiết lập một trật tự quốc tế mới”. Thỏa thuận nêu rõ, “trên tinh thần đối tác, các Bên sẽ cố gắng thúc đẩy quá trình đa cực hóa thế giới và thiết lập một trật tự quốc tế mới” và “không quốc gia nào được tìm kiếm bá quyền, tham gia vào chính trị quyền lực hoặc độc quyền các vấn đề quốc tế.” Những lời chỉ trích về quyền bá chủ của Hoa Kỳ đã xuất hiện trong tuyên bố đầu tiên của Nhóm 5 Thượng Hải vào năm 1998 và trong các tuyên bố thường niên của tổ chức, và các nhà lãnh đạo Trung Quốc và Nga đã công khai khuếch đại chúng. Bên lề hội nghị thượng đỉnh năm 1999, Chủ tịch Giang tuyên bố “bá quyền và chính trị vũ lực đang gia tăng, với các hình thức mới của cái gọi là chủ nghĩa can thiệp mới được tiếp tục.” Boris Yeltsin đồng ý và phản đối “nỗ lực của một số quốc gia nhằm xây dựng một trật tự thế giới chỉ phù hợp với chính họ.” Sau đó, ông đã gây sốc cho các phóng viên bởi tuyên bố ông ấy “thực sự sẵn sàng chiến đấu, đặc biệt là với những người phương Tây,” và Bộ trưởng Ngoại giao của ông Igor Ivanov xác nhận Hoa Kỳ là trọng tâm trong các cuộc thảo luận của hội nghị thượng đỉnh. KHi SCO cuối cùng đã được thể chế hóa, điều lệ

thành lập của nó ngay từ đầu đã tuyên bố các mục tiêu của tổ chức bao gồm "phát triển đa cực về chính trị". Những kiểu đề cập đến việc chống lại quyền bá chủ của Hoa Kỳ xuất hiện trong phần lớn các tuyên bố của tổ chức. Và một khi quyền lực của Hoa Kỳ bị coi là suy giảm, tuyên bố năm 2009 của SCO: "xu hướng đối với đa cực thực sự đã trở nên không thể đảo ngược" và "vai trò của khu vực trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu đang gia tăng". Nói cách khác, khía cạnh khu vực trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu đang gia tăng. Các cường quốc trong khu vực giờ đây có thể đẩy lùi quyền bá chủ của phương Tây và mở rộng quyền tự do điều động của họ.

Nếu các khoản đầu tư của Trung Quốc vào SCO phần lớn được thúc đẩy bởi mong muốn làm giảm sức mạnh của Mỹ, thì các khoản đầu tư của họ vào tổ chức này lẽ ra phải tăng lên khi những lo ngại đó trở nên gay gắt hơn, đặc biệt là sau vụ 11/9. Đây chính xác là những gì đã xảy ra.

Trước ngày 11/9, Trung Quốc "khá thoải mái và hài lòng" với tốc độ thể chế hóa của SCO. Sau các cuộc tấn công, "khả năng tồn tại của SCO đã được đưa ra thử nghiệm nghiêm túc" khi Hoa Kỳ trở thành một cường quốc Trung Á. Hoa Kỳ xâm lược và chiếm đóng Afghanistan; hỗ trợ trực tiếp gấp đôi cho các quốc gia Trung Á; tăng hỗ trợ quân sự gấp nhiều lần; và dẫn đầu chương trình "Đối tác vì hòa bình" của NATO với khu vực. Trước sự kinh hoàng của Trung Quốc, các quốc gia Trung Á, bao gồm cả Nga, đã tích cực tạo điều kiện cho sự hiện diện quân sự của Hoa Kỳ. Mọi thành viên SCO tại Trung Á đều công khai hỗ trợ quân đội Hoa Kỳ, và hầu hết đã mở rộng không phận một cách riêng tư để phục vụ các nhiệm vụ chiến đấu. Quân đội Hoa Kỳ đã mở các căn cứ ở Uzbekistan và Kyrgyzstan, tiếp cận các sân bay ở Tajikistan và Turkmenistan, và được mời sử dụng các cơ sở ở Kazakhstan (mặc dù Hoa Kỳ đã từ chối và thay vào đó nhận được quyền truy cập khẩn cấp). Nga cung cấp chia sẻ thông tin, chấp nhận các cơ sở và quyền truy cập của Hoa Kỳ trong khu vực, đồng thời cung cấp quyền truy cập và hỗ trợ hậu cần của riêng mình. Điều này "gây ngạc nhiên cho các nhà

hoạch định chính sách và nhà phân tích của Trung Quốc, những người phàn nàn các nhà hoạch định chính sách Nga không hiểu đúng về ý định thực sự của Hoa Kỳ."

Đối với Trung Quốc, những ý định đó rất nguy hiểm. La Cán, một thành viên của Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị, băn khoăn "Mỹ muốn sử dụng cuộc chiến ở Afghanistan để có một lực lượng quân sự thường trực ở Trung Á, điều này sẽ có ảnh hưởng lớn đến an ninh quốc gia của chúng tôi." Trong cuộc họp với Quân ủy Trung ương năm 2001, Giang Trạch Dân đã đặt mối lo ngại của Trung Quốc về "ba tệ nạn" ngang hàng với lo ngại về vai trò của Hoa Kỳ ở Trung Á: "Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, Trung Á chứng kiến sự xuất hiện của hai hoàn cảnh nổi bật. Thứ nhất là 'ba tệ nạn' và thứ hai là sự hiện diện quân sự của Mỹ." Một học giả Trung Quốc lo ngại "sự mở rộng về phía đông của NATO có thể đến ngay biên giới phía tây của Trung Quốc." Người khác lo sợ bị bao vây, lưu ý Trung Quốc hiện phải đối mặt với sự hiện diện của Mỹ ở phương Tây cùng với sự hiện diện ở phương Đông.

Việc Trung Quốc muốn thể chế hóa được thúc đẩy bởi mong muốn giữ tổ chức này là cốt lõi của chủ nghĩa khu vực Trung Á bằng cách tập trung vào chủ nghĩa khủng bố; ngăn chặn ảnh hưởng ngày càng tăng của Mỹ trong khu vực; và ngăn chặn sự bao vây của chính nó. "Để tránh SCO bị gạt ra ngoài bởi sự hiện diện quân sự của Mỹ sau ngày 11 tháng 9 ở Trung Á," Chung lưu ý, "Bắc Kinh đã thúc đẩy mạnh mẽ việc thể chế hóa một trung tâm chống khủng bố khu vực SCO [RATS]," cơ quan này sớm trở thành một cơ quan thường trực, với Chủ tịch Giang Trạch Dân lưu ý việc thành lập trung tâm "là điều cấp bách nhất hiện nay". Tại cuộc họp của các thủ tướng vài tháng sau ngày 11 tháng 9, Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ lập luận mạnh mẽ SCO phải hoàn thành công việc về điều lệ và thành lập một trung tâm chống khủng bố càng sớm càng tốt; vào năm 2003, ở đỉnh cao sự hiện diện của Hoa Kỳ ở Trung Á, Hồ Cẩm Đào tuyên bố "xây dựng thể chế là ưu tiên hàng đầu của SCO" và thúc giục thành lập một ban thư ký - ngay cả khi ông phản đối việc

xây dựng thể chế trong các tổ chức liên quan đến Hoa Kỳ. Những tuyên bố kiểu này chưa từng được đưa ra trước ngày 11/9. Như Song lưu ý, để giữ cho SCO phù hợp, "Trung Quốc đã chứng tỏ sẵn sàng hy sinh lợi ích ngắn hạn cho dài hạn và lợi ích một phần cho các mục tiêu tổng thể." Nó đề nghị chuyển RATS sang Uzbekistan, mà họ sợ nó đang trôi về phía Hoa Kỳ sau khi từ chối tham gia một số cuộc tập trận SCO; sau đó, vào năm 2004, nước này công bố khoản vay gần 1 tỷ USD cho các quốc gia thành viên SCO. Cuối cùng, những nỗ lực của Trung Quốc đã giúp SCO phù hợp với cuộc đấu tranh chống khủng bố trong khu vực, ngay cả khi trung tâm chống khủng bố không bao giờ có đủ nguồn lực để hoàn thành nhiều việc. Nhận thức về sức mạnh gia tăng của Mỹ ở khu vực ngoại vi của Trung Quốc đã khiến Trung Quốc hăng hái theo đuổi thể chế hóa hơn. Mặc dù vậy, SCO vẫn ít được thể chế hóa hơn nhiều so với các tổ chức mà Trung Quốc sẽ xây dựng sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, và một khi Ấn Độ tham gia với tư cách là thành viên, nó không còn hữu ích nữa.

Nếu SCO quá yếu để chống lại "ba tệ nạn" hoặc cấu trúc các mối quan hệ kinh tế khu vực, thì nó có thể mang lại những lợi ích an ninh nào? SCO cung cấp cho Trung Quốc một cách để (1) trấn an các quốc gia Trung Á; (2) làm giảm sức mạnh của Mỹ; (3) cung cấp cho Trung Quốc một nền tảng để xây dựng trật tự ở Trung Á.

Đầu tiên, SCO nhằm trấn an Nga và các quốc gia Trung Á về ý định của Trung Quốc. Trung Quốc hiểu các quốc gia Trung Á coi họ như một kẻ ngoại đạo ở nơi mà tiếng Nga và đức tin Hồi giáo nắm giữ ảnh hưởng, và họ lo sợ Trung Quốc có thể thiết kế lãnh thổ, hỗ trợ người Hán di cư và đe dọa các ngành công nghiệp trong nước của họ. Theo quan điểm của Bắc Kinh, Sự sụp đổ của Liên Xô tạo ra nguy cơ Hoa Kỳ có thể khai thác những lo lắng này và buộc các quốc gia Trung Á vào một liên minh để cân bằng và bao vây Trung Quốc. Trung Quốc đã tìm cách trấn an các quốc gia đó thông qua cấu trúc SCO. Bằng cách từ bỏ lợi thế song phương và làm việc trong bối cảnh đa

phương, Trung Quốc hy vọng các nước láng giềng sẽ coi SCO là một tổ chức có thể giúp quản lý sự hiện diện ngày càng tăng của Trung Quốc. Các quốc gia SCO có cơ hội nói lên sự bất đồng với các chính sách của Trung Quốc và cơ chế bỏ phiếu dựa trên sự đồng thuận của tổ chức được thiết kế, như một cựu tổng bí thư đã lưu ý, "vì vậy không một quốc gia lớn nào có thể vượt trội hơn các quốc gia khác," kể cả Trung Quốc. Theo cách này, SCO sẽ chứng tỏ Trung Quốc đã từ bỏ chiến lược "chia để trị" và mong muốn tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc thảo luận không chính thức và giải quyết các vấn đề ở cấp bộ trưởng một cách cởi mở, giảm bớt lo lắng về ý định của Trung Quốc. Hơn nữa, SCO đã cung cấp một nền tảng để thông báo và thực hiện các khoản vay hàng tỷ USD, nhượng bộ thương mại, hỗ trợ quân sự và kỹ thuật - hoặc đứng cùng các quốc gia Trung Á chống lại những chỉ trích về nhân quyền của phương Tây - tất cả đều nhằm trấn an.

Thứ hai, như Yu Bin lưu ý, Trung Quốc đã sử dụng SCO để lấp đầy khoảng trống chính trị ở Trung Á và coi nó "như một nền tảng mà từ đó Trung Quốc có thể làm chệch hướng, gây thất vọng và vô hiệu hóa ảnh hưởng của Mỹ" trong khu vực. Trung Quốc đã tìm cách tạo ra SCO ở Trung Á trong khi từ chối Mỹ - họ từ chối đề nghị của Washington về tư cách quan sát viên. Nó cũng đã sử dụng SCO để từ chối quyền tiếp cận của Hoa Kỳ với lãnh thổ và các căn cứ ở Trung Á. Ví dụ, vào năm 2003, cuộc họp của các Bộ trưởng Ngoại giao của SCO đã thảo luận về cách đẩy lùi ảnh hưởng đang gia tăng của Hoa Kỳ ở Trung Á. Năm 2005, SCO đã đưa ra một tuyên bố yêu cầu Hoa Kỳ đặt ra một mốc thời gian để rút các lực lượng của mình khỏi Trung Á sau hội nghị thượng đỉnh ở Astana. Cùng năm đó, Trung Quốc và Nga ủng hộ quyết định của Uzbekistan trong việc trục xuất các lực lượng Hoa Kỳ. Năm 2007, Tuyên bố Bishkek của SCO lập luận chống lại vai trò của các cường quốc bên ngoài trong các vấn đề an ninh, lưu ý "sự ổn định và an ninh ở Trung Á có thể được đảm bảo chủ yếu bởi các quốc gia trong khu vực dựa trên các tổ chức khu vực và quốc tế đã được thành lập." Sau đó, Các

quốc gia Trung Á đã loại bỏ những gì còn lại của sự hiện diện Hoa Kỳ lần lượt vào năm 2009 và 2014.

SCO cũng đã tổ chức hơn hai chục cuộc tập trận quân sự để báo hiệu sự hợp tác ngày càng sâu sắc giữa các thành viên, chứng minh sự can thiệp của Hoa Kỳ vào khu vực là không cần thiết và tiến hành phát tín hiệu quân sự. Quy mô lớn nhất trong số này là các cuộc tập trận "Sứ mệnh hòa bình", bao gồm "xe tăng, pháo binh, đổ bộ đường không và đường bộ, máy bay ném bom, máy bay chiến đấu, tàu chiến" và đôi khi dường như là "một cuộc biểu dương lực lượng" đối với Hoa Kỳ. Sứ mệnh Hòa bình 2005 chẳng hạn, dường như để diễn tập các hoạt động cần thiết để xâm lược Đài Loan và "ngăn chặn hoặc đánh bại sự can thiệp quân sự của Mỹ nhân danh hòn đảo" và Trung Quốc thậm chí còn đề xuất tổ chức nó ở Chiết Giang (một tỉnh phía bắc Đài Loan) trước khi nó được di dời. Trung Quốc và Nga; với số lượng lớn nhất mà họ nắm giữ trong Chiến tranh Lạnh; có 10.000 quân, máy bay ném bom chiến lược và 140 tàu chiến; và thực hành các nhiệm vụ như vô hiệu hóa hệ thống phòng không, thực thi phong tỏa hàng hải và tấn công đổ bộ. Các cuộc tập trận khác mô phỏng việc bảo vệ một thành viên SCO đang bị một cường quốc bên ngoài, có thể là Hoa Kỳ tấn công. Vẫn còn những người khác, như Tổng tham mưu trưởng Nga nói về Sứ mệnh Hòa bình 2009, sẽ "cho cộng đồng quốc tế thấy Nga và Trung Quốc có các nguồn lực cần thiết để đảm bảo ổn định và an ninh trong khu vực" mà không cần Washington. Như một tướng Trung Quốc đã chỉ đạo Sứ mệnh Hòa bình 2014 đã nói, các cuộc tập trận đã "thúc đẩy thiết lập một trật tự chính trị quốc tế mới công bằng và hợp lý."

Ngoài việc đẩy Hoa Kỳ ra ngoài và tiến hành phát tín hiệu quân sự, SCO còn có chức năng như một "Liên minh Thần thánh" nhằm ngăn chặn sự lan rộng của các giá trị phương Tây và bảo vệ khu vực khỏi các cuộc cách mạng dân chủ. Mỗi tuyên bố chung của Shanghai Five và SCO bao gồm những lời công kích khoa trương về các giá trị tự do, thường được dùng từ ngữ tôn trọng "không can thiệp" và "sự đa dạng của các nền văn

minh và văn hóa" và chê bai "tiêu chuẩn kép" của phương Tây cũng như sự can thiệp "với lý do bảo vệ [nhân quyền]". Hiến chương SCO ủng hộ "Năm nguyên tắc chung sống hòa bình" của Trung Quốc và kêu gọi tôn trọng chủ quyền. Các thành viên nhận được sự ủng hộ cụ thể của SCO khi vấp phải sự chỉ trích của phương Tây. SCO đã thiết lập một chương trình giám sát bầu cử vào năm 2005 (mặc dù thực tế không có thành viên nào của nó là một nền dân chủ thực sự), chương trình này "quan sát" và "báo cáo" về các cuộc bầu cử ở Kyrgyzstan, Tajikistan và Uzbekistan — Tổ chức An ninh và Giám sát hoạt động bầu cử ở Châu Âu (OSCE) đã tìm thấy bằng chứng đáng kể về gian lận. Khi Uzbekistan tàn sát hàng trăm người sau các cuộc biểu tình ở thành phố Andijan, SCO đã thực sự coi đó là một hành động chống khủng bố hợp pháp. "Một thành tựu đáng kể của SCO," cựu Đại sứ Trung Quốc Vương Hựu Thắng lưu ý, "các quốc gia thành viên đã tự bảo vệ thành công trước 'cuộc cách mạng màu' do những người theo chủ nghĩa duy tâm tân bảo thủ của Hoa Kỳ kích động."

Thứ ba, SCO là một công cụ để xây dựng trật tự của Trung Quốc. Thật vậy, các tuyên bố chung nói lên một cách cởi mở về việc "khai thác tiềm năng ngày càng tăng và uy tín quốc tế của SCO" cho các mục tiêu quốc tế và khu vực. SCO là một nền tảng để Trung Quốc đưa ra các thỏa thuận đồng thuận cho khu vực, bao gồm các khoản vay, nhượng bộ thương mại, đầu tư, hỗ trợ quân sự và kỹ thuật, và vỏ bọc chính trị, cung cấp một giải pháp thay thế cho trật tự của Mỹ và cả những nỗ lực của Nga. Trung Quốc đã sử dụng nó để đề xuất Ngân hàng Phát triển SCO và tập đoàn khí đốt tự nhiên, tất cả đều có lợi cho Bắc Kinh và giúp nước này định hình khu vực. SCO cũng cung cấp cho Bắc Kinh một cách để xây dựng sự ủng hộ cho các lập trường và chuẩn mực của mình trên toàn cầu. SCO đã chỉ trích các can thiệp quân sự của Mỹ ở Serbia, Kosovo, Libya, Iraq và Afghanistan. Các tuyên bố của SCO đã nhiều lần được sử dụng để ủng hộ các lập trường của Trung Quốc và phản đối lập trường của Hoa Kỳ về nhiều vấn đề ít liên quan với hầu hết các

thành viên SCO, bao gồm: (1) Biển Đông; (2) Đài Loan độc lập; (3) bán đảo Triều Tiên; (4) Phòng thủ tên lửa của Mỹ; (4) Mở rộng Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; (5) Quân sự hóa ngoài không gian; và (6) Chủ quyền Internet. Trung Quốc cũng sử dụng SCO để đưa sự hợp tác và đa phương vào Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) của Trung Quốc. Ví dụ, tuyên bố năm 2016 cam kết các thành viên hỗ trợ các dự án giao thông đa phương và bản thân tổ chức này đã trở thành phương tiện cho các thỏa thuận thúc đẩy BRI trong khu vực.

SCO là một nỗ lực để Trung Quốc sử dụng những gì mà nhiều người coi là công cụ xây dựng trật tự tự do, chẳng hạn như các thể chế đa phương, để thúc đẩy các mục tiêu về cơ bản liên quan đến quyền lực của Trung Quốc và lợi ích chiến lược của Trung Quốc. Loại "chủ nghĩa tự do chiến lược" này không chỉ giới hạn trong lĩnh vực thể chế mà còn là một đặc điểm của lĩnh vực kinh tế. Như chương tiếp theo cho thấy, Trung Quốc coi các công cụ kinh tế là cách để hạn chế quyền lực của Mỹ đối với Trung Quốc và để vun đắp "sự giàu có và quyền lực" vốn là trọng tâm của những người theo chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc trong nhiều thế hệ. Và bài học tương tự sẽ đúng trong tương lai, không chỉ khi Trung Quốc tìm cách làm giảm sức mạnh của Mỹ, mà còn khi nước này tìm cách xây dựng sức mạnh của mình.

| 6 |

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI BÌNH THƯỜNG VĨNH VIỄN

"Vấn đề về quy chế tối huệ quốc giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ là vấn đề trọng tâm sẽ quyết định sự xoay chuyển của lịch sử thế giới." He Xin, cựu cố vấn của Giang Trạch Dân và Lý Bằng, 1993.

QUY CHẾ TỐI HUỆ QUỐC

Vào một buổi chiều gió lạnh tháng 1 năm 1979, Phó Thủ tướng Trung Quốc Đặng Tiểu Bình hạ cánh xuống Căn cứ Không quân Andrews. Đây là một khoảnh khắc lịch sử. Chuyến thăm của Đặng đánh dấu lần đầu tiên một nhà lãnh đạo của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đến thăm Hoa Kỳ. Mặc đồ đen, nhà cách mạng bảy mươi lăm tuổi bước xuống cầu thang với những tràng pháo tay nhẹ nhàng, dừng lại để mỉm cười và vẫy tay chào đám đông nhỏ khi ông tiến đến Phó Tổng thống Walter Mondale, người đã chờ sẵn trên đường băng để chào đón ông. Chỉ vài tuần trước đó, Đặng đã đạt được bình thường hóa chính trị với Hoa Kỳ. Bây giờ mục tiêu của ông là kinh tế.

Ngày hôm sau, Đặng gặp Tổng thống Jimmy Carter tại Nhà Trắng, cuộc gặp đầu tiên trong vòng xoáy đàm phán kéo dài hơn hai ngày. Hai nhà lãnh đạo cuối cùng đã quay sang thảo luận về các mối quan hệ kinh tế. Đặng muốn tiếp cận thị trường, vốn và công nghệ của Mỹ để thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Tuy nhiên, để đạt được điều đó, trước tiên Trung Quốc cần phải ký một thỏa thuận về quy chế thương mại tối huệ quốc (MFN) với Hoa Kỳ. Vào thời điểm đó, quy chế MFN bị hạn chế bởi Tu chính án Jackson-Vanik, trong đó tuyên bố cộng sản hoặc Các quốc gia phi thị trường chỉ có thể nhận được MFN nếu họ cho phép tự do di cư, một quyết định phải được quốc hội bỏ phiếu hàng năm.

Đặng Tiểu Bình gặp Tổng thống Jimmy Carter

Một thập kỷ sau, quyết định của Đặng nổ súng vào những người biểu tình sinh viên ở Quảng trường Thiên An Môn sẽ khiến sự phản đối của những người từng ủng hộ chính thức Các cuộc bỏ phiếu thường niên gây tranh cãi lớn hơn, và trong suốt những năm 1990, chúng đặt ra một mối đe dọa gần như hiện hữu đối với một nền kinh tế Trung Quốc vẫn phụ thuộc vào sự

cởi mở của Mỹ. Nhưng vào cuối những năm 1970, cuộc gặp của Đặng và Carter đã diễn ra trong một thời kỳ ít gây tranh cãi hơn nhiều. Khi hai nhà lãnh đạo thảo luận về việc di cư mà MFN yêu cầu, Đặng đã nói đùa với Carter, “Chúng tôi sẽ đủ điều kiện ngay bây giờ. Nếu bạn muốn chúng tôi gửi cho bạn 10 triệu người Trung Quốc vào ngày mai, chúng tôi sẽ sẵn lòng làm điều đó.” Carter trả lời một cách thiện chí, “Tôi sẽ đáp lại bằng cách gửi cho bạn 10.000 phóng viên tin tức.” “Không,” Đặng trả lời, “điều này có thể ngăn quá trình bình thường hóa diễn ra sau này.”

Chuyến thăm của Đặng đã thành công và vào năm tiếp theo, ông ấy đã đảm bảo được quy chế MFN. Trong suốt những năm 1980, quy chế MFN của Trung Quốc đã vượt qua các cuộc bỏ phiếu thường niên tại Quốc hội mỗi năm mà không có một chút tranh cãi nào. Trung Quốc phát triển nhanh chóng, nhưng nước này cũng ngày càng phụ thuộc vào thị trường, vốn và công nghệ Hoa Kỳ - cũng như khả năng tiếp cận các thể chế toàn cầu do Hoa Kỳ điều hành. Bất chấp những căng thẳng thường xuyên giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc đối với Đài Loan, Bắc Kinh tương đối không quan tâm đến ý nghĩa chiến lược của sự phụ thuộc ngày càng tăng vào Hoa Kỳ với sự hợp tác chung chống lại mối đe dọa từ Liên Xô. Trong thời kỳ mà MFN vĩnh viễn có thể đạt được một cách hợp lý, hạn chế đòn bẩy của Mỹ đối với Trung Quốc và giải phóng Trung Quốc khỏi các cuộc bỏ phiếu thường niên về tình trạng thương mại của nước này, Bắc Kinh không bao giờ bận tâm tìm kiếm điều đó.

Phải đến Thảm sát Quảng trường Thiên An Môn, và sau đó là cú sốc tiếp theo sau sự sụp đổ của khối Liên Xô, khiến tâm trí của Trung Quốc không chỉ tập trung vào việc giành được quyền tiếp cận của Hoa Kỳ — mà còn phải giữ được sự tiếp cận đó. Nhận thức của Trung Quốc về mối đe dọa của Mỹ tăng lên, và Bắc Kinh theo dõi khi Washington khai thác đòn bẩy kinh tế đối với Trung Quốc cho các mục tiêu chính trị, bao gồm thông qua việc sử dụng các biện pháp trừng phạt, đe dọa tước bỏ quy chế MFN, sử dụng thuế quan thương mại Mục 301, hủy bỏ hợp tác

khoa học và công nghệ. Chiến lược của Trung Quốc đã thay đổi để phản ứng lại và Bắc Kinh không tìm cách loại bỏ sự phụ thuộc vào Hoa Kỳ mà thay vào đó là làm giảm các nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm thao túng sự phụ thuộc đó theo những cách có thể gây hại cho Trung Quốc.

Lo ngại về các lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ, ảnh hưởng đối với hợp tác khoa học và công nghệ, và kiểm soát các mặt hàng quan trọng là một phần của chiến lược cắt giảm này. Nhưng sự tập trung của Trung Quốc vào tình trạng MFN vĩnh viễn chắc chắn là thành phần cốt lõi của nó, và đó là nội dung chính được xem xét trong chương này. MFN không chỉ đơn thuần là thương mại hay việc tiếp tục tiếp cận vốn và công nghệ mà nó đã giúp duy trì. Đối với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, đánh giá MFN hàng năm là một công cụ chính trị của Hoa Kỳ và việc đảm bảo MFN vĩnh viễn sẽ cho phép Trung Quốc tự do điều động. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc theo đuổi MFN vĩnh viễn thông qua các cuộc đàm phán song phương cũng như thông qua các tiến trình đa phương như APEC và gia nhập GATT/WTO. Họ đã làm việc trong tám năm, như Tiền Kỳ Tham lưu ý, để đổi tên MFN vĩnh viễn thành "quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn" (PNTR), một thuật ngữ mà họ tin có vẻ ít hào phóng hơn đối với Trung Quốc. Họ thậm chí sẵn sàng đưa ra những nhượng bộ kinh tế to lớn, rủi ro cho sự ổn định chính trị của đất nước và việc Đảng nắm giữ quyền lực, đồng thời thổi bùng một hiệp định song phương Hoa Kỳ-Trung Quốc lên WTO để đạt được điều đó. Cuộc chiến chống lại MFN là một cuộc đấu tranh kéo dài hơn một thập kỷ và là một phần cốt lõi của trọng tâm lớn hơn là trói tay Hoa Kỳ và giảm việc sử dụng tùy ý sức mạnh kinh tế của Washington chống lại Bắc Kinh. Bây giờ chúng ta chuyển sang khám phá những nỗ lực đó một cách chi tiết hơn.

GIẢI THÍCH HÀNH VI KINH TẾ

Chương này tìm cách giải thích chính sách kinh tế quốc tế của Trung Quốc thông qua việc tập trung vào văn bản và hành vi, đồng thời kiểm tra cách giải thích được đề xuất — những cân nhắc chiến lược lớn đã thông báo cho chính sách đó — chống lại

những giải thích thay thế. Cuốn sách này xem xét hai cách giải thích thay thế cho hành vi kinh tế quốc tế: nó có thể được giải thích bằng (1) liệu các quan chức có được thúc đẩy bởi các lợi ích kinh tế có thể có cho đất nước nói chung hay không, cho dù theo nghĩa tuyệt đối và tổng hợp hay là một phần của sự phát triển rộng lớn hơn do nhà nước định hướng chiến lược; hoặc bằng cách (2) thưởng cho một số nhóm lợi ích chính có quyền lực và được kết nối tốt sẽ nhận được, bất kể hậu quả quốc gia. Những lý thuyết này và các mô hình xuất phát từ chúng có vị trí trong việc giải thích hành vi kinh tế, nhưng chúng gặp hạn chế trong việc giải thích hành vi của Trung Quốc: chúng xem xét một cách không đầy đủ các cân nhắc về an ninh trong chính sách kinh tế quốc tế và chúng làm giảm giá trị của các quốc gia theo chủ nghĩa Lenin như Trung Quốc thường tương đối độc lập với xã hội, đặc biệt là so với các chính phủ dân chủ, đôi khi có thể ít bị ảnh hưởng bởi các lợi ích được trao hơn. Theo đó, chương này cho rằng nhiều quyết định kinh tế quốc tế lớn có thể được thông báo bằng những cân nhắc chiến lược lớn và đóng vai trò như một phần của các chiến lược cắt giảm được thiết kế để giảm đòn bẩy kinh tế của một bá quyền đối với một quốc gia đang trỗi dậy cũng như xây dựng các chiến lược nhằm tăng cường đòn bẩy của một quốc gia đang trỗi dậy. khác. Đòn bẩy này có thể là quan hệ, nhấn mạnh việc thao túng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các trạng thái; cấu trúc, tập trung vào việc định hình các hệ thống và khuôn khổ trong đó hoạt động kinh tế toàn cầu diễn ra; hoặc trong nước, tập trung vào việc định hình lại chính trị nội bộ và sở thích của một nước.

Chương này cho thấy những nỗ lực của Trung Quốc trong thời kỳ này chủ yếu được thúc đẩy bởi những cân nhắc chiến lược lớn. Chúng là một phần của chiến lược cắt giảm nhằm tìm cách giảm thiểu sức mạnh kinh tế của Mỹ và đòn bẩy đối với Trung Quốc - tất cả về mặt quan hệ, cấu trúc và đối nội - trong khi đảm bảo Bắc Kinh có thể tiếp tục tiếp cận thị trường, vốn và công nghệ của Mỹ. Theo đó, nó không tập trung vào mọi sáng kiến kinh tế mà Trung Quốc đã thực hiện trong thời kỳ này, mà

thay vào đó là cách nước này cấu trúc các mối quan hệ kinh tế quốc tế để đạt được các mục tiêu của mình.

CHIẾN LƯỢC KINH TẾ VÀ TRIFECTA

Trước khi xảy ra ba sự kiện lớn (Trifecta) Quảng trường Thiên An Môn, Chiến tranh vùng Vịnh và Sự sụp đổ của Liên Xô, những năm 1980 là một thập kỷ tốt đẹp đối với nền kinh tế Trung Quốc. Bắt đầu từ cuối những năm 1970, Đặng Tiểu Bình đã đưa Trung Quốc thoát khỏi sự chuyên quyền của chủ nghĩa Mao và gia nhập hệ thống thương mại tư bản quốc tế, không chỉ vì sự thịnh vượng mà còn để đạt được an ninh. “Nếu Trung Quốc muốn chịu được áp lực của chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quốc,” Đặng lập luận, “điều quan trọng là chúng ta phải đạt được tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và thực hiện chiến lược phát triển của mình.” Chiến lược này, thường được gọi là “cải cách và mở cửa”, được đưa ra vào năm 1978 tại Hội nghị lần thứ 3 lịch sử của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và đã phát động đất nước về cái mà Đảng gọi là “Một cuộc trường chinh mới để đưa Trung Quốc trở thành một nước xã hội chủ nghĩa hiện đại, hùng mạnh.”

Gói cải cách gắn bó chặt chẽ với nền kinh tế quốc tế. Trung Quốc tìm kiếm thị trường mới cho hàng hóa và tìm cách sản xuất những mặt hàng đó bằng cách thu hút vốn nước ngoài thông qua các đặc khu kinh tế, liên doanh và cải cách nhà nước pháp quyền. Chuyển giao công nghệ cũng là một trọng tâm quan trọng của những nỗ lực này. Tại Hội nghị Trung ương 3, Đặng đã nâng cao “bốn hiện đại hóa” - một khái niệm tập trung vào hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng và khoa học và công nghệ. “Điểm mấu chốt của bốn quá trình hiện đại hóa,” Đặng tuyên bố vào đầu năm đó, “là làm chủ khoa học và công nghệ hiện đại. Nếu không có điều đó thì không thể xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, công nghiệp hiện đại hoặc quốc phòng.” Theo đó, các kế hoạch 5 năm cải cách bao gồm 1981–1990 — lần lượt là thứ sáu và thứ bảy của Trung Quốc — đều dành hàng tỷ đô la để nhập khẩu công nghệ

nước ngoài để hiện đại hoá Trung Quốc. Trong chuyến thăm năm 1979, Đặng đã chỉ trích các biện pháp kiểm soát xuất khẩu của Hoa Kỳ và coi việc ký kết Hiệp định Khoa học và Công nghệ giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc là một ưu tiên; "Hầu hết mọi cơ quan kỹ thuật của Hoa Kỳ đều bắt đầu phát triển các mối quan hệ mang tính xây dựng với đối tác Trung Quốc" ngay sau đó và trong phần còn lại của thập kỷ tiếp theo.

Chiến lược kinh tế của Trung Quốc không thể đạt được nếu không có sự hỗ trợ của Hoa Kỳ. Trung Quốc cần tiếp cận thị trường, vốn và công nghệ của Hoa Kỳ - cũng như hệ thống kinh tế quốc tế mà Washington đã thiết lập. Và nó cần trạng thái MFN. MFN chủ yếu nhằm đảm bảo hàng hóa Trung Quốc có thể tiếp cận thị trường, nhưng rõ ràng nó cũng bị ràng buộc bởi vốn và công nghệ. Việc tiếp cận thị trường Hoa Kỳ sẽ giúp các nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn vào Trung Quốc một cách thoải mái; hơn nữa, bản thân xuất khẩu sẽ giúp tài trợ cho việc nhập khẩu công nghệ của Trung Quốc. Như Đặng đã nói trong chuyến thăm Nhà Trắng của mình, "chúng tôi phải quan tâm đến việc đưa hàng hóa Trung Quốc vào thị trường Hoa Kỳ bởi vì ai đó đã đặt ra vấn đề về cách người Trung Quốc sẽ trả tiền cho tất cả" công nghệ nước ngoài này; tương tự, tại một cuộc họp báo cùng ngày, ông nói nếu "Hoa Kỳ cung cấp vốn và công nghệ, chúng tôi có thể sử dụng các sản phẩm của mình và thương mại bù đắp để trả nợ." Vì lý do đó, việc đảm bảo quy chế MFN là ưu tiên của Đặng trong Chuyến thăm năm 1979, và ông đã gặp một số phái đoàn quốc hội Hoa Kỳ trong những tháng tiếp theo để vận động hành lang cho nó. Trong các cuộc họp đó, ông nhấn mạnh mặc dù "có nhiều việc phải làm" trong mối quan hệ bao gồm "chính trị, văn hóa, thương mại và các lĩnh vực khác... một số điều này cấp bách hơn, chẳng hạn như giải quyết vấn đề MFN."

Từ năm 1980 trở đi, quan hệ kinh tế song phương rất bền chặt. Đầu tư và công nghệ của Hoa Kỳ chảy sang Trung Quốc, và xuất khẩu của Trung Quốc phần lớn chảy sang Hoa Kỳ. Quy chế MFN của Trung Quốc được phê duyệt hàng năm mà không có

sự phản đối nào xảy ra, và các tranh chấp về nhiều vấn đề - quyền sở hữu trí tuệ, lao động trong tù, nhân quyền, Đài Loan - không gây nguy hiểm cho mối quan hệ thương mại. Bắc Kinh tập trung vào lợi ích kinh tế của thương mại và tương đối không quan tâm đến việc Washington sẽ khai thác sự phụ thuộc của Trung Quốc vào Mỹ về thị trường, vốn và công nghệ. Thậm chí, nó còn hài lòng khi để Quốc hội bỏ phiếu hàng năm về quy chế MFN của mình trong một thập kỷ, dường như không quan tâm nó có thể được sử dụng như một đòn bẩy của Hoa Kỳ.

Tất cả điều này đã thay đổi sau Thiên An Môn - đặc biệt là khi Hoa Kỳ tỏ ra sẵn sàng sử dụng đòn bẩy kinh tế chống lại Trung Quốc. Nhận thức của Trung Quốc về mối đe dọa của Mỹ đã tăng lên, và các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhận thấy Hoa Kỳ có động thái trừng phạt Trung Quốc và tranh thủ Châu Âu và Nhật Bản vào cuộc. Bắc Kinh hiện đã nhận thức sâu sắc về sự phụ thuộc của họ vào Hoa Kỳ, nhưng các nhà lãnh đạo của họ hy vọng quan hệ chiến lược của Hoa Kỳ với Trung Quốc sẽ dẫn đến một sự thiết lập lại cuối cùng. nhượng bộ, giảm trừng phạt, một số sáng kiến kinh tế hợp tác, và chuyến thăm Hoa Kỳ của Giang Trạch Dân. Vào tháng 12 năm 1989, Scowcroft đến thăm Trung Quốc và gợi ý "thỏa thuận trọn gói" có thể hoạt động, và các nhà lãnh đạo của Bắc Kinh cảm thấy tin tưởng cuộc khủng hoảng có thể được giải quyết.

Sự tự tin đó còn quá sớm, và một cú sốc khác cũng sớm ập đến: sự sụp đổ của thế giới cộng sản và Liên bang Xô viết. Tiền Kỳ Tham, người trực tiếp tham gia vào các cuộc đàm phán này, lập luận sự sụp đổ của cộng sản ở Đông Âu và Trung Á, cũng như sự suy yếu của Liên Xô, đã hoàn thành sự thay đổi trong quan điểm của Trung Quốc về Hoa Kỳ đã bắt đầu từ Thiên An Môn:

Sau khi Scowcroft trở về Mỹ, quan hệ Trung-Mỹ đã có những dấu hiệu cải thiện, nhưng đúng lúc này, những thay đổi mạnh mẽ đã diễn ra ở Đông Âu. Chính phủ Romani đã bị rung chuyển bởi tình trạng bất ổn trong nước. Đảng Cộng sản Romani cầm quyền đã bị lật đổ chỉ sau một đêm và lãnh đạo của nó, Nicolae

Ceausescu, bị hành quyết vào ngày 25 tháng 12. Những thay đổi chính trị ở Đông Âu đã làm thay đổi tình hình quốc tế. Hoa Kỳ bắt đầu đánh giá tình hình chung của thế giới và không còn quá thiết tha trong việc cải thiện quan hệ với Trung Quốc. Quan hệ Trung-Mỹ đã trở lại như cũ trước khi giải pháp trọn gói của Trung Quốc được đề xuất. Giải pháp trọn gói bị gạt sang một bên... Những thay đổi lịch sử ở Đông Âu, cộng với bất ổn chính trị ở Liên Xô, đã làm thay đổi đáng kể nền tảng chiến lược cho hợp tác Trung-Mỹ. Tin họ không còn cần sự hợp tác của Trung Quốc nữa, một số người ở Hoa Kỳ bắt đầu nói về cách "kiềm chế Trung Quốc".

Sau đó, tại một cuộc họp cấp cao của Đảng tổ chức vào ngày 15 tháng 6, những quan điểm này về cơ bản đã được thông qua. Lý Bằng tóm tắt sự đồng thuận của cuộc họp, đó là Hoa Kỳ đang sử dụng các biện pháp trừng phạt như một công cụ để làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng. "Chính phủ trung ương đã phân tích tình hình quốc tế và tin Hoa Kỳ, sau những thay đổi ở Đông Âu và Liên Xô, đang cố gắng sử dụng sức ép để khiến đất nước chúng tôi thay đổi," ông viết trong nhật ký của mình.

Trong những năm sau đó, Bắc Kinh chứng kiến Hoa Kỳ sử dụng đòn bẩy kinh tế cưỡng bức của mình trên bốn loại: (1) các biện pháp trừng phạt; (2) Trạng thái MFN; (3) Mục 301 điều tra; và (4) chuyển giao công nghệ. Bốn lĩnh vực căng thẳng đã dẫn đến việc đánh giá lại sự phụ thuộc kinh tế của Trung Quốc, từ đó gây ra sự tập trung vào việc giảm bớt đòn bẩy kinh tế của Mỹ.

Lĩnh vực đầu tiên là các biện pháp trừng phạt, vốn nhanh chóng trở thành ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc, lấn át các vấn đề khác. Các biện pháp trừng phạt là trọng tâm của chuyến thăm bí mật của Brent Scowcroft tới Bắc Kinh, thư riêng của Tổng thống Bush gửi Đặng, phản ứng của Đặng với Bush, hầu như mọi cuộc trao đổi cấp cao tiếp theo trong hai năm tới, và là tâm điểm chú ý của các nhà ngoại giao hàng đầu của đất nước. Tiền Kỳ Tham đã mô tả các lệnh trừng phạt

và cô lập quốc tế sau Quảng trường Thiên An Môn là “thời điểm khó khăn nhất” trong mười năm làm ngoại trưởng của ông và — trái ngược với sự dũng cảm của Đặng về việc các biện pháp trừng phạt sẽ chỉ ảnh hưởng nhẹ đến Trung Quốc — thừa nhận “áp lực của sự cô lập là vô cùng lớn”. Theo đó, hồi ký của ông dành hẳn một chương có tựa đề “Chịu được áp lực quốc tế” cho giai đoạn này, nơi ông nói rõ vị trí trung tâm của họ trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Thủ tướng Lý Bằng viết các biện pháp trừng phạt đối với Trung Quốc đối với ông gần như có ý nghĩa như việc Liên Xô rút các chuyên gia vào những năm 1960 và “ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của Trung Quốc, khiến tốc độ chậm lại.” Năm 1990, ông tham dự một cuộc họp cấp cao. cuộc họp “liên quan đến cách phá bỏ các lệnh trừng phạt”, trong đó xác định Trung Quốc “phải tìm ra một số đột phá [với các quốc gia khác]” để thoát khỏi các lệnh trừng phạt. Tiền Kỳ Tham đã làm việc để thực hiện cách tiếp cận đó, và ông kể lại ông đã cố gắng đảm bảo các biện pháp trừng phạt bằng cách hứa sẽ trả tự do cho nhà bất đồng chính kiến Fang Lizhi; chơi bài của Liên Xô; xác định “Nhật Bản là một mắt xích yếu trong mặt trận thống nhất của các nước phương Tây” và là “mục tiêu tốt nhất” để được giảm nhẹ trừng phạt; khai thác nỗi sợ hãi của người châu Âu “họ có thể mất thị phần ở Trung Quốc” và chuyển tải chúng đến Hoa Kỳ và Nhật Bản để phá vỡ sự thống nhất; và khuyến khích các nước đang phát triển “phá bỏ các lệnh trừng phạt”. Những động thái phối hợp đã phát huy tác dụng: họ đã đánh bại phần lớn áp lực quốc tế đối với các lệnh trừng phạt bằng cách tận dụng thị trường của Trung Quốc và để các bên chống lại nhau. Mặc dù vậy, nỗi lo về đòn bẩy kinh tế của Mỹ sẽ vẫn còn.

Một nguồn đòn bẩy quan hệ chính thứ hai của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc thậm chí còn mang lại nhiều hậu quả hơn là các biện pháp trừng phạt: mối đe dọa ngày càng tăng Hoa Kỳ có thể hủy bỏ quy chế MFN của Trung Quốc. Cũng giống như việc đảm bảo MFN từng là mối bận tâm chính vào năm 1979, việc kết thúc đánh giá hàng năm của MFN sẽ trở thành một mục

tiêu quan trọng sau Thiên An Môn. Chỉ có hai nỗ lực nhằm thu hồi sự từ bỏ MFN của Trung Quốc trong suốt những năm 1980, và những "nghị quyết không chấp thuận" đó nhanh chóng không đi đến đâu; sau Thiên An Môn, các nghị quyết không chấp thuận đã được đưa ra hàng năm để xóa bỏ quy chế MFN của Trung Quốc một cách hiệu quả cho đến khi nó được thực hiện vĩnh viễn vào năm 2002. Chiến lược của Trung Quốc nhằm đảm bảo quy chế MFN vĩnh viễn bắt đầu ngay lập tức. Ví dụ, vào ngày 27 tháng 3 năm 1990, Lý Bằng chủ trì một cuộc họp cấp cao để thảo luận về đối xử MFN. Tại cuộc họp, Bộ Kinh tế và Thương mại đã trình bày các số liệu cho thấy việc thu hồi sẽ ảnh hưởng đến thương mại trị giá 10 tỷ đô la, hoặc hơn một nửa khối lượng thương mại và hơn một nửa xuất khẩu của Trung Quốc. Các ước tính khác còn thảm khốc hơn, cho thấy không chỉ phần lớn hàng xuất khẩu của Trung Quốc sẽ bị ảnh hưởng, mà khối lượng thực tế được vận chuyển đến Hoa Kỳ sẽ giảm hơn một nửa. Lý Bằng nói tại cuộc họp ông hy vọng vị trí chiến lược của Trung Quốc đối với Liên Xô cũng như quy mô thị trường của nước này cuối cùng có thể làm dịu Washington. Nhưng đến năm 1991, khi Liên Xô ngày càng suy yếu, Lý tỏ ra kém tích cực hơn: "Hoa Kỳ có thể hủy bỏ quy chế MFN đối với Trung Quốc," ông viết; "Áp lực mà chúng ta phải đối mặt ngày càng gia tăng, có nhiều nguy hiểm, và trong khi chúng ta nên làm việc chăm chỉ và cố gắng duy trì hiện trạng, chúng ta cũng nên lên kế hoạch cho điều tồi tệ nhất." Ví dụ, trong cuộc gặp với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp Trung Quốc trên khắp đất nước, Lý Bằng hỏi họ "tác động của việc hủy bỏ MFN sẽ thế nào" và có lẽ không ngạc nhiên khi thấy "tác động rất lớn. Thứ nhất, thị trường [xuất khẩu] sẽ bị mất, và thứ hai, niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài sẽ giảm." Một số nghị quyết không chấp thuận đã được Quốc hội Mỹ thông qua với đa số, và trong khi cuối cùng chúng bị tổng thống phủ quyết. MFN do đó là một rủi ro to lớn đối với Trung Quốc.

Dấu hiệu thứ ba đối với Trung Quốc trong giai đoạn này cho thấy Hoa Kỳ có thể sử dụng đòn bẩy kinh tế để chống lại họ là

việc văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) bắt đầu các cuộc điều tra Mục 301. Vào tháng 4 năm 1991, USTR đã phân loại Trung Quốc là "nước ngoài ưu tiên mục tiêu" và tiến hành một cuộc điều tra kéo dài 6 tháng sẽ kích hoạt các biện pháp trừng phạt nếu Trung Quốc không cung cấp bảo hộ sở hữu trí tuệ (IP) đầy đủ. Bắc Kinh nhanh chóng công bố luật bản quyền mới, và cuối cùng một thỏa thuận đã đạt được sau khi Washington đe dọa đánh thuế đối với 700 triệu USD hàng hóa — hoặc gần 5% hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc. Một số cuộc điều tra và trừng phạt bổ sung đe dọa sẽ được thực hiện trong tương lai và Bắc Kinh hy vọng việc tham gia một trật tự giao dịch dựa trên quy tắc đa phương hóa sẽ làm giảm quyết định của Hoa Kỳ đối với những vấn đề này - một giả định đã được chứng minh phần lớn chính xác cho đến khi Donald Trump đắc cử.

Sự phát triển liên quan thứ tư là đòn giáng ngay lập tức mà Thiên An Môn giáng xuống đối với quá trình hiện đại hóa khoa học và công nghệ của Trung Quốc. Các kế hoạch 5 năm, 4 lần hiện đại hóa của Trung Quốc và "Chương trình 863" dành cho R&D công nghệ cao của Trung Quốc đều giả định hàng tỷ đô la nhập khẩu công nghệ từ Hoa Kỳ và tiếp tục trao đổi khoa học, tất cả đều được thúc đẩy bởi các thỏa thuận chung rộng hơn giữa hai bên. Sau Thiên An Môn, Hoa Kỳ áp dụng các biện pháp kiểm soát xuất khẩu mới đối với một số mặt hàng công nghệ cao và cho phép hiệp định Khoa học và Công nghệ mất hiệu lực; tương tự, các tổ chức như Quỹ Khoa học Quốc gia và Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia đã đình chỉ hợp tác cũng như các chuyến thăm và chương trình với Trung Quốc. Mặc dù hợp tác đã được nối lại sau đó, nhưng các hạn chế nhắc nhở các nhà lãnh đạo Trung Quốc về sự phụ thuộc của đất nước họ vào chuyên môn khoa học của Hoa Kỳ và khả năng mất thị trường xuất khẩu của Hoa Kỳ sẽ làm phức tạp thêm khả năng chi trả nhập khẩu công nghệ của họ.

Cùng với nhau, bốn hình thức đòn bẩy kinh tế của Mỹ này đã làm chao đảo các nhà lãnh đạo của Bắc Kinh và giữ họ hoàn

toàn trong thế phòng thủ từ năm 1989 trở đi. Điều đó dẫn đến một chiến lược cắt giảm mới.

Sau sự sụp đổ của Liên Xô và việc Mỹ thực thi quy chế kinh tế chống lại Trung Quốc, điều quan trọng đối với Trung Quốc là duy trì quyền tiếp cận với Mỹ trong khi làm giảm khả năng của Mỹ trong việc hạn chế quyền tiếp cận đó. Việc Trung Quốc theo đuổi quy chế MFN vĩnh viễn cũng như việc gia nhập WTO nhằm trói tay Mỹ về đòn bẩy kinh tế, đặc biệt là các biện pháp trừng phạt thương mại, thuế quan, điều tra Mục 301 và các hạn chế về công nghệ.

Nhận thức của Trung Quốc về tính dễ bị tổn thương kinh tế của họ đã được đưa vào các bài phát biểu đề ra chiến lược lớn của Trung Quốc, bao gồm các bài phát biểu tại Hội nghị Đại sứ, trong đó các nhà lãnh đạo Trung Quốc thừa nhận cả mối đe dọa của Hoa Kỳ và sự phụ thuộc kinh tế của Trung Quốc vào Hoa Kỳ. Trong Hội nghị Đại sứ lần thứ 8, Giang tuyên bố "an ninh kinh tế đang tăng lên theo tỷ trọng" trong chiến lược quốc tế. Ông tuyên bố Hoa Kỳ là "đối thủ ngoại giao chính của Trung Quốc", và trong đoạn này cũng nhấn mạnh đến tình trạng dễ bị tổn thương kinh tế của Trung Quốc: "Cho dù Quan hệ Trung-Mỹ có thể ổn định nhưng không chắn chắn. Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu chính của chúng ta và là một nguồn quan trọng cho vốn nhập khẩu, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của chúng ta. Bảo vệ và phát triển quan hệ Trung-Mỹ có tầm quan trọng chiến lược đối với Trung Quốc."

Những nhận xét này đã loại trừ một cách hiệu quả chiến lược đối đầu công khai nhằm giảm đòn bẩy của Hoa Kỳ và khiến trường hợp này trở thành một cách tiếp cận nhẹ nhàng hơn. Một phần của cách tiếp cận này là để phô trương thị trường Trung Quốc. Khi Giang lập luận sâu hơn trong bài phát biểu năm 1993, "chính sách của Mỹ với Trung Quốc luôn mang tính hai mặt," một mặt, nước này sử dụng các vấn đề như thương mại để "gây sức ép với Trung Quốc" và "độc đoán trong giao dịch với nước ta"; "Mặt khác, Hoa Kỳ cân nhắc đến… các lợi ích kinh tế cơ bản của mình sẽ phải tập trung vào thị trường rộng

lớn của đất nước chúng ta." Giống như Đặng sau Thiên An Môn, Giang đã cố gắng sử dụng thị trường Trung Quốc để ngăn cản Hoa Kỳ. sử dụng đòn bẩy kinh tế quan hệ của mình đối với Bắc Kinh. Ví dụ, năm 1993, Giang nói với Clinton như sau:

Sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc có lợi cho sự phát triển của Hoa Kỳ và các nước khác trên thế giới. Thị trường rộng lớn của Trung Quốc có tiềm năng to lớn và chúng tôi hoan nghênh cộng đồng doanh nghiệp Hoa Kỳ mở rộng đầu tư và tăng cường trao đổi kinh tế và thương mại với Trung Quốc. Việc áp dụng chính sách ngăn chặn chống lại Trung Quốc và sử dụng các "lệnh trừng phạt" kinh tế sẽ gây tổn hại đến lợi ích của chính Hoa Kỳ.

Mối quan tâm về sự phụ thuộc lẫn nhau đã xuất hiện trong các bài phát biểu về chính sách đối ngoại cấp cao sau đó. Ví dụ, trong bài phát biểu tiếp theo tại Hội nghị Đại sứ năm 1999, Giang nhấn mạnh hơn nữa tầm quan trọng của việc cân bằng giữa sự phụ thuộc lẫn nhau và toàn cầu hóa. Ông lưu ý: "Trung Quốc phải tận dụng đầy đủ các điều kiện và cơ hội thuận lợi khác nhau do toàn cầu hóa kinh tế mang lại. Nhưng "đồng thời," ông lập luận, "chúng ta phải duy trì sự hiểu biết rõ ràng về những rủi ro do toàn cầu hóa kinh tế mang lại". Điều này lại yêu cầu Bắc Kinh "bảo vệ an ninh kinh tế của Trung Quốc" bằng cách "tăng cường khả năng chống lại và giải quyết" áp lực nước ngoài và "tuân thủ nguyên tắc độc lập."

Ngay cả sau khi Trung Quốc bảo đảm PNTR và gia nhập WTO - một trường hợp được thảo luận chi tiết hơn sau đó - những lo ngại về sức mạnh kinh tế của Mỹ vẫn còn. Tại Hội nghị Đại sứ 2003, Hồ lưu ý "nhiệm vụ của các nước đang phát triển nhằm phát triển kinh tế và duy trì an ninh kinh tế còn khó khăn hơn." và tiếp tục tăng trưởng để nâng cao vị thế quốc tế, chúng ta cũng phải thấy nước ta còn phải đối mặt với sức ép về sức mạnh kinh tế và công nghệ của các nước tư bản phát triển... [và] chúng ta cũng phải thấy một thực tế nghiệt ngã là các thế lực thù địch phương Tây vẫn đang thực hiện phương Tây hoá. và các âm mưu chính trị chia rẽ chống lại Trung Quốc." Ông hy

vọng “đa cực hóa sẽ thúc đẩy hơn nữa sự đa dạng hóa sức mạnh kinh tế,” tạo ra không gian cho Trung Quốc. Mặc dù vậy, như Ôn Gia Bảo đã lưu ý trong các văn kiện chuẩn bị cho Đại hội Đảng lần thứ 16 diễn ra không lâu sau PNTR và việc Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), mối quan hệ cuối cùng đã đi theo hướng có lợi cho Trung Quốc: “Từ quan điểm về quan hệ kinh tế và thương mại, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ đã được chính phủ hai nước chấp nhận.”

Hồ Cẩm Đào chia sẻ mối quan tâm của Giang Trạch Dân về đòn bẩy kinh tế của Hoa Kỳ và mở rộng nó từ thị trường, vốn và công nghệ sang tài nguyên và dòng chảy thương mại. Ngay sau khi lên nắm quyền, Hồ đã có một bài phát biểu quan trọng xác định “Tình thế tiến thoái lưỡng nan ở Malacca” - Sự phụ thuộc của Trung Quốc vào eo biển Malacca - và nói một số cường quốc, chẳng hạn như Hoa Kỳ, đã tìm cách kiểm soát điểm tắc nghẽn đó và các nguồn lực mà nền kinh tế Trung Quốc đang trỗi dậy ngày càng phụ thuộc. Hồ đã nhìn thấy ý đồ xấu của Mỹ trong toàn bộ nền kinh tế toàn cầu: “Sự phát triển tài nguyên dầu khí ở nước ngoài của Trung Quốc, hoạt động mua bán và sáp nhập xuyên biên giới cũng như việc nhập khẩu công nghệ tiên tiến của Trung Quốc liên tục bị can thiệp. Điều này là do sự xúi giục có chủ ý của một số người,” có lẽ là người Mỹ, mặc dù Hồ cho phép “trong một số trường hợp có xung đột lợi ích thực sự” chứ không phải là hoạt động chính trị. Câu trả lời của Hồ là xây dựng “một nền an ninh năng lượng mới” đòi hỏi phải xem xét “rủi ro ngoại giao, an ninh và kinh tế” và hỗ trợ các doanh nghiệp nhà nước trong việc “phát triển năng lượng ở nước ngoài”. Do đó, Trung Quốc bắt đầu theo đuổi thương mại với nhiều nước đang phát triển hơn và nhận cổ phần trong các dự án hàng hóa trên khắp Châu Mỹ Latinh, Châu Phi và Trung Á theo cái mà Hồ gọi là chính sách “đi ra ngoài”. Mặc dù những kỹ thuật này có thể hơi khác so với những kỹ thuật theo đuổi của Giang, nhưng áp lực cơ bản là giống nhau - để giảm sự phụ thuộc của Trung Quốc vào những dòng chảy có thể phải chịu

áp lực kinh tế của nước ngoài, đặc biệt là Hoa Kỳ. Trung Quốc bắt đầu nắm giữ các vị thế cổ phần trong các mỏ và mỏ dầu trên khắp thế giới, lo ngại phụ thuộc vào thị trường nước ngoài sẽ không mang lại sự an toàn đầy đủ - mặc dù việc đảm bảo những điều này cũng sẽ đòi hỏi các khoản đầu tư quân sự phải đến sau đó vài năm.

Hồ vẫn tin kinh tế không chỉ là lợi ích tuyệt đối hoặc phục vụ lợi ích được trao mà còn về các mục tiêu chiến lược. Như ông đã tuyên bố tại Diễn đàn Công tác Đối ngoại Trung ương năm 2006, "Hợp tác kinh tế và công nghệ phải được thực hiện trên cơ sở xem xét tình hình ngoại giao tổng thể và lợi ích lâu dài của đất nước" chứ không chỉ đơn thuần là kinh tế. Tại Diễn đàn Công tác Đối ngoại Trung ương năm 2006, Hồ lưu ý đòn bẩy kinh tế trong chính trị của các cường quốc đang có nhiều hình thức: "Các cường quốc đang chú ý đến việc sử dụng thương mại, năng lượng, tài nguyên, tài chính và các phương tiện kinh tế khác để thực hiện các hoạt động chính trị, điều này làm cho chính trị và kinh tế chiến lược liên quan chặt chẽ hơn." Theo đó, "Các vấn đề an ninh như năng lượng, tài chính, thông tin và các kênh vận tải ngày càng trở nên nổi bật." Bằng cách này, những lo ngại tương tự về ảnh hưởng của Hoa Kỳ đối với nền kinh tế toàn cầu xuất hiện sau năm 1989 vẫn còn gay gắt. nhiều thập kỷ sau, mối quan hệ kinh tế song phương vẫn là mối quan tâm chính. Mặc dù vậy, mối quan tâm cốt lõi trong giai đoạn này, và mối quan tâm lớn nhất đối với Trung Quốc, là câu hỏi về quy chế MFN và câu hỏi liên quan chặt chẽ đến việc gia nhập WTO.

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI BÌNH THƯỜNG VĨNH VIỄN VÀ GIA NHẬP WTO

Năm 1992, với số phận của quy chế MFN của Trung Quốc nằm trong tay Quốc hội, doanh nghiệp Mỹ bắt đầu hành động. Năm đó, Phòng Thương mại Hoa Kỳ tại Trung Quốc (AmCham) đã khởi động một chương trình mới - DC Doorknock - thường xuyên cử các phái đoàn lớn gồm các nhà lãnh đạo doanh nghiệp đến các cơ quan liên bang chủ chốt, các thành viên của Quốc hội và những người khác trên khắp Washington để tạo điều kiện cho thương mại tự do hơn với Trung Quốc. Các mục

tiêu rất đơn giản: trước tiên ngăn không cho Quốc hội thu hồi quy chế MFN của Trung Quốc, sau đó theo thời gian, đưa quy chế MFN của Trung Quốc trở thành vĩnh viễn và đảm bảo việc gia nhập WTO của Trung Quốc.

AmCham và các đồng minh của nó cuối cùng đã thành công. Nhiều năm sau, khi các quan chức Trung Quốc phát biểu trong các bữa tiệc ở AmCham, họ thường bày tỏ lòng biết ơn một cách tràn trề. “Tôi vẫn nhớ những ngày chúng tôi đấu tranh cho MFN và sau này là PNTR,” đại sứ WTO của Trung Quốc Sun Zhenyu nhớ lại. “AmCham, hàng năm vào thời điểm này, đã tổ chức một đội đến thăm Washington và vận động hành lang với các thượng nghị sĩ và dân biểu.” Sun nhớ lại, Trung Quốc cũng cử các đội của riêng mình và “đội của các bạn và chúng tôi đã lên máy bay cùng lúc và gõ cửa giống nhau”. Trong một bữa tiệc khác, Bộ trưởng Thương mại Trung Quốc lúc đó là Bạc Hy Lai (sau đó bị bỏ tù vì tội tham nhũng giữa một cuộc tranh giành quyền lực) cũng bày tỏ lời cảm ơn. Ông nói: “Các bạn đã giúp chúng tôi có quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) và việc chúng tôi gia nhập WTO, và những người Trung Quốc chúng tôi luôn ghi nhớ trong tim những điều tốt đẹp mà bạn bè chúng tôi đã làm.”

“Những điều tốt đẹp” có được từ MFN vĩnh viễn và việc gia nhập WTO là hệ quả vô cùng lớn. Bắc Kinh lo sợ việc mất MFN sẽ khiến 95% hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc sang Hoa Kỳ tăng thuế quan ngay lập tức và tăng gấp đôi chi phí của chúng - làm tê liệt nền kinh tế Trung Quốc. Vì lý do đó, nó coi quy chế MFN vĩnh viễn là ưu tiên kinh tế quốc tế quan trọng sau Chiến tranh Lạnh và nó coi các cuộc đàm phán với WTO là một cách để đạt được chúng. Trung Quốc sẵn sàng trả chi phí kinh tế tuyệt đối và rủi ro bất ổn chính trị trong nước để giải phóng mình khỏi các cuộc bỏ phiếu thường niên về MFN.

Việc Trung Quốc sẵn sàng đưa ra những nhượng bộ này trái ngược với quan điểm của Hoa Kỳ về quy chế MFN, đó là một nhượng bộ nhỏ mà trên thực tế Trung Quốc đã có. Các quan điểm khác nhau về tầm quan trọng của MFN một phần đã tạo

ra không gian thương lượng để có thể đạt được một thỏa thuận và cuối cùng Trung Quốc gia nhập WTO.

Có hai cách giải thích hợp lý cho việc Trung Quốc theo đuổi quy chế MFN vĩnh viễn, còn được gọi là quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR), cũng như việc theo đuổi tư cách thành viên của WTO và tổ chức tiền thân của nó, Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT). Thứ nhất là Trung Quốc theo đuổi hai mục tiêu này vì được thúc đẩy bởi lợi ích kinh tế tuyệt đối khi tham gia; giải thích thứ hai là nó được thúc đẩy bởi sở thích hẹp hơn của các nhóm lợi ích cụ thể.

Giải thích đầu tiên có một số giá trị. Giang Trạch Dân nhìn chung đồng ý quy chế MFN và tư cách thành viên WTO sẽ củng cố nền kinh tế đất nước về lâu dài, ngay cả khi việc gia nhập sau này tạo ra chi phí điều chỉnh đáng kể. Nhưng ngay cả như vậy, các động lực chiến lược vẫn đóng một vai trò to lớn và có khả năng quyết định, mà Trung Quốc sẵn sàng thực hiện nhượng bộ kinh tế đáng kể để có quy chế MFN vĩnh viễn - trên thực tế đánh đổi một số lợi ích của chủ nghĩa bảo hộ để lấy an ninh và lợi ích chiến lược mà một thỏa thuận sẽ mang lại bằng cách giảm nguy cơ ép buộc kinh tế của Hoa Kỳ. Điều này là có chủ đích: như Giang Trạch Dân đã nói đi nói lại, và như sẽ được thảo luận chi tiết hơn sau đó, WTO trước tiên phải được xem như một vấn đề chính trị và sau đó là một vấn đề kinh tế.

Giải thích thứ hai cho việc Trung Quốc theo đuổi MFN và trở thành thành viên WTO là sản phẩm của chính trị nhóm lợi ích. Nhưng có những lý do để hoài nghi những lời giải thích của nhóm lợi ích. Một là các cuộc đàm phán về quy chế MFN vĩnh viễn và gia nhập WTO đã được cố tình tránh áp lực của dư luận. Như Joseph Smith lập luận, Giang Trạch Dân đã trực tiếp tham gia — giới hạn phạm vi phản kháng — và ông ta trao quyền rất lớn cho các nhà đàm phán của hiệp định, đặc biệt là Chu Dung Cơ và Long Yongtu, trao quyền cho họ nhượng bộ cần thiết với chi phí của các nhóm lợi ích. Thật vậy, Đảng đã nói rõ "các lập luận của ngành cần tuân theo lợi ích quốc gia."

Một lý do khác để hoài nghi các lập luận của nhóm lợi ích là, trong chừng mực nào đó, các nhóm là một nhân tố, họ là nhân tố chống lại việc Trung Quốc theo đuổi MFN và gia nhập WTO, với nhiều người phản đối các nhượng bộ kinh tế mà Trung Quốc cần thực hiện. Khi đó, đại sứ Hoa Kỳ Li Zhaoxing đã lập luận trong hồi ký của mình, "trong nước [Trung Quốc] đã có tranh cãi về việc Trung Quốc gia nhập WTO. Một số ngành công nghiệp mỏng manh, chẳng hạn như nông nghiệp và dệt may, sẽ bị ảnh hưởng tương đối nặng nề. Một số chuyên gia lo ngại 20 triệu công nhân dệt may và hàng triệu nông dân sẽ bị ảnh hưởng." Các số liệu mạnh mẽ cũng lo ngại về những nhượng bộ này. Quan chức cấp hai của Trung Quốc, Lý Bằng, được cho là ủng hộ sự bảo hộ trong nước và tìm cách làm suy yếu đối thủ của ông ta là Chu Dung Cơ, người đang dẫn đầu các cuộc đàm phán. Sự phản đối trở nên rõ rệt hơn khi USTR làm rò rỉ bản dự thảo thỏa thuận giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc vào tháng 4 năm 1999 trước khi bất kỳ thỏa thuận nào được hoàn tất, một diễn biến ngay sau vụ Mỹ vô tình đánh bom đại sứ quán Belgrade của Trung Quốc, khiến dư luận xôn xao. Tuy nhiên, vào thời điểm mà các lực lượng trong nước chống lại sự nhượng bộ của Trung Quốc mạnh nhất, họ hầu như không đạt được gì — chỉ trì hoãn thỏa thuận hơn là thay đổi nội dung của nó. Hồi ký của Lý Bằng kể lại ngay từ ngày 23 tháng 8 năm 1999, chính phủ trung ương đã họp và đồng ý khởi động lại các cuộc đàm phán và bắt đầu thảo luận về chiến lược ngay trong tuần sau. Thỏa thuận cuối cùng được ký kết giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc hầu như giống hệt với thỏa thuận đó. đàm phán vào tháng 4 năm 1999 trước khi bản dự thảo bị rò rỉ và trước khi NATO ném bom. Ngay cả Lý Bằng đã không công kích Chu Dung Cơ (đối thủ) vì đã nhượng bộ quá nhiều. Cùng nhau, điều này chứng tỏ ban lãnh đạo trung ương có đủ quyền tự chủ đối với xã hội và các nhóm lợi ích khác nhau của nó để thúc đẩy thông qua một thỏa thuận.

Cuộc tranh luận về việc gia nhập WTO và MFN vĩnh viễn ít hơn về việc liệu Trung Quốc có nên theo đuổi nó hay không và

nhiều hơn về những nhượng bộ mà họ nên đưa ra, thậm chí với những người hoài nghi như Lý Bằng cho Trung Quốc có thể thận trọng rút lại một số nhượng bộ. Trong một cuộc họp cấp cao với Giang và các quan chức cấp cao khác vào ngày 30 tháng 8 năm 1999, Lý đã lập luận "gia nhập WTO có những thuận lợi và khó khăn, ưu điểm nhiều hơn nhược điểm, và một số điều khoản bất lợi vẫn có thể được giải quyết thông qua luật trong [giai đoạn] thực hiện." Sau khi Hoa Kỳ và Trung Quốc ký hiệp định gia nhập song phương vào tháng 11, ông tiếp tục thúc đẩy những quan điểm này. Tại Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương được tổ chức vào ngày 15 tháng 11 nhằm mục đích giáo dục các quan chức cấp bộ và cấp tỉnh về sự gia nhập của Trung Quốc, Lý Bằng cho biết "những hạn chế có thể được khắc phục thông qua bảo hộ trong nước và thông qua tăng khả năng cạnh tranh." Và Lý Bằng thậm chí đã đẩy lùi trong một số cuộc họp. về quan điểm bảo hộ, chẳng hạn như trong cuộc họp với Ủy ban thường vụ NPC, nơi sẽ thông qua các đạo luật phù hợp của Trung Quốc với các yêu cầu của WTO: "Cho phép nước ngoài nắm giữ 49% cổ phần của một công ty trong nước không giống như nói [toàn bộ] ngành công nghiệp cho phép vốn nước ngoài tham gia ở mức 49%." Nói tóm lại, một trong những người ủng hộ chủ nghĩa bảo hộ đã đồng ý các quy tắc của WTO được thực hiện — một bằng chứng cho thấy những giải thích của nhóm lợi ích có thể không có tính quyết định.

Việc Trung Quốc theo đuổi MFN được thúc đẩy bởi logic chiến lược mạnh mẽ. Đầu tiên, phần này chứng tỏ các nhà lãnh đạo Trung Quốc coi MFN là một vấn đề chiến lược hơn là kinh tế thuần túy. Thứ hai, nó khám phá cách Trung Quốc theo đuổi MFN, bao gồm cả thông qua APEC và WTO.

Thứ nhất, Trung Quốc ban đầu không coi MFN hay tư cách thành viên GATT là một vấn đề chiến lược. Nó đã nhận được MFN từ Hoa Kỳ vào năm 1979 và chứng kiến nó được gia hạn hàng năm mà không có bất kỳ tranh cãi nào. Nhưng như đã thảo luận trước đây, ba sự kiện lớn đã thay đổi mọi thứ. Trước Thiên An Môn, Trung Quốc đã chuẩn bị đạt được một thỏa

thuận với Hoa Kỳ về tư cách thành viên GATT có thể đề cập đến vấn đề MFN, một điều tương đối không gây tranh cãi vào thời điểm đó. Rốt cuộc, các quốc gia cộng sản khác đã được phép tham gia GATT và được mở rộng MFN, và Trung Quốc là một đối tác chống lại Liên Xô. Như Gilbert Donahue, trưởng phụ trách kinh tế đối ngoại tại Đại sứ quán Bắc Kinh, kể lại: "USTR đã sẵn sàng bước vào giai đoạn mà tôi có thể gọi là giai đoạn đàm phán cuối cùng để đưa Trung Quốc tham gia GATT... Họ chỉ sẵn sàng cử một phái đoàn. vào cuối tháng 6 để kết thúc việc này." Nhưng sau Thiên An Môn cùng tháng 6, Mark E. Mohr, phó giám đốc Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Bộ phận Chính trị của Thượng Hải vào thời điểm đó, lưu ý, "Quốc hội, truyền thông và dư luận... Chúng ta nên làm nhiều hơn nữa để trừng phạt Trung Quốc vì đã bắn các sinh viên, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Do đó, một sự đồng thuận được xây dựng nhằm xóa bỏ quy chế thương mại tối huệ quốc (MFN) với Trung Quốc."

Tầm quan trọng của sự phát triển này không bị mất đi đối với sự lãnh đạo của Trung Quốc và họ biết nó sẽ có những hậu quả sâu sắc đối với tương lai của Trung Quốc. He Xin, một người theo chủ nghĩa bảo thủ, người đã vươn lên trở thành cố vấn chính sách đối ngoại nổi tiếng cho Giang Trạch Dân và Lý Bằng trong giai đoạn này, vào năm 1993, cho biết các cổ phần là rất lớn: "Vấn đề quy chế MFN giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ là vấn đề trọng tâm. Điều đó sẽ quyết định sự xoay chuyển của lịch sử thế giới." Các nhà lãnh đạo Trung Quốc hiểu rõ câu hỏi của MFN trong các điều kiện hậu Chiến tranh Lạnh và một phần của chiến lược ngăn chặn tiềm năng xuất hiện sau khi Quảng trường Thiên An Môn và Liên Xô sụp đổ. Hai bộ trưởng ngoại giao nổi tiếng - Tiền Kỳ Tham, người đồng thời giữ chức phó thủ tướng và thành viên Bộ Chính trị trong các cuộc tranh luận của MFN, và Lý Triệu Tinh, người từng là đại sứ tại Hoa Kỳ trong quá trình thúc đẩy cuối cùng cho quy chế MFN vĩnh viễn - tranh luận trong hồi ký họ tin nhiều người "thù địch với Trung Quốc" ở Hoa Kỳ coi quyền MFN và nhân quyền là những công cụ ngăn chặn chính. Trong hồi ký của mình, Bộ trưởng Ngoại giao Lý

Triệu Tinh nói rõ MFN là một công cụ ngăn chặn đã phát sinh do môi trường chiến lược thay đổi:

> Sau khi Liên Xô tan rã, một số thành viên Quốc hội Hoa Kỳ hành động vì ý thức hệ thiên lệch đã sử dụng MFN như một vũ khí để chống lại Trung Quốc. Từ năm 1990 đến năm 2000... Quốc hội Hoa Kỳ sẽ tranh luận về việc có nên cấp quy chế MFN cho Trung Quốc vĩnh viễn hay không, nhưng điều được thảo luận không phải là liệu Trung Quốc có cho phép tự do di cư hay không; thay vào đó là nhân quyền, tôn giáo, kế hoạch hóa gia đình, Đài Loan, Tây Tạng, không phổ biến vũ khí hạt nhân, thâm hụt thương mại, cải cách lao động và những câu hỏi không liên quan khác. Trên thực tế, [quy chế MFN] này đã thực sự trở thành một phương tiện quan trọng để Quốc hội Hoa Kỳ... ép buộc và gây áp lực lên Trung Quốc.

Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, ông tiếp tục, "Bất kể vấn đề nào nổi lên trong mối quan hệ của hai nước, tất cả chúng đều sẽ được phản ánh trong cuộc tranh luận của Quốc hội Hoa Kỳ về quy chế MFN của Trung Quốc." Đây là một hình thức đòn bẩy lâu dài vì "Trung Quốc đã phải cầu xin Hoa Kỳ. Trung Quốc phải ngoan ngoãn, nếu không sẽ bị Quốc hội Hoa Kỳ trừng phạt". Trung Quốc coi MFN là một hình thức hạn chế quyền lực kinh tế với Trung Quốc cần phải loại bỏ. Như Lý đã nói: "Tại sao Hoa Kỳ sử dụng quy chế MFN để chỉ trích Trung Quốc và ép buộc Trung Quốc? Nếu đây không phải là chủ nghĩa bá quyền thì là gì?" Chu Dung Cơ, Thủ tướng Trung Quốc và người lãnh đạo quá trình đàm phán, đã coi Hoa Kỳ đang sử dụng đòn bẩy quan hệ kinh tế của mình để bắt nạt Trung Quốc thông qua MFN. "Trung Quốc đã nỗ lực trong 9 năm để 'tái nhập'. Trong giai đoạn này, mặc dù Hoa Kỳ cũng tuyên bố ủng hộ việc 'tái nhập' của Trung Quốc, nhưng thực tế nước này đã sử dụng tư cách là một cường quốc để liên tục cản trở tiến trình đàm phán, và nó đưa ra nhiều yêu cầu khắc nghiệt và phi thực tế." Trong một bài phát biểu quan trọng năm 2002 được gửi tới tất cả những người cấp cao trong Đảng sau khi Trung Quốc cuối cùng đã thành công trong việc bảo đảm MFN và gia nhập WTO,

Giang đã nói về điều khoản an ninh: “Cuối cùng chúng ta đã đánh bại những đòi hỏi phi lý của Hoa Kỳ và một số nước phương Tây khác và bảo vệ các lợi ích cơ bản và an ninh quốc gia của Trung Quốc.” Bài phát biểu tập trung vào tầm quan trọng của MFN trong cuộc đấu tranh giành quyền lực lớn hơn, và đáng chú ý là Giang nhấn mạnh đó là một chiến thắng cho an ninh quốc gia - nhấn mạnh ý nghĩa chiến lược của nó.

Các quan chức Trung Quốc theo đuổi MFN với những chi phí lớn về kinh tế và chính trị trong nước vì họ tin nó sẽ đảm bảo cho Trung Quốc quyền tự chủ khỏi đòn bẩy quan hệ của Mỹ, vốn sẽ là chìa khóa cho tương lai của đất nước. Ngay cả khi một người hoài nghi về tự do hóa kinh tế, Lý Bằng, đã lập luận tại Diễn đàn Công tác Kinh tế Trung ương năm 1999 được tổ chức vào tháng 11, một thỏa thuận với Hoa Kỳ sẽ đảm bảo “Trung Quốc có nhiều cơ hội hơn để điều động trên trường quốc tế.” Các cuộc đàm phán WTO có thể được thực hiện. được sử dụng để bảo đảm MFN, và về phần mình, Chủ tịch Giang đã nhiều lần tuyên bố việc gia nhập WTO chủ yếu nên được coi là một vấn đề chính trị chứ không phải một vấn đề kinh tế. Thật vậy, Lý Bằng kể lại tại một cuộc họp quan trọng của chính phủ trung ương được triệu tập vào ngày 30 tháng 8 năm 1999, đặc biệt là để thảo luận về các cuộc đàm phán WTO một tuần sau khi có quyết định mở lại đàm phán, “Giang Trạch Dân nhấn mạnh WTO là một vấn đề chính trị, và nó không phải một vấn đề kinh doanh kỹ thuật chung... Mọi người đều đồng ý với quan điểm của Giang gia nhập WTO không chỉ đơn thuần là vấn đề kinh tế mà còn là vấn đề chính trị.” Một yếu tố quan trọng của việc này là giảm đòn bẩy của Mỹ và từ đó ổn định quan hệ với Washington. Như Chu Dung Cơ đã nói trong một cuộc phỏng vấn, “Lý do tại sao chúng tôi nhượng bộ lớn như vậy là để tính đến tình hình chung của quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ và xây dựng quan hệ đối tác chiến lược mang tính xây dựng dựa trên các mục tiêu do Chủ tịch Giang Trạch Dân và Tổng thống Clinton đặt ra.”

Trung Quốc quyết tâm chịu rủi ro lớn trong việc trói tay Washington. Bắc Kinh hiểu tư cách thành viên WTO có thể làm gia tăng bất ổn trong nước và làm suy yếu quyền lực của Đảng, một thực tế cho thấy động cơ chiến lược khi kết hợp với lập luận của Giang việc gia nhập WTO được coi là một vấn đề chính trị trước tiên. Ví dụ, trong một bài phát biểu tháng 4 năm 2000 về xây dựng Đảng, Hồ Cẩm Đào đã lập luận, “Sau khi mở rộng cửa, sự phát triển của văn hóa internet, và đặc biệt là việc Trung Quốc gia nhập WTO, sự xâm nhập tư tưởng của giai cấp tư sản và thách thức sự xói mòn văn hóa do nhiều những ý thức hệ suy đồi... sẽ trở nên quan trọng hơn... và là thử thách lớn đối với chúng ta trong một thời gian dài.” Thật vậy, đây chính là những lực lượng mà giới tinh hoa phương Tây đã hy vọng sẽ thay đổi Trung Quốc thông qua việc gia nhập WTO và MFN. Giang Trạch Dân đã lặp lại ngôn ngữ này trong một bài phát biểu vào ngày 28 tháng 11 năm 2000, tại Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương. Ông tuyên bố “sự chuyển đổi của hệ thống kinh tế” và quá trình “mở cửa” hơn nữa sẽ “chắc chắn có tác động sâu sắc đến các ý tưởng và quan niệm của con người, và chắc chắn sẽ dẫn đến sự thâm nhập lẫn nhau của các hệ tư tưởng và nền văn hóa khác nhau”. Hơn nữa, “sau khi gia nhập WTO, chúng ta sẽ phải đối mặt với những thách thức mới trong việc thâm nhập các sản phẩm văn hóa phương Tây. Về nội dung và biểu hiện tư tưởng, chúng ta phải nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm văn hóa của Trung Quốc.” Ngày 25 tháng 2 năm 2002, tại một sự kiện lớn do Ủy ban Trung ương tổ chức với sự tham gia của tất cả các cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh và cấp bộ, một số cấp cao. các quan chức cấp cao phát biểu, trong đó có Giang. Mục đích của bài diễn văn về cơ bản là đặt ra ranh giới về tư cách thành viên WTO của Trung Quốc và giáo dục tất cả các nhà lãnh đạo về cách thức tư cách thành viên WTO phù hợp với chiến lược chính trị quốc tế của Trung Quốc cũng như thảo luận về những lợi thế kinh tế và những cải cách mà nước này sẽ yêu cầu. Trong một bài phát biểu, Giang nói rõ chiến lược của Hoa Kỳ trong việc cho phép MFN và gia nhập WTO là nhằm làm suy yếu Trung Quốc từ trong nước:

Hoa Kỳ cuối cùng đã đạt được một thỏa thuận với chúng ta không phải vì mục đích tốt và nhân từ đột ngột. Một mặt, sức mạnh của chúng ta không bằng họ, vì vậy nếu họ không cho chúng ta tham gia, điều đó sẽ không tốt cho họ. Mặt khác, họ đã có những cân nhắc chiến lược của riêng mình, và chúng ta không được ngây thơ. Thúc đẩy cái gọi là tự do hóa chính trị thông qua thực hiện tự do hóa kinh tế là một công cụ chiến lược quan trọng để các lực lượng chính trị nhất định ở phương Tây thực hiện âm mưu phương Tây hóa và chia rẽ ở các nước xã hội chủ nghĩa. Hoa Kỳ và Trung Quốc đã đạt được một thỏa thuận song phương về việc Trung Quốc gia nhập WTO và điều này gắn liền với chiến lược toàn cầu của [Mỹ]. Về điểm này, Clinton đã khá rõ ràng. Trong một tuyên bố trước Quốc hội về vấn đề cấp quy chế MFN vĩnh viễn cho Trung Quốc, ông nói, "Gia nhập WTO sẽ mang lại một cuộc cách mạng thông tin cho hàng triệu người Trung Quốc theo cách mà chính phủ không thể kiểm soát. Nó sẽ đẩy nhanh sự sụp đổ của các doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc. Quá trình này sẽ khiến chính phủ xa rời cuộc sống của người dân và thúc đẩy những thay đổi chính trị và xã hội ở Trung Quốc". Đối với [ý định] này, chúng ta phải giữ một cái đầu tỉnh táo, nhìn rõ thực chất, đề phòng và chuẩn bị, nỗ lực thực hiện ý đồ chiến lược của mình và thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Trung Quốc.

Việc Trung Quốc sẵn sàng gánh chịu rủi ro nghiêm trọng trong nước để ủng hộ MFN và tư cách thành viên WTO là bằng chứng nữa cho thấy các động cơ chiến lược, không chỉ đơn thuần về kinh tế, có thể đã đóng một vai trò quan trọng.

Điều này dẫn đến điểm thứ hai: làm thế nào mà Trung Quốc cuối cùng đạt được MFN? Như một dấu hiệu cho thấy mức độ nghiêm trọng của vấn đề, các quan chức hàng đầu của Trung Quốc đã ưu tiên MFN ngay cả khi nó nằm ngoài mục đích chính thức của họ. Ví dụ, khi Clinton tìm cách liên kết việc đổi mới MFN hàng năm với nhân quyền, Lưu Hoa Thanh - khi đó là Ủy viên Thường vụ kiêm Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương - đã nói chuyện với Bộ trưởng Hải quân Hoa Kỳ, đồng thời là cựu Bộ

trưởng Quốc phòng Dick Cheney, “vấn đề quy chế MFN không thể liên quan đến nhân quyền. Nếu Hoa Kỳ hủy bỏ quy chế MFN đối với Trung Quốc, điều đó sẽ rất bất lợi cho Hoa Kỳ và các quốc gia và khu vực khác, và tổn thất mà Hoa Kỳ phải gánh chịu có thể còn lớn hơn.”

Trung Quốc theo đuổi hai cách tiếp cận để đảm bảo quy chế MFN vĩnh viễn, tìm cách thúc đẩy các cuộc đàm phán trước tiên tại APEC và sau đó là WTO để giải quyết vấn đề MFN. Như một tài khoản từ thời điểm đó đã viết, “Tương lai thương mại của [Trung Quốc], thực sự phụ thuộc vào việc... tiếp tục tiếp cận MFN vào các thị trường ở Hoa Kỳ. Trung Quốc cần sự chắc chắn và bảo vệ có thể mong đợi từ các khuôn khổ GATT và APEC đối với thương mại tự do. Nếu không, nó sẽ tiếp tục có nguy cơ bị các rào cản phân biệt đối xử, các biện pháp trừng phạt và hành động trả đũa của Hoa Kỳ trên bất kỳ lý do nào, bao gồm cả nhân quyền.”

THÚC ĐẨY KINH TẾ THÔNG QUA APEC

Trung Quốc đã sử dụng APEC để làm giảm đòn bẩy quan hệ của Mỹ đối với nó. Như đại sứ APEC đầu tiên của Trung Quốc Vương Hựu Thắng lập luận, “APEC sẽ cho phép chúng tôi thực hiện các cuộc đấu tranh cần thiết và tìm kiếm lợi thế trong khi tránh bất lợi.” Một trong những cuộc đấu tranh này là khả năng của Washington trong việc hạn chế khả năng tiếp cận thị trường Hoa Kỳ của Bắc Kinh. Thông qua APEC, Trung Quốc đã tìm cách thúc đẩy “các quy tắc thương mại khu vực có thể ngăn người Mỹ giữ vị thế thương mại của [Trung Quốc] làm con tin cho nhân quyền và hồ sơ bán vũ khí của họ.” Như Thomas Moore và Dixia Yang lập luận, “Ngay từ đầu, Các quan chức Trung Quốc đã hy vọng APEC có thể trở thành một diễn đàn đa phương mà trong đó Bắc Kinh có thể tự bảo vệ mình khỏi các mối đe dọa như việc Mỹ áp đặt các biện pháp trừng phạt thương mại đơn phương.” Trung Quốc đã sử dụng hai chiến thuật để theo đuổi mục tiêu này.

Chiến thuật đầu tiên là đảm bảo APEC chấp nhận nguyên tắc không phân biệt đối xử trong thương mại, nguyên tắc mà nó coi là một con đường tắt để "áp dụng vô điều kiện quy chế thương mại tối huệ quốc giữa các thành viên APEC." Trung Quốc đã tìm cách đạt được một mục tiêu chính sách đa phương khi quy chế MFN vĩnh viễn từ Hoa Kỳ không thể đạt được về mặt song phương." Đại sứ APEC Vương Hựu Thắng thừa nhận trong hồi ký "nguyên tắc không phân biệt đối xử thực sự là một vấn đề giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ," nhưng ông cũng lưu ý việc đa phương hóa nó rất hữu ích vì "các thành viên khác [của APEC] đã thông cảm và ủng hộ chúng tôi ở những mức độ khác nhau". "Do đó," ông tiếp tục, "chúng tôi luôn nhấn mạnh đây không chỉ là sự khác biệt giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, đó là vấn đề của tất cả APEC, nó bao gồm Hoa Kỳ và Trung Quốc và tất cả các thành viên APEC và họ phải cùng nhau giải quyết." Vương nhắc lại Trung Quốc đã cố gắng làm cho chương trình tự do hóa của Hoa Kỳ phụ thuộc vào việc chấp nhận một nguyên tắc không phân biệt đối xử của APEC trước tiên: "Chúng tôi nhấn mạnh không phân biệt đối xử cần được dành cho các thành viên APEC trước tiên, đó là cơ sở cho tự do hóa thương mại và đầu tư của APEC." Hoa Kỳ phản đối nỗ lực này.

Chiến thuật thứ hai của Trung Quốc là sử dụng APEC để được gia nhập trực tiếp vào GATT/WTO, tổ chức này sẽ cấp MFN cho Trung Quốc một cách hiệu quả và làm suy yếu đòn bẩy kinh tế của Mỹ đối với Trung Quốc. Trung Quốc ủng hộ nguyên tắc mà Bộ trưởng Ngoại giao Tiền Kỳ Tham đã nêu, "tất cả các thành viên APEC nên trở thành thành viên GATT." Trung Quốc đe dọa sẽ giữ chương trình tự do hóa của Mỹ làm con tin cho việc gia nhập GATT/WTO. Quan điểm đã được Bộ trưởng Thương mại Ngô Nghi đưa ra trong một cuộc họp với các phóng viên:

Chúng tôi thực sự đã yêu cầu diễn đàn APEC ủng hộ chân thành nỗ lực gia nhập GATT của Trung Quốc... Nếu Trung Quốc ở ngoài GATT... điều này không chỉ làm cản trở tính phổ biến của hệ thống thương mại đa phương toàn cầu, thậm chí cả việc Trung Quốc thực hiện triệt để kế hoạch tự do hóa thương mại

trong khu vực APEC sẽ bị ảnh hưởng. Chừng nào mà tư cách thành viên ký kết GATT của Trung Quốc không được khôi phục, Trung Quốc sẽ rất khó cam kết thực hiện các thỏa thuận của Vòng đàm phán Uruguay và việc thực hiện chương trình tự do hóa thương mại khu vực APEC sẽ bị ảnh hưởng bất lợi.

Nếu Trung Quốc không thể tham gia trực tiếp vào GATT/WTO, họ hy vọng ít nhất sẽ hạ thấp rào cản gia nhập bằng cách khuyến khích các thành viên APEC ủng hộ nguyên tắc các quốc gia APEC được chỉ định là "các nước đang phát triển" cũng nên được chỉ định như vậy trong GATT/WTO. Cách tiếp cận này được thiết kế để chống lại quan điểm của Mỹ một quốc gia lớn như Trung Quốc cần phải được coi là quốc gia phát triển - không phải quốc gia đang phát triển. Bằng cách tận dụng quy chế "quốc gia đang phát triển" trong APEC để đảm bảo được gia nhập GATT/WTO, Trung Quốc hy vọng hạ thấp hạn chế gia nhập và đẩy nhanh việc gia nhập. Như Bộ trưởng Thương mại Ngô Nghi lập luận, "Hoa Kỳ đã đồng ý với [một thời gian biểu riêng cho các nước đang phát triển trong APEC... Chúng tôi mong muốn Hoa Kỳ sẽ áp dụng nguyên tắc tương tự cho các cuộc đàm phán về GATT của Trung Quốc để các cuộc đàm phán có thể đạt được tiến bộ càng sớm càng tốt."

Các nỗ lực APEC của Trung Quốc cho thấy Bắc Kinh đang bận tâm đến MFN và đòn bẩy kinh tế của Mỹ. Nhưng cuối cùng, quá trình đàm phán của WTO đã cung cấp cho Bắc Kinh đòn bẩy cần thiết để đưa ra các nhượng bộ của Hoa Kỳ đối với MFN.

KHƠI DẬY KINH TẾ THÔNG QUA WTO

Các cuộc đàm phán của Trung Quốc với Hoa Kỳ về việc gia nhập WTO về cơ bản không phải là về WTO — cả hai bên đều hiểu chúng trên thực tế là các cuộc đàm phán về việc liệu Trung Quốc có được hưởng quy chế MFN hay không.

Thật vậy, Trung Quốc thực sự không cần sự chấp thuận của Hoa Kỳ để gia nhập WTO; thay vào đó, nó chỉ cần 2/3 thành

viên WTO ủng hộ tư cách thành viên của Trung Quốc và nó đang đi đúng hướng để đảm bảo tư cách thành viên đó bất chấp sự phản đối của Hoa Kỳ. Nhà đàm phán Long Yongtu lập luận việc đảm bảo MFN là "lợi ích cốt lõi" của các cuộc đàm phán và tuyên bố tin tưởng việc gia nhập WTO sẽ giải quyết được vấn đề này. "Các nhà lãnh đạo cấp cao đã hỏi tôi nhiều lần liệu Hoa Kỳ có hủy bỏ việc rà soát quy chế Tối huệ quốc hàng năm của Trung Quốc sau khi Trung Quốc gia nhập WTO hay không", ông nói trong một cuộc phỏng vấn kể lại quá trình đàm phán WTO. Trong một cuộc phỏng vấn khác, ông tuyên bố, "WTO có thể giúp giải quyết những xung đột thương mại ngày càng tăng của Trung Quốc với các nước phát triển và giải phóng Trung Quốc khỏi nguy cơ bị thu hồi quy chế tối huệ quốc."

Quá trình gia nhập WTO đã tạo ra đòn bẩy cho Trung Quốc trong đàm phán MFN như thế nào? Câu trả lời phụ thuộc vào những đặc điểm riêng biệt của nó. Tư cách thành viên WTO yêu cầu các bên phải có quy chế MFN vô điều kiện; nếu Trung Quốc gia nhập WTO mà không đảm bảo quy chế MFN vô điều kiện từ Hoa Kỳ, Hoa Kỳ sẽ phải viện dẫn "điều khoản không áp dụng", điều này sẽ có tác dụng đảm bảo các quy định của WTO mà Hoa Kỳ và Trung Quốc đã đồng ý. sẽ là "không thể áp dụng" trong quan hệ thương mại song phương. Trên thực tế, điều này có nghĩa là các công ty Mỹ sẽ bị thiệt hại đáng kể tại thị trường Trung Quốc vì các công ty đối thủ của châu Âu hoặc Nhật Bản được hưởng lợi từ các điều khoản WTO với Trung Quốc mà các công ty Mỹ sẽ không thể tiếp cận. Về bản chất, trong điều kiện không thể áp dụng, Trung Quốc sẽ không nhất thiết phải chịu thiệt thòi hơn so với trước đây — đặc biệt là nếu Washington vẫn cấp cho nước này quy chế MFN hàng năm — nhưng Hoa Kỳ có thể bị thiệt thòi hơn đáng kể so với các đối thủ cạnh tranh của họ. Ban lãnh đạo cấp cao của Trung Quốc đã nhận thức sâu sắc về đòn bẩy này và sử dụng nó để đảm bảo MFN. Khi đó, Đại sứ Trung Quốc tại Hoa Kỳ Lý Triệu Tinh đã lưu ý:

Theo quy định của WTO, các thành viên nên trao quy chế MFN vô điều kiện cho nhau. Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, Đạo luật Thương mại năm 1974 của Hoa Kỳ sẽ mâu thuẫn với quy định này. Hoa Kỳ phải đối mặt với một sự lựa chọn: hoặc cấp cho Trung Quốc quy chế MFN vĩnh viễn để Hoa Kỳ có thể hưởng lợi từ việc gia nhập WTO của Trung Quốc; hoặc viện dẫn điều khoản không thể áp dụng và chuyển giao các cơ hội từ thị trường rộng mở của Trung Quốc mang lại cho các quốc gia khác.

Theo đó, Trung Quốc biết càng có thể ký nhiều hiệp định gia nhập WTO với các nền kinh tế lớn, thì áp lực đối với Hoa Kỳ trong việc cung cấp quy chế MFN càng lớn. Thật vậy, như Lý Bằng đã lưu ý trong một cuộc họp tháng 5 năm 2000 về các thỏa thuận gia nhập khác nhau, “Một thỏa thuận với EU có thể thúc đẩy Hoa Kỳ áp dụng quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn với Trung Quốc (PNTR).” Ngoài ra, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đề nghị họ sẽ hoàn toàn đảo ngược nếu không phải tất cả các nhượng bộ được thực hiện để đổi lấy MFN đối với nông nghiệp, ô tô, giới hạn đầu tư nước ngoài và các biện pháp chống bán phá giá nếu Hoa Kỳ không cấp PNTR. Ví dụ, trong cuộc họp lập kế hoạch kinh tế cấp cao giữa Lý Bằng và Chu Dung Cơ vào ngày 30 tháng 6 năm 1999, câu hỏi làm thế nào để trình tự các nhượng bộ của Trung Quốc là tốt nhất. Lý Bằng lập luận, “Sau khi gia nhập WTO, cần có một hạn chế hoàn toàn đối với hoạt động của các ngân hàng nước ngoài với đồng Nhân dân tệ, [và đầu tư vào] bảo hiểm và viễn thông. Anh [Chu Dung Cơ] đã đồng ý. Ông nói việc gia nhập WTO đã được đàm phán, Trung Quốc và Hoa Kỳ đã nối lại quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn. Tôi đã nói nếu Quốc hội Hoa Kỳ cản trở việc phê chuẩn khôi phục quan hệ thương mại bình thường giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, thì Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc Trung Quốc sẽ phủ quyết [luật tự do hóa].” Về bản chất, Trung Quốc nhượng bộ trong tiến trình đàm phán song phương của WTO sẽ bị đảo ngược hoàn toàn, gây bất lợi cho các công ty Hoa Kỳ so với các quốc gia khác trong

khi khiến các công ty của Trung Quốc hầu như không bị thiệt thòi hơn. Cách tiếp cận cứng rắn này nhất quán trong chiến lược đàm phán của Trung Quốc và các chuyến thăm nước ngoài để ký kết các thỏa thuận gia nhập và thảo luận về thương mại đã làm cho chiến lược trở nên đáng tin cậy hơn. Ví dụ, sau khi thảo luận về thương mại trong chuyến công du sáu nước bao gồm các nước lớn về kinh tế như Anh, Pháp và Ả Rập Xê-út vào tháng 11 năm 1999, Giang nhắc lại chính sách: "Nếu Quốc hội Hoa Kỳ không thông qua quy chế quan hệ thương mại bình thường của Trung Quốc, thì thỏa thuận giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ [khi gia nhập WTO] nên được coi là không hợp lệ" và tất cả các nhượng bộ sẽ bị thu hồi.

Từ quan điểm của Hoa Kỳ, việc Trung Quốc tập trung vào MFN đã mang lại một cơ hội hữu ích. Thật vậy, nhiều người Mỹ không nghĩ việc mở rộng quy chế MFN đối với Trung Quốc có bất kỳ hậu quả kinh tế thực sự nào đối với Washington hoặc lợi ích kinh tế đáng kể cho Trung Quốc. Viết trên tờ The New York Times, Paul Krugman tuyên bố, "Bạn có thể tranh luận câu hỏi có nên cấp cho Trung Quốc 'quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn' hay PNTR, chủ yếu là một vấn đề thủ tục. Hoa Kỳ sẽ không giảm bớt bất kỳ rào cản thương mại hiện có nào; tất cả những nhượng bộ về mở cửa thị trường sẽ đến từ phía Trung Quốc." Clinton cũng nêu những quan điểm này trong một bài phát biểu cùng ngày khi ông đệ trình luật cho phép Trung Quốc có quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn: "thỏa thuận WTO sẽ đưa Trung Quốc đi đúng hướng. Nó sẽ thúc đẩy các mục tiêu mà Mỹ đã làm ở Trung Quốc trong ba thập kỷ qua. Về mặt kinh tế, thỏa thuận này tương đương với đường một chiều. Nó yêu cầu Trung Quốc mở cửa thị trường — với 1/5 dân số thế giới, có khả năng là thị trường lớn nhất trên thế giới — cho cả sản phẩm và dịch vụ của chúng ta theo những cách mới chưa từng có. Tất cả những gì chúng ta làm là đồng ý duy trì quyền tiếp cận hiện tại mà Trung Quốc được hưởng."

Quá trình đàm phán về một thỏa thuận gia nhập WTO song phương đầy khó khăn, nhưng các nhóm của Trung Quốc vẫn

tập trung tối đa vào MFN trong suốt quá trình đó. Trong một cuộc họp kinh tế sau khi cuộc đàm phán đổ vỡ vào năm 1999 và quyết định của Washington để tiết lộ những nhượng bộ của Trung Quốc với công chúng, Lý Bằng đã gặp gỡ các quan chức cấp cao về phản ứng của Trung Quốc. Như ông ấy kể lại:

Vào ngày 8 tháng 4, Mỹ đã đơn phương công bố bản thảo tuyên bố chung của cuộc đàm phán và danh sách các điều khoản của Mỹ, đồng thời nói đã đạt được một thỏa thuận [về những điểm này]. Phía Trung Quốc đã đưa ra một tuyên bố đáp trả và phủ nhận một thỏa thuận đã đạt được. Nhưng danh sách này đã được phổ biến rộng rãi. Vào thời điểm đó, 95% các điều khoản và nội dung đã được thống nhất phù hợp với danh sách mà Hoa Kỳ đã công bố, và Trung Quốc chỉ bổ sung một số điều khoản bảo vệ. Điều chưa rõ ràng là liệu việc rà soát thương mại hàng năm với Trung Quốc có kết thúc hay không vào thời điểm này và liệu cái gọi là "quy chế tối huệ quốc" của Hoa Kỳ có được đưa vào hiệp định hay không. Vì vậy, tôi đã thêm hai mục vào tài liệu: Hoa Kỳ phải trao cho Trung Quốc quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn, và không thể tiếp tục kiểm tra và phê duyệt việc Trung Quốc có được hưởng quy chế MFN hàng năm hay không; thứ hai, nó phải thông qua một số luật nhất định để đảm bảo việc thực hiện đúng các quy định của WTO và đảm bảo vai trò của Trung Quốc trong việc mở cửa với thế giới bên ngoài.

Về bản chất, bất chấp cơ hội tấn công đối thủ của mình là Chu Dung Cơ vì đã có những nhượng bộ to lớn — nhiều trong số đó đã khiến đối thủ bất ngờ — Lý Bằng vẫn tập trung vào câu hỏi về MFN. Đó là trọng tâm cơ bản của các cuộc đàm phán này và là cách chính để vô hiệu hóa đòn bẩy quan hệ của Mỹ đối với Trung Quốc. Những nhượng bộ của Chu về cơ bản là cái giá phải trả của việc đảm bảo một công cụ chiến lược quan trọng như vậy.

Như những tuyên bố cấp cao cho thấy, Trung Quốc coi những nhượng bộ mà họ đưa ra trong hiệp định gia nhập song phương với Hoa Kỳ chủ yếu là về MFN, không phải WTO. Sau khi thỏa

thuận được ký kết, và khi đó Quốc hội Mỹ đang tranh luận về việc có nên đặt quy chế MFN của Trung Quốc vĩnh viễn hay không, Chu Dung Cơ đã liên kết rõ ràng thỏa thuận đó với MFN: “Tôi không thể làm gì cả. Chúng tôi đã có những nhượng bộ lớn nhất [trong thỏa thuận gia nhập], và hiện chúng tôi đang theo dõi xem họ sẽ làm gì.” Những nhượng bộ đó được chứng minh không phải vì chúng sẽ đảm bảo hỗ trợ ngoại giao mà Trung Quốc không yêu cầu khi gia nhập WTO, mà vì Bắc Kinh coi WTO là một cơ chế buộc phải có để giảm đòn bẩy kinh tế của Mỹ đối với Trung Quốc.

Các nhượng bộ của Trung Quốc phần lớn là sản phẩm của sự yếu kém và phụ thuộc vào phương Tây tư bản chủ nghĩa để thúc đẩy sự phát triển của nước này về phía trước. Vào đầu những năm 2000, rõ ràng là Trung Quốc đã chơi tốt trong các cuộc đàm phán về PNTR và WTO. Trung Quốc đã mua cho mình khả năng tiếp cận thị trường ổn định ở nước ngoài, điều này khiến các công ty đa quốc gia sẵn sàng đầu tư và xuất khẩu từ Trung Quốc hơn - tạo ra một chu kỳ tăng trưởng bùng nổ ở Trung Quốc trong khi đẩy nhanh quá trình phi công nghiệp hóa và gia tăng tỷ lệ thất nghiệp trong thế giới công nghiệp hóa. Về mặt quan trọng, PNTR và WTO đã giúp Bắc Kinh ràng buộc sự cưỡng bức kinh tế của Mỹ trong hai thập kỷ, cho đến khi chính quyền Trump phá vỡ một số ràng buộc tự áp đặt vào năm 2018 và theo đuổi cuộc chiến thương mại với Trung Quốc. Tất nhiên, đến lúc đó, nền kinh tế Trung Quốc không còn yếu nữa: một nền kinh tế chỉ có quy mô 10% so với nền kinh tế Mỹ vào thời điểm gia nhập WTO nay đã bằng 70% quy mô nền kinh tế Mỹ vào buổi bình minh của chiến tranh thương mại. Sự thay đổi to lớn đó về sức mạnh tương đối của Trung Quốc chắc chắn sẽ phụ thuộc vào chiến lược lớn của Trung Quốc và như các chương sau đã chứng minh, sự thay đổi chiến lược đó đã bắt đầu từ nhiều năm trước Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

TÍCH CỰC HOÀN THÀNH CHIẾN LƯỢC LỚN

CHIẾN LƯỢC DỊCH CHUYỂN THỨ HAI CỦA TRUNG QUỐC (2009–2016)

| 7 |
SỰ THAY ĐỔI TRONG CÁN CÂN QUYỀN LỰC

"Trước đây, chúng tôi luôn giữ thái độ thấp [Ẩn mình chờ thời] vì chúng tôi yếu trong khi các nước khác lại mạnh... Bây giờ, với 'Phấn đấu để đạt được thành tựu', chúng tôi đang cho các nước láng giềng thấy chúng tôi đang mạnh mẽ và họ yếu đuối. Đây là một sự thay đổi lớn." Yan Xuetong, Trưởng khoa Quan hệ Quốc tế, Đại học Thanh Hoa, 2013.

CUỘC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH VÀ BUỔI ĐẦU XÂY DỰNG

Các nhà ngoại giao và quan chức chính sách đối ngoại của Trung Quốc đứng thành hàng. Tất cả họ đều mặc giống nhau - áo sơ mi trắng, quần đen, không áo khoác và không đeo cà vạt - và trang phục bình thường của họ tương phản với ý nghĩa của sự kiện lịch sử. Trong nhiều thập kỷ, các nhà lãnh đạo Đảng của Trung Quốc đã gặp gỡ bộ máy chính sách đối ngoại được tập hợp trong các "hội nghị đại sứ" thường được tổ chức từ 5 đến 6 năm một lần. Bây giờ, trong một phòng họp buồn tẻ, bộ máy chính sách đối ngoại của Trung Quốc đang tập hợp lại cho dịp thứ 11 trong lịch sử của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa — và lần này, nó đang diễn ra giữa cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu đã làm rung chuyển nền kinh tế toàn cầu. và vạch trần những điểm yếu của sức mạnh Hoa Kỳ.

Sau khi khủng hoảng bùng nổ và trong thời gian chuẩn bị đến hội nghị, các học giả think tank (viện chính sách) của Trung Quốc đã viết khoảng cách quyền lực giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ đã được thu hẹp. Họ bắt đầu vận động để Trung Quốc sửa đổi hoặc loại bỏ chiến lược lớn "ẩn mình chờ thời". Và bây giờ các phán quyết không chính thức của họ sắp được đưa ra công khai.

Hồ Cẩm Đào, chủ tịch Trung Quốc nổi tiếng dè dặt, mỉm cười và bắt tay khi ông đi xuống hàng các nhà ngoại giao đang tụ tập. Và sau đó, theo lời nhận xét của một vài nhà hoạt động, ông bắt đầu bài diễn văn của mình. Trong phong cách Đảng điển hình, ngôn ngữ của Hồ tinh tế và bị che khuất trong biệt ngữ Đảng ngay cả khi ông điều chỉnh chiến lược lớn của Trung Quốc. Ông đã quan sát thấy "một sự thay đổi lớn trong cán cân lực lượng quốc tế" khi đề cập đến cuộc khủng hoảng tài chính. "Triển vọng cho đa cực giờ đây cũng rõ ràng hơn".

Đây không phải là những tuyên bố tầm thường. Các khái niệm như "cán cân quyền lực quốc tế" và "đa cực" là cách gọi tắt của sự suy giảm quyền lực của Mỹ chứ không phải là những tuyên bố chung chung về cán cân quyền lực giữa các quốc gia hàng đầu thế giới. Bài diễn thuyết của Đảng về chúng là một dấu hiệu tốt cho thấy Trung Quốc đứng ở vị trí nào so với Hoa Kỳ và cho biết những khái niệm này cũng là cốt lõi trong các cuộc thảo luận của Đảng về chiến lược lớn. Như chương này chứng minh, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nói rõ việc tuân thủ "ẩn mình chờ thời" của họ không bao giờ là vĩnh viễn mà thay vào đó phụ thuộc vào "cán cân quyền lực quốc tế". Vì vậy, mặc dù Hồ nghe khá khô khan khi nói với bộ máy chính sách đối ngoại của Trung Quốc tuân thủ "ẩn mình chờ thời" là một quyết định chiến lược do trung ương đưa ra dựa trên việc phân tích toàn diện toàn bộ cán cân quyền lực quốc tế, thực tế là một tiết lộ. Nếu chiến lược của Trung Quốc phụ thuộc vào "cán cân quyền lực quốc tế", và nếu - như Hồ đã tuyên bố - "cán cân quyền lực quốc tế đã thay đổi", thì điều đó có nghĩa là chiến lược lớn của Trung Quốc cần được sửa đổi.

Trong bài phát biểu của mình, Hồ sau đó đã đề xuất chính xác một bản sửa đổi như vậy. Ông tuyên bố Trung Quốc cần phải sửa đổi "khả năng ẩn mình chờ thời" của Đặng bằng "Tích cực hoàn thành điều gì đó". Sự thay đổi ngữ nghĩa có vẻ trần tục này — việc bổ sung từ "tích cực" vào một phần học thuyết của Đặng — Có ý nghĩa. Học thuyết hướng dẫn của Đặng và cụm từ hai mươi bốn ký tự lớn hơn mà nó được lồng vào đã được đồng thuận trong gần hai mươi năm. Hồ đã sửa đổi nó. Động thái đó tại một diễn đàn cấp cao như vậy là một dấu hiệu chính cho thấy Trung Quốc đang thay đổi chiến lược lớn của mình. Trung Quốc không còn quan tâm đến việc làm giảm sức mạnh của Mỹ. Lời kêu gọi của Hồ về "Tích cực hoàn thành điều gì đó" và việc Tập xoay quanh khái niệm "Phấn đấu để đạt được thành tựu", cho thấy sự chuyển hướng sang xây dựng trật tự khu vực ở châu Á.

Như ba chương tiếp theo cho thấy, sau bài phát biểu này, hành vi của Trung Quốc đã thay đổi theo những cách tương ứng với sự thay đổi chiến lược. Ở cấp độ quân sự (Chương 8), Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu đã đẩy nhanh sự chuyển hướng của Trung Quốc khỏi trọng tâm duy nhất là làm giảm sức mạnh của Mỹ thông qua việc từ chối trên biển, vốn đã nhấn mạnh đến thủy lôi, tên lửa và tàu ngầm. Thay vào đó, Trung Quốc sẽ tập trung vào việc xây dựng trật tự khu vực thông qua khả năng kiểm soát trên biển và khả năng đổ bộ, trong đó nhấn mạnh vào tàu sân bay, tàu nổi có năng lực hơn, các đơn vị đổ bộ, các cơ sở ở nước ngoài và nhiều khả năng mà nước này từng bỏ qua. Những khả năng này sẽ giúp Trung Quốc tạo ra đòn bẩy quân sự đối với các nước láng giềng, chiếm hoặc giữ các đảo và vùng biển xa xôi, bảo vệ các tuyến đường liên lạc trên biển, can thiệp vào công việc của các nước láng. Ở cấp độ chính trị (Chương 9), Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu đã thúc đẩy Trung Quốc rời bỏ chiến lược tập trung vào việc gia nhập và đình trệ các tổ chức khu vực nhằm làm giảm ảnh hưởng chính trị của Hoa Kỳ và thay vào đó theo đuổi một chiến lược xây dựng mà họ tự khởi xướng. Trung Quốc đã dẫn đầu việc ra mắt Ngân

hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á (AIIB) trong lĩnh vực kinh tế và nâng cao thể chế hóa Hội nghị về Tương tác và Các biện pháp Xây dựng Lòng tin ở Châu Á (CICA) trong lĩnh vực an ninh trước đây - hy vọng cả hai sẽ giúp xây dựng thứ tự khu vực phù hợp với sở thích của họ. Ở cấp độ kinh tế (Chương 10), Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu đã giúp Bắc Kinh thoát khỏi đặc điểm của quy chế kinh tế phòng thủ là giảm bớt đòn bẩy kinh tế của Mỹ và thay vào đó theo đuổi quy chế kinh tế cho phép Trung Quốc xây dựng năng lực kinh tế cưỡng chế và đồng thuận của riêng mình so với các quốc gia khác. Cốt lõi của nỗ lực là Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) của Trung Quốc, việc nước này sử dụng mạnh mẽ quy chế kinh tế để chống lại các nước láng giềng và nỗ lực đạt được ảnh hưởng tài chính lớn hơn. Không có hoạt động nào trong số này là chính đáng theo học thuyết của 'Ẩn mình chờ thời'.

Chương này thảo luận về sự ra đi của 'Ẩn mình chờ thời' trong các văn kiện của Đảng để hướng tới chiến lược xây dựng. Cuộc thảo luận được cấu trúc thành bốn phần. Thông qua việc xem xét các văn bản của Đảng, nó cho thấy (1) sự giảm khoảng cách quyền lực tương đối được nhận thức của Bắc Kinh với Hoa Kỳ sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu; (2) sự thay đổi trong kết thúc chiến lược lớn của Bắc Kinh, chuyển từ tập trung vào Hoa Kỳ sang tập trung cụ thể hơn vào việc xây dựng trật tự khu vực thông qua "ngoại giao ngoại vi" và xây dựng "Cộng đồng chung thịnh vượng"; (3) sự khác biệt từ phương châm chiến lược của Đặng là "Ẩn nấp" sang "Chủ động hoàn thành điều gì đó" và các khái niệm kế thừa của nó; và (4) sự thay đổi các phương tiện chiến lược lớn từ những phương tiện phù hợp để xây dựng chiến lược.

SỰ THAY ĐỔI TRONG QUYỀN LỰC HOA KỲ

Sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu 2008, quan điểm của Trung Quốc về quyền lực của Mỹ đã thay đổi sâu sắc và sự thay đổi đó được phản ánh trong diễn ngôn của Trung Quốc về tính đa cực và "cán cân lực lượng quốc tế". "Đa cực" là một thuật ngữ có nguồn gốc từ văn học quan hệ quốc tế dùng để chỉ một

hệ thống quốc tế được đặc trưng bởi một số cường quốc. Nhưng đối với Trung Quốc, thuật ngữ này có một lịch sử lâu đời. Trong Chiến tranh Lạnh, "đa cực" thỉnh thoảng xuất hiện và ám chỉ sự suy yếu quyền lực của Mỹ và Liên Xô; sau khi Liên Xô sụp đổ, thuật ngữ đã trở thành một cách nói uyển ngữ để chỉ sự suy yếu quyền lực của Mỹ - và nó đã bùng nổ trong việc sử dụng.

Để làm rõ điều đó, phần này rút ra từ việc xem xét hầu hết mọi tham chiếu đến tính đa cực trong các báo cáo của Đại hội Đảng, các bài phát biểu của các nhà lãnh đạo có trong các tác phẩm được lựa chọn của họ và trong bộ ba tập tài liệu của ĐCSTQ được xuất bản giữa các kỳ Đại hội Đảng. Nó cũng phát hiện ra một xu hướng rõ ràng: vào đầu những năm 1990, Trung Quốc lo sợ đa cực đã xa nhưng bắt đầu từ năm 2007-2008, họ cảm thấy nó đang thực sự nổi lên. Điều này lại kêu gọi một chiến lược mới.

THUYẾT ĐA CỰC

Diễn ngôn của Trung Quốc về đa cực diễn ra trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh và thuật ngữ này ít được đưa vào các văn bản của Đảng trước đó. Ví dụ, hầu như không có báo cáo nào của Đại hội Đảng trước khi Chiến tranh Lạnh kết thúc đề cập đến tính đa cực, nhưng sau khi tam tai Thiên An Môn, Chiến tranh vùng Vịnh và sự sụp đổ của Liên Xô, mọi báo cáo đều bao gồm nó — thường là ở phần đầu của báo cáo và trong phần chính sách đối ngoại của nó, đề xuất tầm quan trọng của thuật ngữ đối với chiến lược. Và trong khi tính đa cực hầu như không bao giờ xuất hiện trong các tác phẩm được lựa chọn của các nhà lãnh đạo Trung Quốc thời hậu Chiến tranh Lạnh (ví dụ: Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương), nó xuất hiện trong các phần sau Chiến tranh Lạnh trong các tác phẩm được chọn của Đặng, sau đó là 77 lần và 72 lần. trong các tác phẩm chọn lọc của Giang và Hồ. Tương tự, trong khi thuật ngữ chỉ xuất hiện khoảng 1.000 lần trong các bài báo trên tạp chí Trung Quốc trong những năm 1980, nó đã xuất hiện gần 13.000 lần trong những năm 1990 và khoảng 46.000 lần từ năm 2000 đến 2010.

Thực tế là sự tập trung của Trung Quốc vào đa cực xuất hiện sau tam tai rõ ràng cho thấy trong ba thập kỷ qua, nước này đã là một đại diện cho việc làm suy yếu quyền lực của Hoa Kỳ, nhưng việc xem tính đa cực trong các thuật ngữ có thể gây tranh cãi. Một số người bác bỏ nó như một công cụ ngụy biện kêu gọi giảm ảnh hưởng của siêu cường, nhưng họ bỏ qua thực tế Đảng định nghĩa nó như một phán quyết phân tích nghiêm túc. Những người khác tin đa cực cho thấy mong muốn của Trung Quốc là một trong nhiều cực, nhưng họ hiểu khái niệm quá theo nghĩa đen. Như Iain Johnston đã lưu ý, "nếu một người hỏi các chiến lược gia Trung Quốc liệu ủng hộ đa cực có nghĩa là ủng hộ sự gia tăng sức mạnh tương đối và độc lập chiến lược của Nhật Bản hay sự phát triển vũ khí hạt nhân ở Ấn Độ, chẳng hạn, câu trả lời thường là tiêu cực hoặc mâu thuẫn." Thay vào đó, như chúng ta sẽ thấy, các cuộc thảo luận về đa cực thường tập trung vào các đánh giá về mức độ sẵn sàng sử dụng vũ lực quân sự của Hoa Kỳ, tác động của các cuộc khủng hoảng kinh tế Hoa Kỳ đối với sức mạnh của Hoa Kỳ, hoạt động xuất khẩu của Hoa Kỳ, tình hình nội địa Hoa Kỳ, khoa học và công nghệ Hoa Kỳ. sự đổi mới và một loạt các yếu tố cụ thể khác — tất cả đều tiết lộ đầu vào cốt lõi trong các phán đoán về đa cực đều liên quan đến Hoa Kỳ.

Vẫn còn những người khác đặt câu hỏi liệu đa cực có còn quan trọng đối với chiến lược của Trung Quốc hay không. Năm 2003, các học giả hàng đầu của Trung Quốc đã nhận xét "diễn ngôn đa cực đóng một vai trò không rõ ràng trong quá trình chính sách đối ngoại của Trung Quốc" và "không rõ liệu diễn ngôn đa cực có thông báo cho các quyết định của lãnh đạo, phản ánh sở thích của lãnh đạo hay là biểu hiện của một quan điểm nạn nhân đã ăn sâu vào Mối quan hệ của Trung Quốc với thế giới." Nhưng nếu thuật ngữ này không quan trọng, tại sao nó lại xuất hiện trong mọi Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng từ năm 1992, trong hầu hết các bài phát biểu về đối ngoại của cấp lãnh đạo và trong các bài phát biểu tại các cuộc họp toàn thể, các Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương, Các cuộc họp của Bộ Chính

trị, các cuộc họp của các bí thư tỉnh ủy và bộ trưởng, và kỷ niệm các ngày kỷ niệm lớn của Đảng?

Trên thực tế, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã cho chúng ta một câu trả lời, và họ rõ ràng đa cực là một nhận định cấp cao của Đảng tác động trực tiếp đến chiến lược. Ví dụ, trong bài phát biểu trước Quân ủy Trung ương, Giang Trạch Dân đã tuyên bố đa cực là yếu tố đầu tiên trong "bốn yếu tố quan trọng" mà ông xem xét khi khảo sát chính trị thế giới. Tại Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương năm 1999, ông nhấn mạnh đánh giá của "mô hình đa cực hóa" là "một phán quyết quan trọng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng." Nhận định có ý nghĩa quan trọng đối với công việc của toàn thể cán bộ: "Các đồng chí toàn đảng, nhất là cán bộ cao cấp của Đảng, phải mở mang tầm mắt. và có hiểu biết toàn diện và chính xác về bối cảnh, khuôn mẫu và xu hướng chung của nền chính trị và kinh tế thế giới", ông lập luận, "chỉ khi hiểu được xu hướng chung của thế giới, chúng ta mới có thể làm cho tình hình chung của đất nước tốt hơn và tập trung quản lý 12 Tương tự, tại Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương năm 2006, người kế nhiệm Giang, Hồ Cẩm Đào đã thảo luận rất chi tiết về đa cực như một trong những "nhận định cơ bản về tình hình quốc tế trong thế kỷ mới" do "Đảng và nhà nước trung ương đưa ra". Những nhận xét chứng minh tại sao các bài phát biểu thường bắt đầu bằng hoặc đưa ra các cuộc thảo luận nổi bật về đa cực — nó được coi là trọng tâm trong quá trình ra quyết định chiến lược của Trung Quốc.

Sau đó, chiến lược đa cực hình thành như thế nào? Cả Giang và Hồ đều cho chúng ta biết đa cực và khái niệm chị em của nó là "cán cân lực lượng quốc tế", là những yếu tố đầu vào quan trọng trong chiến lược lớn của Trung Quốc phản ánh sức mạnh tương đối của Trung Quốc. Ví dụ, tại Hội nghị Đại sứ nước ngoài lần thứ 9 vào năm 1998, Giang đã đưa ra liên kết rõ ràng: "Chúng ta nên che giấu khả năng của mình và chờ thời, giữ gìn bản thân và lập kế hoạch phát triển một cách có ý thức. Tình hình của đất nước chúng ta và cán cân quyền lực quốc tế xác định chúng ta phải làm điều này." Hồ Cẩm Đào cũng nhấn

mạnh mối liên kết này. Tại một hội nghị chuyên đề ngoại giao năm 2003, Hồ lập luận: “Đa cực càng phát triển thì quyền tự do điều động của chúng ta càng lớn.” Ông cũng nhấn mạnh Trung Quốc đi theo ‘Ẩn mình chờ thời’ vì sức mạnh hạn chế của họ: “Phải tính đến toàn diện đất nước của chúng ta tình hình hiện tại và sự phát triển của các xu hướng trong cán cân quyền lực quốc tế [Ẩn mình chờ thời] là một phương châm chiến lược cần được tuân thủ trong thời gian dài.” Sau đó, ông nhắc lại. các lựa chọn ngoại giao của Trung Quốc “dựa trên những thay đổi trong cán cân quyền lực quốc tế và nhu cầu phát triển và an ninh của đất nước chúng ta.” Hồ tuyên bố, “Tuân theo ‘Ẩn mình chờ thời’ là quyết định chiến lược của chính phủ trung ương từ việc phân tích toàn diện toàn bộ cán cân quyền lực quốc tế.”

Cùng với nhau, những tuyên bố của cấp lãnh đạo trong các bài phát biểu về chính sách đối ngoại có thẩm quyền cho thấy Bên (1) tuân thủ cấu trúc quốc tế; (2) đưa ra nhận định về xu hướng đa cực và “cán cân lực lượng quốc tế”; và (3) sửa đổi chiến lược theo những xu hướng này. Bây giờ chúng ta chuyển sang xem xét những nhận định quan trọng này đã thay đổi như thế nào theo thời gian — và cách chúng mở ra một kỷ nguyên mới trong chiến lược lớn của Trung Quốc.

ĐA CỰC THEO THỜI GIAN

Sau Chiến tranh Lạnh, Trung Quốc tin đa cực sẽ xuất hiện nhưng sự xuất hiện của nó sẽ rất khó khăn trước sức mạnh lâu dài của Mỹ. Ví dụ, Báo cáo Chính trị của Đại hội Đảng năm 1992 là lần đầu tiên đề cập đến vấn đề đa cực, và nó cho “cấu trúc lưỡng cực đã kết thúc... và thế giới đang tiến tới đa cực hóa” nhưng “sự hình thành của một cấu trúc mới sẽ dài và phức tạp,” cho thấy niềm tin sức mạnh của Mỹ sẽ vẫn ở mức cao.

Sáu năm sau, tại Hội nghị Đại sứ lần thứ 9 năm 1998, nhận định vẫn đứng vững. Giang cho “thế giới đang tăng tốc theo hướng đa cực, nhưng chúng ta phải hoàn toàn thừa nhận sự cân bằng hiện tại của mọi loại quyền lực là không có. Hoa Kỳ đang cố gắng xây dựng một thế giới đơn cực và nó chi phối các vấn đề

thế giới.” Sức mạnh của Hoa Kỳ vẫn còn quá lớn. Giang lưu ý: “Mặc dù nó bị hạn chế bởi nhiều bên, trong một thời gian dài, Hoa Kỳ sẽ duy trì những lợi thế đáng kể về chính trị, kinh tế, khoa học và công nghệ, và các vấn đề quân sự.” Sau đó, ông tập trung chặt chẽ vào kinh tế Hoa Kỳ. quyền lực: “Trong những năm gần đây, sức mạnh kinh tế của Hoa Kỳ không những không suy giảm mà còn được hồi sinh, giành lại vị thế là nước xuất khẩu lớn nhất và nền kinh tế cạnh tranh nhất.”

Giang tiếp tục nhấn mạnh những chủ đề tại Diễn đàn Công tác Kinh tế Trung ương năm tới, nơi ông thảo luận về sự can thiệp của Washington vào Kosovo. Mặc dù một ngày nào đó đa cực sẽ đến, “sự hình thành cuối cùng của mô hình đa cực sẽ là một quá trình lâu dài đầy những đấu tranh phức tạp,” ông lập luận; “Đây là một phán quyết quan trọng do Ủy ban Trung ương đảng đưa ra.” Giang giải thích thêm về đa cực và “cán cân quyền lực quốc tế”, tiết lộ sức mạnh của Hoa Kỳ đã thúc đẩy nhận định đó. “Cán cân quyền lực quốc tế hiện nay đang mất cân bằng nghiêm trọng. Sức mạnh kinh tế, quân sự và khoa học kỹ thuật của Hoa Kỳ rõ ràng là hơn hẳn các nước khác. Đó là siêu cường của thế giới ngày nay.” Việc Hoa Kỳ sẵn sàng sử dụng vũ lực là một phần trong đánh giá này. “Hoa Kỳ đang đẩy mạnh thực hiện chiến lược toàn cầu, ủng hộ ‘chủ nghĩa can thiệp mới’, đưa ra ‘chính sách pháo hạm mới’, can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác và thậm chí sử dụng vũ lực.” phân tích sức mạnh của Hoa Kỳ, và ông lưu ý “đã có nhiều xung đột nội bộ ở Hoa Kỳ” có thể làm phức tạp thêm quyền thống trị của nước này.

Các bài phát biểu công khai và riêng tư đôi khi khác nhau trong đánh giá của họ về Hoa Kỳ. Vào năm 2000, Giang đã tuyên bố trong các bài phát biểu quốc tế trước Liên Hợp Quốc “xu hướng đa cực đang phát triển nhanh chóng”, nhưng hầu như trong mọi bài phát biểu sau cánh cửa đóng kín trước lãnh đạo Đảng, ông không tự tin như vậy. Cùng năm đó trong một Bài phát biểu về xây dựng đảng, Giang lập luận “sự hình thành cuối cùng của một cơ cấu đa cực sẽ trải qua một quá trình lâu dài và gian

khổ.” Tương tự, trong một bài phát biểu trước Ủy ban Trung ương ĐCSTQ năm đó, ông tuyên bố “sự hình thành cuối cùng sẽ trải qua một thời gian dài. quá trình phát triển của nhiệm kỳ.” Trong bài phát biểu trước Hội nghị toàn thể lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương khóa 15 — một bài phát biểu quan trọng của Đảng được sử dụng để thiết lập các đường lối — ông tiếp tục điều này và nói “mô hình quốc tế nói chung là hướng tới đa cực, nhưng nó sẽ không được sử dụng trong các bài phát biểu của Giang trước một vị Quan “Trung ương”, nơi ông tuyên bố có một “sự mất cân bằng nghiêm trọng trong liên minh của các lực lượng quân sự thế giới,” đề cập đến thành công của Hoa Kỳ trong việc khai thác các công nghệ quân sự mới như một phần của cái mà nhiều người gọi là Cuộc cách mạng trong các vấn đề quân sự. Khi Giang tới SCO năm 2001, ông nói đa cực đang sâu sắc hơn hoặc tăng tốc. Nhưng trong các bài phát biểu quan trọng của Đảng — bài phát biểu nhân kỷ niệm tám mươi năm ngày thành lập Đảng Cộng sản năm đó, Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng năm 2002 — ông nói đa cực đang “phát triển theo chiều hướng xoay vần.” Đây không phải là một dấu hiệu của sự tự tin.

Phán đoán đa cực vẫn còn rất xa đối với các chính quyền. Khi Hồ Cẩm Đào nhậm chức và có bài phát biểu quan trọng tại hội nghị chuyên đề ngoại giao năm 2003, ông vẫn giữ ngôn ngữ của Giang, tuyên bố chủ nghĩa bá quyền và chủ nghĩa đơn phương (đều do Hoa Kỳ lãnh đạo) đảm bảo “quá trình đa cực hóa thế giới sẽ là một quá trình phức tạp và khó khăn” và “cán cân quyền lực đang mất cân bằng nghiêm trọng” trên toàn cầu, và ông trực tiếp kết luận do đó Trung Quốc cần tuân thủ ‘Ẩn mình chờ thời’. trước Ban chấp hành trung ương của ĐCSTQ, Hồ đã lặp lại “tính đa cực đang phát triển theo từng vòng”, chứng tỏ các đánh giá về đa cực được thực hiện giữa các chính quyền. Thậm chí vào năm 2005, trong một cuộc họp với tất cả các bí thư cấp tỉnh và bộ, Hồ đã phản ánh về cả sự chậm chạp. sự xuất hiện của đa cực và sự mất cân bằng “cán cân lực lượng quốc tế” cũng như: “Tình hình toàn cầu đang trong một giai

đoạn quan trọng của quá trình chuyển đổi sang đa cực... Như sự mất cân bằng của các Quyền lực về cơ bản không thể thay đổi trong ngắn hạn, sự phát triển của xu thế đa cực trên thế giới sẽ không dễ dàng." Như Giang, ngay cả khi ông đã nêu ý kiến này trong các cuộc họp nội bộ Đảng, trong các chuyến thăm Liên hợp quốc, Vương quốc Anh và Ả Rập Xê-út cùng năm đó, Hồ nói với những người chủ nhà "xu hướng hướng tới đa cực đang ngày càng sâu sắc", bằng chứng cho thấy các thông báo quốc tế lạc quan hơn các thông báo nội bộ của Đảng về đa cực. Thật vậy, ngay trong năm tới, tại Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương năm 2006 — trước đây chỉ được tổ chức hai lần trong toàn bộ lịch sử của ĐCSTQ — Hồ đã nhắc lại ngôn từ thận trọng hơn "đa cực đang phát triển trong bối cảnh xoay vần" và "xu hướng đa cực đang tiếp tục phát triển, nhưng các cuộc đấu tranh đơn cực hoặc đa cực vẫn rất phức tạp," do đó ngữ cảnh hóa và hạn chế một số cụm từ tích cực hơn mà ông đã sử dụng trước đây và tiếp tục gợi ý về đa cực. sẽ khó đạt được. Như hồ sơ trước đây cho thấy, ít nhất khi các báo cáo chính trị của Đại hội Đảng có thẩm quyền, các báo cáo chính sách đối ngoại cấp lãnh đạo và thông báo cấp lãnh đạo của Đảng được xem xét, thì chúng ta đã có niềm tin rõ ràng sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. sự đa cực đó đã trở nên xa vời trong suốt thời kỳ mà Trung Quốc theo đuổi việc cắt giảm - một dấu hiệu cho thấy nhận thức về sức mạnh tương đối của Mỹ còn cao.

Trước khi xảy ra Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và đặc biệt là hậu quả của nó, những quan điểm này đã thay đổi đáng kể và phù hợp với việc Trung Quốc chuyển sang chiến lược xây dựng. Vài tháng trong giai đoạn đầu của cuộc khủng hoảng tài chính năm 2007, và sau những thất bại của Mỹ ở Iraq, trong Báo cáo Chính trị năm 2007 trước Đại hội Đảng 17, Chủ tịch Hồ đã tuyên bố "tiến trình hướng tới một thế giới đa cực là không thể đảo ngược" và "cán cân quyền lực quốc tế đang thay đổi để có lợi cho việc duy trì hòa bình." Đây là ngôn ngữ tích cực hơn nhiều so với bất kỳ bài phát biểu nào trước đây, và ngôn ngữ tương tự về tính không thể đảo ngược của đa cực cũng xuất

hiện trong bài diễn văn của ông với Quân ủy Trung ương năm đó. Ngay cả ngôn ngữ về tính không thể đảo ngược của đa cực đã được sử dụng ít nhất một lần trước đây, nhưng việc không nói đa cực đang diễn ra trong bối cảnh "xoay vần" — ngôn ngữ đã được sử dụng trong sáu năm — cho thấy Trung Quốc cảm thấy tự tin về xu hướng hướng tới đa cực, ngay cả khi nó không hoàn toàn có cảm giác về tốc độ của quá trình chuyển đổi. Và ngay cả khi cuộc khủng hoảng kinh tế đang rình rập cũng ảnh hưởng đến Trung Quốc, các nhà lãnh đạo ở Bắc Kinh coi đây là đại diện cho mô hình chủ nghĩa tư bản tài chính ghê gớm từng là của Mỹ và làm suy yếu nước Mỹ một cách bất đối xứng. Như Dai Bingguo đưa vào hồi ký của mình, vào tháng 12 năm 2008, rõ ràng là "Hoa Kỳ đã rơi vào cuộc khủng hoảng tài chính nghiêm trọng nhất kể từ cuộc Đại suy thoái những năm 1930; đồng thời, nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục duy trì sự tăng trưởng mạnh mẽ."

Đảng đã đạt được sự đồng thuận về tốc độ đa cực sau khi cuộc khủng hoảng diễn ra toàn cầu vào năm 2008. Đến lúc đó, ngôn ngữ về đa cực và cán cân lực lượng quốc tế đã thành công hơn bao giờ hết. Trong Diễn văn Hội nghị Đại sứ lần thứ 11 năm 2009, bài diễn văn đầu tiên kể từ sau khủng hoảng, Hồ đã tận dụng cơ hội để khám phá những chủ đề này một cách chi tiết. Ông tuyên bố đã có "một sự thay đổi lớn trong cán cân quyền lực quốc tế", ám chỉ cuộc khủng hoảng tài chính, và "triển vọng về đa cực giờ đây đã rõ ràng hơn." Hơn nữa, Hồ đã liên kết nền kinh tế Trung Quốc với sự khởi đầu của đa cực, tuyên bố "sự phát triển của Trung Quốc chắc chắn phải ảnh hưởng đến sự so sánh của các lực lượng quốc tế." Do hậu quả của cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, tình hình an ninh thế giới và ngoại vi phức tạp hơn và Trung Quốc phải đối mặt với những thách thức từ phương Tây, nhưng nhìn chung, "cơ hội là nhiều," Hồ kết luận: Cơ hội đến từ đánh giá của ông "các điều kiện bên ngoài cho sự phát triển của Trung Quốc đã gia tăng hơn nữa, môi trường chiến lược tổng thể tiếp tục được cải thiện, khả năng duy trì chủ quyền và an ninh của đất nước chúng ta vẫn tiếp tục gia tăng,

ảnh hưởng của nước ta ở khu vực ngoại vi đã được mở rộng hơn nữa," và "sức mạnh mềm của Trung Quốc đã tăng lên hơn nữa." Quan trọng là, Chính trong bài phát biểu này, Hồ đã vạch ra một bản sửa đổi đối với 'Ẩn mình chờ thời'. Ông nói rõ trong khi "tuân thủ Ẩn mình chờ thời là quyết định chiến lược của chính phủ trung ương và dựa trên việc phân tích toàn diện cán cân quyền lực quốc tế," thì cũng rõ ràng đã có "một sự thay đổi lớn trong cán cân quyền lực quốc tế" mà các quyết định dựa trên đó đã thay đổi, và do đó chiến lược lớn của Trung Quốc cần được sửa đổi.

Năm tiếp theo, trong bài phát biểu năm 2010 tại Diễn đàn Công tác Kinh tế Trung ương, Hồ tiếp tục những chủ đề này, tuyên bố "đa cực đang ngày càng sâu sắc" và "cán cân quyền lực quốc tế đang thay đổi nhanh chóng." Cùng năm đó, ông phát biểu tại Hội nghị toàn thể lần thứ 5. Bài phát biểu trước Ủy ban Trung ương ĐCSTQ, không chỉ nói "đa cực ngày càng sâu sắc" mà còn nói, "từ quan điểm quốc tế, mặc dù cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế đã có tác động lớn đến nền kinh tế toàn cầu... Ảnh hưởng quốc tế của Trung Quốc và Báo cáo chính trị năm 2012 của Hồ trước Đại hội Đảng lần thứ 18 hai năm sau đó vẫn duy trì giọng điệu này, cho "đa cực đang phát triển sâu rộng" và "cán cân lực lượng quốc tế đang nghiêng về việc duy trì hòa bình thế giới." Cùng với nhau, những tuyên bố này thể hiện sự khác biệt so với những năm ước tính thận trọng hơn trước đây.

Những nhận định này phần lớn được người kế nhiệm của Hồ, Chủ tịch Tập, ủng hộ. Trong bài phát biểu năm 2014 tại Diễn đàn Công tác Các vấn đề Trung ương, ông Tập tuyên bố "sự tiến bộ về đa cực trên thế giới sẽ không thay đổi" và "thế giới ngày nay là một thế giới của sự thay đổi... Đó là một thế giới của những điều chỉnh sâu sắc trong hệ thống quốc tế và trật tự quốc tế. Đó là một thế giới có những thay đổi sâu sắc trong cán cân lực lượng quốc tế có lợi cho hòa bình và phát triển."

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2013, nhà ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị chính thức được thăng chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Người bảo vệ lợi ích của Trung Quốc một cách táo bạo và quyết liệt đôi khi được gọi là “con cáo bạc” vì cả “ngoại hình và mưu trí ngoại giao”, nhưng ông cũng rất xuất sắc và siêng năng. Sau khi tốt nghiệp trung học trong cuộc Cách mạng Văn hóa, Vương Nghị bị đưa đến lao động tại một trang trại ở đông bắc Trung Quốc trong tám năm dài. Một người bạn học cũ của ông kể lại Vương Nghị “không lãng phí thời gian của mình” mà chỉ mải mê nghiên cứu văn học và lịch sử hoàn toàn theo hướng riêng của mình. Khi Cách mạng Văn hóa kết thúc, sự siêng năng của Vương Nghị đã được đền đáp, và ông đã giành được một suất tại Đại học Nghiên cứu Quốc tế Bắc Kinh, nơi ông dành riêng cho việc học tiếng Nhật.

Vương Nghị

Ngay sau khi tốt nghiệp, Vương Nghị bắt tay vào làm việc trong Bộ Ngoại giao (MFA) và kết hôn với 'hoàng gia ngoại giao'. Bố vợ mới của ông, Qian Jiadong, từng là một phần của phái đoàn Trung Quốc tham dự hội nghị Geneva vào những năm 1950 (chuyến đi ngoại giao lớn đầu tiên của đất nước), thư ký đối ngoại chính của Thủ tướng và người sáng lập MFA Chu Ân Lai trong những năm 1960 và 1970, và sau đó là đại sứ Liên hợp quốc vào những năm 1980. Là một người thông thạo tiếng

Nhật, Vương Nghị bắt đầu sự nghiệp của mình ở Nhật Bản và sau đó thăng lên hàng ngũ của MFA với tư cách là một chuyên gia về Nhật Bản và châu Á. Trong các cuộc thảo luận về Triều Tiên, Vương Nghị biết Washington muốn có một tổ chức ba bên liên quan đến Trung Quốc và Triều Tiên, trong khi Bình Nhưỡng muốn song phương chỉ với Hoa Kỳ. Giải pháp của Vương Nghị rất đơn giản. Ông ta tổ chức một bữa tiệc có sự tham gia của cả ba quốc gia, lấy cớ đi vệ sinh giữa chừng và ra lệnh cho nhân viên của ông lén lút nộp đơn, do đó biến ba bên thành song phương — trước sự vui mừng của Bình Nhưỡng và sự ngạc nhiên của Washington.

Dựa vào kỹ năng của Vương Nghị, việc ông đi lên qua MFA không phải là điều bất ngờ. Nhưng đối với một số nhà quan sát, việc ông được nâng lên vị trí ngoại trưởng vẫn là một điều hơi bất ngờ. Hai bộ trưởng ngoại giao trước của Trung Quốc - Lý Triệu Tinh và Dương Khiết Trì - về cơ bản là thân Mỹ, những người đã phục vụ lâu dài ở Hoa Kỳ, và sự nổi bật của họ được coi là một dấu hiệu cho thấy Hoa Kỳ vẫn là cái mà Trung Quốc gọi là 'chìa khóa' trong đối ngoại của họ. phân cấp chính sách. Việc đề bạt một chuyên gia châu Á như Vương Nghị - đúng hay sai - được coi là một dấu hiệu cho thấy khu vực lân cận của Trung Quốc giờ đây ít nhất cũng quan trọng nếu không muốn nói là quan trọng hơn việc quản lý mối quan hệ với Washington.

Cần lưu ý sự thăng tiến của Vương Nghị xảy ra vào thời điểm - khi nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh của Mỹ giảm sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu - các nhà lãnh đạo Trung Quốc bắt đầu điều chỉnh các mục tiêu của chiến lược nước này khỏi tập trung hạn hẹp vào việc làm giảm sức mạnh của Mỹ. hướng tới sự tập trung rộng rãi hơn vào việc xây dựng trật tự khu vực. Nỗ lực này được rút ngắn lại dưới các khái niệm như "Ngoại giao ngoại vi", một thuật ngữ đề cập đến hoạt động ngoại giao ở khu vực lân cận của Trung Quốc (tức là "ngoại vi") và một chính sách có nguồn gốc từ Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á vào cuối những năm 1990. Trong quá khứ, Trung Quốc coi vùng ngoại vi của mình là một nguồn đe dọa, sợ Hoa Kỳ sẽ

tổ chức một liên minh cân bằng bên trong để thách thức Trung Quốc. Theo thời gian, các khái niệm như “Cộng đồng chung vận mệnh” sẽ là tuyên bố về sự quan tâm của Trung Quốc trong việc xây dựng trật tự trong khu vực. Những người rành châu Á như Vương Nghị sẽ quan trọng hơn trong việc thực hiện nó.

Các văn bản tiếng Trung cho thấy sự tập trung của nước này vào việc xây dựng trật tự quyết đoán hơn ở vùng ngoại vi đã thực sự xuất hiện sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, với mục tiêu được coi là định hướng chiến lược hàng đầu trong hành vi chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Hồ Cẩm Đào bắt đầu nâng tầm đó trong Hội nghị Đại sứ lần thứ 11 của mình năm 2009 — thông báo ông ấy đã rời khỏi ‘Ẩn mình chờ thời’. Hồ lưu ý ngoại giao ngoại vi là “một điều kiện bên ngoài quan trọng” cho trọng tâm mới là “hoàn thành một điều gì đó” trên phạm vi quốc tế. Trung Quốc hiện cần tập trung không chỉ vào việc “ổn định” vùng ngoại vi mà còn phải “phát triển” nó. Hồ chỉ rõ do Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, “ảnh hưởng của đất nước chúng ta đối với các vấn đề ngoại vi đã được mở rộng hơn nữa,” và để có được ảnh hưởng tốt thì cần phải lập kế hoạch. “Từ một góc độ toàn diện, chúng ta cần tăng cường hoạch định chiến lược cho vùng ngoại vi,” Hồ tuyên bố, và lần đầu tiên ông lưu ý trong bất kỳ văn kiện chính thức nào của Đảng nguyên tắc “tốt với láng giềng” - mà Giang đã nêu ra lần đầu tiên - nay được coi là một “phương châm ngoại giao ngoại vi”, nâng cao nó. như một mục tiêu chính sách.

Hai năm sau bài phát biểu mang tính bước ngoặt của Hồ, Trung Quốc đã vạch ra khái niệm “Cộng đồng chung vận mệnh” trong Sách trắng tập trung vào chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Cuộc thảo luận về thuật ngữ này đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về ý nghĩa của việc xây dựng trật tự của Trung Quốc trong thực tế. Sở thích của Trung Quốc dành cho một châu Á, nơi những nước khác phụ thuộc vào Trung Quốc về mặt kinh tế và đã ly khai khỏi các liên minh của Mỹ về mặt quân sự, và khái niệm này được định nghĩa theo những thuật ngữ như vậy. Về mặt kinh tế và thể chế, Trung Quốc cho biết “Cộng đồng chung vận

mệnh” là một trạng thái “liên kết với nhau” và “gắn bó với nhau”; về mặt an ninh, họ định nghĩa nó là chống lại “tâm lý Chiến tranh Lạnh”, thường ám chỉ Hoa Kỳ và các liên minh châu Á của nước này. Cụm từ này sau đó xuất hiện trở lại trong Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng lần thứ 18 năm 2012 của Hồ. Trong một số trường hợp ban đầu, Thuật ngữ ban đầu được áp dụng cho Đài Loan, nhưng bối cảnh chỉ ra một logic tương tự: trong cả hai trường hợp, Trung Quốc có thể hạn chế quyền tự quyết của người khác bằng cách gắn nó vào nền kinh tế Trung Quốc và tách nó ra khỏi Hoa Kỳ.

Tập Cận Bình lên nắm quyền sau bài phát biểu đó, và trong năm tiếp theo, ông tiếp tục nâng cao “ngoại giao ngoại vi”. Trong một bài phát biểu vào tháng 6 năm 2013 và sau đó trong một bài luận quan trọng được phát hành trên tờ Nhân dân Nhật báo ngay sau đó, Bộ trưởng Ngoại giao Vương Nghị của ông Tập đã tuyên bố “ngoại giao ngoại vi là hướng ưu tiên” cho chính sách đối ngoại của Trung Quốc, ngôn ngữ trước đây chưa từng được sử dụng. Ông tuyên bố Trung Quốc sẽ cung cấp “hàng hóa công cộng” và ông ấy vạch ra một chương trình để Trung Quốc tập trung nhiều hơn vào khu vực trên các lĩnh vực trải dài từ hợp tác kinh tế đến các thể chế đa phương đến các điểm nóng khu vực và các vấn đề quân sự. Trong bài luận của mình, Vương Nghị đã lưu ý: “Đối với những nước láng giềng và đang phát triển từ lâu đã thân thiện với Trung Quốc và có những nhiệm vụ gian khổ cho sự phát triển của chính họ,” Trung Quốc nên “cân nhắc tốt hơn lợi ích của họ”.

Tháng tiếp theo, Chủ tịch Tập đã tổ chức Diễn đàn Công tác chưa từng có về Ngoại giao Ngoại vi và sử dụng nó để nâng cao khái niệm và liên kết chính thức với “Cộng đồng chung vận mệnh”, biểu hiện rõ ràng nhất cho trọng tâm mới của Trung Quốc trong việc xây dựng trật tự khu vực. Ông Tập thậm chí còn đặt tiêu đề cuộc họp là “Hãy để ý thức về cộng đồng chung vận mệnh ăn sâu vào các nước láng giềng”, nói rõ mục tiêu cuối cùng của Trung Quốc đối với ngoại giao ngoại vi là để các nước láng giềng đăng ký tham gia “Cộng đồng chung vận

mệnh" của Bắc Kinh. Cuộc họp. đánh dấu diễn đàn công việc chính sách đối ngoại lớn đầu tiên của Trung Quốc kể từ Hội nghị công tác năm 2006 của Hồ Cẩm Đào, và nó cũng đánh dấu Diễn đàn Công tác đầu tiên của Trung Quốc về chủ đề ngoại giao ngoại vi. Rõ ràng là có ý định phối hợp chiến lược lớn ở ngoại vi: nó bao gồm tất cả các chủ thể chính sách đối ngoại chính và mọi thành viên của Thường vụ Bộ Chính trị, và tài liệu chính thức của Thông Hoa Xã tuyên bố "nhiệm vụ chính của hội nghị này" là "xác định chiến lược. mục tiêu, hướng dẫn và bố trí tổng thể của công tác ngoại giao đối với các nước ngoại vi trong 5 đến 10 năm tới, đồng thời làm rõ tư duy và kế hoạch thực hiện để giải quyết các vấn đề lớn và các vấn đề mà ngoại giao các nước láng giềng đang phải đối mặt."

Ông Tập nhấn mạnh việc ông tập trung vào khu vực ngoại vi là sự tiếp nối của chính sách trước đây và có liên quan đến "đường lối chính trị ngoại giao" được đưa ra tại Đại hội Đảng lần thứ 18 dưới thời chính quyền Hồ. Nỗ lực từ lâu đã được điều phối một cách tập trung. Ông lưu ý: "Ủy ban Trung ương ĐCSTQ đã tích cực xác định, lập kế hoạch và thực hiện một loạt các sáng kiến ngoại giao lớn đối với các nước ngoại vi." Giống như Hồ trước đó, ông Tập cũng tuyên bố Trung Quốc "tốt với các nước láng giềng và làm điều tốt với các nước láng giềng" nguyên tắc là một "phương châm ngoại giao cơ bản ở ngoại vi". Nhưng ông Tập cũng đã đi xa hơn bất kỳ nhà lãnh đạo nào khác khi nhấn mạnh "chính sách ngoại giao của Trung Quốc ở khu vực này [tức là khu vực ngoại vi] được thúc đẩy và phải phục vụ Mục tiêu hai thế kỷ và sự trẻ hóa quốc gia của chúng ta", một dấu hiệu khác cho thấy sự thay đổi trọng tâm của ngoại giao ngoại vi từ việc chống lại lý thuyết đe dọa Trung Quốc đến xây dựng trật tự, cũng như tầm quan trọng của nó đối với trọng tâm chiến lược lớn của Trung Quốc. Trong một dấu hiệu mạnh mẽ cho thấy khu vực hiện là trọng tâm trong chiến lược lớn của Trung Quốc, ông Tập đã đưa ra một giải pháp thay thế là "ẩn mình và né tránh" dựa trên "Tích cực hoàn thành một

cái gì đó" của Hồ. Cụm từ, "Phấn đấu để đạt được thành tựu," được liên kết rõ ràng với "thúc đẩy ngoại giao ngoại vi."

Ông Tập cũng nói rõ điều này có nghĩa là gì trên thực tế: Trung Quốc sẽ "thực hiện các hành động để giành được sự ủng hộ và tình hữu nghị của chúng ta" và "để đáp lại, chúng ta hy vọng các nước láng giềng sẽ có thiện cảm với chúng ta và hy vọng Trung Quốc sẽ có mối quan hệ bền chặt hơn với họ, và sự hấp dẫn của chúng ta cũng như ảnh hưởng của chúng ta sẽ tăng lên." Hy vọng về ảnh hưởng lớn hơn trong khu vực và chiến lược phối hợp để đạt được điều đó, được trình bày rõ ràng trong các tài liệu này và thể hiện sự tương phản rõ rệt so với thời kỳ trước đó là tập trung vào việc làm giảm quyền lực của Mỹ và các cử chỉ trấn an đặc biệt. Đây bây giờ là một chương trình khu vực toàn diện. Như một bài báo trực tuyến của Nhân dân nhật báo đã lưu ý ngay sau cuộc họp mang tính bước ngoặt của ông Tập vào năm 2013, "hội nghị đã nâng tầm quan trọng của ngoại giao ngoại vi lên tầm trẻ hóa quốc gia." Nó cũng lưu ý thêm "tính cụ thể cao của cuộc họp" về ngoại giao ngoại vi là "cực kỳ hiếm có." Một bài báo khác của Nhân dân nhật báo gọi ngoại giao ngoại vi là "chiến lược lớn" của Trung Quốc. Tháng sau, trong một đánh giá về một số diễn biến của năm đó, Vương Nghị viết, "Trung Quốc đã phá vỡ nền tảng mới trong ngoại giao láng giềng" và "ông cho các chuyến thăm đầu tiên của Tập Cận Bình và Lý Khắc Cường ra nước ngoài sau khi nhậm chức là đến các nước láng giềng, ông Tập đã tham gia vào các tổ chức khu vực, và Đảng đã "tổ chức hội nghị đầu tiên về láng giềng kể từ khi nước CHND Trung Hoa được thành lập." Ngoại giao ngoại vi thực sự là "hướng ưu tiên".

Năm tiếp theo, Trung Quốc tổ chức cuộc họp Diễn đàn Công tác Đối ngoại Trung ương 2014, cuộc họp chỉ được tổ chức bốn lần trong lịch sử và nói chung là trong các giai đoạn chuyển tiếp. Cuộc họp mang tính tổng quát hơn Diễn đàn Công tác về Ngoại giao Ngoại vi năm 2013; thực tế là khu vực lân cận một lần nữa trở thành tâm điểm. Tại cuộc họp này, ông Tập đã nâng tầm ngoại vi hơn các trọng tâm khác cho chiến lược của Trung

Quốc. Trong hầu hết các bài phát biểu của Đảng về chính sách đối ngoại, khi các nhà lãnh đạo Trung Quốc thảo luận về các lĩnh vực trọng tâm, họ luôn liệt kê chúng theo thứ bậc với các cường quốc đứng đầu là "chìa khóa", ngoại vi đứng thứ hai là "ưu tiên" và thế giới đang phát triển đứng thứ ba. Bài phát biểu quan trọng của ông Tập đã thay đổi trật tự, lần đầu tiên đặt vùng ngoại vi lên hàng đầu, một sự thay đổi tinh tế nhưng rất có ý nghĩa trong các khuôn mẫu công thức của nhiều thông báo này. Bài phát biểu chính thức của ông Tập tuyên bố mong muốn của ông là "biến các khu vực lân cận của Trung Quốc thành một cộng đồng chung vận mệnh", và một bài viết chi tiết khiến ông nhấn mạnh Trung Quốc phải "tạo ra một Cộng đồng chung vận mệnh ngoại vi." Mệnh lệnh được lặp lại trong một số thông báo tiếp theo, chẳng hạn như Báo cáo Công tác năm 2014 của Lý Khắc Cường — một thông báo thiết lập chính sách quan trọng khác. Trong đó, Lý Khắc Cường tuyên bố "công việc ngoại giao ngoại vi đã bước sang một giai đoạn mới". Mặc dù thứ tự ngoại giao ngoại vi so với các ưu tiên này không được áp dụng nhất quán trong tất cả các bài phát biểu, nhưng nó vẫn tiếp tục diễn ra trong nhiều các khái niệm khác. Ví dụ, trong bài phát biểu tại Đại hội Đảng lần thứ 19 của ông Tập, phần chính sách đối ngoại của bài phát biểu thậm chí còn được đặt tiêu đề sau khi khái niệm và cuộc thảo luận về "Cộng đồng chung vận mệnh" được đưa ra trước cuộc thảo luận về các mối quan hệ quyền lực lớn, điều này một lần nữa cho thấy một sự thay đổi về chiến lược lớn của Trung Quốc để tập trung vào ngoại vi. Tương tự, Dương Khiết Trì đôi khi đặt ngoại giao ngoại vi lên trước các cường quốc.

Các văn bản của Đảng cũng nêu rõ sự tập trung vào khu vực lân cận của Trung Quốc sẽ được thúc đẩy bởi một loạt các sáng kiến kinh tế, thể chế và an ninh có thể giúp thay đổi quan điểm của khu vực về Trung Quốc. Thật vậy, những bước đi này, theo cách nói của ông Tập, sẽ "diễn giải Giấc mơ Trung Hoa từ quan điểm của các nước láng giềng của chúng ta" và thậm chí sẽ "để ý thức về vận mệnh chung bén rễ", một bước dựa trên sự hiểu

biết và chấp nhận vị trí trung tâm của Trung Quốc đối với các vấn đề của khu vực. Là một phần của những nỗ lực này, Cộng đồng Chung Vận Mệnh đã trở thành trụ cột trong các bài phát biểu của ông Tập ở nước ngoài, đặc biệt là tại mỗi sáng kiến kinh tế, thể chế và an ninh lớn của Trung Quốc. Ví dụ, trong bài phát biểu năm 2013 trước Quốc hội Indonesia, nơi đã công bố BRI nổi tiếng, Tập Cận Bình đã đề cập đến cụm từ này 5 lần. đảm nhận vai trò chủ tịch của CICA, ông đã đưa ra nhiệm kỳ này trong khi đưa ra một Khái niệm An ninh Châu Á Mới, vừa là một phần của "Cộng đồng chung vận mệnh" và cũng chỉ trích các liên minh của Hoa Kỳ. Tập thậm chí còn coi "Cộng đồng chung vận mệnh" là chính chủ đề của Diễn đàn Bác Ngao 2015. Sách trắng năm 2017 của Trung Quốc về Hợp tác An ninh Châu Á thừa nhận "các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nhiều lần xây dựng khái niệm về một cộng đồng chung vận mệnh trong nhiều dịp khác nhau" và tiếp tục lưu ý "Trung Quốc đang nỗ lực xây dựng một cộng đồng chung vận mệnh... ở châu Á." Trong mỗi bài phát biểu, ông Tập lần lượt đề cập đến các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng, các công cụ tài chính mới và các tổ chức an ninh mới. như những nỗ lực thúc đẩy khái niệm này, thể hiện trọng tâm khu vực khác biệt đáng kể so với trọng tâm trước đây vào Hoa Kỳ.

NGOẠI GIAO NGOẠI VI VÀ SỰ TRỖI DẬY TOÀN CẦU CỦA TRUNG QUỐC

Các nhà bình luận chính sách đối ngoại hàng đầu của Trung Quốc nhận xét ngoại giao ngoại vi và xây dựng trật tự thông qua "Cộng đồng chung vận mệnh" đã được nâng cao hơn là tập trung vào Hoa Kỳ. Họ cũng tin việc củng cố quyền bá chủ khu vực dưới ngọn cờ "Cộng đồng chung vận mệnh" là điều cần thiết cho sự trỗi dậy toàn cầu cuối cùng của Trung Quốc. Lưu Chấn Dân, Thứ trưởng Ngoại giao, đã tổng hợp các chủ đề này lại với nhau một cách cô đọng trong một bài luận mà ông viết vào năm 2014. "Để Trung Quốc thực hiện được giấc mơ trẻ hóa quốc gia, trước tiên nước này cần có được sự đồng nhất và hỗ trợ từ các nước châu Á."

Trong một bài báo đăng trên trang web Nhân dân Nhật Báo, Giáo sư Jin Canrong của Đại học Nhân dân Trung Quốc cho biết ông đã quan sát thấy một sự thay đổi chiến lược lớn: “Chúng tôi thường nói ‘các cường quốc là chìa khóa, và ngoại vi là ưu tiên.” Mặc dù ‘trọng điểm’ và ‘ưu tiên’ là quan trọng trong định vị ngoại giao, nhưng trong thực tiễn ngoại giao, ngoại giao ngoại vi thường đứng thứ hai trong các cuộc chạm trán với các mối quan hệ cường quốc. Tuy nhiên, trong hội nghị này, Trung Quốc đã tuyên bố với thế giới bên ngoài trong thực tiễn ngoại giao tương lai, ‘ngoại vi’ và ‘cường quốc’ đều quan trọng như nhau.

Trong khi đó, những người khác như Yan Xuetong nhìn thấy trọng tâm của Hoa Kỳ và trọng tâm ngoại vi không ngang bằng nhau, nhưng với cái sau làm lu mờ cái trước đây. “Tầm quan trọng của các quốc gia ngoại vi hoặc láng giềng của Trung Quốc đối với sự trỗi dậy của nó ngày càng quan trọng hơn tầm quan trọng của Hoa Kỳ.” Ông lưu ý, điều đó có nghĩa là Trung Quốc đã nâng tầm khu vực ngoại vi so với trước đây khi tập trung vào việc đối phó với các áp lực của Mỹ. “Bản chất của sự trỗi dậy của một quốc gia là bắt kịp với quốc gia hùng mạnh nhất trên thế giới và quốc gia mạnh hơn có thể chỉ là vật cản đối với nước đang trỗi dậy và không thể trở thành nước ủng hộ nước này, và điều này đã tạo ra mâu thuẫn cơ cấu giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc.” Vì điều này, ông lập luận, “Trung Quốc từ lâu đã tin nếu quan hệ lâu dài với Hoa Kỳ được xử lý tốt, thì Trung Quốc có thể giảm bớt sự kiềm chế của Hoa Kỳ đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc. và do đó Hoa Kỳ nên được coi là ‘ưu tiên cao nhất’.” Quan điểm này, giống như một chiến lược phản công, cuối cùng đã phải nhường chỗ cho việc xây dựng, và Yan lập luận về việc đặt vùng ngoại vi lên trên Hoa Kỳ: “Đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc, điều quan trọng hơn là phải cố gắng nhận được sự ủng hộ của nhiều quốc gia láng giềng hơn là giảm bớt các nỗ lực ngăn chặn của Hoa Kỳ,” và Trung Quốc có thể nhấn mạnh các dự án như BRI, mà ông Yan nói là một phần của “chiến lược củng cố sự trỗi dậy của đất nước chúng ta” và

“nền tảng để thiết lập một Cộng đồng Chung Vận mệnh” tại cấp độ khu vực. Thật vậy, “Sự trỗi dậy của các cường quốc là một quá trình trong đó một quốc gia trước tiên trở thành cường quốc khu vực và chỉ sau đó mới có thể trở thành cường quốc toàn cầu,” và việc Trung Quốc coi “các nước láng giềng là ưu tiên hàng đầu của ngoại giao sẽ giúp ngăn chặn nguy cơ chạy trước khi bạn có thể bước đi” và tập trung vào châu Á thay vì kéo Trung Quốc vào vũng lầy bên ngoài khu vực của họ.

Những người khác cũng lặp lại những quan điểm này. Xu Jin và Du Zheyuan từ Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc lưu ý: “Tầm quan trọng mà Trung Quốc đặt lên quan hệ với các nước láng giềng sẽ vượt qua tầm quan trọng đối với quan hệ Trung Quốc-Hoa Kỳ. Hội nghị Công tác cho thấy các quốc gia láng giềng sẽ trở thành trọng tâm ưu tiên của chính sách ngoại giao Trung Quốc.” Họ tiếp tục lập luận “Chính phủ Trung Quốc nhận ra để một quốc gia vươn lên, trước hết nó phải vươn lên trong khu vực mà nó thuộc về. Nếu nó không thể thiết lập một trật tự khu vực thuận lợi, thì việc xây dựng quan hệ tốt đẹp với một quốc gia xa xôi sẽ chỉ có tác dụng hạn chế.” Khi Tập Cận Bình nói ngoại giao ngoại vi là cần thiết để trẻ hóa quốc gia, các học giả này tin về cơ bản ông đang nói cần phải trở thành siêu cường toàn cầu: “Cái gọi là sự trẻ hóa vĩ đại của đất nước Trung Quốc thực ra tương đương với việc trở thành siêu cường. Thuật ngữ này hoàn toàn không phải là một thuật ngữ mới, nhưng Trung Quốc đã im lặng về mức độ mà họ sẽ hoàn thành việc trẻ hóa như vậy.”

Tương tự, Chen Xulong, người đứng đầu bộ phận nghiên cứu chiến lược và quốc tế tại Viện Nghiên cứu Quốc tế Trung Quốc, đã viết “một vùng ngoại vi tốt là điều cần thiết để Trung Quốc trở thành một cường quốc toàn cầu... và sẽ là bàn đạp để Trung Quốc vươn ra toàn cầu.” Việc nhấn mạnh nó đã đánh dấu một sự rời xa quá khứ: “Trung Quốc sẽ không thể đạt được tiến bộ trong việc giải quyết những thách thức này [ở ngoại vi] nếu chỉ giữ một thái độ thấp [‘Ẩn mình chờ thời’]. Thay vào đó, nó phải chủ động tạo ra một vùng ngoại vi thuận lợi.” Giáo sư Vương

Nghị Châu từ Đại học Bắc Kinh cũng đưa ra quan điểm tương tự. Vương lập luận: “Rõ ràng là tư duy mới của Trung Quốc về ngoại giao ngoại vi thể hiện lập trường của nước này khỏi một chính sách ngoại giao thụ động, bất lợi của thời đại trước đây” và chuyển sang hướng “dẫn đầu trong việc định hình cấu trúc an ninh ở châu Á”. Bằng chứng là trong các thông cáo chính thức. Vương lập luận: “Những cảnh báo về từ ngữ mới đều liên quan đến sự thay đổi lớn này” trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc.

Như đánh giá của phần này đã làm rõ, kể từ cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, Trung Quốc đã tăng cường đáng kể sự chú trọng của mình vào khu vực ngoại vi và việc thành lập một “Cộng đồng Chung Vận Mệnh” trong khu vực như một trọng tâm chiến lược, và bằng chứng văn bản đáng kể cho thấy trọng tâm này thậm chí đã thay thế chiến lược tập trung vào Hoa Kỳ. Sự thay đổi đi kèm với một bản sửa đổi chính thức trong phương châm chiến lược chính của Trung Quốc và bây giờ chúng ta sẽ xem xét thay đổi đó.

CON ĐƯỜNG — KHỞI ĐẦU TỪ ĐẶNG

Vào ngày 23 tháng 7 năm 2010, Dương Khiết Trì đã có mặt tại Hà Nội để tham dự một cuộc họp của Diễn đàn khu vực ASEAN. Bộ trưởng ngoại giao đầu tiên sinh ra sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949, Dương là một gương mẫu của đoàn ngoại giao Trung Quốc mới được chuyên nghiệp hóa. Sau Cách mạng Văn hóa, khi được cử đến làm việc cực nhọc tại Nhà máy Đồng hồ Điện PuGiang, ông đã có được một vị trí hiếm hoi với tư cách là thực tập sinh tại MFA vào năm 1972. Tại đây, ông tập trung vào việc học tiếng Anh, và năm năm sau, Dương được chỉ định làm phiên dịch và dẫn chương trình cho tổng thống tương lai George H. W. Bush trong chuyến công du kéo dài 16 ngày đến Tây Tạng. James Lilley, một thành viên của phái đoàn và sau này là đại sứ tại Trung Quốc, nhớ lại: “Dương đã ở bên chúng tôi suốt thời gian qua.” Dương kết bạn với gia tộc Bush, tạo ra một tình bạn kéo dài hàng thập kỷ - một tình bạn cũng thúc đẩy sự nghiệp của

Dương về phía trước. Trong thời gian là người dẫn chương trình cho gia tộc Bush, Dương thậm chí còn được đoàn tùy tùng của tổng thống tương lai đặt cho một biệt danh trìu mến. “Chúng tôi đặt biệt danh cho anh ấy là ‘Tiger’ dù anh ấy thực tế ngược lại,” Lilley nhớ lại, ‘tử tế và tốt bụng’.

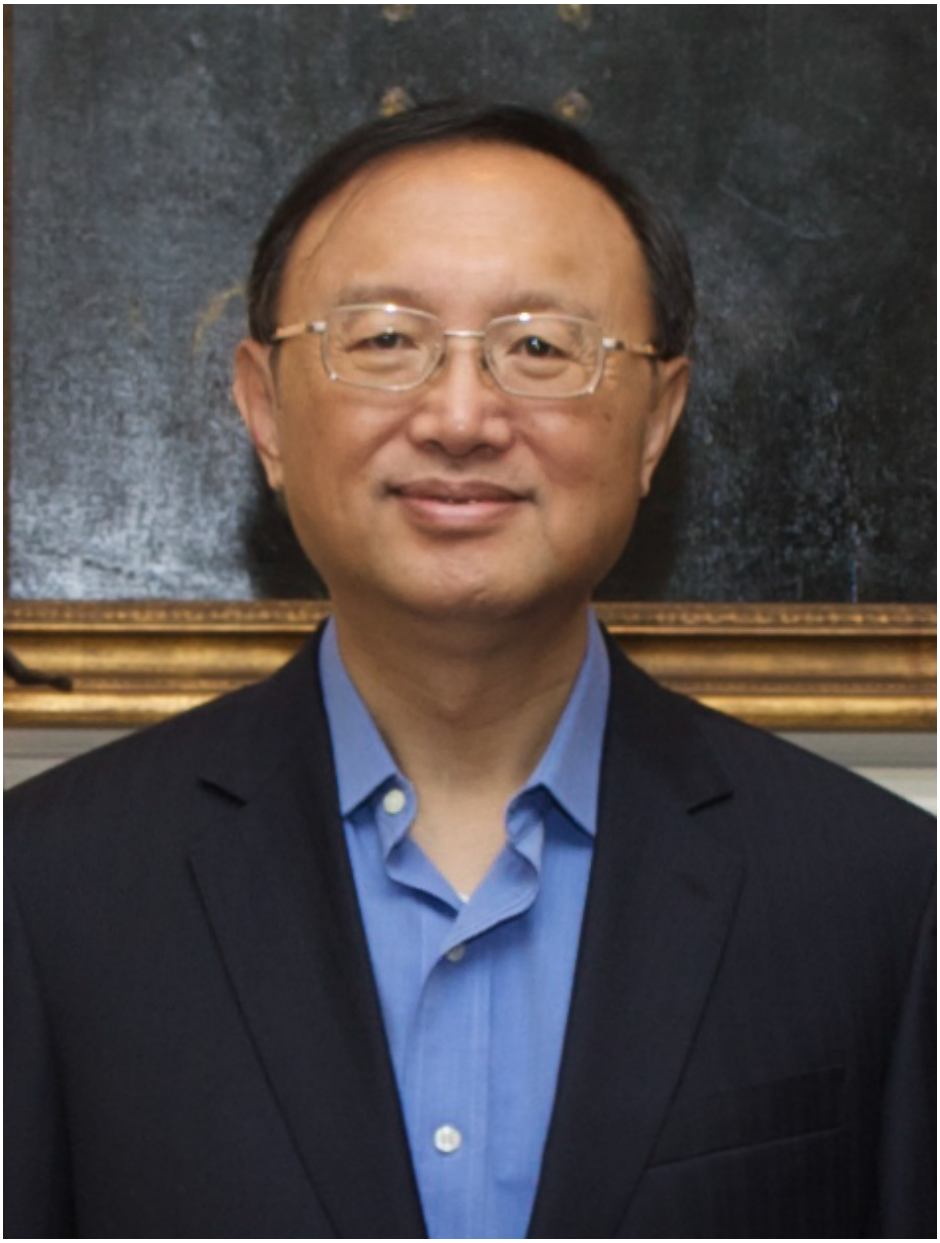

Dương Khiết Trì

Tuy nhiên, khía cạnh niềm nở và quyến rũ trong tính cách của Dương dường như đã biến mất tại Diễn đàn khu vực ASEAN 2010 sau khi Ngoại trưởng Hillary Clinton chỉ trích các tuyên bố

chủ quyền ở Biển Đông của Trung Quốc. Dương xông ra khỏi cuộc họp cả tiếng đồng hồ. Khi trở lại, ông đưa ra một phản bác dài 30 phút, trong đó, theo các tài khoản của Hoa Kỳ và châu Á, ông cáo buộc Hoa Kỳ có âm mưu chống Trung Quốc, đặt câu hỏi về Việt Nam và đe dọa Singapore. Sau đó, ông đưa ra một câu nói nổi tiếng dường như là đường lối ngoại giao mới của Trung Quốc: "Trung Quốc là một nước lớn và các nước khác là nước nhỏ, và đó là sự thật."

Giọng điệu của Dương khiến nhiều người trong vùng bị sốc. Dương là một nhà ngoại giao giàu kinh nghiệm, có khả năng ứng xử nhẹ nhàng ngay cả trong những thời điểm căng thẳng, và Trung Quốc là một cường quốc từ lâu đã sử dụng ARF để trấn an người khác. Sự thay đổi rõ rệt trong cả cách cư xử của Dương và trong chính sách khu vực của Trung Quốc dường như không phải là ngẫu nhiên. Và thực sự, nó đã không phải. Cả hai đều trùng hợp với sự thay đổi trong các chủ trương chiến lược của Trung Quốc — một trong đó, sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, đã đưa Trung Quốc từ "ẩn mình chờ thời" sang "tích cực hoàn thành một cái gì đó", với việc Trung Quốc hiện đang đặt nền móng cho trật tự khu vực.

Trong nhiều thập kỷ, trong các bài phát biểu của Đặng, Giang và Hồ, việc Trung Quốc tuân thủ 'ẩn mình chờ thời', có liên quan rõ ràng đến nhận thức về sức mạnh tương đối của Trung Quốc. Mối liên kết đó có nghĩa là khi nhận thức về quyền lực của Trung Quốc thay đổi, thì cam kết của họ đối với 'ẩn mình chờ thời' cũng vậy.

Như phần mở đầu của chương này đã trình bày, việc Trung Quốc rời khỏi 'Ẩn mình chờ thời' bắt đầu gần một năm sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu trong bài phát biểu của Hồ Cẩm Đào trước Hội nghị Đại sứ lần thứ 11. Ở đó, bằng ngôn ngữ khác hẳn với các bài phát biểu trước đây với các đại sứ — và sau khi công bố những xu hướng thuận lợi trong sự tiến triển của đa cực và cán cân quyền lực quốc tế — ông đã công bố một sửa đổi trong đại chiến lược của Trung Quốc. Trong bài phát biểu của mình, Hồ đã đưa ra một học thuyết mới của

Trung Quốc, đó là “đề cao ‘ẩn mình chờ thời’, và ‘Tích cực Hoàn thành Điều gì đó’.” Điều này có vẻ là tiếp nối với chính sách trước đây. Nhưng công thức của Hồ đã khác với Đặng bằng cách thêm từ “tích cực”, và sau đó ông tiếp tục nâng thuật ngữ đã điều chỉnh thành “phương châm chiến lược”. Quyết định này, được công bố tại một cuộc họp chính sách đối ngoại lớn, có nghĩa là việc bao gồm từ “tích cực” không phải là một cách nói khoa trương mà là một sự thay đổi cơ bản trong chiến lược, mặc dù một sự thay đổi chiến lược được thực hiện với sự trung thành và tôn trọng các công thức ban đầu của Đặng. Điều này có vẻ khó hiểu, nhưng hai học giả Trung Quốc - Chen Dingding của Đại học Tế Nam và Wang Jianwei của Đại học Macao - cho “không thể đánh giá thấp tầm quan trọng”. Theo các học giả và quan chức quen thuộc với các quy trình ra quyết định hàng đầu, để ‘tích cực hoàn thành một số việc’ là điểm nhấn của chiến lược mới. Và sự nhấn mạnh đó có thể đã định hình hành vi của Dương tại ARF.

Mối quan hệ giữa “Ẩn mình chờ thời” và “Hoàn thành điều gì đó” thoạt đầu không rõ ràng đối với những người quan sát thông thường, một phần vì nó bắt nguồn từ thuật ngữ tư tưởng của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhưng một khi biệt ngữ đó được hiểu đúng, lời kêu gọi “Tích cực hoàn thành điều gì đó” của Hồ được tiết lộ nhiều hơn là một sự thay đổi ngữ nghĩa nhỏ. Công thức ban đầu của Đặng về ‘ẩn mình chờ thời’ không bắt nguồn một cách rõ ràng từ phương ngữ của chủ nghĩa Mác - nghĩa là, chiến lược được coi là một cách tiếp cận độc lập đối với hành vi của người Trung Quốc. Nhưng trong các bài phát biểu vào năm 1995 và 1998 của Giang, ‘ẩn mình chờ thời’ được đặt trong một mối quan hệ biện chứng rõ ràng với thuật ngữ “Hoàn thành một cái gì đó,” bản thân nó đã là một phần trong lời khuyên ban đầu của Đặng. Bộ trưởng Lý Triệu Tinh, người đã tuyên bố trong hồi ký của mình ‘ẩn mình chờ thời’ và ‘Hoàn thành một cái gì đó’ có mối quan hệ biện chứng với nhau.

Điều đó có nghĩa là gì? Trong học thuyết Mác, mối quan hệ biện chứng nói chung là mối quan hệ giữa hai khái niệm hoặc lực

lượng đối lập nhau. Chẳng hạn, lên và xuống là hai mặt đối lập, nhưng vì cái này không thể tồn tại mà không có cái kia nên chúng tạo thành một thể thống nhất biện chứng. Mặc dù có sự thống nhất như vậy nhưng hai mặt của mối quan hệ biện chứng không nhất thiết phải cân bằng và mặt này có thể mạnh hơn mặt kia. Từ góc độ này, việc đặt 'ẩn mình chờ thời' trong mối quan hệ biện chứng với 'Hoàn thành điều gì đó' có ý nghĩa vô cùng quan trọng về mặt tư tưởng và có nghĩa là hai khái niệm về cơ bản được xem như đối lập nhau. Và trong khi Trung Quốc không thể "một mặt nhấn mạnh một trong những khái niệm này" với sự vắng mặt hoàn toàn của khái niệm kia, như Lý Triệu Tinh đã cảnh báo, nó vẫn có thể nhấn mạnh một nửa của phép biện chứng. Thật vậy, trong bài phát biểu năm 1995 của Giang, trong đó đề cập đến giới luật của Đặng là "Ẩn mình chờ thời, hoàn thành điều gì đó", ông lập luận về cơ bản Trung Quốc nên theo 'Ẩn mình chờ thời' nhưng 'hoàn thành mọi thứ nếu có thể', nhấn mạnh vào nửa đầu. Giang lưu ý, "nhưng khi tôi nói 'Hoàn thành một điều gì đó' ở đây, tôi muốn nói chỉ những điều chúng ta phải làm hoặc chúng ta có thể làm mới là những điều mà chúng ta nên làm, và chúng ta không được cố gắng làm mọi thứ. Chúng ta không thể vượt ra ngoài thực tế của mình trong việc cố gắng làm mọi thứ" trên trường quốc tế.

Trong bài phát biểu sau đó, Giang đã làm rõ về phép biện chứng, "chìa khóa là nắm bắt được cấu trúc [quốc tế]," mà trong Đảng đề cập đến tính đa cực và cán cân quyền lực quốc tế. Khi cấu trúc đó thay đổi, Trung Quốc sẽ nhấn mạnh một phần khác của phép biện chứng. Thật vậy, khi Chủ tịch Hồ nhấn mạnh "Tích cực hoàn thành một việc gì đó" vào năm 2009 sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu và sửa đổi bản hướng dẫn gần hai mươi năm tuổi, thì việc bổ sung từ "tích cực" cho thấy đã đến lúc cần nhấn mạnh một khía cạnh của phép biện chứng. mối quan hệ — phần thành tựu — và điều đó đòi hỏi một chính sách đối ngoại ngày càng quyết đoán hơn. Cũng trong bài phát biểu đó, Hồ nói 'Ẩn mình chờ thời' và 'Tích cực hoàn thành một cái gì đó' là "một phần của sự thống nhất biện

chứng” nhưng “chúng không đối lập nhau”, điều này có vẻ nghịch lý vì phép biện chứng dựa trên các mối quan hệ đối lập. Hồ không nói những khái niệm này không đối lập mà là chúng không phải là một phần của “sự thống nhất đối lập”, một khái niệm chính trong phương ngữ. Ý nghĩa của những cụm từ và sự khác biệt quan trọng của chúng được viết một cách có thẩm quyền trong Từ điển các khái niệm triết học, chuyên đề chi tiết về phép biện chứng của Đảng Cộng sản Trung Quốc. “Sự thống nhất đối lập” là một cặp tương hỗ rõ ràng. đối lập độc quyền; ngược lại, “sự thống nhất biện chứng” là một cặp mặt đối lập ít cụ thể hơn và trừu tượng hơn, có khả năng chồng chéo lên nhau. Để dịch điều này thành các thuật ngữ cụ thể, Hồ cho ‘Ẩn mình chờ thời’ và ‘Tích cực hoàn thành một việc gì đó’ là một “thống nhất biện chứng” chứ không phải “thống nhất đối lập” là một tuyên bố hai khái niệm này không nằm trong mối quan hệ nhị phân mà là có một phổ giữa chúng. Khi chủ động hoàn thành một điều gì đó, Hồ lưu ý, Trung Quốc đang tích cực hơn nữa “sử dụng sức mạnh quốc gia tổng thể ngày càng tăng và ảnh hưởng quốc tế của đất nước chúng ta để bảo vệ tốt hơn lợi ích của đất nước chúng ta” và rời khỏi ‘Ẩn mình chờ thời’, Hồ coi đó là một chiến lược đối với Trung Quốc để “tránh trở thành tâm điểm của các cuộc xung đột quốc tế lớn và tránh rơi vào vòng xoáy của xung đột và đối đầu để giảm thiểu các áp lực bên ngoài và lực cản đối với sự phát triển của Trung Quốc.” Từ Chiến tranh Lạnh đến sau Khủng hoảng tài chính toàn cầu, Trung Quốc nhấn mạnh tính biện chứng của phần ‘Ẩn mình chờ thời’ tự kiềm chế và tìm cách làm giảm bớt ‘áp lực bên ngoài’. Sau Chiến tranh Lạnh, Trung Quốc nhấn mạnh tính chủ động hơn “Tích cực hoàn thành điều gì đó” và tìm cách trở nên quyết đoán hơn, đặc biệt là trong khu vực.

Ngôn ngữ năm 2009 của Hồ về “Tích cực hoàn thành điều gì đó” trái ngược hoàn toàn với ngôn ngữ thụ động hơn trong bài phát biểu năm 2006 của ông, có phần mở rộng khuyến khích Trung Quốc tránh “nói quá nhiều” và nắm quyền lãnh đạo. Thay vào đó, Hồ lập luận vào năm 2009 “Trung Quốc phải tiến hành

từ tầm cao chiến lược" và "nỗ lực hành động nhiều hơn trong các vấn đề quốc tế," bao gồm "đảm nhận các trách nhiệm và nghĩa vụ quốc tế phù hợp với sức mạnh và vị thế quốc gia của Trung Quốc và phát huy vai trò xây dựng duy nhất của Trung Quốc."

Sự ra đi của Đặng, được đánh dấu bằng bài phát biểu năm 2009 của Hồ, càng được đưa ra rõ ràng hơn dưới thời Tập Cận Bình. Trong một bài phát biểu quan trọng năm 2013 đề ra "Ngoại giao cường quốc" mới của Trung Quốc, Vương Nghị dường như đã từ chối rõ ràng 'Ẩn mình chờ thời' để ủng hộ "Tích cực hoàn thành điều gì đó". "Ngày nay, Trung Quốc đã đứng dưới ánh đèn sân khấu của thế giới," Vương lập luận, tạo ra sự tương phản trong thuật ngữ của mình với gợi ý của Đặng về 'ẩn mình' trong 'Ẩn mình chờ thời'. Vương Nghị tuyên bố, theo đó, Trung Quốc sẽ theo đuổi một "chính sách ngoại giao chủ động hơn" liên quan đến việc thực hiện các trách nhiệm mới. Thật vậy, Vương Nghị đã sử dụng cụm từ chủ động, tích cực ít nhất mười ba lần trong bài phát biểu, thiết lập một liên kết rõ ràng với "Tích cực hoàn thành một điều gì đó" và thể hiện sự nhất quán trong các chính quyền. Về phần mình, ông Tập không hề đề cập đến 'Ẩn mình chờ thời' trong bất kỳ bài phát biểu nào của Đảng - nhà lãnh đạo tối cao đầu tiên kể từ thời Mao không bao giờ sử dụng cụm từ này. Và tại cuộc họp năm 2013 về ngoại giao ngoại vi, ông Tập dường như đã chuyển "Tích cực hoàn thành điều gì đó" của Hồ thành cụm từ đặc trưng của ông "Phấn đấu cho thành tựu", đánh dấu lần đầu tiên cụm từ xuất hiện trong chính sách đối ngoại. "Chúng ta phải cố gắng đạt được thành tựu trong việc thúc đẩy ngoại giao ngoại vi," ông Tập tuyên bố, "chúng ta phải làm việc chăm chỉ vì một vùng ngoại vi tốt cho sự phát triển của đất nước chúng ta và chúng ta phải đảm bảo sự phát triển của đất nước mang lại lợi ích cho các nước ngoại vi và đạt được sự phát triển chung." Tập trung vào sự quyết đoán mới của Trung Quốc, ông Tập nói rõ, là thực hiện ảnh hưởng lớn hơn và thúc đẩy kết nối lớn hơn trong khu vực của Trung Quốc.

Nền tảng cho sự trái ngược hoàn toàn với thời kỳ trước là sự thay đổi trong nhận thức về bản thân của Trung Quốc. Khuôn khổ "Phấn đấu cho thành tựu" có liên quan chặt chẽ đến khái niệm "ngoại giao cường quốc" của Đảng, đã thay đổi khi Trung Quốc coi mình là mạnh hơn. Khái niệm ban đầu đề cập đến quan hệ của Trung Quốc với các cường quốc khác, nhưng bài phát biểu năm 2013 của Vương Nghị "Khám phá ngoại giao cường quốc với đặc điểm của Trung Quốc" đã chứng minh bản thân Trung Quốc hiện là cường quốc và cần có một nền ngoại giao tương xứng với vị thế mới của mình. Quan điểm này sau đó đã được chính thức hóa bởi Chủ tịch Tập Cận Bình, người lặp lại quan điểm tương tự trong Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương năm 2014 của ông: "Trung Quốc phải có chính sách ngoại giao cường quốc của riêng mình ... chúng ta phải làm phong phú và phát triển khái niệm về công tác đối ngoại của mình để nó có những đặc điểm riêng biệt của Trung Quốc, phong cách Trung Quốc, và mang tính trang nghiêm của Trung Quốc." Thật vậy, như Yan Xuetong lưu ý, "thuật ngữ nước lớn [tức là cường quốc] không còn dùng để chỉ các cường quốc nước ngoài mà là chính Trung Quốc." Và như Xu Jin và Du Zheyuan viết, "Hướng dẫn các quốc gia khác sẽ thay thế chính sách 'không bao giờ đi đầu', một chính sách phù hợp với các quốc gia yếu kém, hoặc một chính sách báo hiệu sự yếu kém... Trung Quốc cần phải quyết đoán hơn và chủ động, có lập trường thường xuyên hơn và chịu trách nhiệm lớn hơn."

Tóm lại, 'Ẩn mình chờ thời' là cách để Trung Quốc chấm dứt việc giảm thiểu nguy cơ bị Hoa Kỳ dẫn đầu. Sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, chiến lược này không còn được coi là cần thiết nữa; thay vào đó, "Tích cực hoàn thành một cái gì đó" và "Phấn đấu cho thành tựu" đã trở thành cách để Trung Quốc đạt được mục tiêu có ảnh hưởng lớn hơn trong khu vực thông qua một chiến lược công khai tìm cách ràng buộc các nước láng giềng của Trung Quốc chặt chẽ hơn, cung cấp một giải pháp thay thế cho sự cân bằng và liên minh của Hoa Kỳ, và theo đuổi các lợi ích khu vực và lãnh thổ của Trung Quốc một cách

mạnh mẽ hơn. Cũng như sự thay đổi về mục đích và cách thức, chiến lược mới cũng kéo theo sự thay đổi rõ rệt về phương tiện.

CÔNG CỤ ĐỂ XÂY DỰNG

Như các phần trước đã nói rõ, chiến lược mới của Trung Quốc không trừu tượng và các bài phát biểu cấp cao làm rõ cách chuyển chiến lược thành các công cụ cụ thể của quy chế. Trong bài phát biểu quan trọng tại Hội nghị Đại sứ lần thứ 11 năm 2009 của Hồ, ông đã giải thích cụ thể về ý nghĩa của "Tích cực hoàn thành điều gì đó" và sự quyết đoán mới của Trung Quốc. Về cơ bản, nó có nghĩa là những thay đổi đáng kể và có sự phối hợp trong hành vi chính trị, kinh tế và quân sự của Trung Quốc, tất cả đều nhằm mục đích chủ động định hình lại khu vực. Đối với hành vi chính trị của Trung Quốc, Hồ tuyên bố Trung Quốc "phải tham gia tích cực hơn vào việc xây dựng các quy tắc và thể chế quốc tế", dự kiến sự ra đời của AIIB và vai trò lãnh đạo của CICA. Về các vấn đề kinh tế, ông tuyên bố Trung Quốc "phải tích cực thúc đẩy hơn cải cách hệ thống kinh tế và tài chính quốc tế" và đề xuất đầu tư cơ sở hạ tầng mạnh mẽ như một phần của việc này. "Đặc biệt," và đón đầu BRI sau này, Hồ tuyên bố "chúng ta phải tích cực tham gia và thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng các đường cao tốc xung quanh, đường sắt, thông tin liên lạc và các kênh năng lượng ở ngoại vi để tạo thành một mạng lưới cơ sở hạ tầng liên kết và tương thích xung quanh Trung Quốc." Và về các tranh chấp lãnh thổ quân sự hóa, Hồ tuyên bố Trung Quốc "phải tích cực hơn nữa thúc đẩy việc giải quyết các điểm nóng quốc tế và khu vực liên quan đối với lợi ích cốt lõi của Trung Quốc... tăng cường hoạch định chiến lược của chúng ta, thực hiện nhiều động thái tấn công hơn." Ngôn ngữ quyết đoán này về cơ bản kêu gọi chủ động và giải quyết các tranh chấp về các điều khoản của Trung Quốc và là một khác biệt rõ ràng với ngôn ngữ của Hồ tại Diễn đàn Công tác Đối ngoại năm 2006, nơi ông tuyên bố trong một cuộc thảo luận về lợi ích cốt lõi của Trung Quốc "đối với những vấn đề không ảnh hưởng đến tình hình chung, chúng ta phải thể hiện sự hiểu biết lẫn nhau và đồng hành cùng nhau để chúng ta có

thể tập trung nỗ lực vào việc bảo vệ và phát triển các lợi ích quốc gia lâu dài và quan trọng hơn." Sự tham gia sẽ đòi hỏi các khả năng quân sự khác nhau, đặc biệt là những khả năng hướng tới kiểm soát trên biển và các hoạt động đổ bộ thay vì từ chối hoạt động trên biển.

Những nỗ lực của ông Tập trong việc nâng tầm Ngoại giao Ngoại vi và tạo ra một "Cộng đồng Chung vận mệnh" về cơ bản được xây dựng dựa trên nền tảng mà Hồ đã đặt ra trong bài phát biểu năm 2009 của mình.

Đầu tiên, về các vấn đề thể chế và kinh tế, ông Tập đã nói rõ trong nhiều bài phát biểu các nỗ lực lớn của lãnh đạo Trung Quốc, như BRI và AIIB, là một phần trong chiến lược của ông nhằm tạo ra một "Cộng đồng chung vận mệnh" và là phần cốt lõi của "ngoại giao ngoại vi". Điều này lại cần thiết cho quá trình trẻ hóa quốc gia. Các bài phát biểu của ông tại Quốc hội Indonesia và tại Kazakhstan thông báo BRI, và các bài phát biểu của ông trước khi APEC công bố AIIB, tất cả đều làm rõ mối liên hệ này. Như đã thảo luận trước đó, ông Tập đã đưa ra chủ đề của toàn bộ Diễn đàn Bác Ngao năm 2015 là "Tương lai mới của châu Á: Hướng tới một cộng đồng chung vận mệnh" và đề cập đến những công cụ tương tự này là điều cần thiết. Và tại Diễn đàn BRI 2017, ông Tập đã nói rõ về những mối liên kết, tuyên bố tất cả các bên tham gia BRI sẽ "tiếp tục tiến gần hơn tới một Cộng đồng Chung vận mệnh cho nhân loại. Đây là điều tôi đã nghĩ đến khi lần đầu tiên đưa ra Sáng kiến Vành đai và Con đường. Đó cũng là mục tiêu cuối cùng của sáng kiến này." Nói tóm lại, đây là những phương tiện kinh tế và thể chế trọng tâm của chiến lược lớn của Trung Quốc nhằm xây dựng trật tự khu vực.

Trái ngược với các bài phát biểu trước công chúng, các bài phát biểu trong Đảng của ông Tập đã rõ ràng hơn về cách các công cụ sẽ thúc đẩy ảnh hưởng trong khu vực của Trung Quốc, đặc biệt là bài phát biểu của ông tại Diễn đàn Công tác về Ngoại giao Ngoại vi năm 2013, nơi công bố AIIB, BRI và các sáng kiến khu vực lớn khác. Trong bài phát biểu đó, và về khía cạnh

kinh tế, ông Tập đề xuất cung cấp 'hàng hóa công cộng' và tạo điều kiện cho sự phụ thuộc lẫn nhau, cả hai điều này sẽ "tạo ra một mạng lưới lợi ích chung chặt chẽ hơn và tích hợp tốt hơn lợi ích của Trung Quốc với [các nước láng giềng], để họ có thể hưởng lợi từ Trung Quốc phát triển." Ông ấy giải thích chính xác cách Trung Quốc sẽ làm điều này. "Chúng ta phải nỗ lực hết sức để đạt được sự tương hỗ đôi bên cùng có lợi," ông Tập tuyên bố, "Chúng ta phải lập kế hoạch tổng thể cho việc sử dụng các nguồn lực của mình... [và] tận dụng các thế mạnh so sánh của chúng ta, xác định chính xác các điểm hội tụ chiến lược cho cả hai bên. hợp tác có lợi với các nước láng giềng và tham gia tích cực vào hợp tác kinh tế khu vực." Về mặt thực tiễn, ông tuyên bố, "chúng ta nên làm việc với các nước láng giềng để tăng tốc độ kết nối cơ sở hạ tầng giữa Trung Quốc và các nước láng giềng của chúng ta" và liệt kê rõ ràng BRI và AIIB là công cụ để thực hiện điều đó. Ngoài ra, ông Tập muốn "đẩy nhanh việc thực hiện chiến lược các khu thương mại tự do" và đặt "các nước láng giềng của chúng ta làm cơ sở", một dấu hiệu khác cho thấy sự phát triển của vùng ngoại vi. Đầu tư mới cũng như sự liên kết tích cực giữa các khu vực biên giới Trung Quốc và các nước láng giềng cũng rất cần thiết. Mục tiêu tổng thể, ông Tập tuyên bố, là "tạo ra một mô hình hội nhập kinh tế khu vực mới", mục tiêu mà ông đã tuyên bố nhiều lần là sẽ liên kết chặt chẽ với Trung Quốc. Còn lại là mục tiêu không đối xứng là việc tích cực xây dựng kiểu phụ thuộc lẫn nhau bất đối xứng này sẽ mang lại cho Trung Quốc quyền tự do điều động lớn và có khả năng hạn chế các nước láng giềng.

Thứ hai, về các vấn đề an ninh, ông Tập dường như coi các tổ chức đa phương là phương tiện để tạo ra "Cộng đồng chung vận mệnh" với vai trò giảm dần đối với các liên minh của Hoa Kỳ. Trong bài phát biểu tại Diễn đàn Công tác Ngoại giao Ngoại vi năm 2013, ông Tập đã mạnh dạn tuyên bố "cần phải có một triển vọng mới về an ninh" đối với châu Á và để đạt được điều đó, Trung Quốc "phải phát triển một chiến lược an ninh toàn diện với các nước láng giềng." Tương tự, tại thể chế

này, ông Tập đã nêu các mục tiêu về ảnh hưởng trong khu vực sẽ đòi hỏi Bắc Kinh phải "tích cực tham gia vào các sáng kiến an ninh khu vực và tiểu vùng." Những nhận xét này dự đoán những nỗ lực cấp cao của Trung Quốc trong việc sử dụng vai trò chủ tịch CICA để thúc đẩy khu vực châu Á của riêng mình. tầm nhìn về kiến trúc an ninh châu Á, trong đó ông Tập kêu gọi các quốc gia châu Á tạo ra một Cộng đồng chung vận mệnh và đưa vào trung tâm của nó một Khái niệm an ninh châu Á mới chi tiết về "an ninh chung, toàn diện, hợp tác và bền vững". Như Chương 9 sẽ thảo luận, khái niệm bốn hướng đó đề xuất các quốc gia châu Á chịu trách nhiệm về các vấn đề của châu Á. Ví dụ, bài phát biểu của ông Tập tại Diễn đàn Bác Ngao năm 2015 có chủ đề "Cộng đồng chung vận mệnh" đã tuyên bố dứt khoát "để xây dựng một cộng đồng có chung vận mệnh, chúng ta cần theo đuổi an ninh chung, toàn diện, hợp tác và bền vững... Khi người dân các nước chia sẻ vận mệnh chung và ngày càng phụ thuộc lẫn nhau... tâm lý Chiến tranh Lạnh thực sự nên bị loại bỏ và các khái niệm an ninh mới được được nuôi dưỡng khi chúng ta khám phá một con đường cho châu Á đảm bảo an ninh cho tất cả mọi người." Và trong một phần của Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng lần thứ 19 thảo luận về Cộng đồng chung vận mệnh, ông Tập đã tuyên bố đạt được điều đó đòi hỏi phải "chung, an ninh toàn diện, hợp tác và bền vững," và ông kêu gọi tất cả các quốc gia "kiên quyết từ chối tâm lý Chiến tranh Lạnh và chính trị quyền lực, đồng thời thực hiện một cách tiếp cận mới đối với Tăng tốc các mối quan hệ giữa các nhà nước với sự giao tiếp, không phải đối đầu và với quan hệ đối tác, không phải liên minh." Các tổ chức đa phương, do đó, được coi là công cụ quan trọng để viết lại các chuẩn mực khu vực về an ninh châu Á, nâng cao vai trò lãnh đạo của Trung Quốc và giảm vai trò của Mỹ. Nói một cách khái quát về sức mạnh của những chuẩn mực này, ông Tập đã đề nghị trong bài diễn văn Diễn đàn Công tác về Ngoại giao Ngoại biên năm 2013: "Chúng ta phải nắm lấy và thực hành những ý tưởng này, để chúng trở thành niềm tin và chuẩn mực ứng xử chung cho toàn khu vực."

Diễn đàn châu Á Bác Ngao là một diễn đàn kinh tế quốc tế mang tính phi chính phủ và phi lợi nhuận dành cho các nhà lãnh đạo chính phủ, doanh nghiệp và các nhà nghiên cứu của các nước châu Á và các châu lục khác, nhằm chia sẻ tầm nhìn về mọi vấn đề trong khu vực và trên thế giới.

Các công cụ quân sự là một công cụ để đạt được ảnh hưởng lớn hơn trong khu vực, bao gồm cả việc tăng cường quan hệ an ninh với các nước láng giềng, ảnh hưởng đến việc giải quyết các tranh chấp lãnh thổ và cung cấp an ninh chung. Về quan hệ với các nước láng giềng, việc ông Tập kêu gọi "Cộng đồng chung vận mệnh" thường nhấn mạnh tầm quan trọng của việc Trung Quốc mở rộng hợp tác an ninh với các nước láng giềng châu Á. Trong một bài phát biểu năm 2013, Vương Nghị đã liên

kết “hợp tác trong các lĩnh vực an ninh truyền thống và phi truyền thống” và mở rộng “trao đổi quốc phòng và an ninh với các nước láng giềng” như một phần của nỗ lực. Đối với an ninh chung, luận điệu của Trung Quốc tại CICA tự xem mình là một nhà cung cấp an ninh chung trong tương lai. Các sứ mệnh chống cướp biển của Trung Quốc là một yếu tố của điều này, nhưng cũng là những kế hoạch tham vọng hơn trong tương lai. Ví dụ, Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc Ngụy Phượng Hòa tuyên bố Trung Quốc “sẵn sàng cung cấp các đảm bảo an ninh cho dự án Một vành đai, một con đường”, một dấu hiệu cho thấy Cộng đồng chung vận mệnh có thể liên quan đến việc quân đội Trung Quốc cung cấp an ninh chung. Cuối cùng, Trung Quốc đã củng cố lập trường của mình đối với các tranh chấp lãnh thổ sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu 2008 bắt đầu với Bài phát biểu tại Hội nghị Đại sứ lần thứ 11 của chính Hồ. Lời hùng biện mạnh mẽ đó vẫn tiếp tục cho đến nay, với việc Tập Cận Bình hứa trong bài phát biểu năm 2017 với NPC “không một inch” lãnh thổ nào sẽ bị tách khỏi Trung Quốc.

Tóm lại, các tuyên bố của Hồ và Tập - cũng như các bộ trưởng khác nhau của họ - cho thấy rõ ràng các công cụ chính trị, kinh tế và quân sự đã được phối hợp với nhau để thúc đẩy ngoại giao ngoại vi của Trung Quốc và “Cộng đồng chung vận mệnh”. Quyết định của Hồ khi nhấn mạnh “Tích cực hoàn thành điều gì đó” trong “Ẩn mình chờ thời” vào năm 2009 đã định hình lại chiến lược lớn của Trung Quốc và là động lực đằng sau “sự quyết đoán mới” mà nhiều người đã phát hiện trong hành vi của Trung Quốc sau Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu. Một số biểu hiện rõ ràng nhất của chiến lược mới này là trong lĩnh vực quân sự khi Trung Quốc bắt đầu xây dựng các nhóm tác chiến tàu sân bay, tàu đổ bộ và các cơ sở ở nước ngoài — một sự phát triển mà chúng ta sẽ chuyển sang chương tiếp theo.

Sources: Mercator Institute for China Studies; HKTDC Research; *The Economist*

The Economist

THỰC HIỆN NHIỀU ĐỘNG THÁI TẤN CÔNG HƠN

“Năm 2009, Trung Quốc đưa ra ý tưởng và kế hoạch đóng tàu sân bay. Điều này cho thấy Trung Quốc đã bước vào kỷ nguyên lịch sử xây dựng mình thành một cường quốc hàng hải.” Cơ quan quản lý đại dương nhà nước Trung Quốc, 2010.

THỰC HIỆN XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI

Trong phần lớn cuộc đời của mình, “cha đẻ của Hải quân Trung Quốc” chưa bao giờ nhìn thấy biển. Lưu Hoa Thanh lớn lên trên núi, tham gia chiến đấu năm mười bốn tuổi, tham gia quân đội, và phục vụ xuất sắc với tư cách là một sĩ quan trong Quân đội Giải phóng Nhân dân. Mãi cho đến tháng 2 năm 1952, khi Lưu ba mươi sáu tuổi được triệu tập đến Bắc Kinh và được thông báo với sự ngạc nhiên, anh ta sẽ được làm phó chính ủy của Học viện Hải quân Đại Liên mới được thành lập.

Lưu Hoa Thanh

Vào thời điểm đó, PLA hầu như không có hải quân. Nó đã tập trung vào chiến tranh du kích trong nhiều thập kỷ, vì vậy khi Lưu báo cáo với học viện, ông đã sớm phát hiện ra hầu hết các

học viên và nhân viên chưa bao giờ dành nhiều thời gian cho biển cả. Chỉ một số ít được phép huấn luyện thực địa, và đó là trên một chiếc thuyền buôn, trước sự thích thú của cả sinh viên và nhân viên. Lưu ưu tiên cải thiện việc đào tạo thực địa của trường: năm tiếp theo, anh bắt đầu với các học viên trong vài tuần trên một con tàu hải quân thực tế — trớ trêu thay, một con tàu Hải quân Mỹ đã ngừng hoạt động được đóng trước Chiến tranh Thế giới thứ hai. “Đây là lần đầu tiên trong đời tôi đi biển,” Lưu viết trong hồi ký, và mọi chuyện diễn ra không suôn sẻ. Lưu kể lại: “Những thủy thủ cũ và sinh viên quen với cuộc sống trên biển không dễ bị say sóng”, “nhưng mặc dù tôi là một người lính kỳ cựu, nhưng tôi hầu như không phải là một thủy thủ kỳ cựu”. Cha đẻ của Hải quân Trung Quốc, cùng với hầu hết các học viên của mình, đã trải qua phần lớn cuộc hành trình.

Nhiều thập kỷ sau, Hải quân Trung Quốc hiện đại, chuyên nghiệp và có năng lực. Nó đã chuyển từ sự phụ thuộc ban đầu vào các thuyền buồm và các tàu Mỹ đã ngừng hoạt động để giờ đây sánh ngang với Hoa Kỳ trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương về mặt định lượng và ngày càng định tính, một sự ghi nhận đối với sự cống hiến và lãnh đạo của Lưu. Thời gian ngắn ngủi của Lưu tại Đại Liên đã tạo dựng cho anh ta một sự nghiệp lâu dài tập trung vào các vấn đề hải quân, và không lâu sau chuyến đi biển định mệnh của mình, Lưu rời Trung Quốc để theo học tại Học viện Hải quân Voroshilov của Liên Xô. Sau đó, anh thăng tiến nhanh chóng để trở thành chỉ huy lâu nhất của Hải quân Quân Giải phóng Nhân dân, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương và sau đó là thành viên của Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị cầm quyền của Trung Quốc.

Giấc mơ lớn của Lưu là một hải quân tập trung vào tàu sân bay, tập trung vào việc kiểm soát trên biển để bảo vệ các lợi ích ở nước ngoài của Trung Quốc. Tuy nhiên, di sản của ông khi về hưu là lực lượng hải quân tập trung vào tàu ngầm, tập trung vào việc từ chối trên biển để ngăn chặn sự can thiệp quân sự của Mỹ vào vùng biển gần Trung Quốc. Việc thúc đẩy tàu sân bay của Lưu đã nhiều lần bị bác bỏ, như Chương 4 đã thảo

luận, bởi vì các nhà lãnh đạo Trung Quốc tập trung vào việc ngăn chặn mối đe dọa quân sự của Mỹ và nhiệm vụ đó được hoàn thành tốt hơn với vũ khí bất đối xứng như tàu ngầm hơn là các tài sản dễ bị tổn thương hơn như tàu sân bay - điều này thậm chí có thể khiến láng giềng lo sợ và thúc đẩy họ về phía Hoa Kỳ. Lưu hết sức giám sát việc xây dựng hải quân phi đối xứng đó, nhưng dù sao thì ông cũng quyết tâm "nếu Trung Quốc không đóng tàu sân bay, tôi sẽ chết không nhắm mắt." Lưu mất năm 2011, một năm trước khi Trung Quốc hạ thủy tàu sân bay đầu tiên. Nhưng đến lúc đó, việc định hướng lại hải quân trung Quốc mà ông đã hy vọng từ lâu về việc kiểm soát biển, nước xanh và tàu sân bay đã được tiến hành.

Chương này thảo luận về sự định hướng lại đó. Nó lập luận khi cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu xảy ra và làm giảm đánh giá của Trung Quốc về sức mạnh của Hoa Kỳ, thì đại chiến lược của Trung Quốc đã thay đổi. Trọng tâm vào việc làm giảm sức mạnh của Mỹ đã nhường chỗ cho một trọng tâm là xây dựng nền tảng cho trật tự do Trung Quốc lãnh đạo ở châu Á. Thành phần quân sự của chiến lược lớn này rất quan trọng. Trung Quốc biết thủy lôi, tên lửa và tàu ngầm rất hữu ích trong việc từ chối các hoạt động hoặc sự can thiệp của Mỹ như một phần trong chiến lược cắt giảm của Trung Quốc, nhưng lại ít hữu ích hơn đối với chiến lược xây dựng trật tự bằng cách tạo ra đòn bẩy quân sự lâu dài đối với các nước láng giềng của Trung Quốc. Những loại tài sản này không thể tự mình chiếm giữ hoặc nắm giữ các đảo hoặc vùng biển xa xôi, bảo vệ các tuyến đường liên lạc trên biển, cho phép Trung Quốc can thiệp vào công việc của các nước láng giềng hoặc cung cấp an ninh chung. Vì vậy, Trung Quốc cần một cơ cấu lực lượng khác, một cơ cấu lực lượng phù hợp hơn để kiểm soát đường biển, chiến tranh đổ bộ và tăng cường sức mạnh. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc, như các bài viết của Lưu cho thấy, từ lâu đã muốn có một cấu trúc như vậy nhưng đã cảm thấy bị hạn chế trong việc theo đuổi nó và phần lớn đã trì hoãn các kế hoạch đó bằng cách đầu tư tối thiểu, không gây nguy hiểm cho một cấu trúc

lực lượng như vậy. Cuộc khủng hoảng phần lớn đã dỡ bỏ những hạn chế đó và từ đó Trung Quốc tự tin hơn vào bản thân, ít ấn tượng hơn với sức mạnh và quyết tâm của Mỹ, và càng tin những năm 1990 lo ngại các nước láng giềng đang sợ hãi sẽ bao vây Trung Quốc là sản phẩm của hoàn cảnh trong quá khứ chứ không phải hiện thực đang trỗi dậy trước mắt. Và vì vậy, ngay sau cuộc khủng hoảng, Trung Quốc đã tăng cường đáng kể đầu tư vào việc đóng tàu sân bay, tàu nổi có năng lực hơn, khả năng tác chiến đổ bộ và thậm chí cả các căn cứ ở nước ngoài - tất cả trong khi xây dựng các cơ sở ở Biển Đông và tăng cường khả năng quyết đoán lãnh thổ của mình.

Để đưa ra lập luận, chương này tiếp cận theo một cách được thảo luận trong Chương 4 và phân tích các văn bản có thẩm quyền của Trung Quốc và bốn khía cạnh chính trong hành vi của Trung Quốc. Các khía cạnh này bao gồm những gì Trung Quốc mua lại và khi nào; Trung Quốc nghĩ họ có thể chiến đấu như thế nào (học thuyết); Trung Quốc triển khai quân đội (thế lực) như thế nào và ở đâu; và cách Trung Quốc chuẩn bị chiến đấu (huấn luyện). Việc tập trung vào các văn bản và các khía cạnh hành vi chính này có thể giúp chúng ta kiểm tra các lý thuyết cạnh tranh, giải thích các hành vi và đầu tư quân sự của Trung Quốc.

Như chương này trình bày, lời giải thích tốt nhất cho hành vi quân sự của Trung Quốc sau Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu là Bắc Kinh tìm kiếm các khả năng để đối phó hiệu quả hơn với các nước láng giềng ở Ấn Độ-Thái Bình Dương để có thể tạo ra nền tảng quân sự cho bá quyền khu vực — tất cả đều là một phần của chiến lược lớn sau khủng hoảng để xây dựng trật tự khu vực.

Các giải thích phổ biến khác cho Trung Quốc sẽ bắt chước năng lực của những người khác trong hầu hết các trường hợp (khả năng lan tỏa, khả năng tiếp nhận), hoặc các lợi ích được trao quyền lực đã định hình hành vi của Trung Quốc (chính trị quan liêu), hoặc nó tập trung chủ yếu vào mối đe dọa của Mỹ (làm chùn tay) không giải thích thỏa đáng sự thay đổi trong hành vi

của nó. Như chúng ta sẽ thấy, không một lời giải thích nào trong số này có thể giải thích tại sao Trung Quốc chờ đợi để có được các khả năng mà họ có thể có sớm hơn, cũng như mối quan tâm của Trung Quốc về mối đe dọa của Mỹ cũng không thể giải thích lý do tại sao họ theo đuổi các khả năng là độc nhất vô nhị của quân đội Mỹ. Lời giải thích tốt nhất cho các khoản đầu tư của Trung Quốc vào các tàu sân bay, tàu nổi có năng lực hơn và các cơ sở ở nước ngoài là một phần của nỗ lực xây dựng trật tự trên toàn khu vực.

NỘI DUNG QUÂN SỰ CỦA TRUNG QUỐC

Các văn bản có thẩm quyền của Trung Quốc cho thấy những thay đổi trong chiến lược quân sự của Trung Quốc sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu. Phải thừa nhận có những hạn chế trong cách tiếp cận này: nhiều tài liệu có sẵn cho những năm 1980 hoặc 1990 không có sẵn cho thập kỷ trước, trong khi các hồi ký và tác phẩm chọn lọc của một số Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương đã kết thúc nhiệm kỳ. vào cuối năm 2002, không có một tập nào có sẵn cho bất kỳ ai phục vụ sau khoảng thời gian đó. Những nguồn tồn tại - chủ yếu là các bài phát biểu của các nhà lãnh đạo cấp cao và Sách Trắng - cho thấy Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu được theo sau bởi quyết định theo đuổi chiến lược xây dựng của Bắc Kinh. Điều này sẽ khiến nó đầu tư vào các khả năng cho phép nó không chỉ làm giảm sức mạnh của Mỹ mà còn có thể phát huy sức mạnh, tiến hành các cuộc đổ bộ, can thiệp vào Ấn Độ -Thái Bình Dương để bảo vệ các lợi ích ở nước ngoài và cung cấp thứ mà nó gọi là “an ninh chung”.

SỰ THAY ĐỔI TRONG CHIẾN LƯỢC

Sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, có vẻ như lãnh đạo hàng đầu của Trung Quốc đã quyết định định hướng lại chiến lược lớn của Trung Quốc nhằm xây dựng trật tự ở vùng ngoại vi, đặc biệt bằng cách mở rộng ảnh hưởng trong khu vực và đảm bảo chủ quyền của Trung Quốc cũng như các lợi ích ở nước ngoài. Các dấu hiệu của sự thay đổi đó đôi khi có thể được phát hiện sớm hơn, chẳng hạn như khi Hồ Cẩm Đào nói với PLA

chuẩn bị cho “Nhiệm vụ lịch sử mới” bao gồm sự can dự nhiều hơn ở nước ngoài, nhưng các văn bản và hành vi đều cho thấy một chuyển động quan trọng hơn theo hướng này do Global khởi xướng. Cuộc khủng hoảng tài chính. Nhìn chung, các nguồn tin của Trung Quốc nhấn mạnh hai lý do dẫn đến sự thay đổi chiến lược: (1) mong muốn bảo vệ tốt hơn các quyền và lợi ích hàng hải của Trung Quốc; và (2) mong muốn bảo vệ các lợi ích đang mở rộng ở nước ngoài của Trung Quốc, đặc biệt là ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Đầu tiên, trong bài phát biểu tại Hội nghị Đại sứ năm 2009 của Chủ tịch Hồ — liên kết sự điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc với Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu — sự chuyển hướng quân sự này rất rõ ràng. Chính trong bài phát biểu đó, Hồ đã sửa lại ‘Ẩn mình chờ thời’ bằng cách khuyến khích ‘Tích cực hoàn thành điều gì đó’, và ông nói rõ một số lĩnh vực hoạt động tích cực hơn sẽ mang tính lãnh thổ: Trung Quốc “phải tích cực thúc đẩy các giải pháp của quốc tế và Các điểm nóng trong khu vực liên quan đến lợi ích cốt lõi của Trung Quốc, và đối với các vấn đề liên quan đến lợi ích cốt lõi của chúng ta, chúng ta phải tăng cường hoạch định chiến lược, thực hiện nhiều động thái tấn công hơn, và tích cực hướng tình hình phát triển theo hướng có lợi.” Điều này về cơ bản là kêu gọi chủ động và giải quyết các tranh chấp về các điều khoản của Trung Quốc. Ngược lại, tại Diễn đàn Công tác Đối ngoại Trung ương năm 2006, Hồ đã nói nhẹ nhàng hơn về các lợi ích cốt lõi: “Đối với những vấn đề không ảnh hưởng đến tình hình chung, chúng ta phải thể hiện sự hiểu biết lẫn nhau và chung sức để chúng ta có thể tập trung nỗ lực vào việc bảo vệ và phát triển. Trong phần trình bày về cách tiếp cận mới vào năm 2010, như chương cuối sẽ nêu, Bộ trưởng Ngoại giao Dương Khiết Trì nói với các quốc gia Đông Nam Á lo ngại về tuyên bố chủ quyền của họ ở Biển Đông: “Trung Quốc là một nước lớn và các nước khác là nước nhỏ, và đó là một thực tế.”

Chủ tịch Tập nhấn mạnh thêm trọng tâm của Hồ vào việc chủ động giải quyết các tranh chấp lãnh thổ của Trung Quốc và

đảm bảo các lợi ích ở nước ngoài của nước này, cũng như Hồ, đã đề xuất một sự chuyển hướng tinh tế khỏi hòa bình và phát triển. Trong một cuộc nghiên cứu năm 2013 của Bộ Chính trị về khái niệm "Hòa bình và Phát triển", ông Tập Cận Bình đã tuyên bố bằng ngôn ngữ đanh thép "Chúng ta yêu hòa bình và tuân theo con đường phát triển hòa bình nhưng chúng ta không thể từ bỏ các quyền và lợi ích hợp pháp của đất nước mình và chúng ta không thể hy sinh lợi ích cốt lõi của đất nước." Ông Tập đã lặp lại nguyên văn câu nói này tại một Phiên nghiên cứu khác của Bộ Chính trị năm đó trong một phiên thảo luận về "xây dựng sức mạnh hàng hải" liên quan đến chủ quyền biển của Trung Quốc. Trung Quốc cần "chuẩn bị đối phó". Ông nói về nhiều tình huống phức tạp khác nhau, về các tranh chấp lãnh thổ khác nhau, và sẽ là "cần thiết để phối hợp duy trì sự ổn định với các quyền được bảo vệ", nghĩa là, để tăng cường bảo vệ chủ quyền của Trung Quốc trong thời gian ngắn xảy ra chiến tranh. Đặc biệt, "Trung Quốc cần thực hiện chắc chắn việc bảo vệ các quyền và lợi ích trên biển phải phù hợp với việc nâng cao sức mạnh quốc gia toàn diện của Trung Quốc." Khi Trung Quốc trở nên mạnh mẽ hơn - như đã có sau cuộc Khủng hoảng Toàn cầu — Bắc Kinh sẽ có một đường lối tương ứng vững chắc hơn về các tranh chấp lãnh thổ. Vào năm 2014, khi Bộ trưởng Ngoại giao Vương Nghị được hỏi về sự quyết đoán mới của Trung Quốc, ông đã trả lời: "Chúng tôi sẽ không bao giờ bắt nạt các nước nhỏ hơn, nhưng chúng tôi sẽ không bao giờ chấp nhận những yêu cầu vô lý từ các nước nhỏ hơn. Về các vấn đề lãnh thổ và chủ quyền, lập trường của Trung Quốc là vững chắc và rõ ràng."

Thứ hai, Trung Quốc không chỉ tập trung vào các tranh chấp lãnh thổ mà ngày càng tập trung vào các lợi ích ở nước ngoài, đặc biệt là các nguồn tài nguyên chảy qua Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương mà nền kinh tế Trung Quốc phụ thuộc vào. Sách Trắng Quốc phòng năm 2008 là sách đầu tiên ghi nhận "các cuộc đấu tranh giành các nguồn tài nguyên chiến lược", một tham chiếu về dầu, đang gia tăng mạnh mẽ và PLAN cần phát

triển khả năng hoạt động ở “các vùng biển xa”. Sau đó, bắt đầu vào năm 2009, Hồ đã tập trung vào những “lợi ích ở nước ngoài” này trong bài phát biểu tại Hội nghị các Đại sứ năm 2009 của mình. Mặc dù Hồ cũng đã đề cập đến những điều này trong bài phát biểu tại Hội nghị Đại sứ năm 2004, sự chú ý mà chúng nhận được trong năm 2009 có ý nghĩa hơn nhiều và cho thấy tầm quan trọng của chúng được nâng cao và liên kết sự bảo vệ của chúng với sức mạnh ngày càng tăng của Trung Quốc. Ông đặc biệt đề cập đến các lợi ích ở nước ngoài khi bắt đầu bài phát biểu của mình, lưu ý khi Trung Quốc ngày càng hùng mạnh, nước này sẽ có nhiều lợi ích ở nước ngoài hơn và “sự mở rộng lợi ích ở nước ngoài càng lớn” thì Trung Quốc càng phải đối mặt với nhiều “áp lực và sự phản kháng”. Trong các bài phát biểu trước, ông liệt kê “kiên trì bảo vệ các lợi ích ở nước ngoài của Trung Quốc và tăng cường nâng cao năng lực bảo vệ” là một nhiệm vụ được liệt kê trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc và dành toàn bộ phần bài phát biểu của mình cho nó. Lần đầu tiên trong bất kỳ bài phát biểu quan trọng nào, Hồ tuyên bố “lợi ích ở nước ngoài đã trở thành một phần quan trọng trong lợi ích quốc gia của Trung Quốc.”

Quan điểm này đã được duy trì trong quá trình chuyển đổi sang chính quyền của ông Tập. Năm 2012, Sách Trắng Quốc phòng của Trung Quốc bắt đầu bằng cách nhấn mạnh rõ ràng tầm quan trọng của các lợi ích kinh tế ở nước ngoài của Trung Quốc theo cách mà các tài liệu trước đây chưa từng có. Sách trắng năm 2013 là sách đầu tiên có tiểu mục riêng về “bảo vệ lợi ích ở nước ngoài”, mà nó định nghĩa là “các nguồn năng lượng ở nước ngoài” cũng như “các tuyến giao thông đường biển chiến lược”. Bài báo lưu ý những lợi ích này đang ngày càng trở nên “nổi bật” trong tình hình an ninh của Trung Quốc và “rủi ro an ninh đối với các lợi ích ở nước ngoài của Trung Quốc đang gia tăng”. Tập Cận Bình cũng thường nhấn mạnh những chủ đề này, bao gồm trong một bài phát biểu năm 2014: “Kênh hàng hải là kênh chính của Trung Quốc đối với ngoại thương và nhập khẩu năng lượng. Bảo vệ tự do và an toàn hàng hải có tầm quan

trọng sống còn đối với Trung Quốc.” Sau đó, Sách trắng năm 2015 liệt kê “bảo vệ an ninh cho các lợi ích ở nước ngoài của Trung Quốc” là một trong tám “nhiệm vụ chiến lược” của quân đội. Trước đây Trung Quốc sử dụng “nhiệm vụ toàn diện” và “mục tiêu toàn diện” để chỉ mục tiêu của mình, vì vậy việc xác định lợi ích ở nước ngoài là “nhiệm vụ chiến lược” là quan trọng. Sách trắng định nghĩa lợi ích ở nước ngoài là “năng lượng và các nguồn lực, các tuyến liên lạc chiến lược trên biển (SLOC), cũng như các tổ chức, nhân sự và tài sản ở nước ngoài.” Nó cũng liệt kê các mối đe dọa cụ thể đối với “an ninh của các lợi ích ở nước ngoài,” bao gồm “tình trạng hỗn loạn quốc tế và khu vực, khủng bố, cướp biển, thiên tai nghiêm trọng và dịch bệnh.” Bài báo cũng nhấn mạnh mức độ nghiêm trọng của những mối đe dọa này, đồng thời nhận thấy tính dễ bị tổn thương đối với các lợi ích ở nước ngoài của Trung Quốc “đã trở thành một vấn đề sắp xảy ra”.

Khi sức mạnh của Trung Quốc tăng lên so với Hoa Kỳ, Trung Quốc có thể và thậm chí ngày càng quan trọng hơn khi tham gia vào các lợi ích lãnh thổ và ở nước ngoài của mình. Để đạt được mục tiêu này, Trung Quốc cần phải đặt nền móng cho một loạt các sứ mệnh quân sự có thể giúp nước này xây dựng trật tự khu vực.

Là một phần trong chiến lược xây dựng của Trung Quốc sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, Bắc Kinh bắt đầu nhấn mạnh tầm quan trọng của sức mạnh hàng hải. Cơ cấu lực lượng trong quá khứ của Trung Quốc phần lớn được tối ưu hóa để làm giảm sức mạnh của Mỹ sẽ không đủ khả năng nắm giữ hoặc chiếm giữ các đảo và vùng biển mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền, can thiệp ở nước ngoài để bảo vệ lợi ích của Trung Quốc, các SLOC mà Trung Quốc phụ thuộc hoặc cung cấp an ninh cho khu vực.

Như các trường hợp tiếp theo minh họa, các văn bản chính trị và quân sự của Trung Quốc trong nhiều thập kỷ đã nói rõ những khả năng nào mà Trung Quốc cho là cần thiết để đảm bảo lợi ích khu vực của mình — nghĩa là, những công cụ nào cần

thiết cho chiến lược xây dựng của họ. Các văn bản học thuyết này, cũng như các bài phát biểu của các nhà lãnh đạo cao nhất từ Chu Ân Lai đến Lưu Hoa Thành, đều nói rõ tàu sân bay cũng như tàu nổi có khả năng tác chiến chống tàu ngầm (ASW), tác chiến phòng không (AAW), các biện pháp đối phó (MCM) và chiến tranh đổ bộ (AMW) đều rất cần thiết trong các tình huống liên quan đến Biển Đông và Hoa Nam, eo biển Đài Loan, Bán đảo Triều Tiên và bảo vệ các lợi ích và dòng chảy tài nguyên của Trung Quốc ở nước ngoài. Nói cách khác, như các trường hợp chứng minh, quyết định tập trung vào các khả năng đó không phải là kết quả của việc thay đổi niềm tin về hiệu quả của chúng hoặc thay đổi tình hình tài chính, mà chủ yếu là về hoàn cảnh chính trị đã thay đổi và chiến lược mới mà chúng đưa ra.

Sau Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, Trung Quốc nhấn mạnh để đạt được lợi ích an ninh hàng hải của mình, nước này cần tăng cường đầu tư vào các nền tảng kiểm soát biển - đặc biệt là vào các khả năng nước xanh mà họ đã cố tình bỏ qua. Nói tóm lại, một loại hình đầu tư hải quân khác là cần thiết cho một chiến lược xây dựng. Cơ quan Quản lý Đại dương Nhà nước, đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển các thành phần dân sự và quân sự trong chiến lược hàng hải của Trung Quốc, đã chỉ ra một sự thay đổi chiến lược đã xảy ra vào khoảng thời gian này. Trong khi Trung Quốc đã đặt ra các mục tiêu đầy tham vọng vào năm 2003 để xây dựng sức mạnh hàng hải và khuyến khích PLAN thực hiện “các sứ mệnh lịch sử mới” ở nước ngoài vào năm 2004, thì chỉ đến năm 2009, họ mới bắt đầu thực hiện chúng. Như báo cáo ghi nhận, “Năm 2009, Trung Quốc đã đưa ra ý tưởng và kế hoạch đóng tàu sân bay. Điều này cho thấy Trung Quốc đã bước vào kỷ nguyên lịch sử xây dựng mình thành một cường quốc hàng hải.” Báo cáo tiếp tục lập luận, “Giai đoạn 2010–2020 là một giai đoạn lịch sử quan trọng để đạt được sứ mệnh chiến lược này và mục tiêu là phấn đấu trở thành một cường quốc hàng hải tầm trung trong giai đoạn này.”

Vài năm sau, Sách trắng Quốc phòng 2012 của Trung Quốc là cuốn sách đầu tiên lập luận "Trung Quốc là một quốc gia lớn trên biển cũng như trên bộ", nhấn mạnh sự tập trung mới vào các thách thức hàng hải trong khu vực và tiếp tục định hướng lại PLA theo hướng đó. Nó lập luận Trung Quốc cần phải có được "khả năng nước xanh", phù hợp với chiến lược xây dựng và là sự đảo ngược so với quá khứ - từ bỏ sử dụng các tàu sân bay và tàu mặt nước. Nó tuyên bố "đảm bảo sự phát triển hòa bình của đất nước" là một "sứ mệnh thiêng liêng", một mục tiêu đòi hỏi vai trò tích cực hơn ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Cùng năm đó, trong Báo cáo công tác Đại hội Đảng lần thứ 18 của Hồ, lần đầu tiên ông tuyên bố trong một bài phát biểu, ban lãnh đạo Trung Quốc cần "xây dựng Trung Quốc thành một cường quốc hàng hải" và "kiên quyết bảo vệ các quyền và lợi ích hàng hải của Trung Quốc." Trọng tâm nước xanh của Trung Quốc đã chính thức.

Trọng tâm đó cũng được nhấn mạnh trong các tài liệu tiếp theo. Ví dụ: Phiên họp Bộ Chính trị năm 2013 của ông Tập về việc xây dựng "cường quốc hàng hải" của Trung Quốc đã được triệu tập để thảo luận về chiến lược hàng hải của Trung Quốc và bao gồm các quan chức cấp cao từ Viện Chiến lược Phát triển Đại dương của Cục Quản lý Đại dương Nhà nước, những người chịu trách nhiệm phát triển chiến lược đó. Trong bài phát biểu trước Bộ Chính trị, ông Tập nhấn mạnh trọng tâm cải thiện sức mạnh hàng hải của Trung Quốc là một phần trong kế hoạch rộng lớn hơn có từ thời Hồ Cẩm Đào: "Đại hội Đảng 18 đã đưa ra một kế hoạch quan trọng để xây dựng Trung Quốc thành một cường quốc hàng hải. Việc thực hiện kế hoạch quan trọng này có ý nghĩa to lớn và sâu rộng... vì bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh và lợi ích phát triển" và "để đạt được sự trẻ hóa vĩ đại của đất nước Trung Quốc." Ông Tập nói Bắc Kinh phải "thúc đẩy việc xây dựng Trung Quốc thành một cường quốc hàng hải để liên tục đạt được những thành tựu mới". Không có gì đáng ngạc nhiên khi ông Tập nhiều lần nhấn mạnh sự cần thiết phải "cải thiện khả năng của Trung Quốc trong việc bảo vệ các quyền và

lợi ích hàng hải của mình.” Thủ tướng Lý Khắc Cường cũng đưa ra quan điểm tương tự trong Báo cáo về công tác của Chính phủ vào năm tới, nói thêm “các vùng biển là giá trị của chúng ta.” Một thời gian sau, trong chuyến thăm một công ty đóng tàu lớn, ông Tập đã nhấn mạnh: “Ngành công nghiệp biển liên quan đến sự tồn vong và phát triển của quốc gia, nó liên quan đến sự thăng trầm của đất nước. Nó cần đáp ứng các yêu cầu xây dựng sức mạnh hàng hải.”

Sách Trắng Quốc phòng của Trung Quốc tiếp tục nêu bật chiến lược mới này. Sách Trắng Quốc phòng năm 2015 của Trung Quốc tuyên bố “phải từ bỏ tâm lý truyền thống cho đất liền lớn hơn biển, và tầm quan trọng lớn phải được gắn vào việc quản lý biển và đại dương cũng như bảo vệ các quyền và lợi ích hàng hải”. Nó cũng lưu ý “Trung Quốc cần phát triển một cơ cấu lực lượng quân sự trên biển hiện đại tương xứng với an ninh quốc gia và lợi ích phát triển của nước này” và “bảo vệ chủ quyền quốc gia và các quyền và lợi ích hàng hải của mình, bảo vệ an ninh của các SLOC chiến lược và các lợi ích ở nước ngoài.” Nói tóm lại, Trung Quốc cần phải xây dựng mình thành một cường quốc hàng hải.

Sách Trắng Quốc phòng của Trung Quốc

Mục tiêu này có ý nghĩa hoạt động trực tiếp và tạo thành một quân đội khác với các yêu cầu trước đây, Sách Trắng lưu ý:

Phù hợp với yêu cầu chiến lược về phòng thủ vùng biển xa bờ và bảo vệ vùng biển mở, Hải quân PLA (PLAN) sẽ chuyển dần trọng tâm từ "phòng thủ vùng biển xa bờ" sang kết hợp "phòng thủ vùng biển xa bờ" với "bảo vệ vùng biển mở" và xây dựng cơ cấu lực lượng tác chiến trên biển tổng hợp, đa chức năng, hiệu quả. PLAN sẽ tăng cường khả năng răn đe chiến lược và phản

công, diễn tập hàng hải, hoạt động chung trên biển, phòng thủ toàn diện và hỗ trợ toàn diện.

Một bình luận chính thức của một trong những người soạn thảo Sách trắng đã giải thích về điểm này: “Chìa khóa để bảo vệ sự an toàn của các lợi ích ở nước ngoài đạt được thông qua... gìn giữ hòa bình quốc tế, hộ tống ngoài khơi, chống khủng bố chung, tập trận quân sự chung, sơ tán ở nước ngoài và các hoạt động cứu hộ quốc tế.” Trung Quốc sẽ cần đầu tư nhiều hơn vào các nền tảng sức mạnh như tàu sân bay và tàu nổi để hiện thực hóa tầm nhìn, và đó thực sự là những gì chúng ta thấy trong các trường hợp được thảo luận trong chương này.

TÀU SÂN BAY

Có vẻ phi lý khi một cầu thủ bóng rổ đã dành mười hai năm chơi cho đội của Quân khu Quảng Châu sẽ là trung tâm trong nỗ lực của Trung Quốc để có được một tàu sân bay. Nhưng Xu Zengping, người đàn ông hiện được nhiều người gọi là “anh hùng dân tộc” và là “nhà tư bản đỏ”, là người trung gian quan trọng trong nỗ lực của các quan chức PLA để mua tàu Varyag — một tàu sân bay chưa hoàn thiện từ lớp tàu sân bay hoạt động tiên tiến nhất của Liên Xô. đã bị bỏ mặc trong một xưởng đóng tàu của Ukraine. Trong thập kỷ qua, Xu đã dần bộc lộ vai trò của mình trong thương vụ mua lại tàu sân bay đầu tiên của Trung Quốc, Liêu Ninh, cũng như các bản thiết kế quan trọng cho các tàu sân bay khác sau đó.

Xu Zengping

Xu gia nhập PLA vào năm 1971 và rời đi để kinh doanh vào những năm 1980, thành lập một công ty thương mại mà anh ta tuyên bố đã trở nên giàu có, và sau đó chuyển đến Hồng Kông cùng với vợ. Khoảng một thập kỷ sau, Xu chạm trán với Phó đô đốc He Pengfei của PLAN, người muốn Xu làm trung gian quân sự trong vụ mua Varyag và đã gặp riêng hơn chục lần. “Tôi hoàn toàn bị anh ấy thuyết phục và cảm động khi anh ấy nắm tay tôi và nói: “Làm ơn hãy giúp tôi một việc - hãy mua [chiếc tàu sân bay] và mang nó về cho đất nước và quân đội của chúng ta,” Xu sau đó kể lại trong một cuộc phỏng vấn. cùng với nhà báo Minnie Chan. Giám đốc tình báo PLA, Thiếu tướng Ji Shengde - người sau này đã cố gắng hướng hàng nghìn đô la cho các ứng cử viên chính trị Hoa Kỳ vào cuối những năm 1990 - là “ông chủ thực sự” trong nỗ lực này, theo Xu. Anh ấy “đích thân xác nhận kế hoạch của tôi và cho tôi rất nhiều sự hỗ trợ

cũng như lời khuyên chuyên môn.” Vào tháng 3 năm 1997, Xu đã cam kết tiếp tục nỗ lực này.

Để tránh sự phản đối của phương Tây đối với việc mua bán — và việc Trung Quốc miễn cưỡng rời khỏi nguyên tắc “ẩn mình chờ thời” bằng một vụ mua lại tàu sân bay chớp nhoáng có thể khiến người khác sợ hãi — Xu và các đồng nghiệp của ông biết họ phải lừa dối thế giới về sự giàu có của Xu, ý định và kết nối chính phủ. Trớ trêu thay, họ đã làm như vậy với sự hỗ trợ của chính phủ Trung Quốc. Gần như ngay sau khi ký hợp đồng, Xu đã bắt tay vào việc xây dựng hình ảnh một ông trùm kỳ quặc muốn sử dụng hãng vận tải để xây dựng một sòng bạc nổi ở Macao. Vào tháng 6 năm đó, công ty của anh ấy đã tài trợ cho một cuộc đóng thế công khai nổi tiếng để đánh dấu việc bàn giao Hồng Kông cho Trung Quốc, trong đó chứng kiến người Đài Loan Blackie Ko liều lĩnh lái xe qua thác Hồ Khẩu trên sông Hoàng Hà. Sau đó, vào tháng 8, Xu đã thiết lập một Công ty vỏ bọc tại Macao, Agencia Turisticae Diversões Chong Lot, và đã chi gần 1 triệu đô la để mua các tài liệu từ Macao về việc cấp phép cho một sòng bạc nổi. Tiếp theo, Xu đã mua một trong những biệt thự đắt nhất ở Hồng Kông với giá gần 30 triệu đô la. “Ngay từ đầu, tôi cần cố gắng bằng mọi cách để thế giới bên ngoài tin thỏa thuận chỉ là một khoản đầu tư cá nhân thuần túy,” Xu kể lại, “Cách đơn giản nhất là mua một ngôi nhà sang trọng nhất thành phố vì các nước phương Tây không tin Bắc Kinh sẽ cho tôi tiền để mua một biệt thự.” Việc mua biệt thự là một phần của một sự lừa dối tinh vi, vì vậy Xu đã chụp ảnh trên các tạp chí với cách ăn mặc đẹp và đeo kính gọng dày sành điệu nằm cạnh vợ. trong một nội thất sang trọng mạ vàng và sặc sỡ.

Xu cũng lưu ý tiền đầu tư đến từ nhiều nguồn khác nhau. Ví dụ, anh ta đã bán "các vị thế cổ phần" tại một trong những công ty vỏ bọc của mình cho một doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc với giá 30 triệu đô la và sau đó thừa nhận "Tất cả các vụ chuyển nhượng được thực hiện tại một công ty kế toán ở Bắc Kinh, không phải ở Hồng Kông hay Macao, bởi vì chúng tôi không thể "để thế giới bên ngoài biết có một công ty nhà nước tham gia vào thương vụ này". Ông cũng nhận được tiền từ Ngân hàng Hoaxia thuộc sở hữu nhà nước Trung Quốc. Và một số cá nhân giàu có ở Hồng Kông cũng đã giúp tận dụng nỗ lực

này, với một số người cung cấp 30 triệu đô la vào năm đó "mà không có bất kỳ bảo đảm nào". Xu đã sử dụng số tiền để thành lập một văn phòng ở Kiev, và khá đáng chú ý là một văn phòng ở Bắc Kinh. Ông đã thuê khoảng một chục chuyên gia đóng tàu và hải quân để giúp đỡ thỏa thuận này, bao gồm Xiao Yun - lúc đó là phó cục trưởng cục trang bị của lực lượng không quân PLAN - người đã nghỉ hưu với tư cách dân sự để có thể lãnh đạo văn phòng Bắc Kinh.

Sau khi tập hợp một câu chuyện trang bìa, tài chính và văn phòng, Xu đến Kiev. Từ tháng 10 năm 1997 đến tháng 3 năm 1998, Xu đã làm việc chăm chỉ để chốt thương vụ. Một ngày mùa đông, anh thậm chí còn được phép đi dạo trên boong tàu sân bay hoang vắng, rỉ sét và phủ đầy tuyết. Xu mặc một chiếc áo sơ mi trắng không cài cúc và một chiếc áo vest nâu trang trọng - và có phần hơi khác biệt - một chiếc áo khoác trượt tuyết màu vàng sáng rực rỡ của The North Face với quần dài phù hợp. "Đây là lần đầu tiên tôi đi trên một chiếc tàu sân bay và tôi đã bị choáng ngợp bởi kích thước của nó." Trong những tháng sau đó, Xu đã trả hàng triệu USD tiền hối lộ và khiến những người bán hàng ở Ukraine say sưa rượu vào buổi tối. "Tôi cảm thấy hồi đó mình đang ngâm mình trong rượu," Xu nhớ lại, "Trong bốn ngày quan trọng, tôi đã mang cho họ hơn 50 chai [Erguotou, một loại rượu 100 độ của Trung Quốc]. Nhưng tôi vẫn cảm thấy mình có nghị lực để làm điều đó và luôn có thể giữ một tinh thần tỉnh táo để hướng đến mục tiêu; Người Ukraine đã uống đến say xỉn." Một thỏa thuận đã được ký kết để bán chiếc tàu sân bay với giá 20 triệu đô la, nhưng Xu muốn nhiều hơn chính chiếc tàu sân bay, anh ta cũng muốn có bản thiết kế và động cơ — tất nhiên là khó có thể biện minh cho kế hoạch một sòng bạc nổi. "Các bản thiết kế còn quý hơn cả hàng không mẫu hạm," ông tự nhủ vào thời điểm đó, "và chúng phải được mua cùng nhau." Cuối cùng, phía Ukraina đã đồng ý. Đối với động cơ, thứ tiên tiến hơn nhiều so với bất cứ thứ gì mà Trung Quốc có thể sản xuất. Các tuyên bố công khai đều bị loại bỏ. Như Xu đã nói, "các báo cáo bị loại bỏ động cơ đều là

những câu chuyện che đậy để gây nhầm lẫn cho các nước phương Tây." Các động cơ trên thực tế vẫn còn trên tàu, Xu kể lại, và chúng "mới toanh và được tra dầu mỡ cẩn thận" và hiện đã cung cấp năng lượng cho tàu sân bay đầu tiên của Trung Quốc. Khi thương vụ hoàn thành, nhiệm vụ tiếp theo của Xu là vận chuyển tàu sân bay đến các nhà máy đóng tàu ở Đại Liên - một quá trình kéo dài 4 năm do sự chậm trễ trong việc xin phép quá cảnh từ Thổ Nhĩ Kỳ để đi ra khỏi Biển Đen qua eo biển Bosporus. Lần này, sự can thiệp công khai của chính phủ Trung Quốc là cần thiết. Giang Trạch Dân đến thăm Ankara vào tháng 4 năm 2000, hứa tiếp cận thị trường cho hàng hóa Thổ Nhĩ Kỳ, và sau đó đồng ý với khoảng 20 điều kiện an toàn và khoản bảo hiểm trị giá 1 tỷ đô la để đảm bảo cho con tàu đi qua. Vào tháng 3 năm 2002, chuyến đi dài ngày của Varyag ra khỏi Ukraine kết thúc ở Đại Liên.

Tàu sân bay Varyag (Liêu Ninh sau này)

Nhưng sau đó một chuyến đi thậm chí còn dài hơn bắt đầu. Sẽ còn bảy năm dài nữa trước khi công việc nghiêm túc bắt đầu

trên Varyag để biến nó thành một tàu sân bay hoạt động. Tất cả những lừa dối khôn khéo, lập kế hoạch cẩn thận, điều động ngoại giao và chi tiêu đáng kinh ngạc của Trung Quốc (tổng cộng hơn 120 triệu đô la chi cho việc mua lại) đã kết thúc một cách phi lý trong một thời gian dài chờ đợi. Việc mua lại tàu sân bay là một khoản đầu tư vào lực lượng nước xanh trong tương lai. Nhưng đối với Trung Quốc, vẫn còn cảnh giác với việc chống lại Hoa Kỳ và các nước láng giềng, tương lai đó vẫn chưa đến.

Sau khi tàu Varyag cập cảng Đại Liên, cả Giang và Hồ được cho là đã đến thăm nó vào năm sau. Nhưng thay vì cho phép một cuộc tân trang lại tàu sân bay để đưa nó đi vào hoạt động, họ chỉ hỗ trợ một loạt các nghiên cứu về tân trang diễn ra từ năm 2004 đến 2005. Khi những nghiên cứu cuối cùng hoàn thành, Quân ủy Trung ương đã ký tiếp nhận và Varyag sau đó được kéo vào bến ở Nhà máy đóng tàu Đại Liên, nơi nó được làm sạch, sơn lại, phun lớp phủ chống ăn mòn, và sau đó được sửa chữa cơ bản để bảo quản. Công việc kết thúc vào tháng 12 năm 2005, và Varyag sau đó nhanh chóng bị bỏ lại một mình trong vài năm tới — hay cái mà một số nguồn tin Trung Quốc gọi là “ba năm tĩnh lặng” — và không có công việc lớn nào được thực hiện. Một số báo cáo cho thấy có thể đã thực hiện xong công việc bên trong tàu sân bay, nhưng Trung Quốc chưa sẵn sàng gánh chịu chi phí chính trị và chiến lược của một chương trình tàu sân bay, vì vậy bất kỳ hoạt động tân trang lớn nào mà các chính phủ nước ngoài có thể phát hiện được sẽ không thể diễn ra. Thật vậy, vào cuối năm 2008, một phát ngôn viên của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Công nghiệp Quốc phòng Trung Quốc (COSTIND) đã nói với công chúng công trình xây dựng lớn vẫn chưa được bắt đầu.

Mãi cho đến sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, công việc trên tàu sân bay mới bắt đầu một cách nghiêm túc. Đây là một phần của sự điều chỉnh chính thức về chiến lược lớn của Trung Quốc theo Cục Quản lý Đại dương Nhà nước, cơ quan chịu trách nhiệm phát triển thành phần hàng hải của nước này.

Báo cáo năm 2010 của họ cho thấy rõ sự thay đổi: “Năm 2009, Trung Quốc đưa ra ý tưởng và kế hoạch đóng tàu sân bay. Những điều này cho thấy Trung Quốc đã bước vào kỷ nguyên lịch sử xây dựng mình thành một cường quốc hàng hải.” Một số tài khoản dựa trên các cuộc phỏng vấn với các nguồn tin quân sự Trung Quốc chỉ ra chương trình tàu sân bay của Trung Quốc đã được thông qua tại một cuộc họp mở rộng của Bộ Chính trị vào tháng 4 năm 2009 và quyết định trước đó đã gây căng thẳng vì “nó sẽ làm các quốc gia láng giềng lo ngại về mối đe dọa quân sự của Trung Quốc.” Một tháng sau cuộc họp Bộ Chính trị được đồn đại này, vào tháng 5 năm 2009, tàu sân bay được kéo vào một bến mới, một thỏa thuận đã được ký với Nhà máy đóng tàu Đại Liên, cờ hiệu Liên Xô ban đầu của tàu sân bay và tên con tàu cuối cùng đã được gỡ bỏ, và công việc chính bắt đầu ngay sau đó. Quá trình tái trang bị mất khoảng mười lăm tháng từ năm 2009 đến cuối năm 2011.

Cũng trong khoảng thời gian này, Trung Quốc bắt đầu lên kế hoạch đóng tàu sân bay nội địa của riêng mình (Type 002) dựa trên bản thiết kế của Varyag — có thể sớm nhất là vào năm 2009. Kế hoạch bắt đầu vào năm 2013, đóng vào tháng 3 năm 2015 và thử nghiệm trên biển vào năm 2018. Một tàu sân bay thứ ba của Trung Quốc (Type 003) được xây dựng từ năm 2015 và dự kiến sẽ có mui phẳng thay vì đường dốc cũng kiểu cũ. Dự kiến sẽ có thêm tàu sân bay trong dòng Type 003 này, dựa trên đánh giá không chính thức của các quan chức PLAN. Cuối cùng, lớp tàu sân bay chạy bằng năng lượng hạt nhân thứ tư (Type 004) đang được phát triển, với kế hoạch vô tình bị rò rỉ bởi Tập đoàn Công nghiệp Đóng tàu Trung Quốc (CSIC). Tóm lại, Trung Quốc đã nhanh chóng chấm dứt hàng thập kỷ chờ đợi với chương trình tàu sân bay của mình và hoạt động điên cuồng đến mức trong vòng một thập kỷ, họ đã có hai tàu sân bay đã hoàn thành, một sắp hoàn thành, một đang được xây dựng và các tàu sân bay chạy bằng năng lượng hạt nhân trong kế hoạch.

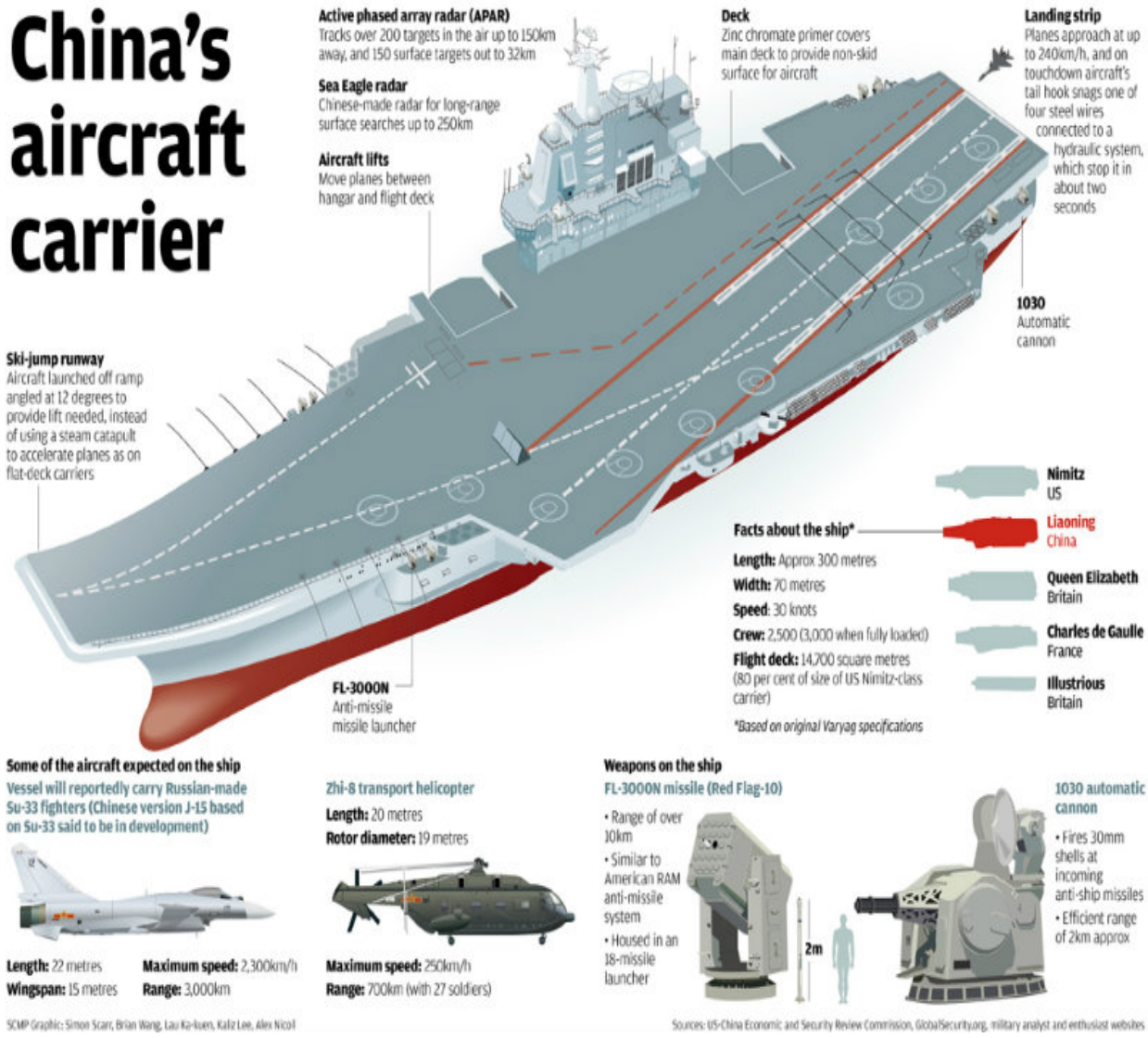

Điều này đặt ra một câu hỏi quan trọng: tại sao Trung Quốc về cơ bản khởi động chương trình tàu sân bay của mình vào năm 2009? Như Chương 4 đã chứng minh, câu trả lời không liên quan đến khả năng chế tạo và mua tàu sân bay của Trung Quốc như người ta có thể nghi ngờ, cũng như sự chậm trễ về sự phản kháng quan liêu vì các quan chức hàng đầu trong quân đội và trong Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị đã ủng hộ chương trình này. Không điều nào trong số này có thể giải thích sự thay đổi của Trung Quốc đối với các tàu sân bay trong năm 2009.

Những người khác cho việc Trung Quốc theo đuổi hải quân nước xanh được thúc đẩy bởi chủ nghĩa dân tộc hoặc có thể là

thay đổi quan điểm về tiện ích tàu sân bay, nhưng cả hai cách giải thích đều không phù hợp vì cùng một lý do - Trung Quốc từ lâu đã coi tàu sân bay là cần thiết cho các trường hợp dự phòng trong khu vực. Nếu địa vị là động lực thúc đẩy chứ không phải lợi ích chiến lược của Trung Quốc, thì Đảng có thể đã theo đuổi một tàu sân bay gần như không hoạt động và tân trang nó để phục vụ quân đội (như Brazil và Thái Lan) khi tính hợp pháp của nó bị nghi ngờ nhiều nhất sau Quảng trường Thiên An Môn. Họ không làm như vậy, thậm chí từ chối mua Varyag vì rủi ro chính trị và ba tàu sân bay khác mà nó mua (HMS Melbourne, Minsk và Kiev) đã bị loại bỏ hoặc chuyển đổi thành khách sạn nổi. Kể từ đó, tham vọng tàu sân bay của Trung Quốc đã vươn xa: Bắc Kinh đang đóng bốn đến sáu tàu sân bay, các nhóm tác chiến tàu sân bay, cơ sở hạ tầng bổ sung và các cơ sở ở nước ngoài — tất cả đều làm thay đổi vĩnh viễn cơ cấu lực lượng của Trung Quốc.

Cách giải thích dễ bào chữa nhất cho hành động này cũng là đơn giản nhất: Bắc Kinh đã hiểu hơn trong 50 năm một tàu sân bay và hải quân nước xanh sẽ giúp họ hoàn thành các mục tiêu chiến lược, đặc biệt là ở khu vực ngoại vi của họ. Ngay từ năm 1970, Xiao Jingguang, chỉ huy đầu tiên của PLAN, đã nói, “Hải quân Trung Quốc cần tàu sân bay: nếu một hạm đội hoạt động trên biển khơi mà không có tàu sân bay thì sẽ không có uy thế trên không và không có ưu thế trên không, không có chiến thắng.” Năm 1973, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai liên kết các tàu sân bay với chủ quyền biển của Trung Quốc: “Quần đảo Nam Sa và Tây Sa của chúng tôi do Việt Nam Cộng hòa (Nam Việt Nam) chiếm đóng; nếu không có tàu sân bay, chúng ta có thể khiến Hải quân Trung Quốc gặp rủi ro khi chiến đấu,” vì Hải quân Trung Quốc sẽ bị bỏ mặc “chỉ chiến đấu bằng lưỡi lê”. Các quan chức cấp cao của PLAN tiếp tục giữ quan điểm này nhiều năm sau đó. Tháng 11 năm 1986, Lưu Hoa Thành là thành viên của “nhóm nghiên cứu chiến lược phát triển hải quân” bao gồm “các nhà lãnh đạo quân sự và dân sự cũng như các chuyên gia nổi tiếng” từ khắp nơi trong chính phủ. “Từ quan điểm của

những gì cần thiết để bảo vệ các quyền và lợi ích hàng hải của Trung Quốc, khôi phục Nam Sa và Đài Loan, và đối phó với các tình huống chiến lược khác," ông lưu ý trong hồi ký của mình, các thành viên "khuyến nghị đóng một tàu sân bay." Lưu lập luận thêm, nếu không có tàu sân bay, sẽ khó đảm bảo lợi ích của Trung Quốc chỉ với tàu nổi. Năm tiếp theo, ông nói với Bộ Tổng tham mưu PLA, "khi nghĩ về các đội hình hàng hải, chúng tôi chỉ xem xét các tàu khu trục, khinh hạm và tàu ngầm; sau khi nghiên cứu sâu hơn, chúng tôi nhận ra nếu không có sự che chở trên không, không có cách nào các đội hình này có thể chiến đấu ngoài bán kính của các máy bay tác chiến trên bờ," và ngay cả trong tầm hoạt động của các máy bay trên bờ (ví dụ kịch bản Đài Loan), việc bao phủ trên không chỉ đơn giản là sẽ không đạt được đủ nhanh trong thời gian khủng hoảng. Lưu viết cho Bộ Tổng tham mưu PLA nhìn chung đồng ý với báo cáo của ông và leo thang câu hỏi về việc mua lại tàu sân bay, tất cả đều cho thấy sớm nhất là vào năm 1987, một người Trung Quốc đã tập trung vào các trường hợp dự phòng hoạt động tại địa phương hẹp hơn nhấn mạnh sự cần thiết của một tàu sân bay. Quan điểm này vẫn tồn tại sau Chiến tranh Lạnh. Năm 1995, Lưu trong một cuộc họp cấp cao về tàu sân bay đã tuyên bố: "Bảo vệ Biển Đông, thống nhất một cách hòa bình với Đài Loan, bảo vệ các quyền và lợi ích hàng hải - tất cả đều cần có tàu sân bay." Khi sự phụ thuộc của Trung Quốc vào các nguồn tài nguyên và hàng hóa ở nước ngoài gia tăng vào đầu những năm 1990, nhu cầu về các tàu sân bay có thể đi vào Ấn Độ Dương cũng tăng lên.

Nếu sự thay đổi trong tham vọng tàu sân bay của Trung Quốc không phải là kết quả của những thay đổi về năng lực của Trung Quốc, chính trị quan liêu, tình trạng lo lắng hoặc đánh giá về tiện ích tàu sân bay, thì đó là gì? Câu trả lời nằm trong chiến lược lớn của Trung Quốc. Mặc dù Bắc Kinh hiểu các tàu sân bay sẽ hữu ích chống lại các nước láng giềng trong các cuộc xung đột cục bộ và trong việc thực hiện quyền kiểm soát trên biển, nhưng những mục tiêu này không phù hợp với chiến lược phản

công của Trung Quốc. Bắc Kinh cho phép nghiên cứu và lập kế hoạch cho một lực lượng tàu sân bay trong tương lai nhưng chờ đợi để khởi động chương trình cho đến khi thời điểm thích hợp. Sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu 2008, vị thế đã được cải thiện rõ rệt và Trung Quốc hiện tập trung vào việc "tích cực hoàn thành một cái gì đó" thay vì chỉ đơn thuần là "che giấu khả năng và chờ đợi thời gian". Theo đó, Trung Quốc bắt đầu công khai xây dựng nền tảng cho quyền bá chủ khu vực, có nghĩa là ưu tiên các cuộc xung đột với các nước láng giềng và có thể thực hiện quyền kiểm soát biển, theo đuổi các cuộc đổ bộ và tuần tra SLOC. Để theo đuổi những khả năng này, Bắc Kinh không còn lo ngại về những cái giá phải trả cho các nước láng giềng hay Hoa Kỳ. Vì những lý do này, một lực lượng hải quân dựa trên tàu sân bay lớn hơn là một mục tiêu chiến lược đã đến lúc.

Phản đối thuyết phục nhất đối với lập luận này là các kế hoạch của Trung Quốc đối với một tàu sân bay được tiến hành theo một mốc thời gian hiện đại hóa cố định mà phần lớn đã tách rời khỏi chiến lược lớn. Từ góc độ này, quyết định triển khai chương trình tàu sân bay vào năm 2009 là một sản phẩm tình cờ không liên quan gì đến Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu hay sự thay đổi trong chiến lược lớn; Việc chế tạo tàu sân bay rất phức tạp và đòi hỏi thời gian thực hiện lâu dài và một chương trình khó có thể ra mắt vào năm 2009 để đối phó với một sự kiện xảy ra vào năm 2008.

Đây là một lập luận mạnh mẽ, nhưng nó không nhất thiết phải đúng. Ví dụ, ngay cả khi Trung Quốc giữ vị trí thấp trong những năm 1990 và đầu những năm 2000, họ vẫn đảm bảo chương trình tàu sân bay của mình sẽ bắt đầu hoạt động sau khi quyết định tiếp tục được đưa ra. Để đạt được mục tiêu đó, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã ủy thác nghiên cứu về tàu sân bay, đầu tư vào các công nghệ tàu sân bay liên quan, phát động một nỗ lực được nhà nước hậu thuẫn để mua lại Varyag, can thiệp về mặt chính trị để đưa nó qua Bosporus, được ủy quyền nghiên cứu các bản thiết kế của nó, chuẩn bị kế hoạch nâng

cấp Varyag, và thậm chí đã bắt đầu một vài chương trình đào tạo trong tương lai. Sự chuẩn bị này có nghĩa là Trung Quốc có thể nhanh chóng khởi động chương trình một khi các điều kiện chiến lược thuận lợi. Hơn nữa, hầu hết các bước chuẩn bị mà Trung Quốc thực hiện đều được thực hiện một cách lặng lẽ, và có một giới hạn rõ ràng và chắc chắn đối với những gì Trung Quốc sẵn sàng cho phép. Trước cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, Bắc Kinh đã ngừng thực hiện các bước rõ ràng hơn có thể khiến người khác xa lánh: họ không di chuyển tàu sân bay vào một bến mới (và có thể nhìn thấy) để tân trang lớn, đặt cho Varyag một danh hiệu PLAN, hoặc thậm chí cam kết một (chứ đừng nói đến bốn) tàu sân bay. Tất cả những bước đó sẽ phải được thực hiện nếu Trung Quốc triển khai một hạm đội nước xanh, nhưng vì Trung Quốc từ chối tiếp nhận chúng nên chương trình tàu sân bay của họ đã bị đình trệ.

Sự chậm trễ trong việc phát triển tàu sân bay không được đặt ra theo một số mốc thời gian hiện đại hóa kỹ trị, mà thay vào đó có thể là do chính trị và được định hình phần lớn bởi những cân nhắc chiến lược lớn vì một vài lý do. Đầu tiên, như Chương 4 và nghiên cứu điển hình này đã chỉ ra, giới tinh hoa của Đảng lo sợ các nước láng giềng của Trung Quốc và Hoa Kỳ nên đã nhiều lần trì hoãn chương trình trong quá khứ ở cấp cao nhất, trong đó Giang Trạch Dân đã đẩy lùi chương trình tàu sân bay và chỉ cho phép nghiên cứu sơ bộ. Thứ hai, nếu Trung Quốc chuẩn bị một tàu sân bay theo một mốc thời gian hiện đại hóa cố định, thì có vẻ khó bác bỏ việc chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên trong mốc thời gian khởi động chương trình tàu sân bay rơi vào năm 2009 - năm Trung Quốc sửa đổi chiến lược lớn của mình - chứ không phải một số năm khác. Hơn nữa, mốc thời gian cải tạo và xây dựng tích cực được thiết lập vào năm 2009 diễn ra sau nhiều năm tương đối yên tĩnh, một lần nữa cho thấy Trung Quốc không tuân theo một mốc thời gian cố định, định sẵn. Thứ ba, Trung Quốc không chỉ bắt đầu tân trang tàu sân bay Varyag vào năm 2009 mà còn bắt đầu công khai xây dựng thêm tàu sân bay, điều này một lần nữa cho thấy việc hiện đại

hóa tàu sân bay không được tiến hành theo một mốc thời gian đã định mà được định hình bằng sự điều chỉnh chiến lược. Thứ tư, như đã thảo luận trước đây, các tài liệu có thẩm quyền của Cục Quản lý Đại dương Nhà nước chỉ ra năm 2009 là một năm then chốt khi giới lãnh đạo chính trị của Trung Quốc đưa ra các quyết định quan trọng về chương trình tàu sân bay và các nguồn khác cho chương trình đã được Bộ Chính trị cho phép vào năm 2009.

Nói tóm lại, Trung Quốc tránh đóng tàu sân bay bất chấp khả năng rõ ràng và lợi ích chiến lược của họ trong việc làm như vậy bởi vì họ đang theo đuổi chiến lược phản công và biết tàu sân bay sẽ gửi tín hiệu sai cho Hoa Kỳ và các nước láng giềng của Trung Quốc - trong khi tàu sân bay dễ bị tấn công. Sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu 2008, Trung Quốc bắt đầu nhấn mạnh vào việc xây dựng trật tự khu vực. Nó không còn cảm thấy cần phải tự kiềm chế vì sợ làm lung lay Washington hoặc khu vực rộng lớn hơn. Khả năng mà các tàu sân bay được biết đến giờ đây hoàn toàn phù hợp với các mục tiêu chiến lược của Trung Quốc, vốn ngày càng nghiêng về việc thực thi chủ quyền trên biển và tăng cường khả năng can thiệp vào khu vực. Và như vậy, Trung Quốc đã bước vào hàng ngũ các cường quốc có tàu sân bay.

HẠM ĐỘI TÀU NỔI

Sự điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu không chỉ tập trung vào hàng không mẫu hạm mà còn liên quan đến những thay đổi rộng lớn hơn đối với hạm đội tàu nổi. Bắc Kinh hiểu các khả năng như tác chiến đổ bộ (AMW), tác chiến chống tàu ngầm (ASW), tác chiến phòng không (AAW) và các biện pháp đối phó thủy lôi (MCM) có thể thực hiện các loại nhiệm vụ mà Trung Quốc muốn hoàn thành như một phần của chiến lược xây dựng trật tự khu vực. Nhưng trong nhiều thập kỷ, những khả năng này không phải là ưu tiên: thay vào đó, Bắc Kinh ưu tiên chiến tranh phòng không (ASuW). Điều này đặt ra một câu hỏi: tại sao Trung Quốc lại ưu tiên một cách có hệ thống các khả năng của ASuW hơn các khả

năng chính khác của lực lượng tác chiến mặt nước trong suốt hai thập kỷ, và tại sao sau đó họ lại thay đổi hướng đi sau năm 2008? Phần này lập luận việc Trung Quốc chuyển từ chiến lược phản công sang xây dựng chiến lược lớn là nguyên nhân dẫn đến những thay đổi trong hạm đội tàu nổi của nước này. Nó khám phá sự thay đổi trên (1) các lực lượng tác chiến mặt nước chính của Trung Quốc; (2) Tàu MCM; và (3) các khoản đầu tư AMW.

Như một đánh giá đã ghi nhận, trong những năm 1990 và 2000, các lực lượng tác chiến mặt nước chủ lực của Trung Quốc "mang tên lửa chống hạm rất có khả năng" ngay cả khi "khả năng AAW và ASW hạn chế." Không ít lần, Trung Quốc cố tình nâng cấp khả năng chống tàu mặt nước. hữu ích cho việc làm suy yếu sức mạnh của Mỹ trong khi trì hoãn đầu tư vào các khả năng phòng không và chống tàu ngầm cần thiết cho các loại nhiệm vụ kiểm soát biển, bảo vệ SLOC hoặc đổ bộ cần thiết để xây dựng trật tự khu vực — mặc dù có thể đã theo đuổi chúng. Chỉ cho đến khi nó chuyển sang một chiến lược xây dựng lớn, tình trạng này mới thay đổi.

Những người hoài nghi có thể không đồng ý những thay đổi trong chiến lược tổng thể giải thích những quyết định này và thay vào đó chỉ ra những giải thích về năng lực tiếp nhận. Họ sẽ cho việc đầu tư quá mức vào tác chiến phòng không và chống tàu ngầm chỉ đơn giản là do các khả năng sau này gặp nhiều thách thức hơn về mặt tài chính hoặc tổ chức. Nhưng bức tranh phức tạp hơn khi phân tích sâu hơn. Thật vậy, Trung Quốc không đầu tư vào chiến tranh chống mặt đất đơn giản vì nó dễ dàng hơn hoặc rẻ hơn; đúng hơn, nó nghĩ là cần thiết. Các nhà phân tích Trung Quốc từ lâu đã viết về các chiến lược của Liên Xô sử dụng các cuộc tấn công bão hòa tên lửa chống lại các tàu sân bay của Mỹ: “nếu [các tàu sân bay Mỹ] đồng thời đối mặt với mối đe dọa từ tất cả các loại bệ phóng tên lửa dẫn đường, phản ứng tác chiến của họ chỉ có thể là tận dụng tối đa tên lửa, một cuốn sách về tên lửa hành trình do Học viện Khoa

học Quân sự Trung Quốc xuất bản đã lưu ý rõ ràng “một tàu sân bay… chắc chắn sẽ là mục tiêu chính trong các trận chiến trên biển trong tương lai” và trọng tâm của các cuộc tấn công bằng tên lửa hành trình. nguồn tin Trung Quốc cho nếu tên lửa được sử dụng trong một cuộc tấn công bão hòa, một nhóm tác chiến tàu sân bay của Mỹ có khả năng không thể đảo ngược các tỷ lệ bất lợi này. Theo đó, một ước tính có thẩm quyền của Mỹ đã tính Trung Quốc trang bị số tên lửa này nhiều gấp bảy lần Hải quân Mỹ trong khu vực.

Sự tập trung vào tác chiến chống tàu mặt nước đã thể hiện rõ ràng trong các quyết định mua lại tàu nổi của Trung Quốc. Các tàu khu trục đầu tiên của Trung Quốc thời hậu Chiến tranh Lạnh, lớp Luhu, có vũ khí chống tàu mặt nước tốt hơn nhiều so với các tàu tiền nhiệm (loại YJ-83 có khả năng) nhưng vẫn giữ được súng cối chống ngầm và hệ thống phòng không đã lỗi thời đáng kể (HQ-7). Năm 1997, Trung Quốc giới thiệu tàu Luhai, tàng hình hơn và có sức đẩy tốt hơn nhưng vẫn giữ được khí tài phòng không của người tiền nhiệm, chỉ có vũ khí chống ngầm được cải tiến ở mức độ khiêm tốn (ngư lôi và trực thăng, số lượng quá hạn chế), và không có tiến bộ về khả năng phát hiện. Đáng chú ý nhất, Trung Quốc sau đó đã mua 4 tàu khu trục lớp Sovremenny từ Nga, được trang bị cho tác chiến chống mặt nước với tên lửa Sunburn/Moskit được coi là “có khả năng hơn bất kỳ tên lửa hành trình chống hạm nào trong kho của Mỹ” và được thiết kế để sử dụng chống lại các nhóm tác chiến tàu sân bay Mỹ. Chưa hết, các tàu mới này còn có khả năng chống tàu ngầm tương tự như vũ khí phòng không vượt trội của Trung Quốc và về cơ bản là “vũ khí phòng thủ” với tầm bắn 15 hải lý. Trung Quốc sau đó bắt đầu thử nghiệm các mẫu tàu khu trục mới, bao gồm các lớp Luzhou, Luyang I và Luyang II đầu tiên, tất cả đều được đưa vào hoạt động từ năm 2004 đến 2007, thường sử dụng công nghệ chống tàu ngầm kém và khả năng phòng thủ điểm cho tác chiến phòng không. Việc hiện đại hóa tàu khu trục nhỏ của Trung Quốc cũng đi theo con đường tương tự, và điều đáng nói là Trung Quốc cũng đầu tư vào một số

lượng lớn các tàu tên lửa nhỏ hoàn, có thể trang bị 8 tên lửa hành trình chống hạm YJ-83 ấn tượng, và không có ý nghĩa chiến tranh phòng không và chống - các khả năng tác chiến tàu ngầm. Trong nhiều thập kỷ, như Văn phòng Tình báo Hải quân đã lưu ý, chiến tranh phòng không tiếp tục là "sức mạnh cốt lõi" của PLAN.

Trung Quốc sẽ có được khả năng phòng không và chống tàu ngầm nếu họ ưu tiên. Ví dụ, về phòng không, các lớp Luda, Luhu, Luhai, Sovremenny và Luzhou của Trung Quốc đều trang bị các hệ thống phòng thủ điểm tương đối kém mặc dù có khả năng nhập khẩu các hệ thống ưu việt của Nga. Chỉ với Type-52 Luyang DDG vào năm 2007 và chỉ một biến thể đặc biệt của nó (Type-52C), Trung Quốc mới đưa hệ thống phòng không hàng đầu HHQ-9 lên tàu hải quân. Về chiến tranh chống tàu ngầm, Trung Quốc tiếp tục trang bị súng cối chống tàu ngầm vào

những năm 2010, mặc dù ngư lôi hiệu quả hơn và tương đối rẻ. Mãi đến năm 1997, Trung Quốc cuối cùng mới chế tạo được một tàu có khả năng phóng ngư lôi ASW và mãi đến năm 2005, tàu này mới có dàn sonar kéo được. Ngược lại, Ấn Độ đã trang bị ngư lôi ASW từ những năm 1980 (trên các tàu khu trục Rajput và tàu hộ tống Abhay) và kéo các dàn sonar kể từ những năm 1990 (trên các tàu khu trục Delhi và khinh hạm Brahmaputra). Nói rộng hơn, Trung Quốc chưa bao giờ nghiêm túc tìm cách mua các tàu khu trục lớp Udaloy của Nga, vốn có khả năng chống tàu ngầm và phòng không tiên tiến và nhằm bổ sung cho khả năng tác chiến chống mặt nước của các tàu khu trục lớp Sovremennyy mà Bắc Kinh đã mua từ Moscow.

Tất cả điều này dường như đã thay đổi sau khi Trung Quốc chuyển sang chiến lược xây dựng. Ví dụ, vào năm 2012, lần đầu tiên Trung Quốc đã cải thiện đáng kể khả năng AAW và ASW, với kiểu máy bay Luyang-II tiên tiến của mình. Đối với AAW, những tàu này tự hào có hệ thống "giống Aegis" và đánh dấu "tàu chiến đầu tiên của Trung Quốc có khả năng thực hiện nhiệm vụ AAW trong khu vực quan trọng để bảo vệ Liêu Ninh." Điều thú vị là lớp tàu này được sản xuất lần cuối vào năm 2005; sau đó, sau một thời gian gián đoạn, khoảng bốn chiếc được chế tạo từ năm 2010 đến năm 2012 với mục đích rõ ràng là hộ tống tàu sân bay. Khi mẫu máy bay này được hoàn thiện, Trung Quốc bắt đầu chế tạo Luyang-III, tất cả đều được trang bị các khả năng ASW và AAW tiên tiến. Tuy nhiên, điều ấn tượng về chúng không chỉ là khả năng tiên tiến cuối cùng đã cho thấy một PLAN đang thực hiện các nhiệm vụ ngoài chiến tranh chống mặt đất, mà còn đang làm như vậy trên quy mô lớn. Thật vậy, việc xây dựng hàng loạt đã bắt đầu thuận lợi sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu và con số đáng kinh ngạc là 20 chiếc được lên kế hoạch, với chiếc đầu tiên được đưa vào hoạt động vào năm 2014. Quy mô sản xuất có lẽ là dấu hiệu rõ ràng nhất cho chiến lược quân sự mới của Trung Quốc. Kế nhiệm của tàu khu trục Luyang-III, tàu khu trục Type 055 Renhai, bắt đầu được chế tạo đồng thời trên sáu tàu vào năm

2014. Việc chế tạo gần ba mươi tàu khu trục tiên tiến với các khả năng ASW và AAW tinh vi hơn là rất quan trọng, và trong khi một số dây chuyền này đã bắt đầu trước khi Khủng hoảng tài chính toàn cầu, lịch trình sản xuất gợi ý mở rộng sau đó; hơn nữa, các tuyến lớn nhất chiếm 26 tàu khu trục dường như đã bắt đầu vài năm sau khi sự thay đổi chiến lược gây ra bởi Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

BIỆN PHÁP ĐỐI PHÓ VỚI THỦY LÔI

Trong bất kỳ hoạt động nào mà Trung Quốc dự kiến sẽ tăng cường sức mạnh hải quân hoặc tham gia vào các hoạt động đổ bộ, các biện pháp đối phó thủy lôi (MCM) sẽ là một khả năng quan trọng và một số lượng lớn tàu quét thủy lôi là nhu cầu quân sự. Đây là điều mà các văn bản quân sự Trung Quốc đã nói từ lâu. Ấn bản năm 2006 của Khoa học về Chiến lược Quân sự đã nói rõ Trung Quốc cần phải rà phá thủy lôi gần bãi đáp trong bất kỳ hoạt động đổ bộ nào. Tương tự, ấn bản 2012 của Hướng dẫn Nghiên cứu Lý thuyết Chiến dịch Chung cho cần có những nỗ lực đối phó trong các chiến dịch liên quan đến các đảo. Thực tế là Trung Quốc đã trải qua gần hai thập kỷ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc trước khi đầu tư đáng kể vào những khả năng này là điều quan trọng và khó hiểu. Nó chỉ ra những sứ mệnh này không phải là ưu tiên khi Trung Quốc đang theo đuổi một chiến lược lớn nhằm làm giảm sức mạnh của Mỹ. Ngược lại, việc Trung Quốc bắt đầu đầu tư vào MCM sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu cho thấy mối quan tâm ngày càng tăng của họ đối với các loại hoạt động cần thiết để xây dựng trật tự khu vực.

Trong suốt những năm 1990 và 2000, các khoản đầu tư của Trung Quốc vào MCM bị hạn chế một cách đáng ngạc nhiên. Như Bernard Cole đã lưu ý vào năm 2010, trong khi Trung Quốc đã đầu tư đáng kể vào chiến tranh phá thủy lôi tấn công (như Chương 4 đã thảo luận), thì PLAN đã "không đầu tư đồng thời vào sứ mệnh rà phá bom thủy lôi." Trong nhiều thập kỷ, Trung Quốc chỉ có một số lượng nhỏ các tàu rà phá thủy lôi từ những

năm 1950, bao gồm khoảng 27 tàu quét thủy lôi viễn dương T-43/Kiểu 010 do Liên Xô thiết kế và 8 tàu ven biển, và hầu hết các tàu này đều đã cũ và không hiệu quả, ước tính khoảng 75%. được đưa vào dự trữ. Mãi cho đến năm 2007 - gần 25 năm sau tàu MCM đầu tiên - Trung Quốc cuối cùng đã giới thiệu một thiết kế tàu quét thủy lôi mới có thể cung cấp cả khả năng quét thủy lôi (lớp Wochi) và thay thế tàu T đã già cỗi của Trung Quốc. Vào thời điểm đó, Nga đã đưa vào sử dụng gần 10 lớp tàu mới để kế nhiệm các phiên bản mà họ đã bán cho Trung Quốc.

Trái ngược với các lý thuyết về năng lực tiếp nhận, khả năng MCM hạn chế của Trung Quốc không phải do chi phí hoặc sự phức tạp của tổ chức mà là do sự lựa chọn. Tàu quét thủy lôi được thừa nhận là vũ khí đắt tiền so với trọng tải của chúng vì các biện pháp đối phó thụ động của chúng. Mặc dù vậy, chúng vẫn rẻ hơn nhiều so với các tàu chiến mặt nước chủ lực. Đối với những thách thức về tổ chức, các hoạt động quét thủy lôi đã được thực hiện bởi Trung Quốc và phát triển hải quân kể từ những năm 1950. Mặc dù MCM đã phát triển kể từ đó - và giờ liên quan đến việc sử dụng sonar trên tàu (hoặc máy bay trực thăng) để xác định thủy lôi và đạn, thợ lặn và các phương pháp điều khiển từ xa để tiêu diệt chúng - chúng không đặc biệt phức tạp. Nhiều quốc gia đang phát triển, bao gồm Indonesia, Pakistan, Saudi Arabia và Thổ Nhĩ Kỳ, đã tham gia vào các hoạt động như vậy từ những năm 1990. Cuối cùng, Trung Quốc không cần phải dựa vào các tàu quét thủy lôi lỗi thời từ những năm 1950 trong hơn hai thập kỷ và có thể đã tự chế tạo hoặc mua một trong các mẫu nâng cấp của Nga. Và thực sự, cách tiếp cận của Trung Quốc đã thay đổi khi nước này chuyển sang một chiến lược lớn tập trung vào xây dựng trật tự khu vực. Sau khi đóng một lớp tàu MCM mới vào giữa những năm 2000 với số lượng hạn chế, Trung Quốc sau đó không chế tạo tàu quét thủy lôi nào khác cho đến khi dường như bắt đầu lại dây chuyền sản xuất sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu. Kể từ đó, nó đã chế tạo một số tàu MCM tiên tiến. Như Văn phòng Tình báo Hải

quân cho biết, việc thu nhận và đào tạo đều đã thay đổi để phản ánh sự tập trung mới nổi vào các khả năng này:

Trung Quốc cũng đã đầu tư rất nhiều vào việc cải thiện khả năng xử lý bom thủy lôi (MCM). Một số tàu MCM tiên tiến, chuyên dụng đã gia nhập hạm đội trong những năm gần đây, bao gồm tàu quét thủy lôi lớp WOCHI (MHS) và tàu phá thủy lôi lớp WOZANG mới (MSI). Trung Quốc đang cải thiện khả năng rà phá thủy lôi của mình với các SONAR cải tiến và các phương tiện vô hiệu hóa thủy lôi. Các cuộc tập trận chiến tranh của Trung Quốc thường bao gồm cả các sự kiện khai thác và biện pháp đối phó với thủy lôi.

Sự tập trung mới của Trung Quốc vào MCM trái ngược hẳn với việc nước này đã bỏ qua khả năng này trong quá khứ và bằng chứng mạnh mẽ về sự thay đổi trong chiến lược của Trung Quốc.

Sonar (điều hướng bằng âm thanh và phạm vi) là một kỹ thuật sử dụng sự truyền âm thanh (thường là dưới nước, như trong điều hướng tàu ngầm) để điều hướng, đo khoảng cách (phạm vi), liên lạc với hoặc phát hiện các đối tượng trên hoặc dưới mặt nước, chẳng hạn như các tàu khác . Hai loại công nghệ có chung tên gọi là 'sonar': sonar thụ động về cơ bản là lắng nghe âm thanh do tàu tạo ra; sonar hoạt động đang phát ra các xung âm thanh và lắng nghe tiếng vọng. Sonar có thể được sử dụng như một phương tiện xác định vị trí âm thanh và đo đặc tính tiếng vọng của 'mục tiêu' trong nước. Định vị âm thanh trong không khí đã được sử dụng trước khi ra mắt radar. Sonar cũng có thể được sử dụng để điều hướng robot, và SODAR (sonar trong không khí hướng lên trên) được sử dụng để điều tra khí quyển. Thuật ngữ sonar cũng được sử dụng cho thiết bị để phát và nhận âm thanh. Các tần số âm thanh được sử dụng trong hệ thống sonar thay đổi từ rất thấp (hạ âm) đến cực cao (siêu âm). Nghiên cứu về âm thanh dưới nước được gọi là âm học dưới nước hoặc thủy âm.

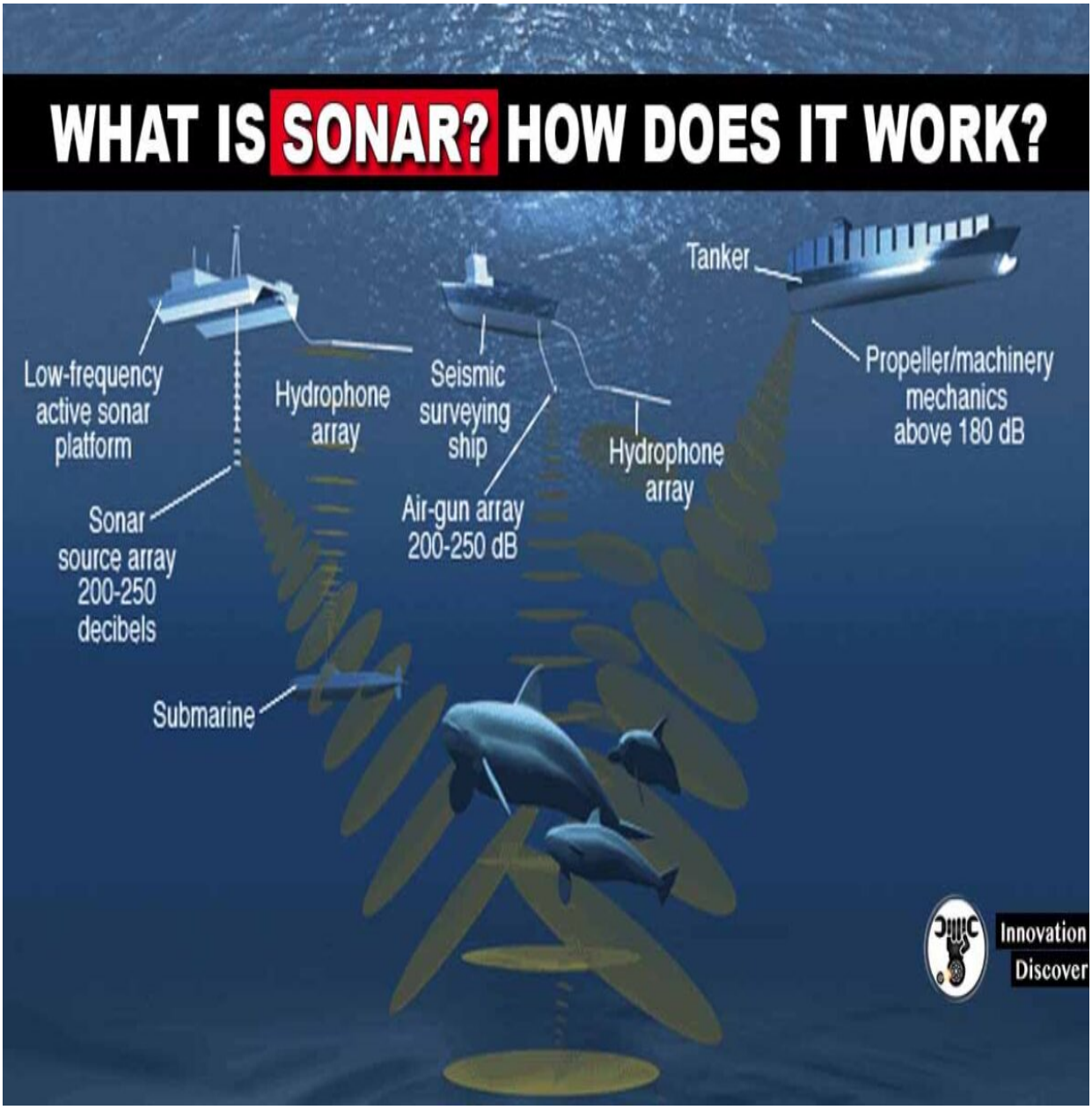

CHIẾN TRANH ĐỔ BỘ

Trung Quốc luôn tin khả năng tác chiến đổ bộ (AMW) sẽ cần thiết cho các hoạt động ở Biển Đông và Hoa Nam hoặc eo biển Đài Loan, cũng như cho các nhiệm vụ khác cần thiết để xây dựng trật tự khu vực. Nhưng trong nhiều thập kỷ, nó đã thực hiện các khoản đầu tư thấp hơn nhiều so với khả năng trong cả hai. Khi Bắc Kinh theo đuổi một chiến lược lớn nhằm làm giảm sức mạnh của Mỹ, các khả năng tấn công của AMW không phải là ưu tiên; khi Trung Quốc chuyển sang chiến lược nhằm xây

dựng trật tự khu vực sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, AMW đã trở thành một ưu tiên.

Đối với AMW, từ khi thành lập cho đến năm 2010, PLAN đã không "xây dựng một lực lượng đổ bộ lớn" mặc dù có khả năng đầu tư nhiều hơn vào các khả năng này. Từ cuối những năm 1980 trở đi, Trung Quốc chỉ thực hiện những nỗ lực nửa vời để cải thiện khả năng đổ bộ của mình. Đến năm 2000, phần lớn các tàu của họ vẫn không có khả năng đi biển xa và trong số khoảng 50 tàu đổ bộ cỡ trung bình đến lớn mà họ sở hữu, nhiều tàu đã hơn bốn mươi năm tuổi và đang trong tình trạng dự bị. Vào giữa những năm 1990 và đầu những năm 2000, Trung Quốc bắt đầu đóng thêm các tàu đổ bộ và tiếp liệu để thay thế các tàu lạc hậu, bao gồm các tàu Yuting-I và Yuting-II LST, các tàu LSM lớp Yunshu và các tàu LCU lớp Yubei. Những nỗ lực đang bộc lộ bởi vì, như Bernard Cole đã lưu ý, họ "hướng vào việc hiện đại hóa lực lượng đổ bộ, nhưng không mở rộng đáng kể năng lực của lực lượng này", với việc PLAN "vẫn bị giới hạn trong việc vận chuyển khoảng một sư đoàn cơ giới hóa gồm những binh lính được trang bị đầy đủ" - hầu như không thay đổi từ năm 2000. Mãi cho đến khi đóng các tàu LPD lớp Yuzhao vào năm 2006, Trung Quốc mới bắt đầu có được năng lực tàu bè đáng kể. Ngay cả khi đó, những chiếc LPD này "được trang bị tương đối nhẹ, chỉ với một khẩu 76 mm và bốn CIWS 30 mm", cho thấy giá trị thực của chúng có thể không nằm ở AMW mà là trong việc tiến hành các hoạt động quân sự ngoài chiến tranh, chẳng hạn như cứu trợ thảm họa. Ngoài tàu thuyền, lính thủy đánh bộ cũng là một thành phần quan trọng trong khả năng đổ bộ của Trung Quốc. Mặc dù Trung Quốc đã thành lập một lữ đoàn thủy quân lục chiến vào năm 1979 và lữ đoàn thứ hai vào năm 1998, với tổng sức mạnh trên biển vào khoảng 10.000–12.000 binh sĩ tại ngũ, nhưng nó đã không mở rộng số lượng trong giai đoạn này.

Các khoản đầu tư chậm trễ của Trung Quốc vào khả năng đổ bộ không thể được giải thích bằng các lý thuyết cho thấy chi phí hoặc sự phức tạp về tổ chức của các tàu này đã ngăn cản Trung Quốc có được chúng. Thật vậy, một số quốc gia đang phát triển với khả năng kỹ thuật khác nhau đã đóng hoặc mua các tàu này, bao gồm Algeria, Brazil, Chile, Ấn Độ, Indonesia, Peru, Philippines, Singapore và Hàn Quốc. Ngành công nghiệp đóng tàu của Trung Quốc chắc chắn có khả năng chế tạo tốt các LPD trước năm 2007. Và đối với lực lượng lính thủy đánh bộ, rõ ràng là việc xây dựng hoặc mở rộng một quân đoàn thủy quân lục chiến không đặc biệt tốn kém cũng như không khó về mặt hoạt động. Một số quốc gia khác, bao gồm Brazil (15.000 lính thủy đánh bộ), Colombia (24.000), Hàn Quốc (30.000) và

Thái Lan (20.000), đều đã có lính thủy đánh bộ trong nhiều thập kỷ, và Trung Quốc cũng có lực lượng hạn chế 10.000 lính thủy đánh bộ mà họ có thể mở rộng. Thật vậy, nhiều thập kỷ trước đó vào những năm 1950, khi một cuộc xâm lược Đài Loan dường như là hợp lý, Trung Quốc đã có gần 100.000 lính thủy đánh bộ trước khi loại bỏ lực lượng lính thủy đánh bộ vào năm 1957 khi sự can thiệp của Hoa Kỳ làm triệt tiêu các kế hoạch này. Đầu tư tương đối thấp và chậm trễ của Trung Quốc vào khả năng thủy quân lục chiến và khả năng đổ bộ không phải là về chi phí hoặc sự phức tạp mà là chiến lược - những khả năng này đơn giản là không cần thiết để làm suy yếu sức mạnh của Mỹ.

Khi Trung Quốc chuyển sang theo đuổi chiến lược xây dựng trật tự khu vực, họ đã bắt đầu đầu tư lớn vào tàu vận tải và bộ binh đổ bộ, nhằm tăng đáng kể năng lực của nước này. Trung Quốc đã tăng đáng kể số lượng tàu đổ bộ Type 071 từ chỉ một chiếc vào năm 2007 lên 7 chiếc vào năm 2020. Trong khi việc sản xuất những chiếc tàu này bắt đầu trước cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, Trung Quốc dường như đã mở rộng dây chuyền sản xuất của mình. Và chính sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, Trung Quốc đã tiến hành sản xuất ba bến đỗ trực thăng đổ bộ Type 075 khổng lồ, mỗi bến có sức chứa gần gấp đôi so với Type 071 LPD, được trang bị vũ khí tốt hơn nhiều và có sức chứa lớn hơn đáng kể — bao gồm cả khả năng chứa ba mươi máy bay trực thăng. Cùng với nhau, 10 tàu vận tải đổ bộ cỡ lớn này sẽ mang lại cho Trung Quốc khả năng tấn công đổ bộ chỉ đứng sau Hoa Kỳ, và tất cả chúng đều không tồn tại cách đây 10 năm. Ngoài ra, Trung Quốc đã tăng đáng kể số lượng tàu đổ bộ cỡ trung bình; sau khi xây dựng chín chiếc vào những năm 2000, nó đã ngừng sản xuất cho đến sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, khi nó khởi động lại và tăng gần gấp đôi sản lượng vào năm 2016, với nhiều kế hoạch hơn. Bên cạnh tàu thuyền, Trung Quốc cũng mở rộng đáng kể lực lượng hải quân sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu sau khi giữ số lượng ổn định ở mức không quá 12.000 trong vài thập

kỷ. Nó đã tăng gấp đôi số lượng lính thủy đánh bộ vào năm 2017 và sau đó công bố kế hoạch tăng số lượng gấp 10 lần so với mức trước đó lên ít nhất 100.000. Đây là một con số lớn, đặc biệt là vì toàn bộ PLAN chỉ có khoảng 235.000 người, khiến cho việc thành lập các quân đoàn thủy quân lục chiến trở thành quyết định chuyển đổi dịch vụ. Như cựu Chính ủy Hải quân Lưu Hiểu Khánh đã tuyên bố, sự gia tăng lớn cho thấy sự tập trung vào "cuộc chiến có thể xảy ra với Đài Loan, phòng thủ hàng hải ở các vùng biển phía Đông và Nam Trung Quốc" và các sứ mệnh mới trên khắp Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tới "các tuyến đường biển của đất nước, cũng như ngoài khơi. Các kho tiếp liệu như ở Djibouti và cảng Gwadar ở Pakistan." Nói cách khác, nó nhất quán với chiến lược xây dựng tập trung vào việc đảm bảo các lợi ích ở nước ngoài của Trung Quốc, đặc biệt là ở châu Á.

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ CAN THIỆP Ở NƯỚC NGOÀI

Trong vài năm trở lại đây, công chúng Trung Quốc hết lần này đến lần khác quay trở lại với hàng loạt bộ phim dựa trên cùng một kiểu để đứng đầu phòng vé. Những bộ phim này — bao gồm Chiến Lang và phần tiếp theo của nó là Chiến Lang 2, Chiến dịch Mekong và Chiến dịch Biển Đỏ — có các lực lượng quân đội Trung Quốc hành động bên ngoài biên giới Trung Quốc để giải cứu công dân Hoa kiều, bảo vệ các khoản đầu tư của Trung Quốc và cung cấp an ninh quốc tế. Quân đội Trung Quốc cung cấp cho những bộ phim này một số kinh phí, hỗ trợ

các bộ phim về hành động và — về mặt phê bình — cả cảm hứng nữa. Những bộ phim vẽ ra những âm mưu của họ từ những nỗ lực đầu tiên của quân đội Trung Quốc trong việc bảo vệ các lợi ích ở nước ngoài, bao gồm việc sơ tán công dân Trung Quốc khỏi Libya và Yemen, các nỗ lực chống cướp biển, cũng như việc Trung Quốc dẫn độ một trùm ma túy đã giết chết hàng chục công dân Trung Quốc vào năm 2011. Ví dụ, trong Chiến dịch Biển Đỏ, một đội đặc nhiệm Vịnh Aden của Trung Quốc giải cứu các công dân Trung Quốc bị bắt cóc, ngăn chặn việc phổ biến vũ khí hạt nhân và ra khơi về nhà một cách đắc thắng. Trên đường quay trở lại, nó chạm trán với các tàu Mỹ ở Biển Đông và ra lệnh cho họ rời đi. Khi các khoản tín dụng được tung ra, một chiếc J-15 của Trung Quốc cất cánh từ một tàu sân bay — chiếc Varyag trước đây — và hướng về phía các tàu Mỹ đang lao tới.

Chiến dịch Biển Đỏ

Sự quan tâm không hề nhỏ của công chúng đối với những loại phim này — hai trong số đó nằm trong số ba phim có doanh thu cao nhất từ trước đến nay ở Trung Quốc — phản ánh cả nguyên nhân và hậu quả của hành trình trở thành "cường quốc hàng hải" của Trung Quốc. Tổng quan sơ bộ về hoạt động tích cực hơn của Trung Quốc trên khắp Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, cho dù trong các nhiệm vụ chống cướp biển hay tranh chấp lãnh thổ, đều có thể mang tính hướng dẫn. Vào ngày 26 tháng 12 năm 2008, Trung Quốc bắt đầu phái lực lượng đặc nhiệm hải quân chống cướp biển đến Vịnh Aden - với "31 hạm đội hộ tống, 100 tàu, 67 trực thăng trên tàu và hơn 26.000 binh sĩ" được điều động trong vòng mười năm đầu tiên. Từ thời điểm đó. về sau, quân đội nước này bắt đầu thường xuyên sử dụng một số cảng trong khu vực ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương để bổ sung và tiếp tế. Năm 2011, Trung Quốc đã cử tàu chiến đến hỗ trợ sơ tán 30.000 công dân khỏi Libya. Cùng năm đó, sau khi 13 thủy thủ tàu buôn Trung Quốc bị giết dọc sông Mekong, Bắc Kinh đã làm việc để dẫn độ sáu người nước ngoài bị tình nghi phải đối mặt với hậu quả ở Trung Quốc; thực hiện các cuộc tuần tra chung ngoài lãnh thổ đầu tiên trên sông Mekong với Myanmar, Thái Lan và Lào; và thậm chí còn một cuộc tấn công bằng máy bay không người lái nhằm vào một trùm ma túy ở nước ngoài. Năm 2013, Trung Quốc tuyên bố Vùng nhận dạng Phòng không trên Biển Hoa Đông. Vào đầu năm 2014, Trung Quốc đã mở các cuộc đàm phán về căn cứ chính thức ở nước ngoài đầu tiên ở Djibouti theo "quan hệ đối tác chiến lược an ninh và quốc phòng" mà họ đã ký với nước này. Cùng năm đó, họ bắt đầu xây dựng và sau đó quân sự hóa các đảo nhân tạo ở Biển Đông, một sự khác biệt đáng kể so với cách tiếp cận trước đây và đã xây dựng các sân bay, bến tàu và các cơ sở trên đó. Động thái đó diễn ra cùng với một số hành động khiêu khích tiền lệ vào vùng biển do Nhật Bản quản lý ở Biển Hoa Đông. Vào năm 2015, Trung Quốc đã sơ tán khoảng một nghìn công dân khỏi Yemen và sau đó sử dụng trực thăng quân sự để sơ tán một số công dân từ Nepal. Cùng với nhau, những hành động này cho thấy Trung Quốc sẵn sàng hoạt động như một

“cường quốc hàng hải” trên khắp Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương hơn nhiều so với những gì họ đã sẵn sàng làm trước đây, điều này phù hợp với việc chuyển sang xây dựng chiến lược lớn.

Việc theo đuổi chiến lược của Trung Quốc không chỉ đòi hỏi một lực lượng hải quân có khả năng tăng cường sức mạnh, hoạt động đổ bộ, kiểm soát biển và tuần tra SLOC - mà Trung Quốc đã xây dựng một cách nghiêm túc - mà còn đòi hỏi phải rời khỏi hai trong số các cam kết thời Đặng của Trung Quốc: (1) tránh các can thiệp ở nước ngoài; và (2) tránh các căn cứ ở nước ngoài. Bắt đầu từ sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, lời kêu gọi thoát khỏi những hoạt động này ngày càng lớn hơn.

Đầu tiên, về tiêu chuẩn chống lại sự can thiệp của nước ngoài, Tướng Chen Zhou, cựu tác giả của nhiều Sách Trắng Quốc phòng Trung Quốc, đã lập luận ủng hộ việc nới lỏng nó. Viết một năm sau cuộc khủng hoảng, Chen nhận xét “liệu một quốc gia có thể bảo vệ hiệu quả các lợi ích ở nước ngoài của mình hay không... cũng là một điểm rất nhạy cảm vì nó liên quan đến lợi ích chủ quyền” của những người khác. Chen tiếp tục lưu ý, “về mặt lịch sử, trước Thế chiến thứ nhất, cộng đồng quốc tế nhìn chung đã công nhận tính hợp pháp của việc sử dụng vũ lực để bảo vệ tính mạng và tài sản của công dân ở nước ngoài của một quốc gia,” nhưng đó là do “sức mạnh quốc gia tương đối yếu” của Trung Quốc. ông nhận xét, “chúng ta hoàn toàn đánh đồng quan điểm này với sự gây hấn và can thiệp.” Tất nhiên, tình hình đã thay đổi kể từ đó, và ông nhận xét với “sự lớn mạnh quốc gia toàn diện của chúng ta, chúng ta phải bảo vệ sự an toàn của các nguồn năng lượng và các tuyến giao thông cũng như bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Trung Quốc... và chúng ta phải coi đây là một khía cạnh quan trọng của an ninh quốc gia.” Sự can thiệp trong những trường hợp này “là quyền lực của nhà nước, cũng như trách nhiệm và nghĩa vụ của nhà nước.” Chen lập luận lý do đây không phải là một sự thoái lui đạo đức giả khỏi nguyên tắc quá khứ là vì Trung Quốc khác với phương Tây. Trung Quốc tuân theo “năm nguyên tắc

chung sống hòa bình", trong khi phương Tây bảo đảm lợi ích của mình "thông qua các cuộc chiến tranh và các hiệp ước bất bình đẳng". Do đó, "lợi ích của chúng ta được xem là hợp pháp và chính đáng thực sự" và việc sử dụng vũ lực ở nước ngoài để bảo vệ lợi ích của Trung Quốc là chính đáng.

Thứ hai, để hỗ trợ sự hiện diện ở nước ngoài và đảm bảo lợi ích của Trung Quốc, bao gồm cả Vành đai và Con đường, Trung Quốc đã phải phá vỡ một nguyên tắc khác: tránh các cơ sở ở nước ngoài. Trong nhiều thập kỷ, Trung Quốc đã hứa sẽ không "đóng quân hoặc thiết lập bất kỳ căn cứ quân sự nào", ngôn ngữ thậm chí còn được đưa vào một số Sách trắng Quốc phòng chính thức của họ. Với những cam kết trước đây của Trung Quốc là không bao giờ thiết lập căn cứ "quân sự ở nước ngoài", PLA đã sử dụng các thuật ngữ khác để mô tả các cơ sở mà họ hy vọng sẽ thiết lập, bao gồm "điểm mạnh chiến lược", "trạm hàng hải", "căn cứ hỗ trợ", hoặc đơn giản là "cơ sở vật chất", trong số các cách viết tắt khác. Sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, các bài bình luận ngày càng bắt đầu nhấn mạnh tầm quan trọng của các cơ sở này và cuối cùng chuyển sang các tài liệu có thẩm quyền. Phó Tham mưu trưởng, Đô đốc Sun Gianguo viết cho Đại hội Đảng lần thứ 18 vào năm 2012 đã chỉ thị cho Trung Quốc "thúc đẩy đều đặn việc xây dựng các căn cứ ở nước ngoài", một quá trình có thể đã được tiến hành trước đó. Hơn nữa, Chiến lược Khoa học Quân sự 2013 lập luận:

> Chúng ta phải xây dựng các cứ điểm chiến lược dựa vào đất liền, tỏa ra ngoại vi và tiến ra hai đại dương [tức là Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương], hỗ trợ cho các hoạt động quân sự ở nước ngoài hoặc làm căn cứ tiền phương cho việc triển khai quân đội. lực lượng ở nước ngoài, cũng như gây ảnh hưởng chính trị và quân sự ở các khu vực liên quan.

Những cơ sở này là một phần của chiến lược lớn xây dựng trật tự khu vực. Năm tiếp theo, Liu Cigui, cựu giám đốc Cục quản lý Đại dương Nhà nước, nơi hoạch định chiến lược hàng hải của Trung Quốc, đã viết "các trạm biển" và kết nối là ưu tiên hàng đầu để phát triển thành phần an ninh hàng hải của Vành đai và

Con đường. Ông viết: “Chúng ta phải nắm giữ các kênh chính, các nút quan trọng và các dự án trọng điểm” và “xây dựng các cơ sở dịch vụ chung hàng hải với các quốc gia dọc theo tuyến đường”. “An ninh của các tuyến đường biển là chìa khóa để duy trì sự phát triển ổn định của Con đường Tơ lụa trên biển, và các cảng và bến tàu là ưu tiên hàng đầu để đảm bảo các tuyến đường biển.” Các cảng “không chỉ có chức năng xếp dỡ hàng hóa mà còn cũng phải cung cấp các dịch vụ bổ sung và hậu cần, và quan trọng nhất là đảm bảo an toàn cho các tuyến đường thủy xung quanh.” Các “trạm biển” của Liu có thể được “xây dựng tách biệt với nước sở tại, cùng với Trung Quốc và các nước khác, hoặc có thể liên quan đến việc cho thuê hiện đang tồn tại các cảng như một cơ sở hoạt động.” Và Liu không đơn độc trong những quan điểm này. Tướng Chen Zhou, tác giả của một số Sách Trắng Quốc phòng Trung Quốc, đã viết, “Chúng ta nên mở rộng phạm vi hoạt động hàng hải, cố gắng thể hiện sự hiện diện của chúng ta ở một số vùng chiến lược quan trọng, sử dụng các phương tiện ngoại giao và kinh tế để thiết lập các điểm hỗ trợ chiến lược và tận dụng các điểm neo đậu và các điểm tiếp tế mà chúng ta có thể tiếp cận hợp pháp từ các quốc gia có liên quan trong các khu vực biển liên quan.” Các nguồn ít có thẩm quyền hơn thậm chí còn thẳng thắn hơn. Giáo sư Liang Fang tại Đại học Quốc phòng cho việc đảm bảo Vành đai và Con đường có hai yêu cầu. Đầu tiên, nó yêu cầu sự hiện diện ở nước ngoài mạnh mẽ hơn để duy trì “lực lượng tác chiến cơ động ngoài khơi với đội hình tàu sân bay làm nòng cốt”. Thứ hai, Trung Quốc cũng cần “thiết lập một hệ thống hiện diện quân sự ở nước ngoài”. Liang Fan lập luận “Từ quan điểm chiến lược, chúng ta nên chọn thiết lập sự hiện diện chiến lược ở nước ngoài ở những khu vực quan tâm và tập trung nhiều.” Đây không cần phải là căn cứ, chúng có thể là “bến tạm thời và điểm bổ sung cho các tàu hải quân của chúng ta,” chẳng hạn như các cảng thương mại lưỡng dụng.

Việc tập trung vào các loại cơ sở vật chất ở nước ngoài này có thể đã hướng dẫn một số quyết định hàng hải quan trọng của

Trung Quốc, đặc biệt là đối với đầu tư cảng ở nước ngoài. Năm 2014, các chuyên gia từ Viện Nghiên cứu Hải quân Trung Quốc - viện nghiên cứu chiến lược và học thuyết của Hải quân PLA - đã liệt kê bảy địa điểm cho một căn cứ quân sự trong tương lai: Vịnh Bengal, Myanmar, Pakistan (Gwadar), Djibouti, Seychelles, Sri Lanka (Hambantota), và Tanzania (Dar es Salaam). Và như Conor Kennedy của Trường Cao đẳng Chiến tranh Hải quân nhận thấy trong một đánh giá về các nguồn tin của Trung Quốc, một số lượng lớn các dự án cảng của Trung Quốc được coi là "điểm mạnh chiến lược" tiềm năng. Căn cứ hiện tại của Trung Quốc ở Djibouti được gọi theo cách này, cũng như các cơ sở có thể có trong tương lai ở Pakistan (Gwadar) và Sri Lanka (Hambantota). Các khoản đầu tư của Trung Quốc vào một số cảng trong khu vực được thực hiện một cách thận trọng và hướng đến tiềm năng tiếp cận quân sự trong tương lai. Thật vậy, các tác giả của PLA đề cập đến nhu cầu lập kế hoạch cho nhiều căn cứ hoặc "điểm", nhưng chỉ để một số trong số đó "nở rộ" lúc đầu. Ví dụ, Trung Quốc đã đầu tư rất nhiều vào cảng Gwadar - mà hải quân Pakistan hiện đang sử dụng - cũng như như sân bay của nó. Các tác giả của PLA công khai viết Gwadar có thể trở thành một điểm nghỉ ngơi và bổ sung lâu dài cho các lực lượng đặc nhiệm của PLAN hoặc thậm chí là một địa điểm cho một căn cứ hỗ trợ trong tương lai như căn cứ ở Djibouti.

Cảng Gwadar, Pakistan

Tiềm lực quân sự của nó ở một mức độ nào đó là một kết luận bị bỏ qua, và theo một số sĩ quan PLA, “Thức ăn đã được bày sẵn trên đĩa; chúng ta sẽ ăn nó bất cứ khi nào chúng ta muốn.” Trong khi đó, cảng Karachi của Pakistan đã được PLAN sử dụng để bổ sung. Khi Trung Quốc đưa ra chiến lược xây dựng của mình, nó trở nên cần thiết hơn: cảng chỉ có 5 chuyến thăm của PLAN trước năm 2008 và 17 chuyến thăm sau đó. Trung Quốc đầu tư mạnh vào cảng Hambantota của Sri Lanka, yêu cầu

thêm những đặc quyền và thậm chí tìm cách tiếp cận quân sự khi tiếp quản Hambantota sau khi Sri Lanka không thể trang trải các khoản vay đã xây dựng. Các dự án khác trên khắp khu vực như Myanmar, Bangladesh, Maldives và bờ biển phía đông của châu Phi chắc chắn đã được nhìn thấy. theo các điều khoản tương tự — và cần thiết cho việc xây dựng trật tự khu vực của Trung Quốc.

Các dự án này cùng với sự tập trung ngày càng tăng của PLA vào các tàu sân bay và tàu nổi tiên tiến, chứng tỏ quân đội Trung Quốc đang bỏ lại sự tập trung vào việc làm giảm sức mạnh của Mỹ và bắt tay vào xây dựng các hình thức kiểm soát quân sự cần thiết để duy trì trật tự khu vực. Mệnh lệnh mới này — để thực hiện "những động thái tấn công hơn", như Hồ Cẩm Đào đã đặt ra vào năm 2009 — sẽ không chỉ giới hạn trong phạm vi quân sự. Khi chương tiếp theo thảo luận về sự quyết đoán hơn của Trung Quốc trong các tổ chức khu vực Châu Á.

| 9 |
THIẾT LẬP KIẾN TRÚC KHU VỰC

"Trong phân tích cuối cùng, người dân châu Á phải điều hành các công việc của châu Á, giải quyết các vấn đề của châu Á và duy trì an ninh của châu Á." Tập Cận Bình, 2014.

THỰC HIỆN XÂY DỰNG CHÍNH TRỊ

Vào tháng 10 năm 2014, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã bay đến Astana, thành phố thủ đô của Kazakhstan. Những gì tiếp theo là một chút nghịch lý - một thời điểm lịch sử tại một tổ chức khác ít người biết đến.

Hội nghị về Tương tác và Biện pháp Xây dựng Lòng tin (CICA) của châu Á có một trong những tiêu đề dài nhất so với bất kỳ tổ chức đa phương nào, nhưng những từ bổ sung trong tên của nó không có cách nào bù đắp cho sự thiếu mục đích rõ ràng của nó. Tổ chức ban đầu được đề xuất và lãnh đạo bởi Tổng

thống Kazakhstan Nursultan Nazarbayev trong một bài phát biểu năm 1992. Sau đó, mất khoảng một thập kỷ để cuối cùng ra đời sau một loạt các cuộc họp không chính thức và các tuyên bố bị hủy bỏ. Trong phần lớn lịch sử của mình, tổ chức ở cả không chính thức và chính thức đều do Kazakhstan lãnh đạo và sau đó là 4 năm bởi Thổ Nhĩ Kỳ (2010–2014). Bây giờ, nó sẽ được dẫn đầu bởi Trung Quốc.

Trung Quốc cuối cùng trở thành chủ tịch CICA không phải là một sự tình cờ mà là một sự tán tỉnh có ý thức bắt đầu từ năm 2012. Khi những người khác nhìn thấy một thực thể mờ mịt và bất lực, Trung Quốc đã nhìn thấy một cơ hội. Bắc Kinh đã tìm cách xây dựng kiến trúc an ninh ở châu Á phù hợp với sở thích của họ, nhưng nó đã bị cản trở trong các diễn đàn do ASEAN dẫn đầu và các liên minh của Hoa Kỳ. Ở đây bây giờ là một tổ chức bao gồm hầu hết các quốc gia của Âu-Á, tránh vị trí trung tâm của ASEAN và quan trọng nhất là không bao gồm Hoa Kỳ và Nhật Bản. Đó là một vấn đề tương đối đơn giản để lãnh đạo tổ chức, và bây giờ Trung Quốc có thể nâng cao nó. CICA hy vọng sẽ là một nền tảng để thúc đẩy các chuẩn mực có thể làm suy yếu các liên minh của Hoa Kỳ và thiết lập tầm nhìn của Trung Quốc về kiến trúc khu vực. Như một chuyên gia tư vấn của Trung Quốc đã nói, “CICA có khả năng cung cấp một nền tảng thể chế vững chắc để vạch ra con đường ngắn nhất hướng tới một kiến trúc an ninh châu Á”, một ý kiến phản ánh các ưu tiên của Trung Quốc. Và như vậy, trong bài phát biểu đầu tiên với tư cách là lãnh đạo CICA, ông Tập đã công bố “Khái niệm An ninh Châu Á mới” — được nâng cấp từ một phiên bản được cung cấp vào những năm 1990 — nhằm tấn công các liên minh của Hoa Kỳ. Trong phần nổi tiếng nhất, ông Tập tuyên bố “người dân châu Á phải điều hành các công việc của châu Á, giải quyết các vấn đề của châu Á và duy trì an ninh của châu Á”. Nói cách khác, không cần Hoa Kỳ và không cần các liên minh của nó.

CICA 2014

Những lời này gây sốc đến mức một số nhà phân tích Trung Quốc ở phương Tây đã coi bài phát biểu là một sự sai lệch - sản phẩm chưa được tiết lộ của một số nhà ngoại giao Trung Quốc không có tay nghề. Nhưng họ đã sai khi bác bỏ như vậy, một phần vì đây là những mục đích lâu nay được khuếch đại bởi Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Các tài liệu chuẩn bị của Trung Quốc bị rò rỉ cho các cuộc họp CICA trước đây được đăng tải không đúng cách lên các góc khuất của trang web CICA cho thấy rõ Trung Quốc đã ủng hộ những chủ đề này sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Các tài liệu và các trang trình chiếu PowerPoint hỗ trợ đã thúc đẩy quá trình chuyển đổi của Châu Á từ "các liên minh quân sự song phương khép kín" với Hoa Kỳ sang một "kiến trúc mới". Theo thời gian, những gì từng được nói đằng sau những cánh cửa đóng kín ngày càng được nói ra một cách công khai. Năm 2012, Thứ trưởng Ngoại giao Trung Quốc muốn một đề xuất chung của Nga và Trung Quốc chỉ trích các liên minh của Hoa Kỳ là nền tảng cho cách

tiếp cận của CICA đối với kiến trúc an ninh của châu Á, và ông đề xuất những người khác tuân theo tầm nhìn độc quyền này: “Chúng tôi đề nghị xây dựng các quy tắc hành vi cho tất cả.”

Bài phát biểu năm 2014 của ông Tập và sự lãnh đạo của ông tại CICA là đỉnh cao của sự tập trung nhiều năm này vào việc xây dựng trật tự của Trung Quốc ở châu Á do Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đặt ra. Khi ông Tập tuyên bố “Châu Á cho người Châu Á”, rõ ràng đó không phải là điều may rủi, và các nhà ngoại giao Trung Quốc đã tiếp tục nói điều đó tại CICA nhiều năm sau bài phát biểu năm 2014 của ông. Với việc Trung Quốc hiện đang điều hành CICA, nước này cuối cùng đã có cơ hội thể hiện tầm nhìn độc quyền của mình về trật tự khu vực.

Chương này thảo luận về nỗ lực xây dựng trật tự khu vực thông qua các tổ chức châu Á. Nó trả lời hai câu hỏi: (1) Tại sao Trung Quốc lại tạo ra các diễn đàn mới tốn kém và nâng cao các diễn đàn trước đây ít người biết đến khi đã có những thể chế hiện có, trưởng thành hơn sẵn sàng được sử dụng?; và (2) Tại sao Trung Quốc, trước đây từng chống lại việc thể chế hóa các tổ chức châu Á, nay lại sẵn sàng ủng hộ việc thể chế hóa? Câu trả lời cho cả hai câu hỏi đều liên quan đến sự thay đổi trong chiến lược lớn của Trung Quốc sau Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Bắc Kinh muốn có các diễn đàn mới mà họ có thể dẫn dắt và ủng hộ thể chế hóa vì nó phục vụ cho việc xây dựng trật tự của Trung Quốc và vì Hoa Kỳ không tham gia. Đã qua rồi cái cảm giác lo lắng và rụt rè mà Bắc Kinh phản ứng trước APEC hay ARF vì sợ bị Hoa Kỳ dẫn đầu bao vây. Giờ đây, Trung Quốc sẽ xây dựng các diễn đàn của riêng mình, và những diễn đàn này sẽ phù hợp với tầm nhìn của họ. Việc xây dựng trật tự sẽ đòi hỏi “các hình thức kiểm soát” có thể điều chỉnh hành vi của các nước láng giềng và các tổ chức đa phương có thể tạo cơ hội cho việc ép buộc (đặc biệt về kinh tế), sự đồng ý (thông qua các thỏa thuận có lợi), cũng như tính hợp pháp (thông qua tuyên bố lãnh đạo và thiết lập định mức). Những nỗ lực của Trung Quốc đã kéo dài một số tổ chức và không phải tất cả đều thành công, nhưng có hai tổ chức đặc biệt cần được chú ý:

CICA và Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á (AIIB). Nếu CICA là thành phần an ninh trong xây dựng trật tự đa phương của Trung Quốc ở châu Á, thì AIIB là thành phần kinh tế. Mặc dù AIIB cho đến nay vẫn là tổ chức quan trọng hơn nhưng cả hai cùng nhau thể hiện sở thích của Trung Quốc và phạm vi tham vọng chiến lược của nước này. Cùng với nhau, trong suy nghĩ của các chiến lược gia Trung Quốc vào thời điểm đó, hai tổ chức đã đưa ra một con đường xây dựng trật tự châu Á dựa trên các điều kiện của Trung Quốc.

Bài viết của Trung Quốc về các tổ chức quốc tế đã thay đổi sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu. Mặc dù chúng ta không được tiếp cận với một số văn bản ngoại giao nội bộ cốt lõi của thập kỷ trước, nhưng các bài phát biểu của Chủ tịch Hồ và Tập cho thấy việc Trung Quốc chuyển hướng từ việc sử dụng các tổ chức khu vực để làm giảm sức mạnh của Mỹ hoặc trấn an các nước láng giềng cảnh giác và hướng tới mong muốn thiết lập các điều khoản cho trật tự khu vực ở châu Á. Cả hai nhà lãnh đạo đều nâng cao trọng tâm của Trung Quốc vào khu vực láng giềng — nghĩa là "ngoại giao ngoại vi" — và họ coi các tổ chức đa phương là công cụ để xây dựng một "cộng đồng chung vận mệnh" ở châu Á sẽ phản ánh lợi ích của Trung Quốc.

CUỘC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU VÀ CHIẾN LƯỢC CHÍNH TRỊ

Trong chính bài phát biểu nêu rõ sự thay đổi chiến lược sau Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu của Trung Quốc, Hồ kêu gọi tập trung mạnh mẽ hơn vào "ngoại giao ngoại vi". Đặc điểm của tiêu điểm này đã khác về chất so với trước đây.

Như các chương trước đã chứng minh, sự quan tâm của Trung Quốc đối với "ngoại giao ngoại vi" liên quan đến khu vực lân cận của họ đã tăng lên sau Tam tai cũng như cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, tạo cơ hội cho Trung Quốc kiếm được một số thiện chí bằng các nhượng bộ kinh tế. Trọng tâm đó vẫn được duy trì trong giai đoạn sau, nhưng nhìn chung nó được thúc đẩy bởi những lo ngại về phòng thủ liên quan đến việc ngăn chặn hoạt động xây dựng hoặc bao vây của liên

quân Hoa Kỳ. Thật vậy, trong những năm đó, các quan chức Trung Quốc nhấn mạnh mối quan ngại về sự bao vây và cảnh giác với các nước láng giềng tin vào "lý thuyết về mối đe dọa của Trung Quốc" và những lo ngại này đã định hình sự tham gia của Trung Quốc vào các thể chế quốc tế.

Sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, nỗi sợ hãi đó đã giảm bớt và mục đích của "ngoại giao ngoại vi" đã bắt đầu thay đổi. Trong bài phát biểu của mình, Hồ có vẻ tự tin một cách đáng ngạc nhiên. Ông nhấn mạnh Trung Quốc đã giảm áp lực từ bên ngoài và sẽ có quyền tự do điều động nhiều hơn trong khu vực. Thật vậy, sau cuộc khủng hoảng, ông tuyên bố, "môi trường chiến lược tổng thể tiếp tục được cải thiện" và "ảnh hưởng của đất nước chúng ta ở vùng ngoại vi đã được mở rộng hơn nữa." Trái ngược với bài phát biểu trong Diễn đàn Công tác Đối ngoại Trung ương năm 2006 mang tính hòa giải hơn, năm 2009, Hồ đã đảo ngược việc nhấn mạnh vào việc giải tỏa xung đột, thay vào đó, ông nói: "Chúng ta phải nắm bắt chính xác mối quan hệ giữa bảo vệ quyền và duy trì ổn định, và xử lý đúng đắn các tranh chấp về hàng hải, lãnh thổ và các con sông xuyên biên giới giữa Trung Quốc và các nước láng giềng. Chúng ta phải kiên quyết đấu tranh chống lại các hành vi vi phạm quyền và lợi ích của Trung Quốc của các nước liên quan và bảo vệ lợi ích cốt lõi của chúng ta." Loại ngôn ngữ này hiếm khi xuất hiện ở các thông báo khác, và thường mang tính ôn hòa. Thay vào đó, bài phát biểu năm 2009 của Hồ lập luận thêm Trung Quốc cần phải "thực hiện các động thái tấn công" về các vấn đề lãnh thổ. Đường lối mới gia tăng này cho thấy động lực cơ bản đằng sau chính sách đa phương trước đây của Trung Quốc đang thay đổi và Trung Quốc hiện muốn định hình lại khu vực một cách tích cực hơn. Và vì vậy chủ nghĩa đa phương trong khu vực của Trung Quốc cũng cần phải thay đổi.

Trong bài phát biểu năm 2009, Hồ thừa nhận sự thay đổi này và cho ngoại giao cần một sự điều chỉnh sau khủng hoảng để khiến nó trở nên quyết đoán hơn. Ông nói: "Công tác ngoại giao cần thích ứng với những thay đổi trong cấu trúc toàn cầu và

tiến bộ theo mọi hướng và nhiều cấp độ. và sử dụng đầy đủ các phương tiện ngoại giao đa phương và các cơ chế đa phương để bảo vệ lợi ích quốc gia của chúng ta." Thật vậy, ông cho ngoại giao đa phương là "sôi động và quan trọng chưa từng có". Hơn nữa, và đặc biệt đối với ngoại giao ngoại vi, Hồ cho "cần phải tăng cường mạnh mẽ sự hợp tác thực dụng trong các lĩnh vực an ninh, kinh tế và văn hóa". Trong các tổ chức đa phương và để "tích cực thúc đẩy hợp tác khu vực ở Đông Á." Những tuyên bố này, được đưa ra trong một bài phát biểu đã sửa đổi chính sách ngoại giao của Trung Quốc để đối phó với cuộc khủng hoảng, cho thấy chủ nghĩa đa phương lớn hơn là một hệ quả trực tiếp và quan trọng đối với các mục tiêu khu vực của Trung Quốc.

Sau bài phát biểu của Hồ, "ngoại giao ngoại vi" với các nước láng giềng tiếp tục được coi là chiến lược lớn của Trung Quốc trong nỗ lực tạo ra một "Cộng đồng chung vận mệnh", trở thành chỗ dựa cho việc xây dựng trật tự của Trung Quốc — và các thể chế đa phương đóng vai trò quan trọng. Năm 2011, Trung Quốc lần đầu tiên phát hành Sách trắng ủng hộ "Cộng đồng chung vận mệnh". Hai năm sau, vào năm 2013, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị tuyên bố "ngoại giao ngoại vi" với các nước láng giềng là "hướng ưu tiên" với đối ngoại Trung Quốc. và ông Tập sau đó đã tổ chức một Diễn đàn Công tác chưa từng có về Ngoại giao Ngoại vi — cuộc họp đầu tiên tầm cỡ được triệu tập về chính sách đối ngoại kể từ năm 2006 và là cuộc họp đầu tiên về ngoại giao ngoại vi. Tại đó, ông Tập đã liên kết trực tiếp đường lối ngoại giao của Trung Quốc với mục tiêu cuối cùng là "trẻ hóa quốc gia" và tuyên bố mục tiêu của Bắc Kinh là hiện thực hóa "Cộng đồng chung vận mệnh" trong khu vực, một dấu hiệu cho thấy mức độ nghiêm túc trong tham vọng xây dựng trật tự của Trung Quốc. Năm tiếp theo, tại Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương 2014, lần đầu tiên ông Tập đã sửa đổi "bố cục ngoại giao" và nâng cao ngoại giao ngoại vi hơn là tập trung vào các cường quốc như Hoa Kỳ.

Các cơ quan đa phương là nền tảng để hiện thực hóa “Cộng đồng chung vận mệnh”, và ông Tập đã không ngừng nâng cao khái niệm này tại các cuộc họp khu vực. Trong trường hợp vẫn còn nghi ngờ về việc liệu Trung Quốc có đang hướng sức lực của mình để xây dựng một “Cộng đồng chung vận mệnh” hay không, Sách Trắng năm 2017 của Trung Quốc về Hợp tác An ninh Châu Á đã nêu rõ: “Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nhiều lần xây dựng khái niệm về một cộng đồng có vận mệnh chung về nhiều dịp khác nhau. Trung Quốc đang nỗ lực xây dựng một cộng đồng có chung vận mệnh... ở châu Á và khu vực châu Á-Thái Bình Dương nói chung.” Các nguồn tin đều cho thấy rõ ràng sự xuất hiện của việc xây dựng trật tự khu vực như một trọng tâm chính nếu không muốn nói là ưu tiên hàng đầu của Trung Quốc. và trên thực tế, Trung Quốc bắt đầu nhấn mạnh mối quan tâm của mình trong việc định hình kiến trúc khu vực, vì diễn ngôn về AIIB và CICA trong các nghiên cứu điển hình được nêu trong chương này sẽ làm rõ hơn.

Như Chương 4 đã ghi lại, Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã sửa đổi mạnh mẽ đánh giá của Trung Quốc về sức mạnh của Mỹ và đưa ra một chiến lược khu vực tập trung nhiều hơn vào việc định hình — thay vì bảo vệ Trung Quốc — ra vùng ngoại vi. Trong những năm 1990 và đầu những năm 2000, “ngoại giao ngoại vi” của Trung Quốc đã tìm cách giải quyết “lý thuyết về mối đe dọa của Trung Quốc”. Giờ đây, việc trấn an không còn là ưu tiên hơn là xây dựng nền tảng cho trật tự khu vực.

Các thể chế đa phương sẽ đóng một vai trò trong chủ nghĩa khu vực lớn hơn của Trung Quốc, đặc biệt là trong các diễn ngôn mới nổi về việc định hình kiến trúc khu vực. Họ sẽ cho phép Trung Quốc xây dựng nền tảng cho trật tự và cách tiếp cận đó được phản ánh trong một số bài diễn văn về thể chế.

Cả ba hình thức kiểm soát đều xoáy vào nhau trong diễn ngôn của Trung Quốc, bao gồm trong bài phát biểu năm 2009 của Hồ, Sách trắng năm 2011 của Trung Quốc và Đại hội Đảng lần thứ 18 — cùng với những hình thức khác, cùng nhau thiết lập các đường nét cho một chiến lược mới của Trung Quốc nhằm

định hình an ninh khu vực của châu Á và cơ cấu kinh tế đa phương.

Trong bài phát biểu tại Hội nghị Đại sứ năm 2009, Chủ tịch Hồ đã chủ trương nỗ lực hội nhập các nền kinh tế khu vực vào Trung Quốc: “Chúng ta phải tập trung vào việc làm sâu sắc hơn hợp tác khu vực ở châu Á, chú ý thúc đẩy sự gắn kết hợp tác khu vực và tiểu vùng với chiến lược phát triển khu vực trong nước của Trung Quốc”. Ý tưởng đã được nhấn mạnh tại Đại hội Đảng lần thứ 18, nơi Chủ tịch Hồ Cẩm Đào nhấn mạnh các sáng kiến đa phương và khu vực cũng như tiểu vùng - cùng với trọng tâm lớn hơn vào cơ sở hạ tầng: “Chúng ta nên lập kế hoạch tổng thể cho song phương, đa phương, khu vực và tiểu vùng. mở cửa và hợp tác trong khu vực, đẩy nhanh việc thực hiện chiến lược xây dựng các khu vực thương mại tự do và thúc đẩy kết nối cơ sở hạ tầng với các nước láng giềng của chúng ta.” Bằng cách này, các thể chế — như AIIB — sẽ được sử dụng và vị thế của Trung Quốc như đối tác kinh tế có lợi được tích hợp với các nước láng giềng nhỏ hơn sẽ cung cấp một mức độ hợp pháp. Và trong tất cả các bài phát biểu, Hồ nhấn mạnh “tham gia tích cực” vào các vấn đề đa phương, ám chỉ lời nhắc nhở của ông, Trung Quốc giờ đây không chỉ cần “Che giấu và Bám sát” mà còn phải “Tích cực Hoàn thành Điều gì đó”. Những gì Trung Quốc tìm kiếm từ những nỗ lực này là một cái gì đó giống như sự tôn trọng, và Sách Trắng năm 2011 lưu ý, các nước trong khu vực “nên… cởi mở với các đề xuất khác [tức là của Trung Quốc] về hợp tác khu vực” đồng thời nêu rõ Trung Quốc sẽ “mạnh dạn mở ra những vùng đất mới” trong khu vực.

Dưới thời người kế nhiệm của Hồ, Tập Cận Bình, sự quan tâm của Trung Quốc trong việc sử dụng các thể chế đa phương để định hình châu Á ngày càng rõ ràng hơn, nhưng theo nhiều cách thì vẫn theo hình thức mà Hồ vạch ra ban đầu. Nhiều chính sách quan trọng về việc đảm nhận vai trò lãnh đạo đối với CICA và khởi động AIIB xảy ra dưới thời ông Tập dường như lần đầu tiên được đặt ra trong chính quyền của Hồ, thể hiện tính liên tục chiến lược. Hầu hết các bài phát biểu chính

của ông Tập về các vấn đề khu vực — tới APEC năm 2013, tới Diễn đàn Công tác Ngoại giao Ngoại biên năm 2013, Diễn đàn Công tác Đối ngoại Trung ương năm 2014, CICA năm 2014, Diễn đàn Boao năm 2015, Diễn đàn BRI ở năm 2017 và 2019, thể hiện rõ mong muốn của Trung Quốc trong việc định hình cấu trúc kinh tế và an ninh khu vực của châu Á.

"Các hình thức kiểm soát" — cưỡng chế, đồng ý và hợp pháp — rất quan trọng đối với việc xây dựng trật tự xuất hiện trong các bài diễn thuyết đa phương của ông Tập, đặc biệt tập trung vào các thỏa thuận đôi bên cùng có lợi. Ví dụ, trong bài phát biểu năm 2013 tuyên bố ra mắt AIIB và bài phát biểu năm 2014 khi đảm nhận cương vị chủ tịch CICA, ông Tập đã tuyên bố vai trò lãnh đạo đối với Trung Quốc và đưa ra các công cụ kinh tế và an ninh một cách rõ ràng. Bài phát biểu tại AIIB của ông nói rõ "Các quốc gia ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương là một gia đình lớn, và Trung Quốc là một trong những thành viên. Trung Quốc không thể phát triển tách biệt khỏi khu vực Châu Á Thái Bình Dương và khu vực Châu Á Thái Bình Dương không thể thịnh vượng nếu không có Trung Quốc." Nó cũng tuyên bố nền kinh tế Trung Quốc "mang lại những lợi ích hữu hình cho Châu Á" và chịu trách nhiệm cho 50% tăng trưởng của Châu Á. Tương tự, Sách Trắng về Hợp tác An ninh Châu Á - Thái Bình Dương năm 2017 của Trung Quốc lưu ý: "Trung Quốc sẽ gánh vác nhiều trách nhiệm hơn đối với an ninh khu vực và toàn cầu, đồng thời cung cấp nhiều dịch vụ an ninh chung hơn cho khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và thế giới nói chung." bài phát biểu của Trung Quốc về đảm bảo Vành đai và Con đường, được thảo luận trong chương trước, lặp lại mối quan tâm này.

Đồng thời, Trung Quốc đã tìm cách hạn chế quan hệ đối tác an ninh của các nước láng giềng một cách chủ động hơn. Điều này thể hiện rõ ràng nhất tại CICA, nơi ông Tập tuyên bố châu Á cần "thiết lập một cấu trúc an ninh khu vực mới" để đối lập với các liên minh của Hoa Kỳ. Trong cuộc tập hợp đó và những lần sau đó, ông Tập đã đưa ra khái niệm "an ninh chung, toàn diện, hợp tác và bền vững ở châu Á", trong đó các từ "chung" và

“hợp tác” được gắn với những nỗ lực nhằm làm suy yếu các liên minh cũ. Và chính hành vi của Trung Quốc - bao gồm cả việc trừng phạt các quốc gia như Hàn Quốc vì đã triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa của Mỹ - cho thấy các quy tắc chống liên minh này đôi khi đi kèm với các biện pháp trừng phạt song phương. Các học giả Trung Quốc thường xuyên làm rõ các mối liên kết này và các tổ chức đa phương cho phép các cơ hội để nâng cao mối liên kết thành một quy chuẩn khu vực.

Cùng nhau, những nỗ lực này nhằm tạo ra một “Cộng đồng chung vận mệnh” ở châu Á đã là trọng tâm chính trong chính sách ngoại giao khu vực của Trung Quốc trong gần một thập kỷ qua. Bây giờ chúng ta chuyển sang hai ví dụ chính về cách ứng xử này, việc Trung Quốc xây dựng AIIB và hoạt động tích cực của nước này trong CICA.

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG CHÂU Á

Vào ngày 16 tháng 1 năm 2016, Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Châu Á (AIIB) đã được tuyên bố “mở cửa hoạt động” và một người tóc bạc đam mê văn học Anh, Jin Liqun, đã được bầu làm chủ tịch đầu tiên của ngân hàng. Jin, một quan chức tài chính giàu kinh nghiệm, đã quản lý sự phát triển của ngân hàng từ một khái niệm mà Tập Cận Bình công bố vào năm 2013 đến ngân hàng phát triển đa phương (MDB) đã mở cửa vào năm 2016. Giờ đây, ông sẽ lãnh đạo ngân hàng mà ông đã giúp xây dựng.

Jin lớn lên trong một gia đình có học thức nhưng nghèo với niềm đam mê bất thường đối với văn học Anh. Khi bị đưa đi lao động ở vùng nông thôn trong suốt một thập kỷ trong cuộc Cách mạng Văn hóa, anh ấy đã dành 3/4 số tiền lương ít ỏi hàng năm và số thời gian ít ỏi mà anh ấy có sau một ngày làm việc trên đồng để tiếp tục theo đuổi đó. “Tôi đã được trang bị một chiếc máy đánh chữ Remington cũ nát và một bản sao của Webster,” ông nói sau đó, cũng như một máy radio mà ông vẫn theo dõi trên đài BBC giúp tiếng Anh của ông có dấu vết của “giọng BBC chuẩn của những năm 1970”. Khi Cách mạng Văn

hóa nguôi ngoai, Jin - hai mươi chín tuổi đã giành được một ghế tại Học viện Ngoại ngữ Bắc Kinh, xuất sắc trong học tập và được mời vào vị trí giảng viên. Jin nhớ lại: “Một cuộc sống học tập mà tôi rất ao ước mới bắt đầu mở ra.”

Cùng năm đó, Trung Quốc gia nhập Ngân hàng Thế giới, và những người nói tiếng Anh là cần thiết cho nhân viên văn

phòng mới ở Washington. Các cố vấn đã khuyến khích anh ấy đi và Jin chuyển sự nghiệp từ tiếng Anh sang ngân hàng. Ông đã trải qua hàng chục năm làm việc tại Ngân hàng Thế giới và sau đó là Ngân hàng Phát triển Châu Á, vươn lên trở thành phó chủ tịch Trung Quốc đầu tiên của ngân hàng này, đồng thời phát triển bản lý lịch trong lĩnh vực tài chính đa phương mà không một quan chức Trung Quốc nào có thể sánh kịp. Khi Trung Quốc quyết định xây dựng ngân hàng phát triển của riêng mình, Jin là lựa chọn hợp lý.

Jin không quá khác biệt với ngân hàng mà ông ấy đã giúp thành lập. Cả hai đều hướng ngoại quốc tế. Giá sách của Jin chứa đầy Shakespeare và Faulkner, đồng thời, tư cách thành viên ngân hàng của ông ấy có đầy đủ các đồng minh và đối tác của Mỹ. Cả hai đều bị ảnh hưởng bởi phương Tây. Jin điều hướng một cách duyên dáng các quy tắc kinh doanh quốc tế và ngân hàng tự định hình chính nó trong các quy tắc và cấu trúc quốc tế. Và cả hai, bất chấp tất cả, vẫn bắt nguồn từ Trung Quốc.

Jin là một Đảng viên đáng tự hào. Ông nói với những người phỏng vấn, mặc dù sinh ra hai tháng trước khi ĐCSTQ nắm quyền quốc gia, nhưng họ đã kiểm soát tỉnh Giang Tô của ông vào thời điểm đó. “Tôi sinh ra dưới một lá cờ đỏ”, ông vội chỉ ra. Jin đôi khi công khai nghi ngờ về khả năng lãnh đạo toàn cầu liên tục của Mỹ. “Lịch sử chưa bao giờ đặt ra tiền lệ một đế chế có khả năng thống trị thế giới mãi mãi”, ông viết trong một bài luận gần đây về sự trỗi dậy của Trung Quốc và trật tự của Mỹ. “Tôi hy vọng một người Trung Quốc có thể kế nhiệm tôi” trong việc lãnh đạo ngân hàng, ông nói rõ ràng.

Việc Trung Quốc ra mắt thể chế là một sự khởi đầu đáng chú ý so với sự phản đối trước đây của họ đối với việc thể chế hóa trong ASEAN, ARF và thậm chí SCO đã được thảo luận trước đây. Nó “đánh dấu sự nổi lên của Trung Quốc với tư cách là một nhà xây dựng thể chế” và biểu thị sự thay đổi từ việc cắt giảm khu vực sang xây dựng trong chiến lược lớn của Trung Quốc.

Nhưng trong khi Jin thực hiện sự thay đổi này, ông ấy đã không gây ra nó. Điều đó đến từ một cấp độ cao hơn.

Quyết định khởi động AIIB của Trung Quốc xuất hiện từ cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu năm 2008. Sở thích ban đầu của họ đối với ngân hàng cho thấy họ tìm kiếm một công cụ mà họ có thể thống trị và sử dụng độc nhất để thúc đẩy cả các mục tiêu chính trị và Sáng kiến Vành đai và Con đường mới của mình. Theo thời gian, Trung Quốc đã đạt được một thỏa thuận với các quốc gia thành viên: họ từ bỏ một số quyền kiểm soát chính trị và tiếng nói cho những người tham gia; đổi lại, các quốc gia đó đã ký vào sáng kiến và hợp pháp hóa quyền lực và sự lãnh đạo của Trung Quốc. Giống như các MDB khác do các cường quốc khác xây dựng, AIIB phục vụ mục tiêu xây dựng trật tự của người bảo trợ. Nó (1) tăng cường năng lực cưỡng chế của Trung Quốc; (2) cung cấp nền tảng để đảm bảo sự đồng ý thông qua cung cấp vốn; và (3) hợp pháp hóa quyền lực của Trung Quốc.

Tại sao Trung Quốc tạo ra AIIB? Một số người cho AIIB được thành lập để giúp Trung Quốc xuất khẩu năng lực công nghiệp dư thừa của mình bằng cách cung cấp vốn cho các chính phủ nước ngoài cho các dự án cơ sở hạ tầng mà từ đó sẽ sử dụng các công ty và công nhân Trung Quốc. Nhưng công suất thặng dư của Trung Quốc vượt quá nhiều so với những gì AIIB có thể tài trợ, với lượng thép dư thừa khoảng 60 tỷ USD hàng năm, gấp ba lần những gì AIIB có thể hy vọng sẽ cho vay trong một năm nhất định. Chủ tịch AIIB Jin Liqun thừa nhận điều này, lập luận "với quy mô của nền kinh tế Trung Quốc," AIIB không thể hấp thụ được lượng dư thừa. Người khác cho quyết định thành lập AIIB của Trung Quốc được thúc đẩy bởi mong muốn chân thành để giải quyết khoảng cách cơ sở hạ tầng của châu Á. Nhưng ngay cả những kế hoạch đầy tham vọng của ngân hàng đối với khoản cho vay hàng năm từ 10 đến 20 tỷ đô la cũng khó có thể làm giảm đi 800 tỷ đô la mà Ngân hàng Phát triển Châu Á ước tính khu vực cần mỗi năm cho cơ sở hạ tầng. AIIB nhỏ hơn Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Châu Á, và

Trung Quốc có thể dễ dàng sử dụng các ngân hàng phát triển của riêng mình, Ngân hàng Phát triển Trung Quốc (CDB) và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (CEB). Các ngân hàng này lớn hơn nhiều so với Ngân hàng Thế giới, cho các nước đang phát triển vay nhiều hơn so với Ngân hàng Thế giới trong một số năm và không "hạn chế quyền tự do hành động của Trung Quốc" bằng cách đặt việc cho vay của mình dưới "các quy định quản lý chính thức và giám sát bên ngoài liên quan đến Một cơ quan đa phương." Điều này sau đó đưa ra một câu hỏi: tại sao Trung Quốc lại chọn xây dựng một thể chế có thể hạn chế quyền tự do hành động của họ, và mục đích của nó sau đó là gì?

Câu trả lời có liên quan đến những lý do cơ bản mà trạng thái tạo MDB ngay từ đầu. Như Dani Rodrik lập luận, MDBs không nên cần thiết trong một thế giới nơi tồn tại viện trợ song phương và thị trường vốn quốc tế phát triển tốt. Ông lập luận lý do các ngân hàng này tồn tại là để báo hiệu môi trường đầu tư tốt thông qua các cam kết cho vay của họ và loại bỏ tín hiệu đó cũng như bản thân các khoản vay khỏi lợi ích chính trị của một nước nhất định. Nhưng chức năng có thể được thực hiện bởi một ngân hàng, Christopher lưu ý. Kilby, vậy tại sao thế giới lại có nhiều MDB khu vực chồng chéo như vậy? Lý do của sự dư thừa không phải là kinh tế, mà một phần liên quan đến lợi ích chính trị của các cường quốc. Và chính logic chính trị giải thích tại sao Trung Quốc lại tạo ra AIIB.

Các cường quốc sử dụng MDB để xây dựng trật tự. Những người sáng lập từ bỏ một số quyền kiểm soát để lôi kéo các nước nhỏ hơn tham gia với họ; các nước nhỏ hơn đó lại hợp pháp hóa quyền lực của quốc gia sáng lập và thể chế mới của nó, có thể được sử dụng cho các mục đích chính trị. Ví dụ, trong Chiến tranh Lạnh, Washington đã thành lập Ngân hàng Phát triển Liên Mỹ (IADB) để giúp chống lại sự lây lan của chủ nghĩa cộng sản, kiểm soát ngân hàng một phần thông qua các mối đe dọa giữ lại tiền tài trợ và đảm bảo ngân hàng nói chung không cho các quốc gia cộng sản vay. Tương tự, Nhật Bản có

“ảnh hưởng hệ thống đối với việc phân phối các quỹ của ADB,” với một nghiên cứu cho thấy khi Nhật Bản vận động hành lang cho một ghế trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, họ đã tăng giải ngân khoản vay cho các quốc gia châu Á có thể hỗ trợ nó. Nói chung, các ngân hàng thiết lập các quy tắc và chuẩn mực của trật tự khu vực thông qua các điều kiện cho vay và tín hiệu; tương tự, các báo cáo ngân hàng, chỉ số, quyền triệu tập và các khoản vay thường đan xen với các câu hỏi liên quan đến nhân quyền, tính minh bạch của chính phủ, quyền bản địa, cân nhắc về môi trường, vai trò của các DNNN và một loạt các vấn đề khác về cơ bản có bản chất chính trị. Thật vậy, bản thân Trung Quốc trước đây đã phản đối việc đưa nhân quyền và các giá trị tự do khác vào các báo cáo và giải ngân của Ngân hàng Thế giới. Từ góc độ lịch sử, không có gì ngạc nhiên khi Trung Quốc quan tâm đến AIIB nhiều về trật tự cũng như về lợi ích phát triển.

Việc Trung Quốc theo đuổi AIIB (1) bắt đầu sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu; (2) liên quan đến các khoản đầu tư; (3) mang lại cho Trung Quốc những lợi ích về xây dựng trật tự. Ở đây, chúng ta chuyển sang từng điểm trong ba điểm chính này.

CƠ HỘI SAU KHỦNG HOẢNG

Sự quan tâm của Trung Quốc trong việc tạo ra AIIB xuất hiện từ cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu năm 2008. Đề xuất đầu tiên cho AIIB được đưa ra vào năm 2009 tại Diễn đàn Bác Ngao, một diễn đàn do Trung Quốc thành lập mà Bắc Kinh thường sử dụng để thử nghiệm các sáng kiến mới lớn, chẳng hạn như “Sự trỗi dậy hòa bình” vào năm 2003. Đề xuất được đưa ra bởi một người đứng đầu think tank — Trung tâm Trao đổi Kinh tế Quốc tế Trung Quốc (CCIEE) — đã đề xuất “Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á” cũng như “Ngân hàng Đầu tư Nông nghiệp Châu Á” tại cuộc họp. Đề xuất rất có thẩm quyền: Tổ chức tư vấn phát hành nó đã các mối liên hệ chặt chẽ với giới lãnh đạo Trung Quốc, nằm ở vị trí “chỉ cách khu nhà lãnh đạo Trung Nam Hải vài mét”, và được điều hành bởi cựu Phó Thủ tướng Zeng Peiyan. CCIEE được Hội đồng Nhà nước

thành lập sau cuộc khủng hoảng tài chính, và là tổ chức chính đầu tiên của nó. của các sáng kiến để nghiên cứu các phản ứng chính sách. Nó thậm chí còn tổ chức một hội nghị lớn về chủ đề này với sự tham dự của cả Thủ tướng Ôn Gia Bảo và sau đó là Phó Thủ tướng Lý Khắc Cường. Các thành viên hội đồng quản trị nổi bật vào thời điểm đó có kiến thức về chính sách đối ngoại, bao gồm cựu Bộ trưởng Ngoại giao Đường Gia Triền và cựu Giám đốc Văn phòng Đối ngoại của Ủy ban Trung ương ĐCSTQ Liu Hoaqiu. Ngoài ra, đề xuất AIIB của CCIEE có khả năng liên quan đến công việc tại Văn phòng Nghiên cứu Chính sách Trung ương, và quan chức đề xuất AIIB tại Diễn đàn Bác Ngao năm 2009, Zheng Xinli, chỉ vài tháng trước đó là phó giám đốc Văn phòng Nghiên cứu Chính sách Trung ương (CPRO). Thể chế đó, có thẩm quyền cao, đứng sau phần lớn tư tưởng chỉ đạo và chính sách dài hạn của ĐCSTQ, và có vẻ như khái niệm về ngân hàng cũng có thể bắt nguồn từ đó - cho thấy vai trò trung tâm của nó đối với hoạch định chiến lược của Đảng. Tổng hợp lại, thực tế là một tổ chức tư vấn được kết nối tốt như CCIEE được tạo ra để khuyến nghị điều chỉnh chính sách sau Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu sẽ cử một phó giám đốc gần đây của CPRO đề xuất AIIB — và làm như vậy tại một diễn đàn Trung Quốc thường được sử dụng để kiểm tra các khái niệm chính của Trung Quốc - Chắc chắn cho thấy giới lãnh đạo Trung Quốc đã nghĩ đến việc thành lập một ngân hàng phát triển Trung Quốc không lâu sau cuộc khủng hoảng.

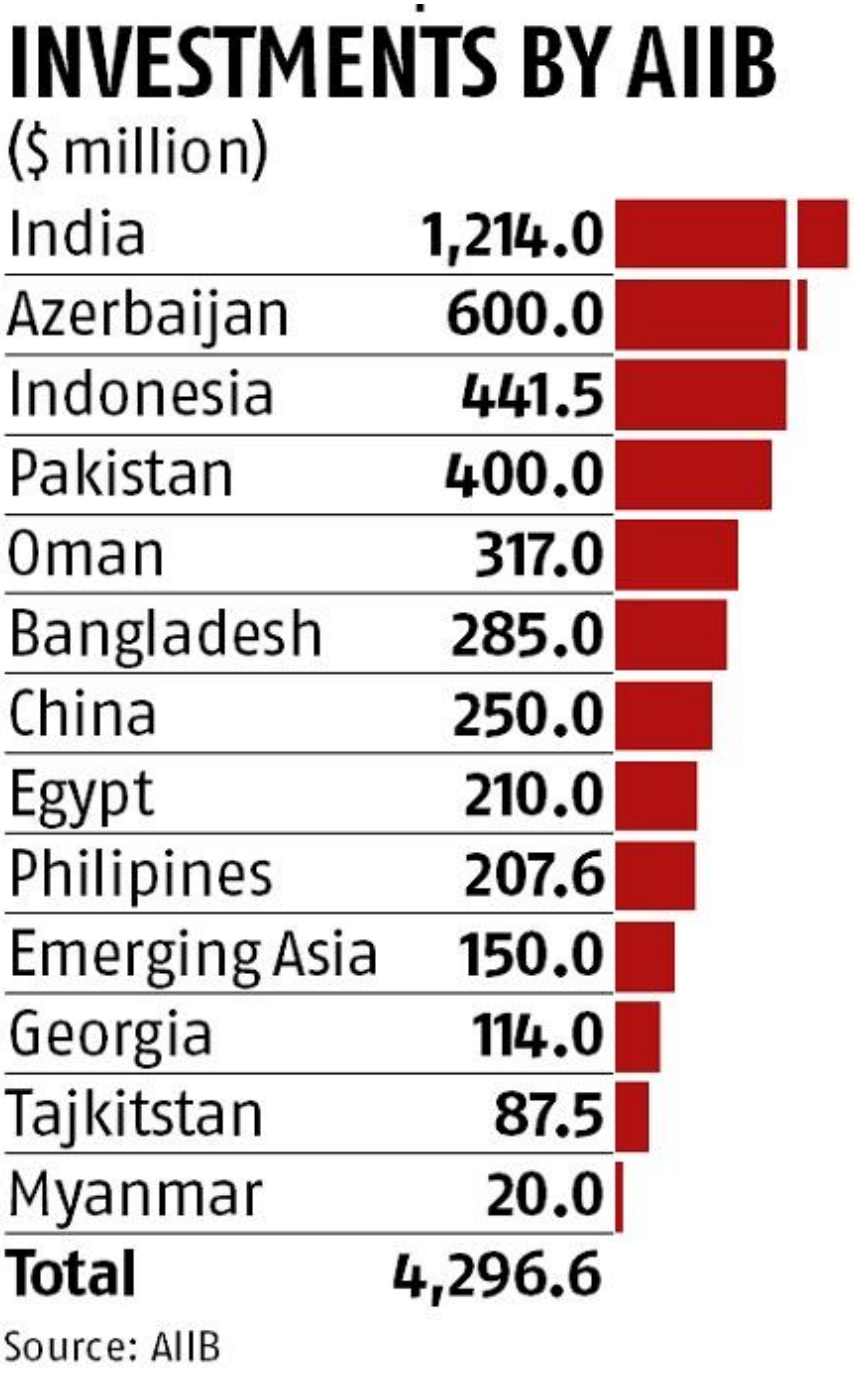

Đầu tư của AIIB

Sau khi đề xuất AIIB tại Boao, Zheng Xinli và các nhân viên khác tại CCIEE tiếp tục gửi báo cáo lên lãnh đạo cấp cao về AIIB, mặc dù ngân hàng đã không được thành lập trong nhiều năm, một phần bởi vì, theo lời của Zheng, “Tôi nghĩ trong vài năm đầu, tình hình và các điều kiện chưa phù hợp.” Zheng lưu ý

chỉ tại Đại hội Đảng 18 thì “các điều kiện đã chín muồi và Chủ tịch Tập cũng đã đưa ra quyết định ở đó.” Zheng cũng làm rõ lý do lãnh đạo đằng sau AIIB: (1) Châu Á cần chi tiêu cho cơ sở hạ tầng. Ngân hàng Thế giới hoặc ADB không thể đáp ứng được; (2) Trung Quốc cần tìm kiếm điều gì đó để làm với dự trữ ngoại hối của mình (3.000 tỷ đô la); và (3) Trung Quốc có cơ hội phát triển quan hệ với các nước láng giềng thông qua hỗ trợ cơ sở hạ tầng kinh tế sẽ kết nối các nền kinh tế này với Trung Quốc. Khi Tập Cận Bình gây bất ngờ cho chủ nhà Indonesia vào năm 2013 bằng cách công bố ngân hàng, Zheng Xinli đã đồng hành cùng ông trong cuộc hành trình. Vì sự phục vụ của mình trong việc thành lập AIIB, Zheng đã được truyền thông nhà nước gọi là “cha đẻ của AIIB.” AIIB đã sớm trở thành một trọng tâm của các nỗ lực liên ngành của Trung Quốc. Như Jin Liqun lưu ý, “Các tổ chức chính phủ Trung Quốc, bộ trưởng tài chính, ngoại giao, ngân hàng trung ương và những người khác, đang tham gia vào việc hình thành ý tưởng về ngân hàng mới” và trong các cuộc thảo luận “về kiến trúc sư của ngân hàng mới.”

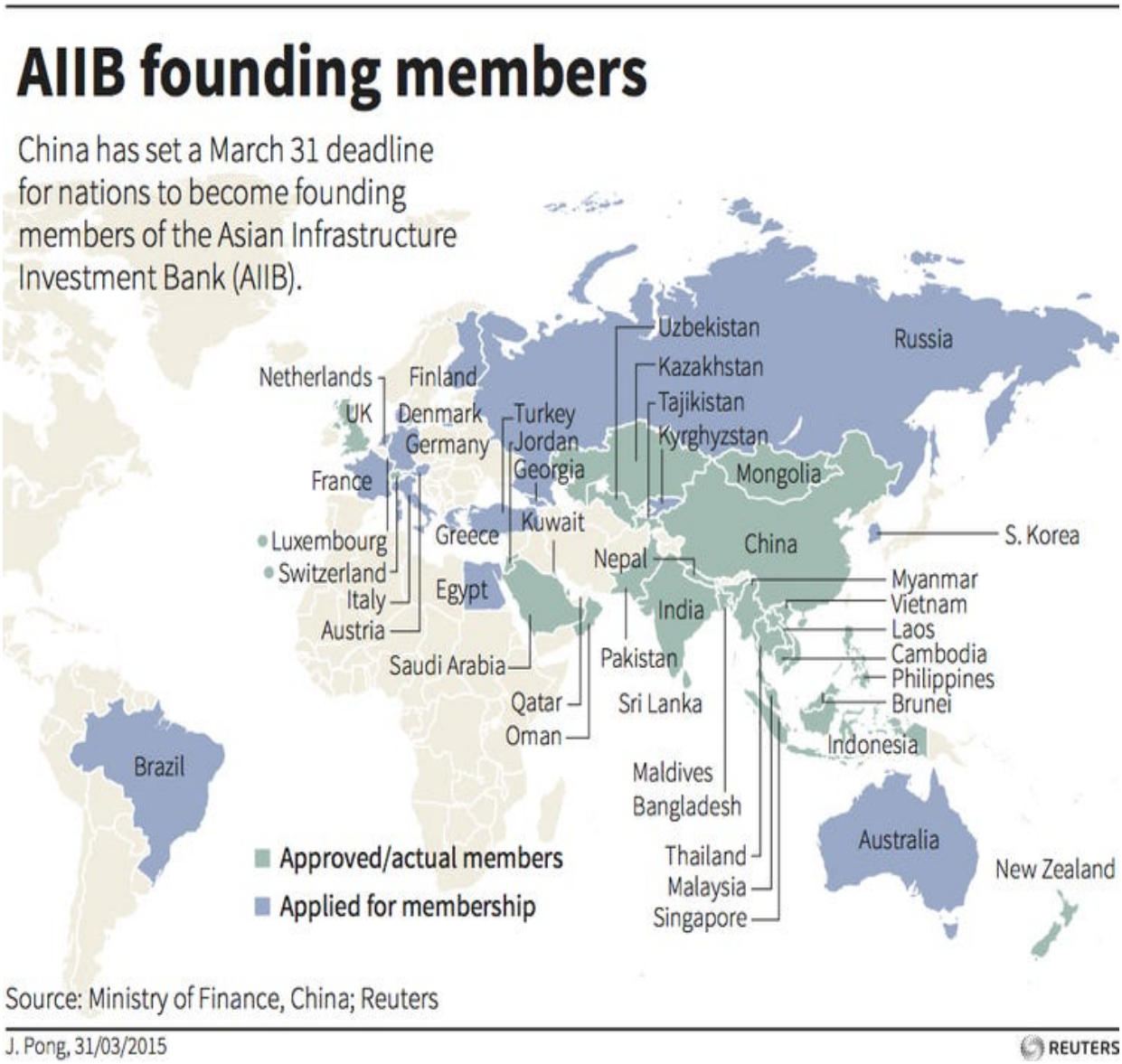

Các số liệu khác có liên hệ chặt chẽ với ngân hàng cũng liên kết việc thành lập ngân hàng với cuộc khủng hoảng tài chính. Trong một bài luận về tương lai của hệ thống Bretton Woods, Jin Liqun gợi ý mạnh mẽ nguồn gốc của ngân hàng là do sự suy giảm được nhận thức của Hoa Kỳ sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu. Ông lưu ý: “Ngay từ ngày đầu, chức năng và tính bền vững của hệ thống Bretton Woods phụ thuộc vào sức mạnh của Hoa Kỳ. Nhưng giờ đây, Hoa Kỳ ít có khả năng cải cách và duy trì hệ thống và có nguy cơ đánh mất sự phù hợp quốc tế khi mắc kẹt trong vũng lầy chính trị trong nước.” Ông kết luận về sự suy giảm của Hoa Kỳ:

Kể từ khi tác phẩm Magnum opus của Edward Gibbon, tác phẩm hoành tráng **Sự suy tàn và sụp đổ của Đế chế La Mã**, được xuất bản, cụm từ "suy tàn và sụp đổ" đã được áp dụng cho câu chuyện về các đế chế không còn tồn tại trong lịch sử. Trong khi "sự suy giảm" của một quyền lực dường như là một quá trình, thì "sự sụp đổ" sẽ nhanh chóng. Trong một số trường hợp, một quốc gia đã suy tàn có thể không sụp đổ ngay lập tức; nó chỉ là hệ quả của sự thay đổi liên tục cán cân quyền lực giữa các quốc gia. Những thế lực mới có lẽ sẽ thúc giục những kẻ lớn để chỉ ra họ cần có thêm một khoảng không gian rộng hơn một chút... Đối với một số người thích hiện trạng, có lẽ họ nên thưởng thức câu nói kích thích tư duy từ bộ phim The Leopard — "Nếu chúng ta muốn mọi thứ giữ nguyên như hiện tại, thì mọi thứ sẽ phải thay đổi."

Hội nghị Bretton Woods diễn ra ở Bretton Woods năm 1944, thống nhất mức tỷ giá cố định cho các đồng tiền chính và cho phép ngân hàng trung ương được can thiệp vào thị trường tiền tệ. Chế độ Bretton Woods quy định một ounce vàng có giá 35 đôla Mỹ. Hệ thống Bretton Woods kéo dài từ năm 1944 đến năm 1971.

Câu nói được trích dẫn của Jin liên kết các xung lực mang tính xây dựng của Trung Quốc với sự suy giảm được nhận thức của Mỹ. Những xung lực mang tính xây dựng đó cũng được nêu bật bởi lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc, những người đã liên kết AIIB với sự tự tin ngày càng tăng của Trung Quốc, tham vọng lãnh đạo của Trung Quốc. Trong bài phát biểu khai mạc AIIB, ông Tập tuyên bố "sáng kiến thành lập AIIB là một động thái mang tính xây dựng" nhằm "cho phép Trung Quốc thực hiện nhiều nghĩa vụ quốc tế hơn" và "cung cấp nhiều vốn quốc tế hơn." Ông cũng tuyên bố "Trung Quốc hoan nghênh tất cả các quốc gia để thúc đẩy sự phát triển của nó." Tương tự, Chủ tịch AIIB Jin Liqun tuyên bố "hiện nay khi Trung Quốc đã phát triển hơn và do đó, có thể đủ khả năng cung cấp các nguồn tài chính cho các nước đang phát triển khác ở châu Á, đến lượt chúng tôi phải làm điều gì đó cho phần còn lại của châu Á... Đến lượt

chúng tôi đóng góp.” trên con đường phát triển của chúng tôi. Một khi nền tảng cơ sở hạ tầng đã có, chúng ta có thể bắt đầu trao đổi với họ, chúng ta có thể chuyển lợi thế tài nguyên của các quốc gia đó thành lợi thế kinh tế, và chúng ta có thể đáp ứng nhu cầu tài nguyên thiên nhiên và nông nghiệp của mình.” Cùng với đó, những tuyên bố này cho thấy AIIB đang được coi như một tác nhân cung cấp vốn, một tác nhân sẽ ràng buộc các nền kinh tế láng giềng với động cơ kinh tế của chính Trung Quốc, và do đó giúp hình thành trật tự khu vực. Như Chan kết luận, “Nói tóm lại, AIIB đã được thành lập để phục vụ một chiến lược lớn về xây dựng trật tự khu vực của Trung Quốc.”

HỖ TRỢ THỂ CHẾ HÓA SÂU

Việc Trung Quốc đàm phán về thể chế hóa của AIIB cũng cung cấp thông tin chi tiết về các ưu tiên thể chế của nước này. Là một ngân hàng phát triển, AIIB là một trong những tổ chức sâu sắc nhất của Trung Quốc, với ban thư ký, điều lệ, nhân viên, các cuộc họp thường xuyên, nghĩa vụ và các điều khoản giám sát. Nhưng khi Trung Quốc công bố ngân hàng lần đầu tiên vào năm 2014, dường như họ đã hình dung ra một công cụ kinh tế do Trung Quốc thống trị hơn là một ngân hàng phát triển tiêu chuẩn cao. Ở cấp độ thể chế, Trung Quốc ban đầu tìm kiếm (1) tư cách thành viên hẹp hơn, không bao gồm các quốc gia ngoài khu vực; (2) phủ quyết với việc Trung Quốc nắm giữ một nửa cổ phần của ngân hàng; (3) một đội ngũ nhân viên ngân hàng hùng hậu với sự giám sát bên ngoài yếu kém; và (4) sứ mệnh thúc đẩy Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI). Ngân hàng sẽ do Trung Quốc chi phối với một số quy tắc hạn chế việc Bắc Kinh sử dụng nó cho mục đích chính trị. Nhưng ngược lại, các quốc gia phương Tây và châu Á lại thích Ngân hàng “hướng tới thương mại, có các hoạt động cho vay dựa trên quy tắc, minh bạch trong hoạt động và duy trì các thông lệ tốt nhất hiện có thông qua các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội.” Cuộc đấu tranh giữa hai xung lực. định hình việc thể chế hóa ngân hàng trong bốn lĩnh vực chính: thành viên, quyền phủ quyết, nhân viên và sứ mệnh. Kết quả thương lượng đã chứng kiến

Trung Quốc nhượng bộ và các quốc gia khác hợp pháp hóa quyền lực của Trung Quốc.

Đầu tiên, đối với tư cách thành viên, Trung Quốc ban đầu cho sẽ có ít người tham gia vào ngân hàng và đã sẵn sàng để thống trị ngân hàng này. Chủ tịch AIIB Jin Liqun đã gián tiếp trích dẫn hướng dẫn của Tập Cận Bình về điểm này: “Ngay cả khi chúng ta kết thúc chỉ có một quốc gia, chỉ có Trung Quốc, một nhóm người điều hành thể chế này, chúng ta vẫn sẽ làm điều đó.” Khi Trung Quốc bắt đầu thu hút những người gia nhập ngân hàng vào tháng 10 năm 2013, nó loại trừ các đối thủ, lo ngại khả năng của họ trong việc định hình quá trình chống lại lợi ích của Trung Quốc. Sau bảy tháng thực hiện quá trình này, chính phủ Nhật Bản và Ấn Độ thừa nhận Trung Quốc thậm chí còn chưa tiếp cận họ về ngân hàng, chứ chưa nói đến việc mời họ tham gia vào ngân hàng, bộ trưởng tài chính Ấn Độ thừa nhận, “Người Trung Quốc vẫn chưa nói chuyện với chúng tôi hoặc thảo luận về nó với chúng tôi. Những gì tôi biết là những gì tôi đọc được từ báo chí.” Trong vòng thảo luận đa phương đầu tiên về AIIB được tổ chức bên lề cuộc họp của ADB vào tháng 5 năm 2014 tại Kazakhstan, Bắc Kinh đã mời một số quốc gia châu Á, không có Ấn Độ, Nhật Bản, và Trung Quốc cũng loại trừ các nước ngoài khu vực khỏi các cuộc đàm phán về biên bản ghi nhớ (MOU) bắt đầu thể chế hóa AIIB vào tháng 10 năm 2014, với Bộ trưởng Tài chính Lou Jiwei tuyên bố Trung Quốc tuân theo ‘nguyên tắc’ của “các nước trong khu vực trước các nước ngoài khu vực.” Sau khi loại trừ Ấn Độ khỏi lời mời ban đầu và cuộc họp trù bị đầu tiên của AIIB vào tháng 3 năm 2014, Trung Quốc đã đảo ngược lộ trình và mời Ấn Độ tham gia vào tháng 7 năm 2014. Biên bản ghi nhớ đầu tiên được ký ba tháng sau đó có 21 quốc gia châu Á ký vào. Trong một thời gian sau đó, các quốc gia ngoài khu vực vẫn không được hoan nghênh, với Lou nói trong một bài phát biểu trước Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc “tư cách thành viên sáng lập tiềm năng được mở cho các quốc gia từ khu vực trước tiên và các đơn đăng ký từ các quốc gia bên ngoài khu vực hiện không

được xem xét.” Dần dần nó đã thay đổi hướng đi khi nhận thấy lợi ích của sự tham gia của họ và Vương quốc Anh đã gia nhập AIIB vào tháng 3 năm 2015, cùng với các nước khác ngay sau đó.

Thứ hai, Trung Quốc đã làm việc để duy trì quyền phủ quyết mạnh mẽ trong tổ chức. Khi Trung Quốc lần đầu tiên ra mắt AIIB, họ đã đề xuất một ngân hàng trị giá 50 tỷ đô la với phần lớn vốn đến từ chính Trung Quốc, mang lại một biên độ thoải mái cho quyền phủ quyết. Các quỹ nước ngoài đã được tìm kiếm, nhưng đối với Jin Liqun, chúng không cần thiết vì “nếu điều tồi tệ nhất xảy đến, chúng ta có một thị trường Trung Quốc rộng lớn để khai thác” để tài trợ. các quốc gia châu Á đã đặt vấn đề với sự thống trị của Trung Quốc đối với nguồn tài chính của ngân hàng và kết quả phân bổ cổ phiếu biểu quyết, vì vậy vào tháng 6 năm 2014, Trung Quốc đã tăng gấp đôi vốn đăng ký của ngân hàng từ 50 tỷ lên 100 tỷ đô la và cho biết họ sẽ cam kết một nửa số đó và giành được một nửa số phiếu bầu. Khi nhiều quốc gia bày tỏ sự quan tâm đến ngân hàng, Trung Quốc đã giảm cổ phầnvà quyền biểu quyết, cuối cùng tuyên bố sẽ không theo đuổi quyền phủ quyết chính thức vào tháng 3 năm 2015 và ngân hàng thay vào đó sẽ hoạt động dựa trên sự đồng thuận. Trung Quốc cuối cùng đã đảo ngược hướng đi và theo đuổi quyền phủ quyết không chính thức, với tỷ lệ phiếu bầu là 26.06% đủ để chặn quyết định của ngân hàng yêu cầu đa số 3/4. Sự đảo ngược của Trung Quốc xảy ra sau khi số lượng thành viên của ngân hàng mở rộng và, theo một cựu nhà nghiên cứu của Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc (CASS), “phản ánh mối quan ngại của Trung Quốc về việc mất quyền kiểm soát ngân hàng vào tay các nước phương Tây nếu Trung Quốc không có quyền phủ quyết.” Để bảo vệ ảnh hưởng đó, Trung Quốc giới hạn cổ phiếu biểu quyết ngoài khu vực ở mức 25%; 75% còn lại sẽ do người châu Á nắm giữ, và Trung Quốc tất nhiên là nền kinh tế châu Á thống trị. Tỷ lệ phiếu bầu AIIB của Trung Quốc (26%) vượt quá tỷ lệ của Hoa Kỳ trong Ngân hàng Thế giới (15.02%) và cổ phần của Nhật Bản trong ADB

(12.84%); và AIIB có khoảng cách lớn nhất giữa cổ phiếu có phiếu bầu cao thứ nhất và thứ hai (26% của Trung Quốc so với 8% của Ấn Độ) và cổ phần vốn (31% của Trung Quốc và 9% của Ấn Độ) của bất kỳ MDB nào. Hơn nữa, vì quá nhiều quyết định đòi hỏi chiếm đa số 3/4, quyền phủ quyết không chính thức của Trung Quốc mạnh hơn "quyền phủ quyết của các cổ đông lớn trong các MDB khác". Cuối cùng, vị trí của Trung Quốc trong ngân hàng là an toàn. Như Bin Gu, giáo sư tại Trường Luật Đại học Nghiên cứu Đối ngoại Bắc Kinh, lập luận, các quốc gia "bỏ lỡ cơ hội trở thành thành viên sáng lập" khó có thể có ảnh hưởng đáng kể nếu họ tham gia ngay bây giờ "vì chỉ có một lượng vốn nhỏ chưa phân bổ có sẵn để đăng ký thành viên mới." Trung Quốc cũng có thể phủ quyết bất kỳ mối đe dọa nào với quyền phủ quyết của mình (ví dụ: tăng vốn cho ngân hàng); và nó vẫn duy trì một liên minh các quốc gia sẽ bỏ phiếu cho nó.

Lĩnh vực thể chế hóa chính thứ ba là nhân sự và giám sát của AIIB. Hầu hết các ngân hàng phát triển đa quốc gia đều có một ban giám đốc thường trú đóng vai trò giám sát và kiểm tra việc thao túng chính trị. Tuy nhiên, Trung Quốc ban đầu đã chống lại việc bao gồm một ban giám đốc và thay vào đó đề xuất một "ban kỹ thuật" mơ hồ đảm nhận vai trò này; sau đó nó được thỏa hiệp và đồng ý với một hội đồng quản trị gồm mười hai thành viên không cư trú, không được trả lương khi các quốc gia thành viên mới tham gia. Các ngân hàng thường có thể giữ quyền quyết định đáng kể ngay cả với hội đồng thường trú, các sáng kiến cổ đông chậm chạp hoặc các chỉ thị của hội đồng quản trị kém. Quyết định của Trung Quốc chọn một hội đồng quản trị yếu hơn, không được trả lương, không thường trú cho thấy các quyết định của ngân hàng sẽ phản ánh sở thích của chủ tịch và ban quản lý cấp cao, vốn được Trung Quốc lựa chọn phần lớn. Khác với các MDB khác, Chính sách hoạt động về tài chính của AIIB gợi ý hội đồng quản trị không cư trú sẽ giao quyền trực tiếp cho chủ tịch ngân hàng — một sự khác biệt rõ rệt so với các mô hình khác.

Thứ tư, AIIB ban đầu được dự định như một công cụ của Trung Quốc để hỗ trợ BRI. Một tháng sau khi Biên bản ghi nhớ của AIIB được ký kết, ông Tập Cận Bình trả lời phỏng vấn "Việc Trung Quốc thành lập AIIB với một số quốc gia là nhằm cung cấp hỗ trợ tài chính cho phát triển cơ sở hạ tầng ở các nước dọc theo 'Một vành đai, Một con đường' và thúc đẩy kinh tế hợp tác." Những tình cảm này đã được khuếch đại bởi các bài phát biểu trong các cuộc họp Nhóm nhỏ hàng đầu cho biết "nhiệm vụ chính" của AIIB là cung cấp vốn cho BRI và bằng các tuyên bố của NPC giải thích AIIB "được tạo ra để thực hiện tốt hơn Một vành đai, Một con đường". Mãi đến giữa năm 2016, sau khi vấp phải sự chỉ trích từ các quốc gia châu Âu và châu Á, Bắc Kinh cuối cùng mới chính thức đặt khoảng cách giữa BRI và AIIB. Trong cuộc họp với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp, Jin Liqun tuyên bố AIIB "sẽ tài trợ cho các dự án cơ sở hạ tầng ở tất cả các nền kinh tế thị trường mới nổi mặc dù chúng không thuộc Sáng kiến Vành đai và Con đường." Tuy nhiên, tất cả 13 dự án năm 2016 của AIIB đều là một phần của Vành đai và Con đường. Như một nhà nghiên cứu cũ của CASS đã nói, "Trong quá trình thúc đẩy việc thành lập AIIB và Sáng kiến Một vành đai, Một con đường, các nhà hoạch định chính sách của Trung Quốc dường như bất ngờ phải đối mặt với một tình huống mà cả hai cần phải tách ra ở một mức độ nhất định... Công bố "AIIB không dành riêng cho Sáng kiến Một vành đai, Một Con đường tạo thành một cách tiếp cận thông minh về vấn đề này."

Tóm lại, Trung Quốc ủng hộ một AIIB đã được thể chế hóa — một AIIB có các quy tắc và quy trình ra quyết định rõ ràng hơn nhiều so với các lần tham gia trước đây của họ trong APEC và ARF — vì họ đã sẵn sàng xây dựng trật tự. Ban đầu nó dự định sử dụng ngân hàng để theo đuổi lợi ích của mình một cách hiệu quả hơn; nhưng vào thời điểm nó được đưa ra, Trung Quốc đã thỏa hiệp để giải quyết những lo ngại của các thành viên về việc AIIB đóng vai trò như một công cụ của Trung Quốc, do đó đã hợp pháp hóa chứng chỉ lãnh đạo của Bắc Kinh. Như Chủ tịch Tập Cận Bình đã nói trong bài phát biểu khai mạc AIIB,

Trung Quốc muốn ngân hàng trở thành một "tổ chức dựa trên quy tắc và tiêu chuẩn cao về mọi mặt liên quan đến cơ cấu quản trị, chính sách hoạt động, các biện pháp bảo vệ và chính sách mua sắm, cũng như quản lý nguồn lực của người dân." Điều nổi bật về cuộc mặc cả là cách Trung Quốc "thỏa mãn thành công những lo ngại [của các quốc gia thành viên] mà không từ bỏ quyền kiểm soát đáng kể đối với ngân hàng." Ngân hàng có trụ sở tại Trung Quốc; Trung Quốc là nhà tài trợ lớn nhất; Trung Quốc giữ quyền phủ quyết đối với tất cả các quyết định; và đội ngũ nhân viên chủ yếu là công dân Trung Quốc — với giám đốc điều hành của ngân hàng là cựu thứ trưởng tài chính của chính phủ Trung Quốc.

AIIB mang lại một số lợi ích cho chiến lược xây dựng trật tự của Trung Quốc. Nó (1) cung cấp cho Trung Quốc khả năng cưỡng chế để hạn chế các nước láng giềng; (2) giúp Trung Quốc đặt ra các quy tắc và đạt được các thỏa thuận đồng thuận; và (3) cung cấp cho Trung Quốc tính hợp pháp.

Đầu tiên, AIIB thể chế hóa năng lực cưỡng chế của Trung Quốc, cung cấp cho họ một số khả năng từ chối hợp lý khi nó được thực thi và giảm bớt một số mâu thuẫn do việc sử dụng đơn phương một cách trần trụi. Quyền kiểm soát của Trung Quốc đối với tư cách thành viên, quyền phủ quyết và nhân viên ngân hàng của AIIB — cũng như quyền tự chủ tương đối của nhân viên và chủ tịch đối với việc giải ngân khoản vay — tạo ra khả năng cho quy chế kinh tế. Và nếu AIIB thông qua một số hình thức điều kiện, rõ ràng hoặc ngầm hiểu, liên quan đến các tiêu chí phù hợp với sở thích chính trị hoặc kinh tế của chính Trung Quốc, thì điều đó sẽ hạn chế quyền tự chủ cho các quốc gia đang phát triển của châu Á và tăng khả năng họ có thể điều chỉnh các chính sách đối ngoại của mình chặt chẽ hơn với Trung Quốc. để tiếp cận vốn. Thật vậy, một số quan chức và học giả Trung Quốc riêng tư cho các nước có tranh chấp với Trung Quốc sẽ ít có khả năng tiếp cận các nguồn vốn từ AIIB. Những người khác đã quan sát thấy sự phân đôi giữa "sự phụ thuộc kinh tế ngày càng tăng vào Trung Quốc và sự phụ thuộc an ninh vào

Hoa Kỳ" và lập luận những thúc đẩy kinh tế sẽ nâng cao quyền tự do điều động của Trung Quốc.

Trung Quốc trước đây đã sử dụng ảnh hưởng của mình trong các tổ chức đa phương chống lại các tổ chức khác. Ví dụ, nó từ chối phê duyệt kế hoạch phát triển đa phương của ADB cho Ấn Độ vì một số quỹ sẽ được sử dụng ở Arunachal Pradesh, mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền. AIIB cũng mang lại cơ hội để trao cho những người khác những vai trò quan trọng trong trật tự của Trung Quốc. Hiện tại, các quyết định liên quan đến việc quốc gia nào giữ chức phó chủ tịch AIIB được cho là có liên quan đến lợi ích chính trị của Trung Quốc. Hàn Quốc được hứa hẹn là một trong những phó chủ tịch của AIIB vì đã sớm ủng hộ AIIB, nhưng nước này đã mất vị trí đó vào tay Pháp trong một quyết định liên quan đến việc Seoul triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa của Mỹ." Trung Quốc đã đề nghị riêng với Australia một vai trò cấp cao trong AIIB nhưng sau đó đã rút lại lời đề nghị khi sự do dự của Australia được cho là xuất phát từ áp lực của Mỹ và Nhật Bản. Và ngay cả khi AIIB không được sử dụng theo cách này, nó vẫn có thể giúp xây dựng các dòng chảy kinh tế gắn kết các nước láng giềng châu Á với Trung Quốc. Viết về những động lực này, Giáo sư Đại học Phục Đán và cựu nhà ngoại giao Trung Quốc Ren Xiao lập luận "kinh tế và địa chính trị liên tục làm việc" cùng nhau, và thông qua AIIB, Trung Quốc tin họ có thể "giành được bạn bè và ảnh hưởng trong khu vực" và "làm cho các quốc gia lân cận trở nên hấp dẫn hơn với tư cách là nhà cung cấp nguyên liệu cho các nhà sản xuất Trung Quốc và với tư cách là người tiêu dùng hàng hóa do Trung Quốc sản xuất." Cuối cùng, các quy tắc và quyền lực thiết lập tiêu chuẩn mà AIIB tạo ra có thể ảnh hưởng đến số phận của các nền kinh tế châu Á. Các quan chức Australia lo ngại dự thảo hướng dẫn của AIIB dường như không đề cập đến công nghệ than và các yêu cầu quy định ai có thể tham gia vào các dự án cơ sở hạ tầng sinh lợi cũng khiến Trung Quốc hạn chế quyền lực đối với các nước láng giềng. Cũng giống như Nhật Bản và Hoa

Kỳ sử dụng các ngân hàng phát triển để thúc đẩy các mục tiêu chính trị, Trung Quốc cũng vậy.

Thứ hai, AIIB cung cấp nền tảng không chỉ cho việc cưỡng chế mà còn cho việc xây dựng trật tự đồng thuận. Như đã thảo luận trước đây, các nhà lãnh đạo hàng đầu của Trung Quốc đã nhiều lần coi AIIB là một phần trong nỗ lực cung cấp 'hàng hóa công' của Trung Quốc. Ví dụ, vào tháng 3 năm 2016, Bộ trưởng Ngoại giao Vương Nghị nói với các nhà báo AIIB "cho thấy Trung Quốc đang chuyển đổi nhanh chóng từ một bên tham gia vào hệ thống quốc tế thành một bên cung cấp 'hàng hóa công'." Các nỗ lực trong khu vực của Trung Quốc là "một sáng kiến cởi mở, không phải Học thuyết Monroe hay chủ nghĩa bành trướng nào đó" và ngân hàng này đã chứng minh "Trung Quốc có lòng tin để tìm ra con đường dẫn đến vị thế cường quốc khác với con đường của các cường quốc truyền thống. Sẽ khác ở chỗ Trung Quốc sẽ không đóng vai kẻ bắt nạt." Khi ông Tập công bố AIIB, ông đã làm điều đó ở Indonesia và nhấn mạnh Bắc Kinh "sẽ ưu tiên cho nhu cầu của các nước ASEAN". Trong các bài phát biểu trước công chúng, AIIB thường được mô tả là một cách cho phép các quốc gia khác hưởng lợi tốt hơn từ sự trỗi dậy của Trung Quốc, bao gồm cả thông qua BRI. Ngoài ra, AIIB cũng mang đến cơ hội để định hình trật tự châu Á.

Trụ sở AIIB

Thứ ba, AIIB cung cấp cho Trung Quốc tính hợp pháp. Như Chương 5 đã chỉ ra, Trung Quốc rất nhạy cảm với việc ai là người lãnh đạo việc xây dựng trật tự châu Á, và họ đã làm suy yếu các nỗ lực của Hoa Kỳ thông qua APEC và Nhật Bản thông qua ASEAN để tuyên bố lớp phủ đó. AIIB là nỗ lực của họ cho

vị trí lãnh đạo, và bằng cách đưa ra một số hoạt động chính trị. ảnh hưởng của ngân hàng đến các quốc gia thành viên, đến lượt chúng khiến họ hợp thức hóa các tuyên bố lãnh đạo của mình một cách hiệu quả. Sự tập trung vào vai trò lãnh đạo của Trung Quốc là chìa khóa. Như Jin Liqun đã lập luận: “Thứ mà thế giới và châu Á thiếu không phải là tiền [cho cơ sở hạ tầng] mà là động lực và sự lãnh đạo,” và Trung Quốc có thể cung cấp nó thông qua AIIB. Tương tự, như một học giả từ Quỹ Nghiên cứu Quốc tế Trung Quốc trực thuộc chính phủ đã lập luận, “ADB chủ yếu do Nhật Bản lãnh đạo và Ngân hàng Thế giới chủ yếu do Mỹ lãnh đạo, và vì vậy AIIB chủ yếu do Trung Quốc lãnh đạo.” Ren Xiao lập luận AIIB đánh dấu sự “thúc đẩy của Trung Quốc đối với một thể chế khu vực mà trong đó nó sẽ thống trị.” Đây là lý do tại sao, trái ngược với những nỗ lực trước đây, Trung Quốc không chọn làm việc với những người khác để biến AIIB trở thành một tổ chức vượt trội của ASEAN + 3 hoặc bất kỳ thể chế nào khác. Và để nâng cao AIIB, các quan chức Trung Quốc đôi khi đã chỉ trích gay gắt các thể chế khác. Bộ trưởng Tài chính Lou Jiwei tuyên bố “năng lực hiện tại của ADB thực sự không đủ” và Trung Quốc có kinh nghiệm vượt trội, cho “Ngân hàng Phát triển Trung Quốc đã thực hiện các khoản vay thương mại và hoạt động kinh doanh của nó lớn hơn nhiều so với ADB và Ngân hàng Thế giới cộng lại - và điều đó đã xảy ra trong vòng chưa đầy 20 năm.” Lou cũng chỉ trích ADB vì quá quan liêu. Jin Liqun gọi hệ thống quản trị của nó là một “thảm họa.” Với Ngân hàng Thế giới cũng đã có những lời chỉ trích tương tự.

AIIB, giống như các MDB khác, cũng giúp người sáng lập hợp pháp hóa các chuẩn mực và nguyên tắc mà nó hỗ trợ. Ví dụ: Ngân hàng Thế giới và IMF đã cho phép Washington thúc đẩy các chuẩn mực kinh tế phù hợp với lợi ích của mình và chỉ số Mức độ Kinh doanh Dễ dàng của Ngân hàng Thế giới thậm chí đã định hình lại các chính sách và chính trị trong nước của các quốc gia đang phát triển. Tương tự, Wang Jisi đã nói rõ AIIB là một phần trong nỗ lực đảm bảo quản trị kinh tế toàn cầu tuân

thủ chặt chẽ hơn các chuẩn mực và giá trị của Trung Quốc so với phương Tây. Jin Liqun lập luận ủng hộ kinh nghiệm phát triển của Trung Quốc và khả năng của AIIB trong việc giúp đỡ những người khác mô phỏng nó: “Phương pháp luận phát triển của Trung Quốc là hợp lý. Kinh nghiệm của Trung Quốc có thể được truyền sang bất kỳ quốc gia nào khác. Nếu Trung Quốc có thể làm được thì không có lý do gì mà nước khác lại không làm được.” Các quan chức khác, như Lou Jiwei, đã chỉ trích phương Tây là hình mẫu: “Tôi đã nói nhiều lần tôi không thừa nhận phương pháp hay nhất. Ai là tốt nhất?... Chúng tôi cần xem xét nhu cầu [của các nước đang phát triển] của họ và đôi khi phương Tây đưa ra một số quy tắc mà chúng tôi không nghĩ là tối ưu... chúng tôi không thấy hệ thống hiện có là tốt nhất.” Khi AIIB phát triển, nó sẽ giúp bình thường hóa quan điểm của Trung Quốc về việc hạn chế vai trò của các tiêu chuẩn chính trị, quyền lợi liên quan đến người dân và quản trị tốt trong cho vay. Bằng cách này, AIIB có thể loại bỏ tính hợp pháp của các giá trị tự do vốn kèm theo quyền lực và ảnh hưởng chính trị của phương Tây — và điều đó gây ra mối đe dọa đối với sự ổn định của chính Trung Quốc.

CICA

Hội nghị về Tương tác và Các Biện pháp Xây dựng Lòng tin ở Châu Á (CICA) được đề xuất vào năm 1992, tổ chức cuộc họp lớn đầu tiên vào năm 1999, và sau đó tổ chức các cuộc họp cấp lãnh đạo bốn năm một lần bắt đầu từ năm 2002. Một thời gian dài do Kazakhstan dẫn đầu, với Thổ Nhĩ Kỳ tiếp quản chiếc ghế luân chuyển vào năm 2010, tổ chức có ít hồ sơ, ít mối quan hệ với các tổ chức hiện có, ít quyền lực lớn, và quá trình thể chế hóa chậm và nói chung là trống rỗng. Tất cả những điều này đã thay đổi vào năm 2014 khi Trung Quốc lên nắm quyền lãnh đạo và nhanh chóng đề ra việc nâng nó lên như một phương tiện để tạo ra hoặc tranh luận về một cấu trúc an ninh châu Á mới. Tuy nhiên, các khoản đầu tư của Trung Quốc vào tổ chức này khá khó hiểu.

Quyết định của Trung Quốc trong việc đảm nhận vai trò lãnh đạo CICA là một điều khó hiểu vì tổ chức này hầu như không có mục đích hoặc năng lực có ý nghĩa. Về danh nghĩa, CICA có mục đích tài trợ cho các biện pháp xây dựng lòng tin (CBM) liên quan đến các vấn đề chính trị-quân sự; khủng bố; và các khía cạnh kinh tế, môi trường. Trong thực tế, các CBM này không có các kế hoạch hành động cụ thể. Các quốc gia được yêu cầu thực hiện chúng trên cơ sở tự nguyện và nói chung, phần lớn trong số này bao gồm các hạng mục tầm thường như các chuyến thăm quân sự lẫn nhau, trao đổi thông tin quân sự, hài hòa hóa quy định về thương mại hoặc nhập cư, cũng như trao đổi thông tin. Tổ chức có mức độ thể chế hóa cực kỳ thấp. CICA thừa nhận ban thư ký của mình đóng một vai trò chủ yếu về hậu cần: ban này chỉ cung cấp "hỗ trợ về hành chính, tổ chức và kỹ thuật cho các cuộc họp và các hoạt động khác của CICA," và ban thư ký thiếu các cơ chế giám sát - với thông tin về việc thực hiện CBM được cung cấp trên cơ sở tự nguyện. Do những điểm yếu này, CICA thường không thực hiện được các chức năng đã nêu của mình so với các nhóm khác. Mặc dù tập trung vào CBM, không giống như ASEAN và ARF, CICA đã không có bất kỳ chương trình nghị sự khẳng định nào về ngoại giao phòng ngừa hoặc ngăn chặn xung đột cho đến năm 2014. Và trong khi CBM ở châu Âu trong Chiến tranh Lạnh và giữa các bên tham gia Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) đã đặt ra các giới hạn rõ ràng đối với các hoạt động và định vị của quân nhân, không có gì trong CICA tiếp cận mức độ hạn chế này. Mặc dù tổ chức đôi khi tuyên bố tập trung vào chống khủng bố, nhưng tổ chức thiếu bất kỳ năng lực phối hợp nào để giải quyết vấn đề tương tự như SCO. Tốt nhất, CICA là một diễn đàn trao đổi chung chung, và thậm chí nó còn gặp khó khăn: nó tổ chức các hội nghị cấp lãnh đạo bốn năm một lần, trái ngược với APEC, ARC và SCO, nơi tổ chức các cuộc họp như vậy hàng năm. Tại sao Trung Quốc lại đầu tư vào nó và tìm cách dẫn đầu?

Quyết định đầu tư của Trung Quốc vào CICA bất chấp những thách thức này được thúc đẩy không phải bởi năng lực hiện tại của tổ chức mà bởi tiềm năng tương lai của tổ chức. Trung Quốc coi CICA là một khuôn mẫu để tạo ra một khuôn khổ an ninh toàn châu Á sẽ tồn tại bên ngoài hệ thống liên minh do Mỹ dẫn đầu và các diễn đàn đa phương do ASEAN chi phối ở Đông Nam Á, và một khuôn khổ sẽ được đặc trưng bởi ảnh hưởng của Trung Quốc.

CƠ HỘI SAU KHỦNG HOẢNG

Trung Quốc đã tham gia CICA từ lâu, nhưng sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, nước này bắt đầu sử dụng tổ chức để thúc đẩy tầm nhìn của riêng mình đối với kiến trúc an ninh của châu Á - mục tiêu là Hoa Kỳ. Như phần mở đầu của chương đã lưu ý, quá trình bắt đầu từ trước hội nghị thượng đỉnh CICA đầu tiên sau khủng hoảng vào năm 2010. Trung Quốc và Nga vừa ký "Sáng kiến chung Nga-Trung về tăng cường an ninh ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương", và họ đã thúc đẩy CICA thông qua nó tại Hội nghị thượng đỉnh năm 2010 và các cuộc họp của Nhóm công tác đặc biệt sau đó như một nền tảng cho một "kiến trúc khu vực trong tương lai". Các tài liệu chuẩn bị và tài liệu thuyết trình chung Trung-Nga bằng tiếng Anh-Nga - có thể do Trung Quốc chuẩn bị chứ không phải Nga - tiết lộ sáng kiến nhắm vào các liên minh của Hoa Kỳ và có liên quan trực tiếp đến hoàn cảnh chính trị mới do Khủng hoảng tài chính toàn cầu. "Cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính toàn cầu đã thúc đẩy một loạt các xu hướng... thay đổi cán cân lực lượng trong chính trị và kinh tế toàn cầu, kéo theo sự biến đổi sâu sắc của toàn bộ hệ thống quan hệ quốc tế," một tài liệu bắt đầu. "Cuộc khủng hoảng đã nhấn mạnh... các cường quốc kinh tế mới và các trung tâm ảnh hưởng chính trị đang gia tăng. Trung tâm trọng lực của hoạt động chính trị cũng đang dịch chuyển về phía Châu Á - Thái Bình Dương," nó tiếp tục. "Dưới tác động của những biến đổi toàn cầu, một quá trình định hình lại kiến trúc khu vực đã bắt đầu ở Châu Á - Thái Bình Dương." Sau đó, tài liệu chỉ trích kiến trúc khu vực dựa trên Hoa Kỳ:

Rõ ràng là cấu trúc an ninh hiện có ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương dựa trên các liên minh quân sự không minh bạch không tương ứng với thực tế hiện đại của thế giới đa cực cũng như bản chất và quy mô của việc gia tăng các mối đe dọa và thách thức trong khu vực. đối mặt. Khu vực vẫn thiếu một hệ thống thể chế và công cụ pháp lý được cấu trúc tốt để có thể đảm bảo hòa bình và ổn định tại khu vực rộng lớn này. Những yếu tố này cho thấy sự cấp thiết của việc xây dựng các biện pháp bổ sung để tăng cường an ninh trong khu vực.

Tài liệu lập luận thay vì cách tiếp cận của Hoa Kỳ, "kiến trúc khu vực trong tương lai phải cởi mở, minh bạch và bình đẳng" và "nó phải dựa trên nguyên tắc phi khối". Tài liệu lưu ý đây "chính xác là những gì mà các nhà lãnh đạo của Nga và Trung Quốc" đã đồng ý "trong hội nghị thượng đỉnh Nga Trung vào tháng 9 năm ngoái tại Bắc Kinh." Nói tóm lại, trong bối cảnh của cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, đã đến lúc một kiến trúc châu Á dựa trên khuôn khổ khu vực Trung-Nga đối lập với các liên minh của Hoa Kỳ, và CICA là phương tiện xây dựng kiến trúc đó.

Mối liên hệ giữa Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu và những nỗ lực của Trung Quốc đã được các nhà ngoại giao Trung Quốc phát đi trong các bài phát biểu cấp cao của CICA. Năm 2010, Ủy viên Quốc vụ Đới Bỉnh Quốc lập luận, "với tầm nhìn hướng tới thời kỳ hậu khủng hoảng tài chính, các thành viên CICA nên tăng cường sự tin tưởng và phối hợp và kiên quyết theo đuổi" một kiến trúc an ninh châu Á mới. Thật vậy, giai đoạn sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu là một kỷ nguyên mới vì cuộc khủng hoảng đã thay đổi mọi thứ. Đới nói cuộc khủng hoảng cho thấy "xu hướng đa cực chưa bao giờ rõ ràng đến thế" và lời kêu gọi "dân chủ hơn trong quan hệ quốc tế chưa bao giờ mạnh mẽ đến vậy". Đới tuyên bố: "Đã qua rồi, thời một hoặc hai, hoặc một số nước thống trị các vấn đề thế giới." Trong thời kỳ hậu khủng hoảng tài chính, CICA sẽ là một công cụ: "để tạo ra một môi trường khu vực tốt, điều quan trọng là phải tận dụng đầy đủ CICA và các cơ chế trao đổi và hợp tác đa phương

khác của khu vực." Tại cuộc họp lớn tiếp theo của CICA tại 2012, Thứ trưởng Ngoại giao Trần Quốc Bình tiếp tục dòng tranh luận và đưa ra ý tưởng sẽ trở thành một khái niệm mới, tuyên bố sự phụ thuộc lẫn nhau đã tạo ra một "cộng đồng chung vận mệnh". Trần đã đi xa hơn Đới, và ông đề xuất một con đường tiến lên dựa trên khuôn khổ an ninh khu vực Trung-Nga được đề xuất trước đó, cho thấy nó sẽ áp dụng cho hành vi của tất cả các nước châu Á. Hai năm sau, Tập Cận Bình nêu ra sáng kiến Trung-Nga tại Hội nghị thượng đỉnh CICA năm 2014, cho hội nghị "đã đóng một vai trò quan trọng trong việc củng cố và duy trì hòa bình và ổn định ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương."

Trung Quốc có thể làm rất nhiều điều từ bên lề. Để thúc đẩy những quan điểm này, nó cần một số mức độ kiểm soát đối với CICA. Trong phần lớn lịch sử của mình, tổ chức đã được lãnh đạo bởi Kazakhstan và sau đó là 4 năm bởi Thổ Nhĩ Kỳ (2010–2014), và mặc dù các kế hoạch cho một chức chủ tịch luân phiên đã được thảo luận, nhưng vẫn chưa có thứ tự kế vị nào được dàn xếp. Vị trí chủ tịch cuối cùng của Trung Quốc đối với CICA là thứ mà nước này tích cực xây dựng và nó bắt đầu sớm nhất là vào năm 2012. Thật vậy, tài liệu tham khảo công khai đầu tiên về việc Trung Quốc theo đuổi chức chủ tịch CICA là tại Hội nghị cấp cao CICA năm 2012, khi Thứ trưởng Ngoại giao Trần Quốc Bình không chỉ đề nghị một cấu trúc khu vực mới, mà còn tuyên bố "chúng tôi đã nộp đơn xin làm Chủ tịch cho nhiệm kỳ 2014–2016" và yêu cầu "sự hỗ trợ của các Quốc gia Thành viên khác." Bất chấp những nỗ lực này, Tuyên bố chung năm 2012 đưa ra không đề cập đến bất kỳ sự đồng thuận nào đằng sau vai trò chủ tịch của Trung Quốc.

Chiến dịch của Trung Quốc đã nhận được một sự thúc đẩy đáng kể vào năm 2013 khi Chủ tịch Tập Cận Bình đến thăm Astana để gặp Tổng thống Kazakhstan Nazarbayev. Trong bản đọc các cuộc thảo luận riêng, Bộ Ngoại giao Trung Quốc lưu ý CICA là một chủ đề thảo luận và "phía Kazakhstan ủng hộ Trung Quốc giữ chức Chủ tịch luân phiên của CICA từ năm 2014 đến năm

2016 và ủng hộ Trung Quốc đăng cai tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh CICA vào năm 2014." Cả hai chính phủ đã công bố một tuyên bố chung chính thức hóa những điểm này và tán thành việc thể chế hóa, tuyên bố "cả hai bên sẽ tiếp tục phát triển và củng cố các quy trình của CICA." Với tuyên bố được đưa ra, Trung Quốc về cơ bản đã đảm bảo vai trò lãnh đạo của tổ chức trong nhiệm kỳ hai năm; Khoảng nửa trong nhiệm kỳ đầu tiên đó, nó đã được gia hạn nhiệm kỳ đến năm 2018 — mặc dù các tuyên bố trước đây của CICA đề xuất các ghế sẽ chỉ phục vụ một nhiệm kỳ hai năm.

Một khi Trung Quốc đã giành được quyền lãnh đạo trong CICA, họ đã nhiệt tình thúc đẩy việc thể chế hóa tổ chức. Như Chen Guoping đã phát biểu trong ngày kỷ niệm 20 năm thành lập CICA vào năm 2012, "Trung Quốc hỗ trợ sự phát triển của CICA thành một tổ chức quốc tế chính thức" từ một diễn đàn lỏng lẻo. Với những tham vọng này, Chủ tịch Tập trong bài phát biểu tại Hội nghị thượng đỉnh năm 2014 đã nêu rõ tầm nhìn rộng lớn cho tương lai của CICA: "Trung Quốc đề xuất biến CICA trở thành một nền tảng hợp tác và đối thoại an ninh bao trùm toàn châu Á và trên cơ sở đó, khám phá việc thiết lập một cấu trúc hợp tác an ninh khu vực." Để đạt được mục tiêu đó, Trung Quốc đã nỗ lực cải thiện thể chế hóa của CICA trong ba cách thức chính — tất cả đều là một sự khởi đầu mạnh mẽ so với sự phản đối của nó đối với việc thể chế hóa trong APEC và ARF.

Thứ nhất, kể từ khi ra mắt vào năm 2002, CICA đã tổ chức hội nghị thượng đỉnh hoặc cuộc họp cấp bộ trưởng hai năm một lần với Nhóm công tác đặc biệt hoặc Hội nghị quan chức cấp cao được tổ chức ở giữa kỳ, khiến nó ít được thể chế hóa hơn nhiều so với ARF, APEC hoặc EAS, vốn tổ chức các hội nghị thượng đỉnh cấp lãnh đạo hàng năm. Vì lý do đó, ông Tập đã lập luận về các cuộc gặp cấp cao thường xuyên hơn: "Trung Quốc tin nên tăng tần suất các cuộc họp của các ngoại trưởng CICA và thậm chí có thể là các hội nghị thượng đỉnh trong bối cảnh tình hình thay đổi, để tăng cường chỉ đạo chính trị của CICA và vạch ra một kế hoạch chi tiết cho sự phát triển của nó." Trung Quốc

đã đạt được tiến bộ khiêm tốn trong những nỗ lực này bằng cách thúc đẩy bổ sung một hội nghị bộ trưởng vào năm 2017 và bằng cách khuyến khích các quốc gia CICA gặp nhau bên lề Đại hội đồng LHQ. Diễn đàn Chính thức CICA Think Tank các tài liệu do Viện Nghiên cứu Quốc tế Thượng Hải viết đề xuất các kế hoạch thậm chí còn rộng hơn, bao gồm các cuộc họp thường kỳ của các bộ trưởng quốc phòng và bộ trưởng an ninh công cộng. Những biện pháp sẽ đưa CICA thể chế hóa gần hơn với các cấp độ của các diễn đàn liên quan đến ASEAN.

Thứ hai, Trung Quốc đã tìm cách nâng cao năng lực của ban thư ký, bao gồm cả mục đích theo dõi và giám sát để có thể khuyến khích ban thư ký thực hiện các biện pháp xây dựng lòng tin tốt hơn. Như ông Tập đã lập luận vào năm 2014, “Trung Quốc đề xuất nâng cao năng lực và xây dựng thể chế của CICA, hỗ trợ cải thiện chức năng của ban thư ký CICA, [và] thành lập... một lực lượng đặc nhiệm để giám sát việc thực hiện các biện pháp xây dựng lòng tin trong các lĩnh vực khác nhau trong khuôn khổ CICA.” Đây là một sự khác biệt đáng kể so với sự tham gia của Trung Quốc vào APEC và ARF, khiến Bắc Kinh phản đối việc giám sát các biện pháp như vậy. Các tài liệu của Diễn đàn Think Tank thậm chí còn đi xa hơn, cho thấy ưu tiên của Trung Quốc là dành nhiều tài trợ hơn cho ban thư ký, nhiều nhân sự hơn và “nhiệm vụ rõ ràng là giám sát việc thực hiện các CBM”, cũng như “quản lý khủng hoảng và các cơ chế ứng phó khẩn cấp”.

Thứ ba, Trung Quốc hy vọng sẽ mở rộng trao đổi CICA trên nhiều lĩnh vực, với việc Chủ tịch Tập kêu gọi thành lập “cơ chế tham vấn quốc phòng giữa các quốc gia thành viên” và “chống khủng bố, kinh doanh, du lịch, bảo vệ môi trường, văn hóa và giao lưu nhân dân.” Thật vậy, trong vòng một năm, Trung Quốc đã đưa ra nhiều sáng kiến mới của CICA, bao gồm Hội đồng Thanh niên CICA, Hội đồng Doanh nghiệp, Diễn đàn Phi chính phủ và Diễn đàn Think Tank — hầu như tất cả đều được phối hợp với các quỹ và hỗ trợ của Trung Quốc. Ngoài ra, Trung Quốc có kế hoạch tổ chức Đối thoại CICA thường xuyên về

Nhận thức Châu Á. Trước những sáng kiến này, CICA là một tổ chức khá mỏng; những nỗ lực này đã tạo tiền lệ cho chức năng mở rộng của CICA mà Trung Quốc đã tiếp tục thúc đẩy.

CICA mang lại một số lợi ích cụ thể cho Trung Quốc khi nước này tìm cách khẳng định tầm nhìn của mình về kiến trúc an ninh khu vực của châu Á. Nó giúp Trung Quốc xây dựng một trật tự khu vực ở châu Á bằng cách (1) cung cấp cho Trung Quốc các phương tiện để hạn chế các nước láng giềng; (2) thúc đẩy các nền tảng nhất trí và nội dung của trật tự do Trung Quốc lãnh đạo; và (3) thúc đẩy vai trò lãnh đạo và tính chính danh của Trung Quốc.

Thứ nhất, Trung Quốc đã cố gắng sử dụng CICA để hạn chế khả năng hợp tác của các quốc gia láng giềng với Hoa Kỳ, một phần bằng cách thúc đẩy các quy tắc có thể gây bấn loạn các liên minh hoặc thậm chí có thể là hợp tác an ninh với Hoa Kỳ. Như phần giới thiệu chương đã thảo luận, Trung Quốc đã sử dụng CICA cho mục đích này ngay từ năm 2010, khi Trung Quốc và Nga thúc đẩy cấu trúc an ninh khu vực tại hội nghị thượng đỉnh CICA rõ ràng là chống liên minh. Trung Quốc tiếp tục thúc đẩy sáng kiến chung với Nga trong các cuộc họp CICA năm 2011, 2012 và 2014. Mục tiêu cuối cùng là hạn chế hành vi an ninh của các quốc gia trong khu vực, như Thứ trưởng Ngoại giao Trần Quốc Bình đã nói rõ vào năm 2012, khi ông đề xuất Sáng kiến Trung Quốc-Nga làm nền tảng cho các quy tắc ứng xử của châu Á. Năm 2014, những ý tưởng này là trung tâm trong bài phát biểu của ông Tập. Tuyên bố của ông "người ta không thể sống trong thế kỷ 21 với tư duy [tổng bằng không] lỗi thời từ thời Chiến tranh Lạnh" là một lời chỉ trích đối với kiến trúc an ninh của Hoa Kỳ. Tương tự, tuyên bố của ông "tăng cường và lôi kéo một liên minh quân sự nhắm vào bên thứ ba không có lợi cho việc duy trì an ninh chung" là một lập luận chống lại sự hợp tác an ninh lớn hơn giữa Hoa Kỳ và các quốc gia châu Á cảnh giác trước sự trỗi dậy của Trung Quốc. Tranh cãi nhất khi ông nhận xét "Châu Á dành cho người Châu Á". Vào năm 2017, nhà ngoại giao Trung Quốc Vương Tông đã phát biểu

trước Bộ trưởng CICA 2017 và, bằng ngôn ngữ gần giống với lời của ông Tập, tuyên bố: “Phía Trung Quốc tin vấn đề an ninh châu Á chỉ có thể được giải quyết bởi chính các quốc gia châu Á và các dân tộc của họ, những người cũng có cơ hội và mong muốn giải quyết những vấn đề này.”

Thứ hai, Trung Quốc đã sử dụng CICA để định vị mình như một nhà cung cấp an ninh và kinh tế, đưa các nền kinh tế láng giềng vào một “cộng đồng chung vận mệnh” phụ thuộc lẫn nhau, một cộng đồng mà theo cách nói của ông Tập, sự trỗi dậy của Trung Quốc “mang lại lợi ích hữu hình cho châu Á.” Các khái niệm chính của Trung Quốc như “cộng đồng chung vận mệnh” và “Khái niệm an ninh châu Á mới” đồng thời nhấn mạnh vai trò trung tâm của Trung Quốc đối với sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế của châu Á, đồng thời chỉ trích các liên minh của Hoa Kỳ, và bằng cách làm cả hai, chúng đánh dấu một sự tiến hóa so với các khái niệm trước đó mà Trung Quốc đã thúc đẩy từ lâu. ASEAN. Trung Quốc dự định để những khái niệm này trở thành trung tâm của kiến trúc an ninh của châu Á. Như Giám đốc điều hành CICA Gong Jianwei lập luận, “Trong khi CICA đang tiến tới đạt được mục tiêu này [thiết lập một kiến trúc an ninh] với tốc độ ổn định, thì Chủ tịch Tập Cận Bình đã tìm cách đẩy nhanh tiến độ bằng cách đề xuất một Khái niệm An ninh Châu Á Mới.” Thật vậy, Khái niệm An ninh Châu Á Mới, mà ông Tập đã đưa ra làm nền tảng cho cấu trúc an ninh mới của Châu Á tại Hội nghị thượng đỉnh CICA năm 2014, bao hàm “an ninh chung, toàn diện, hợp tác và bền vững.” Trong bài phát biểu của mình, ông Tập giải thích cẩn thận từng yếu tố của khái niệm và Sách trắng năm 2017 của Trung Quốc về Hợp tác An ninh Châu Á - Thái Bình Dương giải thích chi tiết các yếu tố sau: (1) “An ninh chung” đề cập đến “cộng đồng chung vận mệnh” và cũng bao hàm sự chỉ trích rõ ràng đối với các liên minh vì chúng cung cấp an ninh cho một số quốc gia chứ không phải các quốc gia khác; (2) “an ninh toàn diện” đề cập đến các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống và tương đối không thể kiểm soát được; (3) “an ninh hợp tác” đề cập đến nỗ

lực của người châu Á hợp tác cùng nhau để giải quyết các vấn đề thông qua “đối thoại và giao tiếp chuyên sâu” và ngầm chỉ trích sự can dự của bên ngoài vào các vấn đề như tranh chấp lãnh thổ của Trung Quốc; và (4) “an ninh bền vững” cho người châu Á, các quốc gia “cần tập trung vào cả phát triển và an ninh để hiện thực hóa an ninh lâu dài.” Các tài liệu của Diễn đàn Think Tank của CICA giải thích đây là tham chiếu đến ‘đường đôi’ của châu Á, cho thấy Trung Quốc cung cấp phát triển và Mỹ cung cấp an ninh, và cảnh báo cần phát triển để đạt được an ninh là nhằm nâng cao vai trò của Trung Quốc trong ‘đường đôi’ về vai trò của Hoa Kỳ.

Khi bốn yếu tố này được ghép lại với nhau, khái niệm định nghĩa an ninh khu vực bao gồm một “cộng đồng chung vận mệnh” mà các thành viên được hưởng lợi từ sự phát triển của Trung Quốc, tránh liên minh, không để các quốc gia bên ngoài tham gia tranh chấp và ưu tiên lợi ích phát triển của Trung Quốc hơn các đảm bảo an ninh bên ngoài. Khái niệm đã trở thành nền tảng cho CICA và đã xuất hiện trong mọi tuyên bố chung của CICA. Thật vậy, vào năm 2017, Vương Nghị đã đắc thắng tuyên bố “kể từ khi Trung Quốc đảm nhận vai trò chủ tịch CICA, Khái niệm An ninh Châu Á chung, toàn diện, hợp tác và bền vững mà nó đề xuất đã được công nhận rộng rãi.” Giám đốc điều hành của CICA nói “đó là hy vọng tha thiết của chúng tôi, tất cả các quốc gia thành viên sẽ làm việc cùng nhau để thông qua và thực hiện khái niệm an ninh mới nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng của CICA” và mục đích của Trung Quốc là “biến khái niệm thành hiện thực và tạo ra một kiến trúc an ninh tốt hơn ở châu Á.” Các báo cáo chính thức của Think Tank của CICA sắp ra mắt về mục đích cuối cùng của khái niệm này như một sự thay thế cho trật tự do Hoa Kỳ lãnh đạo: “Sự khác biệt giữa các kiến trúc an ninh châu Á đang ngày càng mở rộng. Khái niệm An ninh Châu Á Mới do Trung Quốc đề xuất và CICA thông qua kêu gọi một khái niệm chung, toàn diện, hợp tác và bền vững. [Ngược lại,] Hoa Kỳ vẫn bám vào liên minh quân sự và an ninh của khối.”

Một thành phần quan trọng cuối cùng của Khái niệm An ninh Châu Á Mới là mối liên kết của nó với BRI, cung cấp các loại bảo đảm cho "cộng đồng chung vận mệnh". Với tầm quan trọng của BRI đối với việc xây dựng trật tự của Trung Quốc, Trung Quốc đã nỗ lực để đảm bảo BRI được CICA xác nhận, mang lại cho nó tính hợp pháp cao hơn và đặt nó vào trung tâm của trật tự an ninh châu Á. Giám đốc điều hành của CICA đã liên kết trực tiếp BRI với CICA: "Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc là một bước quan trọng khác trong việc thúc đẩy hợp tác khu vực theo tinh thần thực sự của CICA." Ngoại trưởng Vương Nghị gắn tất cả các khái niệm này với nhau, kết hợp cả phát triển và an ninh thành một thể tích hợp tầm nhìn khu vực:

> Trong tương lai, chúng ta nên sử dụng Khái niệm An ninh Châu Á [Mới] để đi đầu trong việc thúc đẩy và thiết lập khuôn khổ hợp tác an ninh khu vực Châu Á; chúng ta nên kết hợp Khái niệm CICA [An ninh Châu Á mới] với tinh thần Con đường Tơ lụa, và sử dụng khuôn khổ của CICA để khám phá cách thức lồng ghép các chiến lược phát triển của các nước Châu Á với việc xây dựng "Vành đai và Con đường". Chúng ta nên thăm dò các đặc tính tích hợp của CICA để tạo ra một cộng đồng chung vận mệnh.

Thứ ba, CICA giúp Trung Quốc tuyên bố lãnh đạo trong cuộc tranh luận về chủ nghĩa khu vực châu Á. Sách Trắng về Hợp tác An ninh Châu Á - Thái Bình Dương năm 2017 của Trung Quốc ghi nhận ba con đường dẫn đến chủ nghĩa khu vực Châu Á: "Trong khu vực này có [1] các cơ chế hợp tác an ninh do ASEAN dẫn đầu và [2] các nền tảng như SCO và CICA, cũng như [3]. Như Ma Chunshan lưu ý, CICA là "nền tảng hợp tác quốc tế toàn châu Á duy nhất không bao gồm Hoa Kỳ và đồng minh châu Á quan trọng của họ, Nhật Bản, là thành viên", do đó cho phép Trung Quốc định hình nó khi họ thấy phù hợp.

Hơn nữa, CICA khá hữu ích cho nỗ lực định hình cuộc tranh luận về chủ nghĩa khu vực. Số lượng thành viên lớn cho phép nó khẳng định một cách đáng tin cậy là một diễn đàn đại diện cho

châu Á - một điểm mà Trung Quốc liên tục kêu gọi sự chú ý. Trong khi các bài phát biểu của Trung Quốc tại CICA từ năm 2002 đến năm 2012 thường chỉ mô tả CICA là một "tổ chức quan trọng", sau khi tiếp quản tổ chức vào năm 2014, nó đã sử dụng ngôn ngữ so sánh rõ ràng để nâng CICA lên so với các nhóm thay thế. "CICA là tổ chức lớn nhất và tiêu biểu nhất trong khu vực Diễn đàn an ninh với số lượng người tham gia đông nhất", ông Tập Cận Bình lập luận tại Hội nghị thượng đỉnh CICA 2014. CICA "là cấu trúc duy nhất thuộc loại này" ở châu Á, Giám đốc điều hành Gong Jianwei tuyên bố. Vương Nghị cho biết vào năm 2016 CICA là "Diễn đàn an ninh tiêu biểu và lớn nhất châu Á". Trong phát biểu cho lễ kỷ niệm 25 năm thành lập CICA vào năm sau, ông nói nó đã "phát triển thành một diễn đàn an ninh tiêu biểu nhất với phạm vi bao phủ lớn nhất và số lượng thành viên lớn nhất ở Châu Á." Mục đích của những tuyên bố là gợi ý CICA có một tuyên bố đóng vai trò là nền tảng để thiết lập một kiến trúc an ninh châu Á hơn các nỗ lực khác. Thật vậy, các báo cáo của các think tank Trung Quốc đăng trên trang web CICA của chính phủ không chỉ liên tục nêu rõ điểm này mà còn chỉ ra một giai đoạn cuối có thể xảy ra đối với CICA là trở thành phiên bản châu Á của OSCE, hay cái mà họ có thể gọi là OSCA (Tổ chức An ninh và Hợp tác ở Châu Á). Một báo cáo của Viện Nghiên cứu Quốc tế Thượng Hải, vốn được coi là niềm tự hào trên trang web, lập luận, vì tính đại diện của nó, "CICA có khả năng cung cấp một nền tảng thể chế vững chắc và vạch ra con đường ngắn nhất hướng tới một kiến trúc an ninh châu Á." Một báo cáo khác lưu ý, "Nếu tiềm năng và lợi thế của CICA có thể được khai thác đầy đủ để thúc đẩy sự chuyển đổi và phát triển thành OSCA, thì việc thiết lập kiến trúc an ninh châu Á mới trong tương lai sẽ được hưởng lợi rất nhiều." Điều này một phần là do CICA có thể đóng vai trò củng cố. Như Thứ trưởng Chen Guoping đã lưu ý trong bài phát biểu trước Ủy ban Quan chức cấp cao CICA, "Hợp tác an ninh tiểu vùng đã và đang phát triển mạnh ở châu Á, nhưng các cơ chế hợp tác còn rời rạc và chồng chéo về chức năng. Điều cấp bách là phải tích hợp tất cả các nguồn lực, xây dựng một nền tảng hợp tác rộng

rãi và hiệu quả, đồng thời đưa ra một cấu trúc mới cho hợp tác an ninh khu vực. Trong quá trình này, CICA có thể đóng vai trò trung tâm bằng cách tận dụng sức mạnh của mình trong phạm vi địa lý rộng lớn, tính toàn diện và các biện pháp xây dựng lòng tin."

Cuối cùng, Trung Quốc cũng đã tìm cách sử dụng CICA để xây dựng một bản sắc chung mà Trung Quốc có thể dẫn đầu. Nó đã tìm cách thực hiện điều này một phần bằng cách tài trợ cho Diễn đàn NGO CICA và Diễn đàn CICA Think Tank. Cũng như những nỗ lực tương tự xung quanh APEC và ASEAN là trọng tâm của các cuộc tranh luận về chủ nghĩa khu vực châu Á trong những năm 1990, Trung Quốc hy vọng CICA có thể là trung tâm của Các cuộc tranh luận bắt đầu từ năm 2014. Như Vương Nghị đã giải thích vào năm 2016, các diễn đàn này nhằm "khuyến khích tất cả các bên khám phá kiến trúc an ninh châu Á mới ở cấp độ II và cấp độ phi chính phủ" và từ đó "xây dựng sự đồng thuận cho sự phát triển và chuyển đổi trong tương lai của CICA." Tương tự, Tập Cận Bình đã nói các diễn đàn này sẽ "tạo nền tảng xã hội vững chắc cho việc truyền bá khái niệm CICA về an ninh, tăng cường ảnh hưởng của CICA và thúc đẩy quản trị an ninh khu vực." Và tất nhiên, Trung Quốc chủ yếu dẫn đầu các quá trình này. Một mục tiêu trong những nỗ lực là tạo sự tương phản giữa các nước châu Á với các nước phương Tây. Thực tế, các báo cáo và nhận xét của Diễn đàn CICA Think Tank của các quan chức Trung Quốc cho thấy niềm tin "sự thiếu hụt" nhận thức chung về châu Á" hoặc bản sắc châu Á chung đã làm phức tạp thêm triển vọng thiết lập một cơ chế an ninh bao trùm" ở châu Á. Một suy nghĩ khác Báo cáo của Diễn đàn lập luận "thúc đẩy ý thức toàn châu Á về vận mệnh chung thông qua các cuộc đối thoại thực chất giữa các nền văn minh và hợp tác kinh tế chặt chẽ hơn" nên là một mục tiêu chính của Trung Quốc. Về mục tiêu này, Chủ tịch Tập Cận Bình kêu gọi thành lập Đối thoại CICA thường xuyên về Các nền văn minh châu Á vào năm 2014 và Trung Quốc đã thành công trong việc kéo nó lại với nhau vào năm 2018. Mặc dù các hành động như

vậy khó có thể vượt qua sự chia rẽ trong nội bộ châu Á, nhưng rõ ràng Trung Quốc coi đó là cách để dần dần gắn kết khu vực với nhau dưới sự lãnh đạo của Trung Quốc.

Các thể chế khu vực châu Á chỉ có thể tự mình đi xa trong việc đảm bảo một mục tiêu như vậy. Ngoài họ, cách khác mà Trung Quốc có thể gắn kết khu vực với nhau là thông qua quy chế kinh tế và các hình thức kiểm soát — cả cưỡng chế và đồng thuận. Như chương tiếp theo trình bày, các công cụ kinh tế giống như các thể chế đa phương ở ít nhất một khía cạnh quan trọng: cả hai đều là yếu tố bề ngoài của luật pháp tự do, và cả hai đều có thể được sử dụng lại cho các mục tiêu chính trị trần trụi hơn như xây dựng trật tự khu vực.

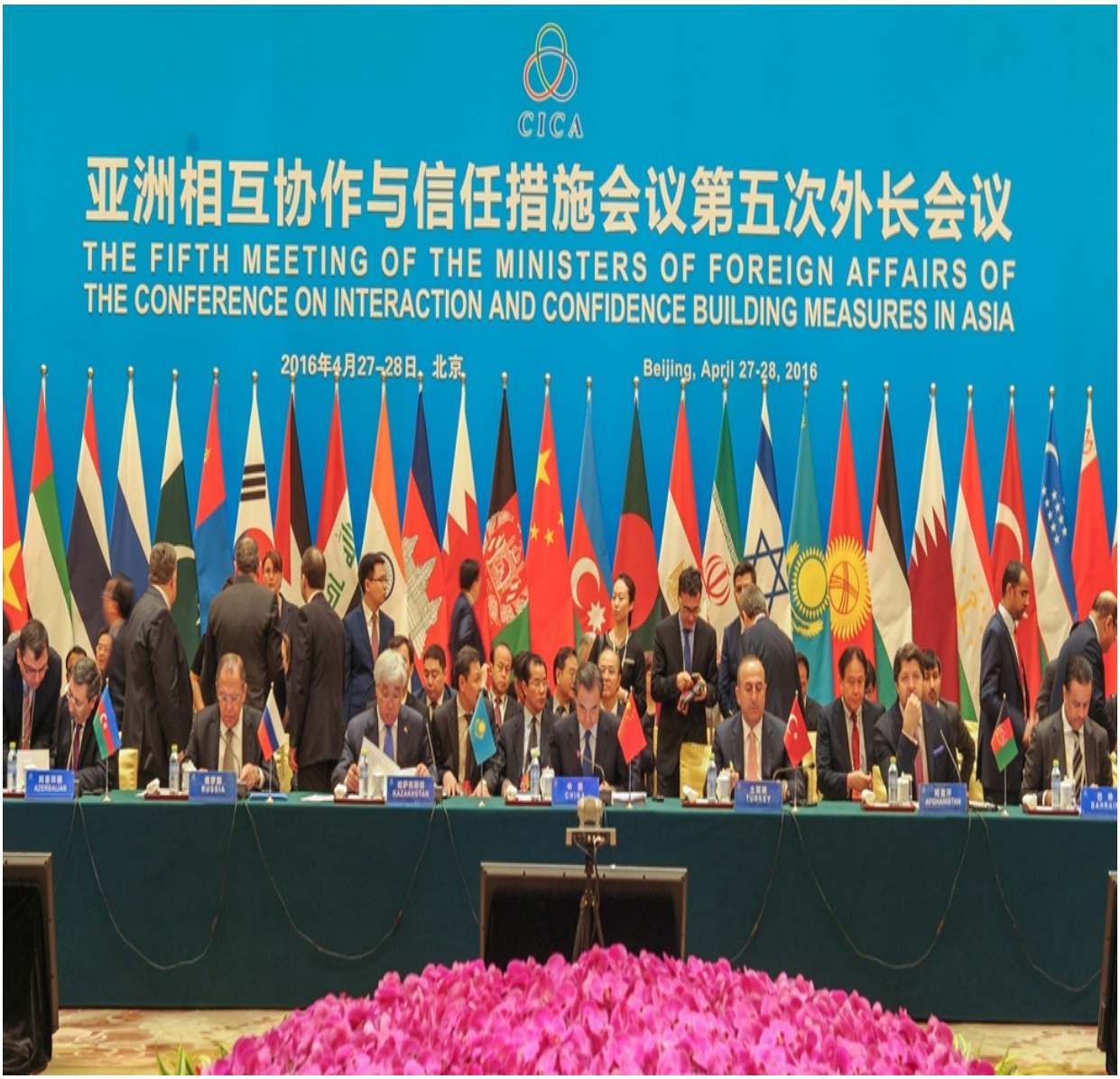
CICA
亚洲相互协作与信任措施会议第五次外长会议
THE FIFTH MEETING OF THE MINISTERS OF FOREIGN AFFAIRS OF
THE CONFERENCE ON INTERACTION AND CONFIDENCE BUILDING MEASURES IN ASIA
2016年4月27-28日，北京
Beijing, April 27-28, 2016
AZERBAIJAN
RUSSIA
KAZAKHSTAN
CHINA
TURKEY
AFGHANISTAN

LÊN CHUYẾN TÀU PHÁT TRIỂN CỦA CHÚNG TÔI

"Chúng ta phải tích cực tham gia và thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng các tuyến đường cao tốc, đường sắt, thông tin liên lạc và các kênh năng lượng xung quanh ở khu vực lân cận để tạo thành một mạng lưới cơ sở hạ tầng liên kết và tương thích xung quanh Trung Quốc." Hồ Cẩm Đào năm 2009, bốn năm trước khi ra mắt Sáng kiến Vành đai và Con đường.

THỰC HIỆN XÂY DỰNG KINH TẾ

Năm 2012, Giáo sư Vương Kiện Lâm - hiệu trưởng Trường Quan hệ Quốc tế của Đại học Bắc Kinh - đã xuất bản một bài báo có ảnh hưởng trên tờ báo lá cải theo chủ nghĩa dân tộc trên Global Times. Vương Kiện Lâm là một nhân vật có mối quan hệ tốt, từng là cố vấn không chính thức cho lãnh đạo tối cao Trung Quốc Hồ Cẩm Đào, và bài báo của ông ta mang tính khiêu khích. Ở phía đông, Trung Quốc phải đối mặt với những thách thức an ninh: tranh chấp hàng hải, chuỗi đảo, các nước láng giềng cảnh giác và Hải quân Mỹ. Vương lưu ý "Hành quân về phía tây" trên đất liền cung cấp một giải pháp thay thế hấp dẫn.

Ông Vương lập luận: "Không giống như Đông Á, không có liên minh quân sự khu vực do Mỹ dẫn đầu giữa các quốc gia ở phía tây, và không có khả năng một liên minh sẽ nảy sinh". cũng như khả năng dư thừa và dự trữ đô la để lấp đầy nó bằng các đường ống, đường sắt, đường cao tốc và thậm chí cả cơ sở hạ tầng Internet trên bộ sẽ làm giảm sự phụ thuộc của Trung Quốc vào biển và ràng buộc khu vực chặt chẽ hơn với Trung Quốc. Đây là một hình thức xây dựng trật tự, và mặc dù những ý tưởng mà Vương nêu ra đã được những người khác - kể cả Hồ Cẩm Đào, người đã kêu gọi xây dựng một mạng lưới cơ sở hạ tầng tương tự ở Trung Quốc những năm trước đó. Nhiều người trong giới tinh hoa Trung Quốc nói bài luận của Vương đã thu hút sự chú ý của giới lãnh đạo đất nước và giúp định hình các thành phần lục địa của Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI)

mà ông Tập sẽ khởi động vào năm tới. Nhưng có lẽ trọng tâm tương tự vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng đã được Hồ Cẩm Đào công bố nhiều năm trước đó trong bài phát biểu mà ông sử dụng để sửa đổi chiến lược lớn của Trung Quốc sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Bất kể Vương đã giúp xúc tác một sáng kiến mới hay thay vào đó giúp xác thực một sáng kiến, quỹ đạo chính sách ngày càng rõ ràng: Trung Quốc sẽ sử dụng sức mạnh kinh tế và chi tiêu cơ sở hạ tầng cho các mục đích địa chiến lược, bao gồm cả xây dựng trật tự.

Vương đã khuyến khích một Trung Quốc đang trỗi dậy tiến quân về phía tây để tránh một phía đông thù địch. Nhưng trước đó khoảng một thế kỷ, một nước Đức đang trỗi dậy đã quyết định tiến quân về phía đông để tránh phương tây thù địch. Ban lãnh đạo của Đức đã tìm cách xây dựng một tuyến đường sắt dài 1.000 dặm từ Berlin đến Baghdad và đi tới Vịnh Ba Tư. Đối với Đức, "tuyến đường sắt Berlin-Baghdad" sẽ không chỉ qua mặt được lực lượng hải quân ưu việt của Anh, mà nó còn lan rộng ảnh hưởng của Đức sâu hơn vào Trung Đông, mở ra Đế chế Ottoman như một thị trường xuất khẩu và nguồn cung cấp nguyên liệu thô, và cung cấp cho Đức cách để bảo vệ tài sản ở nước ngoài của mình ở Châu Phi. Tham vọng cơ sở hạ tầng lớn của Đức khi đó hầu như không có gì đặc biệt: Anh đã xây dựng kênh đào Suez, Mỹ xây dựng kênh đào Panama và người Nhật đã hy vọng xây dựng kênh đào của riêng họ qua "eo đất Kra" của Thái Lan để vượt qua sự kiểm soát của Anh đối với Singapore và Eo biển Malacca. Tất cả đều hiểu địa lý có thể định hình lại địa chính trị.

Dự án của Đức, có tiến bộ đáng kể nhưng không thể hoàn thành do Chiến tranh thế giới thứ nhất, có thể đã tạo ra một cuộc cách mạng về địa lý chiến lược của Âu-Á. Nhưng khi chương trình đó thất bại, Vành đai và Con đường của Trung Quốc vẫn tiếp tục về sau. Nói rộng hơn, việc Trung Quốc sử dụng các công cụ kinh tế để xây dựng trật tự, giống như của Đức, hầu như không bị giới hạn trong lĩnh vực tài trợ cơ sở hạ tầng. Giống như một nước Đức đang trỗi dậy lo ngại về sự kiểm

soát của Anh đối với tài chính và tìm cách giảm bớt nó, một Trung Quốc đang trỗi dậy từ lâu đã lo ngại về sự thống trị của đồng đô la Mỹ và tìm cách phá vỡ nó - cả để làm giảm sức mạnh của Mỹ và xây dựng lợi thế tài chính của riêng Trung Quốc.

Nỗ lực của Trung Quốc trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng và tài chính không được thúc đẩy chủ yếu bởi lợi ích kinh tế tuyệt đối hoặc yêu cầu của các nhóm lợi ích của Trung Quốc mà bởi mong muốn tăng cường đòn bẩy kinh tế. Đòn bẩy đó có thể có nhiều dạng, như Chương 6 đã thảo luận. Đòn bẩy kinh tế có thể là quan hệ, liên quan đến việc thao túng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia (ví dụ, một hiệp định thương mại song phương). Nó có thể là cấu trúc, liên quan đến việc định hình các hệ thống và khuôn khổ mà trong đó hoạt động kinh tế toàn cầu diễn ra (ví dụ: kiểm soát tiền tệ). Và nó có thể là đối nội, liên quan đến việc định hình lại chính trị nội bộ và sở thích của một nước (ví dụ: thu hút giới tinh hoa).

Chương này khám phá nỗ lực của Trung Quốc trong việc xây dựng các hình thức đòn bẩy này. Nó cho thấy Vành đai và Con đường của Trung Quốc và quy chế tài chính của nước này phần lớn bị ảnh hưởng bởi Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, khiến Bắc Kinh cảm thấy quyết đoán hơn trong việc sử dụng các công cụ kinh tế để xây dựng trật tự. Bây giờ chúng ta chuyển sang diễn ngôn thay đổi của Trung Quốc về kinh tế trước khi phân tích hành vi kinh tế của nước này.

Trong nhiều năm, các nỗ lực kinh tế của Trung Quốc tập trung vào việc giảm bớt đòn bẩy kinh tế của Mỹ và đảm bảo Trung Quốc có quyền tiếp cận thị trường, công nghệ và vốn để tiếp tục phát triển. Trong thời kỳ hậu khủng hoảng, các văn bản của Trung Quốc cho thấy chiến lược kinh tế của nước này đã thay đổi theo hai hướng chính. Thứ nhất, Trung Quốc tập trung vào thành phần kinh tế của “ngoại giao ngoại vi”, về mặt thực tế, nó mang hình thức xây dựng trật tự do Trung Quốc lãnh đạo thông qua việc tạo ra đòn bẩy kinh tế quan hệ, cấu trúc và đối nội-chính trị đối với các nước láng giềng Trung Quốc. Các công

cụ chính để tạo ra đòn bẩy này là các khoản đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng cũng như các biện pháp trừng phạt thương mại và thương mại nhượng bộ. Nghiên cứu thứ hai tập trung vào chủ nghĩa tích cực hơn trong tài chính toàn cầu, một lĩnh vực có nguy cơ bị tổn thương nghiêm trọng và ngày càng gia tăng đối với Hoa Kỳ. Ở đó, cách tiếp cận mới của Trung Quốc tập trung vào việc xây dựng các giải pháp thay thế cho kiến trúc tài chính của Hoa Kỳ. Cũng giống như trong thời kỳ suy thoái, không phải tất cả các hoạt động kinh tế của Trung Quốc trong thời kỳ xây dựng đều có động cơ chiến lược duy nhất, nhưng các công cụ kinh tế rõ ràng là một phần trong chiến lược lớn hơn của nước này.

SỰ THAY ĐỔI THỨ HAI TRONG CHIẾN LƯỢC

Trước cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, thậm chí vào cuối năm 2006, trọng tâm của Trung Quốc đã khác. Khi Trung Quốc xem xét các giả định về chính sách đối ngoại của mình trong Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương năm đó, trọng tâm chính của chiến lược lớn của họ rõ ràng là 'Ẩn mình chờ thời' và làm giảm bớt áp lực đối ngoại mà Trung Quốc phải đối mặt. Tuy nhiên, chỉ hai năm sau, cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu 2008 đã gây ra một sự thay đổi lớn hơn nhiều. Đánh giá của Trung Quốc về khoảng cách quyền lực tương đối với Hoa Kỳ đã giảm đáng kể, và Chủ tịch Hồ sau đó chính thức sửa lại 'Ẩn mình chờ thời' bằng cách nhấn mạnh "Tích cực hoàn thành một điều gì đó" trong bài phát biểu năm 2009.

Trong thời kỳ hậu khủng hoảng, cách tiếp cận kinh tế của Trung Quốc đã thay đổi, với việc Bắc Kinh tập trung nhiều hơn vào việc xây dựng trật tự trong khu vực lân cận. Thật vậy, trong bài phát biểu năm 2009 về việc thiết lập lại chiến lược lớn của Trung Quốc, Hồ đã kêu gọi "ngoại giao ngoại vi" lớn hơn và nhấn mạnh Trung Quốc hiện đã phải đối mặt với áp lực bên ngoài giảm và sẽ có quyền tự do điều động hơn trong khu vực. Sau cuộc khủng hoảng, ông tuyên bố, "về tổng thể môi trường chiến lược tiếp tục được cải thiện" và "ảnh hưởng của đất nước chúng ta ở khu vực ngoại vi ngày càng được mở rộng." Điều

này tạo cơ hội cho các hành vi kinh tế chủ động hơn, và do đó, Hồ đã tuyên bố "chúng ta phải tăng cường ngoại giao kinh tế". Bài phát biểu của ông nói rõ sự tập trung vào ngoại giao kinh tế sẽ diễn ra ở cả khu vực ngoại vi cũng như với hệ thống tài chính quốc tế.

Các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhấn mạnh những chủ đề này trong những năm tiếp theo. Như đã thảo luận ở Chương 7, "ngoại giao ngoại vi" tiếp tục chứng kiến sự nâng cao trong chiến lược lớn của Trung Quốc sau bài phát biểu của Hồ dưới tiêu điểm của "Cộng đồng chung vận mệnh". Năm 2011, Trung Quốc phát hành Sách trắng ủng hộ "Cộng đồng chung vận mệnh" ở châu Á, một khái niệm nhanh chóng trở thành viết tắt cho việc xây dựng trật tự của Trung Quốc ở châu Á. Hai năm sau, vào năm 2013, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị tuyên bố ngoại vi một "hướng ưu tiên" cho chính sách đối ngoại của Trung Quốc, bề ngoài là trên các trọng tâm khác như các cường quốc, và lần đầu tiên liên kết trực tiếp nó với khái niệm "Cộng đồng chung vận mệnh". Cùng năm đó, Chủ tịch Tập đã tổ chức một cuộc Làm việc chưa từng có tiền lệ. Diễn đàn về Ngoại giao Ngoại vi — cuộc họp đầu tiên tầm cỡ được triệu tập về chính sách đối ngoại kể từ năm 2006 và là cuộc họp đầu tiên về ngoại giao ngoại vi. Trong bài phát biểu của mình, ông đã nêu rõ tầm quan trọng trung tâm của ngoại giao ngoại vi trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc, nó cần cho sự trẻ hóa quốc gia và tuyên bố mục đích của nó là hiện thực hóa một "Cộng đồng chung vận mệnh" trong khu vực. Yan Xuetong viết "tầm quan trọng của các quốc gia ngoại vi hoặc láng giềng của Trung Quốc đối với sự trỗi dậy của nước này ngày càng quan trọng hơn tầm quan trọng của Hoa Kỳ", điều này có nghĩa là Trung Quốc đã nâng tầm khu vực ngoại vi để thay cho tập trung đối phó với các áp lực của Mỹ trước đây. Năm tiếp theo, tại Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương 2014 — một cuộc họp chính sách đối ngoại lớn chỉ được tổ chức bốn lần trong lịch sử Đảng và thường chỉ vào những thời điểm chuyển giao vĩ đại — ông Tập dường như đã nâng tầm ngoại giao thay vì tập

trung vào các cường quốc như Hoa Kỳ. Ngôn ngữ đó đã được lặp lại một lần nữa trong Báo cáo Công tác của Chính phủ năm 2014, cho thấy việc chính thức hóa nó. Tập thậm chí còn đưa ra "Cộng đồng chung vận mệnh", chủ đề chính của Diễn đàn Bác Ngao 2015 và Sách trắng năm 2017 của Trung Quốc về Hợp tác an ninh châu Á nêu rõ "Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nhiều lần xây dựng khái niệm về một cộng đồng chung vận mệnh trong nhiều dịp khác nhau. Trung Quốc đang nỗ lực xây dựng một cộng đồng có chung vận mệnh... ở châu Á và khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung." Các nguồn tin này đều cho thấy rõ ràng sự xuất hiện của việc xây dựng trật tự khu vực như một trọng tâm chính, nếu không phải là ưu tiên trung tâm, của đại chiến lược Trung Quốc.

Ngoài sự tập trung ngày càng tăng vào khu vực ngoại vi, Trung Quốc cũng bắt đầu tích cực hơn nhiều trong việc thúc đẩy cải cách tiền tệ quốc tế. Khi nghiên cứu về các giải pháp thay thế tài chính, từ năm 2008 trở đi, các quan chức Trung Quốc đã thực hiện bước chưa từng có khi thường xuyên kêu gọi đa dạng hóa tiền tệ và làm suy yếu vai trò tiền tệ dự trữ của đồng đô la. Những tuyên bố không chỉ được đưa ra bởi người đứng đầu Ngân hàng nhà nước Trung Quốc, mà còn được đưa ra bởi Chủ tịch Hồ và các nhà lãnh đạo cấp cao khác tại các diễn đàn kinh tế hàng đầu bao gồm cả G20. Chiến lược này đã được nêu rõ ràng trong bài phát biểu năm 2009 của chính Hồ và vẫn là một đặc điểm của chính sách Trung Quốc kể từ đó.

Những nỗ lực của Trung Quốc trong việc xây dựng trật tự khu vực đã xuất hiện theo tiêu chí đánh giá lời kêu gọi của Hồ là "Tích cực hoàn thành điều gì đó". Hồ tuyên bố Trung Quốc "phải tham gia tích cực hơn vào việc xây dựng các quy tắc và thể chế quốc tế", dự kiến sự ra đời của Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Châu Á (AIIB) và lãnh đạo CICA. Về các vấn đề tài chính, ông tuyên bố Trung Quốc "phải tích cực thúc đẩy hơn cải cách hệ thống kinh tế và tài chính quốc tế," để dẫn đến những nỗ lực mới nhằm thúc đẩy đa dạng hóa tiền tệ khỏi đồng đô la cũng như các cơ cấu tài chính song song, một dự án mà Hồ đã

tuyên bố sẽ cần được thực hiện “thông qua phối hợp và hợp tác phát triển”. Cuối cùng, ông đề xuất đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng như một phần trong chiến lược kinh tế của Trung Quốc. Dự đoán về BRI, Hồ tuyên bố “chúng ta phải tích cực tham gia và thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng các tuyến đường cao tốc, đường sắt, thông tin liên lạc và kênh năng lượng xung quanh ở vùng ngoại vi để tạo thành một mạng lưới cơ sở hạ tầng liên kết và tương hỗ xung quanh Trung Quốc.” Nói tóm lại, thương mại, cơ sở hạ tầng và đa dạng hóa tiền tệ đều là những yếu tố cốt lõi trong chiến lược kinh tế của Trung Quốc kể từ năm 2009.

Mối liên hệ giữa các nỗ lực kinh tế khu vực của Trung Quốc và việc xây dựng nó đã được thể hiện rõ ràng trong các bài phát biểu của Hồ cũng như của Tập. Bài phát biểu năm 2009 của Hồ nhấn mạnh “hoạt động ở một vùng ngoại vi tốt là một điều kiện bên ngoài quan trọng đối với Trung Quốc,” và nó đề xuất các thỏa thuận kinh tế mang tính nhượng bộ - và các thỏa thuận cơ sở hạ tầng “đặc biệt” - là một phần của ngoại giao ngoại vi. Trung Quốc cần phải “tuân thủ chính sách ngoại giao ngoại vi trở thành láng giềng và đối tác tốt, tăng cường hoạch định chiến lược cho toàn bộ khu vực ngoại vi, củng cố lòng tin lẫn nhau và thúc đẩy hợp tác.” Điều này có thể được thực hiện một phần bằng cách tạo ra sự bổ sung lớn hơn giữa nền kinh tế Trung Quốc và các nước láng giềng. Thật vậy, Hồ kêu gọi Trung Quốc “tăng cường lợi ích chung của đất nước chúng ta và các nước ngoại vi... chúng ta phải tập trung vào việc làm sâu sắc hơn hợp tác khu vực ở châu Á, chú ý thúc đẩy sự gắn kết hợp tác khu vực và tiểu vùng với chiến lược phát triển khu vực trong nước của Trung Quốc. Qua đó liên kết nền kinh tế Trung Quốc với các nước láng giềng. với một số lượng lớn các nước đang phát triển.”

Nhiều chủ đề trong số này đã được nhấn mạnh trong những năm tiếp theo. Sách Trắng năm 2011 của Trung Quốc, lần đầu tiên đưa ra khái niệm về một Cộng đồng chung vận mệnh, nhấn mạnh tầm quan trọng của “sự phụ thuộc lẫn nhau” cũng như các lợi ích “đan xen” và “liên kết với nhau”, về mặt thực tiễn có

nghĩa là sự phụ thuộc bất đối xứng vào Trung Quốc. Sách trắng cũng kêu gọi hợp tác khu vực theo các đường lối do Hồ đề xuất và được thực hiện đầy đủ hơn dưới thời Tập. Đối với khu vực ngoại vi, Trung Quốc chủ trương "tăng cường thương mại" và cho biết họ sẽ "thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực", quan tâm đến việc nhắc nhở các nước láng giềng "sự thịnh vượng, phát triển và ổn định lâu dài của Trung Quốc thể hiện cơ hội hơn là mối đe dọa đối với các nước láng giềng." Tất cả những điều này đều dự đoán việc công bố BRI 4 năm sau đó, cũng như các hiệp định thương mại nhượng bộ của Trung Quốc.

Dưới thời Chủ tịch Tập, những nỗ lực này đã được thảo luận một cách rõ ràng hơn. Về mặt kinh tế, trong Diễn đàn Công tác về Ngoại giao Ngoại vi năm 2013, ông Tập đã đề xuất cung cấp và tạo điều kiện cho sự phụ thuộc lẫn nhau, cả hai điều này sẽ "tạo ra một mạng lưới lợi ích chung chặt chẽ hơn và tích hợp tốt hơn lợi ích của Trung Quốc với [các nước láng giềng], để họ có thể hưởng lợi từ sự phát triển của Trung Quốc." Ông giải thích chính xác cách Trung Quốc sẽ làm điều này. Ông Tập tuyên bố: "Chúng ta phải nỗ lực hết sức để đạt được sự tương hỗ đôi bên cùng có lợi. Chúng ta phải lập kế hoạch tổng thể để sử dụng các nguồn lực của mình... [và] tận dụng các thế mạnh so sánh của mình, xác định chính xác các điểm hội tụ chiến lược để hợp tác cùng có lợi với các nước láng giềng và tham gia tích cực vào hợp tác kinh tế khu vực." Về mặt thực tế, ông tuyên bố, "chúng ta nên làm việc với các nước láng giềng để tăng tốc kết nối cơ sở hạ tầng giữa Trung Quốc và các nước láng giềng" và liệt kê rõ ràng BRI và AIIB là những công cụ để thực hiện điều đó. Ngoài ra, ông Tập muốn "tăng tốc việc thực hiện chiến lược các khu mậu dịch tự do" và đặt "các nước láng giềng làm cơ sở," một dấu hiệu khác cho thấy sự phát triển của vùng ngoại vi. Đầu tư mới cũng như liên kết tích cực giữa các khu vực biên giới Trung Quốc và các nước láng giềng cũng rất cần thiết. Mục tiêu tổng thể, ông Tập tuyên bố, là "tạo ra một mô hình hội nhập kinh tế khu vực mới", một mô hình mà ông đã tuyên bố nhiều lần sẽ được liên kết chặt chẽ với Trung Quốc. quyền tự do

điều động lớn và có khả năng hạn chế các nước láng giềng. Tại Diễn đàn BRI 2017, ông Tập đã nói rõ những nỗ lực này phù hợp với công việc của ông nhằm tạo ra một Cộng đồng Chung vận mệnh. Ông lập luận tất cả các bên tham gia BRI sẽ "tiếp tục tiến gần hơn tới một cộng đồng chung vận mệnh cho nhân loại. Đây là điều tôi đã nghĩ đến khi lần đầu tiên đưa ra Sáng kiến Vành đai và Con đường. Đó cũng là mục tiêu cuối cùng của sáng kiến." Trung Quốc đang tận hưởng "tốc độ phát triển nhanh chóng," ông nói trong một bài phát biểu khác và do đó sẽ "mở rộng vòng tay của chúng tôi với người dân các nước khác và chào đón họ trên con tàu tốc hành của sự phát triển với Trung Quốc." Tóm lại, đây là những phương tiện kinh tế và thể chế trọng tâm của chiến lược xây dựng trật tự khu vực của Trung Quốc.

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ BRI

Đầu tư cơ sở hạ tầng không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại và kết nối, nó còn mang lại cơ hội thực hành "dự báo sức mạnh kinh tế" —và thông qua đó, là cơ hội để định hình lại vị trí địa lý chiến lược của sự cạnh tranh giữa các cường quốc. Giống như các cường quốc trong quá khứ, Bắc Kinh đã sử dụng đầu tư cơ sở hạ tầng như một công cụ để xây dựng trật tự và ví dụ rõ ràng nhất về việc theo đuổi này là BRI của Trung Quốc cũng như các tổ chức tài chính hỗ trợ nó.

Mặc dù phần này lập luận nhiều dự án BRI có động cơ chiến lược, nhưng có một số giải thích thay thế phổ biến trong các tài liệu về BRI.

Thứ nhất, một số người tin BRI chủ yếu được thúc đẩy bởi việc Trung Quốc theo đuổi các lợi ích kinh tế tuyệt đối. Tuy nhiên, hầu hết các dự án đều thua lỗ, điều này làm dấy lên một số nghi ngờ về lời giải thích. Ví dụ: một phân tích cho thấy các dự án cảng của BRI, tạo thành một "trường hợp dễ dàng" để đánh giá lợi nhuận vì thương mại hàng hải vượt quá thương mại đường bộ, nhìn chung đang gặp khó khăn. Một phân tích về tài chính bởi tổ chức nghiên cứu C4ADS cho thấy "một số ví dụ rõ

ràng về khả năng sinh lợi - cho thấy Bắc Kinh đang tích cực tìm cách tận dụng năng lực địa chính trị của các dự án cảng của họ." Ví dụ, khoản đầu tư 8 tỷ đô la của Trung Quốc vào một cảng của Malaysia gần Eo biển Malacca được Ngân hàng Thế giới đánh giá là hoàn toàn dư thừa do các cảng hiện có gần đó vẫn hoạt động dưới công suất. Cảng Hambanatota của Trung Quốc ở Sri Lanka đã mất hàng triệu đô la kể từ khi nó mở cửa và hầu như không có lưu lượng hàng hóa thực tế (lưu lượng của nó bằng một phần của cảng lân cận ở Columbo), nhưng Trung Quốc vẫn chấp nhận các khoản nợ và thực hiện Hợp đồng thuê cảng trong 99 năm. Việc Trung Quốc xây dựng cảng Gwadar ở Pakistan tương tự không có lợi nhuận nhưng đầu tư của Trung Quốc vẫn tiếp tục, và Trung Quốc đã thực hiện hợp đồng thuê 40 năm. Không có cơ sở lý luận kinh tế nào cho những khoản đầu tư này, nhưng như chúng ta sẽ thấy, có bằng chứng về các động cơ chiến lược.

Thứ hai, một số giải thích cho vấn đề tài chính kém của các dự án bằng cách cho chúng có thể phục vụ lợi ích của các nhóm lợi ích được giao quyền lực. Đặc biệt, BRI được coi là một cách để hỗ trợ nền kinh tế nội địa của Trung Quốc bằng cách tạo cơ hội cho các ngành được kết nối của nước này tham gia vào các dự án cơ sở hạ tầng ở nước ngoài. Cách giải thích này cũng có vấn đề. Như David Dollar lưu ý, BRI sẽ đấu tranh để hấp thụ công suất thặng dư của Trung Quốc ngay cả trong những trường hợp lạc quan nhất. "Riêng về thép," ông lưu ý, "Trung Quốc sẽ cần thêm 60 tỷ đô la mỗi năm nhu cầu tăng thêm để hấp thụ công suất dư thừa. Con số này không bao gồm công suất dư thừa trong xi măng, xây dựng và máy móc hạng nặng." Ông kết luận BRI và các dự án mà nó hỗ trợ là "quá nhỏ để tạo ra bất kỳ vấn đề nào trong vấn đề dư thừa công suất của Trung Quốc - ngay cả khi nó là nhà cung cấp duy nhất cho các dự án này." Hơn nữa, tỷ lệ phần trăm ngày càng tăng của Các khoản vay từ Trung Quốc sẽ không được trả lại. Điều này đã xảy ra ở Sri Lanka và có thể chứng minh rõ trường hợp này ở các nước như Maldives, nơi khoảng 20% ngân sách được chi để trả nợ

cho Trung Quốc. có ý nghĩa kinh tế, nhưng nếu kết quả là tài sản chiến lược, thì nó thực sự có ý nghĩa chiến lược.

Thứ ba, một số người cho BRI không mang tính kinh tế hay chiến lược mà phần lớn được thúc đẩy bởi địa vị - họ coi đó là một dự án phù phiếm đối với Tập Cận Bình. Nhưng dòng thời gian không hỗ trợ tài khoản này. Nhiều dự án lớn (ví dụ, Gwadar, Hambanatota, và một số dự án đường sắt và khí đốt trên khắp Trung Á) không chỉ đi trước Tập và BRI của ông mà còn được mô tả rõ ràng về mặt chiến lược trong các bài phát biểu của chính phủ Trung Quốc, như chúng ta sẽ thấy.

Thứ tư, một số nhà phê bình cho BRI phần lớn là vô nghĩa. Họ lập luận nếu mọi thứ mà Trung Quốc làm bây giờ được chính phủ sắp xếp lại theo BRI - từ Con đường Tơ lụa hai cực đến những con đường không gian BRI được hình thành một cách mơ hồ - thì thuật ngữ này chẳng có nghĩa lý gì. Lời chỉ trích là hoàn toàn có cơ sở, nhưng ngay cả khi thương hiệu này đôi khi trống rỗng, nhiều dự án là khá thực tế. Chỉ tập trung hạn chế vào thương hiệu BRI đã che khuất cách cơ sở hạ tầng cả trong và ngoài chương trình tạo ra đòn bẩy kinh tế lâu dài. Nếu BRI được hiểu có nghĩa là những dự án trọng điểm ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương mà Trung Quốc đã theo đuổi trong nhiều năm — dĩ nhiên là trọng tâm ban đầu của sáng kiến — thì có rất ít nghi vấn nhiều dự án ở vùng ven được thúc đẩy bởi các thiết kế chiến lược.

Được hiểu theo những thuật ngữ hẹp hơn, BRI ít nhất cũng giống như nhiều — và có thể hơn nhiều — một sáng kiến chiến lược hơn là một sáng kiến kinh tế và nó tạo ra nhiều dạng đòn bẩy quan hệ, cấu trúc cần thiết cho trật tự. Bây giờ chúng ta xem xét từng thứ trong số ba điều này.

ĐÒN BẨY QUAN HỆ

Đầu tiên, BRI tạo ra một số dạng đòn bẩy quan hệ quan trọng. Nó tạo ra đòn bẩy tài chính đối với những nước chấp nhận các khoản vay từ Bắc Kinh, chẳng hạn như Sri Lanka và Maldives, những người sau đó không có khả năng trả lại. Trong trường

hợp của Maldives, như đã thảo luận trước đó, khoảng 20% ngân sách của quốc gia hiện dùng trả lãi suất cho các khoản vay của Trung Quốc. Tại Sri Lanka, các khoản trả nợ hàng năm - hầu hết là cho Trung Quốc - hiện bằng gần như toàn bộ doanh thu của chính phủ Sri Lanka. Lãi suất cũng ở mức cắt cổ, gần 6% đối với việc mở rộng Hambanatota so với khoảng 3% đối với các khoản vay cơ sở hạ tầng của Nhật Bản. Quốc gia không có khả năng trả nợ Trung Quốc đôi khi đã vay thêm từ các ngân hàng riêng biệt ở Bắc Kinh, làm sâu thêm chu kỳ nợ.

BRI cũng tạo ra khả năng phụ thuộc lẫn nhau trong thương mại bất đối xứng, đặc biệt khi kết nối được tăng cường làm tăng hiệu quả thương mại song phương giữa Trung Quốc và các nước láng giềng và tạo ra sự phụ thuộc vào Trung Quốc. Đặt Trung Quốc vào vị trí trung tâm của các nền kinh tế châu Á rõ ràng là quan điểm chiến lược. Trong bài phát biểu tại Diễn đàn Công tác về Ngoại giao ngoại vi năm 2013 trước khi BRI hoàn thiện, ông Tập đã thảo luận về cách thức đầu tư cơ sở hạ tầng và AIIB sẽ "tăng tốc kết nối cơ sở hạ tầng giữa Trung Quốc và các nước láng giềng" và "tạo ra một mạng lưới lợi ích chung chặt chẽ hơn, và tích hợp tốt hơn lợi ích của Trung Quốc với [các nước láng giềng], để họ có thể hưởng lợi từ sự phát triển của Trung Quốc." Năm 2017, ông Tập đã liệt kê rõ ràng BRI như một phần trong nỗ lực của mình nhằm tạo ra một Cộng đồng chung vận mệnh ở châu Á, và một số bài phát biểu nêu rõ sự phụ thuộc lẫn nhau và các nền kinh tế đan xen với Trung Quốc là tiêu chí chính cho một cộng đồng như vậy. Nhiều quan điểm giống nhau này đã được đưa ra bởi nhiều quan chức hàng đầu, bao gồm Zheng Xinli, nhân vật cấp cao của Văn phòng Nghiên cứu Trung ương Đảng, người đã đề xuất AIIB, cho thấy vai trò trung tâm của họ đối với BRI. Trong các nguồn không chính thức, nhiều học giả đã hy vọng kiểu phụ thuộc lẫn nhau này sẽ hạn chế các nước láng giềng của Trung Quốc.

Cuối cùng, ngoài đòn bẩy quan hệ thông qua tài chính và thương mại, BRI tạo ra đòn bẩy bảo trì do nhiều dự án của Trung Quốc sẽ yêu cầu kỹ sư Trung Quốc đảm nhiệm, đặc biệt

vì các công ty nhà nước Trung Quốc thống trị nhiều thị trường này, từ thủy điện đến đường sắt cao tốc.

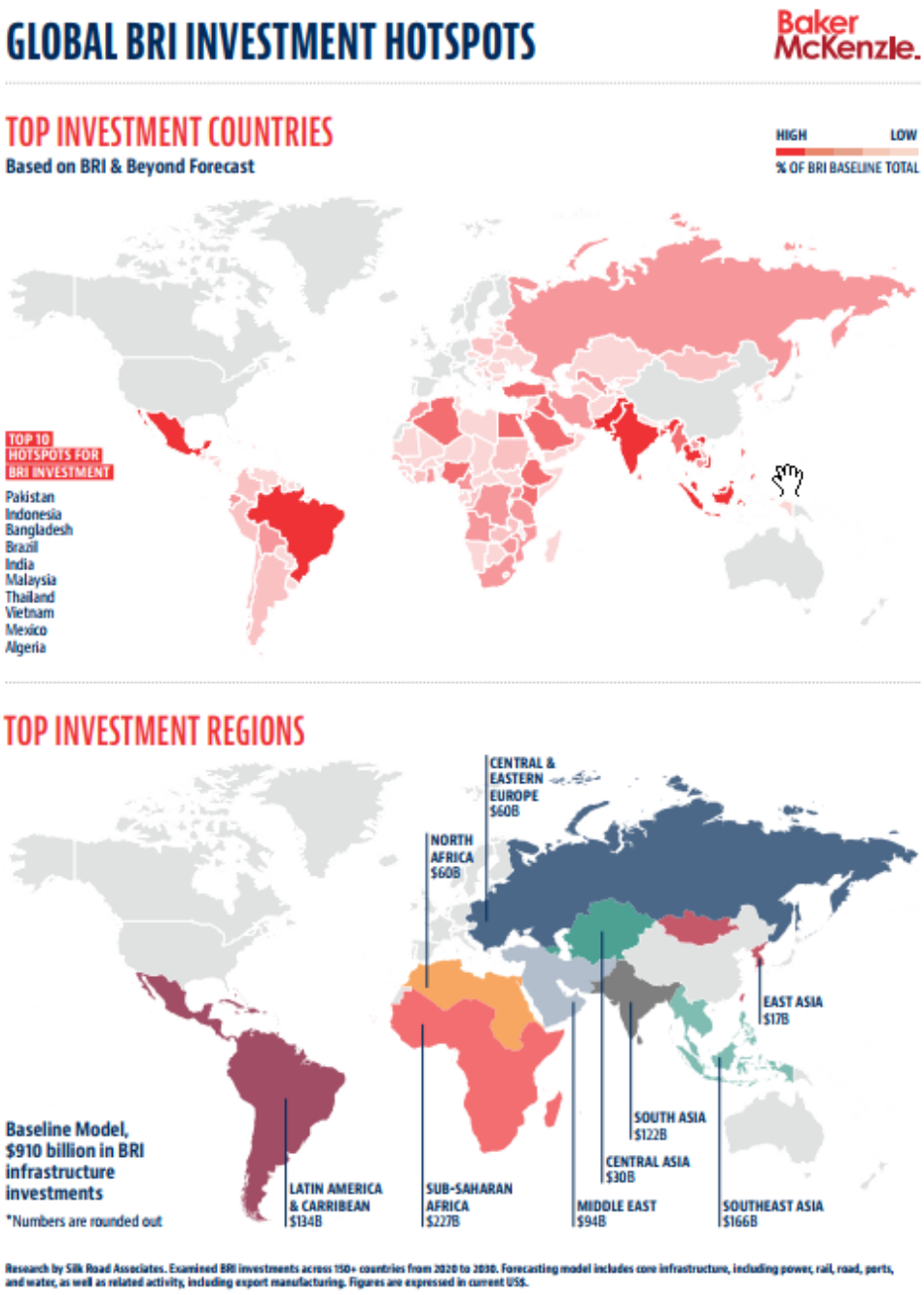

MỨC ĐỘ CẤU TRÚC

Ở cấp độ cấu trúc, BRI cho phép Bắc Kinh tạo ra kết nối về cơ bản loại trừ các quốc gia khác. Một hình thức của việc này là thông qua các cảng thương mại, theo một cách nào đó tạo

thành các điểm nghẽn mới của thương mại hàng hải, và một số lượng ngày càng tăng được vận hành hoặc cho thuê bởi các công ty nhà nước Trung Quốc - có thể tạo ra đòn bẩy kinh tế quan trọng đối với cấu trúc thương mại châu Á. Ví dụ, dự án cảng của Trung Quốc ở Colombo, Sri Lanka, có thể tạo ra một "điểm nghẽn nhân tạo" nằm dưới sự kiểm soát của Trung Quốc một cách hiệu quả. Gần 30% thương mại hàng hải trong tương lai của Ấn Độ có khả năng đến thông qua Colombo, nơi các tàu container lớn chuyển hàng hóa của họ lên các tàu nhỏ hơn sau đó vào các cảng của Ấn Độ. Điểm nghẹt nhân tạo đó trên thực tế được kiểm soát 85% bởi China Merchants Holding Corporation (CMH) — mà bây giờ cũng quản lý cảng Hambanatota — và đương nhiên là do chính phủ Trung Quốc kiểm soát. Đầu tư của Trung Quốc vào cảng dường như không mang lại lợi ích kinh tế. Trên thực tế, cảng Colombo đang thực sự thua lỗ đáng kể và dự kiến sẽ không hòa vốn trong ít nhất mười năm nữa. Tình hình tài chính tồi tệ đến mức Aiken Spence, một công ty tư nhân là đối tác lớn của khu vực tư nhân với CMH - và không giống như chính phủ Trung Quốc, thực sự tìm kiếm lợi nhuận - cảm thấy buộc phải bán cổ phần của mình trong dự án, có lẽ là một động lực chiến lược giải thích cho sự kiên định của Trung Quốc đối với một dự án kinh tế đáng ngờ như vậy. Tương tự, CMH đã bắt đầu xây dựng sơ bộ một cảng khổng lồ trị giá 11 tỷ đô la ở Bagamoyo, Tanzania - đây sẽ là cảng lớn nhất châu Phi. Nó sẽ được kết nối bằng đường sắt do Trung Quốc xây dựng đến các quốc gia cung cấp tài nguyên bị khóa chặt trên đất liền như Cộng hòa Dân chủ Congo, Zambia, Rwanda, Malawi, Burundi và Uganda. Các nước này sẽ phụ thuộc vào cảng Bagamoyo để tiếp cận thị trường quốc tế, có khả năng sẽ do CMH quản lý, tạo ra một điểm nghẽn do Trung Quốc làm chủ ở phía tây Ấn Độ - Thái Bình Dương.

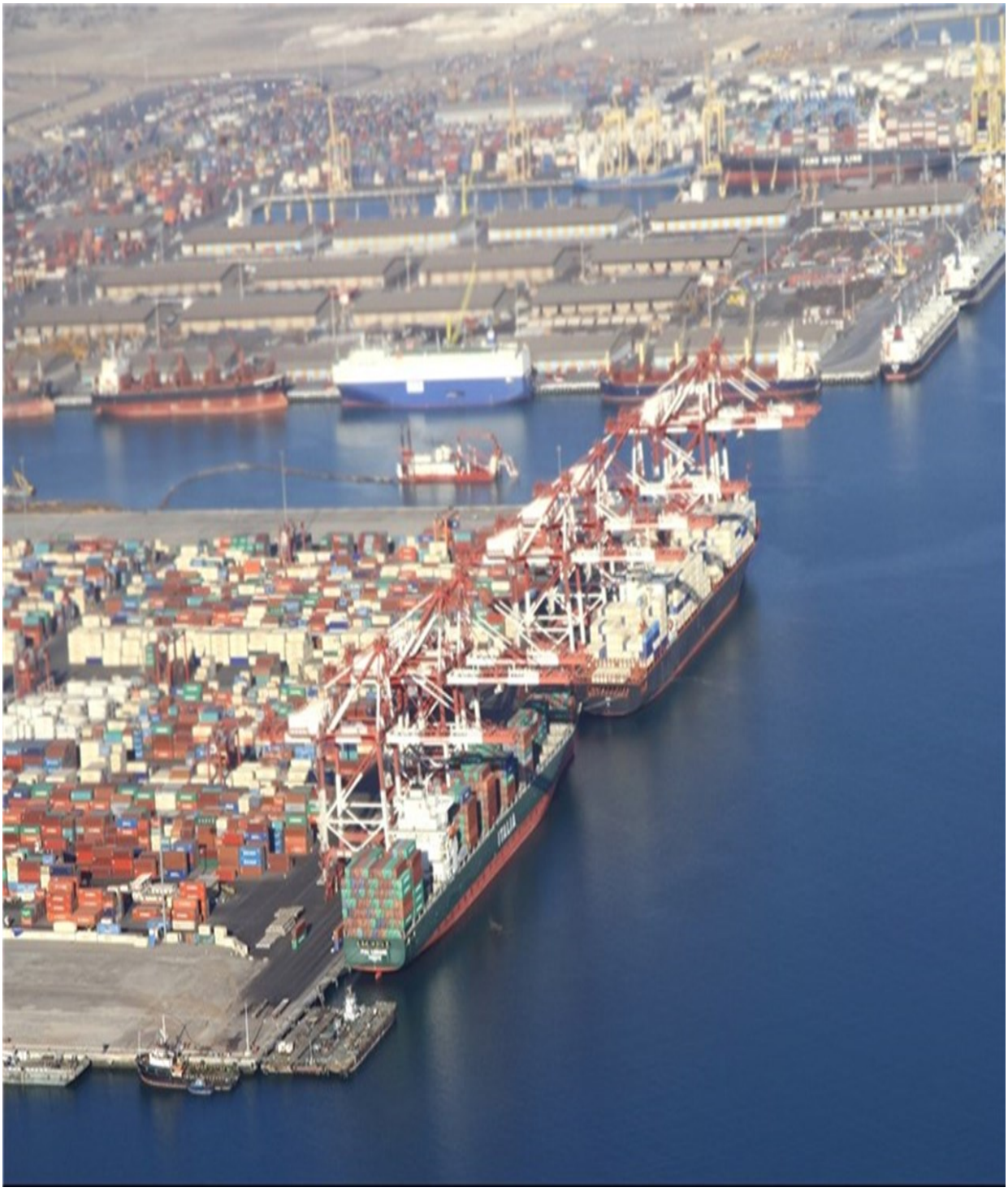

cảng Bagamoyo

Ngoài ra, khả năng Bắc Kinh sẽ xuất khẩu không chỉ các tiêu chuẩn kỹ thuật của mình trên cơ sở hạ tầng truyền thống như đường sắt mà còn cả cơ sở hạ tầng công nghệ cao mới hỗ trợ

Internet hoặc 5G tạo ra sự phụ thuộc vào đường dẫn trong kết nối — nghĩa là, nó có thể giúp Bắc Kinh dễ dàng hơn nhiều. khóa chặt mối quan hệ của mình với các quốc gia châu Á và khó hơn nữa để các quốc gia đó đa dạng hóa sang các nước phương Tây. Ví dụ, người ta có thể tưởng tượng các phương tiện tự hành do Mỹ sản xuất trong tương lai có thể không thể kết nối với mạng không dây của Trung Quốc ở các nước BRI.

ĐÒN BẨY TRONG NƯỚC

Cuối cùng, ở cấp độ chính trị trong nước, BRI tạo ra những cơ hội rõ ràng để mua chuộc các khu vực bầu cử quyền lực ở các nước tiếp nhận, làm thay đổi nền chính trị của họ. Thật vậy, Trung Quốc đã sử dụng các doanh nghiệp nhà nước (SOEs) của mình tham gia vào các dự án này một cách rõ ràng cho mục đích đó. New York Times xác nhận "trong cuộc bầu cử năm 2015 ở Sri Lanka, các khoản thanh toán lớn từ quỹ xây dựng cảng của Trung Quốc đã chuyển trực tiếp đến các trợ lý chiến dịch và các hoạt động cho ông Rajapaksa." Thật vậy, số tiền được giải ngân trực tiếp từ DNNN Trung Quốc ký hợp đồng xây dựng cảng từ tài khoản của mình tại ngân hàng Standard Chartered trực tiếp đến các chi nhánh của Thủ tướng Rajapaksa lúc bấy giờ — bao gồm khoảng 3.7 triệu USD chưa đầy mười ngày trước cuộc bầu cử. Các báo cáo tương tự cho thấy các công ty Trung Quốc bao gồm China Harbour, và cả Công ty Xây dựng Truyền thông Trung Quốc, đã hối lộ các quan chức cấp cao ở Bangladesh và Philippines.

Phải thừa nhận các hình thức đòn bẩy trước đây vẫn tồn tại bất kể Bắc Kinh có dự định hay không, nhưng một số bằng chứng cho thấy trong nhiều trường hợp, những hình thức này được cố ý mua lại và không khôn ngoan về mặt kinh tế - do đó gợi ý mạnh mẽ cơ sở hạ tầng là một phần quan trọng trong chiến lược lớn hơn của Trung Quốc.

Ý NGHĨA QUÂN SỰ

Một số dự án BRI rõ ràng có ý nghĩa quân sự, tạo cơ hội cho các cơ sở ở nước ngoài, như Chương 8 và Chương 12 sẽ thảo

luận chi tiết hơn. Nếu Bắc Kinh muốn xây dựng trật tự ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, họ cần có khả năng đảm bảo quân đội có thể phát huy sức mạnh trên những khoảng cách rộng lớn. Các dự án cảng của Bắc Kinh mang lại khả năng tiếp tế trên khắp Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, do đó không chỉ Trung Quốc có thể đảm bảo các dòng tài nguyên của mình khỏi sự can thiệp của Mỹ hoặc Ấn Độ mà còn cung cấp khả năng can thiệp ở nước ngoài nếu cần. Theo đó, các dự án cảng là ưu tiên trong một số tài liệu quy hoạch BRI bị rò rỉ, trong đó chính phủ Trung Quốc khẳng định "đẩy nhanh sự phát triển của kế hoạch xây dựng Con đường Tơ lụa trên biển" với "ưu tiên xây dựng cảng".

Cụ thể hơn, các quan chức quân sự hàng đầu của Trung Quốc đã nói riêng với các phái đoàn nước ngoài các dự án cảng được xây dựng như mục đích lưỡng dụng vì Trung Quốc hy vọng họ sẽ sử dụng chúng trong tương lai cho các mục đích quân sự — và căn cứ quân sự ở nước ngoài đầu tiên của Trung Quốc ở Djibouti cùng với hòn đảo quân sự hóa của họ - xây dựng ở Biển Đông, cả hai đều đi ngược lại những lời hứa trước đây mà Bắc Kinh đã đưa ra về căn cứ và quân sự hóa, cung cấp bối cảnh quan trọng cho những bình luận này. Khi Sri Lanka về cơ bản bán cảng của mình cho Trung Quốc, các quan chức chính phủ Trung Quốc đã từ chối xem xét bất kỳ lựa chọn nào thiếu vốn chủ sở hữu của Trung Quốc, điều đó cho thấy tiếp quản cảng từ lâu đã là sở thích của họ. Các quan chức Trung Quốc cũng để ngỏ câu hỏi về việc liệu quân đội Trung Quốc có thể sử dụng cơ sở hay không - chỉ có sự can thiệp của Ấn Độ mới cho phép chèn một điều khoản yêu cầu Trung Quốc phải xin phép Sri Lanka trước khi sử dụng cảng cho mục đích quân sự.

Căn cứ quân sự ở nước ngoài đầu tiên của Trung Quốc ở Djibouti

Cuối cùng, một số nguồn tin gần như chính thức đã thảo luận về các dự án cảng như những khoản đầu tư quân sự dài hạn. Zhou Bo, một thành viên của Học viện Khoa học Quân sự Trung Quốc, thừa nhận "việc tiếp cận, thay vì các căn cứ, là điều mà Hải quân Trung Quốc thực sự quan tâm ở Ấn Độ Dương." Việc tiếp cận tất nhiên vẫn tạo điều kiện cho mục tiêu thể hiện sức mạnh thông qua những điều quan trọng này. Như Zhou Bo và những người khác thừa nhận, thành phần quan trọng của việc đạt được quyền tiếp cận là thông qua việc sử dụng các dự án cảng như vậy. Xu Guangyu, cựu phó chủ tịch Viện Quốc phòng PLA, lưu ý các dự án cảng thương mại của Trung Quốc ở những nơi như Tanzania đều có mục đích quân sự. Ông lập luận "khi Hải quân Trung Quốc ngày càng đi xa hơn, họ cần thiết lập một cơ sở tiếp tế để hỗ trợ hạm đội... đây là nhu cầu bình thường,

nhưng các nước không quen với việc Trung Quốc đi vào vùng nước xanh.” Chủ tịch Viện Quân sự Ma Cao lập luận các cảng như vậy có “mục đích sử dụng quân sự tiềm năng” nhưng Trung Quốc sẽ không cho phép tàu chiến cập cảng ở đó cho đến sau một thời gian khi cảng xây dựng xong, và thậm chí sau đó, có khả năng sẽ chỉ sử dụng các cảng khi cần thiết. tránh thổi bùng ngọn lửa của “lý thuyết về mối đe dọa của Trung Quốc”.

BRI rất phức tạp và không một lời giải thích nào có thể giải thích cho mọi khoản đầu tư kinh tế của Trung Quốc ra nước ngoài. Tuy nhiên, điều mà phần này gợi ý là Trung Quốc không khác với các cường quốc đi trước: họ cũng đang sử dụng cơ sở hạ tầng trong một số trường hợp quan trọng nhất định để tăng cường mối quan hệ, cấu trúc và đòn bẩy chính trị trong nước cũng như để tiếp cận quân sự. đến các vùng nước mà nó phụ thuộc. Tất cả những điều này phần lớn không thể tưởng tượng được khi Trung Quốc chỉ đơn thuần theo đuổi việc loại bỏ sức mạnh của Mỹ và đó là bằng chứng mạnh mẽ về việc Trung Quốc chuyển sang tập trung vào xây dựng trật tự khu vực.

XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH

Được khuyến khích một phần bởi cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu 2008, Trung Quốc đã đầu tư vào một số tổ chức song song để trao cho họ quyền lực cơ cấu đối với nền tài chính toàn cầu. Sức mạnh tài chính đến từ vị trí trung tâm của đồng tiền đối với nền tài chính toàn cầu, và trong trường hợp của Mỹ, nó đến từ quyền bá chủ của đồng đô la, cho phép Hoa Kỳ “biến các ngân hàng và tổ chức tài chính thành công cụ chính sách, ngay cả khi chúng có trụ sở bên ngoài Hoa Kỳ.” Quyền bá chủ tài chính của Mỹ vừa là ví dụ về cách Trung Quốc có thể xây dựng trật tự vừa là mối đe dọa mà Trung Quốc phải dập tắt.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và sự suy giảm uy tín của mô hình kinh tế Mỹ đã thúc đẩy nỗ lực phối hợp của Trung Quốc nhằm từng bước xây dựng các nguồn sức mạnh cơ cấu đối với nền kinh tế toàn cầu đồng thời làm suy giảm sức mạnh tài chính của Mỹ. Các nỗ lực của Trung Quốc đã được trải

rộng trên ba lĩnh vực rộng lớn. Đầu tiên, Trung Quốc tìm cách làm suy yếu dần đồng đô la trong khi thúc đẩy đồng tiền của chính mình; thứ hai, nó theo đuổi các giải pháp thay thế cho hệ thống thanh toán liên ngân hàng SWIFT để làm suy yếu đòn bẩy của phương Tây và cho phép Trung Quốc kiểm soát các khoản thanh toán bằng đồng nhân dân tệ; thứ ba, nó tìm cách thúc đẩy các lựa chọn thay thế cho "ba cơ quan xếp hạng tín dụng lớn" đặt tại Hoa Kỳ, những cơ quan xếp hạng định hình thị trường vốn và có thể ảnh hưởng đến số phận của các quốc gia và công ty. Mặc dù một số người có thể tranh luận nỗ lực của Trung Quốc được thúc đẩy bởi việc theo đuổi lợi ích kinh tế tuyệt đối hoặc sức mạnh của hành lang nhóm lợi ích, như phân tích trong phần này sẽ chứng minh, đây không phải là trường hợp; thay vào đó, lời giải thích tốt nhất cho việc Trung Quốc thúc đẩy tài chính toàn cầu vẫn là một chiến lược lớn. Sức mạnh cấu trúc của Mỹ không thể bị bỏ qua nếu không rời khỏi hệ thống, đó sẽ là sự tự sát về kinh tế, hoặc xây dựng một hệ thống cơ sở hạ tầng song song - theo đó, Trung Quốc đã chọn phương án thứ hai.

ĐA DẠNG HÓA ĐỒNG ĐÔ LA VÀ KHUYẾN KHÍCH ĐỒNG NHÂN DÂN TỆ

Sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, Trung Quốc bắt đầu kêu gọi một hệ thống tiền tệ quốc tế đa dạng với vai trò giảm bớt với đồng đô la và các lựa chọn thay thế như quyền rút vốn đặc biệt (SDR) của IMF cũng như đồng Nhân dân tệ (RMB). Điều này có thể được thúc đẩy bởi các hoạt động theo đuổi kinh tế hoặc quyền lực của nhóm lợi ích? Wang Hongying trả lời là không, lưu ý vị trí của Trung Quốc "không thể được giải thích một cách gọn gàng về lợi ích kinh tế của họ." Sự sụt giảm đáng kể về giá trị của đồng đô la sẽ gây thiệt hại cho nền kinh tế tập trung vào xuất khẩu của Trung Quốc và làm giảm giá trị tài sản khổng lồ của Trung Quốc. tài sản bằng đô la.

Thay vào đó, Wang lập luận những lo ngại về bản sắc dân tộc giải thích cho chính sách của Trung Quốc, nhưng có bằng chứng chống lại lời giải thích này. Trong các tài liệu nội bộ, bao gồm cả bài phát biểu tại Diễn đàn Công tác Kinh tế Trung ương, lời

kêu gọi giảm bớt vai trò của đồng đô la của Hồ Cẩm Đào không đi kèm với bất kỳ lời hùng biện dân tộc chủ nghĩa nào về địa vị của Trung Quốc, cũng như các tuyên bố của ông tại G20. Hơn nữa, trong những lời chỉ trích của mình về đồng đô la, Hồ thường không kêu gọi quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ mà một nhà lãnh đạo theo chủ nghĩa dân tộc hơn có thể tìm kiếm như một dấu hiệu của địa vị.

Thay vào đó, các hành động của Trung Quốc cho thấy hy vọng mãnh liệt và lâu dài về một kiến trúc kinh tế quốc tế trong đó đồng đô la chỉ là một trong số nhiều loại tiền tệ dự trữ và cũng hợp lý khi thấy Trung Quốc ủng hộ đồng Nhân dân tệ trong những điều kiện như vậy. Bắc Kinh ngày càng chuyển sang quốc tế hóa đồng nhân dân tệ như một công cụ để không chỉ thúc đẩy đa dạng hóa mà còn xây dựng nền tảng cho sức mạnh cơ cấu của chính Trung Quốc trên khắp châu Á.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đánh dấu sự khởi đầu của nỗ lực này. Sau cuộc khủng hoảng, ban lãnh đạo Trung Quốc ngày càng đặt câu hỏi về tình trạng dự trữ tiền tệ của đồng đô la. Tất nhiên, nhiều quan chức Trung Quốc trong nhiều thập kỷ đã chỉ trích trật tự kinh tế quốc tế là không công bằng và kêu gọi cải cách và các quan chức ngân hàng trung ương hàng đầu đã có lúc chỉ trích hệ thống tiền tệ 'phi lý' và thúc giục giám sát tiền tệ nhiều hơn đối với các nền kinh tế tiên tiến. Theo nghĩa này, cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu 2008 đánh dấu sự thay đổi ít hơn về sở thích của Trung Quốc và nhiều hơn vào sự tự tin của nước này có thể định hình lại cấu trúc kinh tế quốc tế xung quanh mình. Theo đó, như Gregory Chin lưu ý, sau cuộc khủng hoảng "Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nâng chính sách tài chính tiền tệ và ngoại giao tiền tệ lên ưu tiên hàng đầu." Cùng năm khủng hoảng nổ ra, Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương của Trung Quốc đã đặt một Đường lối của Đảng về chính sách tiền tệ và nhanh chóng kết luận "đa dạng hóa tiền tệ quốc tế sẽ có tiến bộ, nhưng vị thế của đồng đô la Mỹ với tư cách là đồng tiền quốc tế chính về cơ

bản không thay đổi.” Nói cách khác, cần có nỗ lực phối hợp để thúc đẩy đa dạng hóa.

Một biểu tượng quan trọng và là người đề xướng nỗ lực này là Chủ tịch Hồ Cẩm Đào, người nhanh chóng “trở thành người phát ngôn hàng đầu về tư duy tiền tệ toàn cầu của Trung Quốc”. Điều này đánh dấu sự thay đổi so với thập kỷ trước khủng hoảng khi quy chế tiền tệ của Trung Quốc chủ yếu là “do các nhà kỹ trị cấp cao từ ngân hàng trung ương, và ở mức độ thấp hơn là bộ tài chính.” Tại cuộc họp G20 năm 2008, cơ quan đầu tiên được triệu tập để phối hợp ứng phó với cuộc khủng hoảng, Chủ tịch Hồ kêu gọi lãnh đạo mỗi nước “cải thiện hệ thống tiền tệ quốc tế và thúc đẩy đều đặn việc đa dạng hóa hệ thống tiền tệ quốc tế.” Những quan điểm này đã được thể hiện nhiều hơn hình thức hoạt động trong một bài luận năm 2009 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Trung Quốc lúc đó là Zhou Xiaochuan, người đã đặc biệt ủng hộ SDR như một giải pháp thay thế cho hệ thống dựa trên đồng đô la. Trong một bài luận đầy tính khiêu khích có tựa đề “Cải cách Hệ thống Tiền tệ Quốc tế” được hẹn trước tác động ngay trước hội nghị thượng đỉnh G20 ở London năm 2009, Chu lập luận việc sử dụng đồng đô la Mỹ làm đồng tiền dự trữ “là một trường hợp đặc biệt hiếm hoi trong lịch sử” và “cuộc khủng hoảng một lần nữa kêu gọi cải cách sáng tạo hệ thống tiền tệ quốc tế hiện có.” Mặc dù Chu chỉ ngầm đề cập đến đồng đô la, nhưng Hồ đã trực tiếp hơn về ý định đa dạng hóa đồng đô la của mình tại Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương năm 2009 được tổ chức ngay sau khi bài luận của Chu được xuất bản: “Kể từ cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế, cộng đồng quốc tế nhìn chung đã công nhận. Nguyên nhân chính dẫn đến sự mất cân đối trong nền kinh tế thế giới và của cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế là nhược điểm cố hữu liên quan đến hệ thống tài chính tiền tệ quốc tế do đô la Mỹ chi phối.” Vì lý do đó, “thúc đẩy đa dạng hóa và hợp lý hóa hệ thống tiền tệ quốc tế” là điều cần thiết để cải cách. Hồ rõ ràng việc làm suy yếu tính trung tâm của đồng đô la là một mục tiêu quan trọng, nhưng nó sẽ không nhanh chóng. “Đồng thời,” Hồ

tiếp tục, “chúng ta phải thấy vị trí thống trị của đồng đô la Mỹ được xác định bởi sức mạnh kinh tế và sức mạnh quốc gia toàn diện của Hoa Kỳ, và trong một thời gian dài sẽ tương đối khó khăn để thay đổi nó về cơ bản.” Chiến lược của Trung Quốc sẽ được kéo dài: “Chúng ta phải tuân thủ các nguyên tắc toàn diện, cân bằng, dần dần và hiệu quả trong việc thúc đẩy cải cách hệ thống tiền tệ quốc tế.” Trong vài năm tới, tại các cuộc họp kinh tế đa phương lớn - bao gồm hầu hết các hội nghị thượng đỉnh G20, Hội nghị thượng đỉnh BRICS và hội nghị thượng đỉnh G8 + G5 — Chủ tịch Hồ hoặc các quan chức hàng đầu của Trung Quốc tiếp tục kêu gọi đa dạng hóa dự trữ, SDR và cải cách tiền tệ. Nhiều nước G7, bao gồm Vương quốc Anh, Canada và Nhật Bản, đều bảo vệ đồng đô la và đặt câu hỏi về “sự phù hợp” của việc Trung Quốc tập trung vào nó. Nhưng Trung Quốc tiếp tục thúc đẩy, một phần bởi vì, như Chủ tịch Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc Li Ruogu đã lưu ý, sức mạnh của đồng đô la rất nguy hiểm đối với Trung Quốc: “Mỹ đã sử dụng phương pháp này [thao túng đồng đô la] để lật đổ nền kinh tế Nhật Bản, và họ muốn sử dụng phương pháp này để kìm hãm sự phát triển của Trung Quốc.” Trung Quốc cần phải từ chối và bỏ qua sức mạnh này của Hoa Kỳ, và “chỉ bằng cách loại bỏ sự độc quyền của đồng đô la Mỹ,” ông lưu ý, liệu có thể cải cách hệ thống tiền tệ quốc tế hay không.

Quyền rút vốn đặc biệt, viết tắt là SDRs (Special Drawing Rights) là đơn vị tiền tệ qui ước của một số nước thành viên của Quỹ Tiền tệ Quốc tế. SDRs có mã tiền tệ ISO 4217 là XDR.

SDRs được Quỹ Tiền tệ Quốc tế đặt ra năm 1969 theo đề nghị của 10 nước trong Câu lạc bộ Paris gồm: Bỉ, Canada, Pháp, Ý, Nhật Bản, Hà Lan, Thụy Điển, Anh, Mỹ, Đức. Khi được khai sinh, SDRs là tài sản dự trữ có tính chất quốc tế nhằm bổ sung cho tài sản dự trữ của các quốc gia thành viên. Tại thời điểm này hệ thống tỷ giá hối đoái cố định trong khuôn khổ Hiệp ước Bretton Woods đang tồn tại nên các nước tham gia hiệp ước phải đảm bảo dự trữ vàng hoặc tiền tệ mạnh để có thể sử dụng nó mua vào nội tệ khi cần thiết nhằm duy trì tỷ giá hối đoái. Với sự phát

triển của thương mại và tài chính quốc tế, đến lúc đó nguồn lực dự trữ chủ yếu bằng vàng và USD của các quốc gia trở nên không đủ đáp ứng. SDRs ra đời cung cấp cho các quốc gia thành viên một nguồn lực bổ sung để có thể duy trì tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ. Quỹ tiền tệ quốc tế nhận tiền đóng góp (tương ứng là quyền biểu quyết) và sử dụng nguồn góp đó, cộng thêm với các tài trợ khẩn cấp đặc biệt để cho một số nước thành viên vay, nhằm ổn định cung cầu tiền tệ, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán ngắn hạn. Số tiền cụ thể mà mỗi quốc gia phải đóng góp được IMF xem xét quyết định căn cứ tình hình kinh tế của quốc gia đó. Trước ngày 1 tháng 4 năm 1978, cứ 5 năm một lần, IMF sẽ xem xét lại số tiền mà mỗi thành viên phải đóng góp (tăng lên hoặc giảm đi), từ ngày 1 tháng 4 năm 1978 trở đi, việc này được thực hiện 3 năm một lần.

SDRs có thể được sử dụng trong quan hệ tín dụng giữa các nước thành viên IMF với quỹ này cũng như trong thanh toán cán cân thương mại giữa các quốc gia.

Khi giải ngân, có thể quy đổi ra một loại tiền tệ mạnh nào đó như Đô la Mỹ, Euro, hoặc Yên Nhật... tùy tình huống.

SDRs cũng được sử dụng trong một số thỏa thuận, công ước quốc tế như Công ước Warsaw về trách nhiệm vật chất của các hãng hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa chuyên chở; sử dụng để tính toán cước bưu chính, viễn thông quốc tế theo thỏa thuận giữa các nước thành viên Liên minh Bưu chính Thế giới, Liên minh Viễn thông Quốc tế.

Tuy nhiên nó chỉ là đơn vị qui ước, chỉ được sử dụng để tính toán chứ không thực sự tồn tại trong lưu thông do vậy người ta không thể tiêu nó như các loại tiền tệ dùng trong lưu thông khác.

Bắc Kinh không chỉ tìm cách thúc đẩy đa dạng hóa tiền tệ quốc tế thông qua nhiệm vụ nhanh chóng áp dụng SDR và thông qua các thỏa thuận không chính thức về đa dạng hóa dự trữ của ngân hàng trung ương khỏi đô la và sang các loại tiền tệ khác, họ còn cẩn thận tìm cách thúc đẩy và quốc tế hóa đồng

Nhân dân tệ — đặc biệt là ở châu Á và với các nhà cung cấp hàng hóa của nó. Những sáng kiến này mang lại một số lợi ích kinh tế cho Trung Quốc, nhưng chúng cũng có thể phản ánh mong muốn của Bắc Kinh trong việc xây dựng sức mạnh cơ cấu bằng cách tăng cường sử dụng Nhân dân tệ trong các giao dịch quốc tế. Như Jonathan Kirchner lập luận, tóm tắt học thuật của mình về nỗ lực của các cường quốc nhằm quảng bá tiền tệ của họ, "Các quốc gia theo đuổi sự lãnh đạo của các trật tự tiền tệ khu vực (hoặc toàn cầu) hầu như luôn bị thúc đẩy bởi các mối quan tâm chính trị — cụ thể là mong muốn có được ảnh hưởng nâng cao hơn các nước khác." Ông lưu ý Pháp đã tìm cách thiết lập một khu vực phản công để loại trừ Đức vào những năm 1860; Đức Quốc xã và đế quốc Nhật Bản đã mở rộng tiền tệ của họ trong thế kỷ 20 để đạt được sức mạnh cơ cấu; và Hoa Kỳ cũng đã làm điều này sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Giống như rất nhiều nỗ lực của Trung Quốc nhằm định hình lại trật tự kinh tế toàn cầu, việc Trung Quốc thúc đẩy đồng Nhân dân tệ cũng bắt đầu sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu năm 2008. Sự hiểu biết thông thường cho vai trò của tiền tệ trong hệ thống quốc tế phụ thuộc vào khả năng chuyển đổi tài khoản vốn của quốc gia phát hành nó, việc sử dụng tiền tệ trong việc xác định và giải quyết các giao dịch tài chính và thương mại xuyên biên giới, và tỷ trọng của tiền tệ trong dự trữ ngân hàng trung ương, và Trung Quốc đã tăng nỗ lực của họ trong cả ba lĩnh vực sau năm 2008 ở các mức độ khác nhau. Trung Quốc đã thực hiện các bước cực kỳ khiêm tốn đối với khả năng chuyển đổi tài khoản vốn - nghĩa là cho phép tiền tệ của họ được trao đổi sang các loại tiền tệ khác thông qua các cơ chế thị trường thông thường - và cố gắng thúc đẩy đồng Nhân dân tệ như một khoản dự trữ tiền tệ.

Tuy nhiên, cuối cùng, nơi Trung Quốc tích cực nhất là trong việc thúc đẩy việc sử dụng đồng nhân dân tệ trong thương mại quốc tế, đặc biệt là thông qua việc ký kết hàng chục thỏa thuận hoán đổi với nhiều loại khác nhau để tạo thuận lợi cho

việc sử dụng đồng tiền của họ ở nước ngoài. Đến năm 2015, thanh toán thương mại bằng Nhân dân tệ đạt 1.1 nghìn tỷ USD - 30% tổng thương mại của Trung Quốc - từ mức gần như bằng 0 vào năm 2000. Nếu tỷ lệ này tăng lên, nó phần nào làm giảm tính dễ bị tổn thương của Trung Quốc trước sức mạnh cơ cấu của Mỹ vì Trung Quốc sẽ ngày càng có thể giải quyết thương mại bằng đồng tiền của mình. Tuy nhiên, đồng thời, không nên phóng đại sự phát triển. Việc Trung Quốc sử dụng Nhân dân tệ để giải quyết thương mại của mình không có nghĩa là Nhân dân tệ đang trở thành phương tiện được chấp nhận rộng rãi cho các giao dịch quốc tế, điều này hạn chế khả năng của chính Trung Quốc trong việc thực hiện quyền lực cơ cấu đối với các nước khác. Dữ liệu từ SWIFT cho thấy Nhân dân tệ chỉ chiếm từ 1 đến 2% của tất cả các khoản thanh toán quốc tế và trong khi dữ liệu SWIFT không phản ánh tất cả các giao dịch trên toàn thế giới (đặc biệt là những giao dịch được tính bằng Nhân dân tệ), tuy nhiên nó cung cấp một ước tính hữu ích.

Nếu Nhân dân tệ cho đến nay vẫn chưa đạt được vị thế toàn cầu, nó vẫn có thể đạt được vị thế trong khu vực. Đến năm 2015, Nhân dân tệ chiếm 30% trong tất cả các giao dịch giữa Trung Quốc và các quốc gia châu Á, khiến nó trở thành đồng tiền chính trong thương mại khu vực với Trung Quốc - vượt xa đồng đô la, đồng yên và đồng euro. Trong thập kỷ tới, nếu tỷ lệ đó tiếp tục để trỗi dậy, Trung Quốc có thể được hưởng một khu vực đồng nhân dân tệ ở châu Á cho phép nước này sử dụng quyền lực cơ cấu đối với các nước láng giềng. Thật vậy, như Kirshner lập luận, đồng nhân dân tệ không có khả năng vượt qua đồng đô la trong tương lai gần trên toàn cầu, nhưng vị trí trung tâm của Trung Quốc đối với nền kinh tế và chuỗi cung ứng của châu Á khiến nó có khả năng cuối cùng sẽ trở thành đồng tiền thống trị trong khu vực. Ông lập luận thêm Trung Quốc có thể đang thực hiện một con đường khác để quốc tế hóa khu vực, một con đường liên quan đến việc tạo ra cơ sở hạ tầng cho đồng Nhân dân tệ, thúc đẩy việc sử dụng nó trong các giao dịch và khuyến khích các ngân hàng trung ương giữ

nó như một loại tiền dự trữ - tất cả trong khi vẫn giữ một số kiểm soát và quy định vốn. Hoán đổi các thỏa thuận của Trung Quốc giúp thúc đẩy mục tiêu này, cũng như việc Trung Quốc quảng bá trái phiếu bằng đồng nhân dân tệ có thể được mua bởi các ngân hàng trung ương nước ngoài, tạo ra một nguồn tài sản bằng đồng nhân dân tệ sâu hơn và thanh khoản hơn mà những người khác có thể đầu tư vào — một lý do chính cho sự thống trị của đồng đô la.

Nhân dân tệ

Nếu phần lớn châu Á trở thành khu vực đồng nhân dân tệ hiệu quả trong thập kỷ tới hoặc hơn, thì một số công cụ sức mạnh tài chính của Mỹ có thể được Trung Quốc sử dụng để chống lại các nước láng giềng. Những nước láng giềng đó sẽ cần quyền truy cập vào hệ thống đồng nhân dân tệ, cơ sở hạ tầng thanh

toán như CIPS và CNAPS, và các ngân hàng Trung Quốc - tất cả những thứ mà Trung Quốc có thể kiểm soát. Kỷ nguyên quy chế tài chính và các biện pháp trừng phạt của Trung Quốc ở châu Á, mặc dù có lẽ không phải trên toàn cầu, nhưng có thể không quá xa, và có thể đặt nền tảng cho một phạm vi ảnh hưởng ở châu Á. Bằng cách này, một khu vực tài chính của Trung Quốc ở châu Á sẽ được xếp lớp trên trật tự tài chính của Hoa Kỳ trên toàn thế giới.

SWIFT là một tổ chức thiết lập tiêu chuẩn và nhắn tin với mạng lưới giúp thanh toán tài chính xuyên biên giới có thể thực hiện được, do đó tạo thành cấu trúc phụ của tài chính toàn cầu. Tổ chức, được gọi là Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Thế giới, được thành lập vào năm 1973 khi 239 ngân hàng từ mười lăm quốc gia khác nhau tạo ra các tiêu chuẩn nhắn tin thống nhất, một nền tảng nhắn tin và một mạng để định tuyến tin nhắn. Theo tổ chức, SWIFT đã trở thành nút hệ thống nhắn tin tài chính với “sự kết nối của các ngân hàng trung ương đầu tiên vào năm 1983,” đã “củng cố vị trí của SWIFT như là mối liên kết chung giữa tất cả các bên trong ngành tài chính.” SWIFT đã nhanh chóng thay thế Telex, một hệ thống thủ công chắp vá chậm và dễ xảy ra lỗi với các tiêu chuẩn xung đột đòi hỏi các ngân hàng phải làm việc theo nhiều hình thức trái ngược nhau để thực hiện thanh toán. Ngày nay, SWIFT trải dài trên 200 quốc gia và hơn 10.000 tổ chức, nó hỗ trợ 15 triệu tin nhắn hàng ngày và là cơ sở hạ tầng thiết yếu giúp thanh toán quốc tế có thể thực hiện được. Điều quan trọng, SWIFT là một dịch vụ nhắn tin và không tham gia vào việc thanh toán bù trừ, vì vậy không có tiền chảy qua nó — chỉ những tin nhắn giúp chuyển tiền có thể thực hiện được. Việc thanh toán thường xảy ra thông qua các dịch vụ của Hoa Kỳ như Fedwire (thực hiện thanh toán giữa các tài khoản ngân hàng tại Cục Dự trữ Liên bang) và CHIPS (thuộc sở hữu tư nhân và tham gia vào “netting” để nắm bắt tổng số chênh lệch trong giao dịch giữa hai ngân hàng trong một ngày nhất định), cũng như một loạt các dịch vụ khác.

Bởi vì SWIFT về cơ bản là một tổ chức nhằm giải quyết vấn đề điều phối — nhu cầu về một ngôn ngữ nhắn tin phổ biến và nhất quán để gửi tiền từ ngân hàng này sang ngân hàng khác — nên có rất ít hoặc không có lý do gì tại sao bất kỳ nước nào sẽ phát triển các tiêu chuẩn và cơ sở hạ tầng thay thế một khi vấn đề điều phối đã được giải quyết. Hệ thống hiện tại hấp dẫn hơn rất nhiều về mặt kinh tế đối với một giải pháp thay thế vì các hiệu ứng mạng làm cho nó trở nên lỏng hơn và hoạt động nhanh hơn rất nhiều. Ngược lại, một hệ thống thay thế sẽ tốn kém hơn. Về bản chất, không có lý do kinh tế hoặc nhóm lợi ích nào có ý nghĩa để Trung Quốc tạo ra giải pháp thay thế riêng cho bộ máy nhắn tin của SWIFT. Như chương này giải thích sau, một cơ sở lý luận chiến lược có ý nghĩa nhất.

Có lẽ lời giải thích tốt nhất cho việc đầu tư của Trung Quốc vào các giải pháp thay thế SWIFT là nó giúp giảm khả năng bị tổn thương đối với sức mạnh tài chính của Mỹ. Mặc dù SWIFT là một dịch vụ nhắn tin và không tham gia vào việc thanh toán bù trừ, nhưng nếu một ngân hàng bị cắt khỏi mạng lưới, về cơ bản, ngân hàng đó sẽ bị cắt khỏi hệ thống tài chính toàn cầu và phần lớn cơ sở hạ tầng thanh toán bù trừ đang tồn tại. Bằng cách này, việc kiểm soát SWIFT mang lại sức mạnh cấu trúc đáng kể.

Sức mạnh cấu trúc đó đã được sử dụng để chống lại những người khác. Mặc dù tổ chức tự coi mình là phi chính trị, nhưng tổ chức này vẫn được yêu cầu tuân thủ luật pháp của Bỉ, Liên minh Châu Âu và — thông qua các biện pháp trừng phạt thứ cấp — cũng như Hoa Kỳ. Năm 2012, Hoa Kỳ và Châu Âu đã sử dụng ảnh hưởng của mình đối với tổ chức để buộc họ xóa liên kết các ngân hàng Iran khỏi mạng SWIFT, đánh dấu lần đầu tiên trong lịch sử của SWIFT tổ chức đã cắt toàn bộ quốc gia khỏi quyền truy cập vào mạng của công ty. Iran đã dựa vào SWIFT cho hai triệu khoản thanh toán xuyên biên giới hàng năm — một khối lượng không thể thay thế bằng mạng nhắn tin khác — và việc mất quyền truy cập khiến việc thanh toán cho dầu của Iran không thể thực hiện được, tàn phá nền kinh tế

Iran và ngăn chính phủ tiếp cận với số lượng đáng kể Dự trữ ngoại hối của chính họ mà họ đã đầu tư ra nước ngoài. Vài năm sau, vào năm 2017, quyền truy cập SWIFT đã bị từ chối đối với các ngân hàng Bắc Triều Tiên.

Sức mạnh cấu trúc của SWIFT thậm chí đã đe dọa trước các cường quốc như Nga sau cuộc xâm lược Crimea. Mối đe dọa liên quan đến việc Thủ tướng Nga khi đó là Medvedev đã thảo luận công khai và đe dọa "phản ứng của Nga sẽ không có giới hạn." Thống đốc Ngân hàng Trung ương Nga Elvira Nabiullina sau đó đã bắt đầu chuẩn bị một giải pháp thay thế của Nga cho SWIFT ngay từ năm 2014. Trong một cuộc họp với Putin, bà ấy nói "có những mối đe dọa, chúng ta có thể bị ngắt kết nối khỏi SWIFT. Chúng ta đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống thanh toán của riêng mình và nếu có điều gì xảy ra, tất cả các hoạt động thay thế giống SWIFT sẽ hoạt động trong nước. Chúng ta đã tạo ra một giải pháp thay thế." Nga đã tìm cách phổ biến hệ thống thay thế của mình trong Liên minh Á-Âu và thảo luận với Iran.

Hoa Kỳ đã đe dọa sử dụng SWIFT để chống lại Trung Quốc. Washington đã trừng phạt ít nhất một ngân hàng Trung Quốc có liên quan đến thương mại với Triều Tiên, và Bộ trưởng Tài chính Mnuchin sau đó đã đe dọa "Nếu Trung Quốc không tuân theo các lệnh trừng phạt [đối với Triều Tiên], chúng tôi sẽ đưa ra các biện pháp trừng phạt bổ sung đối với họ và ngăn họ tiếp cận Hệ thống đô la Mỹ và quốc tế." Tương tự, các thành viên của Quốc hội đã đề nghị cắt một số ngân hàng lớn nhất của Trung Quốc khỏi hệ thống tài chính toàn cầu. Trung Quốc thực sự có lý do để lo sợ việc chấm dứt SWIFT và giống như Nga, dường như đang hành động với chúng.

Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc - với sự chấp thuận của chính phủ Trung Quốc - đã bắt đầu phát triển giải pháp thay thế riêng cho SWIFT để nhắn tin tài chính và thanh toán liên ngân hàng vào đầu năm 2013, khoảng một năm sau khi phương Tây cắt đứt Iran. Hệ thống này, được gọi là Hệ thống Thanh toán Quốc tế Trung Quốc (CIPS), sẽ không chỉ cách ly Trung Quốc

khỏi áp lực tài chính mà còn tăng cường quyền tự chủ của chính nước này, cho phép kiểm soát chủ quyền đối với tất cả thông tin đi qua mạng của mình, sức mạnh giúp người khác vượt qua các lệnh trừng phạt và khả năng một ngày nào đó có thể cắt những người khác khỏi hệ thống của Trung Quốc. Hơn nữa, tham vọng đối với CIPS vượt quá tham vọng đối với SWIFT: không chỉ là một dịch vụ nhắn tin như SWIFT mà còn cung cấp dịch vụ thanh toán và thông quan - tức là tích hợp đầy đủ quy trình thanh toán. Không giống như giới tinh hoa Nga, giới tinh hoa Trung Quốc tỏ ra kém rõ ràng hơn nhiều trong việc thông báo qua điện thoại về khả năng hệ thống của họ là đối thủ của SWIFT; tuy nhiên, tiềm năng chiến lược của nó là có thật, nếu vẫn còn hơi xa vời.

Những người hoài nghi sẽ chỉ ra việc Trung Quốc theo đuổi CIPS cũng có một số động cơ kinh tế thực sự. Đầu tiên, CIPS là một cải tiến trên hệ thống thanh toán bằng Nhân dân tệ xuyên biên giới trước đây. Trước CIPS, hệ thống thanh toán và bù trừ liên ngân hàng nội địa của Trung Quốc, Hệ thống Thanh toán Nâng cao Quốc gia Trung Quốc (CNAPS), không thể hỗ trợ thanh toán quốc tế; thay vào đó, các giao dịch xuyên biên giới sẽ diễn ra thông qua các ngân hàng thanh toán bù trừ nhân dân tệ ở nước ngoài được chỉ định hoặc các ngân hàng đại lý ở Trung Quốc. Hơn nữa, CIPS hiện tại chủ yếu quan tâm đến việc thanh toán bù trừ. Thật vậy, CIPS và SWIFT đã ký một thỏa thuận năm 2016 cung cấp quyền truy cập CIPS vào hệ thống nhắn tin SWIFT. Từ góc độ đó, một nhà quan sát có thể kết luận CIPS dường như không phải là một giải pháp thay thế cho cơ sở hạ tầng tài chính SWIFT mà là một phần phụ bổ sung.

Cả hai đối số đều không bác bỏ logic chiến lược cơ bản của CIPS. Thứ nhất, nếu Trung Quốc có động cơ kinh tế và kỹ thuật thuần túy để khởi động CIPS, thì có thể tiết kiệm hơn nếu chỉ cần cải tổ hệ thống CNAPS hiện có để nó có thể giao tiếp với SWIFT. Các quốc gia khác có hệ thống thanh toán liên ngân hàng nội địa không giao tiếp với SWIFT thường đã sửa đổi các hệ thống đó để cho phép giao tiếp. Điều này cho thấy các động

lực kinh tế có thể không phải là yếu tố hàng đầu trong việc thành lập CIPS.

Thứ hai, thực tế là CIPS đã ký một thỏa thuận để truy cập vào mạng SWIFT và thực tế là nó sử dụng các tiêu chuẩn nhắn tin SWIFT, không làm giảm khả năng tồn tại của nó như một giải pháp thay thế chiến lược cho SWIFT vì CIPS đang xây dựng khả năng xử lý các thông báo bên ngoài Mạng SWIFT. Thật vậy, giống như SWIFT yêu cầu các ngân hàng mua công nghệ đắt tiền để kết nối họ với mạng, thì CIPS cũng vậy - cho phép nó tồn tại song song với công nghệ của SWIFT. Và khi CIPS tiếp tục phát triển, mục tiêu theo nhiều cách là hoạt động độc lập với SWIFT. Một người có kiến thức về các kế hoạch của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc cho CIPS nói với Financial Times, “Trong tương lai, CIPS sẽ chuyển sang hướng sử dụng đường dây [liên lạc] chuyên dụng của riêng mình. Tại thời điểm đó, nó hoàn toàn có thể thay thế SWIFT” để nhắn tin liên ngân hàng liên quan đến đồng Nhân dân tệ. Thật vậy, như Eswar Prasad lập luận, “CIPS đã được thiết kế như một hệ thống mà cuối cùng cũng có thể đóng vai trò như một đường dẫn liên ngân hàng liên quan đến các giao dịch Nhân dân tệ quốc tế hoạt động độc lập với SWIFT. Điều này sẽ làm cho nó không chỉ trở thành một hệ thống chuyển tiền mà còn là một hệ thống liên lạc, giảm bớt sự ràng buộc của SWIFT đối với thông tin liên ngân hàng liên quan đến các dòng tài chính xuyên biên giới. Chính phủ Trung Quốc đủ sắc sảo để không thách thức SWIFT cho đến khi CIPS trưởng thành, nhưng chắc chắn một ngày nào đó, thách thức sẽ đến. Sự hợp tác giữa SWIFT và CIPS giúp Trung Quốc trưởng thành, cung cấp cho Trung Quốc thị phần và chuyên môn khi nó xây dựng song song hệ thống. Nó cũng giúp SWIFT tiếp tục liên quan và thực sự, các nhân viên tại SWIFT lo ngại “Chính quyền Trung Quốc đang xem xét việc thay thế SWIFT bằng một mạng bản địa.” Người đứng đầu SWIFT tại Trung Quốc, Daphne Wang, dường như đã cố gắng để thuyết phục CIPS không đầu tư vào thông điệp thay thế mà tập trung vào giải phóng mặt bằng: “Chúng tôi không thực hiện thanh

toán bù trừ, như trong trường hợp của CIPS. Khi nói chuyện với CIPS, chúng tôi đã nói: “Tại sao phải xây dựng đường cao tốc [tức là nền tảng nhắn tin] của bạn nếu đường cao tốc đã tồn tại? Hiện tại, cứ như thể bạn đang bán một chiếc ô tô nhưng không ai có thể lái nó trên đường cao tốc đã được xây dựng.” Bất chấp nỗ lực của SWIFT nhằm không khuyến khích việc tạo ra một đường cao tốc thay thế, mong muốn của Trung Quốc là phát triển nó. Như một người có liên quan đến CIPS đã lưu ý, hệ thống được khởi chạy mà không có tất cả các tính năng này nhưng có “tham vọng” cho nhiều thứ hơn: “[CIPS] không bao gồm nhiều thứ [chưa], nhưng có áp lực cho việc phân phối.” Cuối cùng, hệ thống nhằm mục đích “cho phép các ngân hàng nước ngoài tham gia, cho phép thanh toán bằng đồng nhân dân tệ cũng như các khoản thanh toán trong và ngoài Trung Quốc.” Điều này sẽ làm cho CIPS trở thành một cơ sở hạ tầng tài chính hoàn toàn độc lập và cung cấp cho bất kỳ bên nào ở bất kỳ đâu trong thế giới một phương pháp nhắn tin, thông quan và dàn xếp hoàn toàn miễn phí khỏi sự xem xét của Hoa Kỳ, điều này sẽ làm suy yếu nghiêm trọng sức mạnh tài chính của Hoa Kỳ trên toàn thế giới.

Thứ ba, ngay cả khi CIPS không hoạt động song song với SWIFT, kết nối của nó với và thông qua SWIFT vẫn mang lại ảnh hưởng hữu ích. Trước CIPS, SWIFT đã hoạt động ở Trung Quốc hơn ba mươi năm và được kết nối với 400 tổ chức tài chính và kho bạc doanh nghiệp của Trung Quốc. Giờ đây, tất cả các thông điệp SWIFT đến Trung Quốc phải được chuyển qua CIPS. Như một chuyên gia thanh toán lưu ý, “CIPS đang cố gắng trở thành người trung gian giữa SWIFT và CNAPS”, điều này sẽ cung cấp cho ngân hàng trung ương Trung Quốc khả năng xác định ai có quyền truy cập vào hệ thống tài chính của Trung Quốc. Điều này cung cấp một điểm kiểm soát trung tâm đối với các giao dịch bằng đồng nhân dân tệ và tăng cường sức mạnh cơ cấu của Trung Quốc.

Hiện tại, CIPS không phải là một giải pháp thay thế có ý nghĩa cho hệ thống SWIFT. Nó có thể củng cố sức mạnh cấu trúc của

Trung Quốc bằng cách giúp Trung Quốc cắt đứt các tổ chức hoặc quốc gia khác khỏi hệ thống tài chính của Trung Quốc dễ dàng hơn nhiều, nhưng nó vẫn chưa sẵn sàng hoạt động như một hệ thống nhắn tin thay thế cho các khoản thanh toán xuyên biên giới bên ngoài Trung Quốc. Dù vậy, ngày đó sẽ đến. Các cường quốc khác như Nga đã và đang đầu tư vào các hệ thống như vậy và Trung Quốc - nước cũng đang đối mặt với mối đe dọa từ các biện pháp trừng phạt tài chính của phương Tây - có đủ lý do để tiếp tục phát triển CIPS thành một giải pháp thay thế có thể vượt qua sức mạnh cơ cấu của Mỹ đối với thanh toán quốc tế trong thập kỷ tới. Như một người viết chuyên mục nhận xét, "Việc quay trở lại thế giới tiền SWIFT, trong đó các ngân hàng buộc phải gửi và chấp nhận thông tin giao dịch ở nhiều định dạng, không phải là điều không tưởng" và nó thể hiện cách thức mà những lo lắng chiến lược của Trung Quốc sẽ đan xen vào nhau với sự gia tăng của nó để phân mảnh cấu trúc phụ của tài chính toàn cầu.

CƠ QUAN XẾP HẠNG TÍN DỤNG

Các cơ quan xếp hạng tín dụng giúp cung cấp cho các nhà đầu tư thông tin về rủi ro của các loại nợ khác nhau và xếp hạng của họ có thể thay đổi đáng kể vận mệnh của các công ty và quốc gia. Thị trường xếp hạng tín nhiệm quốc tế phần lớn bị chi phối bởi "ba công ty lớn" của Hoa Kỳ - Standard and Poor's, Moody's và Fitch Group - cùng có thị phần toàn cầu hơn 90%. Sự thống trị của ba công ty này một phần là do sức mạnh cấu trúc của Mỹ - vị trí trung tâm của đồng đô la, tầm quan trọng của các tổ chức tài chính New York và khả năng của Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch để xác định ai có thể đưa ra xếp hạng.

Có những động lực kinh tế hợp lý để Trung Quốc tạo ra một cơ quan xếp hạng tín nhiệm thay thế. Ở cấp độ quốc gia, Trung Quốc có thể lo ngại "ba ông lớn" không đánh giá chính xác về nợ có chủ quyền hoặc nợ công ty của Trung Quốc; ở cấp địa phương, các doanh nghiệp nhà nước cụ thể của Trung Quốc có thể cảm thấy họ sẽ được hưởng lợi từ một người đánh giá thân

thiện hơn. Ít nhất ban đầu, không có khả năng một cơ quan xếp hạng tín nhiệm của Trung Quốc sẽ giành được công việc kinh doanh ở nước ngoài do các mối quan hệ nhà nước và thiếu kinh nghiệm; vì lý do đó, nó sẽ đòi hỏi sự trợ cấp tốn kém và hỗ trợ của nhà nước. Nếu nhà nước Trung Quốc ủng hộ cơ quan xếp hạng tín dụng bên ngoài của chính Trung Quốc, điều đó không phủ nhận các động cơ kinh tế, nhưng nó cũng làm tăng khả năng xảy ra các động lực chính trị, như chúng ta sẽ thấy.

Sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, "ba ông lớn" được coi là dễ bị tổn thương do đánh giá sai lầm về các tài sản gây ra cuộc khủng hoảng. Về phần mình, nhiều nhà lãnh đạo châu Âu đổ lỗi cho họ là thiên vị và chính trị vì đã gây ra và sau đó làm gia tăng cuộc khủng hoảng nợ của Khu vực đồng tiền chung châu Âu, đặc biệt là sau khi họ hạ cấp nợ Hy Lạp xuống trạng thái rác vào năm 2010, và một số nhà lãnh đạo đã khuyến khích (không thành công) việc tạo ra một giải pháp thay thế Cơ quan xếp hạng tín nhiệm châu Âu. Thực tế là ngay cả các đồng minh của Mỹ cũng tìm kiếm các giải pháp thay thế cho ảnh hưởng của "ba ông lớn" — đã giữ được hơn 76% thị phần ở châu Âu ngay cả sau cuộc khủng hoảng — nên Trung Quốc có thể hành động theo với những động cơ tương tự.

Cũng như đối với châu Âu, sự quan tâm của Trung Quốc đối với các cơ quan thay thế đã bị thúc đẩy bởi Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã làm lu mờ "ba công ty lớn" đồng thời tiết lộ khả năng định hình dòng vốn của họ. Mặc dù Washington không có khả năng kiểm soát trực tiếp những người xếp hạng tín nhiệm này hoặc thao túng xếp hạng của họ, nhưng Trung Quốc coi họ là công cụ của quyền lực trực tiếp hoặc gián tiếp của Mỹ bị phá hoại bởi sự thiên vị chính trị. Tại hội nghị thượng đỉnh G20 năm 2010 ở Toronto, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã kêu gọi các nước "xây dựng một phương pháp và tiêu chuẩn khách quan, công bằng, hợp lý và thống nhất về xếp hạng tín nhiệm quốc gia", chứng tỏ vấn đề đã nhận được sự quan tâm chính trị cấp cao nhất. Chỉ một tháng sau, dường như có sự phối hợp với lời kêu gọi của Hồ, Xếp hạng tín dụng toàn cầu Dagong - cơ

quan xếp hạng tín dụng lớn nhất Trung Quốc - lần đầu tiên đưa ra xếp hạng tín dụng có chủ quyền của riêng mình. Trong nhiều năm sau cuộc khủng hoảng, chính phủ Trung Quốc đã tiếp tục chính thức tấn công các cơ quan xếp hạng tín dụng. Bộ trưởng Tài chính Lou Jiwei tuyên bố "có sự thiên vị" trong xếp hạng của "ba ông lớn", trong khi Bộ Tài chính đưa ra tuyên bố gọi việc Moody's hạ cấp tín nhiệm Trung Quốc là "quyết định sai lầm" vào năm 2017.

Dagong là công cụ hàng đầu trong nỗ lực của Trung Quốc nhằm tác động đến hệ thống xếp hạng toàn cầu và là cơ quan xếp hạng tín dụng lớn duy nhất do Trung Quốc sở hữu. Các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn duy nhất khác của Trung Quốc — Xếp hạng tín dụng Lianhe Trung Quốc và Trung Quốc Chengxin International — là các liên doanh giữa các tổ chức tư nhân của Trung Quốc và các thành viên khác nhau của "ba ông lớn". Các tài liệu công khai của Dagong, cũng như các tuyên bố của người sáng lập Guan Jianzhong - về cơ bản là bộ mặt của xếp hạng tín dụng ở Trung Quốc - cho thấy cả quan điểm xếp hạng tín dụng là công cụ chiến lược và sự thống trị của Hoa Kỳ đối với chúng có hại cho lợi ích chính trị của Trung Quốc. Như Guan đã viết vào năm 2012, "Xếp hạng của Hoa Kỳ phục vụ cho chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ" và "mô hình xếp hạng quốc tế hiện có sẽ hạn chế sự trỗi dậy của Trung Quốc". Guan và những người khác lập luận các cơ quan xếp hạng dùng "sức mạnh xếp hạng" để giúp họ định hình nền kinh tế toàn cầu. Nếu Hoa Kỳ kiểm soát "quyền lực xếp hạng" này, thì Trung Quốc "sẽ mất chủ quyền tài chính". Tệ hơn nữa, "quyền lực diễn ngôn xếp hạng có thể bị thao túng... với nỗ lực làm xói mòn cơ sở xã hội của đảng cầm quyền." Ngược lại, cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu 2008 mang đến "một cơ hội lịch sử tuyệt vời cho Trung Quốc để phấn đấu cho sức mạnh diễn ngôn xếp hạng quốc tế." ngay cả khi họ không giành được thị phần áp đảo, vẫn có thể gây áp lực buộc "ba ông lớn" phải điều chỉnh xếp hạng và "hội tụ" về phía Trung Quốc, một kết quả mà Guan hoan nghênh.

Theo đó, giữa cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, Dagong bắt đầu đưa ra các đề xuất cho “Nhóm xếp hạng tín dụng toàn cầu” (UCRG), cuối cùng đã được đưa ra vào tháng 6 năm 2013 khi Dagong hợp tác với một công ty của Nga và người đánh giá nhỏ hơn của Mỹ. Nhiệm vụ của sáng kiến mới là cạnh tranh với “ba ông lớn” và nó có mục đích trở thành một liên doanh tư nhân, hợp tác và phi chính trị. Những tuyên bố này đã được chứng minh là sai khi Giám đốc điều hành của sáng kiến đó, Richard Hainsworth, từ chức và sau đó thừa nhận nỗ lực về cơ bản được tài trợ và hỗ trợ bởi chính phủ Trung Quốc. Hainsworth tuyên bố các đối tác Nga và Mỹ cung cấp ít vốn, liên doanh chủ yếu là do Dagong kiểm soát, hầu như mọi khoản chi tiêu lớn đều phải thông qua cuộc bỏ phiếu của hội đồng quản trị của Dagong, và chính phủ Trung Quốc có khả năng tài trợ ngân hàng không chỉ UCRG mà thậm chí cả Dagong. Trong bối cảnh này, sự hợp tác của Dagong với các nhà phê bình nước ngoài dường như để thúc đẩy tính hợp pháp của chủ trương của mình. Hainsworth lập luận thêm mục đích thực sự của UCRG có vẻ chính trị hơn là thương mại - để vừa làm giảm tính hợp pháp của xếp hạng phương Tây vừa đưa ra một giải pháp thay thế cho Trung Quốc, mặc dù chi tiêu cho mục tiêu thứ hai là không đủ. Dagong đã thuê một số quan chức phương Tây cấp cao thay mặt UCRG để chỉ trích xếp hạng của Hoa Kỳ, bao gồm cả cựu Thủ tướng Pháp Dominique de Villepin, người đã đi khắp thế giới để tấn công các cơ quan phương Tây về mặt ý thức hệ và rút ra một “kết luận từ các cuộc Chiến tranh Thuốc phiện, Raj của Anh, và việc các cường quốc thực dân châu Âu giành lấy châu Phi trước các hình thức đặc quyền hiện tại của phương Tây, bao gồm cả việc kiểm soát xếp hạng tín nhiệm.” Cuối cùng, bất chấp ý thức hệ bị bẻ cong và bị cho là có sự hậu thuẫn của Trung Quốc, UCRG vẫn thất bại.

Sự thất bại của UCRG không đánh dấu sự kết thúc của tham vọng định hình lại xếp hạng tín dụng toàn cầu của Trung Quốc. Thay vào đó, Trung Quốc dường như đã tăng cường hỗ trợ

Dagong vươn ra toàn cầu, và công ty đã mở văn phòng trên khắp thế giới và công khai tuyên bố quan tâm đến việc cạnh tranh với “ba ông lớn”. Dagong rõ ràng đang thực hiện sứ mệnh mà UCRG đã phải thực hiện và đã giữ lại nhiều cố vấn quốc tế tương tự để đảm bảo tính hợp pháp của nó. Mặc dù Dagong tuyên bố là hoàn toàn tư nhân, Hainsworth cho công ty được Bắc Kinh tài trợ; hơn nữa, Giám đốc điều hành và người sáng lập của nó, Guan Jianzhong, là một quan chức chính phủ ngay trước khi ông ra mắt Dagong. Ông không chỉ tiếp tục được làm việc trong Quốc vụ viện Trung Quốc trong nhiều năm khi điều hành Dagong, công ty của ông còn liên quan trực tiếp đến lợi ích của các DNNN đến mức thực sự khó tin là nó không bị ảnh hưởng của nhà nước. Mặc dù vậy, Bắc Kinh rõ ràng đang tìm cách làm như vậy. duy trì một số khoảng cách hợp lý với Dagong để nâng cao tính hợp pháp của nó. Thật vậy, các quan chức Trung Quốc đã phản đối một cách riêng tư những nỗ lực thành lập một cơ quan xếp hạng tín nhiệm BRICS vì họ tin “một cơ quan xếp hạng tín nhiệm do chính phủ hậu thuẫn sẽ không có bất kỳ uy tín nào” trong việc thách thức “ba ông lớn”. Mặc dù thực tế là Dagong chính thức là một thực thể tư nhân và phi chính trị, thứ hạng của nó cũng làm phát sinh những tuyên bố về sự thiên vị chính trị. Dagong nhướng mày khi đánh giá khoản nợ của Bộ Đường sắt Trung Quốc cao hơn khoản nợ có chủ quyền của Trung Quốc, cũng như khi đánh giá khoản nợ của Nga và Botswana cao hơn khoản nợ của Mỹ. Trong một cuộc thảo luận về phương pháp luận của mình, Dagong bao gồm các cụm từ hệ tư tưởng Đảng và tuyên bố sử dụng “chủ nghĩa duy vật biện chứng” của Mác như một phần của phương pháp đánh giá của mình. Công ty thường mong muốn hạ cấp Hoa Kỳ, như trang web riêng của họ tự hào: “Dagong là cơ quan đầu tiên trên thế giới nghiên cứu các lý thuyết và phương pháp xếp hạng tín dụng của Mỹ và bộc lộ chỉ ra những thiếu sót của họ. Đây cũng là cơ quan đầu tiên hạ bậc xếp hạng tín nhiệm của Hoa Kỳ.”

Những nỗ lực của Trung Quốc nhằm tác động đến xếp hạng tín dụng toàn cầu, mặc dù được thúc đẩy rõ ràng bởi Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, vẫn còn khiêm tốn. Mục tiêu của nó dường như là giành dần thị phần, chứ không phải thay thế "ba ông lớn", đặc biệt vì thị phần cao hơn có thể đủ để tạo ra sự hội tụ. Hơn nữa, Trung Quốc đã cho phép "ba ông lớn" vào Trung Quốc, một chính sách bề ngoài có mục đích giúp thúc đẩy đầu tư nước ngoài khi chính phủ Trung Quốc theo đuổi việc xóa bỏ đòn bẩy. Đây là một bước đi tích cực, nhưng có thể phù hợp với mục tiêu ảnh hưởng đến xếp hạng tín nhiệm toàn cầu: khi các tổ chức xếp hạng tín dụng của Mỹ tiếp cận được thị trường nội địa béo bở của Trung Quốc, họ có thể thấy khó khăn hơn khi đánh giá tiêu cực các thực thể nhạy cảm về chính trị của Trung Quốc hoặc khoản nợ có chủ quyền của chính phủ.

Cùng với đó, việc Trung Quốc tập trung vào đa dạng hóa tiền tệ và xây dựng một cơ cấu thanh toán thay thế thông qua CIPS và một cơ quan xếp hạng tín nhiệm thay thế thông qua Dagong cho thấy mối quan tâm lâu dài trong việc làm suy yếu và bỏ qua các tác động hạn chế của đồng đô la Mỹ với Trung Quốc -

một điều nếu thành công, biến kiến trúc kinh tế toàn cầu thành một trong những nền tài chính đa cực.

Đây là những nỗ lực nhằm mang lại lợi ích cho một cường quốc đang tìm cách thống trị khu vực của mình và tranh giành ảnh hưởng của vị bá chủ đang trị vì, và chúng được thúc đẩy một phần lớn bởi sự tự tin của Trung Quốc từ Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu cũng như mối quan tâm liên tục của nước này đối với Mỹ. ảnh hưởng. Khi kết hợp với sự quan tâm của Trung Quốc đối với tài trợ cơ sở hạ tầng thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường và sự thoải mái ngày càng tăng của nước này với các lệnh trừng phạt kinh tế, bức tranh tổng thể là một trong những cường quốc đang ngày càng trỗi dậy — và ban đầu sẵn sàng sử dụng các công cụ kinh tế để xây dựng trật tự trong nước, và ngày càng tăng trên toàn cầu. Như chương tiếp theo cho thấy, những tham vọng này không chỉ giới hạn trong khu vực. Bắc Kinh hiện đang tìm cách thực hiện các hoạt động cải tạo và xây dựng trên toàn thế giới, và trong quá trình này, dần dần nâng tầm Trung Quốc và thay thế Hoa Kỳ khỏi trật tự toàn cầu.

NHỮNG THAY ĐỔI VƯỢT TRỘI TRONG MỘT THẾ KỶ

MỞ RỘNG TOÀN CẦU LÀ CHIẾN LƯỢC CHUYỂN DỊCH THỨ BA CỦA TRUNG QUỐC

(2017 VÀ XA HƠN NỮA)

| 11 |

HƯỚNG TỚI SÂN KHẤU TRUNG TÂM CỦA THẾ GIỚI

“Trật tự thế giới tập trung vào phương Tây do Mỹ thống trị đã có những đóng góp to lớn cho sự tiến bộ và tăng trưởng kinh tế của nhân loại. Nhưng những đóng góp đó đã là quá khứ.” — Phó Oánh, thứ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc, 2016.

“Thế giới đang trải qua những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ, nhưng thời gian và động lực đang đứng về phía chúng ta. Đây là nơi lực lượng và sức mạnh của chúng ta trú ngụ, cũng là nơi thể hiện quyết tâm và sự tự tin của chúng ta.” — Tập Cận Bình, năm 2021.

SỰ SUY GIẢM CỦA MỸ VÀ THAM VỌNG TOÀN CẦU CỦA TRUNG QUỐC

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, Tổng Bí thư Tập Cận Bình sải bước vào Đại lễ đường Nhân dân trước sự vỗ tay của 2.280 lãnh đạo đảng, tất cả đồng loạt vỗ tay theo điệu nhạc. Đây là Đại hội Đảng lần thứ 19 của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Được tổ chức 5 năm một lần, Đại hội Đảng là tổ chức có thẩm quyền nhất của Trung Quốc và bài phát biểu của Tổng Bí thư luôn là sự kiện quan trọng nhất của Đảng — một sự kiện đặt ra đường lối trong chính sách mới của Đảng.

Đại hội bắt đầu với vẻ bình thường, ít bóng bẩy hơn người ta có thể mong đợi. Trong khi các nhân vật chính trị của Mỹ dựa vào máy nhắc chữ để làm cho bài diễn thuyết của họ có vẻ dễ dàng, thì Thủ tướng Lý Khắc Cường lại đứng lên phát biểu với những tờ giấy trong tay. Ông nhìn xuống, rồi nhìn lên, rồi lại nhìn xuống khi tuyên bố khai mạc Đại hội, kêu gọi một phút mặc niệm cho các liệt sĩ cách mạng của Đảng, rồi triệu tập cử tọa đứng hát quốc ca —trước khi giới thiệu ông Tập.

Ông Tập trông nghiêm nghị khi tiến đến bục phát biểu. Ông mặc một bộ vest đen, thắt cà vạt màu hạt dẻ, và một bảng tên màu đỏ dán trên túi áo khoác ghi tên ông. Ông cũng không có máy nhắc chữ từ xa, chỉ có một xấp giấy dày đặt trên bục. Ông sẽ đọc to từng chữ một cách nghiêm túc trong suốt bài diễn thuyết được chứng minh là một cuộc chạy marathon kéo dài 3 tiếng rưỡi, 30.000 từ.

Bài phát biểu của ông Tập đòi hỏi sức chịu đựng, nhưng với khách mời nhiều hơn là người nói. Bài phát biểu của Đại hội Đảng nói chung là một công việc tẻ nhạt, và các tổng bí thư trước đây giữ bài phát biểu ngắn hơn, Hồ Cẩm Đào chỉ đọc tới 90 phút trong khi Giang đôi khi chỉ đọc trong mười lăm phút, nộp phần còn lại vào hồ sơ. Đối với ông Tập, quyết định đọc toàn bộ văn bản là một động thái quyền lực buộc tất cả các quan chức cấp cao phải chú ý, nhưng ông chỉ thành công một phần trong việc bảo vệ sự tôn trọng đó. Trong khi những người thấp hơn không dám tỏ ra xao nhãng, Giang ngáp dài. và sau đó ngủ thiếp đi trên sân khấu trong khi Hồ rõ ràng chỉ vào đồng

hồ đeo tay của mình sau khi bài phát biểu của ông Tập kết thúc.

Ông Giang ngáp dài!

Bài phát biểu đầy biệt ngữ của ông Tập, mặc dù có nội dung cũ và độ dài đáng kinh ngạc, nhưng vẫn là một trong những bài phát biểu có ý nghĩa nhất trong những thập kỷ gần đây, đặc biệt là về vị thế của Trung Quốc trên thế giới. Bài phát biểu công bố "kỷ nguyên mới", đưa ra lịch trình cho sự trẻ hóa của Trung Quốc vào năm 2049, hứa hẹn sự tích cực hơn của Trung Quốc trong quản trị toàn cầu, kêu gọi một quân đội "đẳng cấp thế giới", cam kết Trung Quốc trở thành "nhà lãnh đạo toàn cầu về đổi mới" và tuyên bố Trung Quốc sẽ "trở thành một quốc gia hàng đầu về sức mạnh quốc gia toàn diện và tầm ảnh hưởng quốc tế." Ông Tập đang khởi động một kỷ nguyên mới trong sự can dự với nước ngoài của Trung Quốc, một kỷ nguyên vượt ra khỏi trọng tâm là thúc đẩy và xây dựng ở châu Á và hiện đang ngày càng trở nên toàn cầu. Như ông ấy đã nói trong bài diễn

văn, “kỷ nguyên mới” này sẽ là “kỷ nguyên chứng kiến Trung Quốc tiến gần hơn đến giai đoạn trung tâm của thế giới.”

Giống như những thay đổi khác trong chiến lược lớn của Trung Quốc, sự chuyển hướng tới tham vọng toàn cầu lớn hơn này được thúc đẩy bởi những gì Bắc Kinh coi là sự suy tàn và không thể đảo ngược của phương Tây. Năm 2016, một năm trước bài phát biểu tại Đại hội Đảng của ông Tập, Vương quốc Anh đã bỏ phiếu rời Liên minh châu Âu và Donald Trump được bầu làm tổng thống Hoa Kỳ. Từ quan điểm của Trung Quốc - vốn rất nhạy cảm với những thay đổi trong nhận thức về sức mạnh của Mỹ - hai sự kiện đã gây sốc. Các nền dân chủ mạnh nhất thế giới đang rút khỏi trật tự quốc tế mà họ đã giúp xây dựng, tạo ra điều mà giới lãnh đạo và giới tinh hoa chính sách đối ngoại của Trung Quốc gọi là “thời kỳ cơ hội lịch sử” để mở rộng trọng tâm chiến lược của đất nước từ châu Á ra toàn cầu và các hệ thống quản trị của nó.

Trước những sự kiện này, các quan chức cấp cao của Trung Quốc đã nói mạnh hơn về tham vọng của Trung Quốc. Phó Oánh, chủ tịch ủy ban đối ngoại của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc và là cựu quan chức ngoại giao cấp cao, đã viết vào đầu năm 2016, “Trật tự thế giới tập trung vào phương Tây do Mỹ thống trị đã có những đóng góp to lớn cho sự tiến bộ và tăng trưởng kinh tế của nhân loại. Nhưng những đóng góp đó đã là quá khứ.” Tiêu đề của tác phẩm của bà ấy đã nói lên một cách ngắn gọn: “Trật tự thế giới của Hoa Kỳ là bộ đồ không còn phù hợp nữa.” Sau các sự kiện năm 2016, sự thất vọng với trật tự đã chuyển sang cảm giác cơ hội cho giới lãnh đạo Trung Quốc. Như phó giám đốc của một tổ chức tư vấn có ảnh hưởng liên quan đến Bộ An ninh Nhà nước đã nói: “Việc Mỹ rút lui đã dẫn đến sự tin tưởng và tôn trọng hơn đối với vai trò của Trung Quốc, cho phép Trung Quốc tiến gần hơn đến trung tâm của sân khấu thế giới thông qua việc tham gia vào toàn cầu. quản trị và mở rộng ảnh hưởng và tiếng nói của mình trên thế giới.”

Năm sau, Dương Khiết Trì - "người điều khiển nước Mỹ" khi còn là một hướng dẫn viên du lịch hai mươi bảy tuổi đã quyến rũ gia đình Bush và hàng chục năm sau, bây giờ là Ủy viên Bộ Chính trị chỉ đạo Ủy ban Đối ngoại Trung ương của Đảng - đã viết về phương Tây một cách chế nhạo trên tờ Nhân dân Nhật báo. Ông tuyên bố: "Chủ nghĩa Trung tâm phương Tây, nơi mà bối cảnh quốc tế bị chi phối bởi phương Tây và khái niệm quan hệ quốc tế chủ yếu hướng về các giá trị phương Tây, khó có thể duy trì." Điều này là do "các khái niệm, hệ thống và mô hình quản trị của phương Tây ngày càng trở nên khó thích ứng với cấu trúc quốc tế mới và xu thế của thời đại" và "ngay cả các cường quốc lớn của phương Tây cũng phải đối mặt với sự quản trị kém cỏi và nhiều câu hỏi". Ông lập luận bây giờ là lúc cho "một khái niệm mới về quản trị toàn cầu".

Đồng thời, việc Donald Trump đắc cử cũng đặt ra những thách thức không thể phủ nhận đối với Bắc Kinh. Căng thẳng gia tăng liên tục, cùng với việc Tổng thống Trump quyết định phát động chiến tranh thương mại chống lại Trung Quốc và một đảng phái mới quay lưng lại với chính sách can dự trong quá khứ, cho thấy rõ mối quan hệ song phương đang đi vào vùng biển chưa được khám phá. Kết luận hai chiều Hoa Kỳ đang rút lui trên toàn cầu nhưng đồng thời cũng thức tỉnh trước thách thức của Trung Quốc, đã thuyết phục Bắc Kinh họ không còn cần phải kiềm chế tham vọng toàn cầu của mình và bây giờ có một cơ hội - nếu không phải là một mệnh lệnh - để theo đuổi chúng. Đến năm 2017, Tập Cận Bình từ chối lời khuyên của Đặng "ẩn mình chờ thời" như Hồ đã nói. Ông ấy đã tiến thêm một bước nữa. Trong một bài phát biểu tại Diễn đàn Công tác An ninh Quốc gia năm 2017, ông dường như đã từ bỏ nó hoàn toàn, cho thấy đã đến lúc "bỏ lại phía sau" kỷ nguyên "ẩn mình chờ thời" theo các bài bình luận có thẩm quyền về nhận xét của ông.

Cũng giống như việc "ẩn mình chờ thời" hoặc "tích cực hoàn thành một việc gì đó" được coi là kim chỉ nam cho các chiến lược lớn nhằm xóa bỏ trật tự của Mỹ và xây dựng trật tự của Trung Quốc ở châu Á, một khái niệm mới sẽ là cần thiết để tổ

chức chiến lược trong ‘kỷ nguyên mới của ông Tập’ tập trung vào tham vọng ngày càng toàn cầu. Khái niệm người kế nhiệm quan trọng, được đưa ra ngay trước khi Tổng thống Trump nhậm chức, là điều mà ĐCSTQ đã gọi là “những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ”. Không lâu sau bài phát biểu tại Đại hội Đảng của ông Tập, cụm từ này bắt đầu xuất hiện trong hàng chục bài phát biểu của Tập Cận Bình và nhóm chính sách đối ngoại của ông, được đặt ở phần đầu của Sách trắng về chính sách đối ngoại và quốc phòng của Trung Quốc, và trở thành tâm điểm chú ý của các học giả chính sách đối ngoại của nước này. Tập Cận Bình đã rất rõ ràng về tầm quan trọng của nó đối với chiến lược. “Tôi thường nói các cán bộ lãnh đạo phải ghi nhớ hai tình huống tổng thể”, ông lưu ý trong một bài phát biểu gần đây, “một là sự trẻ hóa lớn của đất nước Trung Quốc và hai là những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ. Đây là điểm khởi đầu cơ bản của công việc lập kế hoạch của chúng ta.”

Như chương Vào đề đã lưu ý, cụm từ có một lịch sử. Đó là vào năm 1872, vị tướng của triều đại nhà Thanh là Lý Hồng Chương đã than thở về sự xâm chiếm của các cường quốc phương Tây bằng một câu nổi tiếng: thế giới đang trải qua “những thay đổi lớn chưa từng thấy trong 3.000 năm”. Tuyên bố sâu rộng đó, một lời nhắc nhở đối với những người theo chủ nghĩa dân tộc của Trung Quốc về Tổ quốc của chính đất nước, đã được Chủ tịch Tập tái sử dụng kể từ năm 2017 để mở đầu cho giai đoạn mới trong đại chiến lược của Trung Quốc thời hậu Chiến tranh Lạnh. Nếu đường lối của Lý đánh dấu cao điểm cao của thất vọng, thì đường lối của Tập đánh dấu một cơ hội cho sự trẻ hóa. Nếu Lý gợi lên bi kịch, thì Tập gợi lên cơ hội. Nhưng cả hai đều nắm bắt được một điều gì đó thiết yếu: ý tưởng trật tự thế giới một lần nữa bị đe dọa do những thay đổi về địa chính trị và công nghệ chưa từng có, và đòi hỏi sự điều chỉnh chiến lược.

Chương này và chương tiếp theo thảo luận về sự mở rộng toàn cầu của Trung Quốc. Chúng tuân theo cấu trúc của các chương trước đã vạch ra các chiến lược xây dựng và đào thải vĩ đại của

Trung Quốc. Chương này tập trung vào nhận thức của Trung Quốc về việc suy giảm của Mỹ sau Brexit, Trump và đại dịch coronavirus năm 2020 đã dẫn đến việc điều chỉnh chiến lược như thế nào. Sau đó, chương này khám phá các mục tiêu cuối cùng của giai đoạn toàn cầu mới trong chiến lược lớn của Trung Quốc, dường như là bắt kịp và vượt qua Hoa Kỳ trong cuộc cạnh tranh giành vị trí lãnh đạo toàn cầu. Chương tiếp theo khám phá các cách thức chính trị, kinh tế, quân sự và các phương tiện mà Trung Quốc đã sử dụng để đạt được các mục tiêu. Nó chứng tỏ Trung Quốc hiện đang nhắm mục tiêu một cách có ý thức vào nền tảng của những gì họ coi là bá quyền của Hoa Kỳ, với hy vọng hủy hoại trật tự toàn cầu của Mỹ trong khi xây dựng nền tảng cho trật tự của chính Trung Quốc. Cùng với nhau, chương này và chương tiếp theo vẽ nên một bức tranh về trật tự của Trung Quốc trên toàn cầu.

Trật tự đó của Trung Quốc liên quan đến việc nắm bắt các cơ hội của "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ" và đưa Hoa Kỳ trở thành nhà nước hàng đầu thế giới. Để làm như vậy, Bắc Kinh sẽ tìm cách làm suy yếu các hình thức kiểm soát hỗ trợ trật tự toàn cầu của Mỹ trong khi tăng cường các hình thức kiểm soát đó để hỗ trợ một giải pháp thay thế của Trung Quốc. Về mặt chính trị, Bắc Kinh sẽ thể hiện vai trò lãnh đạo đối với quản trị toàn cầu và các thể chế quốc tế, thúc đẩy các chuẩn mực chuyên quyền gây thiệt hại cho những người theo chủ nghĩa tự do, và chia rẽ các liên minh của Mỹ ở châu Âu và châu Á. Về mặt kinh tế, nó sẽ làm suy yếu các lợi thế tài chính tạo nên quyền bá chủ của Hoa Kỳ và nắm bắt các đỉnh cao của "cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư" từ trí tuệ nhân tạo sang điện toán lượng tử. Về mặt quân sự, PLA sẽ triển khai một lực lượng tầm cỡ thế giới với các căn cứ trên khắp thế giới có thể bảo vệ lợi ích của Trung Quốc ở hầu hết các khu vực và ngay cả trong các lĩnh vực mới. Tổng hợp lại, Trung Quốc sẽ xây dựng một "khu vực ảnh hưởng siêu lớn" trong khu vực ngoại vi của mình và "bá quyền một phần" trên các nước đang phát triển gắn liền với Sáng kiến Vành đai và Con đường - và

có lẽ cả các khu vực của thế giới phát triển, một tầm nhìn mà một số người Trung Quốc ưa chuộng. các nhà văn mô tả việc sử dụng hướng dẫn cách mạng của Mao để "bao vây các thành phố từ vùng nông thôn".

Thực tế là các khía cạnh của tham vọng và chiến lược toàn cầu của Trung Quốc có thể nhìn thấy trong các bài phát biểu cấp cao là bằng chứng mạnh mẽ cho thấy tham vọng của Trung Quốc không chỉ giới hạn ở Đài Loan hoặc thống trị Ấn Độ - Thái Bình Dương. "Cuộc đấu tranh giành quyền làm chủ" từng chỉ giới hạn ở châu Á, giờ đây đã vượt qua trật tự toàn cầu và tương lai của nó.

"NHỮNG THAY ĐỔI LỚN CHƯA TỪNG THẤY TRONG MỘT THẾ KỶ"

Khái niệm "những thay đổi to lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ" là rất quan trọng để hiểu chiến lược lớn toàn cầu của Trung Quốc và nó ngụ ý niềm tin Hoa Kỳ đã đi vào một sự suy thoái rõ rệt đến mức hiện nay vị thế siêu cường duy nhất của họ đang bị nghi ngờ. Việc nâng cao thuật ngữ chính thức vào năm 2017 là bằng chứng cho thấy Trung Quốc đang điều chỉnh chiến lược lớn của mình để đáp lại.

Khái niệm này lần đầu tiên xuất hiện từ các cuộc trò chuyện về sự suy giảm của phương Tây sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu. Một trong những cách sử dụng đầu tiên là trong một bài luận năm 2009 có tiêu đề "Khủng hoảng tài chính và bá quyền kinh tế của Mỹ" do Yuan Peng viết - một nhân vật có thẩm quyền đã lãnh đạo Viện nghiên cứu Hoa Kỳ tại CICIR của Bộ An ninh và hiện đang dẫn đầu toàn bộ nhóm nghiên cứu. Yuan Peng nhận xét Hoa Kỳ "lần đầu tiên trong lịch sử bá chủ của mình" đang phải chịu một loạt thách thức nghiêm trọng, những thách thức này đang tạo ra "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ," và những thay đổi lớn đó đến lượt nó là "tác động đến trật tự chính trị và kinh tế do Hoa Kỳ lãnh đạo." Nhưng trong khi Hoa Kỳ suy tàn, các nhà bình luận Trung Quốc tin nước này vẫn sẽ là siêu cường duy nhất, và vì lý do đó cụm từ chỉ xuất hiện một vài lần sau đó — có lẽ đáng chú ý nhất

là trong một cuộc phỏng vấn năm 2012 của nhà ngoại giao nổi tiếng Trung Quốc Lạc Ngọc Thành, người sau này là một trong những bộ não đằng sau Vành đai và Con đường. Mặc dù những tham chiếu này cho thấy cụm từ đã đi vào ý thức chính thức, nó vẫn chưa đạt được dấu ấn của Đảng và với Hoa Kỳ dường như vẫn còn ghê gớm, nó phần lớn đã biến mất khỏi các bài diễn văn chính thức.

Tất cả những điều đó đã thay đổi vào năm 2017, khi cụm từ nhanh chóng trở thành trung tâm trong các bài diễn văn chính thức và bán chính thức ngay sau Brexit và cuộc bầu cử của Trump. Những sự kiện đó gợi ý cho Bắc Kinh ảnh hưởng của phương Tây đang suy yếu và địa vị của Hoa Kỳ với tư cách là siêu cường duy nhất trên thế giới đang gặp rủi ro và thuật ngữ đột ngột xuất hiện vào năm đó cho thấy một sự điều chỉnh chiến lược rộng lớn hơn đang được tiến hành.

Quá trình bắt đầu chỉ một tuần trước khi Tổng thống Trump nhậm chức, khi Ủy viên Quốc vụ Dương Khiết Trì ra mắt cụm từ trong một bài luận năm 2017 được đăng trên trang web của Bộ Ngoại giao với nội dung trình bày về thành phần đối ngoại của dự án mới được phát triển và sắp được phê chuẩn. “Tư tưởng Tập Cận Bình.” Dương liên kết khái niệm với các đánh giá về Hoa Kỳ. “Tình hình quốc tế hiện nay đang trải qua những thay đổi lớn chưa từng có kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc - hay thậm chí một thế kỷ - và mọi loại hỗn loạn đã xuất hiện,” Dương lưu ý. “Tác động của những thay đổi đối với tình hình chính trị ở một số quốc gia [tức là Vương quốc Anh và Hoa Kỳ] và đối với tình hình quốc tế đáng được quan tâm.” Cơ cấu quốc tế hiện đang thay đổi, và “những thay đổi lớn” đang diễn ra được coi là một sự thay đổi chiến lược lớn.

Tháng tiếp theo, chỉ vài tuần sau khi Tổng thống Trump nhậm chức, sự thay đổi bắt đầu. Chủ tịch Tập đã nói rõ nhận thức của Trung Quốc về sức mạnh của Mỹ đang thay đổi trong bài phát biểu năm 2017 tại Diễn đàn Công tác An ninh Quốc gia của Trung Quốc, một cuộc họp cấp cao được triệu tập để thảo luận về các vấn đề đối ngoại. Ông Tập tuyên bố ông nhận thấy

“những thay đổi lớn lao” và “những điều chỉnh sâu sắc” đối với cả “hệ thống quốc tế và trật tự quốc tế”. Sự suy tàn và chính khái niệm mà các nhà lãnh đạo Trung Quốc neo giữ chiến lược lớn của đất nước. Những chủ đề này đã được nêu rõ trong một bài bình luận chính thức về bài phát biểu của ông viết cho các cán bộ Đảng. “Mặc dù các chế độ phương Tây dường như đang nắm quyền”, nó lưu ý, “sự sẵn sàng của họ và khả năng can thiệp vào các vấn đề thế giới đang giảm sút. Hoa Kỳ có thể không còn muốn trở thành nhà cung cấp an ninh toàn cầu và thay vào đó theo đuổi chính sách đối ngoại đơn phương và thậm chí theo chủ nghĩa dân tộc.” Cơ bản của bài phát biểu và bài bình luận của ông Tập là niềm tin Brexit và Trump đã tiết lộ nền dân chủ phương Tây đang suy yếu và Hoa Kỳ cùng trật tự của nó đã suy giảm. Điều này cũng xuất hiện trong Báo cáo Đại hội Đảng lần thứ 19 của ông Tập vào mùa thu năm đó, trong đó lập luận “những thay đổi trong hệ thống quản trị toàn cầu và trật tự quốc tế đang tăng tốc” và “cán cân của các lực lượng quốc tế liên quan đang trở nên cân bằng hơn”. Như chúng ta sẽ thấy sau đó, nhiều chủ đề chính của chiến lược lớn toàn cầu mới của Trung Quốc nhằm đạt đến “giai đoạn trung tâm của thế giới” — cụ thể là sự quan tâm của nước này đối với quản trị toàn cầu, dẫn đầu về công nghệ và một hồ sơ quân sự toàn cầu — đã xuất hiện trong bài phát biểu này.

Brexit: Vương quốc Anh rời khỏi Liên minh Châu Âu (EU).

Brexit và Trump

Một tháng sau bài phát biểu quan trọng đó, ông Tập đã tham dự Hội nghị các đại sứ năm 2017. Các cuộc họp, bao gồm toàn bộ bộ máy chính sách đối ngoại và tất cả các đại sứ ở nước ngoài của Trung Quốc, trước đây đã được sử dụng để điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc và bài phát biểu này cũng diễn ra như vậy. Trong đó, ông Tập cuối cùng cũng ra mắt chính khái niệm mà Dương Khiết Trì đã đưa ra một cách tinh tế sau cuộc bầu cử của Trump. “Nhìn ra thế giới ngày nay,” ông tuyên bố, “chúng ta đang đối mặt với những thay đổi lớn chưa từng

thấy trong một thế kỷ.” Điều này đánh dấu một sự thay đổi lớn trong quan điểm của Trung Quốc về Hoa Kỳ và chiến lược lớn của Trung Quốc, và bài phát biểu thể hiện sự tự tin. “Sự trẻ hóa tuyệt vời của đất nước Trung Quốc đã cho thấy những triển vọng tươi sáng chưa từng có,” ông Tập lưu ý, và chừng nào Trung Quốc vẫn đi đúng hướng, thì “nước này sẽ ngày càng tiến gần đến trung tâm của sân khấu thế giới.” Trong một số lĩnh vực, bài phát biểu của ông Tập đã tăng cường ngôn ngữ một cách tinh tế. từ bài diễn văn Đại hội Đảng. “Cấu trúc quốc tế ngày càng trở nên cân bằng, và xu hướng quốc tế chung này đã trở nên không thể đảo ngược” - cụm từ mạnh mẽ hơn những gì ông hoặc những người tiền nhiệm của ông đã sử dụng và một dấu hiệu cho thấy chiến lược đang thay đổi.

Điều này có nghĩa là gì? Tại Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương năm 2018, chỉ lần thứ sáu được tổ chức trong lịch sử Trung Quốc, ông Tập giải thích: “Hiện tại, Trung Quốc đang trong thời kỳ phát triển tốt nhất kể từ thời hiện đại, và thế giới đang ở trong tình trạng thay đổi lớn chưa từng thấy trong một trăm năm, và hai [xu hướng] này đồng thời đan xen và tương tác lẫn nhau.” Đối với ông Tập, sự trỗi dậy toàn cầu của Trung Quốc và sự suy tàn rõ ràng của phương Tây là những xu hướng củng cố lẫn nhau.

Ngôn ngữ của ông Tập về sự suy tàn của nước Mỹ trong bối cảnh những thay đổi lớn trong một thế kỷ thường bị xiên xẹo, nhưng các học giả hàng đầu của Trung Quốc và các bài bình luận bán chính thức thì thẳng thắn hơn nhiều. Họ chỉ ra “sự thay đổi lớn” không thể nghi ngờ là sự suy giảm của Hoa Kỳ và phương Tây so với Trung Quốc. Về mặt quan trọng, những nguồn tin này theo sau sự dẫn dắt của ông Tập và liên kết rõ ràng “sự thay đổi lớn” với cùng một biến số đã định hình nên chiến lược lớn của chính Trung Quốc trong nhiều thập kỷ: cán cân lực lượng quốc tế. Như học giả quan hệ quốc tế nổi tiếng của Trung Quốc Zhu Feng đã viết, “sự thay đổi lớn lao trong” những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ “là sự thúc đẩy quá trình phân bổ lại quyền lực giữa các quốc gia trong

cấu trúc quốc tế.” Một bình luận được đăng trực tuyến tại mục Nghiên cứu của tờ Times cho “bản chất của những thay đổi lớn là cán cân quyền lực giữa các chủ thể quốc tế lớn đã trải qua những thay đổi lớn” đã “gây ra một sự thay đổi lớn về cấu trúc quốc tế và sự điều chỉnh lớn đối với trật tự quốc tế.” Zhang Yuyan, một thành viên của Ủy ban Toàn quốc của Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc, đã viết, “biến số quan trọng nhất của những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ nằm ở cán cân quyền lực quốc tế giữa các nước lớn.” Viết rộng hơn, Duqing Hao từ Trường Đảng lập luận tất cả “những thay đổi lớn trong lịch sử thế giới” đều bao gồm “những thay đổi lớn trong cán cân quyền lực quốc tế giữa các cường quốc.”

Nhưng nguyên nhân của sự thay đổi quyền lực này là gì? Các học giả cho đó không chỉ là sự trỗi dậy của Trung Quốc mà còn là sự sụp đổ của phương Tây, điều này được thể hiện rõ ràng bởi một bộ ba sự kiện gây sốc và không liên tục bắt đầu với Brexit và cuộc bầu cử của Trump và phản ứng thảm hại của phương Tây đối với COVID-19. Trong một bài luận về “những thay đổi lớn lao”, Wu Xinbo lập luận Hoa Kỳ đã “kiệt quệ về mặt tinh thần, thể chất yếu ớt và không còn có thể gánh vác thế giới nữa.” Zhu Feng từ Đại học Nam Kinh lập luận, “các nước phương Tây đang gặp khó khăn trong nước do những mâu thuẫn ‘chủ nghĩa dân túy’, phương Đông nổi lên và phương Tây sụp đổ.” Nhân vật của Trường Đảng Trung ương như Luo Jianbo được giao nhiệm vụ một phần trong việc tiêu chuẩn hóa và phổ biến các khái niệm của Đảng đã viết “những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ” là một “phán đoán chiến lược lớn”. Và lưu ý chúng đã đánh dấu sự kết thúc của “kỷ nguyên Đại Tây Dương” trong nền chính trị toàn cầu. Gao Zugui, hiệu trưởng Trường Đảng Trung ương và là phó giám đốc Viện Chiến lược Quốc tế, đã tuyên bố, “Sự sẵn sàng, quyết tâm và khả năng của riêng Hoa Kỳ để kiểm soát tình hình khu vực và quốc tế đã giảm đáng kể.”

Đằng sau những tuyên bố táo bạo là hàng nghìn bài báo về sự sa sút của phương Tây từ các học giả hàng đầu của Trung Quốc. Các bài báo chỉ ra những thành kiến của chính Trung Quốc, bao gồm xu hướng tập trung vào "cấu trúc cơ sở" của nền kinh tế vốn xuất phát từ lý thuyết của chủ nghĩa Mác, coi sự đa dạng là điểm yếu so với sự đồng nhất tương đối của Trung Quốc và coi các luồng thông tin là nguy hiểm với chủ nghĩa phi tự do của chính Trung Quốc. Hầu hết các bài báo đều kể một câu chuyện nhân quả đơn giản: thử nghiệm bốn mươi năm của phương Tây với các chính sách kinh tế "tân tự do" đã làm trầm trọng thêm bất bình đẳng kinh tế và xung đột sắc tộc, từ đó tạo ra làn sóng dân túy làm tê liệt nhà nước - tất cả đều được khuếch đại bởi môi trường thông tin tự do của phương Tây. Đây không phải là quan điểm của một số ít chuyên gia mù mờ, mà là quan điểm phổ biến để được đồng thuận. Tập Cận Bình có thể không bao giờ kể câu chuyện này trước công chúng, nhưng chắc chắn đó là điều mà ông và những người trong Đảng của ông tin tưởng về Hoa Kỳ — và đó là lý do tại sao họ bây giờ được khích lệ.

Một chuyến tham quan ngắn về diễn ngôn của Trung Quốc về sự suy tàn của Mỹ có thể mang lại hiệu quả. Câu chuyện thường bắt đầu với sự bất bình đẳng về kinh tế. Sau những năm 1970, Phó trưởng khoa tại Đại học Nghiên cứu Đối ngoại Bắc Kinh Xie Tao viết, "chủ nghĩa tân tự do ở vị trí thống trị" và các chính phủ đặt "tự do kinh tế lên hàng đầu, ủng hộ việc cắt giảm thuế và ít chú ý đến bất bình đẳng xã hội." Jin Canrong, một giáo sư và hiệu trưởng nổi tiếng tại Đại học Renmin, cho làn sóng "chủ nghĩa tân tự do" này bắt đầu từ "Cách mạng Thatcher năm 1979 và Cách mạng Reagan năm 1980" và dẫn đến "sự phân hóa giàu nghèo". Cơ cấu kinh tế cũng thay đổi. Nie Wenjuan, Phó Giám đốc Học viện Quan hệ Quốc tế tại Đại học Ngoại giao Trung Quốc, lập luận, "Với xã hội dân chủ của mình, Mỹ không thể ngăn chặn chủ nghĩa tư bản tài chính phát triển, hoặc thực hiện các hành động mạnh mẽ chống lại các lợi ích được trao", điều này gây ra sự trì trệ và bất bình đẳng. Wu

Baiyi, giám đốc Viện Châu Mỹ tại Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, nhấn mạnh những lực lượng này đã "làm rỗng" nền kinh tế Hoa Kỳ, với thành công trong các ngành công nghệ và dịch vụ tài chính phải trả giá bằng xuất khẩu và công nghiệp truyền thống.

Từ quan điểm của Trung Quốc, khi Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 xảy ra, dự luật cho những xu hướng này đã được ban hành và chủ nghĩa dân túy và xung đột sắc tộc gia tăng trong vài năm tới, làm tê liệt các quốc gia phương Tây. Như một bài báo từ Viện Nghiên cứu Quốc tế Trung Quốc (CIIS) kết nối với MFA đã lập luận, "chủ nghĩa dân túy hiện đang nổi lên ở châu Âu và Mỹ phản ánh sự gia tăng mâu thuẫn giữa tầng lớp trung lưu và tầng lớp thấp hơn so với tầng lớp trên". Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu tạo ra. Chủ nghĩa cực đoan cũng gia tăng. Như Jin Canrong đã lập luận, "trong lĩnh vực ý tưởng, xu hướng các tư tưởng cực đoan tiếp tục mở rộng", với "chủ nghĩa dân túy và phân biệt chủng tộc ngày càng trở nên cởi mở và có ảnh hưởng hơn." Zhu Feng cũng lập luận tương tự "chủ nghĩa dân tộc da trắng ở Hoa Kỳ và Châu Âu đang ngày càng trở nên tích cực." Công nghệ đã khuếch đại tất cả những xu hướng này. Một bài bình luận có thẩm quyền trên Diễn đàn Công tác An ninh Quốc gia 2017 của ông Tập đã trích dẫn các báo cáo của phương Tây để lập luận "các trụ cột cơ bản nhất của trật tự phương Tây đang suy yếu. Trong thời đại 'hậu sự thật', 'các nền dân chủ tự do' rất dễ bị thông tin sai lệch. Sự bùng nổ thông tin 'đã gây ra' sự xé rách xã hội," một học giả của Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc (CASS) lưu ý, tất cả đều được khuếch đại bởi các thuật toán, được nhắm mục tiêu quảng cáo và thông tin sai lệch "đẩy nhanh sự lan truyền của chủ nghĩa dân túy/chủ nghĩa dân tộc toàn cầu" và gây ra "sự phân cực nghiêm trọng." Jin Canrong lập luận đỉnh điểm của những xu hướng này là chủ nghĩa phi tự do và rối loạn chức năng: "sự phân cực của người giàu và người nghèo dẫn đến sự bất mãn trên diện rộng ở tầng lớp thấp và trung lưu. Sự bất mãn trong các tầng lớp thấp và trung lưu chắc chắn sẽ tạo nên

một nền chính trị dân túy theo khuynh hướng cánh tả và cánh hữu. Chính trị dân túy chắc chắn sẽ được sử dụng bởi những người đàn ông mạnh mẽ. Đây là một kết quả không thể tránh khỏi." học giả Trung Quốc chỉ ra phong trào Tiệc trà năm 2009, Chiếm phố Wall năm 2011, và đặc biệt là Brexit và Trump năm 2016 là bằng chứng về sự nắm giữ của chủ nghĩa dân túy.

Phong trào Tiệc trà là một phong trào chính trị phân quyền cánh hữu tại Hoa Kỳ nổi bật chủ yếu vì kêu gọi giảm nợ công quốc gia và ngân sách liên bang bằng cách giảm chi phí và thuế. Phong trào được coi là một phần chủ nghĩa bảo thủ, một phần chủ nghĩa tự do cá nhân, và một phần chủ nghĩa dân túy.

Khi phương Tây gặp khó khăn trong việc xử lý COVID-19 vào năm 2020, những chẩn đoán này đã được chứng minh. Năm đó, Tập Cận Bình tuyên bố "đại dịch coronavirus mới" là "một bài kiểm tra lớn đối với hệ thống quản trị và năng lực quản trị" trên toàn thế giới. Hầu như tất cả các nhà báo Trung Quốc về chủ đề này đều tin Trung Quốc đã vượt qua bài kiểm tra và phương Tây phần lớn đã thất bại. Một bài báo được đăng trên trang web của Bộ Tài chính và Thương mại đã lập luận, "dịch bệnh cho thấy Hoa Kỳ và các nước phương Tây ngày càng không thể thực hiện các cải cách và điều chỉnh thể chế, và bị rơi vào bế tắc chính trị mà từ đó họ không thể thoát được." Tương tự, biên tập viên của một tạp chí CASS lớn về các nghiên cứu của Mỹ đã lập luận, "Những thiếu sót trong cơ chế quan liêu hóa của chính phủ liên bang Hoa Kỳ và xu hướng 'chính phủ nhỏ' trong nửa thế kỷ qua đã thể hiện rất rõ trong phản ứng với cuộc khủng hoảng sức khỏe cộng đồng lớn này", và rối loạn chức năng sẽ tái tạo "quá trình cực đoan hóa chính trị." Một giáo sư tại Trường Đảng Trung ương đã lưu ý, rõ ràng là vui mừng, COVID-19 sẽ thúc đẩy chủ nghĩa dân tộc phương Tây và làm tổn hại thêm trật tự tự do. "Trước khi bùng phát COVID-19, chủ nghĩa dân tộc đã trở thành một xu hướng [ủng hộ sự trẻ hóa của Trung Quốc]." Ông lập luận, chính quyền Trump và Brexit đã mang đến những màn trình diễn nổi tiếng và COVID-19 sẽ "củng cố hơn nữa" những điều này theo những cách có lợi cho

Trung Quốc. Theo Wu Baiyi, thảm họa kinh tế, bất ổn xã hội và phản ứng COVID-19 kém có nghĩa là "Đất nước từng khoe khoang là 'ngọn đèn trên ngọn đồi' đã chìm trong tình trạng bất ổn xã hội kéo dài... Hỗn loạn và chia rẽ đang bóp nghẹt người dân." Theo đó, một cựu phó hiệu trưởng Trường Đảng Trung ương lập luận, đại dịch sẽ "Chắc chắn thúc đẩy sự phát triển hơn nữa của những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ." Yuan Peng lập luận phản ứng kém của Mỹ đối với COVID-19 "là một đòn giáng mạnh vào quyền lực mềm và cứng của Mỹ, và ảnh hưởng quốc tế của Mỹ đã bị suy giảm nghiêm trọng."

Nhiều người cho sự suy giảm thể chế của phương Tây phần lớn là khó chữa và tin phương Tây khó có thể giải quyết nó kịp thời. Xie Tao lưu ý, việc tập trung vào "cái gọi là các giá trị hậu duy vật, đã tạo ra một nền chính trị thiên về thể hiện bản thân và yêu cầu được tôn trọng hơn là tái phân phối kinh tế truyền thống," làm phức tạp thêm nỗ lực giải quyết các gốc rễ cấu trúc. của bất bình đẳng. Tương tự, một giáo sư tại Đại học Nghiên cứu Đối ngoại Bắc Kinh lập luận "sự hấp thụ hai lực lượng này [chủ nghĩa dân túy cánh tả và cánh hữu] của hệ thống chính trị Hoa Kỳ có thể không được giải quyết bằng một cuộc bỏ phiếu." Một số người tin tình trạng rối loạn chức năng sẽ kéo dài. "Nguồn gốc nhận thức của chủ nghĩa dân túy sẽ tồn tại trong một thời gian dài", một bài báo do CIIS kết nối với MFA xuất bản. Xie Tao tin giai đoạn dân túy này "có thể tiếp tục trong một thời gian - mười hoặc hai mươi năm." Và rối loạn chức năng đảng phái có khả năng đi cùng với chủ nghĩa dân túy. Như Jin Canrong đưa ra trong một bài báo đăng trên trang web của Bộ Quốc phòng, "mâu thuẫn giữa hai bên ở Hoa Kỳ cũng rất sâu sắc." Thật vậy, Nie Wenjuan, một giáo sư tại Đại học Ngoại giao Trung Quốc, lập luận "đại dịch đã tăng thêm tính cấp bách [để cải cách], nhưng các chính trị gia Mỹ dường như chưa tìm ra câu trả lời." Bà cho ngay cả khi có sự thay đổi trong chính quyền, Hoa Kỳ có khả năng chỉ tham gia vào việc "mày mò" xung quanh các vấn đề cơ cấu của mình. Wu Baiyi

lập luận Hoa Kỳ phải đối mặt với một “căn bệnh của người Mỹ” mà ông ví như “căn bệnh của người Hà Lan. “Và” bệnh Mỹ Latinh “được sử dụng để mô tả các trạng thái rối loạn chức năng khác”. Các nhà quan sát không còn có thể “ấp ủ những tưởng tượng về khả năng tự chấn chỉnh của Hoa Kỳ”: miếng bánh kinh tế đang bị thu hẹp, “ngành sản xuất nói chung” đã “khô héo”, việc làm tốt hiếm hơn, xuất khẩu giảm và nền kinh tế nghiêng về công nghệ và tài chính dịch vụ — tất cả đều làm gia tăng bất bình đẳng trong khi “thu hẹp các kênh cho dịch chuyển đi lên.” Các thể chế chính trị cũng đang thất bại: “Bất kể sự ủng hộ của công chúng đối với một dự luật nhất định là 30% hay 100%, không ảnh hưởng đến việc nó được thông qua hay thất bại” vì sự phân cực, vì vậy không có tiến bộ nào được thực hiện đối với các nguồn gây rối loạn chức năng của Hoa Kỳ. Ông cho điều này đã tạo ra “một vòng luẩn quẩn” trong đó “những khoảng trống rộng rãi trong xã hội Mỹ ngày càng mở rộng, không gian cho sự thỏa hiệp về thể chế ngày càng thu hẹp và việc ra quyết định của quốc gia ngày càng xa rời nguyên tắc ‘con người là trên hết’.”

Jin Canrong lưu ý, một trong những “xu hướng lớn” xuất hiện từ tình trạng này là sự kết thúc của Hoa Kỳ với tư cách là siêu cường duy nhất. Thay vào đó, ông lập luận “cấu trúc thế giới đang thay đổi từ một siêu cường, nhiều cường quốc sang hai siêu cường, nhiều cường quốc.” Đây là một tuyên bố quan trọng, vì Trung Quốc đã nhìn nhận một thế giới trong đó Hoa Kỳ là duy nhất trong nhiều thập kỷ. siêu cường như một nhân tố chính định hình chiến lược lớn của nó. Điều đó không chỉ giờ đã thay đổi, mà dường như rất hợp lý đối với giới tinh hoa cho họ tin tưởng vào sự suy tàn của Mỹ, thế giới cuối cùng có thể quay trở lại “một siêu cường, nhiều cường quốc” — lần này với Trung Quốc là siêu cường duy nhất. Có rất nhiều người nhìn thấy điểm kết thúc của chiến lược lớn toàn cầu trong những điều kiện như vậy.

ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU TRẺ HÓA QUỐC GIA

Mục tiêu cuối cùng của đại chiến lược toàn cầu của Trung Quốc là đạt được sự trẻ hóa quốc gia vào năm 2049. Theo quan điểm của Bắc Kinh, nhiệm vụ thiết yếu trong ba thập kỷ tới là nắm bắt cơ hội của "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ" để vượt qua Hoa Kỳ trên toàn cầu. đồng thời tránh nguy cơ ngày càng tăng của một Hoa Kỳ không sẵn sàng chấp nhận một cách uyển chuyển sự suy tàn của mình. Giai đoạn "những thay đổi lớn" mà Bắc Kinh chỉ ra là đầy rẫy những cơ hội và rủi ro lớn, nhưng các nhà lãnh đạo Trung Quốc tin giai đoạn trước vượt trội hơn giai đoạn sau. Đây là lý do tại sao họ cho Trung Quốc vẫn ở trong thời kỳ có cơ hội "chiến lược" hoặc "lịch sử" để đạt được sự trẻ hóa.

Mối liên hệ giữa "những thay đổi lớn" và sự trẻ hóa là rõ ràng trong các bài phát biểu có thẩm quyền. "Thế giới đang phải đối mặt với những thay đổi to lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ... mang lại cơ hội to lớn cho sự trẻ hóa của đất nước Trung Quốc", ông Tập và các nhà lãnh đạo của ông tuyên bố vào năm 2018. "Thế giới ngày nay đang trải qua những thay đổi to lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ, và ông nói trong một bài phát biểu năm 2019. Cùng năm đó, ông nói với Trường Đảng Trung ương, "Thế giới ngày nay đang ở trong tình trạng thay đổi chưa từng thấy trong một thế kỷ. Cuộc đấu tranh vĩ đại, dự án vĩ đại, chính nghĩa vĩ đại, và ước mơ vĩ đại của đảng chúng ta đang diễn ra sôi nổi." Sự hiểu biết này được phổ biến rộng rãi. Trong một bản tóm tắt của bài viết học thuật về khái niệm này, một học giả từ CASS đã lập luận, "nhìn chung, người ta tin những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ là một cơ hội lịch sử quan trọng cho sự trẻ hóa vĩ đại của đất nước Trung Quốc."

Nếu "những thay đổi lớn" đánh dấu một cơ hội để nắm bắt sự trẻ hóa, thì sự trẻ hóa có nghĩa là gì? Mặc dù còn gây tranh cãi trong giới phương Tây khi đề xuất mục tiêu của khái niệm này là đưa Trung Quốc trở thành quốc gia hàng đầu thế giới vào năm 2049, nhưng điều này hiện thường ẩn và đôi khi rõ ràng trong các cuộc thảo luận về trẻ hóa và "những thay đổi lớn". Ví dụ, ngay cả Trương Vân Lĩnh - một học giả cao cấp về Trung

Quốc và đôi khi là cố vấn của Bộ Ngoại giao, người thường ủng hộ chính sách đối ngoại tự do - liên kết việc trẻ hóa với vượt qua Hoa Kỳ trong một bài luận về khái niệm này. “Trong lịch sử, Trung Quốc là quốc gia có sức mạnh toàn diện mạnh nhất trên thế giới,” ông lưu ý; “Dự kiến đến giữa thế kỷ 21, tức là vào năm 2050, Trung Quốc có thể đứng đầu thế giới về sức mạnh toàn diện và hoàn thành mục tiêu lớn là trẻ hóa dân tộc Trung Quốc.” Trong một bài luận khác, ông viết, “thay đổi lớn nhất trong thế kỷ trước là sự cải thiện liên tục sức mạnh của Mỹ, từ việc vượt qua Anh, đánh bại Đức và Nhật Bản, sự tan rã của Liên Xô và trở thành siêu cường duy nhất.” Nhưng giờ đây, “trong nửa đầu thế kỷ 21”, ông tiếp tục, “sự thay đổi lớn nhất rất có thể là sức mạnh toàn diện của Trung Quốc đã vượt qua Hoa Kỳ... Đây chắc chắn là sự thay đổi quan trọng nhất trong cơ cấu quyền lực kể từ thời phương Tây. công nghiệp hóa.”

Tương tự, một bài xã luận có thẩm quyền Tân Hoa Xã được xuất bản trong Đại hội Đảng lần thứ 19 của Đảng Cộng sản Trung Quốc tuyên bố, “Đến năm 2050, hai thế kỷ sau cuộc Chiến tranh nha phiến, khiến ‘Trung quốc rơi vào thời kỳ tủi nhục’, Trung Quốc sẽ lấy lại sức mạnh và tái vươn lên đỉnh thế giới.” Một bài báo đăng trên trang web của Tạp chí Study Times của Trường Đảng Trung ương dưới một bút danh nói rõ “những thay đổi lớn” là về sự thay đổi “cán cân quyền lực” quốc tế, với tác giả viết một cách sâu sắc về cách “Hoa Kỳ dần thay thế Anh với tư cách là người lãnh đạo phe phương Tây và người lãnh đạo trật tự thế giới” trên con đường “thống trị thế giới”, cho thấy những thay đổi đang diễn ra hiện nay giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc là mang ý nghĩa lịch sử. Trong một bài luận do chính quyền trung ương ủy quyền, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Vành đai và Con đường CASS Ren Jingjing lập luận, “Trung Quốc sẽ trở thành một quốc gia có thu nhập cao vào khoảng năm 2021; đến năm 2030, GDP của Trung Quốc có thể vượt Hoa Kỳ một cách đáng kể; vào năm 2035, chi tiêu cho R&D công nghệ cao của Trung Quốc có thể vượt Hoa Kỳ; vào năm 2050, chi tiêu quân sự của Trung Quốc có thể vượt Hoa Kỳ.” Tuyên bố phù hợp với

mong muốn vượt qua Hoa Kỳ của Trung Quốc với mốc thời gian chính thức để trẻ hóa, cả hai đều tập trung vào kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng vào năm 2049. “Nếu Trung Quốc phát triển thuận lợi,” Ren tiếp tục, “Sức mạnh của Trung Quốc về mọi mặt sẽ tiếp tục tiệm cận hoặc thậm chí vượt qua Hoa Kỳ trong 30 năm tới.” Thực tế, “xu hướng của những thay đổi lớn phụ thuộc vào 30 năm tới,” Ren cho cấu thành “một thời kỳ chuyển tiếp”. quan chức của Đảng dường như chia sẻ đánh giá về ba thập kỷ tới — và đặc biệt là thập kỷ tiếp theo — là cốt lõi của việc nắm bắt các cơ hội do “những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ”. Như chính ông Tập đã lập luận, “Mười năm tới sẽ là một thập kỷ tiến hóa nhanh chóng của cấu trúc quốc tế và cán cân quyền lực,” và “mười năm tới [cũng] sẽ là một thập kỷ tu sửa sâu sắc hệ thống quản trị toàn cầu.”

Những “thay đổi lớn” này liên quan đến rủi ro và phần thưởng, và trong bài phát biểu giới thiệu khái niệm “những thay đổi lớn”, ông Tập đã mô tả giai đoạn chuyển tiếp này là một trong những “cơ hội chưa từng có và thách thức chưa từng có.” Ông đã nhiều lần nhấn mạnh những chủ đề này. “Chúng ta đang đối mặt với những cơ hội lịch sử hiếm có và một loạt thách thức”, ông lưu ý trong bài phát biểu về “những thay đổi lớn” và trẻ hóa quốc gia. “Khủng hoảng và cơ hội cùng tồn tại trong những thay đổi lớn”, ông và các nhà lãnh đạo Đảng khác lưu ý tại Hội nghị Diễn đàn Công tác Kinh tế Trung ương 2018.

Chính xác thì những cơ hội và thách thức này là gì? Sách trắng năm 2019 của Trung Quốc cho “Trung Quốc và thế giới trong kỷ nguyên mới” đưa ra câu trả lời. Nó có một phần chi tiết về “những thay đổi lớn”, được chia thành cơ hội và thách thức. Và nó, cùng với bình luận học thuật, gợi ý mạnh mẽ cơ hội đến từ sự rút lui và suy tàn của Hoa Kỳ; Tuy nhiên, rủi ro đến từ sự phản kháng của Hoa Kỳ đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc khi sự suy giảm của chính họ trở nên rõ ràng.

Đầu tiên, Sách Trắng tuyên bố rõ ràng “những thay đổi lớn thúc đẩy sự xuất hiện của những cơ hội mới” và “thay đổi lớn nhất trong số những” thay đổi chưa từng thấy trong một thế kỷ

“chính là sự trỗi dậy của Trung Quốc... điều này làm thay đổi cơ bản cán cân quyền lực quốc tế”. Nó lập luận, “Kể từ cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ nhất, chính trị quốc tế và hệ thống kinh tế đã bị chi phối bởi các cường quốc phương Tây.” Sách Trắng lưu ý điều này đã không còn xảy ra, bao gồm một biểu đồ mô tả tỷ trọng toàn cầu đang giảm dần trong GDP của “quốc gia phát triển”. Kết quả là, “trong thế giới ngày nay, đa cực đang gia tăng, các mô hình phát triển hiện đại ngày càng đa dạng, và... không một quốc gia hay một khối quốc gia nào có thể một mình thực hiện quyền thống trị trong các vấn đề thế giới.” Tất cả những xu hướng này đã tạo ra “cơ hội” cho Trung Quốc, một cách diễn giải mà các bài bình luận khác phần lớn lặp lại. Ví dụ, trong một cuộc phỏng vấn vào tháng 10 năm 2018, Yan Xuetong tuyên bố, “Tôi nghĩ đây là thời kỳ cơ hội chiến lược tốt nhất cho Trung Quốc kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc.” Giải thích logic của mình, Yan lập luận, “Trump đã hủy hoại Hoa Kỳ - dẫn đầu hệ thống liên minh và cải thiện môi trường quốc tế của Trung Quốc... Về mặt chiến lược, môi trường quốc tế của Trung Quốc tốt hơn nhiều so với trước khi Trump lên nắm quyền.” Ông đặt tình huống trong bối cảnh lịch sử: “Nói tóm lại, so với Chiến tranh Triều Tiên trong những năm 1950, Chiến tranh Việt Nam những năm 1960, và các lệnh trừng phạt quốc tế trong những năm 1990, những khó khăn quốc tế hiện tại của Trung Quốc là rất nhỏ, và khoảng cách giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ nhỏ hơn nhiều so với trước đây.” Quan điểm chung của ông:” Điều quan trọng nhất hiện nay là cách Trung Quốc nên tận dụng cơ hội chiến lược này. Những người khác cũng có quan điểm tương tự. Wu Xinbo lưu ý chính quyền Trump đã “liên tục rút lui” trên trường quốc tế, từ “việc rút khỏi TPP, Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu, UNESCO, Liên minh Bưu chính Thế giới, chấm dứt JCPOA với Iran, mối đe dọa rút khỏi WTO, trù dập NATO và cả LHQ, rút khỏi hiệp ước INF, tuyên bố rút quân khỏi Syria... Có vẻ như Mỹ không thể tiếp tục vị thế của mình trong trật tự thời hậu chiến. “Phi Mỹ hóa”, Wu Tậpnbo lập luận, “một cách khách quan tạo ra một cơ hội cho các khu vực và quốc gia khác nhau định vị lại bản thân và giải quyết các vấn

đề lịch sử khác nhau." Khi Hoa Kỳ từ chối, "việc ủy quyền và nới lỏng các hạn chế cũng có thể mang lại cho mọi người những lợi ích và lợi ích chiến lược không ngờ tới."

Thứ hai, Sách trắng cũng chỉ ra những thách thức, cụ thể là rủi ro, đến từ Hoa Kỳ. "Tâm lý của Chiến tranh Lạnh về bao vây, ràng buộc, đối đầu và đe dọa đang trỗi dậy," nó lập luận. "Một số nước phương Tây đang gặp khó khăn nghiêm trọng trong quản trị, chủ nghĩa dân túy lan rộng và các cuộc tấn công vào toàn cầu hóa đang gia tăng mạnh mẽ". Tập Cận Bình ngụ ý điều này khi ông nói trong một bài phát biểu năm 2019: "Thế giới ngày nay đang trải qua những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ, và hiện thực hóa sự trẻ hóa vĩ đại của đất nước Trung Quốc đang ở một giai đoạn quan trọng. Mục tiêu càng gần, tình hình càng phức tạp, nhiệm vụ càng gian khổ."

Các bình luận học thuật lặp lại những chủ đề này một cách rõ ràng hơn. Thách thức chính đối với sự trẻ hóa là Hoa Kỳ, lập luận của một hiệu trưởng Trường Đảng Trung ương khi viết trong Diễn đàn Cán bộ Chính phủ và Đảng: "Đối với Trung Quốc, những thay đổi lớn mang lại cả thách thức và cơ hội. Thử thách chủ yếu đến từ trò chơi chiến lược của các cường quốc. Hoa Kỳ đã coi Trung Quốc là một đối thủ cạnh tranh chiến lược, và tổng thể thực lực của Hoa Kỳ vẫn mạnh hơn Trung Quốc. Trong trường hợp này, liệu có thể đối phó với áp lực cạnh tranh chiến lược của Hoa Kỳ hay không là một bài kiểm tra gay gắt đối với Trung Quốc." Hầu hết đều thấy một Hoa Kỳ đang sa sút, đôi khi là tự hủy diệt, đối với một Trung Quốc đang lên. Ren Jingjing từ CASS lập luận, "Hoa Kỳ là trở ngại lớn nhất trên con đường vươn lên và trẻ hóa quốc gia của Trung Quốc" và tìm cách "loại bỏ Trung Quốc khỏi chuỗi giá trị toàn cầu" để phá hoại nó. Zhu Feng, người thường cảnh báo cần phải kiềm chế hơn chính sách đối ngoại, những lo ngại về chủ nghĩa chiến thắng trong diễn ngôn của Trung Quốc - đặc biệt là diễn ngôn về "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ" - sẽ sớm kích hoạt những lo lắng của phương Tây. "Sự trỗi dậy của Trung Quốc càng có động lực tiến lên, thì các nước phương Tây

sẽ càng lo lắng về việc đánh mất lợi thế quyền lực của mình, đồng thời việc kiểm soát và cân bằng Trung Quốc sẽ trở nên rõ ràng hơn. Việc thảo luận về 'những thay đổi lớn' không thể chỉ tập trung vào việc phân chia lại quyền lực trong hệ thống quốc tế, nó cũng cần tránh trở thành mục tiêu mới để phương Tây tấn công Trung Quốc." Đến cuối năm 2019, rõ ràng là Hoa Kỳ đã là trở ngại cốt lõi. Ví dụ, một bài viết của một học giả tại Viện Nghiên cứu Quốc tế Thượng Hải về "những thay đổi lớn lao" lập luận, "Hoa Kỳ và các nước phương Tây khác công khai coi Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chính của họ," mặc dù "vị trí hàng đầu của nền văn minh phương Tây về chính trị, kinh tế, quân sự và hệ tư tưởng toàn cầu đã bước vào một chu kỳ tương đối yếu," một phần là do chủ nghĩa dân túy, mang đến một sự cứu vãn tiềm năng.

Các nhà chiến lược của Trung Quốc muốn Hoa Kỳ từ tốn chấp nhận sự suy tàn của mình. Một hiệu trưởng tại Trường Đảng Trung ương viết trong Diễn đàn Cán bộ Chính phủ và Đảng cấp Trung ương đã lập luận: "Trong những thay đổi lớn, nhân tố không chắc chắn nhất là các cường quốc phương Tây, đặc biệt là siêu cường duy nhất, Hoa Kỳ. Liệu Hoa Kỳ có thể phán đoán tình hình hiện tại, đi theo xu hướng, phản ứng hợp lý trước những thay đổi lớn lao, và nhận ra sự suy tàn của quyền bá chủ một cách thanh lịch và đàng hoàng hay không là yếu tố quan trọng quyết định tiến trình của những thay đổi lớn." Ngay cả khi không xảy ra, sự kháng cự của Hoa Kỳ "chỉ có thể trì hoãn tiến trình của những thay đổi lớn chứ không thể xác định được hướng đi của chúng." Về lâu dài, sự suy tàn của Hoa Kỳ là không thể tránh khỏi.

Vậy làm thế nào để cân bằng giữa cơ hội và rủi ro? Nói chung, cơ hội lớn hơn. Một hiệu trưởng tại Trường Đảng Trung ương viết trong Diễn đàn Cán bộ Chính phủ và Đảng cấp Trung ương: "Những cơ hội do những thay đổi lớn mang lại nên đáng được quan tâm hơn [là rủi ro]. Cuộc thảo luận của Tổng Bí thư Tập Cận Bình về những thay đổi lớn thường gắn với khẳng định Trung Quốc vẫn đang trong thời kỳ có những cơ hội chiến lược

quan trọng.” Trung Quốc sẽ phải phấn đấu mạnh mẽ để đạt được sự trẻ hóa vào năm 2049. Như ông Tập đã nêu trong một bài phát biểu năm 2017, “Sự trẻ hóa lớn của đất nước Trung Quốc không thể đạt được một cách dễ dàng hay chỉ đơn giản là chơi trống và chiêng. Cần phải tiến hành một cuộc đấu tranh lớn để thực hiện ước mơ vĩ đại này... Những cuộc đấu tranh khác nhau mà chúng ta phải đối mặt không phải là ngắn hạn mà là lâu dài, và chúng sẽ đồng hành cùng chúng ta trong suốt quá trình hoàn thành mục tiêu 100 năm thứ hai [về trẻ hóa]. Như một bài phát biểu rõ ràng vào năm 2021, ông ấy tin tưởng vào tương lai. Thế giới đang trải qua những thay đổi chưa từng thấy trong thế kỷ, nhưng thời gian và tác động vẫn đứng về phía chúng ta. Đây là nơi lực lượng và sức mạnh của chúng ta trú ngụ, cùng quyết tâm và sự tự tin của chúng ta.”

Nói tóm lại, Trung Quốc sẽ cần một cách tiếp cận tích hợp các phương tiện chính trị, kinh tế và quân sự để đạt được những mục tiêu cao cả này và đưa Hoa Kỳ ra khỏi trật tự toàn cầu. Chiến lược đó, như chương tiếp theo trình bày rất chi tiết, sẽ liên quan đến việc xây dựng các thể chế toàn cầu ở cấp độ chính trị, nắm bắt “cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư” ở cấp độ kinh tế và đảm bảo các năng lực ngày càng toàn cầu ở cấp độ quân sự - tất cả đều để áp dụng và xây dựng các chiến lược đã được thực hiện trong thời gian dài từ châu Á đến thế giới rộng lớn hơn.

| 12 |
ĐỨNG CAO NHÌN XA

“Đối với bạn bè, chúng ta có rượu ngon, nhưng đối với kẻ thù, chúng ta có súng ngắn.” — Đại sứ Trung Quốc tại Thụy Điển Gui Congyou, 2019.

CÁCH THỨC VÀ PHƯƠNG TIỆN MỞ RỘNG TOÀN CẦU CỦA TRUNG QUỐC

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2019, Đại sứ Trung Quốc tại Thụy Điển Gui Congyou đã có cuộc phỏng vấn với đài phát thanh công cộng của Thụy Điển. Cuộc phỏng vấn đã không diễn ra tốt đẹp.

Gui Congyou

Mối quan hệ giữa Trung Quốc và Thụy Điển đã trở nên căng thẳng vào thời điểm đó, mặc dù theo hầu hết các lý do, lẽ ra chúng không nên như vậy. Thụy Điển là một quốc gia có lịch sử lâu đời về sự trung lập và không liên kết từ thời Chiến tranh Napoléon. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Thụy Điển cho phép người Đức sử dụng các tuyến đường sắt của đất nước đồng thời cung cấp thông tin tình báo cho Đồng minh và thỉnh thoảng tiếp cận quân sự; trong Chiến tranh Lạnh, Thụy Điển lặng lẽ liên kết với phương Tây nhưng trung lập trước công chúng. Đối với Bắc Kinh, bản năng không liên kết của Thụy Điển

khiến nước này trở thành một đối tác hấp dẫn và các nguồn tin Trung Quốc thường xuyên nói như vậy. Hai bên lẽ ra nên hòa thuận ngay cả trong thời điểm căng thẳng Mỹ-Trung gia tăng và cuộc phỏng vấn của Gui nên diễn ra tốt đẹp hơn.

Nhưng cuộc phỏng vấn của Gui đến vào một thời điểm khó khăn. Một sự rạn nứt trong quan hệ song phương đã mở ra khi Bắc Kinh, mặc dù có quan hệ khá nồng ấm với Thụy Điển trong nhiều năm, đã cử đặc vụ của mình đến bắt cóc một công dân Thụy Điển và người bán sách tên Gui Minhai đang sống ở Thái Lan. Gui đã xuất bản những cuốn sách phê phán về giới thượng lưu Trung Quốc, vì vậy Trung Quốc đã 'điều chỉnh' anh ta, buộc anh ta phải ra đầu thú trên truyền hình, và sau đó hai năm giam giữ trước khi kết án mười năm tù.

Thụy Điển tất nhiên là một xã hội tự do với báo chí tự do, và vụ bắt cóc một công dân Thụy Điển không phải là câu chuyện mà giới truyền thông nước này có thể bỏ qua. Nhưng đối với Bắc Kinh, các nhóm xã hội dân sự độc lập của Thụy Điển đã đưa tin về việc Gui Minhai bị bắt và ủng hộ việc trả tự do cho anh ta là không thể chấp nhận được mặc dù đường lối công khai tương đối hạn chế hơn của chính phủ Thụy Điển. Và chính trong bối cảnh hoạt động xã hội dân sự này, Đại sứ Gui đã quyết định làm rõ các vấn đề nếu Thụy Điển tiếp tục gây rắc rối về vụ bắt cóc chính công dân của mình. "Đối với bạn bè, chúng tôi có rượu ngon," Gui nói, "nhưng đối với kẻ thù, chúng tôi có súng ngắn."

Mối đe dọa phi chính trị của Gui là một ví dụ về cái mà nhiều người gọi là "ngoại giao Chiến Lang" của Trung Quốc — một giọng điệu dân tộc, sắc sảo hơn nhưng đôi khi lại tự đánh mình. Nó cũng chứng tỏ một dấu hiệu của những điều sắp xảy ra. Gần đúng một năm sau, Trung Quốc đã gửi một danh sách mười bốn bất bình cho Úc, được cho là biện minh cho việc trừng phạt kinh tế đối với nước này. Tổng hợp lại, những bất bình đã tạo thành một bản thiết kế sơ bộ cho trật tự Trung Quốc. Úc bề ngoài đã giảm sàng lọc đầu tư nước ngoài, dung túng cho Hồ Cẩm Đào, lùi luật chống can thiệp của nước ngoài, mở rộng chính sách thị

thực, ngừng chỉ trích nhân quyền, thay đổi lập trường Biển Đông, ngừng công khai quy kết các cuộc tấn công mạng cho Trung Quốc, cho phép Úc tham gia Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc và hạn chế các hành động độc lập của các tổ chức tư vấn, phương tiện truyền thông và các quan chức địa phương mà Trung Quốc thấy khó chịu. Nếu không, nước này sẽ phải đối mặt với sự trừng phạt kinh tế lớn hơn.

Đường lối của Gui và bức thư của Trung Quốc gửi cho Australia, cho thấy một thực trạng đang phát triển: Trung Quốc sẽ ngày càng thực hiện "các hình thức kiểm soát" của mình đối với các quốc gia như Thụy Điển và Australia — với các hình phạt dành cho những người làm mất lòng Trung Quốc. Hành vi của một cường quốc mà Trung Quốc triển khai đôi khi ở khu vực lân cận của mình đã trở nên phổ biến hơn bên ngoài nó. Giờ đây, khi Bắc Kinh theo đuổi một chiến lược lớn đầy tham vọng hơn, họ đang thực hiện những hình thức kiểm soát đó — khả năng cưỡng chế, những lời kêu gọi đồng thuận và theo đuổi tính hợp pháp — trên toàn cầu.

Chương này xem xét cách Trung Quốc muốn làm như vậy. Nó xem xét "cách thức và phương tiện" trong chiến lược lớn toàn cầu của Trung Quốc, thảo luận một cách cụ thể về cách nước này đang xây dựng các hình thức kiểm soát trên toàn cầu trong khi làm suy yếu các hình thức kiểm soát của Hoa Kỳ. Nó xem xét nỗ lực này trên ba lĩnh vực của quy chế, mô tả cách Bắc Kinh đưa ra các thể chế toàn cầu và các chuẩn mực phi tự do ở cấp độ chính trị, tìm cách nắm bắt "cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư" và làm suy yếu sức mạnh tài chính của Mỹ ở cấp độ kinh tế, và ngày càng có được khả năng toàn cầu. và các cơ sở mới ở cấp quân sự — tất cả đều là một phần của nỗ lực rộng lớn hơn nhằm đạt được tầm nhìn dân tộc về sự trẻ hóa và thay thế trật tự của Hoa Kỳ.

CÁCH THỨC VÀ PHƯƠNG TIỆN — MỘT CHIẾN LƯỢC LỚN TOÀN CẦU

Một số nhà quan sát phương Tây đã suy đoán Trung Quốc có hai con đường để định hình trật tự toàn cầu - một con đường

khu vực đòi hỏi “thiết lập sự thống trị ở Tây Thái Bình Dương và sau đó mở rộng ra bên ngoài từ đó” và một con đường toàn cầu bao gồm “vượt qua Mỹ” và “xây dựng nền kinh tế và quyền lực chính trị trên toàn thế giới.” Đối với Trung Quốc, chiến lược khu vực đã được theo đuổi một cách quyết đoán hơn kể từ năm 2008 khi Trung Quốc tìm cách đặt nền móng cho quyền bá chủ trong khu vực, và chiến lược này đang diễn ra. Điều đã thay đổi kể từ năm 2016 là bình minh của một trọng tâm mới, toàn cầu hơn, một trọng tâm cạnh tranh trật tự toàn cầu một cách rộng rãi hơn.

Những nỗ lực toàn cầu mới của Trung Quốc bắt đầu với sự đột phá cởi mở của Đặng Tiểu Bình. Một bài bình luận có thẩm quyền trên Diễn đàn Công tác An ninh Quốc gia năm 2017 của Tập đã diễn giải một phần quan trọng trong các nhận xét của Đặng và cho chúng đã lỗi thời: “Tại thời điểm này, chiến lược ngoại giao của chúng ta phải theo kịp thời đại và bước ra khỏi giai đoạn ‘Ẩn mình chờ thời’.” Trong bài phát biểu quan trọng tại Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương năm 2018, Tập dường như đặt câu hỏi liệu hướng dẫn của Đặng có còn được áp dụng cho đến ngày nay hay không khi ông cho “cái được gọi là quan điểm đúng đắn về vai trò của chúng ta là không chỉ bình tĩnh phân tích các hiện tượng quốc tế khác nhau,” mà Đặng đã chủ trương nổi tiếng như một phần của câu châm ngôn “ẩn mình”, nhưng cũng đặt mình vào [nó], nhìn vào các vấn đề giữa Trung Quốc và thế giới, hiểu rõ tình trạng và vai trò của chúng ta trong sự phát triển của cấu trúc quốc tế, và hoạch định chính sách đối ngoại một cách khoa học. Trung Quốc lập luận cần phải “củng cố một cách cơ bản lòng tự tin chiến lược”. Như ông đã lập luận trong một cuộc họp quan trọng kỷ niệm năm năm thành lập BRI, “thế giới ngày nay đang ở trong một thời kỳ phát triển vượt bậc, những thay đổi lớn và những điều chỉnh lớn. Chúng ta cần có tầm nhìn chiến lược và thiết lập quan điểm toàn cầu. Chúng ta phải có cả cảm giác rủi ro và ý thức về cơ hội lịch sử và nắm bắt tiến trình của những thay đổi không thể thấy trong một trăm năm.”

Về mặt cụ thể, việc xây dựng trật tự của Trung Quốc ở cấp độ toàn cầu trông như thế nào? Chiến lược của Bắc Kinh đang phát triển, nhưng các nguồn tin và hành vi của Trung Quốc giúp chúng ta phác họa các đường nét mới nổi của nó. Trung tâm của nó là khái niệm vô định hình về một "cộng đồng chung tương lai cho nhân loại," mà vô số quan chức đã nói là trọng tâm của quá trình trẻ hóa quốc gia. Mặc dù các hình thức ban đầu của khái niệm chỉ mang tính khu vực, nhưng rõ ràng nó đã lan rộng ra toàn cầu, xuất hiện trong mọi thông báo chính sách đối ngoại lớn và hơn hai mươi hai lần trong Sách trắng năm 2019 của Trung Quốc như một ví dụ về "trí tuệ và sức mạnh của Trung Quốc để giải quyết các vấn đề thế giới." Hai học giả CASS lưu ý khái niệm liên quan đến việc Trung Quốc "cung cấp khả năng... để khẳng định mình như một cường quốc", chủ đề mà Sách trắng của Trung Quốc cũng nhấn mạnh. Đây là "mục tiêu quan trọng nhất của thế kỷ 21 đối với Trung Quốc" Yuan Peng lưu ý, "trẻ hóa và xây dựng một quốc gia hùng mạnh hiện đại". "Sẽ chung tay với 'Một vành đai, Một con đường' và cộng đồng chung vận mệnh" để xây dựng liên minh hỗ trợ của riêng mình "xoay quanh Trung Quốc". Cuối cùng, khái niệmdường như là chỗ dựa cho trật tự thứ bậc toàn cầu của Trung Quốc. đảm bảo sự tôn trọng đối với các đặc quyền của Bắc Kinh thông qua sự kết hợp của cưỡng chế, các công cụ đồng thuận và tính hợp pháp chính đáng. Nó giống với cái mà một số người có thể gọi là một loại "bá quyền một phần", một loại không nhất thiết bị ràng buộc về mặt địa lý nhưng nằm trên một mạng lưới phức tạp của các công cụ lập pháp khác nhau, tất cả đều tỏa ra từ Trung Quốc trên khắp thế giới.

Chiến lược toàn cầu mới nổi của Trung Quốc nhằm đạt được loại trật tự này có ba mục tiêu lớn, theo các tài liệu của Đảng và các bài bình luận có liên quan. Bây giờ chúng ta sẽ khám phá chi tiết từng cái.

TUYÊN BỐ QUYỀN LÃNH ĐẠO TOÀN CẦU

Ở cấp độ chính trị, Trung Quốc đã từng tìm cách cắt bỏ các thể chế khu vực do những người khác vận hành và xây dựng các

thể chế khu vực mà họ kiểm soát. Giờ đây, như các văn bản của Đảng và hành vi của chính Trung Quốc cho thấy, các nỗ lực của nước này tập trung vào quản trị và trật tự toàn cầu cũng như thúc đẩy mạnh mẽ hơn tính hợp pháp của hệ thống của chính mình. Việc xem xét các tài liệu và bài phát biểu về chính sách đối ngoại lớn của Trung Quốc làm rõ trọng tâm này.

Tiêu điểm toàn cầu hơn lần đầu tiên xuất hiện bài luận năm 2017 của Yang Jiechi, không phải ngẫu nhiên, cũng lần đầu tiên giới thiệu "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ" và được xuất bản một tuần trước lễ nhậm chức của Trump. Yang liệt kê một số "điểm chính" cho "chính sách ngoại giao cường quốc" mới của Trung Quốc, tất cả đều mang tính toàn cầu: "đề xuất giấc mơ Trung Quốc và mang lại ý nghĩa thế giới sâu sắc", "ủng hộ việc tạo ra một cộng đồng chung vận mệnh cho nhân loại, xây dựng mạng lưới quan hệ đối tác toàn cầu", nỗ lực "đóng góp trí tuệ của Trung Quốc vào việc cải thiện quản trị toàn cầu" và thúc đẩy Vành đai và Con đường. Trong một sự thay đổi rõ ràng so với ngôn ngữ trước đây, bài luận của Yang nhấn mạnh rõ ràng vai trò lãnh đạo của Trung Quốc bằng cách lập luận "tham gia và dẫn đầu nền quản trị toàn cầu" sẽ là "hướng đi tiên phong" cho ngoại giao Trung Quốc và Trung Quốc cũng sẽ "tích cực dẫn đầu hợp tác kinh tế quốc tế". Yang cho một chương trình nghị sự toàn cầu đầy đủ hơn so với trước đây và ông tuyên bố nó sẽ "vượt qua lý thuyết truyền thống của phương Tây về quan hệ quốc tế dựa trên trò chơi tổng bằng không và chính trị cường quyền" và sẽ mang lại cho ngoại giao Trung Quốc "nền tảng đạo đức cao".

Các thông báo chính sách đối ngoại cấp cao của Tập đã khuếch đại những chủ đề này. Ví dụ, trong bài phát biểu năm 2017 tại Diễn đàn Công tác An ninh Quốc gia Trung Quốc, ông Tập đã vượt ra khỏi ngôn ngữ khoa trương, chung chung trước đây được sử dụng để mô tả tham vọng của Trung Quốc với trật tự quốc tế: "Trung Quốc cần phải hướng dẫn cộng đồng quốc tế cùng định hình Một trật tự quốc tế mới công bằng và hợp lý hơn," ông tuyên bố. Một bài bình luận có thẩm quyền về bài

phát biểu của ông đã đi xa hơn và ủng hộ Trung Quốc trở thành "ân nhân và nhà lãnh đạo của hệ thống quốc tế". Nó cũng tuyên bố "thế giới cần một trật tự mới," và "Trung Quốc có đủ tư cách để trở thành một nhà lãnh đạo" và "chúng tôi có đủ trình độ và năng lực để trở thành người dẫn dắt trật tự quốc tế và an ninh quốc tế." Đại hội Đảng thứ 19 của Tập. Bài phát biểu trước Quốc hội một tháng sau đó tiếp tục các chủ đề này, với việc ông Tập tuyên bố về một "kỷ nguyên mới sẽ chứng kiến Trung Quốc tiến gần hơn đến giai đoạn trung tâm của thế giới", điều này sẽ cho thấy nước này tích cực hơn nhiều trong quản trị toàn cầu (trái ngược với bài phát biểu của ông Hồ 5 năm trước đó). Và tại Hội nghị Đại sứ năm 2017 vài tháng sau đó, Tập lập luận Trung Quốc cần "thiết lập một tầm nhìn toàn cầu rộng lớn hơn và tham vọng chiến lược lớn hơn" và liệt kê các nhiệm vụ toàn cầu tương tự mà Dương Khiết Trì đã đưa vào bài luận của mình vào đầu năm đó.

Sau đó, tại bài phát biểu của Hội nghị Công tác Đối ngoại Trung ương năm 2018, Tập không chỉ nhắc lại danh sách các nhiệm vụ toàn cầu của Dương (mà ông tuyên bố là cần thiết để trẻ hóa) mà còn gợi lên ngôn ngữ của Dương về khả năng lãnh đạo. Những người tiền nhiệm của ông Tập có thể đã kêu gọi Trung Quốc "tham gia tích cực" vào cải cách quản trị toàn cầu, thì Tập nói Trung Quốc nên "dẫn đầu cải cách hệ thống quản trị toàn cầu". Trong một bài bình luận về bài diễn văn quan trọng này, Ủy viên Quốc vụ Vương Nghị nhấn mạnh 'từ khóa' đối với Trung Quốc là 'lãnh đạo' và "xu hướng lãnh đạo phản ánh mối quan tâm của Trung Quốc đối với lợi ích chung của Nhân loại. Hiện tại, cải cách hệ thống quốc tế đang đối mặt với một thời điểm quan trọng," ông tuyên bố. "Đối mặt với sự bất đồng, vỡ mộng và bất hòa giữa một số quốc gia," Trung Quốc đã "hiên ngang và nhìn xa" khi xây dựng một "cộng đồng chung vận mệnh" toàn cầu, chuyển sang "tích cực lãnh đạo cải cách hệ thống quản trị toàn cầu". và đóng vai trò là "nguồn ổn định trong bối cảnh thế giới hỗn loạn", tham chiếu đến Hoa Kỳ. Tương tự, Sách Trắng năm 2019 của Trung Quốc tuyên bố Trung

Quốc sẽ “dẫn đầu và thúc đẩy một nền kinh tế toàn cầu mở” và một lần nữa, “dẫn đầu cải cách hệ thống quản trị toàn cầu.”

Bài bình luận mang tính học thuật và tư duy rõ ràng hơn nhiều về các yếu tố chính trị trong chiến lược lớn của Trung Quốc và tin sự rút lui của Hoa Kỳ tạo ra một cơ hội. Một trưởng khoa tại Trường Đảng Trung ương lập luận, “trong quá khứ, các nước phương Tây luôn giữ vai trò chủ chốt và đóng vai trò trung tâm trong quản trị toàn cầu. Tuy nhiên, hiện tại, Hoa Kỳ, quốc gia đứng đầu thế giới phương Tây, đã mất đi động lực thúc đẩy quản trị toàn cầu, và thậm chí thường xuyên bị ‘lùi bước’. Đây là một tình huống mới chưa từng thấy trong một thế kỷ.” Kết quả là, một bài bình luận trên Thời báo Nghiên cứu ghi nhận, “sự chuyển đổi từ trật tự cũ sang trật tự mới, và sự phá vỡ hệ thống trong giai đoạn chuyển đổi này, tạo cơ hội quan trọng cho Trung Quốc để trau dồi và mở rộng quyền lực của mình trong hệ thống quốc tế.” Yuang Guangbin lưu ý: “Trật tự thế giới hiện tại đã đi vào vùng đất không người, và chúng ta không biết sẽ đi về đâu. Ai bước ra khỏi vùng đất không người đầu tiên có thể dẫn đầu thế giới.” Hầu hết, giống như Jin Canrong, tin Trung Quốc có thể lấp đầy khoảng trống: “Chúng tôi quan tâm đến quản trị toàn cầu. Trung Quốc là một quốc gia có năng lực hành chính mạnh mẽ. Chúng tôi tham gia vào quản trị toàn cầu và chúng tôi có thể giải quyết vấn đề tốt hơn phương Tây.” Xét cho cùng, “đối mặt với rất nhiều vấn đề toàn cầu, ai phản ứng tốt sẽ có nhiều tiếng nói hơn và mức độ phổ biến quốc tế cao hơn trong tương lai.” Và như hai học giả CASS lưu ý, ngoài sự nổi tiếng, khả năng lãnh đạo hoặc giải quyết các vấn đề xuyên quốc gia, còn có cơ hội xây dựng trật tự. Họ lập luận: “[quản trị toàn cầu] không chỉ là để đáp ứng các thách thức toàn cầu khác nhau, mà còn về việc thiết lập các quy tắc và định hướng cho trật tự quốc tế và hệ thống quốc tế,” họ lập luận, và về “các thỏa thuận thể chế dài hạn” trên thế giới là “trạng thái và vai trò trong hệ thống”. Khái niệm xây dựng trật tự cốt lõi đối với Trung Quốc cũng rất rõ ràng. “Mục tiêu là xây dựng một cộng đồng có chung vận mệnh”, họ lưu ý, trong đó liên quan đến việc

Trung Quốc “cung cấp khả năng... để tự khẳng định mình là một cường quốc”, tất cả đều “tạo nền tảng quan trọng để duy trì thời kỳ cơ hội chiến lược của Trung Quốc.” Tính hợp pháp sẽ đảm bảo các mục tiêu này. Như một học giả của CASS đã lập luận trong một báo cáo của ủy ban nhà nước, “Trong phân tích cuối cùng, sự trỗi dậy của một cường quốc là một hiện tượng văn hóa. Nó phải được cộng đồng quốc tế chấp nhận, được hệ thống quốc tế chấp nhận, dựa vào hệ thống quốc tế và được các chuẩn mực quốc tế thừa nhận.”

Mối quan tâm lớn hơn của Trung Quốc trong việc định hình trật tự chính trị toàn cầu và xây dựng “cộng đồng chung vận mệnh cho nhân loại” đã thể hiện qua nhiều nỗ lực. Nhìn chung, những điều này giúp Trung Quốc xây dựng nền tảng của trật tự bá quyền — cưỡng chế, đồng thuận và hợp pháp — và diễn ra trên nhiều lĩnh vực: (1) hệ thống Liên Hợp Quốc; (2) các tổ chức khu vực toàn cầu; (3) liên minh mới; và (4) xuất khẩu các thông lệ quản trị nhất định.

Thứ nhất, sự quan tâm của Trung Quốc trong việc “lãnh đạo cải cách hệ thống quản trị toàn cầu” thông qua Liên hợp quốc vì — như Sách trắng năm 2019 của chính họ đã nói rõ — “Liên hợp quốc là cốt lõi của hệ thống quản trị toàn cầu.” Ảnh hưởng ở Liên hợp quốc. cho phép Trung Quốc xây dựng một số đòn bẩy cưỡng chế và đồng thuận cũng như tính hợp pháp — cho phép nước này thay thế các giá trị tự do như một mặc định toàn cầu và nâng cao, hợp pháp hóa và toàn cầu hóa các nguyên tắc và chương trình của Trung Quốc. Sáng kiến Vành đai và Con đường... đã được viết thành nhiều nghị quyết của Liên hợp quốc và... đã giành được sự công nhận rộng rãi và hưởng ứng nồng nhiệt từ cộng đồng quốc tế. các quan chức của nó ở các vị trí lãnh đạo cao nhất của bốn trong số mười lăm cơ quan chuyên môn của Liên Hợp Quốc — nhiều hơn bất kỳ quốc gia nào khác — bao gồm Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc (IDO), Tổ chức Công dân Quốc tế, Tổ chức Hàng không (ICAO), Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU), và Tổ chức Nông lương (FAO). Hơn nữa, Trung Quốc trước đây đã dẫn đầu WHO và

INTERPOL, hiện là lãnh đạo Cơ quan Kinh tế và Xã hội của LHQ (DESA), và suýt chút nữa đã có vị trí lãnh đạo Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) vào năm 2020. Ví dụ, trong cuộc bầu cử FAO, Bắc Kinh đe dọa xuất khẩu của Argentina, Brazil và Uruguay để kiếm được sự ủng hộ cho ứng cử viên của mình trong khi xóa nợ cho Cameroon để họ rút ứng cử viên cạnh tranh của mình. Kể từ năm 2016, họ đã tăng cường nỗ lực sử dụng ảnh hưởng để đưa các chương trình và nguyên tắc của mình vào cấu trúc của Liên hợp quốc. Ban lãnh đạo cao nhất của Liên hợp quốc đã nhiều lần ca ngợi Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI); BRI đã được đưa vào các Mục tiêu Phát triển Bền vững quan trọng; BRI và Cộng đồng Chung Vận mệnh đã xuất hiện trong các nghị quyết của Liên hợp quốc; và một loạt các cơ quan của Liên hợp quốc - chẳng hạn như UNICEF, UNESCO, UNHCR và DESA - đã tán thành BRI hoặc tài trợ và hợp tác với nó. Trong các trường hợp khác, Trung Quốc đã sử dụng đòn bẩy của mình trong ICAO và WHO để loại bỏ Đài Loan. Nó đã loại bỏ thành công một số tổ chức phi chính phủ chỉ trích hồ sơ nhân quyền của Bắc Kinh và cải tiến thành công các tổ chức phi chính phủ "do chính phủ tổ chức" (tức là GONGO) đi theo sự dẫn dắt của Bắc Kinh trong các vấn đề chính. Và các quan chức hàng đầu của nó, như cựu lãnh đạo DESA Wu Hongbo, đã không hối lỗi về việc đặt quốc gia lên trên các nghĩa vụ quốc tế: "Là một công chức quốc tế mang quốc tịch Trung Quốc, tôi không nhượng bộ trong các vấn đề liên quan đến chủ quyền hoặc lợi ích an ninh quốc gia của Trung Quốc và kiên quyết bảo vệ lợi ích của đất nước tôi." Anh ta từng khoe khoang việc sử dụng an ninh của Liên hợp quốc để 'đuổi' một nhà hoạt động Uyghur mà anh ta tuyên bố không phải là thành viên của một "tổ chức phi chính phủ được chấp thuận" và là đối tượng của một "thông báo đỏ" của INTERPOL — những nhân tố mà Bắc Kinh tự chịu trách nhiệm và là một nghiên cứu điển hình hữu ích trong nỗ lực của Trung Quốc nhằm "tập trung hóa" kiến trúc Liên Hợp Quốc.

Thứ hai, bên ngoài hệ thống LHQ và ngoài các can dự khu vực ở châu Á, Trung Quốc cũng đã thiết lập một thỏa thuận với hầu hết mọi khu vực trên thế giới. Quan trọng nhất trong số này bao gồm Diễn đàn về Hợp tác Trung Quốc-Châu Phi (FOCAC); Diễn đàn Hợp tác Trung Quốc-Các quốc gia Ả Rập (CACF); Trung Quốc và các nước Trung Đông Âu (CEEC, hoặc "17 + 1") Trung Quốc và Cộng đồng các quốc gia Mỹ Latinh (China-CELAC). Các cơ quan này bao gồm 125 quốc gia và kênh quan hệ giữa Trung Quốc và từng khu vực theo cách song phương thay vì thúc đẩy sự tham gia đa phương giữa nhiều bên tham gia. Mặc dù các cơ quan này được thành lập trước khi có sự thay đổi toàn cầu hơn trong chiến lược của Trung Quốc, nhưng chúng có khả năng hỗ trợ việc xây dựng trật tự toàn cầu của Trung Quốc và gần đây đã trở thành tâm điểm của sự chú ý lớn hơn — với nhiều cuộc họp, hoạt động và thể chế hóa hơn được thực hiện kể từ năm 2016. Về mặt đồng thuận, Bắc Kinh sử dụng các tổ chức này làm nền tảng cho sự tham gia khu vực, công bố khoản vay hàng chục tỷ đô la hoặc viện trợ, chi tiêu cơ sở hạ tầng hoặc hỗ trợ COVID. Mỗi nội dung thường bao gồm 'Kế hoạch hành động' hoặc 'Kế hoạch phát triển' đặt ra chương trình nghị sự cho sự tương tác có lợi của Trung Quốc với khu vực. Và mỗi diễn đàn bao gồm một loạt các 'diễn đàn phụ' liên quan đến các nhóm tư vấn, các nhà lãnh đạo chính trị trẻ, các đảng chính trị, quốc hội, truyền thông, doanh nghiệp, văn hóa, khoa học, môi trường và các lĩnh vực khác không chỉ xây dựng mối quan hệ mà còn (đặc biệt là trong lĩnh vực truyền thông và công nghệ) chia sẻ các thông lệ, tiêu chuẩn, đào tạo của Trung Quốc và hướng dẫn quản trị công nghệ khác. Cuối cùng, đối với các câu hỏi về tính hợp pháp, các tổ chức này đã được sử dụng để thách thức các chuẩn mực tự do và xây dựng sự ủng hộ đối với các sở thích của Trung Quốc: hầu hết đều có các tuyên bố ủng hộ chế độ toàn cầu 'đa dạng', tiến tới đa cực, chống lại quyền 'can thiệp' về nhân quyền, và các chỉ trích về Chính sách của Hoa Kỳ — trong khi ủng hộ các lập trường của Trung Quốc về các vấn đề khác nhau như Đài Loan, Tây Tạng và Hồng Kông. Ví dụ, một cuộc họp FOCAC đặc biệt vào tháng 6 năm

2020 về COVID-19 đã đưa ra một tuyên bố hỗ trợ các quốc gia châu Phi theo đuổi "con đường phát triển phù hợp với điều kiện quốc gia" và hỗ trợ "nỗ lực của Trung Quốc trong việc bảo vệ an ninh quốc gia ở Hồng Kông theo quy định của pháp luật."

Thứ ba, trong những năm gần đây, Trung Quốc đã tập hợp các liên minh của các quốc gia có cùng chí hướng để hỗ trợ các chính sách đối nội độc đoán của họ, trong tương lai, có thể trở nên hoạt động và tích cực hơn. Ví dụ: vào năm 2019 và 2020, các nền dân chủ tự do đã tổ chức cho khoảng 20 nước ký ba tuyên bố riêng biệt và thư chỉ trích các chính sách của Trung Quốc với Hồng Kông. Đáp lại, Trung Quốc đã tổ chức cho hơn 50 quốc gia ký ba bức thư riêng ủng hộ "những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực nhân quyền" và bày tỏ "sự phản đối kiên quyết đối với việc các nước có liên quan thực hiện chính trị hóa vấn đề nhân quyền." Trong cả ba trường hợp, việc so sánh các bên ký thư cho thấy sự khác biệt về địa lý và ý thức hệ giữa hai nhóm, với các bên ký BRI và nhiều đối tác thương mại của Trung Quốc ký vào các bức thư của họ, và các nền dân chủ tự do và các quốc gia châu Âu tạo ra phần lớn phe kia. Mục tiêu của Bắc Kinh là toàn cầu hóa cách tiếp cận của Trung Quốc đối với các quyền của con người. Như tờ Nhân dân Nhật báo đã nói, với 50 quốc gia ủng hộ Trung Quốc và chỉ 20 quốc gia chỉ trích Trung Quốc, rõ ràng là Washington đang đứng "ở phía đối diện của xã hội quốc tế." Những liên minh lỏng lẻo này có thể hợp tác trong các vấn đề khác trong tương lai.

Cuối cùng, do bộ ba Brexit, Trump và COVID-19, Trung Quốc đã nhiệt tình thúc đẩy mô hình và giá trị của mình hơn - cả hai đều đẩy lùi chủ nghĩa tự do của phương Tây và tấn công nhằm xây dựng nền tảng chuẩn mực của bá quyền. Cụm từ "Giải pháp Trung Quốc" [中国 方案], được ra mắt vào năm 2013 trong các bài phát biểu cấp cao, đã tăng mạnh kể từ Brexit và cuộc bầu cử của Trump, với số lượng các bài báo thảo luận về nó tăng gấp mười bốn lần từ 337 bài báo trong năm 2015 lên 4.845 trong 2017. Tập thậm chí còn tuyên bố trong bài phát biểu tại Đại hội Đảng lần thứ 19 của mình Trung Quốc "cung cấp một lựa chọn

mới cho các quốc gia và dân tộc khác muốn tăng tốc phát triển đồng thời bảo vệ nền độc lập của mình", ngôn ngữ sau đó được lặp lại trong Sách trắng năm 2019 của Trung Quốc, cũng nêu rõ năm thời điểm mà Bắc Kinh nên chia sẻ "trí tuệ và sức mạnh của Trung Quốc" với thế giới. Tài liệu đó cũng lập luận "một số nước phương Tây đang gặp khó khăn nghiêm trọng trong quản trị" và đấu tranh với chủ nghĩa dân túy; "một số quốc gia đã sao chép một cách mù quáng hoặc buộc phải áp dụng mô hình phương Tây," và các quốc gia này sau đó "rơi vào tình trạng bất ổn xã hội, khủng hoảng kinh tế, tê liệt quản trị và thậm chí là nội chiến bất tận." Các nguồn khác, chẳng hạn như một bài bình luận chính thức được in trên tờ Nhân dân Nhật báo dưới cái tên "Tuyên ngôn" đã so sánh "sự cai trị của Trung Quốc" với "sự hỗn loạn của thế giới" do phương Tây gây ra. Các nhà bình luận học thuật thậm chí còn đi xa hơn. Một học giả CASS lưu ý: "Bất kỳ quốc gia nào được coi là cường quốc đều phải có ảnh hưởng quan trọng và đóng góp quan trọng vào tiến trình lịch sử của đất nước. Ông cho Anh, Liên Xô và Hoa Kỳ đều chia sẻ mô hình của họ và đã đến lúc Trung Quốc cũng phải chia sẻ điều gì đó. Những người khác cho phương Tây nên học tập Trung Quốc. "Đại dịch đã làm lung lay sâu sắc cảm giác ưu việt về giá trị, văn hóa và hệ thống của Hoa Kỳ kể từ thời Khai sáng", lập luận một đoạn điển hình do Nie Wenjuan, giáo sư tại Đại học Ngoại giao Trung Quốc, lập luận. "Từ sâu thẳm trái tim của họ, người Mỹ đối đầu với thực tế ngọn hải đăng tự do phải học hỏi từ chính quyền độc tài của Trung Quốc cộng sản ở một số khía cạnh." Vô số người khác đã đưa ra lập luận tương tự trong bốn năm qua, thậm chí cho "khái niệm phát triển của Trung Quốc" dễ xuất khẩu hơn chủ nghĩa tự do phương Tây và có thể đối phó tốt hơn với "chủ nghĩa cực đoan, chủ nghĩa khủng bố và chủ nghĩa dân túy."

Điều này có thể trông như thế nào trong thực tế? Cũng giống như Hoa Kỳ không xuất khẩu các thể chế cụ thể của mình mà thay vào đó là các nguyên tắc tự do rộng rãi, Trung Quốc không xuất khẩu "chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc" mà

thay vào đó là các giải pháp rộng rãi, và công nghệ cho những thách thức quản trị thế kỷ XXI. Chúng bao gồm quản lý thông tin, khủng bố, tội phạm và ứng phó với đại dịch — các vấn đề mà các học giả Trung Quốc cho phương Tây không thể giải quyết do rối loạn chức năng và 'chủ nghĩa chuyên chế' đối với các giá trị tự do. Để giải quyết những thách thức này, Trung Quốc xuất khẩu thiết bị giám sát và kiểm duyệt, đồng thời tham gia vào các tiêu chuẩn, đào tạo và cơ chế quản trị thông qua nhiều kênh như hỗ trợ viễn thông, tham vấn quy định và đào tạo truyền thông. Các công ty Trung Quốc đã tích cực hỗ trợ chính phủ Uganda và Zambia trong việc xâm phạm thông tin cá nhân của những người bất đồng chính kiến; đã giúp Ecuador xây dựng một hệ thống giám sát rộng khắp; và tham gia vào mạng lưới viễn thông của Ethiopia đến mức các nhân viên NGO tin họ phải tự kiểm duyệt để tránh bị theo dõi và bắt giữ. Các phương pháp này, được lặp lại ở hàng chục quốc gia, đã đưa các quy tắc phi tự do vào quản trị ở khắp châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh. Bắc Kinh tuyên bố họ chỉ đưa ra câu trả lời về cách thức tương tác giữa công nghệ và quản trị, một câu trả lời phù hợp với các hệ thống phi tự do của chính họ, trong khi phương Tây im lặng trước câu hỏi then chốt của thế kỷ XXI này. Và trong khi mô hình của Trung Quốc chưa được gói gọn trong một hệ tư tưởng nhất quán, khi phương Tây tổ chức các liên minh dân chủ để kiểm soát cấu trúc cơ bản của hệ thống toàn cầu (công nghệ, thương mại, tài chính, v.v.), Trung Quốc có thể cảm thấy buộc phải xuất khẩu hệ thống của mình, can thiệp cho lý do ý thức hệ, và tham gia vào việc xây dựng liên minh của chính nó — khuếch đại sự cạnh tranh về ý thức hệ. Một kết quả như vậy không có gì đáng ngạc nhiên. Hệ tư tưởng đã tràn ngập nền chính trị quyền lực lớn trong nhiều thế kỷ, cho dù là các quốc gia Công giáo và Tin lành, các chính phủ cộng hòa và quân chủ, các quốc gia cộng sản và tư bản, và tất nhiên là các nền dân chủ và các chế độ độc tài.

CÔNG NGHỆ VÀ TÀI CHÍNH

Đối với các công cụ kinh tế, Bắc Kinh hiện coi công nghệ là trọng tâm trong tham vọng thay thế trật tự của Mỹ. Một thành phần quan trọng trong "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ" của Trung Quốc là niềm tin thế giới đang trải qua một làn sóng đổi mới công nghệ mới, đôi khi được gọi là "Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư" tạo cơ hội cho Trung Quốc vượt qua phương Tây. Thuật ngữ này, ban đầu được phát triển tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới năm 2015, hiện đã được Bắc Kinh thông qua và thường đề cập đến một loạt các công nghệ: trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán lượng tử, sản xuất thông minh, công nghệ sinh học và thậm chí cả tiền tệ kỹ thuật số có chủ quyền. Bắc Kinh tin sự giao thoa của công nghệ với chuỗi cung ứng, mô hình thương mại, sức mạnh tài chính và luồng thông tin có khả năng định hình lại trật tự cùng với các công cụ kinh tế truyền thống tập trung hơn vào các thời đại trước đây trong chiến lược lớn của Trung Quốc. Vì lý do đó, các công cụ kinh tế - và cụ thể là công nghệ - ngày càng trở thành trung tâm của cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc về trật tự toàn cầu.

Hầu hết các đề cập đến "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ" gợi lên ý tưởng những làn sóng chuyển đổi công nghệ đôi khi đã định hình lại lịch sử. Như Tập Cận Bình đã lập luận trong một bài phát biểu năm 2018, "Từ cơ giới hóa cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên vào thế kỷ 18, điện khí hóa trong cuộc cách mạng công nghiệp thứ hai vào thế kỷ 19, đến thông tin hóa - cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba trong thế kỷ 20," mỗi vòng "đổi mới công nghệ đột phá" đã định hình lại thế giới. Giờ đây, Trung Quốc đang đối mặt với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và trong thập kỷ tiếp theo, nước này có cơ hội nắm bắt vị trí dẫn đầu về công nghệ. "Mười năm tới sẽ là một thập kỷ quan trọng... đối với nền kinh tế thế giới," Tập lập luận. "Một vòng mới của cuộc cách mạng công nghệ và thay đổi công nghiệp, chẳng hạn như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thông tin lượng tử và công nghệ sinh học, đang tập hợp sức mạnh" và mang lại "những thay đổi chấn động địa cầu" đồng thời mang đến "cơ hội quan trọng để thúc đẩy sự

phát triển đi tắt đón đầu" vượt qua các hệ thống kế thừa và vượt qua các đối thủ cạnh tranh.

Dẫn đầu về công nghệ có thể giúp Trung Quốc nhận ra tiềm năng của "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ". Thật vậy, hầu hết các nhà bình luận Trung Quốc đều cho ba cuộc cách mạng vừa qua đã gây ra "sự phân hóa" cho phép một số quốc gia trở thành những nhà lãnh đạo địa chính trị và khiến những quốc gia khác trở thành kẻ tụt hậu về địa chính trị. Bắc Kinh đã bỏ lỡ những cuộc cách mạng này, nhưng giờ đây họ hy vọng sẽ đưa cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư lên vị trí dẫn đầu toàn cầu. Trong một đoạn văn điển hình của việc viết về chủ đề này, hai học giả CASS đã đưa ra lập luận một cách rõ ràng. "Trung Quốc không tham gia vào các cuộc cách mạng động cơ hơi nước và cơ khí của thế kỷ 18 hay cuộc cách mạng năng lượng và giao thông của thế kỷ 19; Trung Quốc đã tham gia một phần vào cuộc cách mạng điện và thông tin của thế kỷ 20." Lần này sẽ khác, họ lập luận, "trong sự phát triển hiện tại của trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, Internet năng lượng, công nghệ sinh học, Trung Quốc đang 'vượt qua đường cong'." Cụm từ có vẻ khó hiểu này - vượt qua đường cong - bắt nguồn từ một trong số các cuộc tranh luận sau năm 2009 về quyền lực của Hoa Kỳ sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu, với "vượt đường cong" ám chỉ việc chạy nước rút về phía trước khi đối thủ chạy chậm lại và "vượt bằng cách chuyển làn" đề cập đến việc đổi mới phương pháp để vượt qua đối thủ.

Các bài diễn thuyết của Trung Quốc về chiến lược lớn dưới "những thay đổi lớn" thường củng cố quan điểm công nghệ và duy vật về quá trình chuyển đổi quyền lực. Ví dụ: một bài bình luận tiêu biểu và có thẩm quyền về chủ đề này được đăng trực tuyến trên Thời báo Nghiên cứu khoảng hai tháng sau bài phát biểu năm 2018 của Tập về cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư sẽ rõ ràng về các cổ phần địa chính trị của những thay đổi công nghệ. "Động lực của những thay đổi lớn là vai trò quyết định của năng suất", nó lập luận. "Nước Anh đã nắm bắt cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên" do công

nghệ than và hơi nước cung cấp và “thành lập một đế chế mà mặt trời không bao giờ lặn.” Sau đó, “Hoa Kỳ đã nắm quyền thống trị về năng suất tiên tiến từ Anh Quốc” bằng cách thống trị cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai về điện khí hóa và nhanh chóng “vươn lên vị trí cường quốc công nghiệp số một thế giới, đặt nền tảng vững chắc cho việc thiết lập bá chủ toàn cầu”. Sau đó, “cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba bắt nguồn từ Hoa Kỳ,” và bằng cách nắm bắt cuộc cách mạng kỹ thuật số này, Hoa Kỳ đã tăng cường “sức mạnh toàn diện” và mở rộng quyền bá chủ. Sự xuất hiện của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư mang lại cơ hội. Trong nhiều thập kỷ, các nhà lãnh đạo Trung Quốc từ lâu đã sử dụng các cụm từ như “bắt kịp và vượt lên” [赶超] để mô tả tham vọng công nghệ của họ, với Hoa Kỳ và phương Tây được coi là tiêu chuẩn quan trọng. Nhưng giờ đây, Bắc Kinh tin mục tiêu của ‘vượt qua’ phương Tây không chỉ đơn giản là khoa trương mà thực sự có thể đạt được. Như Sách Trắng năm 2019 của Trung Quốc đã nói, “Trung Quốc đang bắt kịp và đi trước.”

Bài bình luận của Study Times lưu ý “chìa khóa” để bắt đầu hành trình trên làn sóng cách mạng công nghiệp mới này là “lợi thế thể chế” của một quốc gia. “Nước Anh thay thế quyền bá chủ của Tây Ban Nha vì hệ thống tư bản vượt trội hơn nhiều so với hệ thống phong kiến ràng buộc nông dân với ruộng đất. Những thay đổi lớn ở cả trăm năm trước đây bắt nguồn từ việc thành lập một hệ thống cộng hòa dân chủ triệt để hơn ở Hoa Kỳ, hệ thống này đã tạo ra một hệ thống thị trường hiện đại và một hệ thống sản xuất công nghiệp lớn được tiêu chuẩn hóa [ví dụ: dây chuyền lắp ráp] khác biệt đáng kể so với Vương quốc Anh.” Nhưng giờ đây, hệ thống của Hoa Kỳ đang phải đối mặt với những thách thức. “Tác động tổng hợp của các tình thế khó xử trong và ngoài phương Tây ngày càng rõ ràng hơn... tiêu chuẩn phát triển tân tự do hàng thế kỷ và cấu trúc thứ bậc quốc tế lấy phương Tây làm trung tâm đã dần bị phá vỡ,” nó lưu ý. Hệ thống của Trung Quốc trông tốt hơn khi so sánh: “Trước những thay đổi to lớn, mâu thuẫn bên trong phe phương

Tây và mâu thuẫn giữa các lực lượng chính trị khác nhau và xu hướng xã hội ở một số cường quốc đang phát triển. Có một sự tương phản mạnh mẽ giữa sự cai trị của Trung Quốc và sự hỗn loạn trên thế giới... [và] sự xuất hiện của một vòng cách mạng khoa học và công nghệ mới và chuyển đổi công nghiệp có lợi cho lợi thế thể chế của Trung Quốc và đạt được mục tiêu vượt qua đường cong." Trung Quốc đã có cơ hội với hệ thống được cho là ưu việt của mình để theo bước Anh và Mỹ, nắm bắt một cuộc cách mạng công nghiệp mới và trở thành quốc gia hàng đầu thế giới.

Những quan điểm này dường như được chia sẻ bởi hầu hết các học giả và chuyên gia quan hệ quốc tế nổi tiếng của Trung Quốc, những người cho mối quan hệ giữa công nghệ và quyền lực là cốt lõi của "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ." Như Jin Canrong lập luận, "Trong thập kỷ tới... sự cạnh tranh cho cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư sẽ bắt đầu giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ." Jin Canrong coi đây là một bước phát triển đột phá: "Đây là một thay đổi lớn chưa xảy ra trong 500 năm qua. Trong 500 năm qua, cuộc cách mạng công nghiệp đều có sự tham gia của phương Tây, và cuộc cách mạng công nghiệp lần này sẽ có sự tham gia của cả phương Đông và phương Tây. Đây là cơ hội cho Trung Quốc và là thách thức lớn đối với Hoa Kỳ." Người khác chia sẻ quan điểm này. Học giả nổi tiếng của Đại học Nam Kinh Zhu Feng lập luận: "Năng lực khoa học và công nghệ đã trở thành một chỉ số quan trọng cho sức mạnh toàn diện của một quốc gia, và nó cũng trở thành chiến trường chính để cạnh tranh các cường quốc." Ngành công nghệ của Trung Quốc đã trở thành một nguồn căng thẳng, Zhang Yuyan lưu ý. "Chính trị cường quyền chủ yếu đề cập đến bất kỳ phương tiện nào giữa các cường quốc trong thế kỷ để trấn áp đối thủ của họ, ngay cả với lợi ích của chính họ. Lý do sâu xa cho sự thay đổi của thế giới ngày nay bắt nguồn từ một điều: Trung Quốc nhanh chóng thâm nhập vào ngành công nghiệp công nghệ cao." Yan Xuetong nhận thấy một thế giới lưỡng cực đang nổi lên với công nghệ là trung tâm của sự cạnh tranh. Ông

lập luận: “Cốt lõi của cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ-Trung lưỡng cực là lợi thế cạnh tranh về đổi mới công nghệ”; Yuan Peng lập luận xung đột về “công nghệ cao đang ngày càng trở thành những tranh chấp cốt lõi trong chính trị quốc tế.”

Trung Quốc đang theo đuổi nỗ lực mạnh mẽ, được nhà nước hậu thuẫn để thống trị các công nghệ này và sử dụng chúng để làm xói mòn các lợi thế khác nhau của Mỹ.

Đầu tiên, Trung Quốc đã bắt chước Mỹ và sử dụng nhà nước để đầu tư rất lớn vào nghiên cứu khoa học cơ bản mà thị trường có thể sẽ không làm được. Quỹ Khoa học Quốc gia ước tính tổng chi tiêu cho R&D của Trung Quốc gần tương đương với chi tiêu của Hoa Kỳ, mặc dù nền kinh tế Trung Quốc nhỏ hơn. Và trong các công nghệ trung tâm của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, Trung Quốc có thể sẽ chi tiêu nhiều hơn. Ví dụ, Trung Quốc chi ít nhất gấp mười lần Hoa Kỳ cho tính toán lượng tử. Tương tự, trong trí tuệ nhân tạo, Trung Quốc chi ít nhất bằng Hoa Kỳ và có thể nhiều hơn, theo ước tính từ đại học Georgetown.

Thứ hai, Trung Quốc tin các thể chế của họ được thiết kế tốt hơn để huy động nhà nước, xã hội và thị trường vận dụng chính sách công nghiệp nhằm đạt được tham vọng công nghệ của đất nước, đặc biệt là so với hệ thống chính trị phân cực hơn và ngắn hạn của Mỹ. Bắc Kinh đã xác định các chính sách công nghiệp cụ thể. nhằm hỗ trợ các nỗ lực của Trung Quốc đảm bảo các đỉnh cao của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, với hơn 100 kế hoạch Khoa học và Công nghệ với hơn 1 nghìn tỷ đô la được chi cho mục đích này. để tập trung vào các công nghệ quan trọng trong đó và đặt mục tiêu thị phần nước ngoài và trong nước — tất cả được hỗ trợ bởi hàng chục tỷ USD trợ cấp của nhà nước, chuyển giao công nghệ, hạn chế tiếp cận thị trường, mua lại do nhà nước hậu thuẫn và các công cụ khác. Và kể từ năm 2016, Bắc Kinh đã khởi động một số chương trình tương tự và có nguồn lực dồi dào, bao gồm kế hoạch trở thành nhà lãnh đạo thế giới về AI vào năm 2030, và kế hoạch đầu tư 1.4 nghìn tỷ đô la trong 5 năm để xây dựng 5G. khắp Trung Quốc.

Global 5G Adoption to Hit One Billion in 2022

Forecast of 5G smartphone subscriptions by region (in millions)

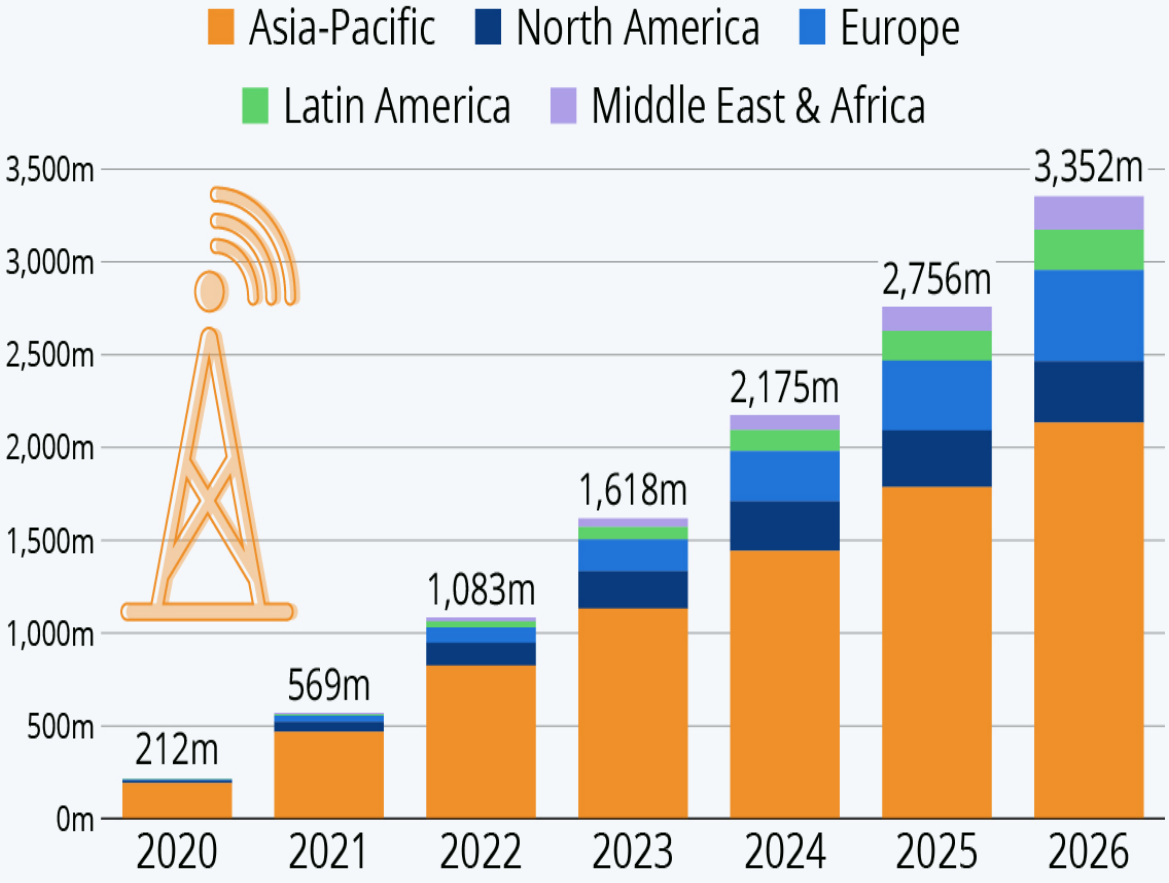

Forecast as of June 2021

Source: Ericsson Mobility Report

statista

Dự đoán số lượng Smartphone dùng 5G

Thứ ba, các nguồn Trung Quốc coi vai trò của họ trong chuỗi cung ứng là một lợi thế to lớn đáng được bảo vệ khi cạnh tranh công nghệ ngày càng gay gắt. Ngay cả khi các quốc gia trên thế giới tìm cách đa dạng hóa khỏi Trung Quốc sau COVID-19, Chủ tịch Tập tuyên bố việc bảo vệ vai trò của Trung Quốc trong chuỗi cung ứng toàn cầu là một trong những ưu tiên quốc gia hàng đầu của ông. Những chuỗi này là một lý do khiến một số học giả như Jin Canrong cho "Trung Quốc có nhiều cơ hội chiến thắng hơn" trong cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Mặc dù Hoa Kỳ có "khả năng đổi mới tốt nhất", ông lập luận, quốc gia này hiện "có một nền kinh tế lớn". Điều này có nghĩa là nó "không thể biến công nghệ thành một sản phẩm được thị trường chấp nhận" nếu không có các nhà máy của Trung Quốc. Trung Quốc có hầu hết mọi ngành công nghiệp" và "ngành sản xuất của họ sẽ chiếm hơn 50% tổng số thế giới vào năm 2030." Công nghệ là "lợi thế thực sự của Trung Quốc trong cạnh tranh công nghiệp dài hạn." Trung Quốc nên phát huy lợi thế này. "Bất kể Hoa Kỳ cảm thấy thế nào," ông lập luận, "Trung Quốc... phải nỗ lực để nắm bắt cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư" và trở thành "người dẫn đầu". Hiện tại, Trung Quốc đang duy trì vị thế của mình trong chuỗi cung ứng toàn cầu bất chấp áp lực của nước ngoài. Phòng Thương mại Châu Âu tại Trung Quốc phát hiện ra chỉ có khoảng 11% thành viên của tổ chức này đang cân nhắc việc rời khỏi Trung Quốc vào năm 2020; tương tự, chủ tịch của AmCham Trung Quốc lưu ý phần lớn các thành viên của nhóm không có kế hoạch rời khỏi Trung Quốc. Đối với các công ty này, sự hợp lý vượt ra ngoài chi phí. Như học giả Damien Ma của Viện Paulson lập luận, người Mỹ khó bỏ Amazon vì đây là "cửa hàng mọi thứ" và các nhà sản xuất khó bỏ Trung Quốc vì nó là "quốc gia làm nên mọi thứ".

Thứ tư, Trung Quốc ngày càng tập trung vào việc thiết lập các tiêu chuẩn trong các cơ quan kỹ thuật so với Hoa Kỳ. Các mục tiêu của Trung Quốc bao gồm thúc đẩy các ngành công nghiệp của mình, kiếm tiền bản quyền sinh lợi khi các bằng sáng chế

của họ được sử dụng, đồng thời đưa các giá trị và cách tiếp cận quản trị của mình vào kiến trúc công nghệ. Ngay cả trước khi Kế hoạch tiêu chuẩn năm 2035 được công bố, Trung Quốc đã có ảnh hưởng lớn đến các cơ quan quan trọng như Dự án Đối tác Thế hệ thứ Ba (3GPP) và Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU), và trong một số trường hợp, Trung Quốc đã tìm cách chuyển các cuộc thảo luận về thiết lập tiêu chuẩn sang các cơ quan có ảnh hưởng lớn hơn. Liên quan đến quản trị, các công ty Trung Quốc như ZTE đã đề xuất các tiêu chuẩn cho kiến trúc đèn đường cho phép tích hợp khả năng giám sát video, để nhận dạng khuôn mặt cho dữ liệu nhân khẩu học và sinh trắc học cụ thể phải được lưu trữ và cho một kiến trúc Internet mới. sẽ có lợi cho việc giám sát, kiểm duyệt và kiểm soát. Thành công của Bắc Kinh trong các cơ quan này một phần là sản phẩm của những khoản đầu tư thành công vào các công nghệ thế hệ tiếp theo như 5G nhưng cách tiếp cận 'thực hành' hơn mà Đảng dường như thực hiện tương đối nhiều hơn cách tiếp cận do ngành dẫn đầu và 'hợp tác' mà Hoa Kỳ áp dụng. Mặc dù nhiều cơ quan thiết lập tiêu chuẩn chủ yếu bao gồm các công ty được cho là bỏ phiếu dựa trên lợi ích của họ, ít nhất là trong trường hợp của Trung Quốc, các công ty như Lenovo ban đầu đã bỏ phiếu tán thành các phương pháp tiếp cận do các công ty Mỹ hậu thuẫn đã bị những người theo chủ nghĩa dân tộc chỉ trích vì đã làm như vậy và gây áp lực. thay vào đó xác nhận các phương pháp tiếp cận được hỗ trợ bởi các công ty lớn của Trung Quốc như Hoawei. Như ban lãnh đạo của Lenovo đã lưu ý trong một thông điệp xin lỗi được đăng trực tuyến, "Tất cả chúng tôi đều nhất trí tin các công ty Trung Quốc nên đoàn kết và không nên cho phép người ngoài can thiệp." Nếu nỗ lực của Trung Quốc tiếp tục thành công, Bắc Kinh có thể mở rộng vị trí dẫn đầu trong một số công nghệ toàn cầu quan trọng nhất định không làm phương hại đến các giá trị phổ quát và lợi ích của Hoa Kỳ.

Công nghệ cũng xen kẽ với các mục tiêu thông thường khác của quy chế kinh tế Trung Quốc. Ví dụ, Trung Quốc phần lớn đã

đấu tranh để giảm bớt tính dễ bị tổn thương đối với đồng đô la, nhưng rõ ràng họ hy vọng với việc phát hành đồng tiền kỹ thuật số của riêng mình, họ có thể thúc đẩy một làn sóng đổi mới tài chính đột phá để làm giảm lợi thế tài chính của Mỹ và xây dựng đồng tiền của mình ở cấp độ toàn cầu. Các quan chức Trung Quốc từ lâu đã lo lắng về khả năng kế hoạch của Facebook cho một loại tiền kỹ thuật số, Libra, sẽ tạo thành một loại chuyển đổi mang tính thời đại sẽ một lần nữa củng cố hệ thống đô la Mỹ. Wang Xin, giám đốc văn phòng nghiên cứu của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, tuyên bố "nếu đồng tiền kỹ thuật số [Libra] được kết hợp chặt chẽ với đồng đô la Mỹ... thì về bản chất sẽ có một ông chủ, đó là đô la Mỹ và Hoa Kỳ." Điều này sẽ dẫn đến hậu quả địa chính trị. Mối quan tâm đó đã khiến Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đẩy nhanh các kế hoạch cho đồng tiền kỹ thuật số có chủ quyền của riêng mình, với hy vọng có thể giúp Trung Quốc giảm bớt sự phụ thuộc vào đồng đô la và đi tắt đón đầu trước những lợi thế lâu dài của Mỹ.

Cuối cùng, nền tảng cưỡng chế và đồng thuận của việc xây dựng trật tự vẫn là một trọng tâm đối với Bắc Kinh. Về mặt cưỡng chế, trong vài năm qua, quy chế kinh tế của Trung Quốc ngày càng trở nên toàn cầu và nó đã mở rộng cả về tần suất và phạm vi. Các quốc gia trên hầu hết mọi lục địa - trên phạm vi rộng như Brazil và Cộng hòa Séc - đã bị đe dọa nếu họ không tuân theo các ưu đãi của Trung Quốc không chỉ đối với các vấn đề chủ quyền quen thuộc một thời mà còn về các vấn đề khác nữa. Đây không phải là hành vi bất thường đối với một cường quốc, nhưng nó cho thấy một sự khác biệt so với các thời đại trước đây khi Trung Quốc tập trung hơn vào các yếu tố đồng thuận của xây dựng trật tự hơn là các yếu tố trừng phạt - đặc biệt là ở các thế giới đang phát triển, nó được coi là cơ sở tự nhiên của mình. Hơn nữa, Bắc Kinh đã khuyến khích tẩy chay các công ty khác nhau vì những hành vi coi thường, nổi tiếng nhất là trong Hiệp hội Bóng rổ Quốc gia Hoa Kỳ vì một người quản lý đội đã đăng một dòng tweet ủng hộ những người biểu tình ở Hồng Kông. Tất nhiên, các yếu tố đồng thuận trong việc

xây dựng trật tự của Trung Quốc vẫn còn và đã được toàn cầu hóa. Cung cấp "hàng hóa công" toàn cầu hiện là một phần chính thức và cấp cao trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc, với mục đặc biệt trong Sách trắng năm 2019 của Trung Quốc. Để đạt được mục tiêu đó, Trung Quốc đã tiếp tục toàn cầu hóa Vành đai và Con đường, hiện có ít nhất 138 quốc gia tham gia. Và những nỗ lực của Trung Quốc trong việc sử dụng viện trợ và hỗ trợ để giành được sự ủng hộ đã phát triển, đặc biệt là sau COVID-19 và chính sách ngoại giao đại dịch của Bắc Kinh liên quan đến vắc xin, khẩu trang, và các hàng hóa y tế khác.

TIẾN RA TOÀN CẦU

Nếu chiến lược quân sự của Trung Quốc từng ưu tiên làm giảm sức mạnh của Mỹ và sau đó xây dựng sức mạnh của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, thì giai đoạn thứ ba của chiến lược lớn gợi ý một bước ngoặt toàn cầu hơn, với việc quân đội Trung Quốc ngày càng nhìn xa hơn khu vực quê nhà.

Lập luận này có thể gây tranh cãi. Một số người hoài nghi lưu ý các trường hợp bất thường liên quan đến Đài Loan và Biển Đông và Hoa Đông sẽ tiếp tục thu hút sự chú ý của quân đội Trung Quốc. Mặc dù điều đó chắc chắn đúng, nhưng không vì thế mà Bắc Kinh sẽ từ chối theo đuổi một khả năng viễn chinh toàn cầu hơn. Những người khác lưu ý Trung Quốc không có khả năng áp dụng mạng lưới phức tạp gồm các căn cứ ở xa và các khả năng toàn cầu mà Hoa Kỳ đã có. Điều này có nghĩa là Trung Quốc có thể tham gia vào các hoạt động bên ngoài Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương mà không tái tạo chính xác dấu ấn toàn cầu phức tạp và tốn kém của Mỹ. Thật vậy, Hoa Kỳ đã không chấp nhận mạng lưới các trạm than và các thuộc địa quy mô lục địa của Anh; tương tự, Trung Quốc có thể không chấp nhận việc Mỹ dựa vào các đồng minh và số lượng lớn các căn cứ ở nước ngoài - thay vào đó theo đuổi con đường lai của riêng mình.

Các nguồn có thẩm quyền nhất của Trung Quốc thường lo lắng về tham vọng toàn cầu của nước này, nhưng các dấu hiệu cho thấy sự tập trung toàn cầu hơn ở đó, đặc biệt là sau năm 2016, và chúng có thể được tìm thấy trong ba lĩnh vực rộng lớn liên quan đến (1) mong muốn của Trung Quốc về một tầm cỡ thế giới; (2) thảo luận về vai trò của quân đội trong các mục tiêu toàn cầu của Trung Quốc; và (3) thảo luận về các lợi ích ở nước ngoài của nó.

Đầu tiên, bài phát biểu tại Đại hội Đảng lần thứ 19 của Tập đã tuyên bố nhiều lần đó 'mục tiêu' của Bắc Kinh trong 'kỷ nguyên mới' để đảm bảo "vào giữa thế kỷ XXI, PLA hoàn toàn biến thành một quân đội tầm cỡ thế giới" — Ngôn ngữ sau đó xuất hiện trở lại trong Sách trắng Quốc phòng năm 2019 của Trung Quốc. Với giọng điệu tổng thể của bài phát biểu đó, rõ ràng là có phạm vi toàn cầu và tuyên bố Trung Quốc sẽ "tiến gần hơn đến giai đoạn trung tâm của thế giới" và "trở thành nhà lãnh đạo toàn cầu về tổng hợp sức mạnh quốc gia và ảnh hưởng quốc tế," là hợp lý khi giải thích cụm từ "quân đội đẳng cấp thế giới" theo nghĩa toàn cầu. Một số học giả chống lại cách giải thích như vậy và cho cụm từ này là một "khái niệm phát triển lực lượng", tuy thừa nhận, trong một đánh giá của các bài bình luận về chủ đề này, "chắc chắn, một số mức độ phóng chiếu quyền lực được ngụ ý bằng cách sử dụng Hoa Kỳ, Nga, Pháp và những người khác là ví dụ về quân đội đẳng cấp thế giới. Tất cả các lực lượng vũ trang này có thể thực hiện và duy trì ít nhất một số sức mạnh chiến đấu ngoài khu vực quê hương của họ trên thế giới." Kết quả là, "Sự hiện diện quân sự toàn cầu của Trung Quốc bên ngoài Đông Á sẽ tăng lên trong thập kỷ tới," mặc dù sự hiện diện quân sự mạnh mẽ của Hoa Kỳ, hiện nay dường như vẫn ở mức "tương đối khiêm tốn" trước những thách thức về dự báo sức mạnh.

Thứ hai, các văn bản có thẩm quyền cho thấy quân đội Trung Quốc sẽ được sử dụng để hỗ trợ các ưu tiên chính sách được coi là quan trọng đối với sự trẻ hóa và về cơ bản có tính chất toàn cầu, bao gồm "cộng đồng chung vận mệnh cho nhân loại" và

Vành đai và Con đường - cho thấy một quân đội toàn cầu hơn là đáng mơ ước. Ví dụ: Sách trắng năm 2019 của Trung Quốc có tiêu đề "Trung Quốc và thế giới trong kỷ nguyên mới" nói rõ ràng, "Quân đội Trung Quốc thực hiện trung thành khái niệm về một cộng đồng toàn cầu chung vận mệnh". Nó cũng lập luận "Trung Quốc đang tiến gần hơn đến trung tâm của sân khấu thế giới và cộng đồng quốc tế mong đợi nhiều từ quân đội Trung Quốc." Sách Trắng Quốc phòng 2019 phát hành cùng năm đi sâu vào chi tiết hơn về những điều này. các chủ đề toàn cầu, và không giống như Sách trắng Quốc phòng trước đây, thậm chí còn có một phần dài có tựa đề "Tích cực đóng góp xây dựng cộng đồng với tương lai chung cho nhân loại" — với các phần phụ về sự tham gia của Liên hợp quốc, quan hệ đối tác an ninh toàn cầu và cung cấp an ninh chung. Nó cũng chỉ ra quân đội Trung Quốc sẽ "sẵn sàng cung cấp hỗ trợ chiến lược mạnh mẽ cho việc thực hiện Giấc mơ Trung Hoa về sự trẻ hóa quốc gia, và có những đóng góp mới và lớn hơn vào việc xây dựng một cộng đồng với một tương lai chung cho nhân loại. Quốc phòng Trung Quốc trong kỷ nguyên mới" có "ý nghĩa toàn cầu", theo lập luận, và sẽ "tích cực tham gia vào việc cải cách hệ thống quản trị an ninh toàn cầu." Các văn bản này do đó rõ ràng đã định vị PLA trong phạm vi toàn cầu hơn trong chiến lược lớn của Trung Quốc.

Thứ ba, các văn bản có thẩm quyền cho thấy Trung Quốc cần một quân đội toàn cầu để đảm bảo các mục tiêu cụ thể, liên quan đến lợi ích ở nước ngoài của đất nước. Như đã thảo luận ở Chương 9, mặc dù các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nói về Thế lưỡng nan Malacca của đất nước nhiều năm trước đó, nhưng Trung Quốc bắt đầu nhấn mạnh hơn đến việc bảo vệ lợi ích rộng lớn hơn ở nước ngoài trong bài phát biểu năm 2009 của Hồ tại Hội nghị Đại sứ lần thứ 11. Sự thay đổi đó đã phát triển rõ rệt hơn và thậm chí còn mang tính toàn cầu hơn sau năm 2016, với sự nhấn mạnh cụ thể vào các khả năng ở nước ngoài cần thiết để đảm bảo những lợi ích đó. Các tài liệu có thẩm quyền đã xác định các lợi ích ở nước ngoài của Trung Quốc bao gồm

công dân và nhân sự, thể chế, tổ chức, tài sản, năng lượng và tài nguyên ở nước ngoài, các tuyến đường biển liên lạc (SLOC) và thậm chí cả Vành đai và Con đường. Bảo vệ những lợi ích này là một nhiệm vụ toàn cầu thực sự. Chẳng hạn như trước COVID-19, thống kê của chính Trung Quốc chỉ ra 120 triệu công dân Trung Quốc đi du lịch nước ngoài hàng năm, hàng triệu người sống ở nước ngoài và 30.000 doanh nghiệp cũng đã đăng ký ở nước ngoài. Một ước tính cho thấy "khoảng 1/6 tổng số lao động Trung Quốc (16%) và chỉ hơn 1/5 tổng vốn FDI của Trung Quốc (21%) là ở các quốc gia mà Ngân hàng Thế giới xếp hạng trong phần tư cuối của chỉ số bất ổn, đang chịu những vấn đề bất ổn nghiêm trọng nhất." Theo đó, số lượng ngày càng tăng của công dân Trung Quốc đã bị giết hoặc bị bắt cóc ở các quốc gia bao gồm Afghanistan, Iraq, Pakistan, Nigeria, Ethiopia, Niger, Congo, Syria và Lào, và những quốc gia khác. Dòng tài nguyên cũng không an toàn. Trung Quốc đã vượt qua Hoa Kỳ là nhà nhập khẩu lớn nhất thế giới vào năm 2017; năm đó, hơn 2/3 lượng dầu và 40% lượng khí đốt tự nhiên của nước này được nhập khẩu - phần lớn đến từ nước ngoài và thông qua các điểm nghẽn chính. Hơn 90% lượng hàng hóa nhập khẩu của Trung Quốc như sắt, than và đồng - và khoảng cùng một lượng hoạt động ngoại thương của nước này - cũng được tiến hành bằng đường biển. Mặc dù vậy, ít nhất là vào cuối năm 2016, các bài phát biểu có thẩm quyền của Trung Quốc cho thấy rõ Bắc Kinh không tin họ đã đạt đủ tiến bộ trong việc đảm bảo các lợi ích toàn cầu này. Như sau đó Bộ trưởng Ngoại giao Vương Nghị đã lưu ý trong một bài phát biểu tại CSIS, "nhiệm vụ quan trọng của ngoại giao Trung Quốc là bảo vệ hiệu quả các lợi ích ngày càng tăng ở nước ngoài của Trung Quốc," nhưng "thành thật mà nói, chúng tôi không có đủ nguồn lực và khả năng để làm điều đó." Có lẽ vì sự bất cập đó, báo cáo công tác Đại hội Đảng lần thứ 19 của Chủ tịch Tập Cận Bình vào năm sau và bài bình luận liên quan xung quanh nó đã kêu gọi đầu tư vào một lực lượng toàn cầu hơn của Trung Quốc. Báo cáo công tác Đại hội Đảng lần thứ 19 của ông Tập không đề cập rõ ràng đến các lợi ích ở nước ngoài, nhưng nó chủ trương "đẩy mạnh nỗ lực xây

dựng Trung Quốc trở thành một quốc gia mạnh về biển", bên cạnh việc nhấn mạnh phong trào hướng tới "sân khấu trung tâm của thế giới" và một "quân đội đẳng cấp thế giới." Hơn nữa, Sách trắng 2019 sau đó liệt kê "bảo vệ các lợi ích ở nước ngoài" là một trong chín nhiệm vụ chính của quân đội Trung Quốc, cùng với việc "hỗ trợ sự phát triển bền vững của đất nước". Bài báo đó cũng khôi phục một phần dành riêng về Trung Quốc các lợi ích ở nước ngoài đã được gộp vào các phần khác trong Sách trắng trước đó. Quan trọng hơn, nó cũng liệt kê những gì Trung Quốc cần để đảm bảo: "để giải quyết những khiếm khuyết trong các hoạt động và hỗ trợ ở nước ngoài, PLA xây dựng lực lượng vùng biển xa, phát triển các cơ sở hậu cần ở nước ngoài và tăng cường khả năng hoàn thành các nhiệm vụ quân sự đa dạng." Ngôn ngữ rất đáng chú ý — Sách Trắng trước đó đã đề cập đến việc "chuyển dần" sang bảo vệ "vùng biển xa", nhưng bài báo này dứt khoát hơn nhiều và là bài báo đầu tiên đề cập đến các cơ sở ở nước ngoài là nhu cầu thiết yếu. Sách Trắng 2019 cũng chỉ rõ các loại các sứ mệnh mà Trung Quốc đã thực hiện để bảo vệ các lợi ích ở nước ngoài: "PLA tiến hành các hoạt động bảo vệ tàu thuyền, duy trì an ninh của các SLOC chiến lược và thực hiện các hoạt động sơ tán ở nước ngoài và bảo vệ quyền hàng hải." Một lần nữa, các sứ mệnh này đòi hỏi phải có dấu ấn toàn cầu.

Hành vi của Trung Quốc phù hợp với sự tập trung ngày càng tăng này vào một tư thế toàn cầu, ngay cả khi cách tiếp cận đang phát triển của họ nhẹ hơn hẳn so với phương pháp thay thế của Hoa Kỳ. Trung Quốc trước đây đã đặt nền móng cho các ưu tiên quân sự nhiều năm trước khi thực sự theo đuổi chúng một cách công khai: thực sự, nghiên cứu tàu sân bay của Trung Quốc đã có từ nhiều thập kỷ trước nhưng Bắc Kinh đã không chính thức khởi động chương trình cho đến sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu mặc dù đã có khả năng thực hiện sớm hơn. Tương tự, Trung Quốc đã suy nghĩ và lên kế hoạch cho các cơ sở ở nước ngoài trong nhiều năm trước khi mở cửa đầu tiên tại Djibouti vào năm 2017 - sản phẩm của các

cuộc đàm phán bắt đầu từ ba hoặc bốn năm trước đó. Và như Chương 9 đã thảo luận, Trung Quốc đã coi một số dự án cảng BRI của mình như những khoản đầu tư mang tính lâu dài mà một ngày nào đó có thể được nâng cấp thành tiếp cận quân sự hoặc thậm chí là căn cứ - một cách giải thích được xác nhận riêng bởi một số quan chức quân sự Trung Quốc và thậm chí bởi cựu lãnh đạo cơ quan Hải dương nhà nước, giúp định hình chiến lược hàng hải của Trung Quốc. Thật vậy, kể từ năm 2016, các quan chức của Trung Quốc đã trở nên cởi mở hơn về những nỗ lực của họ để có được các cơ sở ở nước ngoài. Ví dụ, vào năm 2016, Bộ trưởng Ngoại giao Vương Nghị nói về tham vọng ở nước ngoài của Trung Quốc, "chúng tôi đang cố gắng xây dựng một số cơ sở hạ tầng cần thiết và năng lực hậu cần ở các khu vực tập trung lợi ích của Trung Quốc. Điều này không chỉ hợp lý mà còn phù hợp với thông lệ quốc tế." Năm 2019, Chính ủy căn cứ Djibouti của Trung Quốc, Li Chunpeng, cho biết, "sự hỗ trợ của Hải quân Trung Quốc cho các nhiệm vụ hộ tống trên biển xa sẽ chuyển dần từ mô hình trên các tàu tiếp liệu được bổ sung từ các cảng nước ngoài cho các tàu Trung Quốc." Vào cuối năm 2014, Trung Quốc đã từ chối khả năng triển khai quân sự ở nước ngoài mà không có sự ủy quyền của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; giờ đây, "trọng tâm không còn là phủ nhận Trung Quốc đang theo đuổi khả năng [viễn chinh toàn cầu] mà là xác định các điều kiện thực tế dẫn đến một hoạt động ở nước ngoài."

Hoạt động sau năm 2016 của Trung Quốc dường như hỗ trợ cho những tuyên bố này. Năm 2017, cùng năm Trung Quốc mở cơ sở ở Djibouti, một số tài khoản cho biết các cuộc đàm phán về hợp đồng thuê 99 năm đối với cảng Hambantota của Sri Lanka cũng bao gồm các câu hỏi liên quan đến quyền tiếp cận quân sự. Trong năm 2016 và 2017, một công ty Trung Quốc đã mua lại. Hợp đồng thuê đảo Feydhoo Finolhu trong 50 năm của Maldives, chỉ trả 4 triệu đô la cho nó, và sau đó bắt đầu cải tạo đất. Cũng trong khoảng thời gian này, có bằng chứng Trung Quốc cũng đã thiết lập một tiền đồn ở Tajikistan.

Vào năm 2018, một công ty Trung Quốc đã tìm cách tài trợ và xây dựng ba sân bay ở Greenland, một trọng tâm lâu dài trong tham vọng Bắc Cực của họ sau nỗ lực mua lại một căn cứ quân sự cũ bị bỏ hoang của Mỹ ở đó. Vào năm 2019, Trung Quốc đã đàm phán hợp đồng thuê một Cơ sở hải quân Campuchia và bắt đầu xây dựng các cảng và sân bay có thể tiếp nhận các tàu quân sự của Trung Quốc, và mặc dù các dự án này trên danh nghĩa là dân sự, có dấu hiệu cho thấy các cuộc thảo luận về tiếp cận quân sự giữa hai chính phủ. Cùng năm đó, một tập đoàn Trung Quốc đã thuê toàn bộ một hòn đảo ở quần đảo Solomon, dù quyết định tạm thời bị đảo ngược. Phải thừa nhận

một số chi tiết trong những trường hợp này rất khó chứng thực, nhưng sự cân bằng của bằng chứng — đặc biệt là khi kết hợp với các tuyên bố của Trung Quốc và việc Bắc Kinh sẵn sàng phá vỡ cam kết không bao giờ đồn trú lực lượng ở nước ngoài - cho thấy mối quan tâm ngày càng tăng đối với các cơ sở toàn cầu.

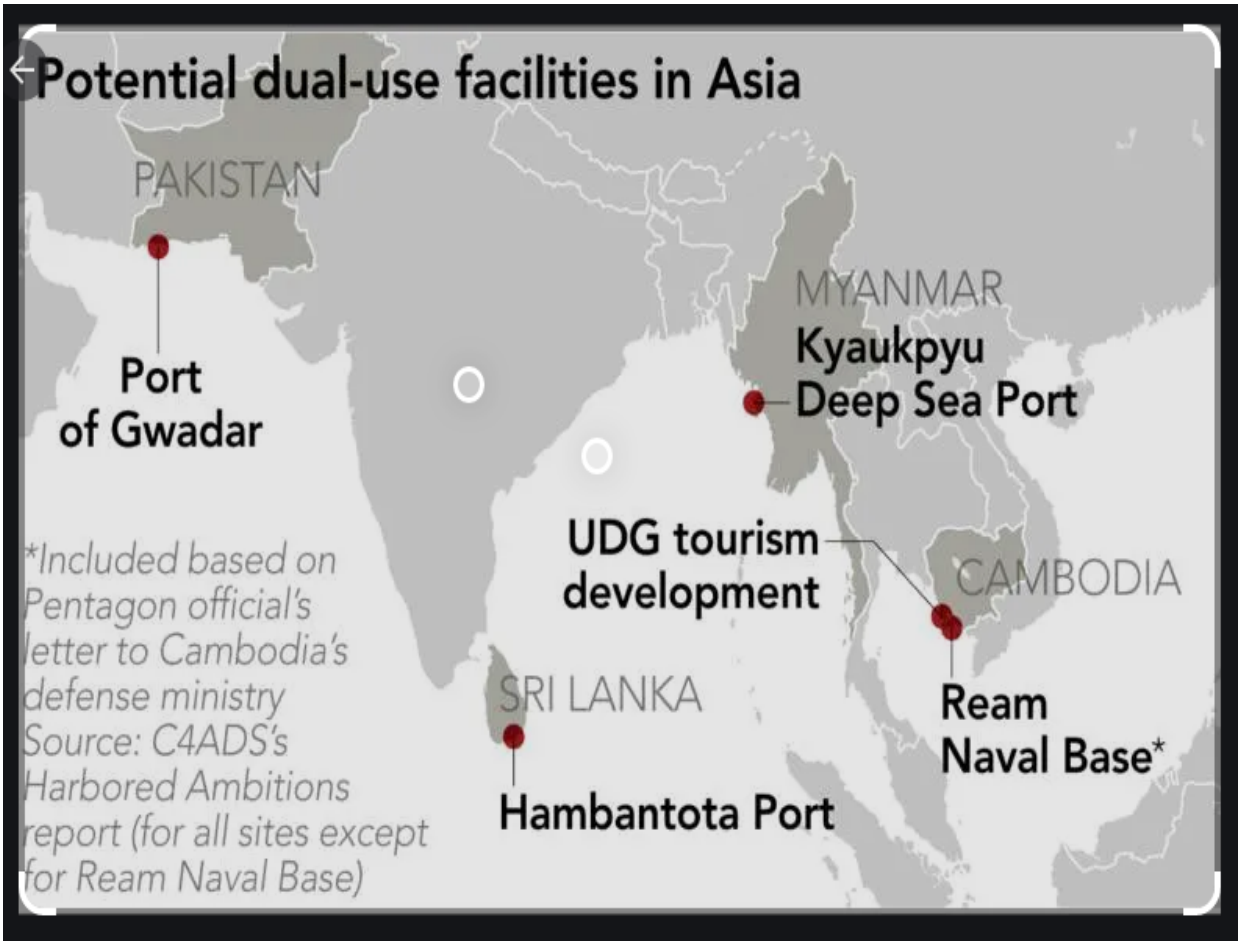

Các cảng và căn cứ do Trung Quốc đầu tư tại Ấn Độ Dương

Nguồn bằng chứng quan trọng khác đến từ các khoản đầu tư của Trung Quốc, chứng tỏ sự tập trung ngày càng tăng vào các khả năng viễn chinh. Ví dụ, kể từ năm 2016, PLA đã mở rộng quân đoàn thủy quân lục chiến của mình từ 10.000 lên hơn 30.000, và có một số ý kiến cho các lực lượng này dự định cho các nhiệm vụ bên ngoài kịch bản Đài Loan trong khi ngược lại, các lực lượng viễn chinh được dành cho Đài Loan. Một số báo cáo chỉ ra Thủy quân lục chiến PLA cũng đã đa dạng hóa hoạt

động huấn luyện bên ngoài Biển Đông, bao gồm các loại địa hình, khí hậu và địa lý khác nhau, cho thấy một nhiệm vụ rộng lớn hơn. Nói rộng hơn, trong vài năm qua, lực lượng này cho thấy Trung Quốc có thể theo đuổi các tàu sân bay chạy bằng năng lượng hạt nhân cần thiết để hoạt động trên toàn cầu. Mặc dù có những thông tin cho chương trình có thể đã tạm thời bị hoãn lại do những thách thức kỹ thuật, mặc dù vậy, Trung Quốc vẫn đang tiếp tục với kế hoạch cho ít nhất 4 tàu sân bay. Để hỗ trợ các hoạt động ngoài khu vực, Trung Quốc đã tăng cường đầu tư vào "các tàu bổ sung đang được tiến hành, khả năng tiếp nhiên liệu đường hàng không, và tăng số lượng tàu PLAN với liên lạc vệ tinh" cũng rất quan trọng đối với phạm vi toàn cầu. Trong một số trường hợp, tham vọng toàn cầu của Trung Quốc thực sự rất rộng lớn. Tập Cận Bình đã tuyên bố các cực, không gian và biển sâu là "các biên giới chiến lược mới" và Bắc Kinh đang ngày càng đầu tư các khả năng quân sự để đảm bảo chúng. Ví dụ, vào năm 2018, Bắc Kinh đã công bố đấu thầu các tàu phá băng chạy bằng năng lượng hạt nhân — một dấu hiệu mạnh mẽ cho thấy PLA cũng sẽ tìm cách hoạt động ở Bắc Cực và Nam Cực.

Thế trận quân sự toàn cầu của Trung Quốc có thể không giống với Mỹ. Bắc Kinh có thể thiếu các mạng lưới liên minh và căn cứ với hàng chục nghìn binh sĩ và tránh các biện pháp can thiệp tốn kém. Nhiều khả năng nước này sẽ lựa chọn các cơ sở lưỡng dụng, khả năng tiếp cận luân phiên và dấu chân nhẹ hơn — ít nhất là vào lúc này — khi quân đội của họ vẫn gặp khó khăn trong việc thách thức Hoa Kỳ bên ngoài Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Cách tiếp cận này có những hạn chế, nhưng nó có thể cho phép Bắc Kinh đảm bảo tốt hơn lợi ích của mình, cung cấp an ninh chung và trong một số trường hợp, tự định vị mình như một nhà lãnh đạo.

Những ưu tiên quân sự này, khi kết hợp với những ưu tiên chính trị và kinh tế của Trung Quốc, cho thấy mong muốn định hình trật tự toàn cầu trong thế kỷ XXI, có thể chứng minh kết quả tương tự như cách mà Hoa Kỳ đã định hình lại thế kỷ XX. Mong

muốn đó phải đối mặt với những thách thức đáng kể. Bây giờ chúng ta chuyển sang câu hỏi làm thế nào Hoa Kỳ có thể phản ứng lại các tham vọng và hoạt động toàn cầu của Trung Quốc.

| 13 |
CHIẾN LƯỢC BẤT ĐỐI XỨNG TRONG CẠNH TRANH MỸ-TRUNG

"Hoa Kỳ phải tốt bằng hoặc tốt hơn đối thủ về hiệu quả sử dụng các nguồn lực, vì giờ đây [họ] đang chi tiêu các nguồn lực tương đương." Andrew Marshall, Giám đốc Văn phòng Đánh giá Mạng Lưới, 1973.

Vào giữa năm 1973, thủ tướng Trung Quốc, Chu Ân Lai, đã gặp một phái đoàn Mỹ. Chu là một trong những người cha sáng lập Trung Quốc hiện đại, người tổ chức Long March (Tháng Ba dài) và người cố vấn cho những nhà cải cách sau này như Đặng Tiểu Bình. Khi gặp phái đoàn Mỹ, Chu đã gọi thành viên trẻ tuổi nhất của Mỹ bước tới. Sau đó ông ta hỏi một câu hỏi. "Bạn có nghĩ Trung Quốc sẽ trở thành một cường quốc hiếu chiến?" Cuộc gặp diễn ra sau mối quan hệ hợp tác lịch sử giữa Bắc Kinh và Washington, và người Mỹ trẻ tuổi, lạc quan đã trả lời: "Không." Nhưng Chu Ân Lai đã phản pháo ngay lập tức: "Đừng tin vào điều đó. Điều đó là có thể. Nhưng nếu Trung Quốc dấn thân vào con đường như vậy, bạn phải phản đối nó." Dừng lại để nhấn mạnh, sau đó ông thốt lên, "Và bạn phải nói với những người Trung Quốc rằng Chu Ân Lai đã bảo bạn làm như vậy!"

Chu Ân Lai

Chu Ân Lai có thể đã khuyến khích những người khác kiểm tra những khía cạnh có hại hơn của sự bành trướng của Trung Quốc, nhưng ông không giải thích cách làm như vậy. Đó là nhiệm vụ của chương này, nhằm đưa ra một cách tiếp cận bất đối xứng để cạnh tranh với Trung Quốc. Đó không phải là nhiệm vụ dễ dàng. Trong khu vực châu Á, Trung Quốc chiếm hơn một nửa chi tiêu quân sự và hơn một nửa hoạt động kinh tế của khu vực. Và đối với Hoa Kỳ, Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh đầu

tiên vượt qua 60% GDP của Hoa Kỳ — và khi tính theo sức mua, nó đã lớn hơn 25% so với nền kinh tế Hoa Kỳ.

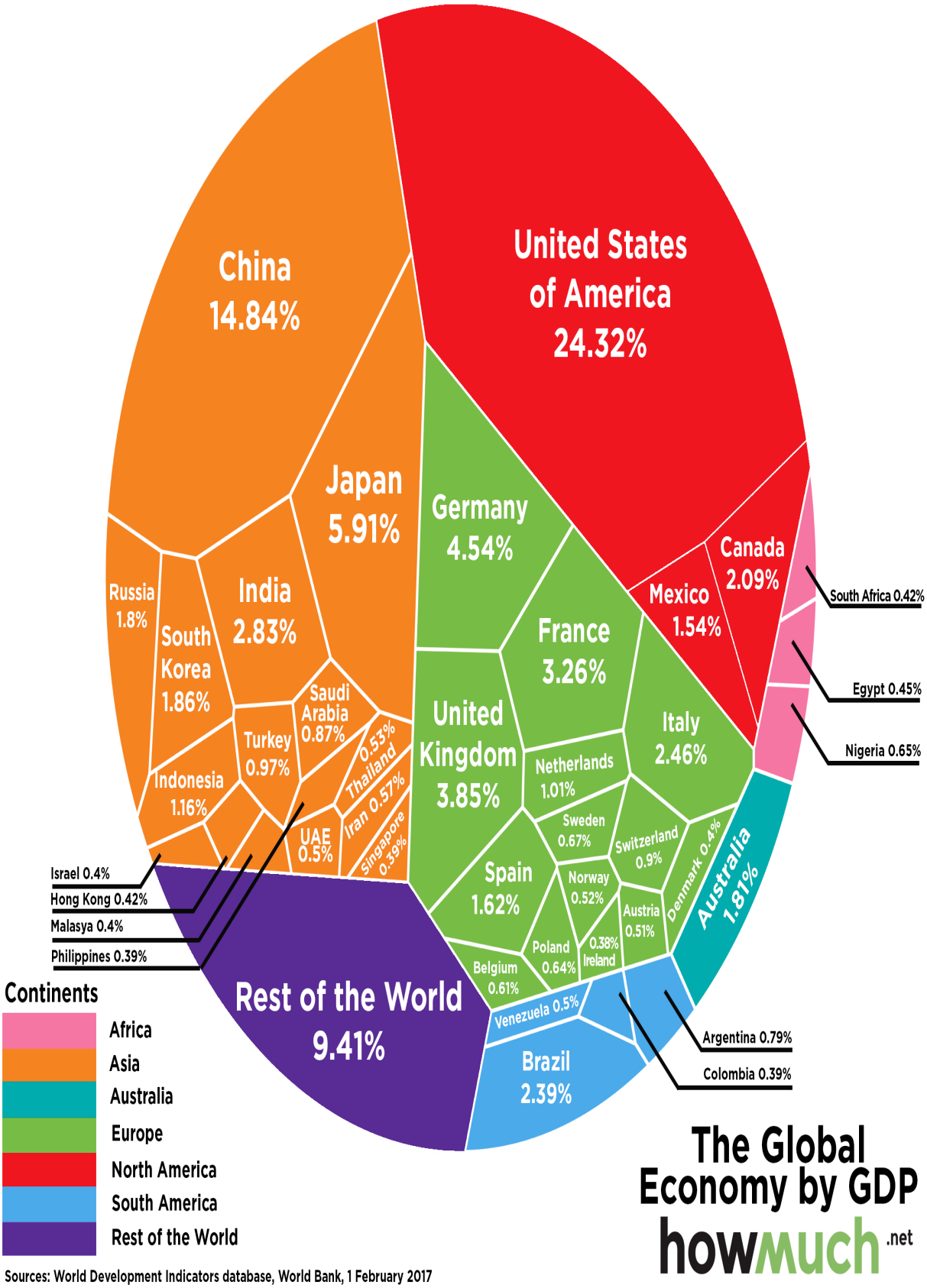

The Global Economy by GDP

howmuch.net

Sources: World Development Indicators database, World Bank, 1 February 2017

Một phần do những xu hướng này, Trung Quốc đã trở nên táo bạo hơn trong thập kỷ qua và phá vỡ một số cam kết mà nước này đã giữ khi yếu hơn. Kể từ năm 2016, như hai chương cuối đã chứng minh, nó đã ngày càng phát triển mạnh mẽ trong khu vực gần nhà và trên toàn thế giới. Một phần danh sách các hoạt động này vẽ nên một bức tranh nổi bật: Trung Quốc đã mở các trại cải tạo ở Tân Cương; vi phạm cam kết quốc tế về quyền tự trị của Hồng Kông; giết chết hai mươi binh sĩ Ấn Độ trong vụ sử dụng vũ lực chết người đầu tiên ở biên giới Trung-Ấn trong nhiều thập kỷ; đặt tên lửa trên các đảo ở Biển Đông dù đã hứa sẽ không làm như vậy; đã gửi một danh sách mười bốn bất bình cho Úc về các hình phạt kinh tế; và đe dọa hoặc triển khai cưỡng bức kinh tế đối với hàng chục quốc gia trên thế giới, bao gồm Cộng hòa Séc và Thụy Điển trung lập.

Trại cải tạo ở Tân Cương

Trại cải tạo Tân Cương được gọi chính thức là Trung tâm huấn luyện và giáo dục nghề nghiệp thiết lập bởi chính phủ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, là những trại giam giữ thuộc quản lý bởi Chính phủ khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương cho mục đích

giam giữ người Duy Ngô Nhĩ từ năm 2017 như một phần của "cuộc chiến của người dân chống khủng bố" được tuyên bố vào năm 2014. Trại đã được thành lập theo chỉ đạo của Tổng bí thư Tập Cận Bình và được triển khai bởi bí thư đảng ủy Tân Cương, Trần Toàn Quốc. Những trại này là được báo cáo vận hành bên ngoài hệ thống pháp luật; nhiều người Duy Ngô Nhĩ theo tin tức bị giam giữ mà không qua tòa án và không có lời buộc tội nào được ghi lại để chống lại họ. Chính quyền địa phương đang giam giữ hàng trăm nghìn người Duy Ngô Nhĩ cũng như những nhóm dân tộc thiểu số khác trong những trại cải tạo, vì mục đích đối phó với chủ nghĩa cực đoan và chính sách khủng bố và đẩy mạnh đồng hóa.

Mặc dù ngày nay rõ ràng là Trung Quốc vẫn chưa đi theo bước chân đẫm máu của các cường quốc đang trỗi dậy ở thế kỷ trước, nhưng phát biểu của Chu Ân Lai là một điều đáng lưu ý. Các cường quốc đang trỗi dậy trong suốt lịch sử có xu hướng bãi bỏ các cam kết cũ và đôi khi sử dụng bạo lực khi họ hủy bỏ mệnh lệnh của người khác và xây dựng theo cách của chính họ. Các chương trước đã chỉ ra các quan chức hàng đầu của Trung Quốc hiện đang tự quảng cáo không chỉ trong khu vực mà còn thực sự là tham vọng toàn cầu của Trung Quốc. Mục tiêu cuối cùng của Bắc Kinh là thay thế Hoa Kỳ trên toàn cầu để trở thành quốc gia thống trị thế giới vào năm 2049.

Trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ-Trung đang gia tăng, chương này đánh giá tầm nhìn cạnh tranh về chiến lược dài hạn của Mỹ đối với Trung Quốc. Khi làm như vậy, nó thực hiện ba dòng điều tra.

Đầu tiên, nó phân tích bản chất của cạnh tranh Mỹ-Trung. Như Chương 1 đã thiết lập, sự cạnh tranh giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc chủ yếu là về trật tự khu vực và toàn cầu cũng như "các hình thức kiểm soát" — khả năng liên kết, sự đồng thuận và tính hợp pháp — để duy trì vị trí của một bên trong trật tự đó.

Thứ hai, nó khám phá hai loại phương pháp tiếp cận chiến lược rộng lớn: (1) các chiến lược tìm cách thích ứng hoặc trấn an

Trung Quốc, có thể thông qua một cuộc thương lượng lớn hoặc thông qua “vòng xoáy hợp tác”; và sau đó là (2) các chiến lược tìm cách thay đổi Trung Quốc dù thông qua “diễn biến hòa bình” hay lật đổ. Nó tham gia vào việc đánh giá so sánh hiệu quả tương đối của các chiến lược này, nhận thấy cả hai chiến lược đều gặp phải những trở ngại đáng kể.

Thứ ba, chương này ủng hộ một chiến lược tập trung vào việc xóa bỏ quyền lực và trật tự của Trung Quốc, đồng thời xây dựng nền tảng cho quyền lực và trật tự của Hoa Kỳ. Ở nhiều nơi, và đặc biệt là đối với vấn đề cắt giảm, chiến lược này có ý định phi đối xứng và rút ra một phần từ chiến lược lớn của chính Trung Quốc trong những năm 1990 và đầu những năm 2000. Hoa Kỳ không thể cạnh tranh đối xứng với Trung Quốc — một phần là do quy mô tương đối của Trung Quốc. Các phương pháp tiếp cận không đối xứng để giảm thiểu tác động, tìm cách làm thất bại các tác động — và, trong một số trường hợp, các nguồn — sức mạnh và ảnh hưởng của Trung Quốc với chi phí thấp hơn so với chi phí mà Trung Quốc bỏ ra để tạo ra chúng. Thành phần xây dựng của chiến lược này đối xứng hơn, nhưng nó thường tìm cách đầu tư vào các nền tảng cho trật tự của Hoa Kỳ, đặc biệt khi lợi ích cưỡng chế, đồng thuận hoặc hợp pháp vượt quá chi phí đầu tư đáng kể và hầu như trong mọi trường hợp, làm như vậy là rẻ hơn hơn những nỗ lực của chính Trung Quốc trong việc làm mất trật tự của Mỹ. Cách tiếp cận chiến lược này sẽ tìm cách cạnh tranh với Trung Quốc không phải thông qua thay đổi nội bộ hoặc nỗ lực trấn an mà bằng cách hạn chế khả năng của Trung Quốc trong việc chuyển đổi sức mạnh của mình thành trật tự khu vực và toàn cầu. Trong nỗ lực này, Hoa Kỳ có những lợi thế nhất định đến từ khả năng thu hút nguồn lực và nhân tài của hệ thống mở, mạng lưới liên minh mà Trung Quốc chưa thể chia cắt hoặc tái tạo, và khoảng cách địa lý với các cường quốc đối thủ.

Cũng trong năm đó, Chu Ân Lai gặp phái đoàn Mỹ của ông, Andrew Marshall - người sau này sẽ lãnh đạo Văn phòng Đánh giá Mạng lưới của Lầu Năm Góc trong nhiều thập kỷ và đang

trên đà trở thành một trong những chiến lược gia có ảnh hưởng nhất của Mỹ - đang vật lộn với một vấn đề mà Hoa Kỳ phải đối mặt ngày nay. Báo cáo của ông, có tựa đề Cạnh tranh dài hạn với Liên Xô: Khuôn khổ phân tích chiến lược, được lưu hành khắp Lầu Năm Góc vào năm đó. Marshall lưu ý để cạnh tranh hiệu quả với chi tiêu ngày càng tăng của Liên Xô, "Hoa Kỳ phải tốt bằng hoặc tốt hơn đối thủ về hiệu quả sử dụng các nguồn lực mà Liên Xô đang sử dụng các nguồn lực tương đương." Chìa khóa là phải thực hiện các hành động khiến đối thủ phải trả giá lớn hơn chi phí của chính hành động đó, do đó đòi hỏi phải xác định các lĩnh vực có lợi và bất lợi của Mỹ và đối thủ. Bất chấp những thách thức và điểm yếu đáng kể của Trung Quốc, quy mô tuyệt đối cho thấy có khả năng Bắc Kinh - không giống như Liên Xô - cuối cùng có thể tạo ra và dành nhiều nguồn lực cho cạnh tranh hơn Hoa Kỳ, nước hiện đang gặp phải những trở ngại lớn trong nước. Điều này đòi hỏi các câu hỏi về cạnh tranh đối xứng và bất đối xứng - từng được các thế hệ chiến lược gia trước đây cảm nhận sâu sắc - được khôi phục trong các cuộc thảo luận về cách cạnh tranh với Trung Quốc trên các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế và các lĩnh vực khác.

BẢN CHẤT CỦA CUỘC ĐUA

Khi sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc gia tăng trong vài năm qua, một số nhà hoạch định chính sách và học giả đã thường xuyên quay lại câu hỏi tương tự, "Cuộc cạnh tranh này là gì?" Đối với Trung Quốc, và đối với hầu hết các nhà quan sát khách quan, cổ phần của cuộc cạnh tranh từ lâu đã rõ ràng. Cạnh tranh Mỹ-Trung chủ yếu là cuộc cạnh tranh xem ai sẽ dẫn dắt trật tự khu vực và toàn cầu và loại trật tự nào họ có thể tạo ra từ vị trí lãnh đạo đó. Ở nhiều nơi, nhưng không phải tất cả, đó là một trò chơi có tổng bằng không vì nó vượt qua một lợi ích vị trí — nghĩa là, vai trò của một người trong hệ thống phân cấp. Ở những nơi khác, có thể có chỗ cho sự điều chỉnh lẫn nhau, đặc biệt là về loại thứ tự dẫn đến kết quả, cũng như sự hợp tác trong các vấn đề xuyên quốc gia. Bây giờ chúng ta

chuyển sang câu hỏi về trật tự, cạnh tranh trong thời bình, và các cổ phần của cuộc đua hiện tại.

XÁC ĐỊNH TRẬT TỰ

Như chương đầu tiên đã thảo luận, mặc dù các học giả quan hệ quốc tế thường cho thế giới là tự do, nhưng thực tế là nó thường có thứ bậc, với một số quốc gia thực hiện quyền lực đối với các quốc gia khác. Trong một trật tự bá quyền, nhà nước ưu việt "huy động lãnh đạo" đứng đầu hệ thống cấp bậc để cấu trúc mối quan hệ giữa các quốc gia và bên trong chúng. Mệnh lệnh bá quyền liên quan đến cái mà Robert Gilpin gọi là một số "hình thức kiểm soát" của một nhà nước thống trị để điều chỉnh cấp dưới của nó, và sự kiểm soát đó thường bao gồm sự kết hợp của khả năng cưỡng chế (buộc sự tuân thủ), sự khuyến khích đồng thuận (để khuyến khích nó) và tính hợp pháp (để chỉ huy nó một cách hợp pháp).

Sự ép buộc xuất hiện từ mối đe dọa trừng phạt, bao gồm sức mạnh quân sự hoặc kiểm soát cấu trúc đối với các nút trong hệ thống như tiền tệ, thương mại và công nghệ. Các thỏa thuận liên quan đến sự hợp tác được khuyến khích thông qua các thỏa thuận hoặc lôi kéo cùng có lợi, chẳng hạn như đảm bảo an ninh, cung cấp hàng hóa công hoặc tư nhân, hoặc thậm chí lôi kéo giới thượng lưu. Cuối cùng, tính hợp pháp là khả năng chỉ huy đơn giản dựa trên bản sắc hoặc hệ tư tưởng của nhà nước thống trị, tạo thành một loại quyền lực. Ví dụ, Vatican đã từng có thể chỉ huy các quốc gia mà nó thực hiện ít quyền lực vật chất chỉ đơn giản là do vai trò thần học của nó. Cùng với nhau, năng lực cưỡng chế, sự đồng thuận và tính hợp pháp bảo đảm sự tôn trọng của các quốc gia trong trật tự.

XÁC ĐỊNH CẠNH TRANH THỜI BÌNH

Sự cạnh tranh trong thời bình giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc là về trật tự khu vực và toàn cầu và các hình thức kiểm soát làm nền tảng cho cả hai. Sau đó, một cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc về trật tự sẽ diễn ra như thế nào, và trật tự do Mỹ dẫn đầu có thể thay đổi như thế nào? Hầu hết các nhà phân tích

đều cho các trật tự bá chủ thay đổi thông qua cuộc chiến tranh giành quyền lực lớn. Chẳng hạn, trật tự của Mỹ xuất hiện từ hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai. Nhưng đối với Hoa Kỳ và Trung Quốc, chiến tranh giữa các cường quốc ít xảy ra hơn so với trước đây do cuộc cách mạng hạt nhân, và điều đó khiến một số người sớm cho rằng trật tự của Hoa Kỳ về cơ bản là ổn định.

Tuy nhiên, không có gì trong cuộc thảo luận trước đó về trật tự yêu cầu trật tự đó chỉ thay đổi thông qua chiến tranh; trên thực tế, trật tự cũng có thể thay đổi thông qua cạnh tranh trong thời bình. Một trật tự sẽ suy yếu khi các hình thức kiểm soát trước đó — ép buộc, đồng ý và hợp pháp — bị suy yếu; ngược lại, một mệnh lệnh sẽ mạnh lên khi các hình thức kiểm soát tương tự này được củng cố. Từ góc độ này, sự chuyển đổi trật tự có thể xảy ra ngay cả khi không có chiến tranh. Những quá trình chuyển đổi này có thể xảy ra dần dần thông qua quá trình phát triển gia tăng hoặc đột ngột, như sự sụp đổ của Liên Xô chứng tỏ, nhưng chúng không cần phải có chiến tranh quyền lực lớn hoặc thậm chí là một đối thủ cạnh tranh quyền lực lớn. Các học giả nổi tiếng của Trung Quốc suy đoán về chuyển đổi trật tự hiểu điều này là thực tế, với Yuan Peng— người đứng đầu cơ quan tư vấn của Bộ An ninh Nhà nước - cho rằng đại dịch có thể đóng vai trò tương tự trong quá trình chuyển đổi trật tự như một cuộc chiến tranh giữa các cường quốc.

Sau đó, cạnh tranh về trật tự trong thời bình trông như thế nào? Như các chương trước đã lưu ý, và như Chương 1 đã thảo luận chi tiết hơn, nếu vị trí của bá chủ trong trật tự xuất hiện từ “các hình thức kiểm soát” như ép buộc, đồng ý và hợp pháp, thì cạnh tranh về trật tự sẽ xoay quanh nỗ lực củng cố và làm suy yếu những các hình thức kiểm soát. Theo đó, cuốn sách này đã tập trung vào hai chiến lược rộng rãi thường được theo đuổi theo trình tự mà các quốc gia đang trỗi dậy như Trung Quốc có thể sử dụng để thay thế các cường quốc bá quyền như Hoa Kỳ một cách hòa bình.

Điều đầu tiên trong số này là làm giảm việc thực thi các hình thức kiểm soát của bá quyền, đặc biệt là những hình thức kiểm soát được mở rộng trên trạng thái đang trỗi dậy; xét cho cùng, không một quốc gia trỗi dậy nào có thể thay thế bá chủ nếu phần lớn vẫn nằm trong tầm kiểm soát của bá chủ. Thứ hai là xây dựng đòn bẩy hoặc các hình thức kiểm soát đối với những người khác, cũng như nền tảng cho các thỏa thuận đồng thuận và tính hợp pháp; thực sự, không một quốc gia đang trỗi dậy nào có thể trở thành bá chủ nếu nó không thể hạn chế quyền tự quyết của những người khác hoặc lôi kéo họ bằng những thỏa thuận đồng thuận và tính hợp pháp để đảm bảo họ tuân theo sở thích của quốc gia đang trỗi dậy. Trung Quốc, như cuốn sách này đã chứng minh, đã sử dụng hai chiến lược như một phương tiện để đi lên — thách thức trật tự Hoa Kỳ ở cấp độ khu vực và toàn cầu trong khi đặt nền móng cho chính mình.

Chương này dựa trên nền tảng đó để lập luận các cường quốc đã được thiết lập cũng có thể sử dụng các chiến lược này. Ví dụ, Hoa Kỳ cũng có thể làm mất trật tự của Trung Quốc trong khi xây dựng hoặc tái thiết chính họ.

XÁC ĐỊNH CỔ PHẦN

Cổ phần của một cuộc cạnh tranh theo thứ tự là gì? Hoa Kỳ thường kiểm tra không đầy đủ các nền tảng trật tự của chính mình. Thay vì nghiên cứu nền tảng của quyền bá chủ, nhiều người Mỹ coi các đặc điểm của hệ thống quốc tế như một điều hiển nhiên chứ không phải là sản phẩm của quyền lực Mỹ. Ví dụ: giả định các quốc gia nói chung phải là dân chủ và họ không được tham gia vào các hoạt động diệt chủng, phổ biến vũ khí hạt nhân, xâm chiếm lãnh thổ, sử dụng vũ khí sinh học hoặc hành vi trần trụi phi tự do (so với hành vi phi tự do ít nhất được bọc một cách vô nghĩa trong một chiếc áo choàng hợp pháp) là một sản phẩm của các chi phí được tạo ra để tham gia vào hành vi đó theo lệnh của Hoa Kỳ, ngay cả khi việc Washington tuân thủ hoặc bảo vệ các tiêu chuẩn này là không hoàn hảo. Sự chênh lệch mà Hoa Kỳ nhận được từ các đồng minh và đối tác của mình trong nhiều trường hợp cũng là một sản phẩm của

trật tự, cũng như việc chấp nhận tương đối các căn cứ ở nước ngoài của Mỹ hoặc đồng đô la làm tiền tệ dự trữ. Đây là một sự thật mà các quốc gia phi tự do như Trung Quốc, vốn đã biết trong nhiều thập kỷ về khuynh hướng tự do của hệ thống quốc tế và các khía cạnh cơ bản của quyền bá chủ của Mỹ, không thể nào quên được. Trung Quốc không chỉ ca ngợi những giả định của hệ thống quốc tế về lợi thế cấu trúc của Mỹ mà còn phân tích chúng, hỏi lý do tại sao chúng lại như vậy và tìm cách định hình lại hệ thống theo ý muốn của mình bằng cách xây dựng trật tự của riêng mình.

Cuốn sách này đã suy đoán về trật tự của Trung Quốc có thể trông như thế nào. Ở cấp độ khu vực, nơi Trung Quốc đã chiếm hơn một nửa GDP châu Á và một nửa tổng chi tiêu quân sự của châu Á. Một trật tự được thực hiện đầy đủ của Trung Quốc cuối cùng có thể liên quan đến việc rút các lực lượng Mỹ khỏi Nhật Bản và Hàn Quốc, chấm dứt các liên minh của Mỹ, đẩy Hải quân Mỹ khỏi Tây Thái Bình Dương, khác biệt với các nước láng giềng trong khu vực của Trung Quốc, thống nhất với Đài Loan và giải quyết các tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông và Hoa Đông. Trật tự của Trung Quốc có thể sẽ mang tính cưỡng chế hơn so với trật tự hiện tại, nhất trí theo những cách chủ yếu mang lại lợi ích cho giới tinh hoa được kết nối ngay cả với chi phí của công chúng và hầu hết được coi là hợp pháp đối với những người trực tiếp hưởng lợi. Trung Quốc sẽ triển khai trật tự này theo những cách làm tổn hại đến các giá trị tự do, với những luồng gió độc tài thổi mạnh hơn khắp khu vực. Trật tự ở nước ngoài thường phản ánh trật tự ở trong nước và việc xây dựng trật tự của Trung Quốc rõ ràng là phi đạo đức so với việc xây dựng trật tự của Hoa Kỳ.

Ở cấp độ toàn cầu, như hai chương cuối đã chứng minh, trật tự của Trung Quốc sẽ liên quan đến việc nắm bắt cơ hội của "những thay đổi lớn chưa từng thấy trong một thế kỷ" và đưa Trung Quốc trở thành quốc gia hàng đầu thế giới. Điều này đòi hỏi phải quản lý thành công rủi ro chính đến từ "những thay đổi lớn" — Washington không sẵn sàng chấp nhận sự suy giảm một

cách duyên dáng — bằng cách làm suy yếu các hình thức kiểm soát hỗ trợ trật tự toàn cầu của Mỹ trong khi củng cố các hình thức kiểm soát đó để hỗ trợ một giải pháp thay thế của Trung Quốc. Về mặt chính trị, Bắc Kinh sẽ thể hiện vai trò lãnh đạo đối với quản trị toàn cầu và các thể chế quốc tế, thúc đẩy các chuẩn mực chuyên quyền gây thiệt hại cho những người theo chủ nghĩa tự do, và chia rẽ các liên minh của Mỹ ở châu Âu và châu Á. Về mặt kinh tế, nó sẽ làm suy yếu các lợi thế tài chính tạo nên quyền bá chủ của Hoa Kỳ và nắm bắt các đỉnh cao chỉ huy của "cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư" từ trí tuệ nhân tạo đến điện toán lượng tử. Về mặt quân sự, PLA sẽ triển khai một lực lượng tầm cỡ thế giới với các căn cứ trên khắp thế giới có thể bảo vệ lợi ích của Trung Quốc ở hầu hết các khu vực và thậm chí trong các lĩnh vực mới như không gian, các cực, và biển sâu. Tổng hợp lại, Trung Quốc sẽ xây dựng "khu vực ảnh hưởng siêu lớn" trong khu vực ngoại vi của mình và "bá quyền một phần" trên các nước đang phát triển gắn liền với Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) mà cuối cùng có thể mở rộng sang cả thế giới phát triển - một tầm nhìn một số nhà báo nổi tiếng Trung Quốc mô tả việc sử dụng hướng dẫn cách mạng của Mao để "bao vây các thành phố từ vùng nông thôn".

Cả hai đều không có lợi cho Mỹ, cũng không có lợi cho các đồng minh và đối tác của Mỹ. Bây giờ chúng ta chuyển sang phân tích về hai chiến lược rộng rãi để giải quyết sự trỗi dậy của Trung Quốc.

CUNG CẤP KHÔNG GIAN CHO TRUNG QUỐC

Một số nhà phân tích đã đưa ra ý tưởng không gian có thể làm dịu sức mạnh của Trung Quốc và giảm căng thẳng. Các quan điểm về chủ nghĩa lưu trú có thể được nhóm lại thành một số loại lớn: (1) lưu trú theo lãnh thổ đơn phương hoàn toàn; (2) một món hời lớn "theo chủ nghĩa tối đa"; (3) một cuộc mặc cả lớn "tối giản"; và (4) đảm bảo chiến thuật hoặc hoạt động ở cấp độ chính trị và quân sự.

Lựa chọn đầu tiên trong số những lựa chọn, đơn phương, cố gắng làm dịu sức mạnh của Trung Quốc bằng cách cung cấp cho Trung Quốc một phạm vi ảnh hưởng mà không cần đổi lại gì. Nhưng những nhượng bộ đơn phương có thể phản tác dụng: "Trung Quốc có thể hiểu sai về một sự thay đổi lớn như vậy trong chính sách của Hoa Kỳ, điều này có thể thúc đẩy sự tự tin thái quá của Trung Quốc và gia tăng thách thức đối với lợi ích của Hoa Kỳ", một người ủng hộ thương lượng lớn viết.

Không giống như lựa chọn trước, lựa chọn thứ hai và thứ ba - tương ứng là những món hời lớn theo chủ nghĩa tối đa và tối giản - không phải là những "món hời" đơn phương mà thực sự, trong đó những nhượng bộ của Hoa Kỳ gắn liền với một số nhượng bộ từ Trung Quốc. Những người ủng hộ "chủ nghĩa tối đa" cho những món hời lớn khuyến khích việc chấm dứt các liên minh của Hoa Kỳ, rút quân đội Hoa Kỳ ra khỏi Tây Thái Bình Dương và trao cho Trung Quốc một phạm vi ảnh hưởng để đổi lấy sự nhượng bộ từ Bắc Kinh trong nhiều vấn đề - mặc dù Washington có thể phải cho phép Trung Quốc giải quyết các tranh chấp lãnh thổ theo các điều khoản của mình và sáp nhập Đài Loan để có được chúng. Nhưng một lần nữa, ngay cả hầu hết những người ủng hộ sự kiềm chế, chẳng hạn như Barry Posen, không ủng hộ cách tiếp cận như vậy vì nó đòi hỏi sự nhượng bộ sâu rộng và không thể đảo ngược của Hoa Kỳ đối với những lời hứa và cuối cùng là không thể thực thi. phản đối việc "rút hoàn toàn lực lượng Hoa Kỳ khỏi Đông Á và cho phép Trung Quốc thiết lập một vùng ảnh hưởng độc quyền ở Đông Á."

Các lựa chọn thứ ba và thứ tư - một món hời lớn tối giản và một số loại trấn an chiến lược - là những lựa chọn mạnh nhất, và chúng đáng được xem xét rộng rãi.

MỘT CUỘC MẶC CẢ LỚN

Một cuộc thương lượng lớn "tối giản" và theo từng giai đoạn có vẻ như sẽ trao đổi ít hơn cho Bắc Kinh so với những nhượng bộ đơn phương hoặc một "món hời lớn theo chủ nghĩa tối đa" bằng

cách cố gắng duy trì các liên minh và sự hiện diện của Hoa Kỳ ở châu Á và cung cấp cho Bắc Kinh thứ mà họ muốn nhất - Đài Loan. Những người ủng hộ nổi bật như Charles Glaser lập luận Hoa Kỳ nên "thương lượng một món hời lớn chấm dứt cam kết bảo vệ Đài Loan trước sự xâm lược của Trung Quốc." Những người khác có quan điểm này bao gồm Lyle Goldstein của Trường Cao đẳng Chiến tranh Hải quân, người tuyên bố "một lý do quan trọng cho quan hệ Mỹ-Trung đã đạt đến một bước ngoặt mới, chưa từng thấy kể từ những năm 1950, là do căng thẳng nổi lên xung quanh Đài Loan" và ông thúc giục một "chính sách hợp lý về việc rút khỏi Đài Loan" liên quan đến các nhượng bộ theo từng giai đoạn. Peter Beinart cũng lập luận "nếu Trung Quốc từ bỏ việc sử dụng vũ lực, Hoa Kỳ nên ủng hộ việc thống nhất với Đài Loan theo nguyên tắc "một quốc gia, hai chế độ". Cựu đại sứ Chas Freeman đưa ra nhận định lập luận tương tự, và giống như Beinart, cho thấy Bắc Kinh nói chung sẽ tôn trọng quyền tự trị của Đài Loan. Bruce Gilley cho sự tôn trọng như vậy ít bị chỉ trích hơn và khuyến khích Hoa Kỳ từ bỏ Đài Loan.

Một cuộc thương lượng lớn giữa Mỹ và Trung Quốc về Đài Loan được cho là sẽ làm giảm bớt sự cạnh tranh của Trung Quốc thông qua logic sau: "thỏa mãn" Trung Quốc, loại bỏ con đường dễ dẫn đến xung đột nhất — xét đến mức độ lớn và tốn kém của một nhượng bộ về Đài Loan — "Báo hiệu các mục tiêu của Mỹ trong khu vực là hạn chế" và do đó thay đổi niềm tin của Bắc Kinh về ý định của Mỹ. Một người đề xuất khác lưu ý một cuộc mặc cả lớn thậm chí có thể thay đổi chính trị nội bộ của Trung Quốc vì nó sẽ "làm suy yếu những kẻ quân phiệt cứng rắn sử dụng vấn đề Đài Loan để khơi dậy ngọn lửa dân tộc chủ nghĩa để gạt các nhà kỹ trị thân phương Tây." Nói tóm lại, một cuộc mặc cả được cho là sẽ loại bỏ sự cạnh tranh an ninh đáng kể giữa Mỹ và Trung Quốc thông qua sự kết hợp giữa nhượng bộ và thay đổi niềm tin. Thương lượng cũng sẽ cung cấp một loạt các lợi ích bổ sung. Nó sẽ tránh được một "cuộc chạy đua vũ trang trị giá hàng nghìn tỷ đô la", giải phóng các nguồn lực

để đổi mới trong nước hoặc có thể là các lĩnh vực cạnh tranh khác với Trung Quốc. Và nó dường như sẽ đưa ra một loạt nhượng bộ có giá trị. Những người ủng hộ một cuộc mặc cả như vậy liệt kê một số nhượng bộ có thể là một phần của cuộc mặc cả: việc Mỹ xóa nợ; hứa không quân sự hóa Đài Loan và tôn trọng các quyền tự do chính trị của nước này; giải quyết hòa bình các tranh chấp ở Biển Đông và Hoa Đông; sự chấp nhận vai trò quân sự của Trung Quốc ở châu Á; kết thúc của sự hỗ trợ đáng kể của Trung Quốc cho Iran, Triều Tiên và Pakistan; và một mối quan hệ ít gây tranh cãi trên toàn cầu.

Một món hời lớn "tối giản" đối với Đài Loan có thể sẽ thất bại. Đặc biệt, trong khi cách tiếp cận hạn chế này nhằm duy trì vị thế của Hoa Kỳ ở châu Á, thì cuối cùng nó có thể sụp đổ thành các lựa chọn được liệt kê đầu tiên và thứ hai - nghĩa là tạo ra một lối thoát hiệu quả cho Hoa Kỳ khỏi châu Á. Mặc dù niềm tin về tầm quan trọng của sự tín nhiệm của Mỹ đôi khi có thể bị phóng đại, nhưng quyết định của Washington tự nguyện chấm dứt cam kết với Đài Loan sẽ khiến các đồng minh của Mỹ trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc và Australia giật mình và thậm chí có thể tạo ra hành vi băng đảng nếu họ tin cân bằng là vô ích, làm suy giảm vị thế khu vực của Hoa Kỳ. Nói rộng hơn, cho Trung Quốc có khả năng sẽ thôn tính Đài Loan theo một món hời như vậy và giành được những lợi thế địa chiến lược mà hòn đảo này mang lại, các cam kết của Hoa Kỳ ở Biển Hoa Đông và Biển Đông sẽ trở nên kém đáng tin cậy hơn nhiều và có thể hoàn toàn không thể chối cãi, gây thất vọng. thậm chí là chiến lược "răn đe bằng cách từ chối" của Hoa Kỳ có thể làm phức tạp thêm chủ nghĩa phiêu lưu của Trung Quốc và cũng không có gì đảm bảo Trung Quốc sẽ tuân thủ hầu hết các cam kết mà Washington sẽ yêu cầu, bao gồm sự nhân nhượng với vai trò quân sự trong khu vực của Hoa Kỳ, giải quyết hòa bình các tranh chấp và cam kết không quân sự hóa Đài Loan hoặc đảm bảo các quyền tự do chính trị của nước này. Một cuộc thương lượng lớn sẽ không hoạt động giống như một hợp

đồng trước pháp luật và sẽ không có thẩm phán để thực thi các cam kết của Trung Quốc.

Để tối đa hóa khả năng Trung Quốc tôn trọng cam kết của mình trong cuộc thương lượng, một số người có thể đề xuất một cách tiếp cận theo từng giai đoạn - đó là "một con đường chia cuộc thương lượng lớn thành những phần nhỏ hơn, có thể đạt được hơn", cho phép Hoa Kỳ có cơ hội đảo ngược hướng đi trên. Ví dụ, Lyle Goldstein đề nghị Hoa Kỳ giảm lực lượng ở Guam, đóng cửa văn phòng quân sự AIT và ngừng bán vũ khí để đổi lấy quyết định rút tên lửa của Trung Quốc trên biển Hoa Đông, cho phép Đài Loan hiện diện quốc tế nhiều hơn và hạn chế PLA phát triển khả năng đổ bộ. Mỗi bước trong số này được thực hiện tại một thời điểm cuối cùng sẽ dẫn đến việc Trung Quốc (có thể trong một liên minh) thôn tính Đài Loan. Trong khi cách tiếp cận theo từng giai đoạn đối với Đài Loan thoạt nhìn có vẻ khả thi, nhưng trên thực tế nó sẽ cực kỳ không ổn định. Dù hai bên đưa ra bất kỳ trình tự nhượng bộ nào, các cuộc đàm phán về chúng sẽ diễn ra với kỳ vọng việc hủy bỏ cam kết của Hoa Kỳ đối với Đài Loan là có thể xảy ra đối với một loạt nhượng bộ và đảm bảo phù hợp. Chỉ cần ra hiệu điều này, Hoa Kỳ sẽ nhượng bộ rất nhiều ngay từ đầu các cuộc đàm phán và mời Bắc Kinh kiểm tra cam kết của mình. Đơn giản là sẽ không đáng tin cậy nếu Hoa Kỳ tuyên bố họ sẽ sẵn sàng rút khỏi cam kết tốn kém với Đài Loan mà chưa chắc thu lại lợi ích tương ứng. Do đó, một cách tiếp cận theo từng giai đoạn sẽ không mang lại sự bảo vệ tuyệt vời chống lại việc Trung Quốc phá vỡ thỏa thuận và thậm chí có thể làm gia tăng bất ổn.

The Economist

Căng thẳng Đài Loan

TÁI ĐẢM BẢO CHIẾN LƯỢC VÀ "VÒNG XOÁY HỢP TÁC"

Một số nhà quan sát, đáng chú ý nhất là Mike O'Hanlon, Jim Steinberg và Lyle Goldstein, đã đưa ra các nỗ lực chi tiết từng

bước để trấn an lẫn nhau, nói chung về các vấn đề an ninh khu vực. Như O'Hanlon và Steinberg lập luận, mục đích của trấn an chiến lược là "tạo sự tin cậy cho các ý định tốt của mỗi bên bằng cách giảm thiểu càng nhiều càng tốt sự mơ hồ và không chắc chắn liên quan đến các chính sách an ninh đơn phương." Theo quan điểm này, Hoa Kỳ và Trung Quốc nên thực hiện sự kiềm chế tự nguyện — bao gồm việc từ bỏ một số công nghệ, tư thế hoặc học thuyết có thể đe dọa bên kia — và sự kiềm chế này sau đó sẽ được mỗi bên đáp lại và củng cố thông qua các tương tác khác. Những nỗ lực được duy trì nhờ tính minh bạch và chia sẻ thông tin, giúp giảm nguy cơ hiểu nhầm. Các bước cho mỗi bên cũng có thể được thực hiện liên tiếp để cho phép điều chỉnh nếu một bên gian lận.

Nhiều nỗ lực để trấn an được khám phá bởi O'Hanlon, Steinberg, Goldstein và những người khác rất đáng được xem xét và khá thông minh, và ý tưởng tổng thể về việc theo đuổi "vòng xoáy hợp tác" là đúng đắn và có thể hình dung đã hoạt động ở thời đỉnh cao của quyền bá chủ của Mỹ vào đầu những năm 2000. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, những nỗ lực này gặp trở ngại. Thứ nhất, những nỗ lực rõ ràng hoặc ẩn ý là một phần của các cuộc đàm phán nhằm giảm bớt các cam kết quốc phòng của Mỹ với các đồng minh và đối tác có thể gây bất ổn. Như đã thảo luận trước đây, sự trấn an trong những trường hợp đó thực sự làm suy yếu quyết tâm của Hoa Kỳ bằng cách chứng minh Washington sẵn sàng hạn chế hoặc chấm dứt các cam kết quốc phòng vì một nhượng bộ giả định của Trung Quốc, điều này có thể yêu cầu một cuộc thử nghiệm trước khi hoàn tất trình tự đàm phán hoặc nếu các cuộc đàm phán bị đình trệ.

Thứ hai, triển vọng cho cái mà Lyle Goldstein gọi là "vòng xoáy hợp tác" để nhượng bộ lẫn nhau ở cấp độ cao hơn dường như là vô cùng thách thức. Như tất cả các tác giả đều đồng ý, việc trấn an là khó xác định nhất ở nơi cần thiết nhất. Như một số người đề xuất, khó có khả năng Hoa Kỳ có thể "hạn chế hiện đại hóa và triển khai" các hệ thống tấn công chính xác tầm xa một cách an toàn và Trung Quốc có thể đáp lại "hạn chế phát

triển và triển khai tên lửa đạn đạo chống hạm." Hơn nữa, những nỗ lực đã thành công. tại các vòng xoáy hợp tác trong một lĩnh vực có thể bị phá hủy bởi hành động hoặc bất đồng trong lĩnh vực khác. Một số tác giả cho rằng một số nhượng bộ nhất định có thể tạo ra sự kiềm chế lâu dài đối với cơ cấu lực lượng của Trung Quốc (ví dụ: làm giảm lợi ích của Trung Quốc trong việc xây dựng hải quân nước xanh), nhưng nhiều ví dụ về sự kiềm chế giả định hiện đang được tranh luận, và lợi ích của Trung Quốc trong việc theo đuổi hiện đại hóa quân đội được dựa trên nhiều trường hợp dự phòng trong khu vực, làm cho việc giải quyết của nó không đủ cho những câu hỏi quan trọng nhất.

Thứ ba, 'chỗ ở' từ một vị trí mạnh khác với 'chỗ ở' từ một vị trí yếu. Trong nhiều trường hợp, những người viết giả định Hoa Kỳ sẽ trấn an Trung Quốc bằng cách tạo điều kiện cho nước này có thế mạnh. Như Goldstein viết, "Hoa Kỳ đang ở một vị trí chiến lược rất mạnh. Nó có sức mạnh để đưa ra những thỏa hiệp một cách thận trọng và hợp lý vì lợi ích hòa bình." Ngay cả khi điều này được viết ra, đánh giá này có vẻ khó khả thi; bây giờ, nhiều năm sau, nó không còn giữ được. Như Chương 11 đã trình bày, Trung Quốc cho Hoa Kỳ đang suy tàn không thể đảo ngược. Do đó, nhiều khả năng sẽ thấy những nỗ lực của Hoa Kỳ trong việc trấn an là sự đồng ý với địa vị mới của Trung Quốc, điều này có thể khiến nước này ít có khả năng đáp lại hoặc có nhiều khả năng tham gia vào các hành động khiêu khích hơn. Ngược lại, nếu Mỹ đã nỗ lực hướng tới một số vòng xoáy hợp tác vào đầu những năm 2000 khi Trung Quốc cho vị trí của Mỹ là mạnh hơn, thì hai bên có thể đã thành công hơn trong việc đạt được các kết quả bền vững. Nếu các đường xu hướng tiếp tục di chuyển chống lại Hoa Kỳ, những nỗ lực kiểu này khó có thể thành công.

Thứ tư, Trung Quốc đã nhiều lần từ chối các nhượng bộ chiến thuật khác nhau của mình hoặc trả lại 'chỗ ở' của người khác với thái độ thù địch hoặc tuyên bố chủ quyền rộng lớn hơn. Điều này cho thấy Bắc Kinh tập trung nhiều hơn vào lợi ích và quyền lực hơn là câu hỏi liệu các cam kết của họ có còn đáng tin cậy hay không - làm phức tạp thêm các nỗ lực ở "vòng xoáy hợp

tác” hoặc các cuộc thương lượng lớn. Khi Ấn Độ công nhận quyền kiểm soát của ĐCSTQ và chấp nhận tuyên bố chủ quyền với Tây Tạng - một nhượng bộ phức tạp mà chính phủ Ấn Độ phải đưa ra vào thời điểm đó - hành động này không ngăn cản việc Trung Quốc quyết định khơi mào xung đột biên giới Trung-Ấn trong vài năm qua. sau đó, cũng như không ngăn được Bắc Kinh tin New Delhi liên kết quá chặt chẽ với Washington và quá bành trướng. Những nỗ lực khác nhằm trấn an, bao gồm nỗ lực của Hoa Kỳ sau cuộc Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu nhằm trì hoãn việc bán vũ khí cho Đài Loan, một tuyên bố chung có phần nhượng bộ về “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc, và sự sẵn sàng tạm gác tranh chấp nhân quyền, không loại trừ một bước ngoặt quyết đoán hơn. trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc — thay vào đó, nó có thể đã khuyến khích điều đó. Những đề xuất của Trung Quốc về việc không đóng tàu sân bay sau đó được chứng minh là không có cơ sở; lời hứa không xây dựng các căn cứ ở nước ngoài cũng bị phủ nhận bởi việc mua lại một cơ sở ở Djibouti (và kế hoạch cho các cơ sở ở nơi khác); những lời hứa không quân sự hóa Biển Đông đã bị phá vỡ chỉ vài tháng sau khi chúng được đưa ra; và thỏa thuận về các vấn đề mạng lưới vào năm 2015 sau đó đã sụp đổ.

Yêu sách đường chín đoạn (lưỡi bò) của Trung Quốc tại Biển Đông

Hơn nữa, về các vấn đề lãnh thổ, các yêu sách của Trung Quốc đôi khi đã mở rộng. Với Ấn Độ, yêu sách trước đây của Trung Quốc đối với Tawang cuối cùng đã mở rộng vào giữa những năm 1980 để bao gồm toàn bộ Arunachal Pradesh. Với Nhật Bản, một số người theo chủ nghĩa dân tộc - với sự hỗ trợ ngầm

từ chính phủ - đã gợi ý Trung Quốc nên kiểm soát không chỉ các đảo Senkaku/Điếu Ngư mà còn đảo Okinawa của Nhật Bản và toàn bộ chuỗi đảo Ryukyu.

Với Nga, các nhân vật truyền thông nhà nước lớn và thậm chí cả các nhà ngoại giao Trung Quốc đã tấn công chính phủ Nga vào năm 2020 vì đăng một đoạn video đánh dấu sự thành lập của Vladivostok, lưu ý đây ban đầu là một thành phố của Trung Quốc, mặc dù Các nguồn tin chính thức không có lời kêu gọi kiểm tra lại. Tại Hồng Kông, thành tích này đặc biệt kém, với việc Bắc Kinh sớm chấm dứt lời hứa duy trì quyền tự chủ của thành phố. Một số học giả như Peter Beinart gần đây đã lập luận Hoa Kỳ nên yêu cầu Bắc Kinh "cam kết công khai không đóng quân hoặc các quan chức Đảng Cộng sản xuất hiện ở Đài Loan, và để Đài Loan quản lý các vấn đề chính trị trong nước của mình," lập luận "tiền lệ tốt nhất" vì lý do Trung Quốc sẽ tôn trọng một cam kết như vậy là đối xử với Hồng Kông; Chas Freeman năm 2011 cũng chỉ ra Hồng Kông tương tự như một dấu hiệu cho thấy Trung Quốc có thể trao quyền tự trị cho Đài Loan. Những dự đoán đầy hy vọng này phần lớn đã được chứng minh là sai với mô hình "một quốc gia, hai chế độ" vào năm 2020.

Biểu tình tại Hồng Kông phản đối Trung Quốc

THÁCH THỨC VỀ TÁI ĐẢM BẢO

Những lời kêu gọi về những món hời lớn và vòng xoáy hợp tác thường dựa trên quan điểm Trung Quốc có thể được trấn an nhưng có xu hướng giảm giá trị khiến việc trấn an đó trở nên cực kỳ khó khăn. Khó khăn đó tăng lên đáng kể sau Thảm sát ở Quảng trường Thiên An Môn và sự sụp đổ của Liên bang Xô viết, khiến Đảng lo sợ về sự tồn tại tiếp tục của chính mình. Sau

giai đoạn này, giới tinh hoa Trung Quốc đã nhiều lần cho phương Tây đang tìm cách làm suy yếu quyền lực của Đảng. Khi Trung Quốc hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, quá trình đó mang theo một số tư tưởng tự do, trao quyền cho các tầng lớp xã hội nhất định và nói chung làm tăng thêm lo ngại của Đảng rằng họ có thể mất quyền lực.

Như Chương 2 và 3 đã chứng minh, trước khi xảy ra Thảm sát Quảng trường Thiên An Môn, Trung Quốc đã coi Hoa Kỳ như một đồng minh. Sau đó, Đặng Tập Bình nói rõ Trung Quốc tin Hoa Kỳ đang tìm cách lật đổ Đảng. Đặng tuyên bố "không còn nghi ngờ gì nữa, bọn đế quốc muốn các nước xã hội chủ nghĩa thay đổi bản chất của họ. Vấn đề bây giờ không phải là ngọn cờ của Liên Xô có sụp đổ hay không - ở đó chắc chắn sẽ có bất ổn - mà là ngọn cờ của Trung Quốc có sụp đổ hay không". "Hoa Kỳ đã đặt ra một cách diễn đạt: tiến hành một cuộc chiến tranh thế giới mà không có súng đạn," Ông lập luận, "Chúng ta nên đề phòng điều này. Các nhà tư bản muốn đánh bại những người xã hội chủ nghĩa về lâu dài. Trước đây họ sử dụng vũ khí, bom nguyên tử, bom khinh khí nhưng bị các dân tộc trên thế giới phản đối. Vì vậy, bây giờ họ đang cố gắng dùng diễn biến hòa bình."

Những người kế nhiệm ông có cùng quan điểm. Bắt đầu từ đầu những năm 1990, chính quyền của Giang đã đưa ra khái niệm về 'năm chất độc' đe dọa sự cai trị của Đảng, với chủ nghĩa ủng hộ dân chủ được liệt kê trong số đó, và thúc đẩy nỗ lực ngăn chặn 'ô nhiễm tinh thần' từ các giá trị tự do bằng cách củng cố những gì đã biết là 'giáo dục lòng yêu nước.' Ông cũng sử dụng các bài phát biểu về chính sách đối ngoại cấp cao — các Hội nghị Đại sứ được tổ chức 5 hoặc 6 năm một lần và thường được sử dụng để thông báo về những điều chỉnh trong chiến lược lớn của Trung Quốc — để nhắc lại mối đe dọa về ý thức hệ của Hoa Kỳ. "Chính sách của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc luôn có hai mặt. Diễn biến hòa bình tại đất nước chúng ta là một mục tiêu chiến lược lâu dài đối với một số người ở Hoa Kỳ," Giang lập luận và nói thêm Hoa Kỳ là "kẻ thù lớn" của Trung Quốc. Người kế

nhiệm ông, Hồ Cẩm Đào, cũng gọi Hoa Kỳ là đối thủ chính. Nhiều thành viên trong Ủy ban thường vụ của ông đã đi xa hơn trong các tài liệu bị rò rỉ, tin Hoa Kỳ tìm cách kiềm chế Trung Quốc vì lo sợ sức mạnh lâu dài của họ.

Dưới thời Tập Cận Bình, Bắc Kinh đã tiếp tục thúc đẩy các đường lối tư tưởng này. Ông Tập đã nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chấn chỉnh tư tưởng và cảnh báo về sự tự do hóa. Chỉ thị "Tài liệu Chín" bị rò rỉ nổi tiếng — cũng phản ánh nhiều tài liệu của Đảng về phương Tây — nói rõ về mối đe dọa "diễn biến hòa bình" và lật đổ ý thức hệ. Là hiệu trưởng của Trường Chủ nghĩa Mác tại Đại học Thiên Tân, Yan Xiaofeng, lập luận: "Hệ tư tưởng là về an ninh chính trị quốc gia. Sự sụp đổ của một chế độ thường bắt đầu từ lĩnh vực ý thức hệ. Khi tuyến phòng thủ ý thức hệ bị phá vỡ, các tuyến phòng thủ khác rất khó bảo vệ." Đây là lý do tại sao, vào tháng 10 năm 2013, PLA đã phát hành một bộ phim tài liệu nổi tiếng, **Cuộc đua thầm lặng**, nhằm mục đích tuyên truyền quân sự cho Washington tìm cách sử dụng các giá trị tự do để làm suy yếu ĐCSTQ và sự trẻ hóa quốc gia của Trung Quốc. Tình cảm này không chỉ thể hiện ở những góc khuất trong giới quan chức Trung Quốc, nó thậm chí còn thể hiện ở những nhà ngoại giao đã nghỉ hưu, những người thường đóng vai trò là gương mặt trấn an tinh thần ngoại giao của Trung Quốc tại Hoa Kỳ. Fu Ying, một cựu quan chức ngoại giao Trung Quốc hiện đang đảm nhận vai trò này, có thể không thừa nhận, "Từ quan điểm của Trung Quốc, Hoa Kỳ chưa bao giờ từ bỏ ý định lật đổ hệ thống xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo."

Có lẽ bằng chứng mạnh nhất cho thấy việc trấn an Trung Quốc là cực kỳ khó khăn vì sự kiên trì trong nhận thức về mối đe dọa hiện hữu của Trung Quốc ngay cả khi Hoa Kỳ theo đuổi một chính sách gần như lành tính và hoan nghênh Trung Quốc. Trong nhiều thập kỷ, các tổng thống liên tiếp của Mỹ đã công khai hoan nghênh một Trung Quốc mạnh hơn. Ở cấp độ kinh tế và công nghệ, họ giữ cho các trường đại học Hoa Kỳ mở cửa cho sinh viên Trung Quốc, cho phép chuyển giao công nghệ cho

Trung Quốc, cho phép dòng vốn của Hoa Kỳ chảy sang Trung Quốc, hỗ trợ ngành công nghiệp Hoa Kỳ di dời sang Trung Quốc và làm việc để tạo điều kiện cho Trung Quốc gia nhập WTO - cho phép Trung Quốc có quan hệ thương mại bình thường và tự nguyện giảm đòn bẩy kinh tế của Mỹ đối với nước này. Ở cấp độ chính trị, họ hoan nghênh Trung Quốc gia nhập các thể chế khu vực và toàn cầu do Hoa Kỳ lãnh đạo. Ở cấp độ quân sự, họ tìm kiếm cơ chế giảm thiểu rủi ro và quản lý khủng hoảng với quân đội Trung Quốc, ngầm phản đối sự độc lập của Đài Loan và chính thức giữ thái độ trung lập đối với các tuyên bố chủ quyền của những quốc gia có liên quan đến tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc. Trong suốt thời gian này, các quan chức hàng đầu Trung Quốc vẫn tiếp tục viết trong các văn bản của Đảng họ tin Hoa Kỳ đang theo đuổi chiến lược "diễn biến hòa bình" và ngăn chặn. Trên thực tế, nhà lãnh đạo Trung Quốc Giang Trạch Dân đã có một bài phát biểu quan trọng nhưng riêng tư sau khi Trung Quốc gia nhập WTO trước tất cả các bí thư tỉnh ủy và bộ trưởng chính phủ của Trung Quốc về cách Hoa Kỳ tìm cách sử dụng việc gia nhập WTO của Trung Quốc để phá hoại ĐCSTQ. Hồ Cẩm Đào cũng lặp lại lập luận này trong các bài phát biểu cấp cao. Điều nhiều người ở Hoa Kỳ coi là một kiểu nhượng bộ với Trung Quốc đã được giới tinh hoa của Đảng công khai coi là một chiến thuật nhằm làm suy yếu chính quyền của họ. Nếu lúc đó sự trấn an là một thử thách, thì bây giờ có vẻ còn khó hơn.

THAY ĐỔI TRUNG QUỐC

Một loạt các quy định chính sách thuộc phạm trù phổ khoát nhằm tìm cách thay đổi Trung Quốc, tức là loại bỏ hoặc làm mềm các cấu trúc nội bộ được cho là khiến Trung Quốc trở thành đối thủ cạnh tranh. Những nỗ lực tìm cách "phát triển hòa bình" Trung Quốc theo hướng tự do hơn hoặc ủng hộ các phe phái tự do được cho là đã không thành công và hiện nay đặc biệt khó có thể thành công. Cả hai nỗ lực, đều được ủng hộ bởi các phần bị phản đối rộng rãi trong cuộc tranh luận chính sách, cuối cùng đều xuất phát từ một tập hợp các giả định lý

tưởng và căng thẳng tương tự về khả năng của Washington trong việc ảnh hưởng đến chính trị của một quốc gia hùng mạnh, có chủ quyền.

DIỄN BIẾN HÒA BÌNH

Những nỗ lực nhằm định hình chính trị nội bộ của Trung Quốc theo hướng tích cực khó có thể thành công. Trung Quốc đã tin Hoa Kỳ tìm kiếm diễn biến hòa bình của mình, có nghĩa là các chiến lược tìm cách tự do hóa các bộ phận của xã hội Trung Quốc thông qua sự can dự — trong khi có lúc hứa hẹn về mặt lý thuyết — luôn gặp phải sự đàn áp cuối cùng của Đảng. Trong những năm 1990 và 2000, trên thực tế, Trung Quốc đã có một mạng Internet cởi mở hơn một chút, tự do hơn cho giới học thuật, một số sự khoan dung đối với các luật sư về nhân quyền, và sự sẵn sàng xem xét một số khoảng cách nhỏ giữa Đảng và nhà nước. Nhưng thời điểm Đảng xác định những phát triển này là một mối đe dọa đối với quyền lực của mình, nó đã đảo ngược hướng đi — một quá trình bắt đầu từ giữa những năm 2000 và ngày càng gia tăng sau mỗi năm kể từ đó. (cấm Facebook và Google)

Tương tự, những lập luận cho Hoa Kỳ nên ủng hộ các thành viên Đảng "ủng hộ cải cách" là không thể chối cãi được trong quá khứ, khi ngay cả những nhà cải cách bề ngoài mạnh mẽ vẫn cam kết với Đảng và nghi ngờ Hoa Kỳ. Các nhà quan sát phương Tây thường có thành tích kém trong việc xác định các đồng minh tiềm năng. Các nhà báo phương Tây như Nicholas Kristof lập luận: "Nhà lãnh đạo tối cao mới, Tập Cận Bình, sẽ thúc đẩy sự hồi sinh của cải cách kinh tế, và có thể cả một số nới lỏng chính trị. Thi hài của Mao sẽ được đưa ra khỏi Quảng trường Thiên An Môn, và Lưu Tập Cao, nhà văn đoạt giải Nobel Hòa bình, sẽ được thả khỏi tù." Mọi dự đoán đều không đúng. Viết vào năm 2014, Lyle Goldstein khẳng định ông Tập không hoàn toàn theo chủ nghĩa dân tộc: "Thay vào đó, Tập là một kỹ sư có gia đình phải chịu đựng khủng khiếp trong cuộc cách mạng văn hóa cuồng loạn và cực đoan. Ông ấy có ít mối quan hệ với quân đội và đã sống một thời gian ngắn ở Iowa. Phản

bội thế giới quan khá tự do và thậm chí thân phương Tây của mình, ông đã gửi đứa con duy nhất của mình đến học tại Harvard." Điều này cũng đã được chứng minh là không chính xác. Những nhà cải cách tự do như Zhu Rongji, Li Ruihuan, và Vương Kỳ Sơn, và những người khác, cũng đã không thể hoặc không muốn ủng hộ đường lối chính trị theo chủ nghĩa cải cách. Hiện tại, rất khó có khả năng các nhà cải cách tồn tại ở cấp cao nhất hoặc có thể định hình nghiêm túc các lựa chọn của Tập Cận Bình.

Lập luận cho Hoa Kỳ nên áp dụng các chính sách hòa giải để tránh khuếch đại những người theo chủ nghĩa cứng rắn hoặc chủ nghĩa dân tộc cũng không hoàn toàn sai lầm. Trong khi các động lực của Mỹ-Trung có thể ảnh hưởng đến chủ nghĩa dân tộc của Trung Quốc, thì biến số lớn hơn nhiều giải thích sức mạnh của hệ tư tưởng dân tộc chủ nghĩa ở trong nước. Với sự kiểm soát của Đảng đối với hệ thống thông tin và theo đuổi 'giáo dục lòng yêu nước' trong nhiều thập kỷ, không có lý do gì để tin Hoa Kỳ có thể định hình môi trường thông tin trong nước của Trung Quốc hoặc các chính sách của Hoa Kỳ sẽ có bất kỳ tác động lớn nào đến công chúng.

Cuối cùng, các nỗ lực trao quyền cho một số nhóm nhất định ở Trung Quốc được cho là đóng vai trò trong việc tự do hóa các quá trình — luật sư, giáo sư đại học, tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân — sẽ tiếp tục, nhưng không chắc sẽ thành công do đàn áp kéo dài nhiều thập kỷ đối với những nỗ lực này và Khí hậu ngày càng khắc nghiệt của Trung Quốc.

LẬT ĐỔ

Những nỗ lực nhằm lật đổ chính phủ Trung Quốc là đặc biệt nguy hiểm và khó có thể thành công. Đầu tiên, những nỗ lực nhằm lật đổ ĐCSTQ sẽ tạo ra một cuộc đối đầu toàn diện có thể chuyển đổi cuộc cạnh tranh sang chiến tranh, loại bỏ hầu hết mọi triển vọng hợp tác về các mối đe dọa chung như biến đổi khí hậu, và có khả năng mời gọi sự can thiệp có đi có lại của Trung Quốc vào chính trị bầu cử của Mỹ. Trung Quốc đã xem

xét nhưng phần lớn hạn chế can thiệp bầu cử đáng kể ở Hoa Kỳ — từ bỏ loại chiến dịch mà họ đã triển khai trong các cuộc bầu cử ở Đài Loan — và thay vào đó, họ đã giới hạn nỗ lực của mình vào các chiến dịch ảnh hưởng thông tin truyền thống hơn hỗ trợ hoặc trừng phạt các tổ chức và cá nhân vì các vị trí của họ với Trung Quốc và tìm cách giành ảnh hưởng trên các phương tiện truyền thông mới và truyền thống của Mỹ.

Thứ hai, các nỗ lực nhằm lật đổ ĐCSTQ có thể sẽ thất bại, trước khả năng phục hồi của Đảng hoặc tạo ra những kết quả mà Washington không thể định hình được. Trung Quốc chưa chín muồi cho một cuộc cách mạng màu từ dưới lên và triển vọng cho một cuộc cách mạng màu đã giảm đi khi chính phủ đã giám sát hoặc trừng phạt những người bất đồng chính kiến. Các cuộc thăm dò chính trị cực kỳ phức tạp ở Trung Quốc, nhưng có một số bằng chứng khoa học xã hội cho thấy sự bất bình rộng rãi đối với sự lãnh đạo của Đảng. COVID-19. Trung Quốc có thể không xơ cứng và kém năng lực như Liên Xô, và Hoa Kỳ không hấp dẫn đối với Trung Quốc như những năm 1980 và 1990.

Giới tinh hoa có lẽ ít hài lòng với ông Tập hơn công chúng, nhưng Trung Quốc cũng chưa chín muồi cho một cuộc nổi dậy của giới tinh hoa. Như cựu giáo sư Trường Đảng Trung ương và hiện là nhà bất đồng chính kiến Cai Xia đã nói rõ, ông Tập đang giám sát chặt chẽ các cán bộ cấp cao của đất nước để ngăn chặn hành động tập thể chống lại ông. Như cô ấy lập luận, “Công nghệ giám sát tiên tiến không chỉ được sử dụng trong việc giám sát Tân Cương và Tây Tạng, mà nó còn được áp dụng để giám sát các đảng viên ĐCSTQ cũng như các quan chức cấp trung và cấp cao,” và “xã hội hóa bình thường” giữa các cán bộ Đảng thường là bị cấm. Không chắc Hoa Kỳ có thể kích động mạnh mẽ hành động tập thể chống lại Đảng ở cấp độ ưu tú do Bộ máy giám sát và kiểm soát của Đảng đối với các luồng thông tin. Điều này không có nghĩa là hệ thống của Trung Quốc hoàn toàn ổn định ở cấp độ ưu tú, và có khả năng quá trình chuyển giao quyền lực trong hòa bình giữa Tập Cận Bình và

một số nhà lãnh đạo tương lai có thể đầy căng thẳng, như những cuộc chuyển giao chuyên quyền thường xảy ra. Mặc dù vậy, thật khó để tưởng tượng bằng cách nào Hoa Kỳ có thể làm trầm trọng thêm căng thẳng trong giới tinh hoa của một hệ thống chính trị không rõ ràng và được giám sát chặt chẽ mà Washington không thể dễ dàng hiểu được. Hơn nữa, như các chiến lược gia Hal Brands và Zack Cooper lưu ý, các biện pháp trừng phạt của Hoa Kỳ đã không lật đổ được các chế độ yếu hơn và kém kiên cố hơn. Và ngay cả trong trường hợp thành công, "sự sụp đổ của Đảng Cộng sản có thể dẫn đến sự trỗi dậy của một nhóm quân sự dân tộc chủ nghĩa cấp tiến dễ dàng hơn sự xuất hiện của một nền dân chủ ổn định."

CHIẾN LƯỢC BẤT ĐỐI XỨNG

Nếu những nỗ lực để thích ứng với Trung Quốc hoặc thay đổi Trung Quốc khó có thể thành công, thì giải pháp thay thế hợp lý nhất còn lại là một chiến lược cạnh tranh. Đây là một danh mục rộng và có một số công trình khác nhau đề xuất một chiến lược cạnh tranh hơn thường nhất quán với cách tiếp cận được đưa ra ở đây. Hầu hết các công trình này đều có chung một logic và phần này tìm cách bổ sung bằng cách nhấn mạnh hai đặc điểm. Thứ nhất, nó chứng tỏ một chiến lược cạnh tranh thực sự với Trung Quốc không thể hoàn toàn đối xứng. Các nỗ lực của Hoa Kỳ thường không cân xứng và tìm cách làm giảm bớt hoạt động xây dựng trật tự của Trung Quốc với chi phí thấp hơn chi phí mà Trung Quốc phải gánh để thúc đẩy nó. Thứ hai, phần này lập luận bất kỳ chiến lược cạnh tranh nào cũng nên bắt đầu với sự hiểu biết rằng cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc chủ yếu là đối với trật tự khu vực và toàn cầu cũng như 'các hình thức kiểm soát' làm nền tảng cho nó. Theo đó, một chiến lược cạnh tranh sẽ không chỉ liên quan đến những nỗ lực nhằm xóa bỏ trật tự của Trung Quốc, mà còn là những nỗ lực xây dựng lại nền tảng của trật tự Hoa Kỳ. Một trong số những nỗ lực này sẽ mang tính đối xứng, nhưng những nỗ lực khác sẽ có chi phí thấp hơn so với những nỗ lực phản công của Trung Quốc.

TẠI SAO CHIẾN LƯỢC PHẢI BẤT ĐỐI XỨNG

Hoa Kỳ sẽ không thể cạnh tranh một cách đối xứng với Trung Quốc một phần là do quy mô tương đối của Trung Quốc. Trong hơn một thế kỷ, không có đối thủ nào của Mỹ hoặc liên minh của các đối thủ đạt tới 60% GDP của Mỹ. Cả Đức trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, sức mạnh tổng hợp của Đế quốc Nhật Bản và Đức Quốc xã trong Chiến tranh thế giới thứ hai, cũng như Liên Xô ở đỉnh cao sức mạnh kinh tế của họ đều không bao giờ vượt qua ngưỡng này. Tuy nhiên, đây là một cột mốc mà Trung Quốc chính nó đã lặng lẽ đạt được vào đầu năm 2014. Trung Quốc cũng đang trên đà vượt qua Hoa Kỳ về quy mô kinh tế. Khi điều chỉnh theo giá mua tương đương của hàng hóa (tức là sức mua tương đương), nền kinh tế Trung Quốc đã lớn hơn nền kinh tế Mỹ 25%. coronavirus, khiến nền kinh tế Hoa Kỳ suy giảm 8% trong một năm trong khi Trung Quốc tăng 1-2%. nó sẽ có thể triệu tập nhiều nguồn lực trong cuộc cạnh tranh hơn so với các đối thủ trước đây của Hoa Kỳ.

Cả Hoa Kỳ và Trung Quốc đều có nhiều lợi thế khác nhau trong việc huy động các nguồn lực cho cạnh tranh chiến lược. Hệ thống của Trung Quốc mang lại ảnh hưởng đáng kể cho nền kinh tế thông qua các doanh nghiệp nhà nước và sự thâm nhập của các công ty tư nhân lớn mà trên thực tế thường đóng vai trò là nhà vô địch quốc gia. Ngược lại, Hoa Kỳ kiểm soát kém hơn nhiều đối với cơ sở kinh tế và nguồn lực của mình, và mức nợ công của họ đã ở mức cao - lần đầu tiên vượt quá quy mô của toàn bộ nền kinh tế Hoa Kỳ kể từ Thế chiến II do đại dịch năm 2020. Mặc dù các khoản thanh toán lãi suất vẫn tương đối thấp do tình trạng của đồng đô la và mong muốn có tài sản an toàn, chúng cuối cùng có thể tăng lên. Và khi những khoản thanh toán đó được kết hợp với chi tiêu bắt buộc, một tỷ trọng lớn và ngày càng tăng trong GDP khó điều chỉnh thông qua chính sách công, thì không gian tài khóa cho cạnh tranh chiến lược sẽ thu hẹp hơn nữa. Đúng là Trung Quốc phải đối mặt với những bất lợi - nhân khẩu học chậm lại, bẫy thu nhập trung bình, mức nợ công cao, hệ thống tài chính có vấn đề - và sự cởi mở của hệ thống Hoa Kỳ củng cố sự thống trị của đồng đô la

và cho phép Washington huy động nguồn lực đáng kể. Nhưng nhìn chung, trong khi Hoa Kỳ vẫn là một quốc gia lớn, trẻ và đang phát triển, nó vẫn là một quốc gia nhỏ hơn Trung Quốc và phải đối mặt với những giới hạn dân chủ trong việc huy động nguồn lực cho cạnh tranh dài hạn cũng như những khó khăn đáng kể về tài khóa. Không có chiến lược nào của Hoa Kỳ mà bỏ qua những thực tế này sẽ bền vững, và do đó điểm khởi đầu cho bất kỳ chiến lược nào phải là phi đối xứng.

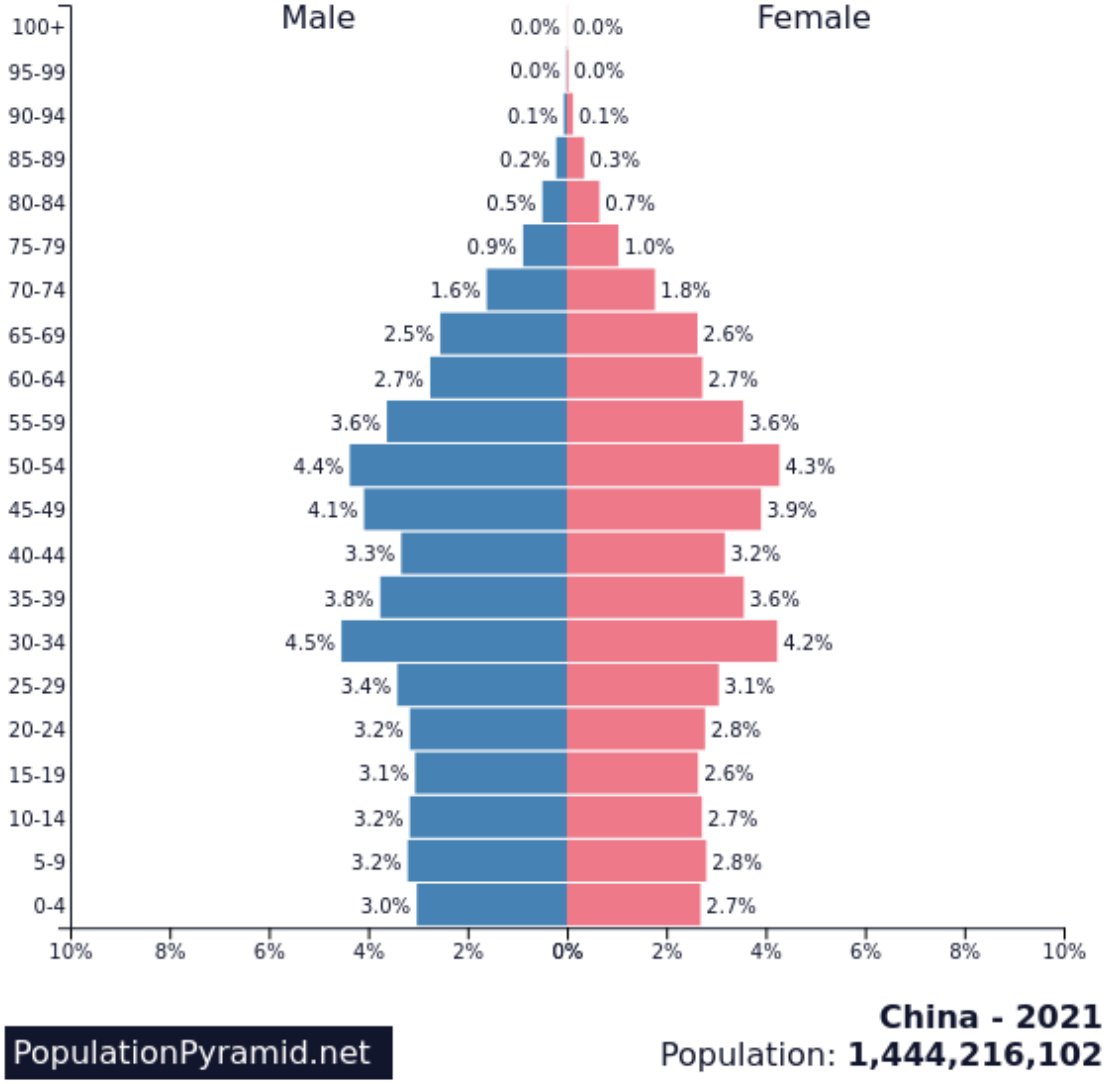

Cơ cấu dân số Trung Quốc

Những điểm mạnh mà Hoa Kỳ có thể tận dụng là gì? Nền dân chủ Hoa Kỳ — và trật tự mà nó đã tạo ra — cung cấp sức mạnh cạnh tranh so với đối thủ cạnh tranh độc tài của nó. Sự khôn ngoan thông thường coi các nhà nước độc tài không bị ràng buộc bởi sự kiểm tra của thể chế hoặc dư luận và do đó có thể hành động một cách bí mật, dứt khoát và tàn nhẫn, thường huy động các nguồn lực khổng lồ và vạch ra các chiến lược dài hạn. Nhưng điều đó cũng mang lại rủi ro. Các chế độ chuyên quyền có thể di chuyển nhanh chóng theo hướng đúng hoặc nhanh chóng theo hướng tai hại, tất cả đều không có tác dụng trung gian của sự tranh luận và đồng ý của công chúng.

Ngược lại, sự cởi mở và pháp quyền của Mỹ tạo ra nhiều lợi thế không đổi. Chúng cung cấp cho các đồng minh và thậm chí đối thủ các cơ hội lên tiếng, quảng bá ý định và tham vọng của Mỹ, đồng thời thường được kết hợp với việc cung cấp hàng hóa toàn cầu - do đó làm cho quyền bá chủ của Mỹ ít bị đe dọa hơn và dễ chấp nhận hơn. Về mặt quan trọng, những lợi thế này cũng đảm bảo đất nước có thể thu hút các đồng minh, người nhập cư và vốn làm nền tảng cho trật tự tự do, đổi mới công nghệ, sức mạnh quân sự và sự thống trị của đồng đô la. Đây là những nền tảng của trật tự Mỹ, và chúng mang lại lợi thế độc nhất so với Trung Quốc. Việc xây dựng lại chúng phải được ưu tiên hàng đầu.

Washington phải nhận ra về cơ bản, nó đang trong một cuộc cạnh tranh về trật tự khu vực và toàn cầu, cũng như các 'hình thức kiểm soát' khác nhau để duy trì nó. Ở cấp độ khu vực, trong lịch sử, Hoa Kỳ đã tìm cách ngăn chặn sự xuất hiện của một bá quyền trên biển và lục địa Á-Âu. Đây là một trong những mục tiêu phải thúc đẩy chính sách Trung Quốc của Hoa Kỳ một lần nữa vì chiến lược lớn của Trung Quốc và khát vọng lãnh đạo toàn cầu của họ cuối cùng đã được thực hiện. Châu Á — biến Ấn Độ - Thái Bình Dương trở thành khu vực hiệu quả nhất để tập trung các nỗ lực của Hoa Kỳ. Thứ hai, ở cấp độ toàn cầu, tương tự, Washington nên tìm cách làm suy yếu nỗ lực của Bắc Kinh nhằm thay thế Hoa Kỳ khỏi trật tự toàn cầu trong khi

củng cố các yếu tố nền tảng của trật tự Mỹ — đặc biệt là các liên minh, sức mạnh tài chính, sức mạnh quân sự, lãnh đạo công nghệ, vai trò trong các thể chế toàn cầu, và ảnh hưởng đến các luồng thông tin, trong số những luồng khác. Tất cả các mục tiêu này cũng đòi hỏi phải duy trì một số không gian cho hợp tác xuyên quốc gia.

Ấn Độ - Thái Bình Dương

Những cách Hoa Kỳ đạt được những mục tiêu này, đặc biệt là trong bối cảnh Washington phải đối mặt với những khó khăn chính trị và kinh tế trong nước và một đối thủ mà nền kinh tế

của chính họ bằng một số biện pháp đã vượt quá quy mô của Mỹ? Nếu chúng ta chấp nhận Hoa Kỳ và Trung Quốc đang cạnh tranh về trật tự, thì các chiến lược cạnh tranh nên bắt đầu bằng việc phân tích cách thức hoạt động của trật tự. Như đã thảo luận trước đây, trật tự bao gồm 'các hình thức kiểm soát' được sử dụng bởi một quốc gia thống trị để điều chỉnh các quốc gia cấp dưới trong một hệ thống phân cấp và những hình thức đó bao gồm sự kết hợp của cưỡng chế (buộc tuân thủ), đồng ý (khuyến khích nó) và tính hợp pháp (để ra lệnh một cách chính đáng) — với các mệnh lệnh tự do thường dựa nhiều hơn vào sự đồng ý và tính hợp pháp còn các mệnh lệnh phi tự do thường dựa nhiều hơn vào sự ép buộc. Theo đó, cạnh tranh về trật tự là làm giảm bớt 'các hình thức kiểm soát' của đối thủ và xây dựng các hình thức kiểm soát của riêng mình. Để cạnh tranh với Trung Quốc, các chiến lược này — cắt giảm và xây dựng — không nên được thực hiện theo cách đối xứng khi đưa ra sáng kiến của Mỹ để phù hợp với từng sáng kiến kinh tế, quân sự hoặc chính trị của Trung Quốc. Thay vào đó, mục tiêu sẽ là cạnh tranh một cách thận trọng, ưu tiên một số quốc gia, khu vực và cấu trúc phụ trong hệ thống quốc tế. Trớ trêu thay, kinh nghiệm của chính Trung Quốc với tư cách là một quốc gia yếu hơn trong những năm 1990 cho thấy một cách tiếp cận bất đối xứng có thể khá hiệu quả trong việc dập tắt tham vọng bá chủ của đối thủ — và cách tiếp cận này sẽ còn hiệu quả hơn khi được sử dụng bởi một Hoa Kỳ vẫn còn khá hùng mạnh. Việc xây dựng trật tự là vô cùng khó khăn, và việc làm nản lòng nỗ lực xây dựng trật tự còn thách thức hơn nhiều. Logic của cách tiếp cận như vậy tương đối đơn giản: làm suy yếu tham vọng bá quyền của Trung Quốc với chi phí thấp hơn những gì Trung Quốc phải gánh chịu khi cố gắng thúc đẩy họ. Tương tự, đối với việc xây dựng, mục tiêu là xây dựng lại trật tự của Hoa Kỳ — bao gồm cả các hình thức kiểm soát của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc — trong hầu hết các trường hợp và đặc biệt khi những nỗ lực này có chi phí thấp hơn những nỗ lực của Trung Quốc.

Cần tạm dừng lưu ý các hình thức kiểm soát có các thành phần thượng nguồn và hạ nguồn. Ví dụ, khi Hoa Kỳ sử dụng quy chế tài chính, hoạt động đó có một nguồn 'thượng nguồn' (sự thống trị của đồng đô la Mỹ) từ đó tạo ra hiệu ứng 'hạ nguồn' (quốc gia bị trừng phạt phải đối mặt với căng thẳng tài chính). Trung Quốc có thể tìm cách làm giảm sức mạnh tài chính của Mỹ bằng cách tập trung vào nguồn 'thượng nguồn' đó bằng cách làm cho đồng đô la ít chiếm ưu thế hơn hoặc bằng cách nhắm đến hiệu ứng 'hạ nguồn' bằng cách cung cấp hỗ trợ tài chính cho quốc gia bị trừng phạt. Khi giảm thiểu bất đối xứng, đôi khi có thể rẻ hơn để nhắm mục tiêu các hình thức kiểm soát ở hạ nguồn; khi xây dựng hoặc bảo vệ các hình thức kiểm soát của riêng một người, có thể có giá trị hơn nếu ưu tiên thách thức của đối thủ cạnh tranh đối với các nguồn gốc của đòn bẩy đó hơn là những thách thức khác đối với các tác động cuối cùng của đòn bẩy đó.

Điều này dẫn đến một loạt câu hỏi cuối cùng: phương tiện nào mà một chiến lược xây dựng và cắt giảm bất đối xứng có thể được thực hiện? Nói một cách rộng rãi, 'các hình thức kiểm soát' mà trật tự đặt ra có nhiều mặt — bao gồm các thành phần quân sự, chính trị và kinh tế khác nhau. Một chiến lược tổng thể nhằm giảm bớt hoặc xây dựng trật tự cần được tích hợp và phối hợp trên nhiều phương tiện quy chế này và nó cũng phải giải quyết các lĩnh vực hẹp hơn bên trong chúng, bao gồm cạnh tranh về công nghệ, tài chính, chuỗi cung ứng, thông tin, hệ tư tưởng và các lĩnh vực khác.

Hai phần tiếp theo đưa ra một số đơn thuốc bổ sung có thể ảnh hưởng đến một chiến lược như vậy. Nhưng trước khi đi sâu vào cạnh tranh, cũng nên cân nhắc về vấn đề hợp tác. Trung Quốc là đối tác cần thiết của Hoa Kỳ trong hầu hết mọi thách thức xuyên quốc gia từ không phổ biến vũ khí hạt nhân đến biến đổi khí hậu. Như Chương 3 đã trình bày, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đôi khi nhận ra mong muốn hợp tác của Washington trong các vấn đề này tạo ra đòn bẩy cho Bắc Kinh và do đó họ đã liên kết tiến bộ về lợi ích chung toàn cầu với những nhượng

bộ trong mối quan hệ song phương Mỹ-Trung. Trong giai đoạn sắp tới, Hoa Kỳ sẽ cần phải xóa bỏ hai điều này và tuân thủ quy tắc sẽ có hai đường hướng trong quan hệ Mỹ-Trung: một tập trung vào hợp tác và một tập trung vào cạnh tranh. Một nguyên tắc như vậy có vẻ xa vời, nhưng điều đáng chú ý là Hoa Kỳ và Liên Xô đã hợp tác trong một cuộc cạnh tranh về một loạt các vấn đề từ ozon đến tiêm phòng bại liệt. Washington và Bắc Kinh cũng có thể làm như vậy, nhưng điều đó sẽ đòi hỏi các nhà lãnh đạo Mỹ phải từ bỏ nhận thức họ là những người háo hức cầu hôn và thừa nhận Bắc Kinh có nhiều lợi ích khi làm việc cùng nhau.

Giờ đây, chúng ta chuyển sang đường đua cạnh tranh trong mối quan hệ song phương, tập trung vào việc xây dựng và nâng cao chiến lược.

Chiến lược xóa bỏ trật tự của Trung Quốc tập trung vào các 'hình thức kiểm soát' chính mà Trung Quốc đang xây dựng ở cấp khu vực và toàn cầu, sau đó tìm cách giải quyết chúng một cách bất đối xứng. Nhìn chung, chiến lược của Mỹ nên làm suy yếu việc xây dựng trật tự của Trung Quốc ở cấp khu vực một phần bằng cách giảm bớt việc thực thi quyền lực của Trung Quốc cũng như trao quyền cho các quốc gia có thể nằm trong trật tự của Trung Quốc để họ giữ lại một số độc lập từ Bắc Kinh. Ở cấp độ toàn cầu, một chiến lược tương tự cũng sẽ hữu ích, nhưng các nỗ lực của Hoa Kỳ cũng sẽ phải mở rộng đến cạnh tranh trong cơ cấu lại của hệ thống toàn cầu, bao gồm các lĩnh vực như tài chính, công nghệ, thông tin và các thể chế đa phương. Nhìn chung, Hoa Kỳ có lợi thế trong chiến lược cắt giảm bởi thực tế là trật tự thường dễ bị phá hủy hơn là tạo ra và duy trì.

Việc xây dựng trật tự của Trung Quốc dựa trên các nền tảng quân sự, kinh tế và chính trị. Đối với các nền tảng quân sự, trong thập kỷ qua, Trung Quốc ngày càng theo đuổi một lực lượng hải quân có khả năng đổ bộ, kiểm soát biển và các nhiệm vụ nước xanh ở xa. Loại hải quân này - ngày càng vươn ra toàn cầu khi Trung Quốc theo đuổi vô số cơ sở ở nước ngoài

- giúp Trung Quốc xây dựng trật tự bằng cách cung cấp đòn bẩy quân sự đối với các quốc gia khác cũng như khả năng chiếm hoặc giữ các đảo và vùng biển xa xôi, bảo vệ các tuyến đường liên lạc trên biển, cung cấp cho công chúng an ninh, và can thiệp vào công việc của người khác. Ở cấp độ kinh tế, Trung Quốc đã tìm cách xây dựng trật tự thông qua chi tiêu cho cơ sở hạ tầng (với BRI là một ví dụ điển hình), cũng như quy chế kinh tế mang tính cưỡng chế. Nó cũng đang theo đuổi vị trí dẫn đầu đối với cái gọi là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư của công nghệ toàn cầu, với hy vọng đạt được điều mà Tập Cận Bình đã nhiều lần nhấn mạnh là phát triển đi tắt đón đầu so với các đối thủ phương Tây. Cuối cùng, ở cấp độ chính trị, Trung Quốc đã tìm cách xây dựng các thể chế phục vụ lợi ích của mình và định hình các luồng thông tin toàn cầu theo cách củng cố các câu chuyện của họ — họ hy vọng xây dựng các nền tảng hợp pháp hóa quyền lực của Trung Quốc hoặc ít nhất là giảm tác hại về danh tiếng của một số về các hoạt động phi đạo đức của Trung Quốc.

Các đề xuất đưa ra những cách tốt nhất để phá hoại việc xây dựng trật tự của Trung Quốc với chi phí tương đối thấp — và thường lấy trực tiếp từ sách chiến lược bất đối xứng của chính Trung Quốc trong những năm 1990 và 2000.

QUÂN ĐỘI

• Đầu tư vào Vũ khí phản công bất đối xứng: Sau Chiến tranh Vùng Vịnh, Trung Quốc bắt đầu theo đuổi các loại vũ khí phi đối xứng, rẻ hơn để thách thức các nền tảng phóng chiếu sức mạnh đắt tiền của Mỹ. Những nỗ lực của Trung Quốc, đôi khi được gọi là 'chống tiếp cận/từ chối khu vực', liên quan đến việc sử dụng "một loạt tên lửa, cảm biến, dẫn đường và các công nghệ khác có liên quan lẫn nhau được thiết kế để từ chối quyền tự do đi lại" đối với Hoa Kỳ ở Đông Á. Hoa Kỳ ngày càng cởi mở để rút ra từ cách tiếp cận của Trung Quốc và theo đuổi những khả năng từ chối tương tự, do đó làm phức tạp thêm quyền tự do đi lại của Trung Quốc — một cách tiếp cận mà một số người gọi là theo đuổi 'ngăn chặn bằng cách từ chối' hoặc đạt được một

loại ‘Biển không người’. tác nhân có thể kiểm soát thành công các vùng biển hoặc đảo hoặc tiến hành các hoạt động đổ bộ trong Chuỗi đảo thứ nhất. Hoa Kỳ có trình độ kỹ thuật để phát triển những khả năng này và đã có sự đồng thuận về những phác thảo sơ bộ của cách tiếp cận này: tấn công chính xác tầm xa, Các máy bay tấn công không người lái dựa trên tàu sân bay, các phương tiện không người lái dưới nước, tàu ngầm với trọng tải tên lửa lớn, vũ khí tấn công tốc độ cao và chiến tranh bằng thủy lôi, trong số những thứ khác, sẽ là những ưu tiên chính. Những khả năng này sẽ ít bị tổn thương hơn trước bộ chống tiếp cận/từ chối khu vực của chính Trung Quốc và cũng sẽ làm phức tạp thêm các hoạt động đổ bộ của Trung Quốc trên eo biển Đài Loan hoặc Biển Đông và Nam Trung Quốc với chi phí thấp hơn so với các tài sản đắt tiền mà Trung Quốc sẽ dựa vào để xây dựng chúng.

• Giúp đồng minh và đối tác phát triển khả năng chống tiếp cận/từ chối khu vực: Hoa Kỳ cũng nên phát triển vũ khí chống tiếp cận/từ chối khu vực của đồng minh và đối tác để ngăn chặn Trung Quốc. Những nỗ lực này có thể tập trung vào Đài Loan, Nhật Bản, Việt Nam, Philippines, Indonesia, Malaysia và Ấn Độ - tất cả đều có thể hưởng lợi từ việc sử dụng các khả năng tương tự mà Trung Quốc đã sử dụng để ngăn chặn sự can thiệp của hải quân Mỹ và chi phí thấp hơn các khoản đầu tư của Trung Quốc vào các hoạt động đổ bộ hoặc kiểm soát biển. Mặc dù những khả năng này có thể có chi phí thấp, nhưng các nước láng giềng sẽ khó có thể nhanh chóng áp dụng chúng nếu không có sự hỗ trợ của Hoa Kỳ. Washington sẽ cần giúp họ đưa ra các khái niệm hoạt động mới ngoài “cơ động truyền thống và phòng thủ lãnh thổ” có thể tập trung vào “từ chối khu vực, hỏa lực tầm xa, tấn công mạng, chiến tranh điện tử và phòng thủ di động theo chiều sâu.” nỗ lực của Mỹ có thể liên quan đến chiến tranh chung, các cuộc tập trận và phát triển khái niệm; hỗ trợ phát triển và thực hiện các khả năng chỉ huy, kiểm soát, thông tin liên lạc, tình báo, giám sát và trinh sát (C4ISR) để nhắm mục tiêu trong các môi trường có tranh chấp; và hỗ trợ

thu được các loại thủy lôi, hệ thống phòng thủ tên lửa và phòng không di động, tên lửa hành trình chống hạm phóng từ mặt đất, tàu ngầm, tàu nổi và tàu ngầm không người lái. Những nỗ lực này khiến Trung Quốc tăng chi phí — do đó làm phức tạp thêm các khoản đầu tư tốn kém của Trung Quốc vào việc cưỡng bức quân sự và dự phóng sức mạnh.

• Làm suy yếu các nỗ lực tốn kém của Trung Quốc để thiết lập các căn cứ ở nước ngoài: Hoa Kỳ có thể làm suy yếu các nỗ lực của Trung Quốc trong việc thiết lập các căn cứ và cơ sở hậu cần ở nước ngoài với chi phí thấp hơn so với nỗ lực của Trung Quốc để có được chúng. Điều này cũng có thể liên quan đến việc vay mượn các yếu tố trong chiến lược của Trung Quốc. Cũng giống như việc Bắc Kinh sử dụng các thể chế khu vực để thiết lập các chuẩn mực hoặc gây lo ngại về các hoạt động và căn cứ của Hoa Kỳ, thì Washington cũng có thể làm như vậy đối với các cơ sở có thể có của Trung Quốc ở Campuchia hoặc các khu vực khác. Và Washington cũng nên cảnh báo các quốc gia đang cân nhắc đặt các cơ sở của Trung Quốc, đặc biệt là ở châu Á, những căn cứ đó có thể trở thành mục tiêu. Thông thường, các nhà hoạch định chính sách và nhà ngoại giao Hoa Kỳ ngần ngại tuyên bố điều hiển nhiên - rằng các cuộc tấn công vào lực lượng Hoa Kỳ xuất phát từ một căn cứ của Trung Quốc ở nước ngoài sẽ khiến những cơ sở đó gặp rủi ro. Cuối cùng, Hoa Kỳ có thể làm việc với các đồng minh và đối tác để thực hiện các khoản thanh toán phụ hoặc thanh toán cơ sở hạ tầng nhằm ngăn cản các nước này cho Trung Quốc sở hữu các cơ sở. Mặc dù tổng số tiền bồi thường này có thể vượt quá đầu tư của Trung Quốc, nhưng thực tế nó đến từ một nhóm các đồng minh và đối tác — có lẽ là chi tiêu cho cơ sở hạ tầng — khiến đây trở thành một cơ hội bất cân xứng.

KINH TẾ

• Kêu gọi Đa phương hóa và Thể chế hóa BRI để làm thất vọng Vòng xoáy chính trị của Trung Quốc: Cũng như Trung Quốc thể chế hóa thương mại của mình với Washington để ngăn chặn sự ép buộc công khai về kinh tế, đa phương hóa và thể chế hóa có

thể hạn chế khả năng của Bắc Kinh đưa ra các điều khoản cho các quốc gia khác với chi phí thấp hơn so với việc cạnh tranh cho vay. Sự nguy hiểm của BRI là đòn bẩy mà nó tạo ra. Ngược lại, việc thúc đẩy đa phương hóa BRI và tham gia đồng đầu tư vào các dự án BRI để đổi lấy công bằng hoặc tuân thủ các tiêu chuẩn cao và các yêu cầu báo cáo chính có thể ngăn chặn các kết quả đáng tiếc, cung cấp cho các quốc gia khu vực tiếng nói trong các giao dịch này, mang lại sự minh bạch và làm phức tạp chính trị của Bắc Kinh. Ví dụ, khi Sri Lanka không thể trả lại khoản vay 1 tỷ đô la cho Trung Quốc để thực hiện dự án cảng Hambantota - một khoản tiền tương đối khiêm tốn so với các cổ phần địa chính trị - các doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc đã thuê cảng trong 99 năm. Loại kết quả đó có thể đã được ngăn chặn nếu các nước khác có quyền sở hữu trong dự án hoặc có quyền phủ quyết đối với quyết định đó. Hơn nữa, nếu Trung Quốc từ chối làm việc với các nước khác để đa phương hóa các dự án BRI, điều đó sẽ gây tổn hại thêm uy tín của BRI và củng cố lập luận của Hoa Kỳ rằng mục tiêu cuối cùng của Trung Quốc thường là chính trị. Cuối cùng, cơ sở hạ tầng tốt hơn sẽ giúp các quốc gia châu Á trở thành cường quốc sản xuất theo đúng nghĩa của họ và giúp cho việc di dời chuỗi cung ứng từ Trung Quốc sang các nước đang phát triển khác.

• Cung cấp đào tạo để hỗ trợ các đối tác đánh giá tài trợ của Trung Quốc: Ở thế giới đang phát triển, nhiều quốc gia có ít kinh nghiệm trong việc thẩm định đối với các dự án cơ sở hạ tầng lớn, điều này có thể khiến họ rơi vào thế yếu khi đàm phán với các thực thể Trung Quốc về các khoản vay và đầu tư. Hoa Kỳ nên thúc đẩy các nỗ lực đào tạo nhân viên trong các chính phủ nước ngoài về cách điều hướng một số cam kết này, tránh những cạm bẫy phổ biến và hiểu một số tác động an ninh đang bị đe dọa. Nó nên có một nhóm chuyên gia — các nhà kinh tế, nhà ngoại giao, và đặc biệt là luật sư và chuyên gia phát triển — có thể được phái ra nước ngoài để “xem xét kỹ lưỡng các hợp đồng, đánh dấu các giao dịch tồi và trao quyền cho các nước

để thúc đẩy các điều khoản tốt hơn với các cơ quan và công ty Trung Quốc.”

• Sử dụng không gian thông tin để chống lại tham nhũng chính trị của Trung Quốc ở nước ngoài: Là một phần của Sáng kiến Vành đai và Con đường, các doanh nghiệp nhà nước và các phương tiện đầu tư của Trung Quốc đã thực hiện các giao dịch tham nhũng với các bên có ảnh hưởng chính trị ở các nước thứ ba, chẳng hạn như Malaysia, Djibouti, Campuchia, Sri Lanka, Maldives, Ecuador, Guinea Xích đạo, quần đảo Solomon, và một số quốc gia khác — đôi khi nhận được tài nguyên hoặc quyền tiếp cận quân sự. Bởi vì ảnh hưởng chính trị của Trung Quốc trong nhiều trường hợp được duy trì bởi sự ràng buộc tham nhũng giữa các nhà lãnh đạo nước ngoài và các công ty Trung Quốc, báo chí sẽ làm suy yếu ảnh hưởng chính trị mới chớm nở của Trung Quốc ở các quốc gia đó. Những tiết lộ về tham nhũng của Trung Quốc đã làm suy yếu các dự án và các mối quan hệ mà Trung Quốc đã cố gắng vun đắp, bao gồm ở Sri Lanka, Malaysia và Maldives, cùng các quốc gia khác. Những nỗ lực tương đối khiêm tốn của Hoa Kỳ nhằm tiết lộ tình trạng tham nhũng có thể gây ra tác động lớn đến các dự án BRI tốn kém hơn đáng kể. Hoa Kỳ nên trao quyền hoặc tài trợ cho báo chí địa phương ở nước ngoài, lý tưởng là thông qua các tổ chức phi lợi nhuận bên thứ ba để duy trì sự độc lập, do đó cung cấp các giải pháp thay thế trong ‘sa mạc truyền thông’ trên thế giới. Nỗ lực đảm bảo truyền thông xã hội và truy cập Internet ở các quốc gia này, mở rộng phạm vi tiếp cận của Đài Tiếng nói Hoa Kỳ và Đài Châu Á Tự do, tài trợ cho quyền truy cập vào các dịch vụ điện thoại phương Tây (như Hoa Kỳ đã làm ở các đảo Thái Bình Dương) và hỗ trợ phát triển các hạn chế về đầu tư của Trung Quốc vào các phương tiện truyền thông nước ngoài có thể tạo ra sự khác biệt.

• Cung cấp Tài chính Thay thế Chọn lọc với các Đồng minh và Đối tác: Hoa Kỳ không thể và không nên cung cấp một đối sách cho mọi dự án mà Bắc Kinh lựa chọn để hỗ trợ. Làm việc với các đồng minh và đối tác, Hoa Kỳ nên tài trợ cho các giải pháp

thay thế cho những dự án có tiềm năng chiến lược lớn nhất (ví dụ: các dự án cảng lưỡng dụng, cáp dưới biển, sân bay) hoặc nỗ lực đa phương hóa nguồn vốn của Trung Quốc để đảm bảo Hoa Kỳ có chỗ đứng tại bàn đàm phán.

• Chống lại việc mua lại và trộm cắp công nghệ của Trung Quốc: Trung Quốc đã tìm cách 'bắt kịp và vượt mặt' phương Tây về công nghệ, và trong khi một số nỗ lực được thúc đẩy bởi đầu tư và nghiên cứu trong nước, một phần đáng kể cũng tìm cách khai thác sự cởi mở của thị trường tài chính Hoa Kỳ, các trường đại học và các công ty để đẩy nhanh các chương trình công nghệ của Trung Quốc. Trong khi nhiều người cho Hoa Kỳ chỉ cần 'chạy nhanh hơn' trong cuộc đua với Trung Quốc, nhưng làm như vậy sẽ mang lại ít lợi ích nếu Trung Quốc đi đường tắt về đích. Đầu tiên, liên quan đến tài chính, Hoa Kỳ đã thực hiện các bước để hạn chế các khoản đầu tư mang tính săn mồi vào các công ty của mình. Các bước này có thể được mở rộng ra ngoài quy trình của Ủy ban Đầu tư Nước ngoài tại Hoa Kỳ (CFIUS), vốn vẫn mang tính tự nguyện và nên bao gồm những nỗ lực đầy tham vọng hơn về tính minh bạch của doanh nghiệp, vốn làm phức tạp thêm việc các tác nhân nước ngoài sử dụng chuyển nhượng và công ty vỏ bọc. Thứ hai, đối với các trường đại học, Hoa Kỳ sẽ cần hạn chế quyền tiếp cận của công dân Trung Quốc liên kết với các trường đại học có quan hệ chặt chẽ với PLA trong khi cố gắng tiếp tục thu hút và giữ chân các nhà nghiên cứu Trung Quốc giỏi nhất - phần lớn trong số họ muốn ở lại Hoa Kỳ. Điều này cũng sẽ đòi hỏi các nguồn lực của Bộ Tư pháp mở rộng đáng kể, thu hẹp khoảng cách về kỹ năng nói tiếng Trung trong FBI, nâng cao kiến thức kỹ thuật cho các điều tra viên, nâng cao khả năng sàng lọc thị thực, khai thác tốt hơn các nguồn mở và — quan trọng — sự cộng tác lớn hơn nhiều giữa chính phủ, trường đại học và kinh doanh về rủi ro gián điệp. Cuối cùng, Hoa Kỳ cần các nguồn lực thể chế lớn hơn để thực hiện các biện pháp kiểm soát xuất khẩu nhanh chóng và hiệu quả hơn trong các ngành công nghiệp tiên tiến nhằm ngăn cấm các công ty Hoa Kỳ từ bỏ công nghệ Mỹ để thu lợi

nhuận ngắn hạn. Nó cũng nên triển khai các biện pháp trừng phạt chống lại các công ty hưởng lợi từ hành vi trộm cắp công nghệ.

CHÍNH TRỊ

• Tham gia các tiến trình đa phương do Trung Quốc lãnh đạo để định hình và đôi khi ngăn cản sự phát triển của họ: Trung Quốc đã từng thách thức những nỗ lực tốn kém của Mỹ trong việc thiết lập các quy tắc thông qua các tổ chức đa phương như APEC và ARF với một chỗ ngồi đơn giản tại bàn, cho phép nước này định hình hoặc ngăn chặn những nỗ lực đó. Tương tự, Washington nên tham gia vào các thể chế do Trung Quốc lãnh đạo, cải thiện chúng hoặc ngăn chặn chúng với chi phí thấp hơn những nỗ lực của Trung Quốc để xây dựng chúng. Trong phạm vi châu Á, những nỗ lực này có thể tập trung vào Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á (AIIB) và Hội nghị về Tương tác và Các biện pháp Xây dựng Lòng tin ở Châu Á (CICA), mà Bắc Kinh đã sử dụng để thiết lập các chuẩn mực kinh tế và an ninh trên toàn Châu Á. Nếu Hoa Kỳ không thể tham gia, hoặc nếu trong một số trường hợp Quốc hội từ chối cho phép tài trợ cho sự tham gia của Hoa Kỳ, thì Hoa Kỳ có thể tham gia với vai trò cố vấn hoặc quan sát viên hoặc khuyến khích các đồng minh và đối tác của mình tham gia (ví dụ: Nhật Bản đã không tham gia một trong hai tổ chức).

• Nâng cao các giải pháp thay thế cho các tổ chức đa phương do Trung Quốc lãnh đạo: Nỗ lực củng cố các tổ chức đa phương khu vực, bao gồm các diễn đàn Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Hội nghị cấp cao Đông Á, giảm khả năng các lựa chọn thay thế do Trung Quốc lãnh đạo trở thành tiêu điểm và trao cho các quốc gia châu Á một vai trò lớn hơn trong tương lai cho khu vực của họ. Hoa Kỳ nên thường xuyên tham gia vào các cơ quan này ở cấp cao nhất để đảm bảo các cơ quan - chứ không phải các cơ quan thay thế do Trung Quốc lãnh đạo - vẫn là trung tâm của các nỗ lực ở khu vực Châu Á.

• Tranh luận về ảnh hưởng của Trung Quốc trong hệ thống LHQ và các cơ quan toàn cầu: Mối quan tâm của Trung Quốc trong việc "lãnh đạo cải cách hệ thống quản trị toàn cầu" xuyên suốt Liên hợp quốc bởi vì — như Sách trắng 2019 về ngoại giao của chính họ đã nói rõ— "Liên hợp quốc là cốt lõi của hệ thống quản trị toàn cầu". Ảnh hưởng tại LHQ cho phép Trung Quốc xây dựng một số đòn bẩy cưỡng chế và đồng thuận cũng như tính hợp pháp — cho phép nước này thay thế các giá trị tự do như mặc định toàn cầu và nâng cao, hợp pháp hóa và toàn cầu hóa các nguyên tắc và chương trình của Trung Quốc. Các quan chức hàng đầu của Liên hợp quốc từ Trung Quốc công khai thừa nhận, mặc dù các công chức quốc tế không được cho là có lòng trung thành với quốc gia nào, nhưng họ vẫn ưu tiên lợi ích của Trung Quốc trong các vấn đề đa dạng như chủ quyền và nhân quyền. Trung Quốc hiện đứng đầu bốn trong số mười lăm cơ quan đặc biệt của Liên hợp quốc, hơn thế nữa hơn bất kỳ nước nào khác, phần lớn là do hơn một thập kỷ Hoa Kỳ không chú ý và bỏ mặc. Sự lãnh đạo của Trung Quốc là sản phẩm của một chiến lược có ý thức nhằm tăng cường ảnh hưởng trong hệ thống Liên hợp quốc thông qua cả bầu cử và bổ nhiệm nhân viên. Ví dụ, trong cuộc bầu cử của Tổ chức Nông lương, Bắc Kinh đã đe dọa xuất khẩu từ Argentina, Brazil và Uruguay để kiếm sự ủng hộ cho ứng cử viên của họ trong khi xóa nợ Cameroon để họ rút ứng cử viên cạnh tranh của mình. Trong khi một ứng cử viên Mỹ có thể không phải lúc nào cũng chiếm ưu thế trong một cuộc bầu cử, Hoa Kỳ thường có thể đóng vai trò phá hoại khi Bắc Kinh đưa ra ứng cử viên ưa thích của mình và hướng cuộc bầu cử tới một giải pháp thay thế thân thiện mà không phải chịu chi phí lớn. Ví dụ: vào năm 2020, những nỗ lực của Hoa Kỳ đã giúp ngăn cản số phiếu bầu cho ứng viên Trung Quốc — trước đây là ứng viên dẫn đầu — cho Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO).

• Thúc đẩy các tiêu chuẩn pháp lý làm suy yếu Nỗ lực ảnh hưởng thông tin toàn cầu của Trung Quốc: Để giành chiến thắng mà các quan chức Bộ Tuyên truyền của họ xác định là

cuộc đấu tranh cho ‘quyền lực diễn ngôn’ chống lại ‘quyền bá chủ diễn ngôn’ của phương Tây, Trung Quốc đã đầu tư rất nhiều vào nỗ lực gây áp lực lên các nút khác nhau trong chuỗi cung ứng thông tin. chạy từ con người (người tạo nội dung) đến các tổ chức (tổ chức truyền thông) đến nền tảng (phương tiện truyền thông xã hội) đến người dùng thông tin. Hoa Kỳ có thể đẩy lùi những nỗ lực này một cách bất đối xứng. Ví dụ, Trung Quốc sử dụng luật bôi nhọ tương đối cởi mở ở Đài Loan và Úc để quấy rối các nhà báo và học giả phê bình, nhưng những cải cách quy định đơn giản có thể chấm dứt hoạt động này. Trung Quốc đang sử dụng đầu tư, quảng cáo, hợp tác sản xuất và các phụ trang trả phí để định hình các tổ chức truyền thông từ Châu Mỹ Latinh đến Châu Âu và Châu Á. Việc giúp các quốc gia áp dụng các quy định về đầu tư của Trung Quốc, đăng ký đại lý nước ngoài và quảng cáo nước ngoài có thể giải quyết các kênh ảnh hưởng này. Cuối cùng, các quan chức tuyên truyền cấp cao của Trung Quốc đã viết rằng các nền tảng là ‘mạch máu’ của các luồng thông tin và “bất kỳ ai sở hữu các nền tảng này sẽ nắm quyền chủ động trong việc tuyên truyền quan điểm và thống trị dư luận.” Cũng như Hoa Kỳ sẽ có những lo ngại về Quyền sở hữu của Nga đối với Facebook, vì vậy cũng phải lo ngại về quyền sở hữu của Trung Quốc đối với các nền tảng lớn như TikTok vì chúng mang lại cơ hội to lớn cho việc thao túng các luồng thông tin và chính trị trong nước. Theo đó, việc khuyến khích các hạn chế đối với các ứng dụng truyền thông xã hội thuộc sở hữu của chế độ chuyên quyền như TikTok — bao gồm cả việc bắt buộc phải chuyển nhượng hoặc cấm trên thực tế — là không tốn kém và cần thiết để giảm bớt nỗ lực của Trung Quốc trong lĩnh vực thông tin.

XÂY DỰNG TRẬT TỰ HOA KỲ

Việc từ chối xây dựng trật tự của Trung Quốc với chi phí thấp có thể hoạt động trong nhiều lĩnh vực, nhưng sẽ không bền vững nếu không có nỗ lực tái đầu tư đồng thời vào nền tảng của trật tự Mỹ. Trung Quốc cũng đã theo đuổi một chiến lược thẳng thừng nhắm vào các lợi thế của Mỹ ở cấp độ khu vực và toàn

cầu, và nó đòi hỏi một nỗ lực của Mỹ để phát huy những lợi thế đó.

Trong lĩnh vực quân sự, việc Trung Quốc theo đuổi cái gọi là khả năng chống tiếp cận/từ chối khu vực đã làm mờ đi sự can thiệp của Mỹ ở châu Á và làm suy yếu nguồn ảnh hưởng và đòn bẩy chính của Mỹ trong khu vực. Ở cấp độ kinh tế, việc Trung Quốc sử dụng quy chế kinh tế — cả thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường và thông qua cưỡng chế kinh tế — làm giảm đòn bẩy kinh tế tương đối của Hoa Kỳ. Bắc Kinh cũng đang nhắm mục tiêu đến nền tảng sức mạnh tài chính của Mỹ bằng một loại tiền tệ kỹ thuật số có chủ quyền mới, cũng như nền tảng của sự thống trị công nghệ của Mỹ với chính sách công nghiệp tích cực. Cuối cùng, ở cấp độ chính trị, Trung Quốc đang ngày càng giành được ảnh hưởng đối với các cơ quan toàn cầu theo cách khiến các cơ quan này trở nên rối loạn chức năng hoặc trong một số trường hợp là công cụ trong chính sách đối ngoại của Bắc Kinh, làm mất đi những lợi thế mà Hoa Kỳ đã tạo ra trong chúng.

Đối với Hoa Kỳ, việc xây dựng lại trật tự sẽ tốn kém, vì vậy các khía cạnh của chiến lược này sẽ cân xứng hơn những nỗ lực đã nêu trong phần trước; Tuy nhiên, đầu tư hợp lý vào các nền tảng chính của sức mạnh Hoa Kỳ — và phối hợp với các đồng minh nếu có thể để giảm chi phí xây dựng và duy trì trật tự — có thể đảm bảo các nguồn lực được sử dụng một cách thận trọng hơn.

XÂY DỰNG QUÂN SỰ

• Xây dựng khả năng chống chịu với các nỗ lực chống tiếp cận/từ chối khu vực của Trung Quốc: Trung Quốc đã theo đuổi các nỗ lực nhằm làm suy giảm sức mạnh quân sự của Mỹ ở Tây Thái Bình Dương. Ví dụ, tên lửa hành trình phóng từ trên không và tên lửa đạn đạo phóng từ mặt đất của Trung Quốc có thể tấn công các căn cứ ở xa như Guam, làm tê liệt đường băng, phá hủy cơ sở nhiên liệu và vô hiệu hóa máy bay trên đường băng. Đáp lại, Hoa Kỳ nên thực hiện một số khoản đầu tư -

nhiều khoản đầu tư được hiểu rõ nhưng thiếu nguồn cung ứng đầy đủ - để xây dựng khả năng phục hồi trước khả năng từ chối tấn công của Trung Quốc. Chúng bao gồm việc tăng cường các cơ sở quan trọng; chôn nhiên liệu hoặc cơ sở hạ tầng thông tin sâu dưới lòng đất; có được khả năng di chuyển nhanh chóng giữa các căn cứ hoặc trên các chuỗi đảo thứ nhất và thứ hai; mở rộng đường băng và nâng cao khả năng sửa chữa đường băng; mở rộng đáng kể kho dự trữ bom, đạn quan trọng; và gia tăng việc sử dụng ngụy trang, che giấu; và các phương pháp khác.

• Xây dựng thế trận đa dạng của Mỹ ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Các căn cứ quân sự của Mỹ ở châu Á ngày càng dễ bị vô hiệu hóa trong các cuộc tấn công bằng tên lửa. Khả năng phục hồi đòi hỏi một thế trận phân tán hơn trong khu vực, cũng như khả năng được chứng minh để nhanh chóng di chuyển các lực lượng trên toàn khu vực. Phân phối tài sản của Hoa Kỳ trên một số căn cứ ở các quốc gia khác nhau và các hòn đảo xa xôi sẽ không giải quyết được hoàn toàn vấn đề, nhưng nó sẽ giảm thiểu một số nguy cơ gây ra bằng cách củng cố lực lượng Hoa Kỳ ở một số địa điểm. Hiện tại, và là di sản của Chiến tranh Lạnh, tư thế của Hoa Kỳ ở châu Á đang bị đè nặng về Đông Bắc Á và bị coi nhẹ hơn về Đông Nam Á, Ấn Độ Dương, quần đảo Thái Bình Dương và Châu Đại Dương. Một số bước đã được tiến hành, nhưng có thể thực hiện nhiều bước hơn nữa - bao gồm các cơ sở ở Palau và Yap cùng những địa điểm khác. Hơn nữa, thế trận của lực lượng Hoa Kỳ không nên chỉ liên quan đến các căn cứ thường trực mà phải ngày càng bao gồm nhiều thỏa thuận tiếp cận và tình trạng của các lực lượng cũng có thể hữu ích trong việc đa dạng hóa thế trận quân sự thành các cơ sở 'chi phí thấp, dấu chân nhỏ' trong khi cung cấp cho Hoa Kỳ khả năng để ứng phó nhanh chóng với các cuộc khủng hoảng khu vực ở xa. Cuối cùng, một thế trận lực lượng đa dạng hơn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Hoa Kỳ tiếp cận trong hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa, tạo thêm cơ hội cho ngoại giao quân sự từ

Ấn Độ đến Việt Nam và các đảo Thái Bình Dương, và cung cấp một số bảo hiểm khỏi rủi ro chính trị.

Tàu sân bay Carrier trong chuyến thăm lịch sử đến Đà Nẵng, Việt Nam

• Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin có khả năng phục hồi: Các hoạt động quân sự của Hoa Kỳ ở châu Á và trên toàn thế giới đặc biệt phụ thuộc vào các luồng thông tin linh hoạt để chỉ huy, kiểm soát, liên lạc, tình báo, giám sát và trinh sát (C4ISR). Ví dụ, các loại đạn được dẫn đường chính xác sẽ kém hiệu quả hơn nhiều trong tấn công mục tiêu của họ mà không có tiếp cận thông tin. Phần lớn kiến trúc thông tin này được thiết lập trong thời đại mà các đối thủ được cho là sẽ không thể thách thức nó một cách hiệu quả và hiện nó cần được xây dựng lại để giải quyết thách thức mà Trung Quốc đặt ra. Trong nhiều trường hợp, điều này có thể có nghĩa là đầu tư vào các lựa chọn thay thế cho tài sản không gian để liên lạc hoặc định vị, điều hướng và thời gian; các hệ thống ISR sáng tạo có khả năng cảm biến khối lượng và cộng tác trong các môi trường có nhiều tranh chấp; những cải tiến về trí tuệ nhân tạo và quyền tự chủ giúp giảm sự phụ thuộc vào các luồng thông tin; tiếp tục đổi mới trong tác chiến điện tử; và đào tạo để hoạt động trong môi trường mà C4ISR có thể bị suy thoái. Một số nhà phân tích cho "cải thiện khả năng phục hồi của kiến trúc C4ISR của Hoa Kỳ khi đối mặt với cuộc tấn công có thể là bước hiệu quả nhất mà Hoa Kỳ có thể thực hiện để tăng cường khả năng răn đe thông thường của mình."

So sánh sức mạnh quân sự Mỹ-Trung

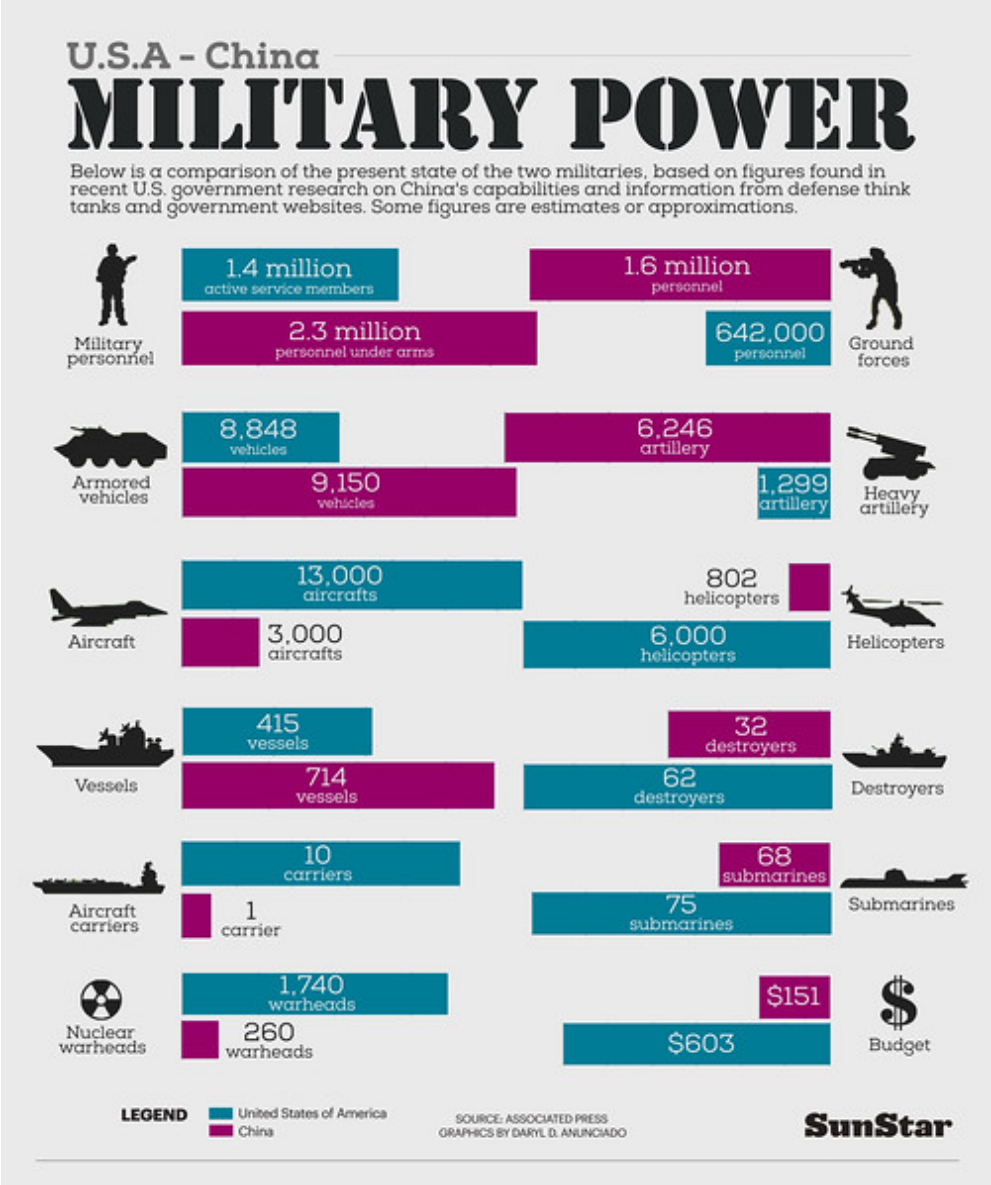

XÂY DỰNG KINH TẾ

• Duy trì sự thống trị của đồng đô la trong bối cảnh những thách thức từ Trung Quốc và công nghệ mới: Vị thế của đồng đô la như đồng tiền dự trữ là xương sống của quyền bá chủ toàn cầu của Hoa Kỳ và nó giúp Hoa Kỳ dễ dàng hơn trong việc tài trợ chi tiêu thâm hụt, giám sát các giao dịch tài chính xuyên biên giới và thực hiện các biện pháp trừng phạt. Hoa Kỳ có thể chỉ chiếm một phần tư GDP toàn cầu, nhưng đồng đô la là 60% tiền tệ dự trữ toàn cầu - một lợi thế được tăng cường bởi thực tế là Hoa Kỳ mở cửa, duy trì thị trường tài chính sâu và

thanh khoản, và sở hữu một nền kinh tế lớn và đa dạng. Thành công của đồng đô la đã mang lại nhiều phức tạp: Hoa Kỳ mắc phải một biến thể do thúc đẩy đồng đô la, nơi mà việc phụ thuộc vào một mặt hàng xuất khẩu cụ thể có thể gây ra sự phi công nghiệp hóa nếu các tổ chức không thể quản lý đúng cách. Về mặt này, Hoa Kỳ là 'Ả Rập Saudi của tiền', với phần lớn năng lực sản xuất bị thu hẹp trong khi tài sản của họ tăng giá chóng mặt. Tiền tệ đã thúc đẩy 'Dịch bệnh Hà Lan' ở các nước khác trong quá khứ — Tây Ban Nha được hưởng lợi từ một cơn gió vàng chẳng hạn từ châu Mỹ - nhưng sự kết thúc của nguồn cung vàng đó đã dẫn đến một sự sụt giảm địa chính trị thảm hại. Mặc dù vị thế của đồng đô la rất mạnh, hai xu hướng hiện đang đe dọa nó và liên quan đến quyền bá chủ của Hoa Kỳ. Đầu tiên là việc lạm dụng các biện pháp trừng phạt tài chính, vốn đã khiến một số đồng minh và đối thủ đoàn kết trong các nỗ lực (cho đến nay vẫn chưa thành công) nhằm vượt qua hệ thống đồng đô la. Thứ hai, và quan trọng hơn, Trung Quốc đang tung ra đồng Nhân dân tệ kỹ thuật số để cạnh tranh với đồng đô la Mỹ để bỏ qua hoàn toàn cơ sở hạ tầng thanh toán của Mỹ. Các quan chức Trung Quốc từ lâu đã lo lắng về tiềm năng của một loại tiền kỹ thuật số do Mỹ dẫn đầu sẽ hỗ trợ hệ thống đô la Mỹ, và vì vậy họ đã chạy đua để giành lợi thế đi trước. Wang Xin, giám đốc văn phòng nghiên cứu của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, tuyên bố "nếu tiền tệ kỹ thuật số có liên kết chặt chẽ với đô la Mỹ... thì về bản chất sẽ có một ông chủ, đó là đô la Mỹ và Hoa Kỳ," sẽ gây ra những hậu quả địa chính trị. Hoa Kỳ nên nghiên cứu kỹ lưỡng và sau đó xem xét tung ra một loại tiền kỹ thuật số bảo vệ lợi thế tài chính và mang lại chính xác thế giới mà Wang Xin đã quan tâm — một loại tiền kỹ thuật số bổ sung và được neo vào hệ thống đô la Mỹ. Cuối cùng, như Mike O'Hanlon lưu ý, việc duy trì những điểm mạnh này cung cấp một cách thức ngăn chặn hoặc phản ứng phi sát thương và không gây chết người trước các hành động khiêu khích lãnh thổ nhỏ của Trung Quốc.

• Đưa các tổ chức hiện có vào đầu tư cơ sở hạ tầng toàn cầu và xây dựng tổ chức mới để mở rộng ảnh hưởng kinh tế của Mỹ: Washington nên thúc đẩy mạnh mẽ các tổ chức phát triển hiện tại, đặc biệt là Ngân hàng Thế giới, đóng một vai trò cao hơn trong đầu tư cơ sở hạ tầng toàn cầu. Đồng thời, Hoa Kỳ nên xem xét các phương tiện mới để hỗ trợ cơ sở hạ tầng toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực kỹ thuật số chi phí thấp và tác động cao. Ví dụ, vì các khoản đầu tư của Trung Quốc vào cơ sở hạ tầng thông tin được trợ cấp nhiều và thường thiếu đối thủ cạnh tranh, Hoa Kỳ có thể tạo ra một ngân hàng phát triển kỹ thuật số với các đồng minh và đối tác để cạnh tranh cho các dự án đó, điều này có thể khiến các nước đang phát triển lựa chọn các nhà cung cấp và khai thác cơ sở hạ tầng phù hợp hơn với các giá trị tự do hoặc dân chủ.

• Tạo một thực thể để kiểm tra chuỗi cung ứng của Hoa Kỳ: Trung Quốc đã thể hiện sự sẵn sàng sử dụng vị trí quan trọng của mình trong các chuỗi cung ứng hiện đại làm đòn bẩy chống lại các quốc gia khác. Hoa Kỳ hiện đang có sự hiểu biết kém về những mối liên hệ này. Thật vậy, đại dịch đã tiết lộ không có cơ quan chính phủ nào biết Hoa Kỳ phụ thuộc vào Trung Quốc như thế nào về y học, và sự phụ thuộc tương tự từ đất hiếm đến vi điện tử vẫn tồn tại. Để đảm bảo bản thân và định vị các đồng minh và đối tác của mình chống lại chính sách ngoại giao kinh tế ép buộc của Trung Quốc, Hoa Kỳ nên khởi động một nỗ lực thường trực được thể chế hóa trong cơ quan chính phủ liên bang và củng cố thông qua các yêu cầu báo cáo bắt buộc để kiểm soát chuỗi cung ứng trên hầu hết các ngành. Văn phòng cũng sẽ tiến hành các cuộc kiểm tra với chuỗi cung ứng của Hoa Kỳ.

• Tái đầu tư vào Cơ sở Nhân tài cho Sự đổi mới của Hoa Kỳ: Sự đổi mới của Hoa Kỳ có một số nền tảng, nhiều trong số đó hiện đang bị xói mòn. Hoa Kỳ cần thu hút và giữ chân những tài năng xuất sắc nhất thế giới trong lĩnh vực STEM. Trong các lĩnh vực như kỹ thuật điện, khoảng 80% sinh viên tốt nghiệp là công dân nước ngoài, đại đa số thích ở lại Hoa Kỳ và hầu hết trong

số họ làm như vậy khi có cơ hội. Dữ liệu tương tự cho các lĩnh vực khác. Để duy trì lợi thế, Hoa Kỳ nên nâng giới hạn thị thực H1-B cho các lĩnh vực STEM và cấp thẻ xanh cho những người có bằng STEM sau đại học, trong số các cải cách khác.

• Tái đầu tư vào Nghiên cứu Khoa học Cơ bản cho Sự đổi mới của Hoa Kỳ: Theo phần trăm GDP, chính phủ liên bang Hoa Kỳ chỉ chi 0.61% GDP cho R&D — thấp nhất trong bảy mươi năm, thấp hơn mười cường quốc khoa học khác và thậm chí còn thấp hơn so cho Sputnik, với một nửa số tiền hạn chế này chỉ dành cho khoa học đời sống. Doanh nghiệp đóng góp vào chi tiêu cho R&D của Hoa Kỳ, nhưng chủ yếu là cho nghiên cứu ứng dụng, trong khi nghiên cứu cơ bản thường đến từ chính phủ liên bang và đã tạo nền tảng cho những đột phá lớn trong lịch sử — Bao gồm radar, máy tính và năng lượng hạt nhân. Ví dụ, Quốc hội đã chi 3 tỷ đô la vào những năm 1980 để lập bản đồ hệ gen người khi tư nhân miễn cưỡng làm như vậy; Điều này đến lượt nó đã giúp tạo ra ngành công nghiệp gen sử dụng 280.000 người ở Hoa Kỳ và tạo ra khoản thuế 6 tỷ đô la hàng năm. Tăng chi tiêu như vậy và đa dạng hóa nó ngoài khoa học đời sống, nên được ưu tiên.

• Cải cách Thị trường Tài chính và Chính sách Thuế để Khuyến khích Lập kế hoạch Doanh nghiệp Dài hạn: Cuộc cách mạng cổ đông những năm 1980 đã giúp mở ra sự tập trung vào lợi nhuận trên vốn với chi phí lập kế hoạch dài hạn. Hầu hết cổ phiếu được nắm giữ trong ít hơn một năm nay, so với tám năm trong những năm 1950; Nhiệm kỳ của CEO hiện đang ở gần mức thấp nhất lịch sử khoảng 5 năm; và áp lực tạo ra lợi nhuận tài chính thường không phân biệt ngành sản xuất so với các hoạt động kinh doanh sinh lợi khác — và đôi khi thậm chí còn khuyến khích các công ty chuyển giao công nghệ cho Trung Quốc để được đền đáp trong ngắn hạn. Những nỗ lực nhằm điều chỉnh 'chủ nghĩa ngắn hạn' được thể chế hóa của thị trường vốn Hoa Kỳ được hỗ trợ bởi một số giám đốc điều hành nổi tiếng, như Giám đốc điều hành JP Morgan Chase, Jaimie Dimon và Giám đốc điều hành Berkshire Hathaway Warren Buffet. Các nỗ lực có thể

bao gồm các chỉ số tiêu chuẩn mới bao gồm khung thời gian dài hơn, cũng như chính sách thuế khuyến khích nắm giữ các vị thế vốn chủ sở hữu trong thời gian dài hơn.

• Xây dựng Kiến trúc chính sách công nghiệp cạnh tranh để duy trì các ngành công nghiệp và đổi mới chính của Hoa Kỳ: Để cạnh tranh với các phương pháp tiếp cận chính sách công nghiệp của Trung Quốc trong các ngành công nghiệp tiên tiến, Hoa Kỳ có thể cần áp dụng chính sách công nghiệp của riêng mình. Làm như vậy sẽ đòi hỏi nhiều hơn là trợ cấp: nó sẽ đòi hỏi các chiến lược đào tạo và thu hút nhân tài trong các lĩnh vực then chốt; khuyến khích các nhà sản xuất nước ngoài cũng như các công ty Hoa Kỳ quay trở lại Hoa Kỳ thông qua sự kết hợp giữa các khoản tín dụng và các yêu cầu nội địa hóa; sử dụng quyền lực nhà nước để cơ cấu lại chuỗi cung ứng; phá bỏ các công ty độc quyền làm giảm sự đổi mới và quá lớn làm giảm khả năng phục hồi kinh tế của Hoa Kỳ; và cung cấp một mức độ bảo vệ chống lại các hành vi thương mại cạnh tranh không lành mạnh. Những cách tiếp cận này nên tìm cách hỗ trợ các ngành công nghiệp hơn là các doanh nghiệp riêng lẻ. Điều này đặc biệt quan trọng ở biên giới công nghệ, nơi các công ty thường xuyên phải đặt cược về tiến bộ của công nghệ tương lai có thể có giá trị hoặc có thể không hợp lệ (ví dụ: đầu tư vào siêu máy tính so với máy tính cá nhân). Khi chỉ có một nhà vô địch quốc gia tồn tại trong một ngành nhất định, cái giá phải trả của việc đặt cược sai có thể gây thiệt hại cho nền kinh tế rộng lớn hơn và cho sự dẫn đầu về công nghệ của đất nước. Ngược lại, khi có nhiều công ty hoạt động trong một ngành quan trọng, khả năng một công ty đặt cược đúng và duy trì vị trí dẫn đầu của quốc gia trong ngành đó sẽ lớn hơn rất nhiều. Khi cấu trúc thị trường đôi khi làm phức tạp các nỗ lực đảm bảo cạnh tranh, Quốc hội có thể hỗ trợ các đối thủ cạnh tranh yếu hơn, một cách tiếp cận chính sách mà Quốc hội đã sử dụng trong quá khứ để đảm bảo một cơ sở công nghiệp quốc phòng cạnh tranh. Sau đó, hiện nay, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành thiết yếu này có nhiều khả

năng hơn để sản xuất giá thấp hơn, sản phẩm chất lượng cao hơn, khả năng phục hồi công nghiệp và đổi mới lớn hơn — tạo lợi thế cho Hoa Kỳ so với các đối thủ cạnh tranh.

• Xây dựng một Hệ sinh thái Đồng minh để Nghiên cứu và Phát triển: Nghiên cứu khoa học cơ bản đã là một nỗ lực quốc tế và hợp tác khoa học Mỹ-Trung ngày càng phổ biến. Nhưng trong khi Hoa Kỳ và Trung Quốc hiện nay chi số tiền gần như tương đương cho R&D, tổng chi tiêu kết hợp của Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc, Ấn Độ, Pháp và Vương quốc Anh vượt Hoa Kỳ và Trung Quốc tương ứng. Quốc hội nên nới lỏng một số trở ngại để hợp tác đồng minh và đối tác nhiều hơn (ví dụ, chính sách thị thực) đồng thời khuyến khích các tổ chức nghiên cứu khoa học cơ bản tham gia nhiều hơn với các đồng minh và đối tác. Sự lan tỏa rộng rãi hơn trên các kênh đồng minh và đối tác có thể giúp nâng cao lợi thế công nghệ của Mỹ, cho phép quốc gia này hưởng lợi từ những người khác. Hơn nữa, quan hệ đối tác chính thức có thể liên quan đến nỗ lực "thiết lập các tiêu chuẩn và giá trị xung quanh việc chia sẻ dữ liệu, tính minh bạch, khả năng tái tạo và tính toàn vẹn của nghiên cứu" như Trung tâm Chiến lược và Công nghệ mới nổi của Đại học Georgetown lập luận.

• Xây dựng năng lực cho sự tham gia và phối hợp của các quốc gia lớn hơn trong các cơ quan thiết lập tiêu chuẩn thương mại danh nghĩa: Trong khi nhiều cơ quan thiết lập tiêu chuẩn bao gồm các công ty chứ không phải quốc gia, nỗ lực từ trên xuống của Trung Quốc để hình thành các tiêu chuẩn đòi hỏi chính phủ Hoa Kỳ phản hồi. Điều này đặc biệt cấp bách trong thời điểm các quy trình thiết lập tiêu chuẩn có thể mở đầu cho các mô hình mới trong các ngành quan trọng, bao gồm viễn thông (ví dụ: khái niệm Mạng truy cập vô tuyến mở) và Internet vạn vật, vốn có thể định hình tương lai từ lâu. Thứ nhất, Quốc hội có thể hỗ trợ thành lập các nhóm làm việc liên ngành về các tiêu chuẩn có thể phối hợp trong nội bộ. Ví dụ: Văn phòng Chính sách Khoa học và Công nghệ của Nhà Trắng có thể thành lập một nhóm làm việc liên ngành về các tiêu chuẩn công nghệ, tập hợp các Bộ Ngoại giao, Thương mại, Tư pháp và Quốc

phòng cũng như cộng đồng tình báo Hoa Kỳ — và nhóm này cũng tham vấn với ngành công nghiệp Hoa Kỳ. Thứ hai, để xây dựng liên minh giữa các công ty và quốc gia khác nhau, Quốc hội có thể hỗ trợ việc thành lập các văn phòng trong Bộ Thương mại và Nhà nước để phối hợp các phương pháp tiếp cận của Hoa Kỳ với các bên liên quan cùng chí hướng.

A tale of two economies

The United States has had the world's biggest economy for 140 years and accounts for roughly 22.44 per cent of the gross world product. It remains top in nominal GDP but, in terms of purchasing power parity (PPP), the International Monetary Fund now ranks China as the world's largest economy. This is because PPP enables you to compare how much you can buy for your money in different countries. As money goes further in China than in the US, the figure for China is adjusted upwards

Population

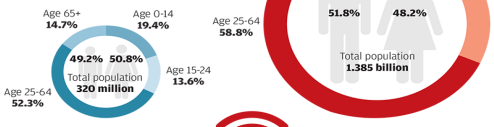

Internet

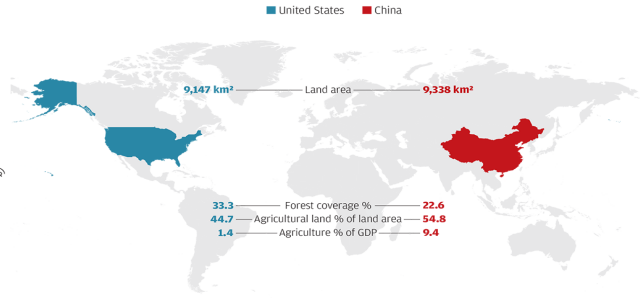

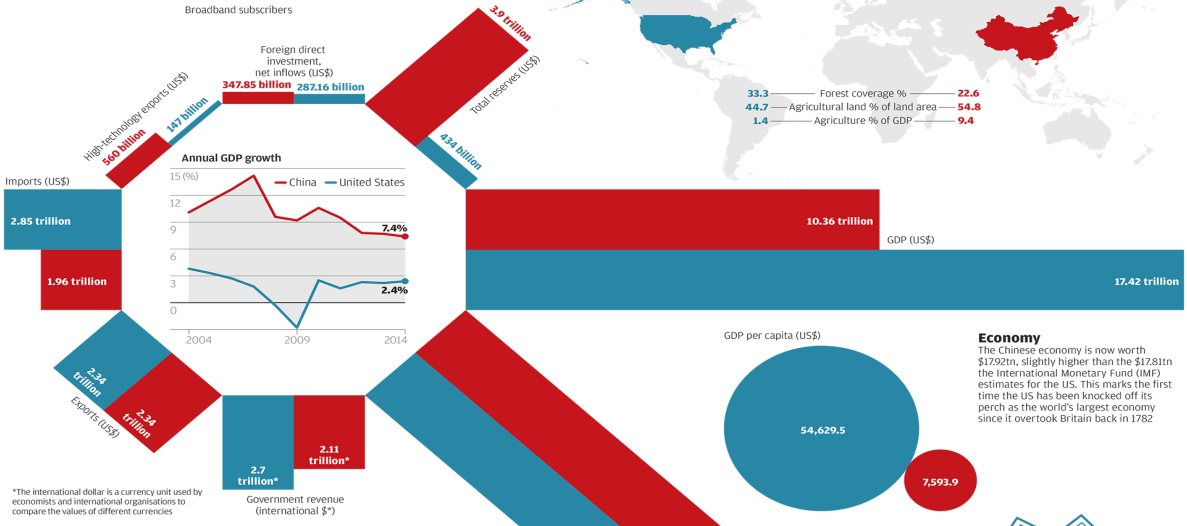

*The international dollar is a currency unit used by economists and international organisations to compare the values of different currencies

Economy

The Chinese economy is now worth $17.92tn, slightly higher than the $17.81tn the International Monetary Fund (IMF) estimates for the US. This marks the first time the US has been knocked off its perch as the world's largest economy since it overtook Britain back in 1782

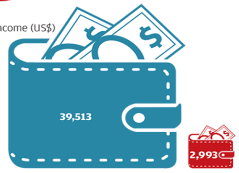

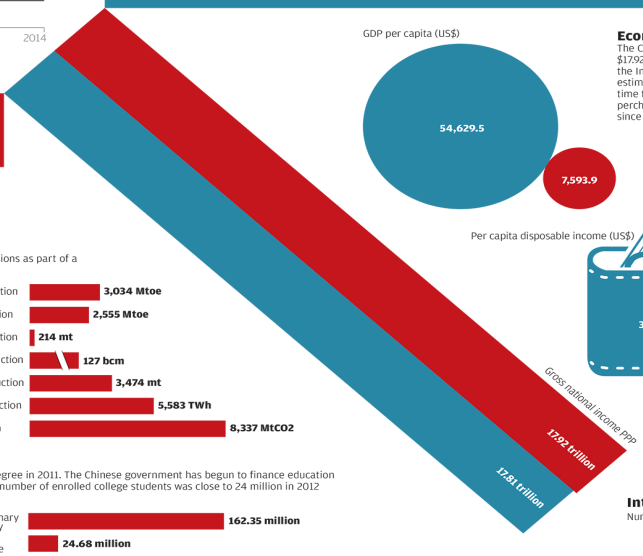

Energy

Last year China and the US announced new targets for greenhouse emissions as part of a deal to help global climate change

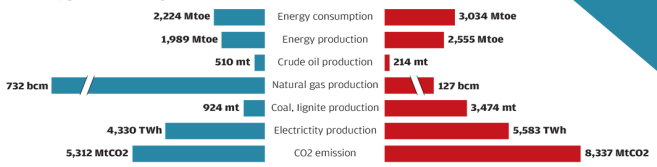

Education

Thirty per cent of US adults aged 25 and over had at least a bachelor's degree in 2011. The Chinese government has begun to finance education more heavily with about 4% of total GDP now invested in education. The number of enrolled college students was close to 24 million in 2012

International tourism

Number of overseas arrivals

Health care

Health care has long been in issue in the US. In 2010 the Patient Protection and Affordable Care Act, also known as Obamacare, was enacted

Bang for your buck

Salaries can vary widely in all countries according to sector and location. Below we compare the cost of living in Beijing and the US

US social security authorities put the national average wage for American workers in 2013 at US$44,888

Salary levels in China have made major gains over the last decade. In 2013, Beijing workers enjoyed the highest annual salaries, at about 93,000 yuan (US$14,600) on average. Henan province had the lowest average annual salary at about 38,000 yuan per year

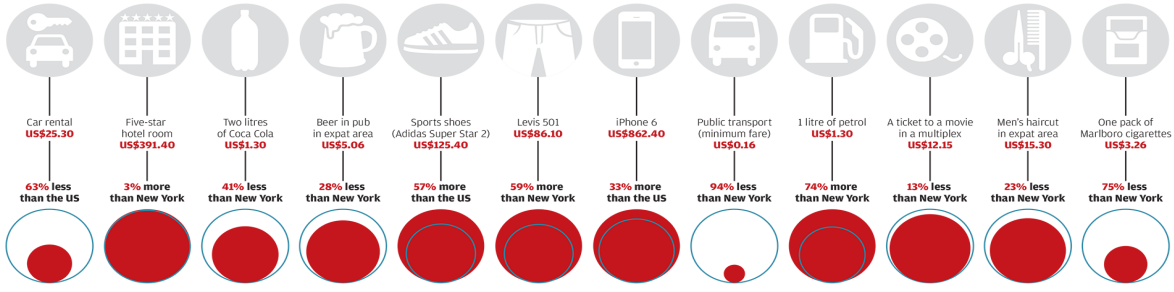

Sources: US Cencus Bureau, World Bank, National Bureau of Statistics of China, People's Republic of China Ministry of Education, Deutsche Bank, China Daily.com, Enerdata, Worldometers

SCMP Graphic: Dennis Wong

Tương quan Mỹ-Trung

XÂY DỰNG CHÍNH TRỊ

• Xây dựng liên minh dân chủ hoặc đồng minh cho các vấn đề quản trị từ công nghệ đến thương mại và chuỗi cung ứng đến tiêu chuẩn: Trong ba năm qua, một loạt các cường quốc trung và lớn đã đề xuất tổ chức các liên minh dân chủ để đẩy lùi những nỗ lực của Trung Quốc nhằm ngăn chặn hoặc áp đặt các ưu đãi của họ trong nhiều hơn các diễn đàn toàn cầu. Các liên minh này — chẳng hạn như 'D10' do Vương quốc Anh đề xuất cho 5G, bao gồm các nước G7 cũng như Úc, Ấn Độ và Hàn Quốc — sẽ tự do về thành phần và sẽ hoạt động để tổ chức các yếu tố của hệ thống quốc tế xung quanh tự do, do đó đóng vai trò như một hình thức xây dựng trật tự. Hoa Kỳ nên hỗ trợ những cách tiếp cận này, sử dụng chúng để gây áp lực với các tổ chức chính thức, hoặc khi cần thiết, tổ chức các quy tắc thay thế. Những liên minh này, có thể phát triển mạnh mẽ trong các lĩnh vực có vấn đề, sẽ hoạt động hiệu quả như những 'băng đảng' cung cấp 'hàng hóa câu lạc bộ' cho các thành viên của họ nhưng ít mang lại lợi ích cho những người ngoài nhóm. Ví dụ, các phương pháp tiếp cận liên minh của các nước đồng minh về thương mại theo mô hình TPP hoặc TTIP có thể qua mặt WTO, nơi Trung Quốc có ảnh hưởng. Một nhóm dân chủ cũng có thể thành lập các cơ quan thiết lập tiêu chuẩn dành riêng cho các quốc gia trong liên minh, bỏ qua các cơ quan toàn cầu như Liên minh Viễn thông Quốc tế bao gồm Trung Quốc và đảm bảo các biện pháp bảo vệ tự do được xây dựng trong kiến trúc Internet. Toàn bộ các ngành công nghiệp — hoặc thậm chí cả chuỗi cung ứng — có thể được tổ chức xung quanh các liên minh dân chủ hoặc đồng minh này, đặc biệt là trong chính những lĩnh vực mà Trung Quốc hy vọng sẽ vươn lên. Các tác giả Trung Quốc lo lắng về những cách tiếp cận này và hiểu các quốc gia chuyên quyền có ít tài sản hơn, ít ảnh hưởng về công nghệ hơn và phụ thuộc nhiều hơn vào sự bình đẳng chính thức của các thể chế toàn cầu để định hình kết quả quốc tế. Về phần mình, kiểu xây dựng trật tự bao trùm này là bất đối xứng - Hoa Kỳ tốn ít chi phí, đặc

biệt là khi các cường quốc cấp trung đề xuất nó, nhưng đặt ra chi phí đáng kể đối với sự kiên định của Trung Quốc trong các diễn đàn khác.

Như cuốn sách này đã chứng minh, Trung Quốc tìm cách thay thế Hoa Kỳ không chỉ khỏi vị trí lãnh đạo khu vực mà còn cả toàn cầu và có thể dành nhiều nguồn lực hơn cho nhiệm vụ đó so với những gì Hoa Kỳ có thể dành để duy trì trật tự của mình. Ngay cả những người hoài nghi về ý tưởng Trung Quốc có tham vọng toàn cầu cũng phải thừa nhận nền tảng chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa Lenin của ĐCSTQ khiến khó có thể bác bỏ hoàn toàn khả năng đó. Những luận điệu của Đảng về việc trẻ hóa mạnh mẽ chỉ ra mục tiêu thay thế Hoa Kỳ là tiềm ẩn trong suy nghĩ hiện tại của Trung Quốc và Bắc Kinh khó có thể vĩnh viễn chấp nhận địa vị cấp dưới trong một trật tự do Hoa Kỳ lãnh đạo, đặc biệt là một trật tự có tính cách tự do đe dọa đến nền quản trị theo chủ nghĩa chuyên quyền của Trung Quốc.

Đối với tình trạng này, các chiến lược tìm cách thích ứng hoặc thay đổi Trung Quốc khó có thể tạo ra kết quả thuận lợi. Thay vào đó, trong cuộc cạnh tranh giành trật tự khu vực và toàn cầu, Hoa Kỳ sẽ cần phải loại bỏ 'các hình thức kiểm soát' của Trung Quốc trong khi xây dựng hoặc xây dựng lại nền tảng của chính mình. Trong hầu hết các trường hợp, nỗ lực này có thể bất đối xứng, đặc biệt là đối với việc cắt giảm vì phá hoại một trậ tự có thể ít tốn kém hơn so với việc xây dựng nó. Liên quan đến việc xây dựng lại nền tảng trật tự của mình, Hoa Kỳ có một số lợi thế, và đặc biệt là lợi ích từ mạng lưới các liên minh có thể giúp Hoa Kỳ giảm bớt chi phí của việc xây dựng trật tự. Cách tiếp cận cạnh tranh này không thể được đảm bảo sẽ thay đổi chiến lược của Trung Quốc, nhưng nó có thể hạn chế một số yếu tố của sức mạnh và ảnh hưởng của Trung Quốc, 'làm dịu' quyền lực Trung Quốc hơn thông qua sự thay đổi nội bộ của chính trị Trung Quốc hoặc nỗ lực trấn an Bắc Kinh hơn là thông qua hạn chế bên ngoài đối với khả năng của Trung Quốc trong việc chuyển đổi các nguồn sức mạnh của mình thành trật tự chính trị.

KẾT LUẬN

“Hoa Kỳ không có khả năng suy giảm chừng nào công chúng của nó thường xuyên tin nó sắp suy tàn.” — Nhà khoa học chính trị Samuel Huntington, 1988.

Ngày 28 tháng 11 năm 1970, Chỉ huy trưởng Tác chiến Hải quân, Đô đốc Elmo Zumwalt và Cố vấn An ninh Quốc gia Henry

Kissinger đã cùng nhau ngồi trên một chuyến tàu quân sự đặc biệt. Cả hai đã cùng nhau đến Philadelphia để tham dự trận bóng đá Lục quân-Hải quân. Đó là một chuyến đi chơi thoải mái, và sáu năm sau, cuộc trò chuyện của họ vào ngày hôm đó sẽ được đưa ra trên báo chí quốc gia ở đỉnh cao của chiến dịch tranh cử sơ bộ tổng thống.

Cả hai người đàn ông, xấp xỉ tuổi nhau nhưng có hoàn cảnh khác nhau rất nhiều, đã đến đỉnh cao của các lĩnh vực của họ cùng một lúc, với Zumwalt là trưởng bộ phận hoạt động hải quân trẻ nhất và Kissinger là một trong những cố vấn an ninh quốc gia trẻ nhất. Cả hai đều đã trưởng thành cùng với sự nổi lên của Mỹ với tư cách là quốc gia hàng đầu thế giới. Cả hai đều có kinh nghiệm hình thành trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nơi họ vươn lên vị trí lãnh đạo ở độ tuổi trẻ - những kinh nghiệm đã thúc đẩy họ hướng tới sự nghiệp an ninh quốc gia mà ban đầu họ không hề tính đến.

Ở Thái Bình Dương, trung úy 25 tuổi Elmo Zumwalt đã trở thành 'thuyền trưởng' của một pháo hạm Nhật Bản nặng 1.200 tấn bị bắt giữ trên sông. Anh và mười bảy thủy thủ Mỹ của mình đã đưa con tàu bị bắt và thủy thủ đoàn 190 người Nhật Bản của nó đến Thượng Hải, nơi họ tiến vào sông Dương Tử với tư cách là con tàu mang cờ Mỹ đầu tiên trong nhiều năm, đánh chiếm các bến tàu của Nhật Bản và liên lạc với lực lượng Mỹ - một trải nghiệm đã khiến Zumwalt từ bỏ ước mơ làm bác sĩ. Kissinger, người từng ấp ủ ước mơ làm kế toán, không phải là một sĩ quan hải quân như Zumwalt mà là một quân nhân, được giao phụ trách một đội thuộc Quân đoàn phản tình báo (CIC) cấp trung đoàn, Kissinger với tiếng Đức xuất sắc đã giúp ích trong việc xác định và bắt giữ những tên Quốc xã cũ cũng như phá vỡ các phòng giam do Gestapo ra lệnh phá hoại lực lượng Mỹ ở nước Đức bị chiếm đóng. Đối với công việc của mình, anh ấy được thăng cấp trung sĩ, sau đó được trao giải Ngôi sao Đồng, rồi thăng cấp lên trung úy, và sau đó được đề cử trở thành "điều tra viên chính cho CIC tại Nhà hát Châu Âu."

Elmo Zumwalt

Những kinh nghiệm hình thành đó cho cả hai người đàn ông đến vào thời điểm người Mỹ đi lên. Nhưng trên toa xe lửa 25 năm sau, cuộc trò chuyện của họ chuyển sang sự suy tàn của nước Mỹ từ những ngày đầu hậu chiến và họ lo lắng về sự vượt trội của Liên Xô trong cán cân quân sự. Zumwalt kể lại Kissinger tin "Hoa Kỳ đã vượt qua đỉnh cao lịch sử giống như rất nhiều nền văn minh trước đó" và người Mỹ "không đủ sức chịu đựng để chống lại những người Nga 'Sparta' tấn công 'Athens của chúng ta'. thuyết phục người Nga cho chúng tôi thỏa thuận tốt nhất mà chúng tôi có thể có được, thừa nhận các lực lượng lịch sử có lợi cho họ." Zumwalt không đồng ý, nhưng thấy mình bị lung lay trước logic lập luận của Kissinger.

Sparta: hiếu chiến; Athens: tự do, văn minh.

Sáu năm sau, cuộc trò chuyện đó đã trở thành tin tức quốc gia. Zumwalt đã công bố cuộc trò chuyện trong hồi ký của mình; sau đó Ronald Reagan đã trích dẫn cuộc trò chuyện này như là đạn dược chống lại Tổng thống Gerald Ford trong một cuộc tranh luận tổng thống; và cuối cùng, Kissinger từ chối lời trích dẫn một cách gay gắt: "Tôi sẽ đề cử **Đô đốc Giỏi** cho giải Pulitzer cho tác phẩm hư cấu," ông nói. thực tế được viết công khai về sự suy tàn của nước Mỹ trong những năm 1960 và thường xuyên nói về nó trong các cuộc phỏng vấn với báo chí trong suốt những năm 1970. Sự u ám của ông về vị trí của Hoa Kỳ so với Liên Xô đã được biết đến từ lâu.

Sự ảm đạm đó giờ đã trở lại với nhiều người trong giới chiến lược Mỹ, và cuộc trò chuyện giữa Zumwalt và Kissinger cách đây 50 năm có thể dễ dàng diễn ra như ngày nay. Sau đó, như bây giờ, Hoa Kỳ đang phải đối mặt với những căng thẳng to lớn trong nước trong khi một cường quốc đang trỗi dậy lấp ló phía chân trời. Và sau đó, cũng như hiện tại, một số người tin chính sách của Hoa Kỳ nên ít khiêu khích và cạnh tranh hơn, phản ánh thực tế 'các lực lượng lịch sử' được cho là đã dàn trận chống lại đất nước và tìm kiếm thỏa thuận tốt nhất có thể với một đối thủ lớn hơn. Một phiên bản mới cho lập luận của Kissinger ngày nay có thể chỉ ra Trung Quốc thống trị ngành sản xuất toàn cầu, ngày càng cạnh tranh với Hoa Kỳ về công nghệ cao, tự hào có một nền kinh tế lớn hơn Mỹ về sức mua, sở hữu lực lượng hải quân lớn nhất thế giới, và đã vượt qua đại dịch lớn nhất thế kỷ tốt hơn hầu hết các quốc gia khác - cường quốc duy nhất tránh được suy thoái vào năm 2020. Ngược lại, Hoa Kỳ dường như với nhiều người ở Bắc Kinh và thậm chí ở Washington, bị chia rẽ và bế tắc một cách vô vọng, với việc quản trị và thể chế của họ đang xấu đi. Kể từ khi xuất bản cuốn sách này, nó phải đối mặt với đại dịch kéo dài nhiều năm, sự xói mòn công nghiệp, nợ nần chồng chất, nền dân chủ bị tổn thương và danh tiếng toàn cầu giảm sút. Sự bi quan của Kissinger có thành hiện thực không?

Có thể quá sớm để phán đoán. Chủ nghĩa Decli của Mỹ là một truyền thống có lịch sử phong phú nhưng thường không chính xác, và đã có bốn làn sóng declinist trong thế kỷ trước. Ở mỗi làn sóng, đất nước thể hiện điều mà nhà khoa học chính trị Samuel Huntington từng gọi là 'khả năng tự điều chỉnh bất thường', với những người theo chủ nghĩa suy luận mỉa mai đóng vai trò 'không thể thiếu trong việc ngăn chặn những gì họ đang dự đoán'.

Declinism (Chủ nghĩa Decli) là niềm tin một xã hội hoặc tổ chức đang có xu hướng suy giảm. Đặc biệt, đó là khuynh hướng, có thể là do thiên kiến nhận thức, chẳng hạn như hồi tưởng màu hồng, để nhìn về quá khứ thuận lợi hơn và tương lai tiêu cực.

Làn sóng đầu tiên của chủ nghĩa suy thoái ở Mỹ bắt đầu trong cuộc Đại suy thoái vào những năm 1930. Kissinger và nhiều người khác có thể đã coi thời kỳ hậu chiến là đỉnh cao của nước Mỹ, nhưng thảm họa kinh tế những năm trước đó — mà từ đó Đức và Nhật dường như xuất hiện nhanh hơn Hoa Kỳ — đã khiến người Mỹ nghi ngờ về hệ thống quản trị của đất nước. Hoa Kỳ đã phục hồi nhờ các chương trình Thỏa thuận Mới sáng tạo mà Tổng thống Franklin Delano Roosevelt đã sử dụng để định hình lại nền kinh tế Hoa Kỳ, và đến thời hậu chiến, một nước Mỹ tưởng chừng như đi xuống đã trở lại vị thế hàng đầu. Sau đó, vào năm 1957, Liên Xô phóng vệ tinh Sputnik của mình, gây ra làn sóng declinist lần thứ hai. Nhưng ký ức về Thỏa thuận mới vẫn còn đó: Hoa Kỳ đã xây dựng các tổ chức được liên bang hỗ trợ cho nghiên cứu và giáo dục, đưa quốc gia trở thành nước dẫn đầu về công nghệ trong nhiều thập kỷ.

Chủ nghĩa Declinism đã lên ngôi trong một làn sóng dài thứ ba vào những năm 1960 và 1970 đã thử thách niềm tin của Kissinger, Zumwalt và vô số những người khác vào khả năng phục hồi của đất nước. Hoa Kỳ đã trải qua những bất ổn xã hội và những vụ ám sát chính trị; sự sụp đổ của Bretton Woods và sự xuất hiện của lạm phát đình trệ; luận tội Tổng thống Richard Nixon và sự sụp đổ của Sài Gòn - tất cả đều diễn ra trong bối cảnh tiến bộ của Liên Xô. Nhưng cuối cùng ngay cả những phát

triển này cũng mang lại sự điều chỉnh và đổi mới. Bất ổn xã hội thúc đẩy cải cách dân quyền, bản luận tội tái khẳng định pháp quyền, sự sụp đổ của Bretton Woods cuối cùng mang lại sự thống trị của đồng đô la, thất bại ở Việt Nam đã kết thúc the draft và cuộc xâm lược Afghanistan của Liên Xô đã đẩy nhanh sự sụp đổ của nó.

Nghĩa vụ quân sự, thường được gọi là "dự thảo – the draft" là một trong những chủ đề phức tạp nhất liên quan đến Chiến tranh Việt Nam. Đó là cảm xúc đối với nhiều người - những người đã chọn phục vụ khi bị gọi nhập ngũ, những người tìm cách trì hoãn hoặc trốn tránh việc phục vụ, đối với những người từ chối phục vụ và đi tù hoặc rời khỏi đất nước. Mặc dù số liệu thống kê từ các nguồn khác nhau thường mâu thuẫn, nhưng rõ ràng là 'dự thảo' đã hoàn toàn không công bằng đối với các bộ phận dân cư, đặc biệt là trong thời kỳ đầu chiến tranh. Phần lớn những người phục vụ trong Chiến tranh Việt Nam là những người tình nguyện - không phải là quân ủy quyền - mặc dù hồi ức công khai của họ thường cho chúng ta biết điều ngược lại. Phản ứng dữ dội từ những người đàn ông đủ điều kiện tham gia quân dịch là lý do chính được nhiều người viện dẫn tại sao tình cảm của công chúng lại chống lại nỗ lực chiến tranh.

Làn sóng suy thoái thứ tư được đánh dấu bởi sự xói mòn công nghiệp, thâm hụt thương mại và bất bình đẳng gia tăng đã làm chao đảo các nhà lãnh đạo Mỹ trong những năm 1980 và đầu những năm 1990, khiến Thượng nghị sĩ Paul Tsongas của Massachusetts tuyên bố "Chiến tranh Lạnh đã kết thúc, Nhật Bản và Đức đã chiến thắng". Nhưng bất chấp những áp lực đó, Hoa Kỳ đã khai thác thành công cuộc cách mạng công nghệ thông tin. Chưa đầy một thập kỷ sau bình luận của Tsongas, Hoa Kỳ đã được báo trước như một siêu cường vô song.

Hoa Kỳ hiện đang ở trong làn sóng suy tàn thứ năm — một làn sóng bắt đầu từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu vào năm 2008 và tăng tốc qua nhiệm kỳ tổng thống phá vỡ chuẩn mực của Trump, đại dịch COVID-19 và sự tấn công vào Điện Capitol của Hoa Kỳ bởi những kẻ cực đoan. Tất cả những điều này xuất

hiện đồng thời với sự trỗi dậy liên tục của Trung Quốc. Và như cuốn sách này đã chứng minh, Trung Quốc đã có một chiến lược lớn để thay đổi trật tự của Mỹ và xây dựng trật tự của chính mình ở cấp độ khu vực và toàn cầu. Nó hiện đang tìm cách trở thành quốc gia hàng đầu thế giới.

Bất chấp sự nổi tiếng của họ ở Bắc Kinh, những bài tường thuật về sự suy tàn của Mỹ thường không đầy đủ. Những người theo chủ nghĩa Declinist chỉ ra những thế lực - chẳng hạn như bất bình đẳng, phân cực, sai lệch thông tin và phi công nghiệp hóa - là có thật và đáng quan ngại ở Hoa Kỳ, nhưng họ quên những lực lượng tương tự này cũng có bản chất toàn cầu chứ không phải là duy nhất của Hoa Kỳ. Đồng thời, họ bỏ qua những lợi thế của Mỹ so với Trung Quốc - quốc gia có dân số già nhanh, nợ lớn, tăng trưởng chậm lại và một đồng tiền vẫn còn thua xa so với đồng đô la. Ngược lại, Hoa Kỳ vẫn giữ được những lợi thế đáng ghen tị: dân số trẻ, ưu thế về tài chính, tài nguyên dồi dào, biên giới hòa bình, liên minh mạnh mẽ và nền kinh tế đổi mới. Hơn nữa, hầu như không phải ngẫu nhiên mà trong suốt bốn thập kỷ trỗi dậy của Trung Quốc, Hoa Kỳ đã liên tục nắm giữ một phần tư GDP của thế giới.

Những người theo chủ nghĩa Declinist cũng đánh giá thấp sức mạnh của lời kêu gọi từ Hoa Kỳ. Sự cởi mở của Mỹ thu hút các đồng minh duy trì trật tự tự do toàn cầu, những người nhập cư thúc đẩy tăng trưởng của Mỹ và vốn duy trì sự thống trị của đồng đô la. Quyền lực mềm của Hoa Kỳ đến từ xã hội cởi mở. Các cuộc biểu tình sau vụ giết chết George Floyd, mà Trung Quốc coi là một dấu hiệu của sự suy giảm, thay vào đó phản ánh một cuộc đấu tranh công khai nhằm nhận ra các giá trị lập quốc của Hoa Kỳ — các giá trị mà sức hấp dẫn của nó phổ biến đến mức cuộc đấu tranh giành chúng đã thu hút khán giả toàn cầu và những cuộc tuần hành ở nước ngoài đầy cảm hứng. Nhà báo Dele Olojode tại Nam Phi lập luận: “Chính vì nước này giữ mình ở một tiêu chuẩn cao hơn”. “Không ai giữ Trung Quốc theo loại tiêu chuẩn đó.”

Đối với Hoa Kỳ, suy giảm không phải là một điều kiện hơn là một sự lựa chọn. Con đường đi xuống chạy qua hệ thống chính trị phân cực của đất nước. Trong khi đó, con đường thoát khỏi sự suy tàn có thể chạy qua một lĩnh vực hiếm hoi dễ nhận được sự đồng thuận của lưỡng đảng: sự cần thiết của Hoa Kỳ để vượt qua thách thức Trung Quốc.

Như cuốn sách này đã chỉ ra, thử thách này xét trên nhiều khía cạnh không phải là một sự lựa chọn. Quy mô của Trung Quốc và tham vọng ngày càng toàn cầu của nước này là những yếu tố thực tế về địa chính trị và nước này tìm cách đặt ra các điều khoản cho thế kỷ XXI giống như cách Hoa Kỳ đặt ra cho thế kỷ XX. Chương cuối cùng thảo luận về một phản ứng chính sách đối với tham vọng của Trung Quốc, một phản ứng củng cố 'các hình thức kiểm soát' mà trật tự của Mỹ phụ thuộc vào đó đồng thời làm suy yếu những gì mà trật tự Trung Quốc sẽ sớm yêu cầu. Hoa Kỳ có thể và nên tránh cạnh tranh trực tiếp và thay vào đó có thể áp dụng một cách tiếp cận bất đối xứng làm mờ những tiến bộ của Trung Quốc với chi phí thấp hơn so với chi phí mà Trung Quốc bỏ ra để tạo ra chúng. tái đầu tư vào các nguồn của trật tự và quyền lực Mỹ.

Yêu cầu tái đầu tư là đặc biệt cấp bách. Đối mặt với thách thức của Trung Quốc sẽ đòi hỏi các loại tái đầu tư vào khả năng cạnh tranh và đổi mới của Mỹ, vốn cũng rất quan trọng đối với sự đổi mới trong nước và sự thịnh vượng của tầng lớp lao động. Các nhà hoạch định chính sách có thể liên kết hai chương trình nghị sự này, không phải để làm tăng thêm sự lo lắng của người Mỹ mà để làm rõ việc hoàn thành các nhiệm vụ quan trọng nhất trong nước cũng sẽ có tác động lớn ở nước ngoài. Đồng thời, các nhà hoạch định chính sách phải chống lại xu hướng coi thường các đối thủ cạnh tranh của Hoa Kỳ và thay vào đó điều chỉnh phản ứng thúc đẩy sự đổi mới mà không gây ra sợ hãi và thành kiến. Sự xuất hiện của một đối thủ cạnh tranh bên ngoài thường thúc đẩy Hoa Kỳ trở nên tốt hơn. Trong Chiến tranh Lạnh, các chính trị gia Hoa Kỳ đã cố gắng để những khác biệt về chính sách đối ngoại 'ở rìa nước'. Trong thời kỳ bế tắc đảng

phái này, sự đồng thuận trong nước một lần nữa có thể bắt đầu vượt ra ngoài bờ biển của Hoa Kỳ.

Với một chính sách mang tính xây dựng nhằm củng cố sức mạnh của Mỹ ở trong nước và làm cho nước này cạnh tranh hơn ở nước ngoài, các nhà lãnh đạo Mỹ có thể bắt đầu đảo ngược sự suy giảm của Mỹ. Nhưng họ không thể dừng lại ở đó. Họ cũng phải tìm ra những cách thức khẳng định để xây dựng lại tình đoàn kết và bản sắc công dân làm cho nền dân chủ hoạt động. Một nỗ lực nhằm nhấn mạnh chủ nghĩa dân tộc tự do chung, hay điều mà nhà sử học Jill Lepore gọi là 'Chủ nghĩa Mỹ mới', đã là một phần của văn hóa công dân Mỹ và có thể sẽ trở lại.

Là ứng viên tổng thống cách đây 60 năm, khi người Mỹ vẫn còn quay cuồng với cú sốc Sputnik, John F. Kennedy đã phát biểu trước một khán phòng ở thành phố Canton, Ohio. Đất nước phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, và Kennedy đã liệt kê chúng: lương thấp, chi phí nhà ở cao, nguy cơ xung đột ngày càng tăng, ngành công nghiệp thu hẹp dần và sự trỗi dậy của một đối thủ mới xuất hiện trong khi Hoa Kỳ đứng yên. Kennedy nói: "Điều chúng ta phải vượt qua là cảm giác của thế giới, thời của Hoa Kỳ đã qua, có thể những ngày tươi sáng nhất của chúng ta đã tàn, và bây giờ chúng ta đang bước vào buổi chiều dài chậm rãi… Tôi hoàn toàn không giữ quan điểm đó, và người dân đất nước này cũng vậy."

Gấu trúc: tượng trưng cho Trung Quốc.